ĐỒNG CHÍ
VÕ CHÍ CÔNG

NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG, NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung:	VŨ HỒNG THẤM
	HOÀNG MẠNH THẮNG
	NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
	LÊ MINH HOÀI
	VŨ QUANG HUY
	NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa:	ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ HẰNG
Đọc sách mẫu:	THẤM - THẮNG - HOÀI-HUY - THU

ĐỒNG CHÍ

VÕ CHÍ CÔNG

**NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG,
NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC**

ĐỒNG CHÍ
VÕ CHÍ CÔNG

NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG, NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2012

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN TẬP - XUẤT BẢN

VŨ NGỌC HOÀNG	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN THẾ KỶ	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN DUY HÙNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGÔ VĂN HÙNG	Ủy viên
VŨ TRỌNG LÂM	Ủy viên
NGUYỄN AN TIÊM	Ủy viên
NGUYỄN VĂN TRỌNG	Ủy viên thư ký

TỔ CHỨC BẢN THẢO

NGUYỄN DUY HÙNG
NGUYỄN VĂN TRỌNG
VŨ HỒNG THẤM
HOÀNG MẠNH THẮNG
LÊ MINH HOÀI
VŨ QUANG HUY
LÊ NĂNG ĐÔNG



Đồng chí Võ Chí Công
(1912 - 2011)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG

HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG

Đồng chí Võ Chí Công tức Võ Toàn
Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
Chủ tịch Hội đồng Nhà nước
Đã có công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng
của Đảng và của dân tộc.

Nghị quyết số 893 KT/HĐNN ngày 27 tháng 5 năm 1992
VÀO SỔ VÀNG SỐ 01

Hà nội, ngày 27 tháng 5 năm 1992
HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Thừa - CHỦ TỊCH
Lê Quang Đạo

Huân chương Sao vàng do Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa
xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng đồng chí Võ Chí Công, năm 1992



Đồng chí Võ Chí Công được Đảng, Nhà nước, Chính phủ
trao tặng Huân chương Sao vàng, năm 1992

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 7-8-2012, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta long trọng kỷ niệm 100 năm ngày sinh Đồng chí Võ Chí Công, người chiến sĩ cách mạng kiên cường, tận tụy, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con trung hiếu của miền Trung cách mạng, hết lòng vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước, kế tục truyền thống cách mạng quật cường của quê hương xứ Quảng với các chí sĩ nổi tiếng như Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... tháng 5 - 1930, đồng chí Võ Chí Công bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) năm 1935. Hơn 80 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Võ Chí Công đã có những đóng góp lớn lao cho Đảng, cho đất nước.

Trong những năm tháng khốc liệt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đồng chí Võ Chí Công được rèn luyện trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng, đương đầu với mọi thử thách, kể cả trong tù đày, lúc lâm nguy khi cơ sở cách mạng bị phá vỡ, đồng chí vẫn một lòng trung kiên, không sợ hy sinh, sáng suốt cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đưa con thuyền cách mạng vượt qua thác ghềnh, giành thắng lợi vẻ vang.

Sự nghiệp cách mạng của đồng chí trong những năm tháng chiến tranh, gắn liền với chiến trường Khu 5, một chiến trường cực kỳ gian khổ và ác liệt. Từ cương vị Bí thư chi bộ ở cơ sở, đến

lúc là Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Khu 5, đồng chí vẫn bám dân, bám đất, lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa bàn. Hình ảnh anh Năm Công giản dị, ít nói, chân tình nhưng tài trí và quyết đoán còn ghi đậm trong tâm trí của bao đồng chí, đồng bào Khu 5. Những mốc son trên con đường hoạt động cách mạng của đồng chí đã được ghi vào lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng và lịch sử kháng chiến oai hùng của nhân dân Nam Trung Bộ.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, trên các cương vị là Phó Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Ban Bí thư rồi Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Võ Chí Công tiếp tục có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời kỳ đầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, những thành công bước đầu trên mặt trận nông nghiệp, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, sửa đổi Hiến pháp... đều ghi dấu những đóng góp của đồng chí Võ Chí Công.

Thực hiện Thông báo kết luận của Ban Bí thư số 94 - TB/TW ngày 30-5-2012 về tổ chức 100 năm ngày sinh đồng chí Võ Chí Công (7-8-1912 – 7-8-2012), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Đồng chí Võ Chí Công - người chiến sĩ cách mạng kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc.***

Cuốn sách gồm nhiều bài viết ghi lại những dấu ấn, những đánh giá, những kỷ niệm của bạn bè, đồng chí, người thân... về đồng chí Võ Chí Công trong suốt chặng đường dài hoạt động cách mạng từ khi đồng chí còn ở địa phương cho tới khi qua đời.

Đây là dịp chúng ta ôn lại chặng đường lịch sử mà dân tộc đã đi qua, tỏ lòng biết ơn tới những người có những đóng góp lớn lao cho dân tộc.

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của đồng chí Võ Chí Công, ôn lại chặng đường lịch sử mà dân tộc đã đi qua, chúng ta rèn thêm chí khí, hạ quyết tâm bảo vệ và xây dựng thành công đất nước Việt Nam giàu, mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2012

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

TÓM TẮT TIỂU SỬ ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG, NGUYÊN ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, NGUYÊN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, NGUYÊN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC, NGUYÊN CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*

Đồng chí **Võ Chí Công** (tên khai sinh: **Võ Toàn**) sinh ngày 7-8-1912 tại xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam). Tham gia hoạt động cách mạng năm 1930, vào Đảng tháng 5-1935.

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG:

Đồng chí sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước, sớm giác ngộ cách mạng và hoạt động phong trào thanh niên ở cơ sở từ năm 1930 - 1931; tháng 5-1935, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Năm 1936, đồng chí làm Bí thư Chi bộ ghép (một số xã

---

* Báo *Nhân dân,* ngày 9-9-2011.

thuộc huyện Tam Kỳ). Năm 1939, làm Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Năm 1940, làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Năm 1941, đồng chí được phân công phụ trách các tỉnh từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến Phú Yên. Năm 1942, đồng chí được phân công vào gây dựng cơ sở tại các tỉnh Cực Nam Trung Bộ.

Năm 1943, đồng chí bị địch bắt, kết án tù chung thân, sau đó giảm xuống 25 năm tù giam ở nhà lao Hội An, sau đày đi nhà tù Buôn Ma Thuột.

Tháng 3-1945, đồng chí ra tù về Quảng Nam làm Trưởng ban khởi nghĩa tỉnh, chỉ huy cướp chính quyền ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

Sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, đồng chí làm Trưởng Ty Tư pháp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Chính trị viên Trung đoàn 93.

Năm 1946, làm Phó Ban Tổ chức cán bộ và làm Thanh tra Quân khu 5. Năm 1951, làm Bí thư Ban Cán sự Đông - Bắc Miên, Khu ủy viên Khu 5.

Năm 1952, làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng. Năm 1954, làm Đoàn ủy viên cải cách ruộng đất ở Khu Việt Bắc.

Năm 1955, làm Phó Bí thư Khu ủy 5.

Tháng 9-1960, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy 5.

Năm 1961, làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

Năm 1962, làm Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban

Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Năm 1964, làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, phụ trách Bí thư Khu ủy 5, Chính ủy Quân khu 5.

Năm 1975, sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, đồng chí là Phó ban đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam, phụ trách Khu 5.

Năm 1976, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VI, được cử giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ, kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản.

Tháng 12-1976, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị. Năm 1978, đồng chí làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Trưởng Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam.

Tháng 4-1981, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VII và được cử giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tháng 3-1982, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, phân công làm Thường trực Ban Bí thư. Tháng 6-1986, đồng chí được phân công giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tháng 12-1986, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị và được cử tham gia Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Tháng 4-1987, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VIII và được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Đồng chí là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (tháng 6-1991) và khóa VIII (tháng 6-1996). Đồng chí là đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII.

Do công lao và thành tích hoạt động cách mạng, đồng chí được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng và nhiều huân, huy chương cao quý khác, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng.

THÔNG CÁO ĐẶC BIỆT*

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vô cùng thương tiếc báo tin:

Đồng chí **Võ Chí Công** (tên khai sinh: Võ Toàn), sinh ngày 7-8-1912, quê quán xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là tỉnh Quảng Nam); thường trú tại số nhà 76/14 đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; đồng chí tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1930; vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5-1935 (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam); nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, nguyên Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII.

Sau một thời gian lâm bệnh nặng, mặc dù được Đảng, Nhà nước, tập thể các giáo sư, bác sĩ tận tình cứu chữa, gia đình hết lòng chăm sóc, nhưng do tuổi cao, bệnh nặng,

---

* Báo *Nhân dân,* ngày 9-9-2011.

đồng chí đã từ trần hồi 7 giờ 17 phút ngày 8-9-2011 (tức ngày 11-8 năm Tân Mão) tại Bệnh viện Thống Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.

Hơn 80 năm hoạt động cách mạng, đồng chí đã có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Đồng chí đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

Đồng chí mất đi là một tổn thất đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Để tỏ lòng tưởng nhớ đồng chí Võ Chí Công, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định tổ chức tang lễ đồng chí Võ Chí Công theo nghi thức Quốc tang.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM.

LỜI ĐIẾU
DO ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG, TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, TRƯỞNG BAN LỄ TANG ĐỌC TẠI LỄ TRUY ĐIỆU ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG, NGÀY 12-9-2011*

Thưa đồng bào, đồng chí và các bạn,
Thưa gia quyến đồng chí Võ Chí Công,

Đồng chí Võ Chí Công, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị; nguyên Thường trực Ban Bí thư; nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước; nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII; nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta; người chiến sĩ cách mạng kiên cường, suốt đời phấn đấu cho độc lập, tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân và vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đã vĩnh biệt chúng ta. Đồng chí mất đi, là một tổn thất lớn đối với Đảng, Nhà nước, nhân dân ta và gia quyến đồng chí.

Hôm nay, trong niềm xúc động và tiếc thương vô hạn, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,

---

* Báo *Nhân dân,* ngày 13-9-2011.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng đồng chí, đồng bào và gia đình tổ chức trọng thể Lễ truy điệu và tiễn đưa đồng chí về nơi an nghỉ cuối cùng.

Thưa đồng bào, đồng chí và các bạn,

Đồng chí Võ Chí Công, tên khai sinh là Võ Toàn, sinh ngày 7-8-1912, tại xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam). Được thừa hưởng truyền thống yêu nước của quê hương và gia đình, đồng chí đã sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1930, đồng chí tham gia phong trào thanh niên cơ sở; tháng 5-1935, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Cuộc đời của đồng chí Võ Chí Công gắn liền với quá trình cách mạng và những sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng của Đảng và nhân dân ta. Đồng chí tham gia tổ chức cách mạng bí mật tại quê hương Tam Kỳ, Quảng Nam đầu những năm 1930; lăn lộn, bám dân, bám địa bàn, gây dựng cơ sở cách mạng tại các tỉnh miền Trung đầu những năm 1940; trải qua những năm tháng bị đày ải và tra tấn trong lao tù của thực dân Pháp ở Hội An và Buôn Ma Thuột trước Tổng khởi nghĩa; tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền tại Quảng Nam - Đà Nẵng tháng Tám năm 1945; những năm gian khổ, hào hùng kháng chiến chống thực dân Pháp 1946-1954; lãnh đạo, chỉ huy

cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở chiến trường Khu 5 ác liệt với các trận thắng lịch sử; lãnh đạo quân và dân Khu 5 sát cánh cùng các cánh quân chủ lực giải phóng Tây Nguyên, Đà Nẵng, các tỉnh duyên hải miền Trung, làm thay đổi cục diện chiến trường, tạo đà thắng lợi cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhớ lại những tháng ngày gian khổ và oanh liệt đó, đồng bào, cán bộ, chiến sĩ ở miền Nam, nhất là ở Khu 5 còn ghi nhớ mãi hình ảnh anh Năm Công luôn có mặt ở những địa bàn trọng yếu, ác liệt nhất của chiến trường; bám sát thực tiễn, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm, đường lối chiến tranh nhân dân, cùng tập thể Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Khu 5 trực tiếp chỉ đạo việc đoàn kết, tập hợp, động viên mọi lực lượng trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, lãnh đạo quân và dân miền Nam vượt qua muôn vàn hy sinh, gian khổ, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Sau ngày đất nước thống nhất, trên cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí luôn trăn trở về con đường đi lên của cách mạng; sớm thể hiện sự tìm tòi đổi mới tư duy về kinh tế, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp; trân trọng, ủng hộ những sáng kiến của cán bộ, nhân dân và các địa phương; cùng tập thể

Trung ương lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá thế bị bao vây, cấm vận; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí luôn thể hiện phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, trung thành tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, làm hết sức mình để giữ gìn, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân; luôn gần gũi, quý trọng nhân dân; sống giản dị, khiêm tốn, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết; được đồng chí, đồng bào quý mến, tin cậy; được bạn bè quốc tế trân trọng.

Trong gia đình, đồng chí là người chồng, người cha, người ông mẫu mực, nghiêm khắc nhưng rất đỗi nhân từ và độ lượng.

100 tuổi đời, 76 tuổi Đảng, đồng chí Võ Chí Công đã phấn đấu trọn đời mình và có những cống hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Đảng, Nhà nước ta và các nước anh em đã trao tặng đồng chí nhiều phần thưởng cao quý, trong đó có: Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác. Cuộc đời đồng chí là tấm gương sáng để cán bộ, đảng viên và đồng bào, chiến sĩ cả nước trân trọng, biết ơn và noi theo.

Thưa Đồng chí Võ Chí Công - Anh Năm Công kính mến !

Trong niềm tiếc thương vô hạn, hôm nay, chúng tôi có mặt tại đây tiễn đưa Anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Vĩnh biệt Đồng chí, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nguyện đoàn kết một lòng, ra sức phấn đấu tiếp tục đi theo con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Xin trân trọng gửi tới gia quyến đồng chí Võ Chí Công lời chia buồn sâu sắc trước nỗi đau mất mát không gì có thể bù đắp được !

Xin kính cẩn nghiêng mình tiếc thương, vĩnh biệt Đồng chí Võ Chí Công - Anh Năm Công vô cùng kính mến !

NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG TÀI TRÍ, KIÊN CƯỜNG

ĐỖ MƯỜI *

Cả cuộc đời hoạt động của đồng chí Võ Chí Công là một tấm gương sáng chói về ý chí chiến đấu cách mạng kiên cường, bất khuất; về đức độ và phẩm chất trong sáng của một người đảng viên cộng sản. Trong lớp các đồng chí thuộc thế hệ cách mạng thứ hai (sau khi Đảng ra đời), đồng chí Võ Chí Công là hiện thân của một thế hệ cách mạng tài trí, kiên cường chiến đấu và trưởng thành từ cơ sở.

Sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, đồng chí Võ Chí Công lại được thừa hưởng truyền thống cách mạng của quê hương và tinh thần bất khuất, kiên cường của nhân dân miền Trung anh dũng. Bởi thế, đồng chí đã sớm trở thành một thanh niên yêu nước, giàu nhiệt huyết cách mạng. Năm 1935, khi mới hơn 20 tuổi, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và chỉ ít lâu sau,

* Nguyên Tổng Bí thư, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

đồng chí trở thành người lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Đảng ở phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trong suốt những năm hoạt động cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa, đồng chí liên tục bám dân, trực tiếp lãnh đạo các cấp bộ đảng địa phương, xây dựng và phát triển lực lượng quần chúng rộng khắp. Nhờ đó, hàng loạt cơ sở cách mạng và các tổ chức, đoàn thể yêu nước ra đời, tập hợp được đông đảo lực lượng nhân dân tham gia, tạo nên những phong trào cách mạng sôi nổi trong thời kỳ Mặt trận dân chủ trên địa bàn các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi và nhiều tỉnh khác ở miền Trung.

Từ năm 1940, đồng chí trực tiếp đảm nhận cương vị Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng, một địa bàn địch thường xuyên khủng bố, đánh phá ác liệt, nhưng với tinh thần không quản hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, đồng chí thường xuyên đi sâu, đi sát cơ sở, kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng. Gần cuối năm 1943, đồng chí bị mật thám Pháp bắt và đưa đi đày tại Buôn Ma Thuột với mức án 25 năm cấm cố. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 9-3-1945), đồng chí được trả tự do trở về quê nhà và tham gia Ủy ban khởi nghĩa, lãnh đạo nhân dân giành chính quyền nhanh gọn ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Võ Chí Công được phân công đảm trách nhiệm vụ mới, là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của Liên khu ủy 5, lãnh đạo nhân dân Liên khu 5 kháng chiến chống Pháp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và Quân khu 5, nhân dân

các tỉnh duyên hải miền Trung đã kiên cường chiến đấu, chia lửa với chiến trường chính Điện Biên Phủ, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Liên khu 5 bao gồm cả Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là chiến trường khốc liệt nhất: lực lượng quân Mỹ và chư hầu có lúc tập trung trên chiến trường này lên tới 22 vạn binh lính và sĩ quan, cùng với 17 vạn ngụy quân và hàng vạn cảnh sát, dân vệ có vũ trang. Chúng tập trung đánh phá, càn quét, không từ một thủ đoạn dã man nào để xóa sổ các căn cứ cách mạng, lập ra "vành đai trắng" hòng ngăn cản sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

Trên cương vị Bí thư Khu ủy 5 kiêm Chính ủy Quân khu 5, đồng chí Võ Chí Công đã bám trụ kiên cường, tổ chức chỉ đạo quân và dân Khu 5 chiến đấu không lùi bước. Trong những ngày đen tối của cách mạng miền Nam, Trung ương Đảng đã nhận được những ý kiến nhận định, đánh giá sát thực về tình hình cách mạng miền Nam của đồng chí Võ Chí Công. Trên cơ sở ý kiến của đồng chí, cùng với bản *Đề cương Cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xây dựng nên Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) lịch sử, tạo ra phong trào "đồng khởi", mở đầu thời kỳ đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù ở miền Nam.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu 5, trực tiếp là đồng chí Võ Chí Công, địa bàn Khu 5 luôn đi đầu trong phong trào thi đua diệt Mỹ, góp phần tạo thế đứng quan trọng của ta trên chiến trường miền Nam. Trong cuộc đối đầu ác liệt giữa quân và dân các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên "Trung dũng kiên cường" với gần bốn chục vạn quân Mỹ, ngụy, chúng ta đã làm thất bại mọi mưu đồ chiến lược của quân viễn chinh Hoa Kỳ, cho đến khi chúng phải chấp nhận ký Hiệp định Pari (năm 1973), rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam. Trong chiến thắng của quân và dân ta trên mặt trận Buôn Ma Thuột, Tây Nguyên và Quảng Trị, đồng chí đã nhanh chóng đề xuất với Trung ương cần giải phóng nhanh Đà Nẵng tạo tiền đề cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào mùa Xuân 1975.

Sau ngày đất nước thống nhất, tôi và đồng chí Võ Chí Công có dịp cùng làm việc với nhau tại Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Đồng chí Võ Chí Công được Đảng và Nhà nước phân công giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách khối nông nghiệp - lâm nghiệp - hải sản. Trong công tác chỉ đạo, điều hành công việc hàng ngày, chúng tôi thường phối hợp và trao đổi với nhau chặt chẽ.

Nhớ nhất là những ngày sau giải phóng miền Nam năm 1975, tình hình lương thực, vật tư và hàng tiêu dùng của cả nước hết sức khó khăn. Thêm vào đó là tình trạng ngăn sông, cấm chợ diễn ra khắp nơi càng làm cho lưu thông hàng hóa thêm ách tắc. Đồng chí Võ Chí Công tính tình sôi nổi hay tranh luận và làm việc hết sức mình.

Đồng chí luôn đi sâu, đi sát cơ sở, đồng chí đã xuống nhiều địa phương, như Vĩnh Phúc, Hà Nam Ninh[1]... để tìm hiểu thực tiễn khó khăn, những vấn đề về cơ chế "trói buộc" nông dân, từ đó có những kiến nghị với Trung ương, từng bước tháo gỡ tạo đà cho việc hình thành tư tưởng "khoán" trong nông nghiệp, mở đầu cho thời kỳ đổi mới diệu kỳ của đất nước. Với những cống hiến quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VIII, đồng chí Võ Chí Công được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Là người lãnh đạo cơ quan quyền lực cao nhất, đồng chí Võ Chí Công cùng với tập thể lãnh đạo hoạt động tích cực, hiệu quả trên lĩnh vực lập hiến và lập pháp, nhằm bổ sung, hoàn thiện hệ thống Hiến pháp và luật pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới của nhân dân ta thắng lợi. Trên cương vị Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, đồng chí đã cùng các đồng sự hoàn thành việc sửa đổi Hiến pháp 1980, thành Hiến pháp mới - 1992, Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên hội nhập và phát triển.

Nhìn lại chặng đường 80 năm hoạt động cách mạng gian khổ nhưng vô cùng vẻ vang của đồng chí Võ Chí Công, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta rất tự hào, vì đã đào tạo giáo dục bồi dưỡng được một người - đồng chí kiên

---

1. Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình *(BT)*.

trung cách mạng, một đảng viên có nghị lực và bản lĩnh phi thường của người cộng sản. Đồng chí Võ Chí Công là một tấm gương sáng về đạo đức với các phẩm chất: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, là một trong những người học trò tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là người lãnh đạo được nhân dân quý trọng, yêu mến.

MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG, ĐỨC ĐỘ

NGUYỄN MINH TRIẾT *

Trải qua 80 năm hoạt động liên tục, đối với chúng ta, đồng chí Võ Chí Công thuộc lớp chiến sĩ chiến đấu trong đội ngũ cận vệ cách mạng hàng đầu.

Ngay trong lứa tuổi thiếu thời, tiếp thu truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân, đi theo tiếng gọi thiêng liêng của con "*Đường kách mệnh*" do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vạch ra, đồng chí Võ Chí Công đã hăng hái tham gia vào các cuộc vận động sâu rộng của phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong những tháng năm trước khi chính Đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam ra đời. Đi suốt đoạn đường trường chinh của đất nước, trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, đồng chí đã từng có mặt ở nhiều địa phương - từ Liên khu 5, Tây Nguyên đến vùng Đông Bắc Campuchia trong giai

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

đoạn kháng chiến chống Pháp; từ chiến trường B1 đến chiến trường B2 và B3 trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước[1].

Ý thức trách nhiệm cao trong công việc, tình thương sâu sắc đối với đồng chí và đồng bào, nếp sinh hoạt giản dị và cần kiệm của đồng chí Võ Chí Công qua bao năm tháng sống giữa chiến khu, cũng như trong một thời gian dài đảm nhiệm những cương vị công tác khác nhau lúc thời bình, đồng chí đã để lại những ấn tượng đẹp trong ký ức của đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào.

Tôi được biết đồng chí Võ Chí Công sau khi Trung ương Cục được thành lập tại chiến khu Mã Đà, rồi sau đó di chuyển về chiến khu Bắc Tây Ninh. Anh em chúng tôi quen gọi đồng chí bằng cái tên thân mật là *chú Năm, chú Năm Công*. Hồi đó, đồng chí Võ Chí Công là một trong hai Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam nổi tiếng sắc sảo, và là một trong sáu vị Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam có uy tín.

Đối với lứa tuổi thanh xuân của chúng tôi - những sinh viên giàu nhiệt huyết rời giảng đường trường đại học, từ giã thành phố Sài Gòn vào chiến khu tham gia kháng chiến, hình ảnh các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Trung ương Cục thuở ấy đã chinh phục niềm tin và lòng mến mộ

---

1. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước để thuận tiện cho việc lãnh đạo và chỉ đạo, chiến trường miền Nam được chia làm bốn khu vực mang mật danh B1, B2, B3 và B4. B1 thường gọi là Khu 5, bao gồm các tỉnh ven biển miền Trung, B2 gồm Nam Bộ, Cực Nam Trung Bộ, B3 là vùng Tây Nguyên gồm các tỉnh Gia Lai, Kom Tum, Đắk Lắk. B4 gồm hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

của chúng tôi như những mẫu người thần tượng. Cho dù hơn 40 năm trôi qua, nay mỗi lần hồi tưởng lại, tôi vẫn thấy lòng xao xuyến bồi hồi.

Tôi gặp đồng chí Bí thư Trung ương Cục Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) trong mùa khô năm 1964 và vinh hạnh được đồng chí cho dự một cuộc tiếp khách quốc tế không thể nào quên ở chiến khu Bắc Tây Ninh - tiếp nhà báo lão thành có uy tín lớn trên thế giới Wilfred Burchett. Còn đồng chí Phó Bí thư Trung ương Cục Phan Văn Đáng (Hai Văn), tôi đã từng có dịp được tiếp cận trong Đại hội lần thứ I Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng Việt Nam và qua một số lần đồng chí đến thăm và làm việc với Ban Chấp hành Trung ương Đoàn.

Riêng đồng chí Võ Chí Công, Phó Bí thư Trung ương Cục, được phân công phụ trách khối Dân vận - Mặt trận, trong đó có Đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng chúng tôi. Hơn nữa, đồng chí còn đặc trách việc chỉ đạo toàn miền thực hiện việc chống phá ấp chiến lược, chống chính sách bình định của địch. Vì vậy, nên tuy chưa được tiếp cận nhiều với đồng chí Năm Công, song chúng tôi vẫn có cơ sở để biết khá rõ về đồng chí.

Với trọng trách là người đại diện của Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam bên cạnh Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, và là Phó Chủ tịch Ủy ban, trong những tháng năm hoạt động trên chiến trường B2, đồng chí Võ Chí Công thường làm việc bên căn cứ Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng, nằm bên vùng cận biên của tuyến biên giới

Việt Nam - Campuchia, nay thuộc xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Nhà đồng chí Võ Chí Công được bố trí ở gần nhà đồng chí lãnh đạo hàng đầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam như: luật sư Nguyễn Hữu Thọ, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, bác sĩ Phùng Văn Cung... Nơi đây có những con suối nổi tiếng như Suối Mây, Suối Chò... quanh năm ẩn mình trong thảm thực vật xanh tươi. Hình ảnh căn cứ địa kháng chiến của cơ quan lãnh đạo đầu não cách mạng miền Nam và cảnh quan thiên nhiên kỳ thú của rừng ẩm nhiệt đới miền Đông Nam Bộ, đã từng được giới thiệu trên khắp các châu lục qua sách báo, tài liệu và phim ảnh của nhiều ký giả quốc tế nổi tiếng như Wilfred Burchett, Madelaine Rifeaud...

Là một cán bộ lãnh đạo xuất thân trong những phong trào hành động cách mạng của quần chúng ở cơ sở, được trải nghiệm qua các giai đoạn lịch sử thăng trầm, được tôi luyện, thử thách và trưởng thành từ nhiều lĩnh vực hoạt động đa dạng, nên đồng chí Võ Chí Công đã tích lũy được nguồn kiến thức phong phú về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế và văn hoá - xã hội. Chúng ta có thể nhận thấy điều này xuyên qua các thời kỳ công tác của đồng chí tại Liên khu 5, ở vùng Đông Bắc Campuchia, ở Tây Nguyên, trên chiến trường Nam Bộ, cũng như trong nhiều địa hạt hoạt động quan trọng sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất.

Đọc quyển hồi ký của đồng chí Võ Chí Công miêu tả một cách chân thật và sinh động cuộc đời mình "*Trên những chặng đường cách mạng*", tôi rất thích thú. Tôi đã suy ngẫm và rút ra ở trong đó nhiều điều bổ ích. Điều khiến tôi tâm đắc nhất là, do lòng trung thành vô hạn với Đảng và tin tưởng tuyệt đối vào tương lai, tiền đồ của đất nước, do sự kiên trì cố gắng phấn đấu học tập và rèn luyện theo tấm gương đạo đức Bác Hồ, nên đồng chí có được bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, có thể định hướng đúng đắn về tư tưởng trước những biến cố xảy ra trong những khúc quanh của lịch sử.

Thực tế đã xác minh rằng, sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về việc đình chỉ chiến sự ở Đông Dương được ký kết, đồng chí đã tiên đoán đúng những âm mưu, quỷ kế của kẻ thù dân tộc, mưu toan xóa bỏ những thành quả cách mạng vĩ đại của nước ta trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Bằng sự trải nghiệm của mình qua thực tiễn đấu tranh, đồng chí Võ Chí Công không đồng tình việc áp dụng một cách máy móc cách làm của chủ nghĩa giáo điều để thực hiện "cải cách ruộng đất" và tiến hành "công tác chỉnh đốn tổ chức" ở miền Nam trong thời kỳ kháng chiến. Đồng chí cũng không nhận thức mơ hồ và thỏa hiệp với những quan điểm cơ hội hữu khuynh của một số đảng anh em trước đây, muốn thủ tiêu vai trò của bạo lực cách mạng và đấu tranh vũ trang trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đồng chí đã có những cống hiến rất đáng được trân trọng trong việc tổ chức thực

hiện sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nông thôn, xây dựng cơ sở tiền đề để góp phần tạo nên bước bứt phá ngoạn mục trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở nước ta, v.v..

Có lẽ, một trong những dấu ấn sâu đậm nhất của đồng chí Võ Chí Công để lại chiến trường B2 trong những tháng năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là đã góp phần cùng với các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục tiến hành chỉ đạo sát sao, nhanh chóng và có hiệu quả việc đẩy mạnh công tác diệt ác phá kìm, chống các cuộc hành quân càn quét để dồn dân, lập ấp của địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược.

Chúng ta đều biết, suốt trong 3 năm 1960 - 1962, cuộc đấu tranh chống càn quét và phá ấp chiến lược của nhân dân miền Nam diễn ra cực kỳ quyết liệt. Mỹ coi việc lập "ấp chiến lược" là "quốc sách", là "xương sống" của chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Do vậy, một mặt, chúng ra sức dồn dân vào ấp chiến lược trên quy mô lớn để đưa hàng chục triệu nông dân vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân theo kiểu chiến thuật "tát nước, bắt cá". Mặt khác, chúng tung quân chủ lực ra sức mở những cuộc càn quét loại trừ bộ đội và du kích ta, làm chỗ dựa cho việc thực hiện chính sách dồn dân lập ấp. Vì thế, mục tiêu chủ yếu là mũi nhọn đấu tranh của chúng ta trong việc làm thất bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" là ra sức phá ấp chiến lược và bẻ gãy các cuộc càn quét, kiên quyết đẩy lùi và đánh bại chính sách bình

định, giành dân của địch, không cho chúng thực hiện âm mưu "phân tuyến, phân vùng".

Để nghiên cứu và tổng kết tình hình từ thực tiễn chiến đấu của chiến trường trong thời gian này, đồng chí Võ Chí Công đã từng tiến hành những chuyến đi khảo sát nhiều địa phương thuộc khu vực miền Đông và miền Trung Nam Bộ. Trên đường đi công tác, không ít lần, đồng chí đã lọt vào vòng vây các cuộc hành quân càn quét của địch. Chính nhờ những chuyến đi khảo sát này về việc sử dụng sức mạnh tổng hợp của nhân dân để thực hiện phương thức đấu tranh kết hợp "hai chân, ba mũi, ba vùng", đồng chí đã kịp thời phổ biến kinh nghiệm cho các ban chỉ đạo chống phá ấp chiến lược ở các tỉnh, huyện trên chiến trường B2. Giờ đây, nhớ lại cuộc Hội nghị chuyên đề về phá ấp chiến lược đã được tổ chức rất thành công tại chiến khu Bắc Tây Ninh hơn 40 năm về trước, tôi càng thêm trân trọng và quý mến chú Năm Công.

Nói đến đồng chí Võ Chí Công - chú Năm Công, trước hết là nói đến Liên khu 5 trong thời kỳ chín năm kháng chiến chống Pháp, nói đến chiến trường B1 trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Công lao của đồng chí Năm Công gắn liền với những chiến công tập thể bất diệt của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 5, của quân - dân Khu 5, của đồng chí và đồng bào quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng trong hai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ của dân tộc, được thể hiện nổi bật trên khắp các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội.

Viết về tính năng động sáng tạo và tư tưởng đổi mới của đồng chí Võ Chí Công, sẽ là một thiếu sót nếu như chúng ta không nhắc đến việc đóng góp rất có ý nghĩa đáng được trân trọng của đồng chí trong sự đổi mới hoạt động của Cơ quan quyền lực nhà nước tối cao. Tôi viết những dòng này khiến lòng gợi nhớ cách đây hơn 20 năm, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII, đồng chí Võ Chí Công được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nhiệm kỳ 1987 - 1992. Trong 5 năm thực hiện trọng trách của mình, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng cho sự đổi mới hoạt động của Hội đồng Nhà nước và của cơ quan quyền lực nhà nước tối cao trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong việc lập hiến và lập pháp.

Với cương vị Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đồng chí đã hoàn thành tốt đẹp việc sửa đổi toàn diện Hiến pháp năm 1980 thành Hiến pháp mới - Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp của thời kỳ đổi mới đất nước.

Trước khi kết thúc thiên hồi ký cách mạng dài hơn 390 trang của mình, đồng chí Võ Chí Công đã gửi đến đồng chí và đồng bào những lời tâm huyết thiết tha. Đồng chí viết: "Từ khi tôi tham gia các hoạt động yêu nước, chống Pháp đến nay cũng đã hơn 70 năm... Tôi muốn dành những trang cuối của tập hồi ký này để suy ngẫm về quá trình hoạt động cách mạng của mình, qua đó có một vài lời nhắn nhủ với thế hệ hôm nay và mai sau...

... Người chiến sĩ cộng sản phải luôn luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phải có tinh thần "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải luôn luôn đặt lợi ích cách mạng lên trên hết, trước hết như Bác Hồ đã dạy. Có như vậy mới được nhân dân tin yêu, kính trọng. Trong giai đoạn cách mạng mới, tuy còn gặp nhiều khó khăn, thử thách, nhưng vững bước trên con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy những truyền thống tốt đẹp được hình thành trong lịch sử lâu dài của dân tộc, nhân dân ta nhất định sẽ đi tới ấm no, hạnh phúc"[1].

Hiện nay, Đảng ta đang phát động sâu rộng cuộc vận động trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nhằm *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ*. Càng nghiền ngẫm những lời nhắn nhủ dặn dò đầy tâm huyết của đồng chí Võ Chí Công - chú Năm Công, chúng ta thấy càng thêm thấm thía. Đối với chúng ta, đó là lời dạy tha thiết của một vị "bạch đầu quân" chiến đấu trong đội cận vệ cách mạng hàng đầu của Đảng, gửi thế hệ hôm nay, thế hệ mai sau và cho muôn đời con cháu.

---

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.389, 391, 392.

VÕ CHÍ CÔNG - NGƯỜI LÃNH ĐẠO ĐỨC ĐỘ, NHÀ HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN PHONG PHÚ

VÕ VĂN KIỆT*

Cách đây 46 năm, những cơn bão táp mạnh mẽ của phong trào nổi dậy - *đồng khởi* của đồng bào miền Nam đã đập tan từng mảng chế độ kìm kẹp đẫm máu ở xã, ấp của chính quyền tay sai Mỹ đánh dấu một bước ngoặt chuyển sang giai đoạn mới. Để cho việc lãnh đạo và chỉ đạo thích ứng với sự chuyển biến của tình hình, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam, giải thể Xứ ủy Nam bộ.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Trung ương Cục đã ra đời tại chiến khu Mã Đà (miền Đông Nam Bộ) vào tháng 10-1961, với 10 thành viên. Cơ quan lãnh đạo đầu não trong Ban Thường vụ buổi đầu gồm có 5 người: Bí thư - đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc). Hai Phó Bí thư - Võ Chí Công (Võ Toàn, Năm Công) và Phan Văn Đáng (Hai Văn).

---

* Nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hai ủy viên Ban Thường vụ - Trần Lương (Trần Nam Trung, Hai Hậu) và Phạm Văn Xô (Hai Xô).

Tôi được tiếp xúc và làm việc với đồng chí Võ Chí Công từ những ngày đầu thành lập Trung ương Cục. Ở Mã Đà và chiến khu Bắc Tây Ninh, chúng tôi quen gọi: *anh Năm, anh Năm Công*. Hồi đó, anh được phân công phụ trách nhiều lĩnh vực công tác quan trọng như: dân vận, mặt trận, kinh tế, tài chính, phá ấp chiến lược và chống bình định của địch. Tôi còn nhớ, sau Đại hội lần thứ nhất của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam vào mùa Xuân năm 1962, anh Năm Công được bầu làm Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, anh còn là đại diện của Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam bên cạnh Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Trong Ban Thường vụ Trung ương Cục và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam lúc ấy, anh Năm Công là người cao tuổi nhất. Khi tôi mới gặp anh, anh sắp bước sang độ tuổi "ngũ tuần". Tuy lớn hơn tôi tròn một con giáp, anh là người cởi mở, dễ gần và thoải mái trao đổi các vấn đề. Đặc biệt, anh rất quan tâm tìm hiểu tình hình thực tế ở Nam Bộ: Phong trào quần chúng nổi dậy phá kìm diệt ác, phong trào đấu tranh phong phú của các tầng lớp đồng bào ở thành phố... Điều để lại ấn tượng đẹp trong tôi về anh Năm Công, người đã từng lăn lộn trong phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng và gắn bó máu thịt với đồng bào, là phong cách và sinh hoạt của anh thật bình dị. Từ ở chiến

khu trong kháng chiến, đến khi giữ trọng trách Chủ tịch nước, không thấy anh thay đổi trong cách quan hệ với mọi người. Đức tính ấy đối với những người hoạt động cách mạng coi là bình thường, song thực tế trong cán bộ lãnh đạo, có được sự nhất quán như vậy không phải ai cũng được như anh. Chính bởi giữ được phẩm chất đáng quý này, anh Năm Công đã để lại sự tin yêu và lòng cảm mến đối với anh em, đồng chí, bạn bè.

Nhân nói đến vấn đề này, tôi thiết tưởng cần nhắc tới những hoạt động thực tế của anh ở chiến trường những năm đầu thập niên 1960 trên chiến trường B2 (Nam Bộ và Khu 6 - Cực Nam Trung Bộ). Chúng ta đều biết, địch quyết giành lại lợi thế sau thất bại từ phong trào nổi dậy của quần chúng phá rã hệ thống kìm kẹp bằng bạo lực có kết hợp vũ trang. Chúng ra sức thiết lập hệ thống kìm kẹp mới, tiến hành bình định bằng biện pháp cưỡng bức gom dân tập trung lại từng khu vực, chúng gọi là quốc sách ấp chiến lược (tát nước bắt cá). Đây là một cuộc đấu tranh mới càng quyết liệt hơn. Đồng chí Phó Bí thư Trung ương Cục Võ Chí Công không chỉ căn cứ theo dõi tình hình qua báo cáo bên dưới, mà còn tự mình tiếp cận với cuộc sống chiến đấu ở các địa phương. Anh xuống huyện Cai Lậy (tỉnh Mỹ Tho), huyện Châu Thành (tỉnh Bến Tre), huyện Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh)... Từ sâu sát thực tế, nắm tình hình, anh đã rút ra những kết luận chính xác từ thực tế, đóng góp thiết thực cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam.

Tháng 1-1964, Bộ Chính trị điều anh Năm Công về lại Khu 5, vẫn làm Phó Bí thư Trung ương Cục, kiêm Bí thư và Chính ủy Quân khu 5. Như một tác phong quen thuộc, anh Năm Công nắm lại tình hình mọi mặt ở Khu 5, cùng với Quân khu tiến hành Hội nghị Khu ủy kiểm điểm và đánh giá sâu sắc những mặt đúng, sai có liên quan đến phong trào cách mạng Khu 5 và động viên tất cả cán bộ xuống bám sát cơ sở, bám quần chúng (anh chị em cán bộ lúc đó nói với nhau: Hạ sơn xuống đồng bằng)... Qua đợt hoạt động Xuân 1965, Khu 5 đã giành thắng lợi toàn diện cả về tiêu diệt địch, phá gần hết ấp chiến lược, giành quyền làm chủ, mở toang đồng bằng...

Chiến thắng Vạn Tường năm 1965, đánh thắng cuộc ra quân tìm diệt đầu tiên của quân Mỹ càng củng cố lòng tin và cổ vũ mạnh mẽ khí thế đánh thắng Mỹ của quân dân ta trên chiến trường. Cuối năm 1967, anh Năm Công được Trung ương gọi ra báo cáo tình hình. Bộ Chính trị đánh giá cao về thắng lợi mọi mặt của quân và dân Khu 5, đặc biệt là thay đổi tương quan lực lượng ở đồng bằng, bằng phương châm "hai chân, ba mũi". Khu ủy 5 do anh đứng đầu lãnh đạo quân và dân Khu 5 cùng với quân và dân toàn miền Nam thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, góp phần làm thay đổi cả cục diện của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Sau Hiệp định Pari, Mỹ chấp nhận xuống thang chiến tranh. Đầu mùa hè năm 1973, tôi gặp lại anh ở Hà Nội, anh và tôi cùng đi dự Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng các quân khu ở miền Nam. Anh Năm thay mặt Khu 5, tôi thay

mặt Khu 8 (Tây Nam Bộ), đây cũng là lần đầu tiên tôi được ra Hà Nội. Chúng tôi tha hồ nói chuyện với nhau về tình hình chiến trường như mới hồi nào làm việc với anh ở Bắc Tây Ninh, thấm thoát đã chín năm trôi qua (1964 - 1973). Nhìn anh không thay đổi, vẫn cười nói hồn nhiên, lạc quan, chân tình. Nhân nhắc đến giai đoạn ở chiến khu Mã Đà, tôi không thể quên bữa bánh xèo có một không hai. Khi kết thúc Hội nghị Trung ương Cục, tôi đạo diễn bữa bánh xèo và phụ trách luôn món rau rừng như: tâm lang, kiêm cang, lá bứa, ngành ngạnh, tàu bay... nói chung là nghe đến tên là đã thấy hấp dẫn rồi. Một "sự cố" không ai ngờ đến: Đồng chí bác sĩ đi cùng đoàn anh Năm Công xuống bếp kiểm tra và bảo không nên để các đồng chí lãnh đạo ăn rau sống, cần phải luộc hết. Thế là lần đầu tiên và cũng là duy nhất trong đời, chúng tôi ăn bánh xèo với rau đã luộc (coi như không có rau sống), sau này kể lại anh em vẫn cười chảy nước mắt về bữa bánh xèo độc đáo này.

Sau Hội nghị, chúng tôi chia tay ở Hà Nội, anh Năm Công trở lại Khu 5, tôi về Khu 9. Từ sau Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng với các quân khu, sự nhất trí cao về những vấn đề uốn nắn, bổ sung, chủ trương mới của Đảng. Tiếp đó, toàn bộ cục diện chiến trường miền Nam đã có thay đổi rõ rệt. Trung ương Đảng và Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam năm 1975. Sau chiến dịch Tây Nguyên đại thắng lợi, Khu ủy và Quân khu ủy 5, trước thời cơ mới đã chuyển hướng tấn công vào Đà Nẵng. Khu căn cứ liên hiệp quân sự lớn nhất ở Khu 5 của địch đã bị tan rã sớm hơn kế hoạch, tạo thuận lợi cho quân và dân

ta giành thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Sau Đại hội lần thứ V của Đảng, chúng tôi cùng công tác ở Hà Nội. Anh Năm Công và tôi vẫn thường có dịp gặp nhau luôn, nhất là trong các cuộc hội nghị thường kỳ của Bộ Chính trị, cũng như trong quan hệ công tác. Chúng tôi cùng chia sẻ những khó khăn, thách thức như khi còn ở chiến trường, cùng tập trung lo hậu cần cho toàn xã hội... có dịp gặp nhau trao đổi, có những cái khó không kém hồi ở chiến trường, có cái còn khó hơn.

Trong sự nghiệp đổi mới, không thể không nói đến sự đóng góp lớn về tư duy đổi mới và trong hoạt động thực tiễn của anh Năm Công. Anh là một trong những đồng chí lãnh đạo luôn ủng hộ và khuyến khích những cái mới và sáng tạo. Khi được phân công Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách khối nông - lâm - ngư nghiệp, nhiều việc chứng tỏ anh đã nhận thức đúng việc thí điểm khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, đồng thời đã triển khai việc tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm về vấn đề này ở nhiều địa phương khác tại vùng đồng bằng sông Hồng như Hải Phòng, Hà Nam Ninh... và hình thành đề án Chỉ thị 100 của Ban Bí thư - bước đột phá của sự nghiệp đổi mới trong nông nghiệp nói riêng và của sự nghiệp đổi mới nói chung. Từ thành công của sản xuất nông nghiệp sau Chỉ thị 100, Bộ Chính trị giao anh Năm Công chủ trì một tiểu ban nghiên cứu tiếp tục đổi mới trong nông nghiệp và hình thành Nghị quyết 10 nổi tiếng của Bộ Chính trị.

Trong 5 năm được Quốc hội khóa VIII bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (1987 - 1992), anh Năm Công còn có những đóng góp quan trọng cho hoạt động đổi mới cơ quan Nhà nước tối cao. Trên cương vị là Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, anh đã góp phần quan trọng vào việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980 thành Hiến pháp mới, Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp của thời kỳ đổi mới đất nước.

Với 95 tuổi đời, hơn 70 tuổi Đảng, anh Năm Công dành hết cuộc đời trong hơn ba phần tư thế kỷ, từ chặng đường đầu đấu tranh cách mạng không biết mệt mỏi, từ những năm 1930 - 1931, đến kết thúc vẻ vang hai cuộc kháng chiến cứu nước thần thánh giữa mùa Xuân đại thắng năm 1975, anh thật xứng đáng là một cán bộ lãnh đạo ưu tú của Đảng.

Trải qua những công tác khác nhau trên nhiều địa bàn và cương vị khác nhau trong suốt hai cuộc kháng chiến cũng như trong quá trình xây dựng đất nước, anh vẫn luôn là tấm gương sáng về niềm tin và ý chí cách mạng.

Trong khi viết bài này, nhớ đến một con người luôn lạc quan, yêu cuộc sống, đọc lại quyển hồi ký *Trên những chặng đường cách mạng* của anh được viết một cách công phu và giàu tâm huyết, tôi càng quý trọng anh. Với tính Đảng, tính chiến đấu của một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành và bằng sự trải nghiệm của một cán bộ lão thành kỳ cựu qua các giai đoạn đất nước thăng trầm, anh Năm Công đã dốc tất cả nhiệt tình, tâm huyết và trí tuệ của mình để góp phần tổng kết những bài học kinh nghiệm quý giá của Đảng qua các thời kỳ lịch sử và quá trình tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước.

Anh đã kết thúc thiên hồi ký của mình bằng những lời lẽ thắm thiết chân tình, có sức thuyết phục và có tác dụng truyền cảm mạnh: "Nhớ lại những năm tháng đầy thử thách cam go, khi bị kẻ thù khủng bố đàn áp gắt gao, những lúc cách mạng gặp khó khăn thử thách, song nhờ bám sát thực tế, chủ động sáng tạo, dựa vào dân, bám chắc vào dân nên tôi đã vượt qua mọi chông gai, hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Chính trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất mới thấy hết vai trò to lớn của nhân dân. Nếu không có sự giúp đỡ che chở của họ chắc chắn những người cách mạng không thể làm được gì. Nhân dân không chỉ là người giúp đỡ chở che, họ còn là nguồn sáng tạo vô tận để chúng tôi học tập. Nhiều ý tưởng chúng tôi có được là từ sự gợi mở của quần chúng nhân dân...Vì vậy, toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của quần chúng nhân dân. Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những hậu quả khôn lường đối với vận mệnh của đất nước. Đảng phải có các chủ trương, chính sách phù hợp với lợi ích của nhân dân. "Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh"... Người chiến sĩ cộng sản phải luôn luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phải có tinh thần "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", phải luôn luôn đặt lợi ích cách mạng lên trên

hết, trước hết như Bác Hồ đã dạy, có như vậy mới được nhân dân tin yêu, kính trọng"[1].

"*Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây*". Nói đến anh Năm Công là nói đến nghĩa tình sâu nặng và sự gắn bó máu thịt với đồng chí, đồng bào miền Nam, với Trung ương Cục và Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, với Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 5, với các chiến trường B1, B2 và B3.

Là một trong những đồng chí Phó Bí thư Trung ương Cục ngay trong thời kỳ đầu mới thành lập, là người lãnh đạo cao nhất trên chiến trường B1, anh Năm Công đã có những cống hiến to lớn trong việc góp phần lãnh đạo quân dân ta kiên quyết đánh bại quân xâm lược để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, trong công cuộc lao động sáng tạo và đổi mới đất nước để xây dựng Tổ quốc ngày càng giàu mạnh, phồn vinh. Cuộc đời, thân thế và sự nghiệp cách mạng vẻ vang của anh Năm Công mãi mãi là tấm gương sáng để cho chúng ta học tập.

---

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd,* tr.391.

SÁT CÁNH TRÊN CHIẾN TRƯỜNG KHU 5

Đại tướng CHU HUY MÂN *

"... Lúc ra đi tôi được chỉ định làm Đoàn trưởng Đoàn kiểm tra của Quân ủy Trung ương vào làm việc với Khu ủy và Quân khu ủy Khu 5, Đoàn có các anh Võ Bẩm, Trần Thọ, Đỗ Đức Kiên và một số cán bộ khác.

... Sau hai ngày làm việc ở Quân khu, ngày thứ ba, đoàn chúng tôi sang chào Khu ủy. Lúc này anh Võ Chí Công vừa về Khu 5 làm Bí thư Khu ủy.

... Sau khi hoàn thành nhiệm vụ kiểm tra, Bộ Chính trị quyết định tôi ở lại Khu 5 đảm nhiệm chức vụ Phó Bí thư Khu ủy, Bí thư Quân khu ủy, Chính ủy Quân khu 5; anh Nguyễn Đôn - Tư lệnh Quân khu. Mấy tuần sau thì Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương gọi anh Nguyễn Đôn ra Bắc để ổn định sức khỏe, anh Đoàn Khuê - Phó Chính ủy,

---

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, nguyên Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy Quân khu 5. Bài này được lược trích trong tập *Đại tướng Chu Huy Mân - Thời sôi động* (Hồi ký), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004. Đầu đề do chúng tôi đặt *(BT)*.

anh Nguyễn Chánh - Phó Tư lệnh lên Tây Nguyên phụ trách tiền phương của Quân khu.

Tháng 7-1964, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 phát động phong trào đẩy mạnh tác chiến tiêu diệt, tiêu hao thật nhiều sinh lực địch, bồi dưỡng ta. Xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh đi đôi với phong trào phá ấp giành dân. Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu chủ trương mở chiến dịch Thu - Đông năm 1964... Tôi đề nghị với anh Võ Chí Công và anh Nguyễn Đôn cho một đại đội đang bảo vệ khu về tiểu đoàn để chuẩn bị cho đợt hoạt động mùa Thu.

... Sau khi thành lập Mặt trận Tây Nguyên (B3), Bộ Tổng tham mưu dự kiến tập trung vào Tây Nguyên mấy sư đoàn mở chiến dịch tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân ngụy, giải phóng Bắc Tây Nguyên, trước hết là Kon Tum, cắt đường 19. Vì yêu cầu đó, nên phải tăng cường cho Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên trở thành Bộ Chỉ huy chiến dịch.

Theo thông báo của Bộ Chính trị thì anh Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, tôi làm Chính ủy Mặt trận Tây Nguyên.

... Tôi về Khu 5 được giao nhiệm vụ làm Tư lệnh Quân khu, Phó bí thư Khu ủy và Quân khu ủy, anh Võ Chí Công giữ chức Bí thư Khu ủy, Bí thư Đảng ủy Quân khu, Chính ủy Quân khu. Về đến Bộ Tư lệnh Quân khu thì Tết Mậu Thân đã đến gần. Sau khi làm việc với Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy, các anh đều nhấn mạnh quyết tâm và kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã được cả hai tập thể cùng thông qua.

... Ngày thứ ba của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, anh Võ Chí Công và tôi nắm lại tình hình, đi đến quyết định dùng bộ phận nhỏ, đặc công, pháo cối tiếp tục đánh vào thị

xã, thị trấn, còn đại bộ phận về nông thôn diệt địch và giữ vững thế trận chiến lược này.

... Sau hơn một tháng nắm lại tình hình, Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhận định: thắng lợi trong Tết Mậu Thân là to lớn, làm thay đổi cục diện chiến tranh, nhưng còn phải kiên trì chiến đấu mới có thể buộc địch phải xuống thang và rút quân. Bộ Chính trị biểu dương lãnh đạo, chỉ huy Khu 5 nhạy bén, sáng suốt sau đợt đầu đã chủ trương dùng phân đội nhỏ và pháo cối tiến công vào các căn cứ và đô thị, đại bộ phân lực lượng lùi ra diệt địch giữ thế trận nông thôn đồng bằng. Anh T. đi Hà Nội về rất phấn khởi, anh nói: Thật hạnh phúc cho Khu ta có được anh Năm Công và anh Hai Mạnh nhạy cảm và sáng suốt, cơ bản giữ được lực lượng và giữ được thế trận nông thôn đồng bằng.

... Trong lúc cuộc tiến công vào Quế Sơn đang bắt đầu, thì tôi nhận được bức điện của anh Ba Duẩn. Toàn văn như sau:

Ngày 13 tháng 8 năm 1972

Gửi: Anh Bảy Cường Trung ương Cục,

Đồng gửi: Anh Mười Khang, anh Tư Nguyễn[1], anh Năm Công[2], anh Hai Mạnh[3], anh Hoàng[4], anh Môn[5], anh Bảy Tiến[6],

1. Chiến lược của ta là tấn công và nổi dậy, tiêu diệt và

---

1. Tư Nguyễn: Trần Văn Trà (*BT*).
2. Năm Công: Võ Chí Công *(BT)*.
3. Hai Mạnh: Chu Huy Mân *(BT)*.
4. Hoàng: Hoàng Minh Thảo *(BT)*.
5. Môn: Trần Thế Môn *(BT)*.
6. Bảy Tiến: Trần Văn Quang *(BT)*.

làm tan rã quân ngụy. Cuộc tấn công chiến lược của ta đã kéo dài hơn bốn tháng. Mặc dù ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân chủ lực ngụy nhưng lực lượng địa phương bảo an dân vệ, lực lượng phòng vệ dân sự vẫn chưa tan rã lớn, mặc dầu ta tấn công quân sự khá mạnh nhưng quần chúng vẫn chưa nổi dậy rộng khắp; nông thôn vẫn chưa vỡ lớn. Địch tuy bị thiệt hại nặng nhưng đã bắt lính đôn quân khá nhiều (trên 10 vạn) đã hồi phục nhanh chóng các đơn vị bị tiêu diệt.

Tình hình nông thôn hiện nay đã khác nhiều so với lúc Tết Mậu Thân, lúc đồng khởi. Qua hơn hai năm thực hiện kế hoạch bình định, địch đã kìm kẹp tương đối chặt quần chúng. Mục đích của chúng là cưỡng ép nhân dân ta phải tham gia các tổ chức vũ trang, nửa vũ trang từ phòng vệ dân sự, bảo an dân vệ đến chủ lực của chúng. Bằng những biện pháp hành chính phát xít, chúng đã xây dựng được một lực lượng phòng vệ dân sự, một lực lượng bảo an dân vệ khá đông, vừa để giữ địa phương vừa để đôn lên bổ sung cho chủ lực. Do đó, về so sánh lực lượng địch và ta, mặc dù so sánh về tổng quân số, so sánh về chủ lực thì có lợi cho ta, nhưng so sánh về lực lượng địa phương, lực lượng nửa vũ trang thì địch vẫn còn ưu thế hơn ta. Quan hệ của quần chúng với cách mạng, với phản cách mạng ngày nay cũng khác trước; có địa phương có đến 70-80% gia đình có người nhà bị cưỡng ép tham gia các tổ chức vũ trang, nửa vũ trang của địch.

Cách mạng đang ở thế tấn công, tinh thần sĩ quan binh lính ngụy sa sút nghiêm trọng, nguyện vọng của quần

chúng là muốn hoà bình; thanh niên, phòng vệ dân sự, dân vệ bảo an, gia đình binh lính đều chống đôn quân bắt lính. Có địa phương qua đẩy mạnh phong trào chống đôn quân bắt lính mà giành được thế làm chủ ở vùng trước nay cơ sở yếu. Đi đôi với chiến dịch tổng hợp, với phong trào chiến tranh du kích rộng khắp tấn công tiêu diệt địch, công tác chính trị trong nhân dân, trong quân đội, trong giai đoạn này, phải biết nắm lấy nhiệm vụ chính trị, mấu chốt là làm tan rã lực lượng quân sự của địch trước hết là lực lượng phòng vệ dân sự, lực lượng dân vệ bảo an.

2. Vừa qua, sở dĩ ta chưa làm tan rã được phòng vệ dân sự, dân vệ bảo an, chủ lực địch vì công tác vận động quần chúng, công tác chính trị trong bộ đội, dân quân du kích chưa biết nắm lấy nhiệm vụ chính trị mấu chốt là làm tan rã lực lượng quân sự địch, chưa có khẩu hiệu trung tâm, chưa biết dùng biện pháp thích hợp, nhất là biện pháp công khai hợp pháp.

Cần làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân thấm nhuần nhiệm vụ chính trị trung tâm lúc này là làm tan rã lực lượng quân sự địch, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, nhất là so sánh lực lượng ở cơ sở xã, huyện tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy, đánh bại kế hoạch bình định, tạo điều kiện có lợi đưa cách mạng tiếp tục tiến lên sau này.

Nguyện vọng sâu xa nhất của các tầng lớp hiện nay, nhất là trong các vùng tranh chấp, vùng địch tạm thời còn kiểm soát là hoà bình, chống đôn quân, bắt lính. Ta cần nắm lấy khẩu hiệu đòi hoà bình, chống đôn quân bắt lính,

đòi trả súng trở về làm khẩu hiệu chính trị trung tâm trong giai đoạn này, để tấn công làm tan rã địch.

Khẩu hiệu này có điều kiện dùng biện pháp công khai hợp pháp, huy động các gia đình có con em bị bắt vào các tổ chức vũ trang, nửa vũ trang của địch, gây thành một chiến dịch quy mô lớn, hợp pháp đòi chồng con trở về, đòi trả súng, đòi không đi chiến đấu, biến thành một phong trào phản chiến. Song song với phong trào công khai hợp pháp chống đôn quân bắt lính nói trên, cần vận động bí mật bên trong, phổ cập 10 chính sách của mặt trận. Trong khi địch áp dụng nhiều biện pháp phát xít và tìm mọi cách để tiêu diệt cơ sở của ta, việc tuyên truyền 10 chính sách của mặt trận phải tiến hành thật khéo léo, tránh bộc lộ lực lượng, làm lộ cơ sở. Phải biết lấy biện pháp công khai hợp pháp để che giấu lực lượng của ta. Lấy phong trào công khai hợp pháp để phổ biến rộng 10 chính sách. Có làm như vậy mới thích hợp hoàn cảnh vùng tranh chấp và vùng tạm thời địch còn kiểm soát.

Cần nghiên cứu nhiều hình thức tổ chức cho thích hợp, lấy thôn xã làm cơ sở. Ví dụ, tổ chức vợ binh lính, ông bà già, thiếu nhi, đòi chồng con, cựu chiến binh đòi anh em trả súng trở về, không đi chiến đấu, không để đôn quân.

3. Yêu cầu nhiệm vụ rất cấp bách, cần phổ biến nhanh chóng xuống tận cơ sở để đẩy phong trào lên. Cần có phân công cán bộ phụ trách, có tổ chức chuyên theo dõi nghiên cứu cụ thể, có kế hoạch đúng cho từng cấp. Ở ấp, xã cần có người đi làm.

Trước kia, trước khi kết thúc cuộc chiến tranh chống

Pháp ta đã biết đề ra khẩu hiệu ruộng đất. Ngày nay chúng ta phải biết nắm lấy khẩu hiệu đòi hoà bình, chống đôn quân bắt lính, có hoà bình mới có cơm áo, có hạnh phúc, không chết chóc. Khẩu hiệu này có điều kiện dùng biện pháp công khai, hợp pháp, dùng gia đình quân nguỵ để tấn công làm tan rã quân nguỵ, làm thay đổi nhanh chóng so sánh lực lượng có lợi cho ta.

Đây là phong trào đấu tranh chính trị, là phương pháp đấu tranh chính trị lớn nhất, thích hợp nhất ở miền Nam hiện nay. Cần thêm một số khẩu hiệu thích hợp tuỳ từng vùng. Vừa qua sở dĩ phong trào đấu tranh chính trị ta chưa đẩy lên được, vì ta chưa đặt nhiệm vụ làm tan rã lực lượng quân sự địch, chưa đặt khẩu hiệu đòi hoà bình chống đôn quân, bắt lính đúng tầm quan trọng trung tâm của nó, chưa có biện pháp tổ chức thích hợp.

Các anh nghiên cứu chấp hành, có ý kiến gì điện cho biết.

Chúc các anh thắng lợi.

BA[1]

Đầu tháng 5-1973, anh Võ Chí Công và tôi ra Hà Nội dự Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng. Tham dự hội nghị có các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, các đồng chí ủy viên Trung ương ở các chiến trường; anh Nguyễn Văn Linh, anh Hoàng Văn Thái, anh Võ Văn Kiệt, anh Trần Văn Trà (ở Nam Bộ), anh Võ Chí Công và tôi (ở Khu 5), anh Trần Hữu Dực (ở Trị Thiên). Bộ Chính trị đã dự thảo một

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.33, tr.352-355.

báo cáo để hội nghị nghiên cứu và thảo luận những vấn đề quan trọng.

... Cuối tháng 6-1974, theo quyết tâm và kế hoạch, Quân khu dùng hầu hết các đơn vị chủ lực, không dùng pháo 130 ly và xe tăng tiêu diệt địch và giải phóng các quận lỵ chi khu mở rộng địa bàn làm chủ từng mảng. Đợt 1, tiêu diệt địch giải phóng khu Đức Phú, một chi khu được giải phóng trên 3 vạn dân, ta thương vong ít. Riêng quận lỵ, chi khu Minh Long do anh Vương Tuấn Kiệt - Phó Tư lệnh chỉ huy. Anh Kiệt biết ý tôi không cho dùng pháo 130 ly và xe tăng để giữ bí mật bất ngờ, đồng thời không cho bộ đội ỷ lại vào hỏa lực nên nhân lúc tôi đi chỉ huy phía Bắc, anh Kiệt điện về xin anh Võ Chí Công cho sử dụng pháo 130 ly bắn mấy chục viên mới giải phóng được chi khu Minh Long.

Đợt 2, tiêu diệt căn cứ Nông Sơn và Thượng Đức. Tham mưu quân khu đắp sa bàn hai vị trí nói trên và mời cán bộ sư đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn của Sư đoàn 304 và Sư đoàn 2 thông qua quyết tâm và kế hoạch tác chiến (Sư đoàn 304 đánh Thượng Đức do Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ huy).

Trong cuộc họp, Sư đoàn trưởng 304 báo cáo quyết tâm, kế hoạch tác chiến và khẳng định: Chúng tôi sẽ dùng hỏa lực mạnh đợt đầu mấy chục tấn đạn lớn, nếu địch không hàng chúng tôi sẽ cho chúng mấy chục tấn nữa và cứ thế trút lên đầu chúng, nhất định nó phải hàng.

Trong giờ nghỉ, anh Võ Chí Công hỏi nhỏ tôi: Anh ấy rất hăng hái nhưng hình như chủ quan, anh thấy có thể thắng không? Tôi trả lời: Sẽ thắng nhưng trả giá đắt.

... Cuối mùa Thu năm 1974, anh Võ Chí Công và tôi ra Hà Nội tham dự cuộc họp Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, thời gian từ ngày 30-9 đến ngày 8-10. Tham gia hội nghị có các đồng chí ở chiến trường như anh Phạm Hùng, anh Trần Văn Trà (Nam B), anh Võ Chí Công và tôi (Khu 5).

... Trung tuần tháng 12-1974, anh Võ Chí Công và tôi ra Hà Nội dự cuộc họp Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở rộng. Cuộc họp bắt đầu ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975. Chủ trì cuộc họp là Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn. Bộ Chính trị gồm có các đồng chí: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Phạm Hùng, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn. Thành phần mở rộng gồm: Trần Văn Trà (chiến trường Nam Bộ); Võ Chí Công, Chu Huy Mân (Khu 5). Cơ quan bộ gồm: anh Song Hào - Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm hậu cần và một số đồng chí thư ký. Trong 20 ngày hội nghị đi sâu vào mấy vấn đề lớn; đánh giá tình hình địch, ta trên chiến trường miền Nam từ sau ngày Hiệp định Pari có hiệu lực, nhất là hai năm 1973-1974; quyết tâm mở cuộc tiến công chiến lược và nổi dậy đều khắp; giải phóng miền Nam trong xuân - hè 1975, tốt nhất là hoàn thành trước mùa mưa.

Về đến Khu 5, chúng tôi khẩn trương triệu tập Hội nghị Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy để quán triệt quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị; thông qua phương

án của quân, dân Khu 5 đã được chuẩn bị. Cuộc họp này cũng bàn thảo, lựa chọn một trong hai phương án để đi vào tổ chức thực hiện nắm quyền chủ động.

... 18 giờ ngày 27-3-1975, anh Ba Duẩn gửi bức thư cho anh Võ Chí Công và tôi, toàn văn như sau:

"*Gửi anh Năm Công và anh Hai Mạnh,*

Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương họp ngày 25-3-1975 đã thông qua kế hoạch giải phóng Đà Nẵng, và quyết định lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Đà Nẵng. Anh Văn đã điện cho các anh. Tôi chỉ nhấn mạnh một vài điểm.

Chiến thắng oanh liệt ở Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên đã tạo ra thời cơ giải phóng Đà Nẵng. Ta phải tập trung lực lượng từ hai phía. Từ Thừa Thiên Huế đánh vào và từ Nam - Ngãi đánh ra, nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch ở Đà Nẵng, không cho chúng rút chạy để co cụm về giữ Sài Gòn.

Trong lúc này, thời gian là lực lượng. Phải hành động hết sức táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay. Các anh cần sử dụng ngay lực lượng của Quân khu và của tỉnh đánh thẳng vào Đà Nẵng. Phải có biện pháp đặc biệt để hành quân nhanh nhất, kịp thời khống chế, chiếm lĩnh các sân bay, bến cảng, bao vây, chia cắt để tiêu diệt địch.

Phải nhanh chóng phát động quần chúng vũ trang nổi dậy, đập tan các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, chiếm lĩnh các công sở, kho tàng, nhà máy, thành lập chính quyền cách mạng và sáp vào vận động binh sĩ địch bỏ súng đầu hàng, làm tan rã các đơn vị quân ngụy.

Các binh đoàn chủ lực phía Bắc đã có kế hoạch hành quân nhanh nhất để kịp thời hợp đồng với cánh quân phía Nam. Các anh hành động ngay, không chậm trễ.

Bộ Chính trị khen ngợi những chiến thắng giòn giã của quân, dân Khu 5 và chờ tin đại thắng của Mặt trận Đà Nẵng.

BA[1]

Sau khi miền Nam nước ta hoàn toàn giải phóng, theo chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Khu ủy Khu 5 giải thể. Trung ương trực tiếp lãnh đạo các tỉnh phù hợp với nhiệm vụ mới. Anh Võ Chí Công ra Trung ương nhận nhiệm vụ mới vào đầu mùa Thu. Anh Lê Văn Lương phụ trách công tác tổ chức điện vào Khu 5, theo quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng tôi kiêm nhiệm cả Chính ủy và Bí thư Quân khu ủy...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.36, tr.89-90.

TƯỞNG NHỚ BÁC VÕ CHÍ CÔNG

NGUYỄN THỊ BÌNH*

Bác Võ Chí Công quê ở xã Tam Xuân, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Theo các đồng chí ở Quảng Nam, bác Công đã giác ngộ cách mạng qua các phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của nhân dân Nam Trung Kỳ, đặc biệt đám tang cụ Phan Chu Trinh đã có ảnh hưởng lớn đối với cuộc đời hoạt động yêu nước của bác.

Bác được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) năm 1935, và từ đó suốt 60 năm, bác tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, rồi đế quốc Mỹ xâm lược, không hề lùi bước trước bất cứ sự hy sinh gian khổ nào. Bác đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Bác đã có những chủ trương đấu tranh rất táo bạo, nhưng cũng rất sáng suốt, mà anh em từng chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Bác kể lại như những huyền thoại... Tất cả những cống hiến quan trọng đó xuất phát từ lòng yêu nước thiết tha, luôn gắn bó sâu sắc với dân, coi trọng nguyện vọng và

---

* Nguyên Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

lợi ích của dân, từ đó mà dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm trong những tình huống quan trọng, quyết định.

Tôi thuộc thế hệ đàn em, không được sống và làm việc với bác Võ Chí Công nhiều, nhưng với tất cả những điều được nghe, được biết về bác, tôi cảm thấy hết sức tự hào về con người đặc biệt ưu tú của đất Quảng, quê hương tôi.

Khi về Hội An, tôi được các đồng chí kể lại về cuộc cướp chính quyền ở Hội An năm 1945. Sau khi ra tù tháng 3-1945, bác Công tham gia chuẩn bị lực lượng cho cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám. Chủ trương ở nhiều nơi là phải giành chính quyền ở nông thôn trước, rồi tạo áp lực giành chính quyền ở đô thị. Nhưng khi phân tích cụ thể tình hình địch ở địa phương, bác Công quyết định phải cướp chính quyền ở thị xã Hội An trước. Thực tế cho thấy nhận định cũng như chủ trương của bác Công là đúng. Ngày 17-8-1945, nhân dân Hội An đã đứng lên giành chính quyền - trước hơn nhiều địa phương trong tỉnh.

Năm 1959-1960, trong lúc ở miền Nam, địch khủng bố khốc liệt, nhiều cơ sở của ta ở đồng bằng bị tan vỡ, bác Công cùng với một số lãnh đạo của Khu 5 đã sớm phát triển lực lượng kháng chiến, xây dựng làng chiến đấu ở vùng miền núi, đồng thời có phương thức đấu tranh thích hợp ở đồng bằng. Trên cơ sở đó, bác đã xin Trung ương được vừa đấu tranh chính trị, vừa đấu tranh vũ trang, thực hiện chiến thuật "hai chân, ba mũi". Những suy nghĩ sáng tạo của bác xuất phát từ tình hình thực tế đó chắc chắn đã góp phần quan trọng để Trung ương Đảng ra Nghị

quyết 15, chuyển hướng cuộc đấu tranh vừa kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đẩy địch vào thế ngày càng lúng túng, thất bại, ngược lại đã tạo thế cho quân dân ta giành thắng lợi từng bước, đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong chiến dịch mùa Xuân năm 1975, theo tôi được biết, cũng do đề xuất của Bác, quân dân ta đã chọn đánh chiếm sớm Đà Nẵng, một căn cứ chiến lược quân sự quan trọng của ngụy quyền Sài Gòn, tạo đà cho cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau năm 1975, trong hoàn cảnh mới, trên cương vị khác nhau, người ta cũng ngạc nhiên thấy bác Công cũng phát hiện ra nhiều vấn đề quan trọng của đất nước và đã đóng góp không nhỏ vào công cuộc phát triển kinh tế và xã hội... Nhiều người vẫn nhớ đến vai trò của bác đối với Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và chủ trương "khoán 10" của Bộ Chính trị. Làm Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp một thời gian ngắn, qua khảo sát tình hình trì trệ trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt qua nghiên cứu ở Hải Phòng, bác phát hiện một số nơi thực hiện "khoán chui" đều đạt kết quả vượt trội so với những nơi khác. Đi sâu, bác thấy trong sản xuất nông nghiệp cần có quan hệ sản xuất phù hợp, tạo điều kiện cho người nông dân có động cơ, có điều kiện để phát huy sản xuất tốt hơn. Bác đã đề xuất với Trung ương ra Chỉ thị 100. Để làm cho lãnh đạo Đảng đồng tình, cũng phải trải qua đấu tranh và

thuyết phục. Với tính tình luôn luôn điềm đạm, kiên trì, bác Công đã làm được điều đó.

Thời gian bác Công làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, với cương vị là Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội, tôi được dự một số cuộc họp do bác chủ trì. Bác luôn khoan thai giải quyết mọi vấn đề sau khi lắng nghe ý kiến mọi người.

Tôi được nghe nhiều đồng chí nói lại, bác thường nhắc nhở anh em "nên lắng nghe dân". Khi một chủ trương của Đảng mà cán bộ và nhân dân có nhiều ý kiến, thì cần xem lại chủ trương đã chính xác chưa, vấn đề nào sai với thực tiễn cuộc sống, sai với lợi ích của dân.

Tôi nghĩ, bài học lớn nhất tôi rút ra từ những suy nghĩ và hành động đúng đắn, sâu sắc của bác Võ Chí Công chính là "lấy dân làm gốc".

Nhân kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của bác Võ Chí Công, tôi muốn được nói lên lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc. Bác đã làm rạng rỡ thêm truyền thống của đất Quảng Nam "trung dũng, kiên cường".

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ CỐNG HIẾN ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

ĐỖ QUANG THẮNG *

Khoảng cuối năm 1953, Thường vụ Liên khu ủy 5 quyết định tách miền Tây Quảng Nam - Đà Nẵng, thành lập một đơn vị mới, trực thuộc Liên khu, do một Ban Cán sự Đảng lãnh đạo... do đồng chí Trương Chí Cương, Liên khu ủy viên làm Bí thư. Hoạt động được hơn nửa năm thì Hiệp định Giơnevơ ký kết. Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng nằm trong khu vực bàn giao sớm nhất cho đối phương (đến ngày 31-8-1954 phải hoàn thành). Ban Cán sự miền Tây được giải thể, đồng chí Trương Chí Cương được Liên khu ủy phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam; đồng chí Võ Toàn từ miền Bắc về Liên khu 5 và làm Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy, sau đó là Phó Bí thư; đồng chí Trương Chí Cương do sức khỏe không ổn nên phải đi Bắc điều trị ngay từ đầu, đồng chí Phan Tốn làm quyền Bí thư, sau đó là Bí thư. Trong một tháng ráo riết chuẩn bị, nhiệm vụ nặng nề

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.

phức tạp nhất là tổ chức và nhân sự, quyết định số cán bộ ở lại, số đi tập kết, chuyển toàn bộ hệ thống lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở vào hoạt động bí mật.

Ngay trong những ngày đầu tiếp quản, đi đến đâu đối phương cũng có những hành động trắng trợn, vi phạm Hiệp định, làm bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh lớn của nhân dân. Thật ra thì tất cả những việc làm của địch đều nằm trong một ý đồ có sẵn: Đánh phủ đầu trước hết vào vùng tự do, nhằm hạ khí thế cách mạng của quần chúng, gây hoang mang bối rối cho cán bộ; phát hiện, truy quét, bắt bớ tàn sát cán bộ, đảng viên của ta. Bên cạnh hoạt động đánh phá của địch, tập đoàn của Bảo Đại, bọn Quốc dân Đảng phản động cũng nắm lấy thời cơ đưa người vào nắm một số quận, huyện, xã. Tự tay chúng gây ra nhiều cuộc tàn sát lớn: Giết nhiều người rồi bỏ vào các bao tời đem thả xuống sông, chôn sống vào những hầm lớn (Quế Sơn, Tiên Phước...).

Sau đợt đánh phủ đầu ác liệt này, địch mới bắt đầu đặt bộ máy ngụy quyền ở cấp huyện và cơ sở, tổ chức lực lượng cảnh sát, thám báo, các tổ chức quân sự để vừa mở rộng diện đánh phá ra các nơi, vừa củng cố từng bước bộ máy kìm kẹp tại chỗ. Từ cuối năm 1955 đến đầu năm 1956 đã có hơn một ngàn cán bộ, cốt cán (chỉ tính các huyện phía Bắc của tỉnh Quảng Nam) đã chạy lên căn cứ, được đồng bào các dân tộc thiểu số nuôi nấng, bảo vệ và mở đường đưa hết số người này ra miền Bắc.

Từ năm 1956 trở đi, sau cuộc "trưng cầu dân ý" hất cẳng Bảo Đại, Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm đã

có một chiến lược chung đánh phá toàn diện cách mạng của nhân dân miền Nam, không chỉ đơn thuần bằng quân sự, chính trị mà còn thực hiện đồng bộ các chính sách phản động về kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng... xóa bỏ mọi thành tựu mà chế độ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã đem lại.

Chiến lược tố cộng "quốc sách hàng đầu" của Mỹ - Diệm, về thực chất là "cuộc chiến tranh chỉ có một phía" mà mục tiêu là nhằm tiêu diệt Đảng ta, biến nhân dân ta thành nộ lệ, biến nước ta trở thành một nước thuộc địa và bán thuộc địa của chúng.

Từ cuối năm 1956 trở đi, cuộc đấu tranh chống "tố cộng", tinh thần và chí khí cách mạng ở tất cả các địa phương rất cao, địch không thể nào khuất phục được. Một số nơi, địch đánh đi đánh lại nhiều lần, có lúc phong trào tạm lắng xuống, nhưng sau đó lại hồi phục. Cán bộ, đảng viên, cốt cán bị bắt, bị giết, nhưng cơ sở mới lại phát triển, kể cả phát triển đảng viên mới; một số tổ chức đảng bị mất liên lạc với cấp trên vẫn tự mình nắm chặt quần chúng, tiếp tục lãnh đạo phong trào. Như vậy, tuy gây cho ta nhiều tổn thất về lực lượng nhưng địch không thể nào khuất phục được quần chúng, tiêu diệt được Đảng ta. Tuy nhiên, trong Đảng, kể cả số người trung kiên nhất đều có chung một suy nghĩ: Dù sẵn sàng hy sinh nhưng nếu tiếp tục một bề "giơ lưng ra cho địch đánh thì làm sao bảo tồn và phát triển lực lượng, làm sao có thể mạnh lên và đánh thắng địch".

Anh Năm Công là người lãnh đạo luôn đi sát phong trào nghe ngóng mọi ý kiến của cấp dưới, của quần chúng. Chắc chắn anh đang có nhiều trăn trở. Tôi còn nhớ, tại một cuộc họp Tỉnh ủy cuối năm 1956 nhằm đánh giá tình hình mọi mặt và bàn nhiệm vụ mới, anh Năm chỉ nghe và rất ít phát biểu ý kiến. Ngay đối với công tác xây dựng Đảng, lúc đó cấp trên có ý kiến tạm đình chỉ xây dựng Đảng ở địa phương, mà tập trung chủ yếu vào việc đưa cán bộ ra sống hợp pháp ở các thành phố... Điều này đã làm cho một số đồng chí rất ngỡ ngàng, nhưng vì đây là ý kiến chỉ đạo của cấp trên nên không ai có ý kiến khác. Tỉnh ủy đã phân công cho đồng chí Cao Sơn Pháo - Phó Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo công tác thành phố, đảm nhận luôn nhiệm vụ đột xuất này.

Trong nội bộ Tỉnh ủy và một số bí thư huyện ủy đã bộc lộ nhiều băn khoăn về đường lối đấu tranh cách mạng ở miền Nam và rất tha thiết mong chờ một sự khai thông của toàn Đảng. Đầu năm 1957, anh Năm Công và anh Phạm Tứ (Mười Khôi) - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam đã vượt Trường Sơn ra Hà Nội gặp Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Bác Hồ. Tôi nghĩ đó là trách nhiệm lớn lao mà Phó Bí thư Liên khu ủy phải phản ảnh đầy đủ ý chí và nguyện vọng của nhân dân và Đảng bộ Liên khu 5 cho Trung ương.

Cũng chính trong thời điểm này, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Trung ương Cục ở Nam Bộ "bằng sự quan sát phân tích thực tiễn, với tư duy và tầm nhìn chiến lược, đã có những đánh giá, dự báo đúng tình hình, đề xuất những

chủ trương mang tính quyết sách đối với cách mạng miền Nam" trong một văn kiện có tính định hướng, đặt cơ sở chuyển cách mạng miền Nam từ thế bảo tồn lực lượng sang tiến công, từ đấu tranh chính trị đơn thuần sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, tạo điều kiện cho nhân dân miền Nam vùng dậy để cứu nước và tự cứu mình.

Giữa năm 1957, đồng chí Lê Duẩn được Bộ Chính trị và Bác Hồ điều động ra Hà Nội phụ trách công việc chung của Đảng, được phân công chỉ đạo chuẩn bị dự thảo Nghị quyết về cách mạng miền Nam để trình ra Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II.

Tại Liên khu 5, từ giữa năm 1957, bản Đề cương Cách mạng miền Nam đã được chuyển từ Đông Nam Bộ ra Cực Nam Trung Bộ, đến tay nhiều đồng chí lãnh đạo các tỉnh Liên khu 5. Mọi người đều xem đó như một ánh sáng bùng lên trong đêm tối, một luồng gió mới gây phấn khích cho toàn Đảng, toàn dân. Gần cuối năm 1957, đồng chí Bảy Hữu (Nguyễn Xuân Hữu), Liên khu ủy viên, từ Hà Nội vào nói rõ hơn ảnh hưởng và tác dụng của bản Đề cương đối với việc chuẩn bị nội dung Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 sắp đến.

Anh Bảy Hữu nói:

"Trong lúc chờ đợi, chúng ta phải đẩy mạnh công tác tư tưởng, làm tốt việc đánh giá tình hình, kiên định mục tiêu cách mạng chung cả nước và của miền Nam. Ngay trước mắt phải ra sức xây dựng căn cứ ở miền Tây của các tỉnh duyên hải và Tây Nguyên mạnh cả chính trị, kinh tế

(nhất là sản xuất lương thực), khai thác mọi tiềm năng về địa thế, tài nguyên và con người, đặc biệt là phát động lực lượng thanh niên làm vai trò xung kích trên mọi lĩnh vực hoạt động, rút người chuẩn bị cho việc xây dựng lực lượng vũ trang".

Tháng 8-1958, một cuộc họp Liên khu ủy kéo dài cả tháng tại huyện Bến Giằng (Nam Giang) miền Tây Quảng Nam kiểm điểm tình hình, thảo luận bản Đề cương của đồng chí Lê Duẩn và nhất trí: Trong khi chưa có chủ trương mới của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thì vừa ra sức củng cố, phát triển phong trào ở đồng bằng và đô thị, kể cả công tác xây dựng Đảng trong nhân dân; khẩn trương, tích cực xây dựng căn cứ theo tinh thần mới.

Được sự đồng ý của Bộ Chính trị, đồng chí Trần Nam Trung, Bí thư Liên khu ủy và một số Liên khu ủy viên ra Hà Nội. Đồng chí Bảy Hữu làm nhiệm vụ thường trực.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 1958 đến sau Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương khóa II (tháng 1-1959) và sau Chỉ thị của Bộ Chính trị về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở Tây Nguyên (tháng 3-1959), Liên khu ủy 5 gần như có mặt đông đủ ở Hà Nội. Các đồng chí đã bàn kỹ việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II và phân công cho từng người về thẳng các liên tỉnh. Riêng anh Năm Công lúc này đã thay anh Trần Nam Trung làm Bí thư Liên khu ủy (anh Trần Nam Trung sang làm ở Bộ Chỉ huy quân sự).

Đầu tháng 5-1959, anh Năm Công về đến Quảng Nam, triệu tập ngay một Hội nghị cán bộ tại vùng cao của huyện Hiên (nay là Đông Giang), gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng để phổ biến nghị quyết. Tỉnh ủy Quảng Nam đã cử đồng chí Phan Tốn, Bí thư Tỉnh ủy và tôi - Bí thư Ban Cán sự miền Tây đi dự hội nghị này.

Anh Năm Công nói rõ: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là văn kiện có tầm chiến lược bao hàm nhiều vấn đề lớn đối với cách mạng chung của cả nước và đối với cách mạng miền Nam.

"Cách mạng miền Nam nói chung không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các thuộc địa và bán thuộc địa từ trước đến nay, cho nên con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Muốn đạt được mục tiêu đó phải có một quá trình lâu dài, gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng thì mới có điều kiện nắm thời cơ thuận lợi để giành thắng lợi cuối cùng".

Đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trước mắt, con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Phân tích tình hình, anh Năm Công đã kết hợp giải quyết một số thắc mắc cho rằng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành quá chậm, anh cho rằng đối với một nghị quyết có tầm chiến lược, có nhiều mối quan hệ đối với cách mạng thế giới, quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giành độc lập thống nhất ở miền Nam, bao gồm rất nhiều vấn đề trọng đại và phức tạp... đã đạt sự nhất trí của Ban Chấp hành Trung ương thì quả là không đơn giản một chút nào. Đến nay, Nghị quyết đã bắt đầu đi vào cuộc sống thì đó là hạnh phúc lớn cho Đảng ta, nhân dân ta.

Về vấn đề xây dựng căn cứ, lâu nay Liên khu 5 đã kịp thời cho các tổ chức đảng bám rễ sâu trong nhân dân ở các vùng dân tộc thiểu số, lực lượng chính trị đã lớn mạnh hơn bao giờ hết, đang có nhiều thuận lợi để xây dựng căn cứ cách mạng theo yêu cầu mới. Vấn đề cấp bách hiện nay là phải phát triển mạnh vào phía Nam, nối liền các căn cứ của Liên khu 5 với miền Đông Nam Bộ. Hội nghị kết thúc trong một bầu không khí phấn khởi tin tưởng dù mọi người đều biết rằng nhiệm vụ mới sẽ rất nặng và phải chạy đua với thời gian mới thực hiện được...

Cũng trong thời điểm này, Mỹ - Diệm ráo riết tấn công vào vùng căn cứ ta; gom dân vào những khu tập trung lớn; tăng cường bộ máy kìm kẹp, lùng quét sâu hơn vào một số vùng ở miền núi các tỉnh.

Bức xúc trước vấn đề bảo vệ căn cứ, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, và dưới ánh sáng của Nghị quyết

Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhân dân ở các xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp, thuộc khu Vĩnh Thạnh (Bình Định), từ tháng 2 đến tháng 4-1959 đã vùng lên chống Mỹ - ngụy, phá khu tập trung, chạy về làng cũ, tổ chức bố phòng chống địch càn quét bằng vũ khí tự tạo: chông, bẫy, vũ khí thô sơ.

Nhưng điển hình nhất là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (Quảng Ngãi) gồm nhiều dân tộc: Cor, Ca Dong, H'rê và Kinh, có quy mô lớn và quyết liệt nhất, kéo dài bốn ngày đêm (từ ngày 28 đến 31-8-1959), đạp đổ hoàn toàn bộ máy ngụy quyền, làm cho quận trưởng, quận phó phải bỏ chạy về tỉnh lỵ. Đồng thời với việc phát động toàn dân đứng lên đánh địch, bộ máy tự quản của cơ sở đã được thành lập, chuẩn bị để chống trả với sự tái chiếm của địch, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ căn cứ. Cuộc khởi nghĩa lan nhanh đến các huyện lân cận như Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long và tác động mạnh đến toàn miền Tây Quảng Ngãi.

Hoảng hốt trước tình hình này, Mỹ - ngụy đã tập trung một lực lượng lớn nhằm dập tắt cuộc khởi nghĩa, lập lại bộ máy thống trị bị đổ nát, ngăn chặn làn sóng khởi nghĩa đang lan rộng.

Tỉnh Quảng Ngãi đã cấp báo tình hình này lên Liên khu, đồng thời một số tỉnh khác đã có ý kiến với Liên khu ủy, tỏ ý lo ngại về sự kiện quá đột xuất này, không biết trước để có kế hoạch phối hợp hỗ trợ.

Trước sự thiếu nhất trí này, anh Năm Công từ đầu cho rằng cuộc khởi nghĩa đã nổ ra rồi, điều trước nhất là

không được dội nước lạnh vào khí thế cách mạng của quần chúng mà phải phát huy hơn nữa tinh thần cách mạng của nhân dân, chiến sĩ, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn, đánh bại cuộc phản công của địch, bảo toàn mọi thắng lợi đã giành được, nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang, ra sức sản xuất lương thực, cứu đói, cứu đau cho nhân dân. Lúc này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã có ba đơn vị vũ trang luôn sát cánh với nhân dân để đánh địch và giúp đỡ nhân dân trên nhiều mặt.

Anh Năm Công đã gửi điện đến các tỉnh để cho các tỉnh có một nhận thức và thái độ xử lý đúng với sự kiện này: Đẩy mạnh cuộc đấu tranh tại địa phương buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó, tuyên truyền rộng rãi thắng lợi và ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng để động viên cổ vũ phong trào chung.

Tuy sức khỏe rất yếu do làm việc quá căng thẳng, bệnh sốt rét hành hạ, nhưng anh kiên quyết đến gặp Tỉnh ủy Quảng Ngãi nắm kỹ tình hình, đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy suốt từ khi chuẩn bị đến khi quyết định khởi nghĩa, xử lý các tình huống đã xảy ra.

Kết luận của anh: Đây là một thắng lợi lớn của cuộc khởi nghĩa có quy mô lớn do nhân dân tự giác đứng lên nhất tề đánh sụp toàn bộ hệ thống cai trị của Mỹ - ngụy, thiết lập chính quyền cách mạng và phát động toàn dân dùng bạo lực chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang chống lại sự phản công điên cuồng của địch để bảo vệ

thành quả đã giành được, củng cố phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt, kiên quyết bảo vệ căn cứ, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân. Anh cho rằng cuộc khởi nghĩa này là đúng với đường lối của Đảng (Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II), đã có sự chuẩn bị công phu, trong đó có việc xây dựng một số đơn vị vũ trang của tỉnh để hỗ trợ cho quần chúng.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và kịp thời của Thường vụ Liên khu ủy mà trực tiếp là đồng chí Bí thư Liên khu ủy, sau một tháng chiến đấu, giằng co quyết liệt với địch, đến tháng 10-1959, ta đã thu hồi toàn bộ vùng đất bị địch tái chiếm, 40 xã của miền Tây hoàn toàn được giải phóng, tạo thêm điều kiện thuận lợi để củng cố miền núi và phát triển xuống vùng đồng bằng.

Tháng 6-1961, anh Năm Công đi vào Nam Bộ chuẩn bị cho cuộc họp đầu tiên của Trung ương Cục. Tháp tùng anh có các đồng chí Lê Vụ, Phụng Minh, Nguyễn Tấn Lực (thư ký riêng của anh Năm) và tôi. Đường đi từ cơ quan Tỉnh ủy Đắk Lắk vào phía Nam vừa mới nối được nên còn rất khó khăn. Đồng chí Mười Nguyên, Bí thư Tỉnh ủy, cùng một lực lượng bảo vệ nhỏ phải mở đường và bảo vệ cho anh Năm Công. Đến một địa điểm phía Nam tỉnh Đắk Lắk, anh Năm Công gặp anh Trần Lê từ Cực Nam lên để bàn nhiệm vụ của Khu 6 với vấn đề cấp bách là phát triển mạnh vào phía Nam để nối liền với miền Đông Nam Bộ, vùng này cơ sở còn rất yếu, lâu nay chưa có ai đến giúp

giải quyết khó khăn này, chỉ có anh Năm Công mới làm được vì cần phải điều động nhiều cán bộ có kinh nghiệm, có năng lực của các tỉnh Liên khu 5 và một số cán bộ tập kết ở miền Bắc vào Nam.

Cuối tháng 8-1961, anh Năm Công đã đến cơ quan Xứ ủy Nam Bộ do đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) làm Bí thư. Do đã có Nghị quyết của Bộ Chính trị về tổ chức và nhân sự của Trung ương Cục nên anh Năm Công và anh Mười Cúc bắt tay ngay vào việc chuẩn bị làm báo cáo tình hình chung của Nam Bộ và Liên khu 5; trên cơ sở đã chuẩn bị dự thảo Nghị quyết lần thứ nhất của Trung ương Cục, anh Năm Công phân công anh Phụng Minh viết báo cáo chung, còn tôi viết báo cáo về Tây Nguyên. Anh Lê Vụ đã được Trung ương Cục bố trí làm Chánh văn phòng. Các dự thảo báo cáo, sau khi được anh Năm góp ý hoàn chỉnh đã in ra nhiều bản để các đồng chí Xứ ủy nghiên cứu, ngược lại, bản báo cáo chung của Trung ương Cục cũng được gửi đến toàn Liên khu 5.

Ấn tượng đầu tiên của chúng tôi (mà chắc anh Năm cũng chung suy nghĩ) là phong trào đồng khởi của Nam Bộ sau cuộc khởi nghĩa ở Bến Tre (từ ngày 15 đến ngày 19-1-1960) đã nhanh chóng lan rộng đến các tỉnh khác ở đồng bằng sông Cửu Long, đánh sụp từng mảng lớn bộ máy ngụy quyền của Mỹ - Diệm ở nông thôn; thành lập chính quyền tự quản của nhân dân ở cơ sở, phát triển nhanh lực lượng chính trị và vũ trang, tiến hành đấu tranh "hai chân, ba mũi" chống lại các cuộc càn quét tái lấn chiếm

của Mỹ - ngụy. Ta đã rút nhiều thanh niên để thành lập các đơn vị vũ trang ở địa phương, đưa lên miền (Trung ương Cục) và cung cấp cho cả Khu 6.

Trong thời gian đó, anh Năm Công vừa giải quyết công việc chung, vừa tranh thủ gặp gỡ nhiều cán bộ để tìm hiểu tình hình và nghe ngóng ý kiến của họ, kể cả những cán bộ trí thức ở khối Mặt trận - Dân vận. Anh được nhiều người quý mến.

Khi tôi được phân công về làm Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng (tháng 8-1962) thì nghe anh Năm đã đi công tác xuống đồng bằng sông Cửu Long để nghiên cứu toàn bộ các mặt công tác, trong đó có rất nhiều sáng tạo trong thực hiện đường lối chung của Đảng.

Đến năm 1964, anh Năm Công về lại Khu 5, đồng thời lúc này cũng có sự điều chỉnh về tổ chức: đưa hai tỉnh Đắk Lắk (phía Bắc) và Khánh Hòa về lại Khu 5; Khu 6 có thêm ba tỉnh mới: Quảng Đức (Đắk Nông hiện nay), Lâm Đồng và Phước Long (trước đây thuộc Khu miền Đông Nam Bộ) thực hiện đúng yêu cầu mà Chỉ thị của Bộ Chính trị về xây dựng căn cứ cách mạng đã đề ra. Từ Khu 6 vào Nam Bộ (B2) trực thuộc Trung ương Cục miền Nam. Từ Khu 5 trở ra do Trung ương trực tiếp chỉ đạo.

Suốt cả cuộc đời mình, anh Năm Công đã có sự cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Với bản lĩnh, trí tuệ và kinh nghiệm bản thân, từ các vị trí chủ chốt của cấp tỉnh, cấp khu đến cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, anh luôn hết mình lo cho Đảng, lo cho

nhân dân ngay cả khi tình hình khó khăn nhất. Vì luôn đi sát xuống dân, gần cán bộ cấp dưới, hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của họ nên tiếng nói của anh có sự thuyết phục rất cao, mặt khác do có sự suy nghĩ sâu sắc, kết hợp chặt chẽ lý luận và thực tiễn nên anh lại có tính quyết đoán mạnh mẽ để giành thắng lợi. Đó là một tấm gương tiêu biểu của một chiến sĩ cách mạng mà ngày nay chúng ta phải học tập, tu dưỡng để noi theo.

CON NGƯỜI CÓ MẶT ĐÚNG LÚC LỊCH SỬ CÓ NHU CẦU

HOÀNG TÙNG*

Nhân vật ấy là **Võ Chí Công**.

Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc ta thống nhất, những nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được hoàn thành trọn vẹn, cách mạng bước sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Lúc bấy giờ trong Đảng ta có hai ý kiến khác nhau về nhiệm vụ trước mắt:

Ý kiến thứ nhất, là cách mạng phải chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa, nhưng nhiệm vụ trước mắt là khôi phục kinh tế, hàn gắn những vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, chuẩn bị cho giai đoạn phát triển sau đó.

Ý kiến thứ hai, là thực hiện công nghiệp hóa ngay và trước hết phải cải tạo công thương nghiệp và hợp tác xã ở các tỉnh, thành miền Nam. Tiến hành đồng thời ba cuộc

---

* Nguyên Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Tổng Biên tập báo *Nhân Dân*, nguyên Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương.

cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa; lấy cách mạng khoa học - kỹ thuật làm then chốt. Trên cơ sở đó, phát triển đồng thời công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp; ưu tiên công nghiệp nặng.

Ý kiến thứ hai trở thành Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, họp tháng chạp năm 1976.

Sau chiến tranh, viện trợ của các phía đối với nước ta giảm dần và chấm dứt. Đất nước bị tàn phá nặng nề. Vết thương chiến tranh sâu thêm ở khắp mọi miền. Sản xuất thiếu nguyên liệu, năng lượng, phân bón. Nạn đói xuất hiện. Nông nghiệp bị đảo lộn do hợp tác hóa ồ ạt, không có phân bón và Nhà nước thiếu hàng hóa để trao đổi với nông dân. Đồng tiền mất giá. Các nước tư bản phối hợp với nhau bao vây kinh tế nước ta. Một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nhanh chóng ập đến khắp nước. Không khí phấn khởi sau năm 1975 biến mất. Số người bỏ ra nước ngoài ngày càng nhiều.

Võ Chí Công, sau năm 1945 chủ yếu hoạt động ở quê nhà và ở miền Nam, nổi tiếng là người kiên cường, năng động sáng tạo, tác phong chu đáo, sống có tình nghĩa, được bầu vào Bộ Chính trị và Phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp sau Đại hội lần thứ IV của Đảng; và sau Đại hội lần thứ V, vẫn được bầu vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương và là Bí thư Thường trực.

Đồng chí đến đúng lúc và đúng nơi cần, một người giàu kinh nghiệm, sát cuộc sống quần chúng, ghét lý thuyết viển vông, có điều kiện đề xuất một giải pháp có tính đột

phá để đưa đất nước qua cơn hiểm nghèo. Tình hình lúc ấy nguy ngập thật, cả nước đói. Nền sản xuất ngưng trệ, đời sống tiêu điều. Người ta hay hát một bản nhạc: *Thằng Bờm có cái quạt mo*.

Võ Chí Công nghĩ và làm. Anh mở một đội công tác đi làm thử việc giao khoán cho xã viên một hợp tác xã ở Vĩnh Phú. Anh thường suy nghĩ: đã có lần ra Bắc hoạt động và gặp nhiều thanh niên ngoài đồng bằng sông Hồng, họ rất năng động và chịu thương, chịu khó; vì sao sản xuất nông nghiệp sút kém, có nơi không bằng trước khi hợp tác hóa.

Tôi gặp anh, vừa cùng làm việc trong Ban Bí thư, vừa cùng suy nghĩ. Biết tôi đang tìm một lối thoát như anh, anh bàn riêng với tôi: "Chúng ta chung nhau. Tôi phụ trách công tác nông nghiệp, anh phụ trách công tác tư tưởng. Hãy mở rộng việc khoán sản phẩm cho xã viên và giao ruộng cho họ định rõ mức thuế và mức bán thóc, còn bao nhiêu họ hưởng hết, có thể bán theo giá thỏa thuận". Anh cử Bộ trưởng Nông nghiệp Nguyễn Ngọc Trìu cùng tôi làm việc này. Chúng tôi họp các trưởng ban nông nghiệp và trưởng ban tuyên huấn các tỉnh, đưa chủ trương này ra thảo luận. Số đông tán thành; một số người phản đối. Nhân vật lãnh đạo cấp cao hơn thấy có cuộc vận động này, nói: các anh cứ làm với điều kiện đảm bảo không đẩy lùi cách mạng kỹ thuật và quyền làm chủ tập thể của nông dân. Chúng tôi hứa sẽ bảo đảm. Sau một vụ, tình hình sản xuất và nông thôn thay đổi trông thấy; đặc biệt là không khí lao động; nông dân chủ động ra đồng từ sáng sớm đến

tối mịt mới về, nghỉ trưa ở bờ ruộng; truyền thống một nắng hai sương trở lại với đồng ruộng thân yêu.

Chúng tôi thấy vững tâm, việc đột phá đã tìm thấy. Trước hết, phải giải quyết vấn đề ăn, chân lý nghìn đời; thế mà có lúc lãng quên. Một nhà tu hành thấy hiện tượng lạ, nói: ông nào đưa ra sáng kiến khoán sản phẩm nên thờ ông ấy làm Thành Hoàng. Ông ấy chính là ông nông dân, ông cán bộ cơ sở. Họ đã khoán được từ trước, sau khi được ông Phó Thủ tướng mạnh dạn đề xuất chủ trương và ông Bí thư Trung ương Lê Thanh Nghị ký Chỉ thị 100 (trước khi Võ Chí Công chuyển sang), thì một cuộc vận động lớn, sôi nổi và có hiệu quả hiếm thấy này, đã trở thành hợp pháp; trước đó làm thử. Võ Chí Công còn có vai trò quan trọng khi ở Bộ Chính trị và Ban Bí thư, cùng với đồng chí Trường Chinh chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Lần này, hai ý kiến khác nhau lại xuất hiện:

- *Ý kiến thứ nhất,* là giữ vững chính sách cũ, kế hoạch hóa tập trung và công hữu sản xuất và phân phối.

- *Ý kiến thứ hai,* là phải đổi mới tư duy, lý luận; bắt đầu từ tư duy kinh tế.

Nhờ Trường Chinh, Võ Chí Công, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt và một số đồng chí khác kiên trì mà ý kiến thứ hai trở thành tư tưởng trung tâm của Báo cáo chính trị. Tư tưởng đổi mới đáp ứng đúng nhu cầu cuộc sống. Khi trình bày dự thảo Báo cáo chính trị ra Hội nghị Trung ương, nhanh chóng được ủng hộ và thuyết phục. Và văn kiện được công bố trên báo chí; sự nhất trí rất mạnh ở tất cả các miền. Đại hội thảo luận sôi nổi, không có đại biểu

nào phản đối. Sau Đại hội VI, Võ Chí Công là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước chuẩn bị Nghị quyết có số hiệu là 10 giao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân, làm đúng khẩu hiệu ruộng cày nêu ra từ đầu: canh giả hữu kỳ điền (người cày có ruộng).

Họa và **Phúc** phần lớn do con người gây ra. Trước tai **Họa**, chỉ rõ lối ra là **Phúc**. Chuyển **Họa** thành **Phúc** là người lãnh đạo giỏi. Võ Chí Công đã xuất hiện đúng lúc lịch sử có nhu cầu và đã đáp ứng đúng nhu cầu ấy.

NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG TA

VŨ OANH *

Đồng chí Võ Chí Công là một trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng đã gắn bó máu thịt với đồng bào, chiến sĩ miền Nam, nhất là đối với Liên khu 5 trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Với cương vị là Bí thư Liên khu ủy 5 (1959-1961), rồi Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1961-1963) và Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 5 (1964-1975), đồng chí Võ Chí Công đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Quá trình hoạt động cách mạng là quá trình đồng chí Võ Chí Công luôn tin tưởng vào sức mạnh của quần chúng, dựa vào quần chúng. Hình ảnh anh Năm Công gần gũi, thân thiết, giản dị và chân tình trong những lần xuống khảo sát tình hình đánh Mỹ, nghiên cứu vành đai diệt Mỹ, động viên mọi người quyết tâm đánh Mỹ, giữ vững phương

---

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Trưởng Ban Dân vận Trung ương Đảng.

châm "hai chân, ba mũi giáp công" vẫn còn in đậm trong lòng đồng bào, chiến sĩ Khu 5.

Mùa hè năm 1959, sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, trở lại Liên khu 5 giữ chức Bí thư Liên khu ủy, đồng chí Võ Chí Công đã cùng tập thể cấp ủy chỉ đạo phong trào nổi dậy của quần chúng diệt ác phá kìm, xóa bỏ ngụy quyền địch, lập chính quyền tự quản của nhân dân. Được quần chúng hưởng ứng, phong trào phát triển mạnh mẽ và quyết liệt diễn ra ở nhiều nơi, nổi bật nhất là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cuối tháng 8-1959 đã làm thay đổi tình hình và giải quyết tư tưởng, tạo niềm tin vào sự chỉ đạo của cấp trên.

Bằng những kinh nghiệm chỉ đạo phá ấp giành dân ở Khu 5, trong thời gian ở Trung ương Cục, đồng chí Võ Chí Công đã xuống tận nơi khảo sát tình hình, uốn nắn phong trào đồng khởi Bến Tre và trực tiếp chỉ đạo Hội nghị tổng kết phong trào đồng khởi phá ấp giành dân ở Nam Bộ. Đây là lĩnh vực đồng chí Võ Chí Công có rất nhiều kinh nghiệm. Do đó, sau này khi trở lại Khu 5, đồng chí Võ Chí Công đã lãnh đạo Đảng bộ cùng quân dân trong khu tranh thủ thời cơ liên tục tấn công địch, phá ấp phá kìm giải phóng nông thôn, đồng bằng và miền núi. Đây là thời kỳ sôi động nhất ở Khu 5, địch bị thất bại nghiêm trọng, co lại ở quận lỵ, thị xã. Ta giành được những thắng lợi to lớn, giải phóng một vùng rộng lớn đông dân. Phong trào cách mạng của quần chúng rất sôi nổi. Giải phóng đến đâu,

Khu ủy chỉ đạo xây dựng củng cố vùng mới giải phóng, xây dựng làng chiến đấu, thành lập chính quyền nhân dân tự quản, xây dựng các đoàn thể quần chúng, tổ chức tạm cấp, tạm giao, chia lại công điền cho dân, lãnh đạo tăng gia sản xuất, xây dựng trường học, trạm xá trong vùng giải phóng. Những thắng lợi nói trên đã làm thay đổi cục diện trên chiến trường Khu 5.

Vào những ngày tháng cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, đồng chí Võ Chí Công luôn đưa ra những chủ trương chỉ đạo sát đúng và kịp thời. Ngay sau khi địch rút quân chạy khỏi Kon Tum và Pleiku, chưa có một cán bộ địa phương vào thị xã, đồng chí Võ Chí Công đã có mặt gặp gỡ và động viên nhân dân. Tại đây, đã có nhận định rất sáng suốt và kịp thời báo cáo về Trung ương: "*Địch đã rút khỏi ba tỉnh Tây Nguyên, tình thế mới đã xuất hiện, xin Trung ương cho quân vào đánh giải phóng Đà Nẵng*". Thấy rõ thời cơ mới xuất hiện, đồng chí Võ Chí Công đề nghị Trung ương cho phép dùng các lực lượng vào giải phóng Đà Nẵng. Tình hình sau đó diễn ra đúng như dự đoán, và đồng chí Võ Chí Công đã cùng Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 chỉ đạo giải phóng Đà Nẵng thành công.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đồng chí Võ Chí Công được giao nhiều trọng trách ở Trung ương như: Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ); Ủy viên Bộ Chính trị - Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị - Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Thời kỳ này, tôi có nhiều lần được làm việc với đồng chí Võ Chí Công. Qua tiếp xúc và làm việc, tôi thấy rõ nhất ở đồng chí Võ Chí Công là phẩm chất của nhà lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm thực tiễn trong đấu tranh cách mạng, luôn thể hiện tinh thần tiến công và ủng hộ cái mới. Điều này thật sự là một kỷ niệm của đồng chí Võ Chí Công đối với tôi.

Đó là, vào những năm 80 của thế kỷ XX, khi ấy tôi làm Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương Đảng, trực tiếp phụ trách công tác kiện toàn và nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Lúc này có tới 90% tổ chức cơ sở đảng nằm ở khu vực nông nghiệp và nông thôn. Sau một thời gian chỉ đạo tôi thấy càng củng cố kiện toàn thì càng có nhiều tổ chức cơ sở đảng kém nát, càng nhiều đảng viên, cấp ủy bị kỷ luật, đời sống nhân dân càng khổ. Tôi quyết định đi sâu nghiên cứu để tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

Một câu hỏi luôn làm tôi day dứt, trăn trở là: Vì sao trong giai đoạn cách mạng mới, việc xây dựng Đảng ở cơ sở lại gặp khó khăn, gay gắt? Vì sao tổ chức đảng trong nông nghiệp lại không lãnh đạo nổi hợp tác xã, để đời sống nông dân thiếu đói? Vì sao có những đảng viên xin ra khỏi Đảng để sản xuất, chăn nuôi thì đời sống gia đình phát triển tốt...? Từ những nghiên cứu trong các chuyến đi xuống cơ sở, tôi cho rằng: Xây dựng Đảng không chỉ là tiến hành một loạt các công tác đảng vụ đơn thuần, mà xây dựng

Đảng ở nông thôn phải gắn liền với việc lãnh đạo sao cho sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống nông dân no đủ, chính quyền vững mạnh.

Qua thực tế, thấy việc thực hiện đường lối hợp tác hóa của ta có phần nóng vội, nhất là việc đưa quy mô hợp tác xã lên toàn xã. Đặc biệt, việc quản lý hợp tác xã theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp mà thể hiện rõ nhất bằng phương thức "Khoán việc" sai với quy luật nên không phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo của người lao động. Vì trong "Khoán việc", mục đích của lao động là công điểm chứ không phải là của cải vật chất, là sản phẩm. Do đó, phân phối cũng căn cứ vào công điểm chứ không phải là kết quả lao động. Làm dối, làm ẩu thì được nhiều công điểm; làm kỹ làm tốt cho sản lượng cao, nhưng mất nhiều thời gian, công điểm thấp nên dẫn đến tình trạng "dong công, phóng điểm" tràn lan.

Thấy được hậu quả xấu của cách quản lý hợp tác xã nông nghiệp nói trên, nhiều địa phương ở đồng bằng Bắc Bộ đã tìm cách "xé rào", khoán sản phẩm đến người lao động, nhưng đều phải làm chui, không dám công khai. Nhiều sĩ quan quân đội, sau cuộc kháng chiến chống Mỹ trở về địa phương tham gia cấp ủy thấy được vấn đề, không cam chịu cảnh đói nghèo của gia đình và quê hương đã đồng tình với bà con xã viên tiến hành khoán chui và chấp nhận kỷ luật của Đảng để gia đình và bà con làng xóm có cơm ăn, áo mặc.

Đoàn Xá là một xã thuộc huyện Đồ Sơn, Hải Phòng, do khoán chui nên đã xóa được cảnh người dân bỏ làng, bỏ xã

đi ăn xin khắp nơi trong vùng, nông dân đã có của ăn, của để. Bí thư Huyện ủy Đồ Sơn lúc bấy giờ là đồng chí Nguyễn Đình Nhiên, đã đi sâu nghiên cứu xây dựng cơ sở đảng và phát hiện việc khoán chui ở Đoàn Xá phù hợp với thực tiễn sản xuất nông nghiệp. Qua từng vụ thấy rõ năng suất, sản lượng đều tăng và nhất là hợp lòng dân nên được nhân dân ủng hộ. Tôi về Đoàn Xá hoàn toàn đồng tình ủng hộ cách khoán này.

Thực tiễn khoán chui ở Đoàn Xá và một số nơi khác đã hé mở một cách quản lý mới phát huy được quyền chủ động sáng tạo của người lao động làm cho năng suất, sản lượng ngày càng tăng. Tôi cho rằng muốn nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng phải đi vào tháo gỡ một mắt xích then chốt nào đó trong nông nghiệp, mà khâu đột phá có tính quyết định là phải đổi mới cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

Nói về khoán sản phẩm trong nông nghiệp là một câu chuyện dài. Đó là một cuộc đấu tranh quan điểm không kém phần gian khổ, khó khăn giữa tư duy mới và bảo thủ. Bây giờ khi mà thành công của cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động đã được chứng minh trong thực tiễn, tôi không sao quên được đồng chí Võ Chí Công, một trong những người ủng hộ khoán chui.

Ngày ấy, khi được tin xã Đoàn Xá, huyện Đồ Sơn khoán chui, với cương vị là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Võ Chí Công đã trực tiếp về Đồ Sơn nghiên cứu, nắm tình hình thực tế. Sau đó, đồng chí đã chỉ đạo cho làm khoán thí điểm ở xã Thổ Tang - Vĩnh Phú.

Do thực tiễn ở các nơi làm khoán có hiệu quả tốt nên tại các cuộc họp của Ban Bí thư, của Hội đồng Bộ trưởng hoặc các cuộc họp bàn về khoán trong nông nghiệp, đồng chí Võ Chí Công đều bày tỏ quan điểm ủng hộ quyết tâm tháo gỡ cơ chế quản lý của hợp tác xã nông nghiệp.

Tôi nhớ, tại một cuộc họp bàn về khoán trong nông nghiệp, có nhiều ý kiến không đồng tình với khoán, cho khoán chui này là phá chủ nghĩa xã hội. Đồng chí Võ Chí Công đã thẳng thắn phê phán những quan điểm và nhận thức không đúng, nói đến khoán này như đụng đến bàn thờ. Hoặc có ý kiến cho rằng không có hợp tác xã kiểu cũ thì làm sao đánh thắng được giặc. Đồng chí Võ Chí Công đã tỏ rõ thái độ: "Nói như vậy thì đồng bào, chiến sĩ miền Nam không đồng tình được. Vì rằng suốt hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ ở miền Nam làm gì có hợp tác xã. Còn đánh giá vai trò to lớn của hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc hậu phương lớn của miền Nam thì không ai có thể phủ nhận được. Hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ đã tập trung sức người, sức của, dốc toàn lực cho tiền tuyến miền Nam. Ở chiến trường Khu 5, xung quanh tôi là các chiến sĩ thanh niên nam nữ trong các hợp tác xã từ miền Bắc vào Nam chiến đấu, sẵn sàng hy sinh cho cách mạng miền Nam. Bây giờ hòa bình, phát triển kinh tế xây dựng chủ nghĩa xã hội, cách quản lý của mô hình hợp tác xã cũ không hiệu quả kinh tế thì phải giải quyết sửa chữa, phải đổi mới nó đi".

Trải qua nhiều cuộc bàn bạc trong các cơ quan lãnh đạo, đấu tranh với những quan điểm bảo thủ và căn cứ

thực tế tình hình, tháng 1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Chỉ thị 100 về thực hiện khoán mới trong các hợp tác xã nông nghiệp, và người dự thảo chỉ thị này là đồng chí Võ Chí Công.

Đặc biệt, tôi nhớ sau Đại hội Đảng lần thứ V, tôi được phân công làm Trưởng Ban Nông nghiệp Trung ương nên có điều kiện chỉ đạo triển khai việc khoán sản phẩm trong nông nghiệp, nhất là hoàn thiện cơ chế khoán và khắc phục những tồn tại của khoán. Thời kỳ này, đồng chí Võ Chí Công được phân công Thường trực Ban Bí thư. Là người ủng hộ khoán mới, đồng chí Võ Chí Công đã chỉ đạo Ban Nông nghiệp Trung ương soạn thảo một hệ thống các chỉ thị tiếp theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư để cụ thể hóa và hoàn thiện các hình thức, mô hình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các quốc doanh nông, lâm nghiệp, hợp tác xã thủy sản.

Hệ thống chỉ thị nói trên thể hiện sự tập trung chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng đối với mặt trận nông - lâm - ngư nghiệp, một mặt trận hàng đầu rất quan trọng của nền kinh tế đất nước, có thể nói rằng, đồng chí Võ Chí Công là người có những đóng góp rất lớn và thiết thực.

Trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp được hình thành, Bộ Chính trị đã giao nhiệm vụ cho đồng chí Võ Chí Công làm Trưởng Ban cải tiến cơ chế quản lý kinh tế của Trung ương.

Từ những kinh nghiệm chỉ đạo đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế,

đồng chí Võ Chí Công đã đóng góp phần quan trọng với Đảng xây dựng đường lối đổi mới toàn diện kinh tế, chính trị, xã hội đất nước ta do Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng tháng 12-1986 đề ra.

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, với cương vị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Võ Chí Công đã lãnh đạo Hội đồng Nhà nước và Quốc hội thực hiện đổi mới lề lối làm việc thật sự dân chủ trong sinh hoạt của Quốc hội, bỏ tính chất hình thức nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của đại biểu của dân trong Quốc hội, làm cho Quốc hội trở thành cơ quan lập pháp cao nhất, từng bước xây dựng một nhà nước pháp quyền có hiệu lực của dân, do dân, vì dân.

Đồng thời với việc lãnh đạo, Hội đồng Nhà nước và Quốc hội đã xây dựng hàng loạt các luật và pháp lệnh mới để quản lý kinh tế xã hội, đồng chí Võ Chí Công làm Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp nước ta năm 1992 bảo vệ những nguyên tắc và nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 1980, sửa đổi được những điều không còn phù hợp với đường lối đổi mới, cản trở sự phát triển của đất nước.

Tại Đại hội Đảng lần thứ VII, tháng 6-1992, do tuổi cao, đồng chí Võ Chí Công đã cùng các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng tự nguyện thôi các chức vụ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, để các đồng chí khác thay thế. Đó cũng là tấm gương sáng cho các thế hệ cán bộ.

Trong hoạt động cách mạng của mình, đồng chí Võ Chí Công thấm nhuần và vận dụng năng động, sáng tạo lời

dạy của Bác Hồ đó là: "Dĩ bất biến, ứng vạn biến", luôn rèn luyện mình và phấn đấu thực hiện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Bác.

Đồng chí Võ Chí Công xứng đáng là một trong những học trò xuất sắc của Bác Hồ.

MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO BÌNH DỊ, KHIÊM TỐN, LUÔN ỦNG HỘ CÁI MỚI

NGUYỄN KHÁNH *

Tôi được biết đồng chí Võ Chí Công - anh Năm Công từ đầu những năm 1970. Hồi đó chưa có dịp gặp mặt, tôi thỉnh thoảng được nghe các đồng chí lãnh đạo của Đảng nói chuyện, đánh giá cao sự nhạy bén và sáng tạo của đồng chí Võ Toàn, Bí thư Khu ủy 5 trong công tác lãnh đạo quân sự, chính trị, nhất là trong chiến dịch giải phóng Tây Nguyên và cuộc Tổng tiến công dẫn đến đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Từ khi anh Năm Công ra công tác ở Trung ương, tôi luôn được gặp khi anh đến Văn phòng Trung ương Đảng dự các cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Tôi thấy anh Năm - một nhà lãnh đạo chiến tranh cách mạng kiên cường và thao lược mà tính tình điềm đạm, lúc nào cũng vui vẻ, thân mật, rất dễ gần, nhìn bề ngoài có dáng dấp như một lão nông. Tôi có nhiều kỷ niệm trong

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ.

thời gian làm việc gần anh Năm Công suốt nhiệm kỳ V của Trung ương Đảng (1982-1986), khi anh là Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, tôi là Chánh Văn phòng Trung ương, có nhiệm vụ trực tiếp giúp Thường trực tổ chức công việc chỉ đạo, điều hành hàng ngày của Đảng.

Anh Năm Công đảm nhiệm chức trách Thường trực Ban Bí thư vào thời gian có ý nghĩa lịch sử, khi trên đất nước ta diễn ra những chuyển động to lớn, vào lúc cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng đặt ra cho chế độ ta, Đảng ta những thử thách sống còn, cũng là thời gian cơ quan lãnh đạo của Đảng tự phê bình sâu sắc, chủ động đổi mới tư duy, đổi mới phương thức lãnh đạo, đi sâu vào thực tế, nhìn thẳng vào sự thật, đi tới những kết luận chính xác về tình hình và nhiệm vụ cách mạng, từ đó đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới được đánh dấu bằng Đại hội VI (tháng 12-1986) của Đảng.

Đồng chí Năm Công, ở cương vị Thường trực của Trung ương Đảng, đã góp nhiều công sức và trí tuệ vào việc khắc phục những khó khăn trong công tác lãnh đạo của Trung ương Đảng, vào việc giữ gìn đoàn kết nội bộ, củng cố mối quan hệ giữa Trung ương và các địa phương, vào việc chuẩn bị nội dung Đại hội VI, Đại hội mở ra thời kỳ đổi mới.

Hồi ấy, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Bí thư Thường trực làm việc rất vất vả để khắc phục những rối ren trên mặt trận giá - lương - tiền, nổi bật là nạn lạm phát phi mã, để chỉ đạo cuộc đấu tranh xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý kinh tế mới, để giải quyết những vấn đề phức tạp và gay gắt trong việc chuẩn bị

Đại hội VI cả về nội dung và về nhân sự. Đồng chí Bí thư Thường trực khi đó tuổi đã khá cao phải làm việc ngày đêm chuẩn bị cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn giải quyết rất nhiều việc mới và khó; mà để giải quyết được tốt những vấn đề gai góc có nhiều ý kiến khác nhau, phải trao đổi ý kiến riêng rất kỹ giữa đồng chí Thường trực với từng đồng chí trong Bộ Chính trị trước khi vào Hội nghị.

Suốt cả năm 1985, tuần nào tôi cũng được đi cùng anh Năm Công đến báo cáo tình hình chung, công việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đang điều dưỡng ở khu biệt thự Hồ Tây. Anh Năm lúc nào cũng lo lắng cho công việc của Đảng và Nhà nước gặp lúc nước sôi, lửa bỏng, nhiều lúc thấy anh có vẻ mệt, căng thẳng, nhưng anh vẫn giữ thái độ vui vẻ, bình tĩnh, giải quyết công việc của Thường trực Đảng rất nhanh.

Đồng chí Võ Chí Công là một cán bộ lãnh đạo rất nghiêm túc. Trong các bài phát biểu nói và viết công khai, anh trình bày ngắn gọn, với lời lẽ giản dị và rành rõ các quyết định mới của Trung ương, thuyết phục mọi người thực hiện đúng tư tưởng chỉ đạo của Đảng với tinh thần chủ động, sáng tạo, chứ không máy móc, thụ động. Trong các cuộc họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, anh phát biểu thẳng thắn, rành mạch ý kiến của anh về từng vấn đề, điểm gì đồng ý, điểm gì không đồng ý. Anh Năm Công là một trong những đồng chí lãnh đạo đã đưa ra nhiều đề nghị đổi mới chính sách, đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng cho phù hợp với tình hình mới, yêu cầu mới.

Sau Đại hội V của Đảng (năm 1982), đồng chí Võ Chí Công nhiều lần phát biểu trong các Hội nghị Trung ương và Hội nghị cán bộ Đảng mấy ý: Đi đôi với khẳng định thắng lợi, khẳng định sự đúng đắn của đường lối, cần phải phê phán và khắc phục những yếu kém, khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo của các cấp, kể cả Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng. Trong thời gian ấy, đồng chí đã nhận định rằng: Có một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất, đạo đức cách mạng; những vụ vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và pháp luật Nhà nước không bị xử phạt công minh và kịp thời đã ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội VI, khi Bộ Chính trị bàn về các vấn đề chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, quan niệm và thái độ của đồng chí Võ Chí Công rất rõ ràng: Kiên quyết chống quan liêu bao cấp, thay đổi cơ chế quản lý kinh tế. Tháng 1-1984, đồng chí nói trong cuộc họp với cán bộ đảng các cơ quan Trung ương rằng phải đấu tranh cả hai mặt: chống quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ, đồng thời chống tản mạn, vô tổ chức, vô kỷ luật. Hai mặt này giằng co với nhau và ở từng cấp, từng người, mặt này hoặc mặt kia nặng hơn. Ở một số cơ quan cấp trên, quan liêu bao cấp và bảo thủ trì trệ nặng hơn, phải khắc phục cho được. Ví dụ: Khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Cứ tưởng rằng khi phong trào quần chúng đã lên, sản xuất đã phát triển thì không ai chống lại khoán sản phẩm nữa. Nhưng không phải! Vẫn còn có người chống.

Đồng chí Võ Chí Công hết sức ủng hộ cơ chế khoán, cả trong nông nghiệp và trong công nghiệp. Tại cuộc họp Bộ Chính trị về giá - lương - tiền tháng 5-1985, đồng chí đã phát biểu: Nền kinh tế của ta phải thực hiện khoán trong các lĩnh vực, các cấp, các ngành, đến từng đơn vị, từng người lao động để tạo ra động lực mạnh thì mới làm ăn có hiệu quả. Bắt buộc các ngành, các cấp xóa hẳn kiểu quản lý kinh tế bao cấp hành chính, chuyển hẳn sang kinh doanh hạch toán. Các bộ làm kinh tế phải làm đúng chức năng của hệ thống quản lý nhà nước, không được dài tay cản trở đơn vị sản xuất kinh doanh. Các tổng công ty, công ty, liên hiệp xí nghiệp phải đi sâu vào kinh doanh hạch toán thực sự. Bắt buộc các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở và từng người phải tính toán lỗ lãi, có trách nhiệm lời ăn, lỗ chịu.

Trong nhiệm kỳ Trung ương Đảng khóa V, Thường trực Ban Bí thư rất chú ý xây dựng chế độ làm việc của các cấp ủy Đảng. Tháng 7-1983, đồng chí Võ Chí Công đã chủ trì Hội nghị toàn quốc các phó bí thư thường trực và chánh văn phòng tỉnh ủy, thành ủy họp tại Đà Nẵng. Đây là lần đầu tiên có cuộc họp chuyên đề về công tác của thường trực cấp ủy. Cuộc thảo luận tại Hội nghị rất sôi nổi và hứng thú về chức trách thẩm quyền của phó bí thư thường trực, về quan hệ giữa phó bí thư thường trực với bí thư, với các ủy viên thường vụ, với chánh văn phòng, về việc xây dựng quy chế để định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng chức danh, từng người, để không trùng lắp công việc và không lỏng lẻo về trách nhiệm.

Sau này nhiều đồng chí dự Hội nghị Đà Nẵng năm 1983 trở thành bí thư tỉnh ủy, ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng khi gặp lại nhau vẫn nhắc lại những kỷ niệm về cuộc Hội nghị này, vẫn nhớ đồng chí Bí thư Thường trực Võ Chí Công.

Tôi rất quý mến anh Năm Công về đức tính chân thành, khiêm nhường, bình dị, gần gũi mọi người và cảm phục anh về sự nhạy bén chính trị, nhạy bén với cái mới, luôn luôn khuyến khích, ủng hộ các nhân tố mới, hết lòng vì sự nghiệp đổi mới.

NHỮNG ẤN TƯỢNG SÂU SẮC CỦA TÔI

MAI THÚC LÂN *

Trước ngày giải phóng miền Nam, tôi công tác ở miền Bắc và biết đồng chí Võ Chí Công lúc đó là đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại miền Trung Trung Bộ. Tôi hiểu đó là chức danh công khai, còn trong cương vị lãnh đạo của Đảng thì đồng chí là Bí thư Khu ủy 5. Tôi cũng biết đồng chí còn có tên là Võ Toàn, quê ở xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ nhưng đã thoát ly hoạt động cách mạng từ lâu. Còn xã Tam Xuân là nơi tôi đã có thời gian gắn bó khi còn làm liên lạc, đánh máy ở Huyện ủy Tam Kỳ và sau này tham gia Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc xã Tam Xuân do anh Võ Ngọc Thái là em đồng chí Võ Chí Công làm Bí thư.

Sau ngày thống nhất đất nước, tôi được biết đồng chí Võ Chí Công đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước: Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam.

Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng... nhưng cũng chưa có lần nào được gặp mặt đồng chí. Ngày Ban Bí thư ra Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm, ở miền Bắc xuất hiện mấy câu thơ ca ngợi theo thể thơ Bút Tre:

"Hoan hô chị Nguyễn Thị Bình,
Được ngồi bên cạnh anh Chinh, anh Đồng
Hoan hô anh Võ Chí Công,
Anh cho khoán hộ ruộng đồng tốt tươi".

Thời gian đó, đồng chí Võ Chí Công là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng phụ trách khối nông - lâm - ngư nghiệp. Đồng chí đã dành nhiều thời gian, công sức nghiên cứu tình hình các hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc, đặc biệt là việc khoán hộ ở Vĩnh Phú, quê đồng chí Kim Ngọc, Bí thư Tỉnh ủy. Từ đó, đồng chí đã đề xuất vấn đề khoán sản phẩm và Chỉ thị 100 của Ban Bí thư ra đời, mở ra một giai đoạn mới trong việc giải phóng sức sản xuất của nông dân. Cho mãi đến dịp kỷ niệm 40 năm Quốc khánh (2-9-1985), tỉnh Hà Bắc[1] được đón nhận Huân chương Sao vàng, tôi mới có dịp gặp đồng chí Võ Chí Công thay mặt Đảng và Nhà nước về dự lễ và gắn Huân chương lên lá cờ truyền thống của tỉnh.

Hồi đó, tôi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nên đã cùng các anh lãnh đạo tỉnh tiếp và làm việc với đồng chí. Qua cuộc làm việc đó, tôi thấy toát lên sự giản dị, chân thành và đôn hậu của đồng chí trong việc trao đổi ý kiến

1. Bắc Giang và Bắc Ninh.

với chúng tôi. Rồi vào mùa lũ năm 1986, ở Hà Bắc xuất hiện sự cố đê Nội Doi thuộc hữu ngạn sông Cầu.

Những ngày cuối tháng 7 năm đó, mưa to kéo dài làm nước các sông của tỉnh lên nhanh và đoạn đê thuộc Cống Nội Doi, huyện Quế Võ bị xói lở nghiêm trọng, có khả năng bị vỡ đến 90%. Mà nếu đê Nội Doi vỡ thì sẽ làm ngập quốc lộ 1A từ Bắc Ninh về Hà Nội và sẽ nhấn chìm không ít thôn, xóm, khu phố của thị xã Bắc Ninh và các huyện Tiên Sơn, Quế Võ.

Trước tình hình đó, vào sáng ngày 28-7, Hội đồng Bộ trưởng mà trực tiếp là đồng chí Võ Chí Công đã cho thành lập Ban chỉ huy tiền phương để cứu đê Nội Doi do tôi làm Trưởng ban, anh Trần Nhơn, Thứ trưởng Bộ Thủy lợi và anh Thái Cán, Phó Tư lệnh Quân đoàn 2 làm Phó Trưởng ban. Chúng tôi đã huy động lực lượng bộ đội, dân quân... áp dụng kinh nghiệm kỹ thuật và kinh nghiệm xử lý sự cố nước xoáy vào thân đê của đồng chí Trần Nhơn trong việc cứu đê. Đến đêm 31-7 thì chỗ đê bị sạt lở đã căn bản được khắc phục.

Ngay sáng mồng 2-8, đồng chí Võ Chí Công từ Hà Nội lên thẳng Đáp Cầu và đi ca nô thị sát tuyến đê đã được hàn gắn rồi về trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Ninh làm việc với Ban chỉ huy tiền phương cứu đê và lãnh đạo tỉnh. Đồng chí đã chăm chú lắng nghe báo cáo của Ban chỉ huy trong việc cứu đê Nội Doi, phát biểu khen ngợi và động viên các lực lượng tham gia cứu đê và nêu ra những việc cần tiếp tục thực hiện. Trước khi về Hà Nội, đồng chí vẫn còn căn dặn chúng tôi là tình hình mưa lũ ở miền Bắc

vẫn còn kéo dài, mặc dù việc cứu được đê Nội Doi là một thành tích rất đáng biểu dương, nhưng tuyệt đối không được chủ quan.

Lần làm việc đó với đồng chí Võ Chí Công trong điều kiện phục vụ còn rất khó khăn, tôi càng nhận thấy phong thái của đồng chí rất khoan thai nhưng rất cụ thể, rất giản dị nhưng cũng rất nghiêm túc, không đao to búa lớn nhưng rất thẳng thắn, chân thành, hết sức thông cảm với những khó khăn của tỉnh trong hoàn cảnh lũ lụt vẫn còn đe doạ...

Cuối năm 1989, tôi về nhận công tác chuyên trách ở Quốc hội khoá VIII. Nhiệm kỳ này, theo Hiến pháp năm 1980, đồng chí Võ Chí Công được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội, Chủ tịch tập thể của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Là Phó Chủ nhiệm chuyên trách của Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội, tôi thường được triệu tập đi dự các phiên họp thường xuyên của Hội đồng Nhà nước tổ chức ở Phủ Chủ tịch do đồng chí Võ Chí Công chủ trì. Thành viên của Hội đồng Nhà nước hầu hết là kiêm nhiệm nên thời gian mỗi kỳ họp không dài, trong khi đó thì Quốc hội lại chưa có điều kiện làm được nhiều luật vì còn hạn chế về thời gian, điều kiện và phương tiện nên Hội đồng Nhà nước phải ra nhiều pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước. Là Chủ tịch và thường xuyên chủ tọa các phiên họp của Hội đồng, đồng chí Võ Chí Công đã chú ý lắng nghe không những ý kiến của các thành viên Hội đồng, mà cả những ý kiến của các Ủy ban Quốc hội để kết luận, làm cơ sở cho việc chỉnh lý và ban

hành các văn bản. Và đó cũng là một công việc đòi hỏi nhiều trí tuệ và năng lực trong điều hành.

Nhưng đóng góp quan trọng nhất của đồng chí Võ Chí Công trong nhiệm kỳ Quốc hội khoá VIII là việc xây dựng Hiến pháp năm 1992: Hiến pháp thể chế đường lối đổi mới của Đảng ta. Là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và là Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, đồng chí đã tốn nhiều tâm trí, sức lực để nghiên cứu, tham khảo nhiều ý kiến đóng góp của các nhà hoạt động chính trị, luật pháp, khoa học, văn nghệ sĩ... và các tầng lớp nhân dân, cùng với các vị trong Ủy ban chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung nhiều lần để có được bản dự thảo hoàn chỉnh trình ra kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khoá VIII thảo luận, thông qua với 100% đại biểu tán thành.

Hiến pháp năm 1992 là bộ luật cơ bản để Quốc hội từ nhiệm kỳ khoá IX đến nay dựa vào đó để ban hành các đạo luật, pháp lệnh thực hiện công cuộc đổi mới theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, đồng chí Võ Chí Công được Ban Chấp hành Trung ương mời tham gia Ban Cố vấn cùng với các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh. Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, trước và sau Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh xuất hiện những hiện tượng mất đoàn kết, tham nhũng, tiêu cực. Nhiều đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí ở địa phương đã viết thư lên Bộ Chính trị yêu cầu thay đổi lãnh đạo tỉnh.

Trong kỳ họp Quốc hội cuối năm 1993, đồng chí Võ Chí Công gặp tôi và có ý kiến là "Nếu tình hình Quảng Nam - Đà Nẵng không giải quyết được ổn thỏa thì có thể sẽ đề nghị với Bộ Chính trị điều động anh vào làm Bí thư Quảng Nam - Đà Nẵng". Tôi hơi ngỡ ngàng và cũng nghĩ đây chắc mới là ý kiến thăm dò của đồng chí Cố vấn. Qua Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ vào cuối tháng 1-1994, rồi sau Tết Giáp Tuất, qua chuyến thăm và làm việc ở Quảng Nam - Đà Nẵng của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười cũng không thấy Bộ Chính trị có ý kiến gì, tôi tin chắc là tình hình Quảng Nam - Đà Nẵng đã ổn định, nên cũng không thấp thỏm là sẽ được điều động.

Nhưng rồi đùng một cái, vào trưa ngày 15-3, tôi và anh Trương Quang Được được Bộ Chính trị triệu lên giao nhiệm vụ về Quảng Nam- Đà Nẵng thay anh Nguyễn Văn Chi và anh Trần Đình Đạm. Vì chưa có quyết định chính thức bằng văn bản nên tôi vẫn thực hiện chuyến công tác vào Kiên Giang và sau đó họp Hội nghị Ủy ban Kinh tế - Ngân sách ở thành phố Hồ Chí Minh. Đang họp thì có điện của anh Đinh Văn Niệm, Thư ký đồng chí Võ Chí Công, của Ban Tổ chức Trung ương, của Văn phòng Trung ương gọi ra gấp để nhận quyết định chính thức, kịp vào dự Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ Quảng Nam- Đà Nẵng vào ngày 29-3.

Trưa ngày 26-3, tôi quay ra Hà Nội, đến Ban Tổ chức Trung ương nhận quyết định thì chiều hôm ấy, đồng chí Võ Chí Công tổ chức buổi gặp mặt các đồng chí là cán bộ cao cấp quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng đang công tác ở

Trung ương như các anh Hoàng Minh Thắng, Lê Xuân Trinh, Nguyễn Tấn Trịnh, Trần Hà, Đinh Văn Niệm... đến dự và trao đổi với tôi về những vấn đề cần quan tâm khi vào công tác ở tỉnh. Đồng chí Võ Chí Công biết tôi còn nhiều băn khoăn vì chưa nắm bắt được tình hình nên đã động viên tôi là cần bình tĩnh, lắng nghe ý kiến đóng góp của các đồng chí ở địa phương và quan trọng hơn là phải có chính kiến, thận trọng xử lý công việc.

Từ 29 cho đến 31-3-1994, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng họp; đồng chí Võ Chí Công đã dự suốt thời gian Hội nghị và đã phát biểu ý kiến chỉ đạo trước khi Hội nghị bế mạc. Trong bài phát biểu của đồng chí, có những điều mà tôi đã coi như phương châm trong thời gian công tác ở tỉnh.

"...Trước hết phải xây dựng đoàn kết thật sự trong Đảng, tạo nên sự nhất trí cao trong nội bộ Đảng về đường lối và các chủ trương, chính sách, các biện pháp kinh tế - xã hội. Đoàn kết trong nội bộ cấp ủy, giữa cán bộ, đảng viên các cấp, đoàn kết trên dưới, đoàn kết giữa các đồng chí hưu trí với các đồng chí đương chức. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng đã có một truyền thống đoàn kết hết sức tốt đẹp và đã đóng góp phần quan trọng cho sự nghiệp vẻ vang trong lịch sử dân tộc và của Đảng. Trong giai đoạn mới này, phải ra sức phát huy truyền thống tốt đẹp đó để thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội của Đảng.

... Một vấn đề hết sức quan trọng trong xây dựng Đảng là phải tích cực và biết sử dụng tốt đội ngũ cán bộ sẵn có

và đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa. Quảng Nam - Đà Nẵng không thiếu nhân tài, đời nào cũng có nhiều nhân tài, đời nay càng có nhiều nhân tài hơn. Vấn đề là phải tập hợp được nhiều trí tuệ của anh chị em, sử dụng hợp lý trên các lĩnh vực, có chính sách thoả đáng, tạo điều kiện thuận lợi để anh chị em phát huy được tài năng của mình. Mạnh dạn đào tạo lớp cán bộ kế thừa có phẩm chất cách mạng, có trí thức, trẻ, có chuyên môn, qua thử thách công tác để tiếp tục sự nghiệp cách mạng".

Thời gian công tác ở Quảng Nam- Đà Nẵng và sau này ở Quảng Nam, những khi ra họp ở Hà Nội, tôi lại được gặp đồng chí Võ Chí Công và đồng chí đã hỏi han, trao đổi, động viên... Tôi hiểu đó cũng là tình cảm sâu đậm của đồng chí đối với quê hương, với Đảng bộ và nhân dân Đất Quảng, Thành Đà. Và mặc dù không được trực tiếp công tác dưới sự lãnh đạo của đồng chí, nhưng tôi vẫn luôn luôn ghi nhớ những chỉ dẫn của đồng chí trong thực hiện nhiệm vụ công tác được giao cho đến khi về nghỉ hưu.

NHỮNG ĐỀ XUẤT LỚN MANG TẦM CHIẾN LƯỢC

HOÀNG BÍCH SƠN *

Anh Võ Chí Công là người thuộc lớp tuổi với anh ruột tôi là Hồ Nghinh. Tôi nhỏ hơn. Trong quá trình làm việc, tôi có nhiều dịp được gặp anh trong một số chuyến công tác nước ngoài, trong các hội nghị của Trung ương, Quốc hội và đặc biệt được nghe kể nhiều về tài năng, đức độ của anh.

Tôi nhớ lần đi thăm nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên (có anh Đinh Văn Niệm, Thư ký riêng của anh cùng đi), trong bữa cơm nội bộ của Đoàn, có nhiều bộ trưởng, thứ trưởng, tôi nói với anh em là anh Võ Chí Công là người có công lớn trong giải phóng miền Nam năm 1975. Ai nấy đều chú ý và đề nghị tôi giải thích thêm. Tôi nói Nghị quyết của Bộ Chính trị chủ trương giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, nếu có

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội. Bài viết được lược trích từ bài phát biểu của đồng chí Hoàng Bích Sơn tại Hội thảo về thân thế và sự nghiệp của đồng chí Võ Chí Công do Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Đà Nẵng tổ chức năm 1998 tại thành phố Đà Nẵng. Đầu đề do chúng tôi đặt *(BT)*.

thời cơ mới giải phóng trong năm 1975 nhưng do tình hình Tây Nguyên phát triển nhanh quá mà Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu thì chủ trương rút lui chiến lược. Nhận thấy thời cơ đến, anh Võ Chí Công đề xuất việc giải phóng đồng bằng. Cái công của anh Võ Chí Công chính là ở chỗ đó, phát hiện được địch đang sai lầm về chiến lược, rút lui chiến lược, do vậy ta không đánh Kon Tum, Pleiku nhưng chúng vẫn tự rút, thời cơ tiến xuống đồng bằng mở ra. Như vậy, việc giải phóng miền Nam trong năm 1975 xuất phát từ đề xuất rất quan trọng của anh Võ Chí Công mà tôi cho đó là công lao rất lớn của anh đối với đất nước. Phải nói rằng đề xuất của anh Năm Công được chấp nhận là một đóng góp to lớn của anh đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Điều thứ hai tôi muốn nói về anh Năm Công là việc khoán đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo nội dung Chỉ thị số 100, ra ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (quen gọi là Khoán 100). Lúc đầu, ở nhiều nơi, người ta làm khoán như kiểu Khoán 100 thì bị kỷ luật, chỉ đến khi anh Võ Chí Công phát hiện khoán chui ở Hải Phòng, rồi khi về anh đề xuất nên làm được... Đúng là Khoán 100 đã giải phóng cho nông dân. Từ Khoán 100, Trung ương đã đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp bằng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, nông nghiệp nước ta đã có bước phát triển nhảy vọt.

Giải phóng miền Nam năm 1975 và chủ trương Khoán 100 là có phần công lao của anh Năm Công, có ý nghĩa đối với toàn quốc.

Điều thứ ba là trong một lần gặp anh Năm Công ở thành phố Hồ Chí Minh, tôi nói với anh: Anh còn một cái công lớn nữa, có lẽ anh quên, chính anh là một trong những người có công chống chủ nghĩa đa nguyên do một số phần tử cơ hội xới lên sau những biến cố chính trị ở Liên Xô và Đông Âu (không phải đa nguyên theo nghĩa triết học)... Theo tôi cái đó cũng là cái công của anh bởi nếu nước ta theo chủ nghĩa đa nguyên theo kiểu Liên Xô, Đông Âu thì có lẽ tình hình bây giờ khác rồi.

Anh còn có công lớn trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp... Thời gian anh làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, anh cùng tập thể Hội đồng Nhà nước đặt vấn đề xây dựng pháp luật và trong nhiệm kỳ khóa VIII, Quốc hội thông qua hơn ba mươi bộ luật, luật, trong đó có các bộ luật, luật quan trọng là Bộ luật hình sự và Bộ luật lao động và Luật đầu tư nước ngoài. Bộ luật hình sự hết sức quan trọng, vì trước đây ta không có luật này. Lúc đó, do tác động của tình hình Liên Xô và Đông Âu, trong Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, có người muốn xây dựng Hiến pháp giống kiểu Liên Xô, có người muốn làm theo kiểu Tây Âu là tam quyền phân lập.

Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1960 của nước ta, không nói vai trò Đảng lãnh đạo, về sau tình hình đã thay đổi, ta phải ghi vào luật cơ bản là Hiến pháp. Hiến pháp năm 1980 đã bắt đầu ghi điều này, nay sửa đổi, bỏ điều ấy thì tác hại như Liên Xô, Hiến pháp đã ghi, nay bỏ tức là mình lùi một bước.

Đồng chí Võ Chí Công với tư cách là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp đã đấu tranh với các quan điểm muốn xây dựng nhà nước theo kiểu tam quyền phân lập, một nhà nước theo kiểu Liên Xô, các nước Đông Âu. Nói nhà nước pháp quyền thì phải có pháp luật, có hệ thống xây dựng pháp luật, nhờ đó vai trò của Quốc hội được nâng lên. Bây giờ, Quốc hội còn đang trong quá trình phấn đấu để thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của một cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, nhưng cũng đã thể hiện đúng phần nào quyền lực. Còn về Hội đồng Nhà nước thì lúc trước tổ chức như thế này: Hội đồng Nhà nước làm nhiệm vụ giống như Ủy ban Thường vụ Quốc hội bây giờ nhưng nó chỉ làm nhiệm vụ khi Quốc hội không họp. Cũng như Quốc hội các nước khác, Chủ tịch Quốc hội là người điều khiển Quốc hội, cho nên sau này mới chia ra Ủy Ban Thường vụ Quốc hội làm nhiệm vụ như Hội đồng Nhà nước trước đây nhưng mà tách vai trò đại diện tức là Chủ tịch nước ra cho Hội đồng Nhà nước, còn trước đó vừa làm nhiệm vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội vừa là nguyên thủ quốc gia nhưng là nguyên thủ quốc gia tập thể; Chủ tịch Hội đồng Nhà nước cùng với tập thể Hội đồng Nhà nước là nguyên thủ tập thể. Hiến pháp đã sửa đổi mấy điểm đó. Cái công của đồng chí Võ Chí Công góp phần vào việc xây dựng nhà nước pháp quyền và làm cho Quốc hội - cơ quan đại diện cho nhân dân xứng đáng là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất.

Theo nhận thức và hiểu biết của tôi, qua những câu chuyện nêu trên, anh Võ Chí Công xứng đáng là người có tầm chiến lược, là người chịu khó nghiên cứu và có nghiên cứu như vậy mới đề xuất những vấn đề lớn cho cách mạng.

VÕ CHÍ CÔNG -
HIỆN THÂN CỦA MỘT THẾ HỆ VÀNG

VŨ MÃO*

Nhiệm kỳ Quốc hội khóa VIII (1987 - 1992), đồng chí Võ Chí Công là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, còn tôi là ủy viên Hội đồng Nhà nước và trực tiếp làm Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước. Năm năm trời gắn bó công việc với đồng chí Võ Chí Công, đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm sâu sắc.

Đến nay tôi vẫn còn giữ trong ký ức của mình những ấn tượng sâu sắc về một người cộng sản kiên cường, một trong những ngọn cờ của sự nghiệp đổi mới đất nước. Đồng chí Võ Chí Công là hiện thân của một thế hệ vàng trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

1. Ấm tình dân

Cuộc đời đồng chí Võ Chí Công là tấm gương sáng về ý chí và đạo đức cách mạng, về sự gắn bó máu thịt với nhân

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Quốc hội, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội.

dân. Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, đồng chí đã sớm giác ngộ và trở thành người thanh niên yêu nước, giàu nhiệt huyết cách mạng. Trong suốt những năm hoạt động cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa, đồng chí liên tục bám dân, trực tiếp lãnh đạo các cấp bộ đảng ở địa phương, xây dựng và phát triển lực lượng quần chúng rộng khắp.

Cuối năm 1943, đồng chí bị mật thám Pháp bắt và đưa đi đày tại Buôn Ma Thuột với mức án 25 năm cấm cố. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 9-3-1945), đồng chí được trả tự do trở về quê nhà và tham gia Ủy ban khởi nghĩa, lãnh đạo nhân dân giành chính quyền ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đồng chí Võ Chí Công có công lớn lãnh đạo nhân dân Liên khu 5 kiên cường chiến đấu, giành được những thắng lợi to lớn.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cương vị Bí thư Khu ủy 5 kiêm Chính ủy Quân khu 5, đồng chí Võ Chí Công đã chỉ đạo quân và dân Khu 5 chiến đấu kiên cường, luôn đi đầu trong phong trào thi đua diệt Mỹ, góp phần tạo thế đứng vững chắc của ta trên chiến trường miền Nam.

2. Thực tiễn mãi xanh cây đời

Đồng chí Võ Chí Công là người có tư duy mới, nhạy bén nắm bắt tình hình, luôn đi tiên phong trong việc đề xuất và trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

Sau giải phóng miền Nam 30-4-1975 và thống nhất Tổ quốc, tình hình đất nước hết sức khó khăn; lương thực, vật tư và hàng tiêu dùng cạn kiệt. Thêm vào đó là tình trạng ngăn sông, cấm chợ diễn ra khắp nơi càng làm cho lưu thông hàng hóa thêm ách tắc.

Đồng chí Võ Chí Công luôn đi sâu, đi sát cơ sở; xuống nhiều địa phương như Vĩnh Phúc, Hà Nam Ninh... để tìm hiểu thực tiễn khó khăn, những vấn đề về cơ chế "trói buộc" nông dân. Đồng chí nghiên cứu rất kỹ những nơi xé rào áp dụng "khoán chui", tức là giao khoán cho mỗi hộ gia đình một số diện tích ruộng, hợp tác xã có thể điều hành một số khâu, xã viên nộp mức khoán sản phẩm theo diện tích được chia cho hợp tác xã, phần dư thừa nông dân được hưởng. Sở dĩ việc này được gọi là "khoán chui" vì trái với hình thức hợp tác hóa nông nghiệp thời đó.

Từ những thực tiễn đó, đồng chí có những kiến nghị với Trung ương, từng bước tháo gỡ tạo đà cho việc hình thành tư tưởng "khoán" trong nông nghiệp, mở đầu cho thời kỳ đổi mới kỳ diệu của đất nước.

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (tháng 1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, thường gọi tắt là *Khoán 100* có ý nghĩa lịch sử to lớn, tạo ra bước ngoặt quan trọng trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, đồng thời cũng là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta.

Từ thắng lợi của Khoán 100, đồng chí Võ Chí Công được Bộ Chính trị tin cậy giao cho việc soạn thảo để ra Nghị quyết 10 (tháng 4-1988), thường gọi tắt là *Khoán 10*.

Nhờ có những cơ chế và chính sách đúng đắn ở tầm vĩ mô nên Việt Nam không phải nhập lương thực như những năm trước mà còn xuất khẩu được lương thực, năm sau nhiều hơn năm trước. Nhìn tổng quát, đồng chí Võ chí Công là một trong những nhà lãnh đạo đi tiên phong trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Hai bài học nêu trên, tôi thể hiện trong 4 câu thơ:

Bao tháng năm đối mặt thù nơi tiền tuyến
Lòng nhiệt thành dâng hào khí vượt bão giông
Khoán một trăm khắc dấu son dầy công đức
Ngọn cờ hồng tình nhân nghĩa phúc non sông.

3. Chân thành - Tin cậy - Không làm thay

Đồng chí Võ Chí Công đã cùng với tập thể Hội đồng Nhà nước tạo ra một phong cách mới trong các lĩnh vực công tác lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Những đổi mới của Quốc hội ở nhiệm kỳ khóa VIII, được đánh giá cao, được nhân dân đồng tình, gắn liền với sự chỉ đạo kiên quyết và sáng tạo của đồng chí Võ Chí Công.

Năm 1988, có một việc làm tuy nhỏ bé nhưng có tác dụng thiết thực là việc áp dụng công nghệ thông tin, lắp đặt hệ thống biểu quyết điện tử ở Hội trường Ba Đình thay vì biểu quyết giơ tay, vừa mất thời gian vừa hạn chế dân chủ. Vấn đề này lúc đầu có những ý kiến khác nhau, nhưng chính đồng chí Võ Chí Công là người khích lệ và kiên quyết ủng hộ nên đã thành công, đến hôm nay thành tựu này vẫn đang được duy trì và phát huy.

Năm 1989, đồng chí Võ Chí Công đã góp phần quan trọng trong việc chỉ đạo sửa *Lời nói đầu* của Hiến pháp năm 1980, đáp ứng cho việc đổi mới hoạt động đối ngoại, nhất là quan hệ với Trung Quốc.

Năm 1990 và năm 1991, với cương vị Chủ tịch Ủy ban Sửa đổi Hiến pháp, đồng chí Võ Chí Công đã đầu tư nhiều công sức cho việc sửa đổi và bổ sung Hiến pháp năm 1980. Chúng ta đã có bản Hiến pháp năm 1992 là Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên hội nhập và phát triển.

Trong công việc, tôi thấy ở đồng chí Võ Chí Công có một đức tính rất đáng kính là khiêm tốn, luôn quan tâm đến những vấn đề khó, nhận thức khác nhau. Đồng chí lắng nghe và tìm cách giải quyết thỏa đáng. Từ chỗ còn có những ý kiến khác nhau, tưởng chừng rất khó tạo ra sự đồng thuận, nhưng với sự dày dạn trong nghệ thuật điều hành, nên những kết luận của đồng chí có tính thuyết phục. Ngay trong bản Hiến pháp năm 1992, đồng chí vẫn còn có những trăn trở, còn những băn khoăn về vấn đề quyền sở hữu, vấn đề tổ chức bộ máy nhà nước, vấn đề phát huy thực sự quyền dân chủ của người dân, vấn đề đổi mới sự lãnh đạo của Đảng.

4. Dân chủ - Tranh cử - Nhân tài

Kiên quyết đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Quốc hội.

Về vấn đề này, đầu tiên là phải kể đến vai trò của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Sau khi nhận chức Tổng Bí thư,

phát biểu trước Quốc hội, đồng chí đã ví von rằng, lâu nay vai trò Quốc hội thường giống như cây kiểng (miền Bắc gọi là cây cảnh). Đồng chí Nguyễn Văn Linh khẳng định rằng không thể để tình trạng ấy kéo dài và phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội.

Qua hoạt động thực tiễn của nhiệm kỳ khóa VI của Đảng và tương ứng với khóa VIII của Quốc hội, tôi nhận thấy: Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công là cặp bài trùng trong lĩnh vực đổi mới hoạt động của Quốc hội. Hai đồng chí đã đề nghị với Bộ Chính trị và được sự nhất trí: Các vấn đề của Quốc hội thì Hội đồng Nhà nước (theo Hiến pháp năm 1992 là Ủy ban Thường vụ Quốc hội) chịu trách nhiệm. Bộ Chính trị không bàn quá sâu vào các nội dung của kỳ họp Quốc hội và không vội sớm đưa ra các kết luận để yêu cầu Quốc hội phải biểu quyết thông qua. Với cách làm đó, Bộ Chính trị không bị mất nhiều thời gian thảo luận những vấn đề mà Quốc hội chưa xem xét; còn Quốc hội thì có trách nhiệm hơn, được chủ động hơn trong việc xem xét và quyết định các vấn đề theo quyền hạn của mình.

Năm 1988, một sự kiện quan trọng được xem như là một dấu son trong tiến trình dân chủ của hoạt động Quốc hội là có hai ứng cử viên để Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Thực chất ở đây là tranh cử. Có được dấu son này, phải kể đến công lao của đồng chí Nguyễn Văn Linh và đồng chí Võ Chí Công. Nhưng rất tiếc, vấn đề tranh cử của hai ứng cử viên vào chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Thủ tướng) ở thời điểm đó mới chỉ mang tính

giải quyết biện pháp tình thế chứ chưa phải là một chủ trương nên việc tốt này không được duy trì.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Võ Chí Công được nhân dân ta, được Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao. Lớp con cháu nguyện noi theo tấm gương của đồng chí.

Với tấm lòng cảm phục đồng chí Võ Chí Công, tôi đã viết bài thơ:

TẤM LÒNG NHÂN HẬU

Kính tặng Anh Võ Chí Công

Nhớ một thời Anh đã về nơi ấy
Cùng đồng bào đồng chí thân thương
Sóng cách mạng trào dâng bừng khơi dậy
Cho ngày vui giải phóng quê hương

Đời chiến chinh vượt muôn ngàn gian khó
Đối mặt thù nếm mật nằm gai
Tình mặn nồng ngày càng thêm gắn bó
Lòng nhiệt thành luôn hướng tới tương lai

Ngày chiến thắng non sông chung một giải
Cùng quây quần bên bếp lửa hân hoan
Vẫn vẹn nguyên tình nghĩa ngày sống mái
Đài gương soi, đời văn võ song toàn

Mến phục Anh tấm lòng giàu nhân đức
Lo cho dân từng manh áo bát cơm
Suy tư hoài, trở trăn nhiều thao thức
Để cho đời đọng lại những hoa thơm

Có ai đó nơi khốn cùng... bể sở
Anh rộng lòng chia sẻ nỗi đắng cay
Chỉ hướng đi trên con đường rộng mở
Rồi một mai tràn nhựa sống căng đầy

Bấy nhiêu năm trải gió sương đằng đẵng
Đẹp non sông, đời hương ngát tấm gương
Trời biếc xanh, suối ngàn reo trong trắng
Nhân hậu Anh, nhịp quân khúc dặm trường.

Ngày 9-9-2011

ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ QUÊ HƯƠNG QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

NGUYỄN ĐỨC HẢI *

Đồng chí Võ Chí Công tên thật là Võ Toàn, sinh ngày 7-8-1912, tại làng Tam Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay thuộc xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, một vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Võ Chí Công là tên của đồng chí được dùng từ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; bạn bè, đồng chí thường gọi đồng chí bằng cái tên trìu mến, thân thương: anh Năm Công.

Thân sinh của đồng chí Võ Chí Công là cụ Võ Dương (Võ Nghiệm), một chí sĩ yêu nước trong các phong trào Đông du, phong trào Duy tân, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; đã bị thực dân Pháp và tay sai bắt giam cầm, tra tấn, sức khỏe bị giảm sút, một thời gian sau thì qua đời. Cụ đã được công nhận liệt sĩ. Thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Thân, một người phụ nữ chịu thương,

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam.

chịu khó, có nhiều công lao che giấu, giúp đỡ cán bộ. Cụ mất năm 1973 và được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Mang trong mình dòng máu yêu nước, được nuôi dưỡng trong văn hoá truyền thống của gia đình, lớn lên cùng phong trào chống thực dân Pháp xâm lược của quê hương, năm 1926, đồng chí Võ Chí Công đã bắt đầu tham gia các hoạt động yêu nước. Trong suốt 70 năm hoạt động cách mạng liên tục, đồng chí Võ Chí Công được Đảng tin tưởng giao cho nhiều trọng trách: Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Bí thư Liên khu ủy 5, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Bí thư Khu ủy 5, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng rồi Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Võ Chí Công luôn gắn liền với những chặng đường đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ nhưng rất đỗi oanh liệt, hào hùng của Đảng và dân tộc ta. Qua thực tiễn cách mạng, đồng chí Võ Chí Công luôn thể hiện là nhà lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh, đem hết tài năng, sức lực và trí tuệ phục vụ sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân.

Phẩm chất cách mạng và tài năng trí tuệ của đồng chí luôn bộc lộ một cách đầy đủ nhất trong những giai đoạn đấu tranh cam go và phức tạp, khi mà thực tiễn cách mạng đòi hỏi người lãnh đạo phải thể hiện bản lĩnh vững vàng, ý chí cách mạng tiến công, sự linh hoạt, quyết đoán,

sáng tạo. Đồng chí Võ Chí Công là tấm gương sáng ngời về lòng trung thành, tận tụy với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, tinh thần bất khuất, kiên cường, đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đồng chí Võ Chí Công được toàn Đảng, toàn dân và bạn bè quốc tế thương yêu, kính trọng. Với những cống hiến xuất sắc của mình cho sự nghiệp cách mạng, đồng chí đã được Đảng và Nhà nước ta tặng thưởng Huân chương Sao vàng và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

Từ trần vào ngày 8-9-2011, đồng chí Võ Chí Công đã để lại cho mỗi chúng ta di sản quý báu về những đóng góp to lớn cho cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng.

1. Đồng chí Võ Chí Công với phong trào cách mạng Quảng Nam - Đà Nẵng trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền và chống thực dân Pháp xâm lược (1930-1954)

Tiếp thu truyền thống cách mạng của gia đình, với hoài bão của tuổi trẻ, đồng chí Võ Chí Công đã sớm dấn thân vào con đường cách mạng vinh quang và gian khổ. Năm 1926, khi mới 14 tuổi, đồng chí Võ Chí Công đã cùng cha tham gia phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu và để tang cụ Phan Chu Trinh tại Tam Kỳ. Đây là sự kiện chính trị đầu tiên mà đồng chí tham gia, để lại những dấu ấn sâu sắc: "Đến nay đã hơn 70 năm mà tôi vẫn còn nhớ như mới gần đây, bởi đây là cột mốc đầu tiên tôi tham gia một sự kiện chính trị lớn... Chỉ riêng ở Quảng Nam hay

nói hẹp hơn là ở Tam Kỳ, phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan đã gây một tiếng vang chưa từng có trong nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên"[1]. Sự kiện này đã tác động mạnh mẽ đến sự hình thành tư tưởng cách mạng của đồng chí Võ Chí Công sau này.

Trong những năm 1939 - 1943, phong trào cách mạng ở Quảng Nam bị địch đánh phá, bể vỡ nặng. Lần lượt các đồng chí tỉnh ủy viên bị bắt, cơ quan Tỉnh ủy phải di chuyển nhiều nơi, mạng lưới mật thám của thực dân Pháp giăng kín mọi ngả đường, hàng nghìn cán bộ, đảng viên bị địch bắt, tra tấn, tù đày, nhiều lúc khó khăn tưởng chừng không vượt qua được. Với cương vị Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ (1939), rồi Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam (1940), đồng chí Võ Chí Công len lỏi vào phong trào, kiên trì chịu đựng gian khổ hy sinh, nhận nhiệm vụ đi liên lạc, xây dựng cơ sở để khôi phục phong trào cách mạng ở các phủ cánh bắc của tỉnh. Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn vì địa bàn hoạt động gần với tỉnh lỵ của địch, lại xa cơ quan Tỉnh ủy. Nhưng lúc nào cũng vậy, đồng chí Võ Chí Công luôn dành về mình những nhiệm vụ khó nhất.

Trong vai một người buôn dầu phộng (dầu lạc), buôn thuốc lá, đồng chí lặn lội hết địa phương này đến địa phương khác, có lúc vào tận Ninh Thuận, Bình Thuận, nhiều lần mưu trí thoát khỏi vòng vây của kẻ thù để bám trụ lãnh đạo ổn định tình hình tư tưởng, bàn kế hoạch chống khủng bố, giữ liên lạc từ tỉnh đến cơ sở.

---

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.31 - 32.

Những hoạt động không mệt mỏi với bầu nhiệt huyết cách mạng nóng bỏng của đồng chí Võ Chí Công đã từng bước khôi phục phong trào cách mạng Quảng Nam, góp phần đưa phong trào cách mạng ở địa phương tiến kịp với phong trào chung trong cả nước.

Tháng 10-1943, đồng chí Võ Chí Công bị địch bắt và bị kết án chung thân, sau giảm xuống 25 năm và đày lên Nhà đày Buôn Ma Thuột. Trong nhà tù đế quốc, đối mặt với kẻ thù, luôn cận kề với cái chết, nhưng đồng chí Võ Chí Công vẫn luôn nêu cao khí tiết của người cộng sản, giữ vững tinh thần chiến đấu, tôi luyện ý chí cách mạng, tham gia đấu tranh chống lại chế độ giam cầm hà khắc của địch. Ý chí đấu tranh kiên cường của đồng chí đã làm cho kẻ thù phải nể sợ, chúng liệt đồng chí vào loại "*đặc biệt nguy hiểm*". Với trách nhiệm của người lãnh đạo phong trào ở địa phương, đồng chí tìm cách gặp gỡ các bạn tù là người Quảng Nam bị bắt trước đó để thông báo tình hình bên ngoài, bàn giao cơ sở ở Quảng Nam để những người được ra tù trước dễ dàng bắt mối hoạt động trở lại. Chính nhờ sự giới thiệu đó mà tháng 4-1944, các đồng chí Trần Văn Quế, Nguyễn Tiến Chế, Nguyễn Tấn Ưng đã bắt liên lạc được với các địa phương trong tỉnh, nhanh chóng thành lập lại Tỉnh ủy để lãnh đạo cao trào kháng Nhật, cứu nước ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

Tháng 3-1945, đồng chí Võ Chí Công được ra tù. Không một phút nghỉ ngơi, đồng chí lập tức lao ngay vào chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam.

Trong những ngày nổ ra khởi nghĩa, đồng chí được phân công về chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ở Hội An. Với tư duy nhạy bén, đồng chí đã kịp thời phát động khởi nghĩa giành chính quyền tại thị xã Hội An thành công vào đêm 17 rạng ngày 18-8-1945, sớm hơn kế hoạch ban đầu, đập tan âm mưu cướp chính quyền để mặc cả với cách mạng của bọn Quốc dân Đảng và bọn phản động đội lốt đạo Cao đài.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Võ Chí Công được cấp trên phân công tham gia xây dựng lực lượng vũ trang của Quân khu 5. Sau đó được cử làm Bí thư Ban Cán sự Đông Bắc Miên.

Tại Đại hội Đảng bộ Liên khu 5 lần thứ II (tháng 3-1951), đồng chí Võ Chí Công được bầu vào Liên khu ủy và được phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng. Trên cương vị Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Võ Chí Công đặc biệt chú trọng đến việc lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và đẩy mạnh công tác bố phòng. Trong các cuộc họp Tỉnh ủy, đồng chí luôn lắng nghe ý kiến của các địa phương, chủ trì thảo luận sôi nổi để đề ra biện pháp đối phó hiệu quả, phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp về các địa phương để chỉ đạo công tác diệt tề, đánh đồn, phá khu dồn. Tháng 5-1952, Liên khu 5 mở chiến dịch hè, lấy Quảng Nam làm chiến trường trọng điểm để đánh bại kế hoạch chiêu an của địch, khôi phục và mở rộng vùng du kích. Đây là đề xuất của Quảng Nam, trong đó có vai trò quan trọng của đồng chí Võ Chí Công.

Trong trận đói ở Quảng Nam vào giữa năm 1952, đồng

chí Võ Chí Công đã đề ra hàng loạt biện pháp cấp bách như xuất kho dự trữ của tỉnh, kêu gọi sự hỗ trợ của Liên khu để khắc phục nạn đói trước mắt, tổ chức cuộc vận động với khẩu hiệu "*vùng đói ít nhịn tiêu, bớt ăn giúp vùng đói nặng*", bộ đội thực hiện nhịn ăn một bữa trong tuần để giúp nhân dân; phân công cán bộ tỉnh về tận nơi để đôn đốc việc cứu đói. Bản thân đồng chí Võ Chí Công cũng thường xuyên đi kiểm tra, đôn đốc, phát động nhân dân vùng ven biển trồng rau lang cứu đói. Nhờ những chỉ đạo quyết liệt, biện pháp đúng đắn trên, chỉ trong một thời gian ngắn, nạn đói đã được khắc phục, sản xuất được phục hồi, đời sống nhân dân trở lại bình thường.

Trong suốt 24 năm (1930 - 1954), đồng chí Võ Chí Công luôn có mặt trong mọi phong trào cách mạng ở Quảng Nam, từ vai trò Bí thư Chi bộ cho đến cương vị Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình cách mạng. Trong những năm tháng gian khó ấy, luôn hiện lên hình ảnh người lãnh đạo sâu sát với phong trào, không ngại gian khổ, hy sinh, đưa ra nhiều quyết sách đúng đắn, góp phần giữ vững và từng bước đưa phong trào cách mạng ở Quảng Nam tiến lên mà đỉnh cao là cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công rực rỡ, đưa Quảng Nam trở thành một trong những tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong cả nước. Chín năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), mặc dù thời gian công tác ở Quảng Nam không dài nhưng đồng chí Võ Chí Công luôn có mặt trong những lúc phong trào cách mạng tỉnh Quảng Nam gặp nhiều khó khăn nhất, đưa phong trào cách mạng

Quảng Nam theo kịp phong trào chung trong cả nước, cùng cả nước hoàn thành cuộc kháng chiến chống Pháp, đưa cách mạng Việt Nam bước sang một trang sử mới, tươi sáng hơn và bi hùng hơn.

2. Đồng chí Võ Chí Công với phong trào cách mạng miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

Đồng chí Võ Chí Công là một trong những nhà lãnh đạo có nhiều cống hiến quan trọng, góp phần làm nên những chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt là trên địa bàn Khu 5 và Nam Bộ. Trên cương vị Bí thư Liên khu ủy, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, rồi Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 5, tài năng, trí tuệ của đồng chí luôn tỏa sáng trong những bước ngoặt quan trọng của phong trào cách mạng. Thực tiễn cách mạng đã chứng minh, việc Trung ương lựa chọn đồng chí Võ Chí Công là người đứng mũi chịu sào cho phong trào cách mạng ở Liên khu 5 là một quyết định đúng đắn, sáng suốt.

Do bám sát cơ sở, bám sát phong trào, lại trung thành và kiên định, từ thực tiễn chỉ đạo cách mạng ở Liên khu 5, đồng chí đã đề xuất nhiều vấn đề có ý nghĩa chiến lược tại Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) góp phần làm sáng tỏ con đường cách mạng Việt Nam, đó là con đường bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của quân thù.

Ngay sau khi Nghị quyết 15 được ban hành, ở miền Tây Quảng Ngãi nổ ra cuộc khởi nghĩa của nhân dân Trà Bồng (tháng 8-1959). Đây là một sự kiện đường đột, khiến cho nhiều đồng chí băn khoăn, nhiều địa phương lo ngại, có đồng chí lãnh đạo Liên khu ủy còn đề nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy kiểm điểm Tỉnh ủy Quảng Ngãi vì đã nóng vội, thiếu phối hợp giữa các địa phương. Trên cương vị Bí thư Liên khu ủy, bằng tư duy sáng tạo và kinh nghiệm thực tiễn cách mạng, đồng chí Võ Chí Công bình tĩnh xuống tận địa phương để nắm tình hình, lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trên cơ sở đó, đồng chí đã kịp thời đưa ra những kết luận chính xác, góp phần xóa tan mọi ý kiến trái chiều, phát huy hơn nữa tinh thần cách mạng của nhân dân, chiến sĩ, kiên quyết vượt qua khó khăn, đánh bại các cuộc phản kích của địch, bảo toàn thắng lợi đã giành được.

Trong những năm 1961 - 1962, với trách nhiệm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Võ Chí Công đã cùng các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục lãnh đạo và phát động quần chúng nổi dậy phá ách kìm kẹp của địch, khắc phục tư tưởng "*chạy xà đùa*", xây dựng thế trận du kích chiến tranh để đánh bại chiến thuật "*trực thăng vận*", "*thiết xa vận*" của địch; chỉ đạo phong trào đấu tranh ở đô thị, làm tốt công tác vận động nhân sĩ, trí thức, tăng cường và mở rộng Mặt trận Dân tộc giải phóng. Trước âm mưu lập ấp chiến lược để kìm kẹp nhân dân của Mỹ - ngụy, đồng chí không quản ngại gian khổ, hy sinh về tận bưng biền vùng đồng bằng sông Cửu Long, miền Tây Nam Bộ

khảo sát, tìm hiểu tình hình, đúc rút kinh nghiệm để phổ biến cho toàn miền Nam. Tinh thần chỉ đạo sâu sát, đề xuất nhiều biện pháp sáng tạo đã giúp đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo nhân dân Nam Bộ phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân để thực hiện phương châm đấu tranh "*hai chân, ba mũi giáp công"*, từng bước đánh bại chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" của đế quốc Mỹ.

Trước tình hình cách mạng ở Khu 5 đang gặp nhiều khó khăn, tháng 4-1964, Trung ương điều đồng chí Võ Chí Công về làm Bí thư Khu ủy 5. Cũng nhân dân ấy, cán bộ ấy, chiến trường ấy... thế mà từ khi đồng chí Võ Chí Công về làm Bí thư Khu ủy 5 thì tình hình ngày càng chuyển biến. Đồng chí cùng với Khu ủy đưa phong trào từng bước đi lên, vượt qua những khó khăn phức tạp, giành thắng lợi ngày càng lớn. Với tinh thần cách mạng tiến công, sự lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, sắc bén của đồng chí đã biến thành sức mạnh vật chất, giúp cho quân dân Khu 5 và Quảng Nam làm nên chiến thắng Núi Thành lịch sử ngày 26-5-1965, phát huy hiệu quả thế trận chiến tranh nhân dân ở vành đai diệt Mỹ Chu Lai, Hòa Vang, góp phần tạo ra bước chuyển quan trọng về nhận thức và hành động trong quân dân miền Nam và cả nước. Tư tưởng dám đánh, quyết đánh và quyết thắng Mỹ được củng cố và tăng cường trong toàn quân và toàn dân ta lúc bấy giờ.

Là Bí thư Khu ủy 5, bằng tài năng, đạo đức cách mạng của mình, đồng chí đã thuyết phục, tập hợp, đoàn kết cán bộ, quân dân thành một khối thống nhất; cán bộ, nhân dân

kính trọng và thương mến đồng chí như người thân của mình. Đặc biệt là trong Ban Thường vụ Khu ủy, có người có tuổi đời, tuổi Đảng lớn hơn, có những người nổi tiếng khó tính nhưng ở bên cạnh đồng chí Võ Chí Công, ai nấy đều cảm thấy gần gũi, chân tình như anh em ruột thịt. Chính những đức tính ấy, nhân cách ấy đã giúp đồng chí Võ Chí Công trở thành hạt nhân để quy tụ cán bộ lãnh đạo, biến Ban Thường vụ Khu ủy trở thành một tập thể thép. Chính cái tập thể thép ấy đã cùng với đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo quân và dân Khu 5 làm nên những chiến công đầy hiển hách, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Tinh thần cách mạng tiến công, tư duy lãnh đạo nhạy bén, quyết đoán của đồng chí còn thể hiện trong việc chớp thời cơ, quyết định giải phóng thị xã Tam Kỳ, thị xã đầu tiên được giải phóng ở miền Trung, tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng Đà Nẵng sớm hơn kế hoạch dự kiến của Bộ Chính trị, giúp cho ta nhanh chóng giành được thắng lợi, tiếp quản thành phố gần như nguyên vẹn, tạo tiền đề cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà.

Chín năm chống Pháp, 21 năm chống Mỹ, đồng chí Võ Chí Công đã đi suốt cùng hành trình vượt qua phong ba bão táp của dân tộc. Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam nói chung, Khu 5 nói riêng, đồng chí Võ Chí Công đã có những đóng góp quan trọng, tài năng, trí tuệ của đồng chí luôn phát sáng rực rỡ trong những bước ngoặt quan trọng của cuộc kháng chiến, lãnh đạo quân và dân

Khu 5 đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, cùng nhân dân cả nước thực hiện thành công tâm nguyện của Bác Hồ và khát vọng của dân tộc: Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Đồng chí Võ Chí Công với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước sau năm 1975

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đồng chí Võ Chí Công được điều về Trung ương để cùng gánh vác trách nhiệm tái thiết, xây dựng lại đất nước. Từ cương vị Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp kiêm Trưởng ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam, Thường trực Ban Bí thư; Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, ở bất cứ cương vị nào, đồng chí Võ Chí Công đều hết lòng hết sức phục vụ sự nghiệp chung, xem sự nghiệp cách mạng là lẽ sống của mình. Những đề xuất, chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công trong thời gian này đã góp phần đưa đất nước vượt qua giai đoạn cực kỳ khó khăn, từng bước đi lên con đường đổi mới. Với những đóng góp to lớn của đồng chí trong giai đoạn này đã chứng tỏ đồng chí Võ Chí Công là một nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, là con người của thực tiễn, là người luôn xuất hiện đúng lúc thực tiễn lịch sử có yêu cầu.

Từ khi về công tác ở Trung ương, ngoài việc đóng góp chung về các mặt trong sự lãnh đạo của Bộ Chính trị đối với đất nước, trên trách nhiệm cá nhân, đồng chí luôn trăn

trở trước những khó khăn của đất nước, trước tình trạng nghèo khó của nhân dân. Đồng chí Võ Chí Công không chỉ thể hiện là một nhà lãnh đạo kháng chiến xuất sắc mà còn là một nhà lãnh đạo xây dựng đất nước có bộ óc khám phá, tư duy sáng tạo, dám nghĩ, dám làm để đưa ra những đề xuất, giải pháp quan trọng, góp phần xây dựng đất nước.

Khi giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản, đồng chí đề xuất những giải pháp quyết liệt nhằm tháo gỡ những khó khăn cho ngành hải sản, đưa ngành hải sản trở thành một ngành mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân.

Khi làm Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách nông nghiệp, đồng chí ủng hộ cách làm "*khoán sản phẩm"* (chưa được chấp nhận chính thức) ở các hợp tác xã nông nghiệp; thường xuyên khảo sát thực tế, đi sâu nghiên cứu đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý hợp tác xã. Với kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình, đồng chí Võ Chí Công nhận trách nhiệm dự thảo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thực hiện khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp đến nhóm và người lao động. Trên cơ sở tổng kết Chỉ thị 100, Trung ương chủ trương đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp bằng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị năm 1988. Chính bước đột phá lịch sử này đã mang lại cho nhân dân ta cuộc sống no ấm, hạnh phúc. Công lao ấy của đồng chí vẫn luôn được nhân dân khắc ghi bằng câu thơ:

"Hoan hô anh Võ Chí Công
Anh cho khoán hộ ruộng đồng tốt tươi"

Các chủ trương trên đây là sự đổi mới trong lĩnh vực

nông nghiệp, một bước ngoặt phát triển nông nghiệp, tạo ra động lực trong sản xuất, đưa nước ta từ chỗ thiếu lương thực triền miên, phải nhập khẩu nay đã đáp ứng được nhu cầu lương thực trong nước và còn dành một phần cho xuất khẩu. Từ kinh nghiệm thực tế đổi mới kinh tế nông nghiệp, đồng chí được phân công làm Trưởng Tiểu ban nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế chung, đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng Nghị quyết 306 của Bộ Chính trị về phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh đơn vị cơ sở (bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, phân phối lưu thông).

Từ thực tiễn, cùng những bài học kinh nghiệm cải tổ thất bại ở Liên Xô và Đông Âu, đồng chí đã đóng góp vào việc xác định đường lối đổi mới của đất nước mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã quyết định.

Khi làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí đã đi sâu nghiên cứu, trước hết là thực hiện dân chủ thật sự đối với cơ quan dân cử: Hội đồng nhân dân, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước theo phương châm Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Trên cương vị Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, đồng chí đã cùng Ủy ban tập hợp rộng rãi ý kiến của các tầng lớp nhân dân, tập trung được nhiều chuyên gia nghiên cứu, kinh nghiệm xây dựng hiến pháp của một số nước vận dụng vào thực tiễn Việt Nam cho phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng. Đồng chí kiên trì đấu tranh với những quan điểm sai trái trong việc sửa đổi Hiến pháp, giữ vững những điều cơ bản về dân

chủ, về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, chỉ sửa những điều khoản, những quy định không còn phù hợp với đường lối đổi mới, trở ngại cho việc phát triển mọi mặt của đất nước. Nội dung sửa đổi Hiến pháp do đồng chí chỉ đạo đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng ủng hộ mạnh mẽ, toàn dân hoan nghênh và Quốc hội thông qua trở thành Hiến pháp sửa đổi năm 1992 - Hiến pháp của thời kỳ đổi mới ở nước ta. Trên cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mặc dù tuổi đã cao nhưng đồng chí vẫn đem hết trí tuệ, sức lực của mình để tham gia nhiều ý kiến quan trọng với lãnh đạo Đảng và Nhà nước về thực hiện và hoàn thiện đường lối đổi mới, giải phóng những vấn đề lớn của đất nước.

4. Đồng chí Võ Chí Công - người con đất Quảng trọn nghĩa vẹn tình

Đối với quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng, đồng chí Võ Chí Công đã có nhiều công lao to lớn. Công lao đó thể hiện trong nhiều thời kỳ, nhiều lĩnh vực, nhiều vị trí công tác khác nhau.

Khi được Đảng điều ra công tác ở Trung ương với những trọng trách nặng nề, đồng chí vẫn dành thời gian về thăm và làm việc với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, dành cho quê hương những tình cảm mặn nồng, sâu đậm. Mỗi lần về thăm, làm việc, đồng chí không chỉ thực hiện nhiệm vụ truyền đạt quan điểm, đường lối của Đảng, các chủ trương, chính sách của Nhà nước mà còn tranh thủ thăm nhiều đảng bộ cơ sở, thăm các đồng chí

lão thành cách mạng, các gia đình có công với nước, thăm vùng căn cứ miền núi, căn cứ cách mạng của quê hương.

Đặc biệt, đồng chí luôn động viên, nhắc nhở Đảng bộ phải thật sự đoàn kết nhất trí làm hạt nhân trong khối đại đoàn kết toàn dân, phải thật sự phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân, động viên sức mạnh to lớn của họ vượt qua khó khăn để không ngừng đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Đồng chí cũng căn dặn Đảng bộ và nhân dân địa phương không được thỏa mãn với thành tựu đã đạt được mà phải không ngừng vươn lên, giành những thành tựu to lớn hơn nữa... Đồng chí cũng lưu ý các cấp, các ngành, các địa phương phải có tinh thần chủ động, sáng tạo, không thụ động ngồi chờ, ỷ lại vào cấp trên; phải nắm vững quan điểm thực tiễn, chú ý phát triển những tư duy mới, ý tưởng mới... Phát biểu tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XVI (Vòng 1) năm 1991, đồng chí thể hiện niềm tin sắt đá: "Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường trong các giai đoạn lịch sử của dân tộc. Nhân tài và đội ngũ cán bộ các thế hệ đông đúc, đủ sức làm nên sự nghiệp lớn". Trong Thư gửi nhân dân và Đảng bộ huyện Núi Thành nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập huyện (1984 - 2004), đồng chí biểu lộ niềm mong muốn: "Tôi tin chắc rằng không bao lâu nữa, nơi đây sẽ trở thành Khu công nghiệp hiện đại, một vùng du lịch hấp dẫn và một thành phố biển đàng hoàng to đẹp, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa nước ta".

Là đại biểu Quốc hội ba khóa liền (khóa VI, VII, VIII) tại đơn vị Quảng Nam - Đà Nẵng, đồng chí luôn thể hiện là chiếc cầu nối vững chãi giữa cử tri với Quốc hội, thường xuyên lắng nghe ý kiến của cử tri và tổng hợp, đề đạt lên Đảng và Nhà nước quan tâm giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Năm 1997, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tách thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, đồng chí đã cho nhiều ý kiến quý báu để hai địa phương phát huy truyền thống quê hương, ra sức xây dựng mỗi địa phương ngày càng phát triển.

Những năm tháng sau khi thôi làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tuy bấy giờ tuổi đã cao, sức đã giảm nhiều, dù sống xa quê nhưng đồng chí vẫn tiếp tục dành những sự quan tâm sâu sắc đối với quê hương. Mỗi dịp có các đồng chí lãnh đạo của tỉnh vào thành phố Hồ Chí Minh thăm, chúc thọ, đồng chí đều hỏi thăm về tình hình tỉnh nhà và gửi lời chúc Đảng bộ và nhân dân địa phương giành được những thành tựu mới. Những dịp về thăm quê, đồng chí đều căn dặn cần chú ý đến đời sống nhân dân, nhất là vùng căn cứ kháng chiến, các gia đình chính sách, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đặc biệt giữ sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng. Đồng chí tin rằng nếu giải quyết được những vấn đề cơ bản trên, sự nghiệp cách mạng của chúng ta nhất định thành công, sự nghiệp đổi mới đất nước và quê hương sẽ thắng lợi.

Với tinh thần trách nhiệm đối với quê hương, nghĩa tình sâu nặng đối với đồng chí, đồng đội, đồng chí Võ Chí Công

bao giờ cũng là người chấp bút viết lời giới thiệu cho các công trình nghiên cứu, biên soạn về lịch sử địa phương hay đề nghị các cơ quan chức năng quan tâm đầu tư, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng trên đất Quảng Nam. Đồng chí luôn sốt sắng xác nhận, đề nghị các cơ quan chức năng quan tâm thực hiện chế độ chính sách cho những người có công với cách mạng. Mỗi lần như vậy, đồng chí đều nhắc lại những năm tháng còn hoạt động bí mật, được đồng bào nuôi giấu như một sự tri ân sâu sắc đối với những cống hiến của người có công với nước; thắp nén hương cho người đã khuất mà lòng xúc động, nghẹn ngào. Đồng chí cũng dành một phần khoản lương hưu của mình để đóng góp vào các quỹ học bổng, xây dựng các công trình đền ơn đáp nghĩa, giúp nhân dân địa phương khắc phục hậu quả thiên tai...

Có thể nói, mỗi thắng lợi của phong trào cách mạng của Quảng Nam - Đà Nẵng trong 82 năm qua đều mang những dấu ấn đáng nhớ của đồng chí Võ Chí Công. Từ một cán bộ cơ sở, đồng chí đã trở thành người lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ, người đứng đầu của Khu 5, rồi giữ chức Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ở đâu, với cương vị nào, đồng chí cũng dành những tình cảm đối với quê hương trên tinh thần của người cán bộ cách mạng, đạo lý của dân tộc. Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam, Đà Nẵng luôn khắc ghi công lao to lớn của đồng chí.

Những lời căn dặn, chỉ đạo, cổ vũ của đồng chí Võ Chí Công cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị, vẫn là những

yêu cầu bức thiết và là nguồn động viên to lớn, khích lệ cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cuộc đời, sự nghiệp, nhân cách của đồng chí Võ Chí Công là tài sản vô giá, làm rạng danh cho quê hương đất Quảng, là tấm gương sáng ngời để Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam học tập và noi theo.

ANH NĂM CÔNG VỚI CÔNG TÁC AN NINH TRÊN ĐỊA BÀN KHU NĂM

Thượng tướng, TS. LÊ THẾ TIỆM*

Đồng bào, đồng chí và cán bộ, chiến sĩ Công an Quảng Nam - Đà Nẵng cũng như cá nhân tôi vô cùng ngưỡng mộ, tự hào về đồng chí Võ Chí Công, với tên thường gọi rất thân thương là anh Năm, người con ưu tú của quê hương mà tên tuổi, sự nghiệp đã và mãi mãi gắn liền với cuộc đấu tranh hào hùng, oanh liệt của dân tộc nói chung, của mảnh đất Khu 5 và Quảng Nam - Đà Nẵng trung dũng, kiên cường nói riêng. Anh Năm Công làm Bí thư Khu ủy Liên Khu 5 rồi Bí thư Khu ủy Khu 5 trong những năm tháng khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với trọng trách hết sức nặng nề mà Đảng và nhân dân giao phó nhưng anh vẫn luôn luôn quan tâm, theo dõi và chỉ đạo sâu sát công tác an ninh, trên địa bàn Khu 5.

Theo lời kể của đồng chí Võ Bá Huân, nguyên Phó Trưởng Ban An ninh Khu, Trưởng Ban An ninh Quảng Đà thì vào những năm cuối thập kỷ 50 và đầu thập kỷ 60 của

---

*Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Thứ trưởng Bộ Công an.

thế kỷ trước, phong trào cách mạng miền Nam, nhất là Khu 5 đang cực kỳ đen tối thì anh Năm Công xuất hiện như một ngôi sao sáng làm vững lòng biết bao đồng chí, đồng bào, sưởi ấm thêm tình cảm cách mạnh trong con tim mỗi người. Với cương vị của mình, anh chỉ đạo phong trào cách mạng bằng sức mạnh của trí tuệ với phương pháp tư duy nhạy bén, sâu sắc, thể hiện tinh thần tấn công địch quyết liệt. Trong khi dự họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của An ninh Khu 5, anh Năm Công ân cần dặn dò:

"Từ trước tới nay Đảng dựa vào quần chúng, lấy quần chúng làm nền tảng để đấu tranh bảo vệ Đảng, điều đó rất đúng cần phải tiếp tục. Nhưng đó mới chỉ là đấu tranh về bề rộng, cần phải đi vào chiều sâu. Đã đến lúc phải có một tổ chức chuyên trách đi sâu điều tra nghiên cứu giúp Đảng nắm chắc tình hình để tổ chức tấn công địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng".

Quán triệt nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của anh, lúc đó tuy chưa đủ điều kiện để hình thành tổ chức nhưng những cán bộ công an hoạt động bên cạnh cấp ủy đảng đã được giao nhiệm vụ làm tham mưu cho Đảng trong công tác bảo vệ tổ chức, duy trì công tác nắm tình hình, giúp cấp ủy củng cố và phát triển phong trào cách mạng, đồng thời tổ chức lực lượng vũ trang tự vệ vừa chống trả khi địch càn quét, vừa chủ động tham gia diệt ác, trừ gian, bảo vệ cơ sở cách mạng góp phần đưa phong trào nổi dậy của quần chúng không ngừng phát triển.

Đầu năm 1962, thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an và tinh thần chỉ đạo trước đây của anh Năm Công, Bí thư

Khu ủy Khu 5, trên cơ sở đội ngũ cán bộ tại chỗ và lực lượng nòng cốt của Bộ Công an chi viện, Ban An ninh Khu 5 được thành lập và hệ thống an ninh cấp tỉnh, cấp huyện cũng từng bước được hình thành.

Nhiệm vụ chính của lực lượng an ninh giai đoạn này là: Bảo vệ Đảng, bảo vệ các lực lượng cách mạng, bảo vệ khu căn cứ địa của cơ quan đầu não, bảo vệ vùng giải phóng. Điều tra nghiên cứu tình hình và tiến hành trừng trị bọn tay sai đắc lực của Mỹ - Diệm đang điên cuồng chống phá phong trào cách mạng, tiến hành xây dựng từng bước lực lượng an ninh, chuẩn bị điều kiện mọi mặt để đảm bảo tốt công tác Công an khi phong trào mở rộng và khi giành được chính quyền miền Nam, góp phần bảo vệ hậu phương lớn miền Bắc.

Sau khi thành lập Ban An ninh Khu 5, với sự chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát của Khu ủy Khu 5 và Bộ Công an, hệ thống tổ chức lực lượng an ninh từ khu đến huyện, xã và các tổ chức điệp báo trong vùng tạm chiếm nhanh chóng phát triển sâu rộng. Do đó, dẫu trước âm mưu thâm độc và sự đánh phá ác liệt, tàn bạo của kẻ thù song lực lượng An ninh Khu 5 và chín tỉnh bao gồm: Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc đã lập được nhiều chiến công xuất sắc: bảo vệ tuyệt đối an toàn cho các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền cách mạng; phát hiện bóc gỡ, xử lý bọn gián điệp, tình báo xâm nhập vùng giải phóng; lực lượng trinh sát vũ trang cùng với điệp báo luồn sâu, bám sát địch để diệt ác, phá kìm, trừng trị nhiều đối tượng cầm đầu ngụy

quân, ngụy quyền, ác ôn có nợ máu với nhân dân và cách mạng, làm cho chúng nhiều phen thất điên, bát đảo.

Tại các hội nghị An ninh Khu 5, anh Năm Công thường trực tiếp tới dự và chỉ đạo: "Phải làm cho cán bộ, đảng viên trên cơ sở nhận thức đúng đắn đặc điểm tình hình cách mạng miền Nam hiểu rõ nhiệm vụ, phương châm chính sách của Đảng về trấn áp phản cách mạng. Phải làm cho cán bộ thông suốt cả hai mặt chính sách: Vừa phải kiên quyết, cứng rắn, vừa khoan hồng mềm dẻo để thể hiện đúng tinh thần kiên quyết và thận trọng. Một mặt phải chống việc trấn áp bừa bãi không chú ý đúng mức đến sách lược phân hóa và việc cô lập địch, chống việc đánh nhầm vào hàng ngũ nhân dân, cần tăng cường tổ chức và xây dựng nền nếp điều tra nghiên cứu nắm tình hình hoạt động của bọn phản cách mạng, bọn gián điệp cho chắc, lập hồ sơ đầy đủ có hệ thống, có kế hoạch đánh địch cho chính xác. Khi xử lý một người phải trên cơ sở nghiên cứu chu đáo làm rõ nội tại với tinh thần phụ trách cao trước Đảng, trước nhân dân".

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo mang tính chiến lược và sâu sắc của anh, lực lượng An ninh Khu 5 đã tiến hành đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng và bọn tình báo, gián điệp Mỹ - ngụy một cách cơ bản hơn, có chiều sâu và hiệu quả cao hơn, đã phân hóa địch sâu sắc, đặc biệt là hạn chế được những trường hợp oan sai, không để kẻ địch lợi dụng kích động quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến chính sách hình sự mang tính chất nhân đạo của Đảng và chính quyền cách mạng.

Vào đầu năm 1973, Hiệp định Pari về Việt Nam vừa được ký kết thì tôi được điều động từ Ban An ninh Đặc khu Quảng Đà về Khu 5 để tham gia trong Đoàn quân sự bốn bên khu vực II, Đà Nẵng, trực tiếp giúp việc cho đồng chí Hồ Nghinh, Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 5, Chính ủy Đoàn. Từ đó tôi may mắn được nghe anh Năm Công, Bí thư Khu ủy đến quán triệt cho các thành viên trong toàn Đoàn trước khi bay vào Đà Nẵng để đương đầu với cuộc đấu tranh trực diện với địch. Lần đầu gặp anh, người lãnh đạo cấp cao của Đảng, tôi thấy phong cách của anh rất gần gũi, ân cần, cởi mở nhưng sâu sắc nên đã để lại trong lòng chúng tôi một ấn tượng rất tốt đẹp và khó phai mờ. Với đượm chất giọng Quảng Nam trầm ấm, hùng hồn mà đầy sức thuyết phục càng làm cho cán bộ, sĩ quan tăng thêm bầu nhiệt huyết cách mạng để bước vào nhiệm vụ mới. Tôi còn nhớ anh Năm căn dặn:

"Mấy chục năm các đồng chí chiến đấu ở chiến trường vô cùng gian khổ, ác liệt trước bom rơi đạn nổ, trước đánh phá dã man, tàn bạo của kẻ thù, các đồng chí không hề lùi bước để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Giờ đây, cách mạng đã chuyển sang gia đoạn mới, đó là chúng ta phải đấu tranh buộc Mỹ - ngụy phải thi hành Hiệp định Pari. Đảng chọn cử các đồng chí tham gia trong Đoàn Quân sự bốn bên khu vực II, Đà Nẵng là những cán bộ có bản lĩnh, có bề dày trong chiến đấu, có đồng chí đã từng trải kinh nghiệm trong đấu tranh buộc kẻ địch phải thi hành Hiệp định Giơnevơ. Đây là cuộc chiến đấu mới mẻ nhưng không kém phần quyết liệt và nguy hiểm. Cuộc đấu tranh này là

trong lòng địch, không dùng súng đạn như ở chiến trường mà vũ khí của các đồng chí là đấu tranh bằng lý trí, bằng lẽ phải để buộc địch phải chấp hành Hiệp định. Tôi thay mặt Thường vụ Khu ủy gửi gắm niềm tin ở các đồng chí. Chúc các đồng chí trong Đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi Hiệp định Pari, tạo bước ngoặt để sớm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc".

Hiệp định Pari vừa ký chưa ráo mực thì Mỹ đã đồng lõa với ngụy thực hiện kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", ồ ạt xua quân lấn chiếm vùng giải phóng. Nhiều địa phương trên địa bàn Khu 5 đã mất đất, mất dân, thậm chí có nơi rơi vào thoái trào. Trong khi đó, một số đồng chí lãnh đạo xuất hiện tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, có quan điểm cho rằng ta chính nghĩa thì phải gương mẫu chấp hành Hiệp định, không nên dùng bạo lực vũ trang, kẻ địch vi phạm thì thế giới sẽ lên án. Đây là thời điểm diễn ra đấu tranh về quan điểm rất quyết liệt. Anh Năm Công vẫn giữ lập trường là phải dùng bạo lực cách mạng, phải tấn công để giành lại thế chủ động trên chiến trường, anh không ngại nguy hiểm đã trực tiếp đi kiểm tra thị sát hầu hết các địa bàn chiến lược quan trọng như Quảng Đà, Quảng Ngãi, Bình Định... Đi đến đâu cũng thấy địch bất chấp dư luận, tiến hành ném bom, bắn phá, lấn chiếm hết sức trắng trợn, dã man. Từ thực tế đó càng khẳng định quan điểm của anh Năm Công đã thể hiện tinh thần cảnh giác cách mạng cao độ trước kẻ địch, hoàn toàn sát hợp, đúng đắn và sáng suốt.

Đối với lực lượng An ninh Khu 5, anh yêu cầu: "cần phải quán triệt đến tận cán bộ, chiến sĩ, chống tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, phải tiếp tục tấn công địch khi chúng lấn chiếm, bình định, trấn áp mạnh những phần tử gây tội ác với nhân dân trên cả ba vùng chiến lược - tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng, giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng".

Có thể nói, nhờ quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Công an và sự trực tiếp chỉ đạo sắc bén của anh Năm Công mà lực lượng An ninh Khu 5 đã lớn mạnh, trưởng thành nhanh chóng, vượt qua mọi gian khổ, ác liệt để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ - ngụy.

Đến đầu tháng 3-1973, tình hình thi hành Hiệp định Pari ngày càng diễn biến phức tạp. Mỹ - ngụy ngoài việc xua quân tràn ngập lãnh thổ, lấn chiếm vùng giải phóng, chúng còn sử dụng bọn côn đồ liên tục tấn công, cướp phá các đoàn quân sự bốn bên ở nhiều nơi, trong số đó có các đoàn ở Huế và Đà Nẵng. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Đoàn Quân sự bốn bên Đà Nẵng phải rút ra, trở lại căn cứ địa Khu 5 ở Trà My.

Sau đó tôi vinh dự được cử đi tham gia bảo vệ Đoàn công tác của anh Năm Công, anh Hồ Nghinh và các đồng chí Trung ương, các đồng chí Thường vụ Khu ủy đi họp Ban Chấp hành Trung ương mở rộng tại Hà Nội để đánh giá, phân tích tình hình. Anh Năm Công đã phản ánh sâu sắc diễn biến tình hình thực tế mau lẹ ở Khu 5, minh chứng đầy

đủ hơn âm mưu, hành động trắng trợn của Mỹ -ngụy, dự báo tình hình và đề xuất chủ trương hành động quyết liệt không khoan nhượng trước kẻ địch. Kết quả, Trung ương đã ra Nghị quyết số 21 về "Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới". Đến tháng 6-1973, chúng tôi lại bảo vệ anh Năm Công và các đồng chí Thường vụ Khu ủy trở vào chiến trường để mở chiến dịch phản công năm 1974, tạo đà để tổng tiến công, nổi dậy và tiến hành Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đại thắng lợi mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Tôi thoát ly gia đình, tham gia cách mạng từ những năm đầu 1960 sau đó công tác chiến đấu tại Ban An ninh Đặc khu Quảng Đà thuộc An ninh Khu 5. Là một trong những người còn sống sót để rồi trực tiếp bảo vệ đoàn của các đồng chí Khu ủy Khu 5 và Đặc khu ủy Quảng Đà vào tiếp quản Đà Nẵng ngày 29-3-1975, song vì điều kiện công tác nên tôi không thể nào diễn tả hết được tư tưởng, quan điểm chỉ đạo về công tác An ninh trên địa bàn Khu 5 cũng như về nhân cách, tầm vóc trí tuệ và cống hiến lớn lao mà anh Năm đã dành cho đất nước, cho nhân dân nói chung và cho lực lượng An ninh Khu 5 nói riêng.

Nay anh Năm đã đi xa nhưng hình ảnh, tình cảm ấm áp, gần gũi của anh vẫn in đậm trong lòng chúng tôi. Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của anh, tôi suy nghĩ, nhớ lại và có bài viết này để tưởng nhớ về anh, người lãnh đạo rất đáng kính trọng, người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng trung dũng và kiên cường.

NGƯỜI ĐỒNG CHÍ THÂN THIẾT, NGƯỜI LÃNH ĐẠO GẦN GŨI

UNG NGỌC KY *

Một buổi chiều cuối năm 1961 đầu năm 1962.

Chúng tôi đang trên đường chuyển căn cứ từ khu rừng già Đông Bắc trở về vùng Rùm Đuôn gần biên giới Việt Nam - Campuchia, thì được điện gọi đi thẳng đến căn cứ mới của khối Dân vận - Mặt trận do anh Năm Công phụ trách.

Đang mệt nhiều vì đường dài, vất vả, chúng tôi ai nấy vui tươi, rạng rỡ, nghe trong người khỏe lên. Trước hết, vì đó là biểu hiện cụ thể sự lớn mạnh của phong trào cách mạng miền Nam ngay sau khi Trung ương Cục miền Nam được thành lập (tháng 10-1961). Từ đây, các khối công tác nhanh chóng được hình thành, đứng đầu là một ủy viên Trung ương Đảng nằm trong Ban Thường vụ Trung ương Cục. Nhưng, chúng tôi mừng nhiều hơn vì bức điện hối thúc đoàn cố gắng đi nhanh để sớm đến nơi bắt tay vào

---

* Nguyên Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

công việc chuẩn bị mở Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ nhất.

Tôi vừa đi vừa hình dung về người lãnh đạo mới của mình, vừa nôn nao suy nghĩ việc chuẩn bị đại hội mà chúng tôi hết sức chờ mong từ sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập vào ngày 20-12-1960. Về người lãnh đạo mới, anh Năm Công, từ trước đến nay tôi chưa từng được gặp. Chỉ từ khi Trung ương Cục được thành lập ít tháng nay, tôi được nghe nhiều lời khen về anh, một người lãnh đạo có năng lực, sắc sảo, có tác phong khẩn trương, dứt khoát. Còn về việc chuẩn bị Đại hội Mặt trận, công việc lớn quá, mới quá giữa hoàn cảnh chiến tranh ở núi rừng, phương tiện thiếu, tài chánh nghèo, người quá ít, tôi chưa hình dung hết công việc phải bắt đầu từ đâu...

Mải miên man suy nghĩ thì đến căn cứ mới lúc nào không hay. Bỗng tôi nghe từ trong nhà vọng ra một tràng cười to, dài, sảng khoái, với một giọng nói miền Trung Trung Bộ:

- Anh em đã đến rồi kìa! Nhanh gớm! Giỏi thật!

Tôi nghĩ đó là thái độ chào mừng và động viên chân thành, chớ đoàn người gầy yếu chúng tôi không sao đi nhanh được. Tôi thấy ấm áp trong lòng. Một người đứng tuổi nhanh nhẹn tiến về phía tôi, tiếp tục cười vui, còn cách mấy bước đã vội đưa tay ra bắt tay tôi, xiết mạnh, tay kia choàng vai tôi như đối với một người thân lâu ngày gặp lại, đôi mắt sáng niềm nở nhìn thẳng vào tôi:

- Anh Út Chí đây phải không?

Tôi đang đoán người đón tôi là ai thì một người cán bộ

trẻ, sáng sủa, đến sát bên tôi, nét mặt tươi cười rạng rỡ, thân thiết giới thiệu bằng một giọng nhỏ nhẹ vốn bản tánh của anh mà tôi được biết sau này.

- Đây là anh Năm Công.

Mãi mãi tôi không quên cuộc gặp gỡ êm đềm, ấm áp này ở chiến khu Dương Minh Châu, vùng sát biên giới Việt Nam - Campuchia, một buổi chiều cuối năm 1961 đầu năm 1962.

Từ đó, chúng tôi sống và công tác bên nhau.

Anh Năm Công là một người lãnh đạo cởi mở, rất chân tình; nét mặt luôn tươi cười, mà hễ cười thì cười to, sảng khoái, xuất phát từ tấm lòng trung thực. Đôi mắt sáng của anh luôn nhìn thẳng vào người đối thoại với thái độ tin cậy, khuyến khích, chân thành lắng nghe. Do đó, sống và công tác bên anh thật dễ chịu. Anh là người giỏi về tổ chức. Chính anh đã lãnh đạo tổ chức rất bề thế và thành công lớn hai Đại hội của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đầu năm 1962 và năm 1964.

Điều gây ấn tượng sâu sắc ở tôi là anh rất thông minh và có trí nhớ rất tốt. Vốn từng trải, tích lũy được nhiều trong hoạt động cách mạng, anh ít dùng giấy tờ, sắp xếp mọi việc sẵn trong đầu óc, cho nên khi phát biểu thì ý kiến phong phú, chín chắn, rành mạch, dứt khoát.

Anh rất ân cần, chăm chút dìu dắt những người cộng sự. Nhờ đó, tôi được học nhiều ở anh trong nhận định, phân tích tình hình, trong suy nghĩ về chính sách, trong chấp bút những văn bản, tuyên bố quan trọng của Mặt trận, và quý hơn, lâu bền hơn là phong cách sống giản dị,

tự nhiên, chân tình của anh, cách đối nhân xử thế thủy chung, nhiều tình đồng chí và tình người của anh.

Khoảng đầu năm 1964, trước những chuyển biến của tình hình có lợi cho cách mạng trong việc chuẩn bị đón thời cơ lớn, anh Năm Công được Đảng điều trở lại phụ trách miền Trung Trung Bộ.

Tôi mừng nhiều cho anh và cho đại cuộc, nhưng trong lòng riêng thì vô cùng luyến tiếc!

Từ đó, anh càng đi lên trong sự nghiệp lớn bao nhiêu thì tôi càng xa cách anh bấy nhiêu. Tôi vốn tự giữ mình: Những bạn thân và người lãnh đạo thân thiết cũ càng tiến xa trong vinh quang thì tôi càng giữ mình, không liên lạc, cả một lá thư thăm hỏi.

Mãi đến năm 1997, nhân viếng tang bà Phan Thị Nễ, người bạn đời của anh Năm Công, tôi mới lại gặp anh. Trong dòng người đến chia buồn với anh, đến lượt tôi, tôi tự giới thiệu:

- Út Chí đây, anh Năm!

Anh vội vã xiết chặt tay tôi, cũng như trong buổi chiều chúng tôi gặp nhau ở chiến khu Dương Minh Châu 37 năm trước, với một giọng nói quen thuộc thân thiết, trong một phong cách nhanh nhẹn, dứt khoát như hồi nào:

- Tôi biết. Tôi nhớ. Cảm ơn anh Út!

Anh Năm! Tôi sung sướng vì không lầm đã giữ vẹn niềm tin cậy và quý mến đối với anh. Về phần mình, tôi quyết không bao giờ phụ lòng dìu dắt và tin yêu của anh.

MỘT CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG KIÊN TRUNG BẤT KHUẤT, VÌ NƯỚC, VÌ DÂN

TRẦN VĂN QUẾ *

Đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn) là một chiến sĩ cách mạng vững vàng. Tôi được biết đồng chí từ hồi đồng chí còn dưới danh nghĩa đi bán thuốc lá Trường Xuân (Tam Kỳ) để hoạt động cách mạng. Đồng chí đã lăn lội vào tận các xã phía Nam phủ Tam Kỳ, như Thọ Khương, tổ chức xây dựng phong trào, liên lạc với các đồng chí Phan Khắc, Nguyễn Phùng, Lê Bá và Nguyễn Sắc Kim.

Đồng chí Võ Chí Công sống trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Bác Võ Nghiệm, bố của đồng chí Võ Chí Công là một lão thành cách mạng, tham gia các phong trào Cần Vương, Duy Tân, chú ruột của đồng chí là ông Võ Thơ. Hai gia đình bác Nghiệm và bác Thơ là các cơ sở cách mạng trong các thời kỳ cách mạng. Đồng chí Võ Chí Công sớm giác ngộ và luôn nuôi dưỡng ý chí cách mạng tiến công, bám sát cơ sở, lo xây dựng phong trào.

---

* Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam năm 1944 -1945, nguyên Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp.

Trong thời kỳ công khai cũng như lúc bí mật, từ trước Cách mạng tháng Tám đến chín năm kháng chiến chống Pháp và liền đó 21 năm kháng chiến chống Mỹ, đồng chí luôn bám sát phong trào trong tỉnh rồi đến toàn Liên khu và Khu 5.

Với vị trí Bí thư Tỉnh ủy, Liên khu ủy, Khu ủy, đồng chí Công luôn luôn vững vàng chèo chống phong trào cách mạng của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Khu 5 mỗi khi gặp khó khăn, luôn luôn một lòng một dạ vì sự nghiệp giải phóng quê hương, giải phóng đất nước.

Ở tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, từ đầu năm 1939, phong trào cách mạng bị vỡ, đồng chí phải thoát ly và kiên trì xây dựng phong trào. Đầu năm 1942, phong trào trong tỉnh lại bị vỡ, kẻ địch, mật thám lý hương lùng bắt dữ dội, đồng chí phải lánh vào Cực Nam Trung Bộ một thời gian sau đó trở về tiếp tục xây dựng lại phong trào trong toàn tỉnh. Đến tháng 10-1943, do sự phản bội của Cao Tiến Khai, nguyên là một tỉnh ủy viên, đã chỉ điểm cho mật thám lùng bắt các cơ sở trong tỉnh và cuối cùng chỉ điểm, bắt ba đồng chí trong Tỉnh ủy (Võ Chí Công, Nguyễn Sắc Kim, Lê Bá). Sự phản bội của Cao Tiến Khai một lần nữa làm cho phong trào trong tỉnh bị tan rã nghiêm trọng; mất cả bộ máy đầu não chỉ huy của tỉnh nhà. Các cơ sở còn sót lại không nhiều, bọn mật thám lý hương lùng bắt đánh phá ngày đêm.

Các đồng chí Võ Chí Công, Nguyễn Sắc Kim, Lê Bá sa vào lưới giặc đã bị kẻ thù tra tấn cực hình dã man song các

đồng chí vẫn giữ được khí tiết kiên trung không hề tiết lộ một điều gì.

Nhốt ở nhà lao tỉnh một thời gian, tụi cầm quyền đưa các đồng chí lên nhà đày Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk). Vào tù, ba đồng chí bị cấm cố, nhốt riêng một khám (khám số 2) không cho giao tiếp với ai.

Một kỷ niệm tôi còn nhớ mãi, vào khoảng tháng 2-1944, tuy tôi và một số đồng chí mãn hạn tù, nhưng tụi đế quốc vẫn không tha, chúng tìm cách đưa đi đày nơi khác. Biết vậy, Chi bộ nhà lao quyết định chọn bốn đồng chí trong đoàn 11 người cùng về một đợt phải tìm mọi cách trốn thoát ra hoạt động. Sau khi có quyết định, bốn anh em: Lê Tự Nhiên, Nguyễn Tiến Chế, Trần Khoa và tôi bàn kế hoạch vượt đi. Tôi và anh Nguyễn Tiến Chế được phân công về Quảng Nam - Đà Nẵng, anh Lê Tự Nhiên và Trần Khoa vào phía Nam (Ninh Thuận, Bình Thuận). Tôi tìm mọi cách liên hệ với các đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim để nhờ các anh giới thiệu cho một vài cơ sở còn sót lại ở tỉnh nhà.

Bằng cách đưa cơm mỗi ngày hai lần vào khám, chúng tôi tìm đủ mọi cớ để tiếp cận với các đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim nhưng rất khó vì tụi lính canh gác rất nghiêm ngặt không cho chúng tôi lại gần. Đưa cơm đến cửa rồi để đó, tụi chúng đưa vào rồi đuổi chúng tôi đi xa ra.

Đã biết ý nhau, ở đằng xa, chúng tôi nói vọng vào: chúng tôi sắp được về! Các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Võ Toàn qua khe cửa sổ nói lại: Nếu các anh về tỉnh nhà tìm cách liên lạc

với chị Hằng ở xã Tịch Tây phía Nam tỉnh và ra Kim Bồng tìm gặp anh Bảy Phe đương làm thợ mộc ở phía Bắc tỉnh. Các anh tiếp tục cho phát hành báo *Cờ độc lập* lấy số 11, chúng tôi đã ra đến số 10 thì bị bắt. Các anh cố làm như vậy xem như phong trào trong tỉnh vẫn tiếp diễn.

Y hẹn trên đường giải đi, tôi và ba đồng chí khác nhảy tàu trốn thoát. Như sự phân công đã định, tôi và anh Nguyễn Tiến Chế lần mò về tỉnh nhà. Đúng như lời giới thiệu của các đồng chí Công, Kim, sau khi chúng tôi vượt qua đèo Kẻ Thá (đèo giáp ranh giữa Quảng Nam và Quảng Ngãi), tôi và anh Chế bắt ngay liên lạc với chị Hằng rồi tổ chức lại các cơ sở ở các xã Tam Giang, Tam Nghĩa, Tam Hiệp ngày nay.

Dần dà ngót ba tháng trời, chúng tôi xây dựng xong các cơ sở ở các xã phía Nam phủ Tam Kỳ, sau đó ra phía Bắc phủ khi cơ sở trong toàn phủ được xây dựng lại, chúng tôi thành lập Phủ ủy giao nhiệm vụ lại cho các đồng chí rồi tìm cách ra phía Bắc tỉnh. Đến Kim Bồng móc nối với đồng chí Bảy Phe để bàn kế hoạch tổ chức xây dựng phong trào ở các phủ, huyện phía Bắc tỉnh.

Một vài cơ sở do đồng chí Võ Chí Công, Nguyễn Sắc Kim nói với ra từ nhà đày Buôn Ma Thuột là chỗ dựa vững chắc để chúng tôi tiếp tục xây dựng mở rộng phong trào toàn tỉnh.

Mãi đến ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, anh chị em ở các Căng an trí, nhà lao được giải phóng về, đồng chí Võ Chí Công, Nguyễn Xuân Nhĩ, Phan Khắc từ nhà đày Buôn Ma Thuột cũng về, các đồng chí tham gia ngay vào

phong trào cứu quốc của tỉnh, đã cùng với Ban Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng tiếp tục đẩy mạnh phong trào trong toàn tỉnh lên thành cao trào cách mạng rồi thành lập Ủy ban Bạo động giành chính quyền tỉnh nhà, tiến hành cuộc khởi nghĩa giành lại quyền độc lập tự chủ trong toàn tỉnh đúng vào ngày 18-8-1945. Giành lại chính quyền không được bao lâu, thì thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

Chín năm kháng chiến chống Pháp và 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Võ Chí Công vẫn luôn liên tục vững vàng bám trụ xây dựng phong trào trong tỉnh rồi đến Liên khu. Đồng chí Võ Chí Công luôn luôn biểu hiện một ý chí chiến đấu kiên trung bất khuất, cho đến giờ phút sôi động nhất, thiêng liêng nhất của chiến dịch giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc vào mùa xuân năm 1975.

Chiến dịch lịch sử thắng lợi, đồng chí Võ Chí Công tiếp tục chỉ đạo xây dựng lại tỉnh nhà và các tỉnh miền Trung Trung Bộ.

Với vị trí Bí thư Khu ủy, đồng chí Võ Chí Công chăm lo chỉ đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân.

Khi ra Bắc, với cương vị Phó Thủ tướng, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Võ Chí Công đã cùng với Trung ương Đảng, Bộ Chính trị lo xây dựng đất nước ngày càng lớn mạnh.

Đồng chí Võ Chí Công xứng đáng là một chiến sĩ cách mạng kiên trung, bất khuất, trọn đời vì nước, vì dân.

TỪ NHỮNG CHUYỆN TƯỞNG NHỎ

VŨ TRỌNG HOÀNG*

Nhớ và ghi lại những kỷ niệm về anh Năm Công, theo tôi không chỉ nêu những nét lớn, những chuyện tầm cỡ quốc gia, có ảnh hưởng quốc tế mà còn đề cập những câu chuyện tưởng nhỏ trong cuộc đời hoạt động cách mạng của anh, không có những câu chuyện tưởng nhỏ đó thì không thể nào thấy hết được tài năng của anh. Cuộc đời hoạt động của anh Năm Công xuất phát từ những buổi đầu tham gia hoạt động cách mạng, gia nhập Đảng, công tác ở phủ Tam Kỳ, rồi lên tỉnh, lên Khu 5, lên Trung ương.

Trong thời gian trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, vai trò của anh Năm Công đối với Đảng bộ, nhân dân Quảng Nam rất quan trọng, cố nhiên chỉ trong thời gian từ năm 1935 đến khi Cách mạng Tháng Tám năm

---

* Nguyên Khu uỷ viên Khu 5, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam; nguyên Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Bài viết này được lược trích từ bài phát biểu của đồng chí Vũ Trọng Hoàng tại Hội thảo về thân thế và sự nghiệp của đồng chí Võ Chí Công do Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Đà Nẵng tổ chức tại thành phố Đà Nẵng năm 1998. Đầu đề do chúng tôi đặt (*BT*).

1945, còn trước đó thì anh mới gia nhập Đảng. Tôi là người vùng đông Quế Sơn, vùng này trong thời kỳ 1936 -1939, 1940 - 1945 là nơi có phong trào tương đối mạnh hơn so với các vùng trong huyện. Chi bộ quê tôi (Phương Trì) và chi bộ tổng Xuân Phú được tổ chức trong năm 1939. Chi bộ Xuân Phú do anh Nguyễn Thành Hãn làm Bí thư; còn anh Huỳnh Cự là người tổ chức ra Chi bộ của tôi. Tỉnh ủy Quảng Nam lúc này do anh Năm Công làm Bí thư, các anh trong Tỉnh ủy mang mật danh là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Anh Năm Công có bí danh Xuân, anh Huỳnh Cự có bí danh Hạ, anh Trương An có bí danh Thu, anh Nguyễn Sắc Kim có bí danh Đông. Sau đó, anh Nguyễn Sắc Kim mang quyết định của Tỉnh ủy ra giải thể chi bộ ghép tổng Xuân Phú, thành lập chi bộ theo đơn vị xã cũ và từ đó Chi bộ tôi đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy. Cố nhiên, ngoài anh Năm Công, còn nhiều anh chị khác thường đến chỗ chúng tôi, như các anh Nguyễn Sắc Kim, Trương An, Hồ Tỵ, Lê Chưởng, Trương Hoàng, chị Hoàng Thị Ái... Chỗ tôi thành đầu mối liên lạc ra phía La Thọ - Đông Quang của Điện Bàn, sau này được biết là khi đó Xứ ủy Trung Kỳ được lập lại và đặt cơ quan ở đây.

Tôi là người liên lạc ra La Thọ - Đông Quang và anh Địch liên lạc vào chỗ tôi, sau này khi Xứ ủy chuyển cơ quan vào miền núi từ Lộc Đại, Ba Nghi rồi đến Phú Nham thì Tỉnh ủy cũng ở gần đó. Năm 1942, phong trào cách mạng bị bể vỡ gần như toàn tỉnh, ngay chi bộ của tôi có 5 đảng viên, bị bắt 3, còn 2 đảng viên. Anh Năm Công và anh Nguyễn Sắc Kim trở lại đây và bố trí cho một đồng chí

của chi bộ tôi là Nguyễn Đình Tâm vào Phan Thiết nắm tình hình và báo cáo lại cho các anh, sau đó về đưa anh Năm Công và anh Nguyễn Sắc Kim vào ở tại nhà Cửu Bảy tại Phan Thiết. Cửu Bảy là người ở xã của tôi vào Phan Thiết trước đó, trở thành anh chủ một xưởng chế biến gỗ, có 50 - 70 công nhân. Anh Nguyễn Đình Tâm đưa anh Năm Công và anh Nguyễn Sắc Kim vào đây và tại đây, các anh còn đi nhiều nơi khác, mở rộng sự hoạt động. Sau, một anh liên lạc bị địch bắt và tra tấn không chịu nổi, dẫn mật thám đến nhà Cửu Bảy. Mật thám Phan Thiết vây nhà Cửu Bảy để bắt anh Năm Công và anh Nguyễn Sắc Kim nhưng lúc đó hai anh đã trở lại Quảng Nam, chỉ bắt được Nguyễn Đình Tâm đưa về giam tại nhà lao Hội An; trước đó tôi và anh Ngô Thanh Tuần đã bị bắt giam ở nhà lao Quảng Nam.

Khi trở về Quảng Nam, anh Năm Công đến ngay chỗ chi bộ của tôi, chi bộ này chỉ còn lại một đảng viên và anh phát triển thêm hai đảng viên nữa, hình thành nên một chi bộ và nắm toàn bộ lực lượng quần chúng và đưa phong trào đi lên. Từ đây, anh cho chi bộ này bắt mối những cơ sở ở Tân Mỹ do anh Ngô Thanh Tuần bắt mối ra trước đó, rồi từ đó anh phát triển ra các địa bàn khác. Nhắc lại chuyện này để thấy anh Năm Công, trong lúc tình hình địa phương đang căng thẳng, đã tạm lánh đi nơi khác để rồi khi tình hình tạm lắng, trở lại xây dựng cơ sở và hoạt động trên địa bàn tỉnh nhà. Đó là cách làm của anh để giữ gìn lực lượng, giữ phong trào không bị gián đoạn, mất liên lạc,

nhờ đó phong trào cách mạng những tháng cuối năm 1942, đầu năm 1943 phát triển mạnh lên.

Tôi nhớ một chuyện nữa là trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, ngày 9-3-1945, anh em từ các nhà tù trở về, còn tôi thì ở xà lim Huế ra và được tập hợp lại dưới sự chỉ đạo của anh Năm Công. Thấy anh Năm Công, một đồng chí lãnh đạo cũ về chủ trì cuộc họp, chúng tôi tin tưởng ngay. Dự cuộc họp còn có Đỗ Quang, Phan Diêu; Ban vận động cứu quốc của huyện Quế Sơn gồm mười mấy anh em được thành lập. Các anh em ở Duy Xuyên cũng tranh thủ ý kiến anh Năm Công về công tác Đảng. Anh Công đứng ra thành lập Huyện ủy Quế Sơn gồm 5 đồng chí. Nhắc lại chuyện này để thấy rằng giai đoạn lịch sử này vai trò anh Năm Công cũng hết sức quan trọng.

Trong kháng chiến chống Pháp, năm 1952, anh Năm Công ra làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, chúng tôi cũng tham gia Tỉnh ủy, anh Võ Văn Đặng là Phó Bí thư Tỉnh ủy và từ đó về sau anh Năm Công càng phát huy tác dụng hơn trong công tác.

Sau tháng 7-1954, chủ trương đấu tranh chính trị một chiều là chủ trương chung của Đảng ta. Cuối năm 1955 đầu năm 1956, tôi đi công tác trên vùng Phước Sơn (Quế Tân) có ghé đến nhà anh Đốc Ấm - một nhà trí thức, một tân sĩ. Lúc này, địch đánh phá phong trào rất dữ, anh Đốc Ấm nói với tôi " Ngô Đình Diệm bản chất nó không dân chủ đâu; nó phá Hiệp định, nó đánh mình, tại sao mình không đánh lại nó, mình chỉ nói cái miệng là thế nào?". Tôi

mang ý kiến đó về báo cáo lại với anh Công trong cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng thì anh rất tâm đắc và anh nói như vậy là đúng rồi. Nhắc lại chuyện này để thấy rằng anh Năm có trăn trở ngay từ đầu về chủ trương đấu tranh chính trị đơn thuần, cố nhiên đứng về chỉ đạo thì anh không thể nói sai về đường lối với Trung ương được. Bản thân anh trăn trở ngay từ đầu và khi tôi nói ý kiến của anh Đốc Ấm là anh hưởng ứng ngay.

Trong Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương khóa II, tháng 1-1959, anh Công phát biểu ý kiến bốn lần... Thêm một ý nữa là khi anh Năm Công mang tinh thần Nghị quyết 15 về, lúc đó cơ quan Liên khu ủy đóng ở huyện Hiên (nay thuộc huyện Đông Giang), anh triệu tập trước một cuộc họp tại thôn Bhinh, huyện Hiên, gồm các anh Liên khu ủy đang ở nhà và đại biểu các tỉnh lân cận. Quảng Nam có anh Phan Tốn, tôi và anh Năm Thắng (Đỗ Quang Thắng) đi dự cuộc họp đó. Tại cuộc họp, anh Năm Công phổ biến tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương về chuẩn bị tư tưởng để bước đầu đi vào thực hiện Nghị quyết; sau đó Tỉnh ủy Quảng Nam về triển khai tại Bà Ghì. Khi cơ quan của Liên khu ủy từ huyện Hiên chuyển vào Trà My, Liên khu ủy mới tiến hành cuộc họp có đông đủ các đồng chí trong Liên khu ủy và các tỉnh ủy trong Liên khu tại làng Ngốt La, xã Trà Cang và lúc đó mới có văn bản chính thức về Nghị quyết 15. Nhờ Hội nghị lần trước tại huyện Hiên do anh chủ trì và phổ biến, mà các địa phương đã sớm nắm bắt chủ trương mới của Đảng,

chuẩn bị các bước để triển khai ngay nội dung Nghị quyết khi ban hành chính thức.

Tôi nghĩ, có nhiều điều muốn nói về anh Năm Công, những câu chuyện trên tưởng nhỏ so với những gì anh đã cống hiến cho quê hương, đất nước nhưng nó là một trong những biểu hiện về tài năng của anh.

CON NGƯỜI CỦA HÔM QUA VÀ CỦA HÔM NAY

HOÀNG MINH THẮNG*

Những lần vào thăm thành phố Hồ Chí Minh, tôi thường ghé thăm anh Năm (Võ Chí Công). Bởi đối với tôi, anh là thủ trưởng, là người anh, người đồng chí tôn kính, anh đã để lại trong tôi đầy ắp kỷ niệm. Nghĩ cũng phải: Tuổi trẻ sống bằng ước mơ, người già sống bằng kỷ niệm. Tôi đang sống trong những năm tháng bằng những kỷ niệm của riêng mình, của đồng chí, đồng đội, của những người thân, nhiều lắm...

Ở độ tuổi đã ngoài 90, anh vẫn khỏe, có năm tôi lại thấy anh khỏe và minh mẫn hơn năm trước. Phải chăng đó là tố chất của anh. Khi làm việc là hăng say, khi giáp mặt với chiến trường là quyết liệt, khi sống là đáng sống. Giống như hôm nay khi đang hưởng những năm tháng thanh nhàn phải ra thanh nhàn. Bằng một phong thái nho nhã, thanh đạm, giản dị, nói chung là rất đời thường, kể cả khi anh đang là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Thương mại, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam.

Thấy anh khỏe, tôi mừng lắm. Mà không mừng làm sao được khi cả cuộc đời anh gắn liền với sự nghiệp cách mạng, đầy dũng mãnh kiên trung, tôi muốn khẳng định anh là một trong những con người tiêu biểu, đại diện cho ý chí của toàn quân, toàn dân dám đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Còn nhớ, tháng 6-1963, tôi đang say sưa với công tác ở trường Quân chính Quân khu 5, đóng ở Khu 2 - Gia Lai, bên bờ sông Ba thì nhận được điện của Quân khu triệu tập nhận nhiệm vụ mới. Lúc đó, tôi đang hoàn chỉnh phương án phá ấp chiến lược giành dân bằng phương châm: "hai chân, ba mũi giáp công". Một kinh nghiệm quý báu từ Phú Yên mà nhà trường tiếp thu được khi đi thực tế nghiên cứu về.

Nhận điện, tôi mang ba lô đi một mạch từ Gia Lai về Quân khu đóng ở Trà My (Quảng Nam). Đến nơi, tôi mới hay Ban Thường vụ Khu ủy quyết định bổ sung tôi vào Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam, Quân khu quyết định tôi làm Chính trị viên Tỉnh đội Quảng Nam. Lúc này anh Vũ Trọng Hoàng là Bí thư Tỉnh ủy, anh Trần Hưng Thừa là Chánh văn phòng. Văn phòng Tỉnh ủy đóng ở Nà Chói thuộc xã Đốc, Tây Nam bờ sông Tranh. Tôi nhớ khi về nhận công tác ở Tỉnh đội, anh Quách Tử Hấp là Tỉnh đội trưởng, kiêm Trung đoàn trưởng Công trường I, anh Trần Kim Anh là Tỉnh đội phó, anh Đoàn Thúc Huyến là Tham mưu trưởng Tỉnh đội.

Về nhận công tác ở đơn vị mới, tôi cùng anh em trong Ban chỉ huy nắm lại tình hình hai huyện miền núi vừa giải phóng trong khi Khu ủy, Quân khu có kế hoạch giải

phóng đồng bằng. Ở phía Nam Quảng Nam - Bắc Quảng Ngãi, anh Bảy Hữu, Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy cùng anh Quách Tử Hấp - Tư lệnh mặt trận dùng lực lượng vũ trang đánh phá ấp chiến lược ở xã Kỳ Sanh - Tam Kỳ (Quảng Nam), hỗ trợ quần chúng nổi dậy, giải phóng thôn 7, thôn 8, xã Kỳ Sanh. Sau đó mấy hôm, sử dụng đơn vị C 61- bộ đội địa phương của tỉnh do đồng chí Nguyễn Văn Hiếu chỉ huy giải phóng hai xã Tiên Lãnh, Tiên Ngọc (Tiên Phước). Còn ở Thăng Bình (Quảng Nam), bộ đội địa phương và đội công tác giải phóng xã Bình Phú, gồm các thôn Đồng Linh, Phước Cang, Phước Hà, Đức An và thôn Đông Tiễn. Ở Quế Sơn, thế trận đã bắt đầu mở ra, đội công tác hỗ trợ cơ sở lãnh đạo nhân dân nổi dậy giải phóng các thôn Tý, Sé, Dùi Chiêng; sau phát triển xuống Phú Gia. Từ thực tiễn cách mạng như vậy, ta lần lượt bổ sung kinh nghiệm, dùng đội công tác và bộ đội địa phương cùng cơ sở lấy thế mạnh đánh yếu trên phương châm ba mũi: Quân sự, chính trị, binh vận, khiến địch tan rã từng mảng, đồng thời ta có thêm địa bàn rộng lớn. Nhất là hai năm 1964 - 1965, từ đà thắng lợi, ta mở rộng vùng Đông Thăng Bình - Tam Kỳ, Tây, Trung Quế Sơn, theo đó nối liền vùng giải phóng Tiên Phước, Bắc Tam Kỳ, chặn cắt đường 16 - đường Tam Kỳ - Tiên Phước, rồi cắt từng đoạn quốc lộ 1A tạo thành vùng giải phóng liên hoàn.

Tôi muốn lược lại bối cảnh Quảng Nam trong thời điểm ấy, tức trước và sau năm tôi về nhận công tác ở Tỉnh đội Quảng Nam để hình dung phong trào cách mạng lúc đó đang lên, ta đang giành giật với địch từng vùng nông thôn

bằng cách đánh mang tính tổng hợp các yếu tố, có thời cơ, thời điểm. Tất cả xuất phát từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, từ ý chí sẵn sàng, dám đánh, đánh thắng Mỹ, trong đó có sự chỉ đạo đóng góp to lớn của anh Võ Chí Công. Bởi trước đó một thời gian, tình hình khó khăn lắm, nhiều cơ sở cách mạng bị địch đàn áp, con đường cách mạng, đấu tranh giải phóng, thống nhất đất nước như trong màn đêm.

Theo chỉ đạo của Khu ủy, đứng đầu là anh Năm Công và anh Hai Mạnh (đồng chí Chu Huy Mân), cuối năm 1964 đầu năm 1965, quân và dân Quảng Nam thừa thắng xông lên đánh địch tan rã từng phần, mở rộng vùng giải phóng, kể cả vùng núi và đồng bằng. Từ sự chỉ đạo của Khu ủy, Quân khu quyết đánh, quyết thắng ở Quảng Nam, cuối năm 1964, vùng giải phóng mở rộng chưa từng có, với 380.000 dân, nối với các vùng giải phóng Quảng Đà. Có đồng bằng, có vùng núi, giữ được dân, ta có địa bàn, căn cứ hoạt động, có lương thực, thực phẩm nuôi quân, ta có lực lượng bổ sung. Đây là điều kiện rất quan trọng trong thời điểm quyết liệt với địch. Và đây là một phần lý giải vì sao chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ bị phá sản, phá sản đến không gì cứu vãn nổi. Điều đó được thể hiện ở mỗi thôn xóm, mỗi con đường, ở mỗi người dân với hào khí dám đánh, dám thắng, lạc quan tin tưởng vào cách mạng. Ở các vùng giải phóng đâu đâu cũng vang lên những bài ca, ca ngợi Đảng, Hồ Chủ tịch, ca ngợi cuộc sống mới, độc lập tự do.

Từ bị động, ta chủ động trên chiến trường, trên nhiều

phương diện. Nguy cơ suy yếu của ngụy quân, ngụy quyền hiện rõ. Trước tình thế đó, đế quốc Mỹ đã tính đến nước cờ liều lĩnh, đẩy cuộc chiến tranh đặc biệt sang chiến tranh cục bộ, trực tiếp nhảy vào miền Nam. Như tiên liệu của Khu ủy, ngày 8-3-1965, dưới sự chỉ huy của Đô đốc Sáp, đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng. Trước tình hình đó, chúng tôi luôn theo dõi diễn biến thông qua các nguồn tin cơ sở gửi về, đồng thời báo cáo tình hình cho Khu ủy, Quân khu, một mặt chuẩn bị tư tưởng cho bộ đội, du kích, nhân dân sẵn sàng đối phó với đối tượng tác chiến mới. Tiếp đó, ngày 7-5-1965, sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3 của Mỹ đổ bộ lên hai xã Kỳ Liên, Kỳ Hà (nay là Tam Quang, Tam Nghĩa, huyện Núi Thành). Trong thời gian ngắn, chúng đưa vào đây 5 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, một tiểu đoàn công binh, một tiểu đoàn pháo 105 ly, một đại đội pháo 155 ly, 2 đại đội xe bọc thép M113, M118, một đại đội pháo tự hành, 5 phi đoàn máy bay trực thăng, một phi đoàn máy bay phản lực tiêm kích, khủng bố, dồn nhân dân hai xã nói trên để lấy đất xây dựng căn cứ Chu Lai.

Trước một diễn biến chiến trường không thuận lợi cho ta, an nguy vận hội dân tộc, theo chỉ thị của Khu ủy, trực tiếp là anh Năm Công - Bí thư Khu ủy, khi Mỹ đổ quân và xây dựng căn cứ Chu Lai, Quảng Nam và Đà Nẵng phải nhanh chóng hình thành vành đai diệt Mỹ. Lúc đầu, ở vành đai diệt Mỹ Chu Lai, đồng chí Hồ Truyền, Bí thư Huyện ủy Nam Tam Kỳ làm Chính ủy, đồng chí Phùng Xuân Mai, Huyện đội Trưởng làm Chỉ huy trưởng. Từ ý chí quyết đánh, quyết thắng Mỹ của Khu ủy, Quân khu, của

anh Năm Công, chúng tôi (gồm Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh đội) nêu cao quyết tâm, định hướng tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt vành đai diệt Mỹ ở Chu Lai với nhiệm vụ như sau: *Một là*, chủ động tấn công, hình thành thế bao vây, không cho quân Mỹ nống ra vùng giải phóng. *Hai là*, tìm mọi cách và thường xuyên tiêu hao sinh lực địch, phá hoại phương tiện chiến tranh của chúng. *Ba là*, đánh Mỹ ngay vành đai để rút kinh nghiệm chung cho toàn chiến trường, đồng thời phát động phong trào tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt.

Từ tư tưởng chỉ đạo cụ thể đó, lúc đầu vành đai diệt Mỹ Chu Lai có 400 du kích tại chỗ cùng các đội du kích từ các huyện tăng cường. Một thời gian sau lại được tỉnh tăng cường lực lượng và cán bộ chỉ huy. Dưới sự chỉ đạo của anh Năm Công, anh Hai Mạnh, Quân khu tiếp tục bổ sung tiểu đoàn đặc công 409 cùng hỏa lực DKB tạo thế và lực tấn công liên tục vào căn cứ Chu Lai, từ ngày Mỹ đặt chân vào đây cho đến ngày Quảng Nam được hoàn toàn giải phóng.

Thực tế, khi Mỹ đổ bộ và xây dựng căn cứ Chu Lai, quân và dân Quảng Nam chịu nhiều đau thương, mất mát, qua những đợt tấn công, càn quét, oanh tạc của chúng. Và một thực tế nữa, nhiều lần chúng tìm cách nống ra vùng giải phóng đã bị lực lượng du kích vành đai, nhất là du kích Kỳ Anh ngăn chặn, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề. Tôi còn nhớ như in, đó là đêm 25, rạng sáng ngày 26-5-1965, khi Mỹ nống lên chốt Núi Thành làm tiền tiêu phía Tây, giữ căn cứ Chu Lai, biết âm mưu của chúng, ta sử dụng đại đội II, D70 cùng đội đặc công

của tỉnh tăng cường gồm 16 chiến sĩ, đã tiến công tiêu diệt đại đội Mỹ ở Núi Thành. Ở trận đánh đi vào lịch sử này, ta quyết định đánh bằng chiến thuật đặc công cộng hỏa lực khống chế địch không cho chúng có đường thoát về căn cứ. Sau 30 phút chiến đấu quyết liệt ta tiêu diệt hoàn toàn địch.

Giờ đây, nhìn lại khoảng thời gian đã qua, nhắc lại những năm tháng của một thời, tôi, chúng tôi, những người trực tiếp chỉ huy chiến trường Quảng Nam nóng bỏng, khắc nghiệt, trực diện với giặc Mỹ xâm lược từ buổi đầu luôn nhớ về anh Năm Công, về một người chỉ huy, chỉ đạo sâu sát, phán đoán tài tình. Đó là yếu tố quan trọng, là động lực quan trọng đối với chúng tôi, yên tâm đánh và thắng giặc Mỹ xâm lược. Kể lại một vài chi tiết về chiến trường Quảng Nam từ năm 1963 đến năm 1965 (những năm đầu tôi được bổ sung về đây), tôi không có ý định khắc họa, miêu tả cho toàn bộ 21 năm đánh Mỹ, mà muốn nói: Thành quả đó, thắng lợi mang nhiều ý nghĩa đó được đánh đổi bằng bao sức lực của toàn quân, toàn dân, của Khu 5, trong đó có vai trò chủ đạo sáng tạo, kịp thời của anh Năm. Tôi hiểu với một người ít nói, điềm đạm như anh Năm khi đánh giá về chiến trường Quảng Nam chẳng bao giờ anh gắn với vai trò của chính mình. Thế nhưng sự thật là vậy, thực tế rành rành như vậy. Ở đây tôi muốn nói thêm về vai trò cụ thể của anh Năm trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968.

Theo chủ trương của Bộ Chính trị, năm 1968, anh Năm Công - Bí thư Khu ủy, anh Hai Mạnh - Tư lệnh Quân khu 5 trực tiếp chỉ đạo chiến dịch Xuân Mậu Thân. Trên chiến trường Khu 5, quân ta sẽ tập kích vào tất cả các thành phố, thị xã nhằm giành thắng lợi, bắt buộc Mỹ xuống thang, ngồi vào bàn đàm phán ở Pari. Để triển khai chiến dịch này được bí mật và nhanh chóng, anh trực tiếp đến Tiên Lãnh (Tiên Phước, Quảng Nam) họp Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời phổ biến chủ trương, chuẩn bị tấn công vào giờ G cho Bí thư, Phó Bí thư trước một tháng. Theo sự chỉ đạo của anh, Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam được giao nhiệm vụ đánh chiếm thị xã Tam Kỳ, tỉnh lỵ Quảng Tín. Theo đó tỉnh xây dựng thêm lực lượng bộ binh, gồm 4 tiểu đoàn, Quân khu chi viện 2 khẩu pháo 75 ly. Giờ G được chọn vào đêm 30-1-1968. Tất cả mọi việc anh Năm Công quán triệt, phổ biến đầy đủ. Oái ăm thay sau khi nhận được kế hoạch, lực lượng bộ đội địa phương, huyện Thăng Bình tập kết xuống vùng Đông không nhận được lệnh của Quân khu hoãn giờ G lại một ngày, tức là đêm 31-1-1968. Vì thế, ở Quảng Nam, riêng Thăng Bình vào mùa Xuân đáng nhớ ấy đã tấn công, nổi dậy vào đêm 30 tháng 1, trước các địa phương khác một ngày, đây là yếu tố, thời điểm bất lợi. Mặc dù vậy, ở Quảng Nam, đêm 31-1-1968 cả tỉnh đã đồng loạt tấn công, đánh chiếm cơ quan tỉnh đường tiểu khu Quảng Tín, nhân dân đồng loạt nổi dậy, biểu tình, thị uy, làm tê liệt bộ máy hành chính Mỹ, ngụy tại thị xã. Trong chiến dịch ấy, ta đã chiếm lĩnh tỉnh đường Quảng Nam, cầm cự với địch 3 đêm 2 ngày.

Tuy cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân không mang lại nhiều thắng lợi lớn như mong đợi, dự kiến, nhưng điều quan trọng hơn cả là khiến cho Mỹ thức tỉnh, lo ngại về một cuộc chiến bị thất bại, chấp nhận ngồi vào bàn Hội nghị Pari mấy năm sau đó, trong đó có sự đóng góp vô giá của chiến trường Quân khu 5, của Quảng Nam - Đà Nẵng dưới sự chỉ đạo của anh Năm. Và những thắng lợi này đã mở đường cho cuộc Tổng tiến công, nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Với tôi, kỷ niệm về anh Năm Công cũng trải dài theo lịch sử dân tộc - đặc biệt là thời điểm từ chuẩn bị cho đến kết thúc cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tôi lại nhớ đến kỷ niệm không thể nào quên, đó là vào những tháng cuối của năm 1974, Bộ Chính trị tổ chức cuộc họp mở rộng bàn về nhiệm vụ hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện trọng đại, như đồng chí Lê Duẩn nói: Quyết định này là trí tuệ tập thể của Bộ Chính trị, là kết quả của những suy nghĩ nung nấu từ lâu, của sự cân nhắc chín chắn, xuất phát từ kinh nghiệm tích lũy mấy chục năm kháng chiến, xuất phát từ thực tế chiến trường, từ so sánh lực lượng trong nước và thế giới.

Tháng 12-1974, theo chỉ thị của anh Lê Duẩn, anh Năm Công, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy 5 lên đường ra Hà Nội họp Bộ Chính trị mở rộng lần thứ hai trong năm. Anh cho bốn Bí thư Tỉnh ủy đồng bằng cùng đi. Ở Quảng Đà có anh Trần Thận, Quảng

Ngãi có anh Lê Tấn Tỏa, Bình Định có anh Nguyễn Trung Tín và Quảng Nam là tôi: Hoàng Minh Thắng.

Ngày 18-12-1974, khai mạc phiên họp Bộ Chính trị mở rộng, tiếp tục bàn phương án cụ thể giải phóng miền Nam. Ban ngày anh Năm Công họp, tối về phổ biến lại cho chúng tôi cùng nghe, cùng suy nghĩ nhằm quán triệt tinh thần của Bộ Chính trị, có dự kiến phương án cụ thể về tấn công và nổi dậy giải phóng tỉnh mình.

Tại cuộc họp, vấn đề tốn nhiều thời gian nhất, bàn luận sôi nổi nhất là nếu chúng ta đánh bại quân ngụy Sài Gòn, quân Mỹ có quay trở lại chiến trường miền Nam hay không? Đã có nhiều ý kiến khác nhau. Anh Năm Công kể lại cho chúng tôi hay. Anh Phạm Văn Đồng nói: Hiện nước Mỹ nhiều bê bối lắm, chúng không dám nhảy vào miền Nam nữa đâu, có cho kẹo nó cũng chẳng vào. Còn đứng ngoài làm đội quân cứu hỏa bằng không quân đâu có giải quyết được chiến trường. Không khí thảo luận sôi nổi và căng thẳng. Ai cũng thể hiện chính kiến của riêng mình. Kết thúc hội nghị, anh Ba Duẩn (Lê Duẩn) kết luận: Phương án giải phóng miền Nam tiến hành trong hai năm. Năm 1975, tấn công nổi dậy giải phóng đồng bằng Nam Bộ, ven biển miền Trung, Tây Nguyên, Trị - Thiên, cắt đứt giao thông, bao vây cô lập thành phố, nhất là thành phố Sài Gòn và Đà Nẵng. Năm 1976, nổi dậy, tấn công giải phóng các thành phố lớn, kể cả sào huyệt cuối cùng của chế độ ngụy. Tại hai lần họp Bộ Chính trị mở rộng, anh Ba Duẩn có nhấn mạnh về thời cơ lịch sử và khả năng thực tế để đánh trận quyết chiến, chiến lược cuối cùng, đưa cuộc

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn. Anh Ba Duẩn đặc biệt lưu ý chuẩn bị gấp rút để giành thắng lợi trong hai năm 1975-1976. Tinh thần chung là động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hai miền Nam - Bắc, đưa cuộc cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, bằng tổng công kích, tổng khởi nghĩa, làm tan rã và tiêu diệt hoàn toàn chế độ ngụy quân, ngụy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước.

Từ quan điểm kiên định đó, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tiến công mang tầm chiến lược năm 1975 -1976. Anh Ba Duẩn còn kết luận dự kiến một phương án khác: nếu ta tấn công, nổi dậy mạnh, tạo ra thời cơ mới, lập tức chớp thời cơ để giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975. Và nữa, điểm đột phá vào đâu để mở màn chiến dịch? Nhiều người nhất trí là đột phá vào Tây Nguyên nhưng khác nhau là đánh vào Nam Tây Nguyên hay Bắc Tây Nguyên. Có ý kiến đề nghị đánh vào Bắc Tây Nguyên, cụ thể là Pleiku vì điều kiện ở đây có nhiều thuận lợi, thế trận của ta vững chắc, hơn nữa công tác hậu cần dễ dàng hơn. Các đơn vị của ta ở chiến trường này có nhiều kinh nghiệm. Riêng vấn đề này, ý kiến anh Năm Công và anh Hai Mạnh kiên trì đề nghị đột phá vào Nam Tây Nguyên, mục tiêu cụ thể là Buôn Ma Thuột. Có một thực tế là thời điểm này trên đường 14 vào thị xã Buôn Ma Thuột có một cứ điểm quan trọng của địch là Đak Bêt do một tiểu đoàn bảo an ngụy chốt giữ. Anh Năm Công và anh Hai Mạnh cho rằng chẳng trở ngại gì, riêng cứ điểm này ta dùng bộ

binh bao vây, dùng pháo cao xạ bắn khống chế không cho máy bay địch tiếp tế. Đầu tháng 2-1975, địch rút bỏ đồn tháo chạy tán loạn vào rừng núi... Lại cũng có ý kiến đề nghị đột phá vào điểm yếu của địch ở Đông Nam Bộ vì ở đây sát nách Sài Gòn để uy hiếp tinh thần địch, dễ tạo ra sự đổ vỡ lớn. Và như chúng ta đều biết, cuối cùng Bộ Chính trị đã chọn địa bàn Nam Tây Nguyên - thị xã Buôn Ma Thuột mở màn chiến dịch.

Một vấn đề nữa, cũng khá gay cấn được nêu lên trong hội nghị và được bàn thảo kỹ lưỡng. Đó là ngụy còn 1 triệu quân trong khi cơ số đạn ta có hạn, nhất là đạn pháo. Có những ý kiến khác nhau được nêu ra. Riêng anh Năm Công cho rằng, so sánh lực lượng ở Khu 5 thì thấy địch có 30 vạn quân chủ lực và quân địa phương, 750 máy bay, 250 xe tăng, pháo binh nhiều. Ta có 75 ngàn quân, 60 ngàn du kích, 30 khẩu pháo, so sánh bộ binh ta chưa bằng 1/3 quân ngụy. Tuy nhiên, khi so sánh mạnh, yếu giữa ta và địch thì lại không phải bằng số lượng quân, vũ khí mà phải tổng hợp các yếu tố mới thấy ta hơn địch cả thế và lực, thực tế chiến trường Khu 5 đã chứng minh rất rõ điều đó. Sau khi thảo luận kỹ lưỡng, anh Ba Duẩn kết luận: Qua thực tế chiến trường, ta không cần tiêu diệt toàn bộ mà chỉ yêu cầu ta diệt gọn một số đơn vị chủ lực của địch, nhất là một số sư đoàn then chốt và phải biết kết hợp quân sự, chính trị, binh vận để tấn công khiến chúng tan rã tại chỗ, giải phóng từng vùng, bao gồm các căn cứ hậu cần quân ngụy. Đánh như vậy, vừa triệt tiêu sức chiến đấu của địch vừa tăng cường sức chiến đấu của ta. Với phương

pháp ấy, ta có đủ điều kiện giành thắng lợi cuối cùng. Ở chiến trường Tam Kỳ - Đà Nẵng, trong chiến dịch Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 đã diễn ra đúng như vậy.

Sau khi họp Bộ Chính trị xong, anh Năm Công gọi tôi và anh Lê Tấn Tỏa giao nhiệm vụ trong đó có nhấn mạnh: Sau khi quân chủ lực của Quân khu cùng với địa phương giải phóng thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi - hai tỉnh phải cố giữ cho được tuyến đường quốc lộ 1A, dài 100 km, nối liền hai tỉnh để chuẩn bị điều kiện giải phóng Đà Nẵng.

Tôi nhận nhiệm vụ trong tâm trạng mừng vui khó tả. Thêm vào đó, trước khi trở về, lại còn được Trung ương cho tỉnh một chiếc xe Uoát chở đầy súng đạn đưa tôi đi thẳng một mạch từ Hà Nội vào Quảng Nam. Lúc này cơ quan Tỉnh ủy đóng ở xã Phước Sơn (Tiên Sơn), huyện Tiên Phước.

Về đến cơ quan, tôi bắt tay vào công việc ngay. Đầu tiên là nghe Văn phòng Tỉnh uỷ báo cáo tình hình trong thời gian tôi đi vắng, trong đó có nội dung cuộc họp Thường vụ Tỉnh ủy thông qua phương án mở chiến dịch Xuân 1975. Đại thể, theo phương án này thì Sư đoàn 2, Lữ đoàn 25 của Quân khu giải phóng quận lỵ Tiên Phước, Phước Lâm, ba tiểu đoàn bộ binh và các đơn vị hỏa lực của tỉnh áp sát đánh địch ở phía tây tỉnh đường Quảng Tín. Tôi thấy, phương án triển khai như vậy là không đúng ý đồ chỉ đạo của anh Năm Công và Tư lệnh Quân khu. Đầu tháng 2-1975, tôi đề nghị họp Thường vụ Tỉnh ủy để thảo luận lại. Tại đây, tôi nói rõ ý định của Bộ Chính trị, Thường vụ Khu ủy, của anh Năm Công và đề nghị chuyển hướng bố trí lại lực lượng. Theo đó, tỉnh đưa ba tiểu đoàn bộ binh của tỉnh, các đơn vị

hỏa lực, lực lượng du kích địa phương, đội công tác cùng tấn công hỗ trợ nhân dân nổi dậy giải phóng vùng Đông Thăng Bình. Khi thời cơ đến, đánh vào trận địa Núi Cấm, cắt cầu Kỳ Phú, không cho địch chạy ra biển, đồng thời kết hợp với các đơn vị Quân khu giải phóng thị xã, tỉnh lỵ Quảng Tín. Cũng trong cuộc họp này, chúng tôi phân công từng ủy viên Thường vụ cùng Ban Chỉ huy Tỉnh đội đi chỉ huy các hướng của chiến dịch. Nhiệm vụ trước mắt là động viên tinh thần, lực lượng toàn tỉnh nỗ lực vượt bậc tham gia chiến dịch, giải phóng tỉnh Quảng Nam trong thời gian ngắn nhất. Lúc này, nhân dân các huyện, các vùng đã được giải phóng như Tiên Phước, Tây Thăng Bình, Quế Sơn rất phấn khởi, ngày đêm cùng công binh Quân khu mở đường Trường Sơn nối liền với vùng căn cứ Sơn - Cẩm - Hà. Về phía địch, trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, chúng tăng cường đôn quân, bắt lính để bù vào số bị ta tiêu diệt từ năm 1973 - 1974. Chúng xây dựng và hình thành vành đai phòng thủ Hòa Liên - Hòa Vang đến vùng B Đại Lộc nối với Tây Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước nhằm bảo vệ thị xã Tam Kỳ và thành phố Đà Nẵng.

4 giờ 30 ngày 10-3-1975, trùng với ngày nổ súng ở Buôn Ma Thuột, từ chân đồi Dương Côn - nơi có Sở chỉ huy Sư đoàn 2 Quân khu 5, hai phát pháo lệnh, 1 xanh, 1 đỏ vút lên bầu trời, báo hiệu thời khắc đã điểm. Trận mở màn chiến dịch, giải phóng Tiên Phước - Phước Lâm bắt đầu. Lữ đoàn 52 nổ súng đánh chiếm cứ điểm đồi cao Suối Đá. Trận đánh diễn ra quyết liệt. Đến 16 giờ cùng ngày ta làm chủ trận địa, cùng lúc Trung đoàn 31 đánh vào hệ thống

phòng thủ của địch ở quận lỵ Tiên Phước, quét sạch quân địch ở Dương Côn, Hố Bạch, Vú Em. Chớp thời cơ, Sư đoàn 2 Quân khu đánh ngay vào điểm cao 211. Chiếm được điểm xung yếu này, quân ta chia ba mũi tiến về giải phóng quận lỵ Tiên Phước - Phước Lâm và quân ta kiểm soát hoàn toàn. Bị một đòn choáng váng, theo lệnh Ngô Quang Trưởng - Tư lệnh Quân đoàn I ngụy, chỉ huy Sư đoàn 2 ngụy từ Quảng Ngãi ra Tam Kỳ chuẩn bị hành quân giải tỏa. Ngày 11-3, Liên đoàn biệt động số 12 cùng tiểu đoàn bảo an, chi đoàn xe bọc thép từ Tuần Dưỡng lên Cẩm Khê - Dương Côn. Ngày 12-3 Trung đoàn 2 và Trung đoàn 4 ngụy từ Quảng Ngãi tiếp tục ra, Trung đoàn 2 - Sư đoàn 3 ngụy từ Quảng Đà vào để hành quân giải tỏa. Đây là điều kiện thuận lợi cho Quảng Nam, Quảng Ngãi nổ súng tấn công theo mục tiêu đã xác định. Cứ thế, quân và dân Quảng Nam lần lượt nổi dậy đánh tan âm mưu cứu vãn tình thế của địch, khiến chúng tan rã từng mảng. Trong khi đó, ta thắng lớn trên chiến trường Tây Nguyên - Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên, quân ta cắt đường 14, đường 19 và đường 21. Sáng ngày 27-3-1975, các địa phương Quảng Nam được hoàn toàn giải phóng.

Lúc này trên đường đi Tây Nguyên để gặp đồng chí Văn Tiến Dũng, anh Năm Công thấy chiến trường đang chuyển hướng mau lẹ, hoàn toàn có lợi cho ta. Ở Kon Tum, địch thất thủ. Thông tin từ mặt trận Huế - Quảng Trị cũng vậy. Nhận định địch rút bỏ Tây Nguyên, anh Năm Công từ chiến trường điện xin phép anh Ba Duẩn và Bộ Chính trị cho giải phóng Đà Nẵng, đồng thời anh điện về cơ quan chỉ

đạo Khu ủy, Quân khu, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 không đánh vào phía Nam mà chuyển hướng tấn công ra phía Bắc. Trước tình hình như vậy, anh Năm Công không tiếp tục vào Tây Nguyên bàn kế hoạch với anh Văn Tiến Dũng mà lập tức quay về chuẩn bị giải phóng Đà Nẵng và toàn Quân khu. Trước thời cơ thuận lợi chưa từng có, Khu ủy, Quân khu hạ quyết tâm tập trung toàn bộ lực lượng, động viên nỗ lực phi thường của Đảng bộ, quân dân toàn khu phát huy thế tấn công mạnh mẽ, liên tục, giải phóng khu trong thời gian ngắn nhất.

Từ tinh thần quyết chiến, quyết thắng ấy, sáng ngày 28-3-1975, lúc 9 giờ sáng, anh Năm Công từ Khu ủy ở Tây Duy Xuyên ra sở chỉ huy tiền phương gặp anh Hai Mạnh bàn bổ sung kế hoạch giải phóng Đà Nẵng, trong đó thể hiện rõ quan điểm của Bộ Chính trị, tấn công kết hợp nổi dậy. Chính vì thế, trong thời gian ngắn, quân ta không mất nhiều sức lực nhưng đã làm tan rã 10 vạn quân ngụy ở Đà Nẵng. Ngày 29-3-1975, Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng.

Đối với tôi, giờ đây mỗi khi nhớ về anh Năm là chợt nhớ về những trận đánh quyết liệt với quân thù trên chiến trường Khu 5, cùng đức tính đôn hậu, gần gũi và giản dị của anh. Điều rất giống nhau trong anh từ những năm tháng ở chiến trường miền Trung cho đến khi đảm trách các nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước giao phó, bao giờ anh cũng linh hoạt, nhạy bén và rất cụ thể. Phân công việc gì cho cá nhân hoặc cho đơn vị nào đều rất cụ thể. Chứng tỏ trước khi phân công, anh đã có nghiên cứu kỹ, hiểu kỹ nhiều việc, dự đoán nhiều vấn đề có thể phát sinh.

Thắng lợi mùa Xuân năm 1975 là thắng lợi của toàn quân, toàn dân ta, trong đó nguyên nhân trực tiếp là sự chỉ đạo, lãnh đạo tài tình của Bộ Chính trị, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ở chiến trường Quân khu 5 nói chung, Quảng Nam - Đà Nẵng nói riêng để hợp lực cùng cả nước đưa chiến dịch Tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1975 đến thắng lợi cuối cùng thể hiện rất rõ vai trò của anh Năm Công và anh Hai Mạnh. Hai anh là nhân tố quan trọng cùng toàn quân, toàn dân Khu 5 làm nên chiến thắng lịch sử. Vào thời điểm ấy, thời kỳ ấy, với tinh thần quyết đánh, quyết thắng Mỹ của các anh đã âm thầm truyền vào chúng tôi một sức mạnh phi thường, ý chí lạ thường. Anh như một tấm gương phản chiếu, dẫn dắt chúng tôi vượt qua mọi gian khó và liên tục giành chiến thắng, giống như Hồ Chủ tịch nói: "Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, quyết chí ắt làm nên"...

ANH NĂM CÔNG, NGƯỜI CÁN BỘ CÓ TINH THẦN CHỦ ĐỘNG, QUYẾT ĐOÁN, DÁM NGHĨ, DÁM LÀM... TỪ THUỞ THIẾU THỜI

TRẦN THẬN *

Năm 1939, Mặt trận Bình dân Pháp đổ. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Catơru ra Nghị định giải tán Hội ái hữu, nghiệp đoàn, thi hành chính sách thời chiến. Ngày 5-10-1939, Bảo Đại ký dụ cấm tuyên truyền cộng sản. Bọn thực dân Pháp và bù nhìn thẳng tay đàn áp cách mạng. Các đồng chí Tỉnh ủy Quảng Nam bị bắt, *Hiệu sách Việt Quảng* bị đóng cửa. Phong trào cách mạng Quảng Nam mất cơ quan lãnh đạo.

Khi đó, anh Năm Công, người con của một làng quê ở phủ Tam Kỳ, đang làm Bí thư Phủ ủy lâm thời Tam Kỳ, đã chủ động ra các phủ, huyện phía Bắc của tỉnh Quảng Nam đi tìm mối lập ra Tỉnh ủy lâm thời và cử người đi bắt mối với Xứ uỷ và Trung ương.

---

* Nguyên Khu uỷ viên Khu 5, nguyên Bí thư Đặc khu ủy Quảng Đà, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, nguyên Phó Tổng Thanh tra Nhà nước.

Mùa hè năm 1940, tôi có may mắn được anh Võ Toàn và anh Nguyễn Sắc Kim trực tiếp giác ngộ cách mạng và giao nhiệm vụ phải vận động thêm người để lập tổ chức cứu quốc của xã Bàn Thạch. Sau khi tôi vận động đủ người báo cáo với các anh, các anh đưa đồng chí Trần Thượng Hàm đến lập Ủy ban vận động cứu quốc xã Bàn Thạch.

Đầu năm 1942, phong trào cách mạng phủ Duy Xuyên bị bể vỡ, đồng chí Hàm bị bắt, tỉnh điều đồng chí Tuyển (Trọng), cán bộ thoát ly của tỉnh đến thay đồng chí Hàm. Một thời gian ngắn, đồng chí Tuyển cũng bị bắt, tỉnh điều đồng chí Phạm Thị Đợi đến, nhưng sau đó đồng chí Phạm Thị Đợi cũng bị bắt ở Tam Kỳ. Chúng tôi bị mất liên lạc trong một thời gian. Theo Hồi ký *Trên những chặng đường cách mạng* của anh Năm Công (tên thường gọi của đồng chí Võ Chí Công), thời gian này anh tạm lánh vào Phan Thiết, Bình Thuận. Nói tạm lánh nhưng vào đây anh cũng bắt mối xây dựng phong trào cách mạng của tỉnh Bình Thuận.

Mùa đông năm 1942, anh trở lại Quảng Nam. Chúng tôi lại được liên lạc trực tiếp với các anh.

Đầu năm 1943, Tỉnh ủy cho in và phát hành *Vé số cứu quốc* nhưng bị lộ. Phong trào bể vỡ, nhiều cơ sở bị bắt, bọn mật thám ráo riết truy các anh. Gia đình tôi bị một cơ sở ở xã bên cạnh khai là bảo vệ cho các anh. Bọn mật thám đến bắt ba anh em tôi, rất may các anh chỉ vừa đi khỏi nhà tôi khoảng hơn một giờ.

Mùa thu năm 1943, anh và anh Nguyễn Sắc Kim bị bắt

do tên Cao Tiến Khai cán bộ thoát ly của tỉnh, đã mật báo nơi ăn ở của các anh để bọn mật thám đến vây bắt.

Nhìn lại quá trình hoạt động của anh Năm Công, tôi thấy anh là một cán bộ lãnh đạo gắn bó với phong trào, có nhiều đóng góp trong việc làm chuyển biến phong trào cách mạng của quần chúng.

Thời kỳ thứ nhất là khi anh làm Bí thư Liên khu ủy 5 từ năm 1959 đến năm 1961. Khi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (Quảng Ngãi) nổ ra, anh tổng kết và phát động một số cuộc khởi nghĩa ở trong Liên khu và ở Quảng Nam. Sau đó, anh vào làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

Thời kỳ thứ hai là từ giữa năm 1964 đến đầu năm 1965. Năm 1964, sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ đã diễn ra sự khủng hoảng liên tục trong nội bộ bọn ngụy quyền; Diệm bị lật đổ, Dương Văn Minh thay rồi lại bị lật. Nguyễn Khánh - Trần Văn Hương lên thay, rồi Khánh - Hương bị lật đổ thay bằng Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ. Đó là thời kỳ khủng hoảng triền miên của ngụy quyền và thời kỳ này cũng là thời kỳ khủng hoảng về chiến lược của đế quốc Mỹ. Thất bại trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ đang tính toán chuyển sang "Chiến tranh cục bộ". Giữa lúc đó, anh Năm Công từ Trung ương Cục miền Nam về lại Khu 5, với kinh nghiệm đồng khởi ở Nam Bộ, anh đã góp phần đưa phong trào quần chúng nổi dậy phá ách, phá kìm giành thắng lợi, giải phóng đại bộ phận nông thôn, đồng bằng.

Thời kỳ thứ ba là sau khi Hiệp định Pari được ký kết tháng 1-1973, anh Năm Công, anh Hai Mạnh đi họp ngoài Trung ương, các đồng chí Thường vụ Khu ủy 5 và Quân khu ủy còn lại đã thực hiện Hiệp định Pari một chiều, làm cho phong trào gặp nhiều khó khăn và khi hai anh về, với tinh thần chỉ đạo của Trung ương, đã chuyển hướng được phong trào lên.

Thứ nhất là đầu năm 1975, sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, anh Năm Công có sự đóng góp rất lớn đối với việc giải phóng miền Nam. Khi giải phóng Buôn Ma Thuột, Bộ Chính trị điện cho anh phải lên Đắk Lắk để gặp anh Văn Tiến Dũng và Bùi San. Trên đường đi, anh thấy địch rút bỏ cả Kon Tum và Pleiku, anh suy nghĩ rằng thời cơ đã đến nên điện xin ý kiến Bộ Chính trị đề nghị cho đánh giải phóng Đà Nẵng. Khi Bộ Chính trị trả lời "thấy được thì cứ làm đi", anh điện báo cho các anh Dũng và San là không lên được và quay về luôn cơ quan Khu uỷ họp Thường vụ Khu ủy và cũng điện cho Quảng Đà là anh sẽ quay lại hướng Quảng Đà, Quảng Đà phải chuẩn bị. Ngày 21-3, anh điện cho Thường vụ Đặc khu ủy Quảng Đà lên cơ quan Khu ủy để nhận lệnh. Lúc bấy giờ, Thường vụ Đặc khu có nhiều đồng chí nhưng ở nhà chỉ có tôi, anh Phan Hoan và anh Hồng Quang. Tôi lên cơ quan Khu ủy nhận lệnh, đồng thời mời họp Thường vụ Đặc khu uỷ vào ngày 24-3. Khi lên nhận lệnh, anh Năm Công nói rất rành rọt và giao nhiệm vụ: "Thời cơ đến thì các anh phải dùng lực lượng quân sự và chính trị địa phương để giải phóng. Có ba phương án để giải phóng: Một là dùng lực lượng quân sự và chính trị địa

phương giải phóng; hai là có sư đoàn 2 tham gia; ba là phải chờ lực lượng Bộ Tổng tham mưu nhưng nếu chờ thì phải 15 đến 20 ngày mới lật được tình thế".

Đó là ý kiến của anh Năm Công, chúng tôi về và cứ theo lệnh của anh chuẩn bị lực lượng quân sự, chính trị của Quảng Đà trên tinh thần tự giải phóng Đà Nẵng, còn việc tham gia của các lực lượng của trên như thế nào đó thì tùy.

Thứ hai là trong chuyện linh hoạt, tiến công, sáng tạo của anh Năm Công. Khi chúng tôi nhận lệnh, anh bàn với Thường vụ Khu ủy như thế nào chúng tôi không biết. Sáng ngày 28-3, anh Năm Công đến cơ quan Quảng Đà, giao nhiệm vụ: tối 29 phải tiếp cận, sáng 30 đánh và tiến công vào giải phóng Đà Nẵng. Nhưng khi ra cơ quan tiền phương của tỉnh, tình hình diễn biến không theo dự kiến ban đầu: Ngày 28-3, ở Trung tâm huấn luyện Hòa Cầm, lính ngụy nổi dậy rã ngũ và đêm đó chúng tôi đã gặp những người lính này, cũng ngay trong đêm đó, tôi điện báo cáo tình hình trên và nói rõ thời cơ giải phóng Đà Nẵng. Sáng ngày 29, anh Bắc (Trần Hưng Thừa), Thường vụ Đặc khu uỷ, Bí thư Quận ủy quận Nhất từ trong thành phố gửi thư ra báo cáo: "Ngô Quang Trưởng đã bỏ chạy từ 22 giờ ngày 28 tháng 3, thành phố Đà Nẵng bỏ ngỏ... cho quân vào ngay để giải phóng thành phố". Tôi trao đổi với anh Phan Hoan và điện cho anh Năm Công và anh Hai Mạnh rằng không phải chờ đến ngày 30, xin cho lệnh để vào giải phóng Đà Nẵng. Khoảng 11, 12 giờ

trưa, anh Phan Hoan nhận được điện của anh Năm Công và Hai Mạnh trả lời là đồng ý. Như vậy, chúng ta thấy, nếu như không có ý kiến nảy sinh của anh Năm Công về chuyện xin ý kiến Bộ Chính trị quay về giải phóng Đà Nẵng và anh Năm Công tiếp tục đi lên gặp anh Văn Tiến Dũng, Bùi San theo điện của Bộ Chính trị thì chúng ta sẽ bỏ mất thời cơ giải phóng Đà Nẵng hoặc việc giải phóng Đà Nẵng phải kéo dài ra và như thế không biết sẽ có chuyện gì, tổn thất thế nào? Đó là một chuyện mà chúng ta ai cũng thấy và qua đó để thấy rằng vai trò của người lãnh đạo quan trọng như thế nào.

Tôi cũng nhớ lại là trước khi nhận điện của anh Năm Công, tôi và anh Lê Công Thạnh có trao đổi rằng, theo kinh nghiệm giải phóng năm 1972 ở Đông Hà - Quảng Trị là địch ở Huế bị dao động, trong tình hình bứt rút cả Tây Nguyên thì thời cơ đến, mình đề nghị trên cứ cho đánh giải phóng Đà Nẵng, bọn tôi đã suy nghĩ, đã trao đổi với nhau như vậy mà không dám điện lên Khu, sợ Khu nói mình "sứa dám nhảy khỏi đăng" còn đồng chí Năm Công cũng suy nghĩ và điện xin ý kiến Trung ương. Đó là việc dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của một đồng chí lãnh đạo.

Nói đến anh Năm Công, phải thấy sự trưởng thành của anh; anh sinh ra, lớn lên trong phong trào đấu tranh chống Pháp của các tầng lớp nhân dân Quảng Nam diễn ra liên tục, anh tiếp thu được tinh thần yêu nước đó.

Gia đình anh là một gia đình yêu nước, cha, chú của

anh đều tham gia các phong trào đấu tranh chống Pháp vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Cần thấy yếu tố đầu tiên tác động đến ý thức giác ngộ và tham gia hoạt động của anh Năm Công để nhận rõ cả quá trình hoạt động cách mạng từ buổi ban đầu đến lúc trưởng thành, anh dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm với những việc làm của mình. Năm lên 13 tuổi (1925), anh đã đi dự lễ tưởng niệm cụ Phan Chu Trinh, tức là trong thời niên thiếu đó, anh đã có sự giác ngộ yêu nước rồi, và đến khi tham gia cách mạng, vào Đảng, anh làm Bí thư chi bộ, từ Bí thư Chi bộ lên Tổng ủy viên, Phủ ủy viên, Bí thư Phủ ủy, rồi trong tình hình phong trào cách mạng Quảng Nam bể vỡ, Tỉnh ủy mất liên lạc với Trung ương thì anh Năm Công thành lập Tỉnh ủy, làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam. Từ Bí thư Tỉnh ủy, anh Năm Công vào Khu ủy, rồi Bí thư Khu ủy, sau này lên Trung ương, anh vào Bộ Chính trị làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Có thể nói, trong tất cả cán bộ người Quảng Nam, có nhiều người có học thức, cũng qua đấu tranh rèn luyện nhưng phải nói anh Năm Công là người tiêu biểu, có nhiều cống hiến quý báu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước mà nhiều đồng chí đã viết về anh.

Sự trưởng thành đó của anh là thực tế, đây còn là một bài học kinh nghiệm trong việc đào tạo cán bộ để xây dựng Đảng. Ngày nay, chúng ta phải biết gắn kết giữa nhà trường và thực tiễn để đào tạo và tuyển lựa cán bộ có tâm, có tầm cho sự nghiệp xây dựng đất nước vì "Dân giàu, nước

mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" và sự bền vững của chế độ.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, anh Năm Công luôn quan tâm đến vấn đề đào tạo, bố trí cán bộ phù hợp với năng lực và môi trường công tác nhằm tạo điều kiện cho người cán bộ đó phát huy được năng lực của mình và gắn bó được quần chúng, gắn được với phong trào để làm đầu tàu, cốt cán, làm hạt nhân cho phong trào, đó cũng là bài học về bố trí cán bộ mà chúng ta cần phát huy.

NGƯỜI ANH KIÊN CƯỜNG BẤT KHUẤT, TRỌN NGHĨA VẸN TÌNH

NGUYỄN VĂN TẤN
(NGUYỄN TẤN ƯNG) *

Tôi hoạt động cách mạng ở Hội An từ năm 1930, đến năm 1935 được phân công vào công tác ở thành phố Đà Lạt, nên lúc đó chưa được gặp anh Năm Công. Đến tháng 5-1942, sau khi mãn hạn tù ở các nhà lao Đà Lạt, Nha Trang, tôi bị địch đưa về quản thúc ở làng Kim Bồng, Hội An, Quảng Nam; được bổ sung vào Thành ủy Hội An - kiêm Bí thư Chi bộ làng Kim Bồng, phụ trách xây dựng căn cứ cơ quan bí mật của Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Hội An. Lúc này, tôi mới thường xuyên được gặp anh Năm Công - Bí thư Tỉnh ủy và anh Nguyễn Sắc Kim.

Anh Nguyễn Thanh Sơn, Bí thư Thành ủy Hội An cho tôi biết, vào những năm 1939, 1940, 1941, các cơ sở ở Quảng Nam bị bể vỡ liên tục. Anh Năm Công và anh

---

* Nguyên Ủy viên Liên khu ủy 5, Bí thư Thành ủy Đà Nẵng, Phó Bí thư Đặc khu ủy Quảng Đà.

Nguyễn Sắc Kim tránh được và củng cố khôi phục nhanh phong trào, lập lại Tỉnh ủy; năm 1941, liên lạc được với Xứ ủy Trung Kỳ, anh Năm Công được bổ sung vào Xứ ủy và làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam. Lúc này cơ quan Xứ ủy đóng tại Quế Sơn, Quảng Nam. Xứ ủy chủ trương tách Thành ủy Hội An, Thành ủy Đà Nẵng, Tỉnh ủy Quảng Nam thành ba đơn vị hành chính dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy. Đến đầu năm 1942, cơ quan Xứ ủy bị vỡ, Tỉnh ủy Quảng Nam, Thành ủy Đà Nẵng cũng bị vỡ, đồng chí Năm Công và Nguyễn Sắc Kim thoát được, sau một thời gian ngắn vào phía Nam, nay trở về khôi phục lại cơ sở nối liên lạc với Hội An. Anh Năm Công đề xuất thống nhất Đà Nẵng, Hội An và Quảng Nam thành một tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng như cũ và anh được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Với tinh thần tích cực, khẩn trương, anh Năm Công đã động viên toàn Tỉnh ủy và Đảng bộ nhanh chóng khôi phục lại tổ chức trong toàn tỉnh và đẩy mạnh phong trào hoạt động đấu tranh sôi nổi. Đến cuối năm 1942 và năm 1943, cơ quan lãnh đạo Tỉnh ủy được xây dựng, kiện toàn; báo *Cờ Độc lập* ra đến số 10, phổ biến khắp nơi. Tỉnh ủy chủ trương phát hành *Vé số cứu quốc* để xây dựng quỹ trong dịp Tết Quý Mùi, cơ sở quần chúng cảm tình tích cực mua ủng hộ. Nhưng trong một ngày Tết âm lịch đầu năm 1943, vụ vỡ vé số lan rộng từ Duy Xuyên sang Hội An và các phủ, huyện khác. Riêng Hội An, ngay trong đêm, Thành ủy bị bắt gần hết, chỉ còn tôi và đồng chí Nguyễn Hàng ở làng Kim Bồng nhờ được báo tin nhanh nên trốn thoát được. Chi bộ trong lính bảo an, cơ sở một số xã, phường bị

vỡ. Căn cứ và chi bộ Kim Bồng còn nguyên, các phủ, huyện đều bị vỡ, các anh Năm Công, Nguyễn Sắc Kim thoát được.

Được tin tôi và chi bộ, căn cứ Kim Bồng còn giữ nguyên, anh Năm Công về Kim Bồng liên lạc với tôi, tôi báo cáo tình hình bể vỡ ở Hội An và nói rõ lo lắng của mình là tình hình chiến tranh thế giới đang biến chuyển có lợi cho Đồng minh, địa phương mình lại bị bể vỡ liên tục, nếu không bằng mọi cách khẩn trương móc nối, xây dựng cơ sở, khôi phục tổ chức lãnh đạo thì không đủ lực lượng, khó chớp thời cơ. Tôi báo cáo với anh Năm Công là tôi đã tổ chức mối quan hệ chặt chẽ với anh em Thành ủy bị bắt vào tù, động viên anh em giữ vững khí tiết, không khai báo, bảo vệ cơ sở còn lại bên ngoài và giới thiệu ngay cho chúng tôi bắt mối xây dựng khôi phục lại hoạt động. Các anh giữ vững đội ngũ trong tù, khi có thời cơ thì cứ phá lao ra tham gia với đội ngũ bên ngoài. Tôi dự định tổ chức lại Thành ủy lâm thời, để lãnh đạo công tác khôi phục, phát triển.

Anh Năm Công hoàn toàn nhất trí với ý kiến của tôi và bảo, anh cũng đang lo khôi phục lại các cơ quan lãnh đạo ở các phủ, huyện, sẽ chuẩn bị cuộc họp củng cố lại lãnh đạo của Tỉnh ủy. Anh bảo tôi, tỉnh đang xây dựng thêm căn cứ ở huyện Tiên Phước, vì ở đó mới một mình chị Phan Thị Nễ phụ trách (Chị Nễ đã gặp tôi ở Nhà lao Nha Trang, chị mới ra tù) nên đề nghị tôi để tỉnh rút anh Nguyễn Hàng về làm việc với chị ở Tiên Phước. Tôi hoàn toàn đồng ý và đồng chí Hàng cùng đi lên với anh Năm. Khoảng tháng 5-1943, chúng tôi tổ chức lại Thành ủy Hội An lâm thời, tôi

được cử làm Bí thư và tiếp tục khôi phục hầu hết cơ sở trong thành phố, phong trào hoạt động đều khắp.

Khoảng tháng 6-1943, được tin chị Nễ và anh Hàng bị bắt ở Tiên Phước, đến tháng 10-1943, anh Năm, sau đó anh Kim và anh Bá cũng bị bắt và các anh bị đi đày ở Nhà đày Buôn Ma Thuột.

Tình hình bể vỡ lại tiếp tục, tôi rất lo lắng, tiếc rằng trước đây anh Năm chưa kịp giới thiệu một số cốt cán các phủ, huyện, để tình hình có trắc trở thì tìm bắt liên lạc xây dựng lại. Vì vậy, tôi phải qua một số đồng chí Thành ủy Hội An ở trong nhà lao tìm gặp các đồng chí các phủ, huyện bị bắt giam chung khai thác gửi cho chúng tôi bắt nối xây dựng.

Đầu năm 1944, đồng chí Trần Văn Quế và Nguyễn Tiến Chế đến gặp tôi ở làng Kim Bồng nói rõ anh Năm Công ở Nhà đày Buôn Ma Thuột bố trí các anh nhảy tàu, giới thiệu về gặp tôi ở Hội An và một số đồng chí các phủ, huyện để khôi phục tổ chức và phong trào. Nghe vậy, tôi vô cùng mừng rỡ và xúc động, cảm phục tinh thần đấu tranh cách mạng nặng nghĩa trọn tình với quê hương của các anh Công, anh Kim, tuy ở tù nhưng không giờ phút nào không nghĩ đến bên ngoài, kịp thời bố trí các anh mãn tù đi an trí nhảy tàu về bắt mối xây dựng, nhất là trong thời điểm khẩn cấp xây dựng lực lượng, chớp thời cơ hiện nay. Công lao đóng góp của anh Công, anh Kim đối với phong trào tỉnh nhà rất lớn. Và cũng là bài học kinh nghiệm mà chúng tôi đã vận dụng để nắm vững lực lượng bên ngoài và củng cố, phát triển, nắm chắc lực lượng trong

tù để cùng đội ngũ bên ngoài tham gia chớp thời cơ giành chính quyền.

Tôi báo cáo với anh Quế và anh Chế về tình hình Hội An và tình hình thắng lợi nhanh chóng của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đang tạo ra thời cơ nên phải nhanh chóng khôi phục phong trào và tổ chức lãnh đạo của Đảng, tìm mọi cách liên lạc với Xứ ủy và Trung ương. Tôi đề nghị thành lập ngay hôm nay Tỉnh ủy lâm thời có ba người chúng ta và sẽ tiếp tục bổ sung để phân công lãnh đạo phong trào trong tỉnh, khôi phục cơ quan lãnh đạo Tỉnh ủy, tiếp tục ra tờ báo *Cờ Độc lập* (số 11). Tôi đề cử anh Quế làm Bí thư Tỉnh ủy, các anh đều nhất trí và phân công tôi làm Bí thư Thành ủy Hội An và bộ phận Văn phòng Tỉnh ủy tại Kim Bồng, phụ trách bắt liên lạc xây dựng cơ sở ở phủ Duy Xuyên. Còn anh Quế phụ trách Tam Kỳ và lãnh đạo cơ quan Văn phòng chính của Tỉnh ủy ở Tam Kỳ, anh Chế đi liên lạc các phủ, huyện còn lại. Nhờ sự đóng góp của anh Công, cuối năm 1944, chúng tôi khôi phục, xây dựng lại phong trào toàn tỉnh.

Kế đến, Nhật đảo chính Pháp (ngày 9-3-1945), tù chính trị ở các nơi lần lượt ra tù, bổ sung đội ngũ, kiện toàn Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh, thành phố Đà Nẵng, Hội An... Lực lượng vũ trang tự vệ được xây dựng đều khắp, phong trào quần chúng sôi nổi và khí thế Việt Minh hừng hực, đánh bại mọi luận điệu độc lập giả hiệu của Nhật và tay sai, đánh bại chủ nghĩa cơ hội quân chủ lập hiến của Bùi Công Trừng. Tổ chức và phong trào cách mạng trong tỉnh chưa lúc nào mạnh mẽ và đều khắp như lúc này.

Cuộc họp Tỉnh ủy và Việt Minh tỉnh ngày 12-8-1945 ở Tam Kỳ đang diễn ra thì đồng chí Huỳnh Ngọc Huệ vào báo Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Theo tinh thần chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" của Thường vụ Trung ương Đảng, Hội nghị tập trung bàn công việc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập Ban lãnh đạo khởi nghĩa các cấp. Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh gồm 17 người; đồng chí Năm Công được bầu vào Ban Thường trực Ủy ban khởi nghĩa gồm 5 người. Ngay trong đêm 16-8, cơ quan tỉnh dời ra Điện Bàn trực tiếp chỉ đạo.

Tôi về họp Thành ủy triển khai ở Hội An, chuẩn bị đầy đủ mọi việc nổi dậy khởi nghĩa. Theo kế hoạch, ta sẽ khởi nghĩa làm chủ vùng nông thôn, trong khi đó nội ô chuẩn bị đầy đủ điều kiện để khi các phủ, huyện nông thôn giành chính quyền thắng lợi, ta chuyển lên khởi nghĩa giành chính quyền trong thành phố.

Vừa họp triển khai thì chiều ngày 16-8-1945, được tin cơ sở báo: tối ngày 17, tên tỉnh trưởng Tôn Thất Giáng sẽ cùng bọn Quốc dân Đảng, phản đế, Cao Đài...tổ chức cuộc mít tinh lớn tại rạp hát Đồng Lạc, Hội An, ra mắt chính quyền độc lập của Quảng Nam, chuẩn bị đón tiếp quân Đồng minh vào tiếp thu sự đầu hàng của Nhật, phá kế hoạch khởi nghĩa của Việt Minh. Tôi nghĩ không thể để bọn phản động làm như thế, trong lúc Nhật đầu hàng, bộ máy tề ngụy đang tê liệt, ta có đủ lực lượng quần chúng cách mạng và có cơ sở nắm chặt lực lượng bảo an và các đồn bót địch và tề ngụy, ta có thể chặn đứng kế hoạch này của chúng và tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền

ngay trong đêm 17. Vấn đề này phải được bàn kỹ và thống nhất trong Thành ủy, Ban khởi nghĩa thành phố và xin ý kiến của tỉnh. Tôi triệu tập ngay cuộc họp Thành ủy vào sáng sớm ngày 17 tại xóm Ngọc Thành sát nội ô để kịp nắm diễn biến tình hình chỉ đạo và quyết định những vấn đề trên.

Hội nghị đang thảo luận thì anh Năm Công và chị Phan Thị Nễ đến để nắm tình hình Hội An. Tôi báo cáo lại tình hình và trao đổi thêm với anh Công, chị Nễ: ta nên khởi nghĩa ngay ở Hội An và toàn tỉnh. Việc làm của Tôn Thất Giáng đêm nay có thể là chủ trương của ngụy quyền Trần Trọng Kim, nếu ta làm chậm, quân Đồng minh vào thì rất khó khăn và phức tạp. Nếu ta giành chính quyền xong ở Hội An, quân Nhật ở Đà Nẵng vào can thiệp ta sẽ tổ chức chống lại, thu vũ khí, tiền bạc, tài liệu...và chuyển lên chiến khu của tỉnh. Anh Năm Công và chị Nễ hoàn toàn nhất trí với lãnh đạo Hội An. Chúng tôi tin rằng trong Ban khởi nghĩa tỉnh có ba chúng tôi - anh Năm Công là một trong năm ủy viên Ban Thường trực, các anh còn lại trong Ban Thường trực sẽ đồng ý không chỉ cho Hội An mà còn cho cả tỉnh. Mọi việc khởi nghĩa chuẩn bị gấp rút. Đồng chí Trần Đình Tri được phân công mang lệnh của Ban khởi nghĩa cho tỉnh trưởng, buộc nó đầu hàng Việt Minh và nhân dân. Tôi phải đi ngay lên báo cáo xin ý kiến của tập thể Ban Thường trực tỉnh, anh Năm Công và chị Nễ tiếp tục ở lại kiểm tra công việc chuẩn bị.

Sau khi nghe tôi trình bày và thỉnh thị của Thành ủy Hội An xin tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền thành

phố trong đêm 17, rạng sáng ngày 18, ý kiến đồng ý của anh Năm Công và chị Nễ, Ban Thường trực thảo luận và nhất trí cho Hội An và toàn tỉnh khởi nghĩa ngay trong đêm 17, rạng ngày 18, ra lệnh cho Điện Bàn, Đại Lộc ngăn chặn không cho quân Nhật hành quân đến Hội An. Hội An giành chính quyền xong chuyển ngay tiền bạc, vũ khí, tài liệu về chiến khu của tỉnh ở Duy Xuyên. Ngay sau đó, lệnh khởi nghĩa được phát đi.

Tôi về đến Hội An vừa đúng 11 giờ đêm, báo cáo lại ý kiến đồng ý của tỉnh là triển khai khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An. Kiểm tra lại việc chuẩn bị quần chúng, đội ngũ tập trung đầy đủ, đúng 12 giờ đêm đoàn quân khởi nghĩa kéo đến chiếm đồn lính, phá kho lấy vũ khí trang bị cho lực lượng tự vệ, tập trung bao vây giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Theo lệnh, đội quân khởi nghĩa hàng vạn người của Hội An kéo đi rầm rập, tay cầm dao gậy, vũ khí. Quần chúng ở nội thành cũng gia nhập đoàn quân. Hình ảnh và khí thế long trời lở đất còn in mãi trong tâm trí mọi người. Khi vào thành phố, chị Nễ mặc quần soọc, áo may ô, anh Công mặc bộ đồ đen như nông dân. Còn tôi, khi lên tỉnh gặp trời mưa to bị ướt nên phải mượn bộ đồ ngủ của anh Nguyễn Xuân Vân thay. Nhưng vì xáp vô công việc ngay nên không kịp thay.

Khi phá kho vũ khí, tôi, anh Năm, chị Nễ bước vào, nhìn 250 khẩu súng sáng loáng tôi sực nhớ lại lời tả của anh Trần Quý Hai lúc giành chính quyền ở Ba Tơ chỉ lấy được ít khẩu súng mà anh ấy đã có giây phút ngẩn ngơ.

Anh Năm lấy 2 khẩu súng ngắn, mang 1 khẩu và đưa cho tôi 1 khẩu, tôi mới bừng tỉnh....

Đúng 6 giờ sáng, chúng tôi mở cuộc mít tinh lớn ở khu vực tỉnh đường, hàng vạn người tràn ngập cả bên ngoài kéo cờ đỏ sao vàng lên, bắt tỉnh trưởng giao nộp ấn tín và quy phục chính quyền cách mạng, đại diện Ban khởi nghĩa thành phố tuyên bố chính quyền ở thành phố và toàn tỉnh Quảng Nam đã thuộc về nhân dân, đọc 10 chính sách của Việt Minh.

Chúng tôi đưa 2 đại đội tự vệ vũ trang, trang bị vũ khí do đồng chí Nguyễn Thanh Sơn và Nguyễn Thị Sương chỉ huy, bố trí 10 xe chở trên 150 khẩu súng, đạn, tiền bạc, hồ sơ tài liệu Sở Mật thám về chiến khu tỉnh ở Duy Xuyên và hộ tống anh Võ Chí Công, chị Phan Thị Nễ về cơ quan tỉnh. Nhưng sau khi giao súng, đạn, hồ sơ, tiền bạc ở chiến khu xong, anh Võ Chí Công đã linh hoạt chỉ huy lực lượng của Hội An đi hỗ trợ các phủ, huyện phía Nam của tỉnh giành chính quyền. Đặc biệt, ở huyện Tiên Phước, huyện trưởng đã bắt đồng chí Huỳnh Đắc Hương - Ủy viên Ban khởi nghĩa tỉnh - Trưởng Ban khởi nghĩa huyện Tiên Phước, ngăn chặn không cho đoàn quân khởi nghĩa vào. Đoàn quân của đồng chí Võ Chí Công đã đến kịp thời, đánh bại mưu đồ của tên huyện trưởng, giải thoát đồng chí Huỳnh Đắc Hương, giành chính quyền ở huyện và kéo về các xã lập chính quyền cách mạng kịp trong ngày 18-8-1945.

Công lao rất lớn của anh Võ Chí Công trong việc khôi phục và phát triển nhanh chóng phong trào cách mạng của Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm khó khăn và góp

phần tích cực vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của tỉnh nhà, đưa Quảng Nam là một trong những tỉnh giành chính quyền về tay nhân dân sớm nhất.

Anh Năm Công là người lãnh đạo hết sức quan tâm đến cán bộ hoạt động trong điều kiện khó khăn. Tôi chỉ nhắc một số kỷ niệm như vậy. Trong những năm 1956 - 1959, tôi là Bí thư Thành ủy Đà Nẵng trực thuộc chỉ đạo của Liên khu ủy. Gần cuối năm 1957, kiêm ủy viên Thường trực Ban thành phố Liên khu 5 đứng ở Sài Gòn. Từ năm 1958, tôi đứt liên lạc với Liên khu ủy và Thành ủy Đà Nẵng, phải tham gia hoạt động ở thành phố Sài Gòn và qua báo tin của Xứ ủy Nam Bộ với Trung ương để báo cáo lại với Liên khu ủy 5, anh Trần Sung trong Ban thành phố Liên khu 5 bị bắt, còn tôi và các đồng chí còn lại tiếp tục hoạt động. Lúc này anh Năm Công là Bí thư Liên khu ủy 5. Mãi gần cuối năm 1960, Thành ủy Sài Gòn mới báo cho tôi: Điện Xứ ủy Nam Bộ báo tôi lên gặp anh Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) - Bí thư Xứ ủy rồi theo đường Trường Sơn về lại Khu 5.

Làm việc với anh Mười Cúc, anh bảo Trung ương điện vào Xứ ủy để điều tôi về lại Liên khu 5, theo yêu cầu của Liên khu ủy 5 và anh truyền đạt cho tôi kinh nghiệm đồng khởi Bến Tre để tôi về vận dụng ở Liên khu 5.

Gần hai tháng trên đường Trường Sơn từ Nam Bộ về lại Liên khu 5 đến tỉnh Kon Tum thì tôi lại gặp anh Năm Công trên đường vào Nam Bộ thành lập Trung ương Cục miền Nam. Gặp lại nhau vô cùng mừng rỡ, anh bảo tôi:

anh Phan Tốn - Bí thư Quảng Nam - Đà Nẵng ra chữa bệnh ở Hà Nội, bệnh nặng đã mất, khi được tin tôi còn sống, Thường vụ Liên khu ủy quyết định điều tôi về làm Bí thư thay anh Tốn, nhưng vì trở ngại thế nào chưa thấy về nên đưa anh Mười Khôi thay thế. Khi tôi về bổ sung vào Khu ủy - phụ trách Bí thư Đảng ủy 32A trọng điểm ở đồng bằng Liên khu 5, anh viết thư giới thiệu tôi để về chuyển cho anh Nguyễn Đôn lúc này đã thay anh làm Bí thư Khu ủy. Anh nói thêm, mấy năm đứt liên lạc, anh và Thường vụ Liên khu ủy cũng nghĩ tôi đã bị bắt với anh Trần Sung và đã bị thủ tiêu rồi nên mỗi lần ra Hà Nội không dám nói cho vợ tôi biết. Khi được tin tôi và bộ phận vẫn còn tích cực tham gia hoạt động ở thành phố Sài Gòn nên mọi người rất mừng. Làm việc và thăm nhau khoảng hai giờ đồng hồ, đoàn anh lên đường vào Nam, tôi về cơ quan Liên khu ủy ở Trà My, Quảng Nam.

Khoảng gần cuối năm 1961, sau khi hai xã điểm của Khu 5 ở huyện Tam Kỳ (Quảng Nam) và huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi) mở ra thắng lợi, chúng tôi đang tổng kết kinh nghiệm, triển khai mở rộng ra đồng bằng toàn Khu 5 thì được lệnh của Trung ương Cục miền Nam điều tôi vào phụ trách công tác tổ chức, anh Tám Tú phụ trách kinh tế, anh Quyết phụ trách giao bưu vận, tham gia xây dựng kiện toàn bộ máy Trung ương Cục đang thành lập.

Đến cơ quan Văn phòng Trung ương Cục, chúng tôi gặp các anh Mười Cúc, Năm Công, Võ Văn Kiệt...; các anh đang họp. Gặp lại nhau rất mừng và anh Võ Văn Kiệt đề nghị ngay với anh Mười Cúc và anh Năm Công bổ sung tôi

vào Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định và cùng đi ngay với anh để họp Đặc khu ủy triển khai công tác. Các anh hoàn toàn đồng ý và tôi lại chuẩn bị đi ngay với anh Kiệt.

Những năm tháng hoạt động ở Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định, tôi được biết Trung ương và Trung ương Cục đã đưa anh Năm Công về lại làm Bí thư Khu ủy 5.

Gần cuối năm 1967, Trung ương Cục triệu tập Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định lên họp ở cơ quan (cơ quan đóng ở Tây Ninh) phổ biến kế hoạch chuẩn bị nổi dậy Tết Mậu Thân ở các thành phố. Sau khi phổ biến xong, Trung ương Cục báo Trung ương điện tôi về Khu 5 phụ trách thành phố Đà Nẵng; anh Lê Tự Nhiên trong Đặc khu ủy về Khu Trị Thiên phụ trách thành phố Huế và Văn phòng Trung ương Cục đã tổ chức đưa ngay chúng tôi lên Đại sứ quán Việt Nam ở Campuchia làm giấy tờ đi máy bay từ Campuchia sang Quảng Châu (Trung Quốc) và đi máy bay về Hà Nội.

Chúng tôi báo cáo tình hình Sài Gòn với Bộ Chính trị và anh Ba Duẩn, báo cáo rõ về chiến dịch và ý nghĩa nổi dậy ở các thành phố, đặc biệt là Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng và có thể mở nhiều đợt liên tục. Bộ Chính trị báo Bác Hồ bị ốm, phải đi nước ngoài chữa bệnh, chúng tôi không gặp được, chỉ bố trí chúng tôi đến thăm và dùng cơm ở gia đình Bác Tôn Đức Thắng và gia đình đồng chí Nguyễn Duy Trinh. Sau đó, anh Nhiên về cơ quan Khu Trị Thiên. Còn trên đường Trường Sơn, lúc này máy bay địch tập trung đánh phá liên tục, rất ác liệt, mãi đến ngày mồng một Tết, xe mới vượt qua đường Trường Sơn về đến cơ quan Khu 5

đã mồng ba Tết. Về cơ quan gặp ngay anh Năm Công, chúng tôi mừng rỡ ôm nhau. Anh thông báo lại tình hình mới nhận: thành phố Huế quân ta đột nhập được vào nội thành, địch tê liệt, quần chúng nổi dậy tiến công địch. Còn Đà Nẵng, Khu đưa anh Trương Chí Cương, Phó Bí thư Khu ủy về làm Bí thư Đặc khu ủy Quảng Đà chuẩn bị cho Xuân Mậu Thân nhưng quân ta không vào nội ô được, quần chúng chưa nổi dậy được. Còn thành phố Sài Gòn cũng chưa vào được, các nơi đang chuẩn bị tổng kết rút kinh nghiệm đợt vừa rồi. Còn tôi, anh bảo: nếu về kịp trước Tết thì bố trí xuống phụ trách nội ô Đà Nẵng, nhưng nay mọi việc chưa thực hiện được. Vì vậy, anh và Thường vụ Khu ủy có bàn nếu tôi về sau thì bố trí làm Trưởng Ban Tuyên huấn Khu ủy thay anh Sâm (anh Sâm đi chữa bệnh ở Hà Nội). Anh khuyên tôi: đã lăn lộn, gian khổ nhiều ở chiến trường ác liệt, bây giờ phụ trách công tác Tuyên huấn ở căn cứ có điều kiện dưỡng sức khỏe một thời gian. Tôi báo cáo với anh, anh Ba Duẩn có dặn chiến dịch sẽ còn kéo dài nhiều đợt, trách nhiệm của các thành phố rất lớn, tôi được Trung ương điều về Khu 5 vì có thành phố lớn Đà Nẵng, mà nhân dân đợt này chưa vào bên trong được thì trách nhiệm còn nặng. Tôi cảm ơn sự chiếu cố, chăm sóc của anh đối với tôi nhưng tôi sẽ không yên tâm với trách nhiệm của mình, xin anh cứ cho tôi về Đà Nẵng để cùng anh em chuẩn bị các đợt tới nhằm thực hiện cho được ý đồ lãnh đạo của Đảng ở nội thành. Anh rất cảm động đồng ý với đề nghị của tôi và làm quyết định của Thường vụ Khu ủy bổ sung tôi giữ chức vụ Phó Bí thư Đặc khu ủy Quảng Đà,

phụ trách nội thành Đà Nẵng và đồng chí Bình Chánh, Phó Bí thư Đặc khu phụ trách quân sự. Đồng thời điều đồng chí Trần Thận, Phó Bí thư Đặc khu ủy phụ trách nội thành, vào làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam thay đồng chí Vũ Trọng Hoàng về Ban Tổ chức Khu ủy. Anh viết thư cho anh Trương Chí Cương, Phó Bí thư Khu ủy, Bí thư Đặc khu ủy Quảng Đà và bảo tôi sắp xếp xuống ngay cơ quan Đặc khu ủy để kịp tham dự hội nghị tổng kết đợt vừa rồi.

Thực hiện sự chỉ đạo quyết liệt của Bộ Chính trị mà đồng chí Lê Duẩn nhất trí nhắc lại: mùa xuân, Huế đã làm được thì mùa hè, thành phố Sài Gòn, Đà Nẵng phải làm cho được. Anh Năm Công còn nhắc thêm các tỉnh Khu 5 và thành phố Đà Nẵng phải làm liên tục trong các năm 1968 - 1969 - 1970 cho đến lúc Mỹ - ngụy phải chịu ngồi vào bàn đàm phán.

Mặc dù ở chiến trường Khu 5, đặc biệt là ở Quảng Nam - Đà Nẵng, trong các năm 1968 - 1969 - 1970, địch thả hàng vạn tấn bom đạn, chất độc hoá học, dùng tàu rọ, tàu gáo càn quét đánh phá cả ngày đêm vô cùng ác liệt nhưng ta vẫn liên tục mở các chiến dịch đánh địch cả ở nông thôn, thành phố; phong trào tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt, phong trào phá hoại kho tàng, vũ khí, phương tiện chiến tranh của địch.. cùng với phong trào đấu tranh chính trị sôi nổi ở các thành phố, đã góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán và ký Hiệp định Pari.

Năm 1973, anh Năm Công và anh Hai Mạnh đi họp Hà Nội, tôi trở lại chiến trường Đà Nẵng cùng đồng chí Trần Thận, Khu ủy viên, Bí thư và Thường vụ Đặc khu ủy Quảng Đà chỉ đạo kế hoạch giành thắng lợi trước giờ Hiệp định Pari có hiệu lực. Lúc này có đồng chí Thường trực Khu ủy và Quân khu ủy ra lệnh các đơn vị chủ lực của Khu và tỉnh phải tấn công mở rộng vùng ta; sau giờ Hiệp định có hiệu lực thì rút hết chủ lực về căn cứ để củng cố. Tôi và anh Thận cũng điện về Khu đề nghị phải có kế hoạch chỉ đạo chống địch lấn chiếm, phải để một phần quân chủ lực cùng lực lượng địa phương du kích sẵn sàng vũ khí chống địch lấn chiếm. Chúng tôi kết hợp phát động phong trào đấu tranh chính trị quần chúng, phong trào gia đình binh sĩ ngăn chặn không cho địch đưa quân đi lấn chiếm. Các đồng chí không nghe và cử người xuống bàn với chúng tôi: Đừng làm cho địch sợ và cảnh giác, hoà bình rồi mà còn đổ máu là có tội với đất nước. Chúng tôi không đồng tình, cho đó không phải chủ trương của Đảng nên bàn trao đổi sau khi giành thắng lợi mở rộng vùng giải phóng trước giờ Hiệp định Pari có hiệu lực, lực lượng vũ trang vẫn bám chiến trường chống địch kết hợp ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thành phố với phong trào quần chúng và gia đình binh sĩ ngăn chặn không cho con em họ đi lấn chiếm. Tình hình rất khó khăn, nhưng cơ bản giữ vững vùng giải phóng, vùng căn cứ sát đô thị. Khi anh Năm Công và anh Hai Mạnh về, chúng tôi báo cáo, các anh đã

ra lệnh chống lấn chiếm quyết liệt, giữ vững và mở rộng các vùng trong Khu.

Tháng 12-1973, Đại hội Đảng bộ Khu 5, dưới sự chủ trì của anh Năm Công, đã phát động toàn Đảng bộ và nhân dân trong Khu dấy lên cao trào chống càn quét lấn chiếm, đánh bại mưu đồ "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ, phát triển lực lượng chuẩn bị giải phóng miền Nam. Trong khi Khu ủy mới được bầu chuẩn bị họp, anh Vũ Trọng Hoàng (Bốn Hương) cho tôi biết ý anh Năm Công sẽ giới thiệu bầu tôi vào Ban Thường vụ. Tôi trực tiếp bàn với anh Năm Công: Quảng Nam thêm tôi nữa thì chiếm quá đông trong Ban Thường vụ, nên thêm một đồng chí tỉnh khác vào cơ cấu lãnh đạo lợi hơn, anh đồng ý.

Khi chuẩn bị chiến dịch mùa Xuân năm 1975, tôi phụ trách khối Dân vận - Chính trị, anh Năm Công bàn kỹ với tôi về kế hoạch phát động quần chúng nổi dậy ở nông thôn và thành phố. Đặc biệt là nổi dậy của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các thành phố, đẩy mạnh công tác chính trị và binh vận làm địch tan rã, giải phóng thành phố mà không xảy ra chiến tranh ở nội thành đỡ tốn xương máu, bảo vệ được tài sản của nhân dân và cơ sở hạ tầng của thành phố.

Chúng tôi đã bố trí hầu hết cán bộ chủ chốt khối chính trị vào các trọng điểm Buôn Ma Thuột, Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang... Tại trọng điểm Buôn Ma Thuột, ta diệt một số điểm; ở nội thành, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nổi dậy làm chủ, chiếm lĩnh các công sở, kho tàng, giữ vững điện nước và sinh hoạt bình thường. Ở nội thành

Đà Nẵng và các thành phố trong Khu cũng thế, phối hợp tấn công quân sự và nổi dậy, chỉ 20 ngày đêm, ta giải phóng toàn Khu và vai trò nổi bật của giai cấp công nhân lao động ở thành phố trong giờ phút đất nước giải phóng được thể hiện rất rõ nét.

Khi thành phố Đà Nẵng được giải phóng, anh Năm Công điện cho tôi về ngay Đà Nẵng gặp anh để nhận nhiệm vụ tổ chức đường dây trên quốc lộ 1 từ Đà Nẵng vào Nam và huy động mọi lực lượng công nhân, lao động và phương tiện vận chuyển, thay đường Trường Sơn vận chuyển bộ đội, khí tài từ miền Bắc vào phục vụ cho chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ. Các địa phương, các đoàn thể quần chúng tham gia sôi nổi, chỉ vài ngày là sử dụng ngay.

Anh Bùi San, Phó Bí thư Khu ủy từ Buôn Ma Thuột về Khu ghé Nha Trang. Sau khi báo cáo tình hình Nha Trang, Khánh Hoà cho anh, tôi đề nghị anh về trao đổi với anh Năm Công và Thường vụ Khu ủy cấp tốc cho các địa phương tuyên truyền phát huy truyền thống, đề cao vai trò giai cấp công nhân trong ngày đại thắng của dân tộc. Dành ưu tiên các phương tiện làm việc, trụ sở, nhà câu lạc bộ, cán bộ cho tổ chức công đoàn, đẩy mạnh xây dựng lực lượng giai cấp công nhân phục vụ nhiệm vụ trước mắt và cả xây dựng đất nước sau này. Mấy hôm sau, tôi nhận được Chỉ thị của Thường vụ Khu ủy về giai cấp công nhân. Nhờ đó mà tổ chức làm việc công đoàn các tỉnh có bề thế, phong trào công nhân được đẩy mạnh.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và quân dân Khu 5 trong chiến dịch mùa Xuân năm 1975, với ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược đã đồng loạt tiến công và nổi dậy, chỉ trong 20 ngày đêm, đã giải phóng quê hương, và sau đó huy động toàn bộ lực lượng phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam. Chiến công đó có phần đóng góp to lớn của anh Năm Công.

ĐÔI NÉT VỀ ANH VÕ CHÍ CÔNG

VÕ VĂN ĐẶNG*

Có dịp suy ngẫm lại những chặng đường cách mạng đã qua, ai đã từng sống, chiến đấu và làm việc với anh Võ Chí Công (Võ Toàn) chắc hẳn không thể nào quên hình ảnh thân thiện, gần gũi với đức tính khiêm nhã, thủy chung của một đồng chí, người anh như thế.

Tôi biết anh Võ Chí Công vào những năm 1942-1943, khi anh làm Bí thư Tỉnh ủy về chỉ đạo phong trào cách mạng ở Hội An. Sau đó, tôi gắn bó với anh trong nhiều thời kỳ; năm 1952- 1953, anh là Bí thư Tỉnh ủy, tôi làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ; năm 1960, từ miền Bắc, tôi trở lại chiến trường miền Nam, năm 1964, anh từ Trung ương Cục trở lại Khu 5, thì tôi với anh cùng công tác ở Khu ủy 5, anh là Bí thư Khu ủy, tôi là Khu ủy viên, phụ trách mảng công tác đấu tranh đô thị và đấu tranh chính trị của Khu.

---

* Nguyên Khu uỷ viên Khu 5, nguyên Trưởng ban đấu tranh chính trị, nguyên Trưởng ban thành phố Khu 5, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng.

Kỷ niệm nhiều, không thể nói hết những gì cảm nhận về anh; với tôi, trong đời hoạt động cách mạng của anh, tôi cảm nhận được tác phong làm việc và phương pháp lãnh đạo khẩn trương, chu đáo; gắn bó với quần chúng, tiếp thu những sáng kiến của quần chúng; luôn giữ mối quan hệ giữa phong trào quần chúng với người lãnh đạo. Có lần anh tâm sự: Đi vào nhà dân, từ cách đi lại, ăn, uống, ngủ, nghỉ... nói chuyện đều phải hết sức thận trọng. Khi ở trong tình thế lẩn trốn trong một ngôi nhà có một người phụ nữ, mà mình là nam giới, thì phải sống như thế nào để giữ được uy tín, thanh danh của người cán bộ, đảng viên, đặc biệt trong điều kiện hoạt động bí mật là điều phải hết sức cân nhắc.

Anh có ưu điểm là linh hoạt, có bản lĩnh, có nhiều sáng kiến, không để phong trào gián đoạn. Có thời điểm, như cuối năm 1939, đầu năm 1940, phong trào cách mạng ở Quảng Nam gần như bị vỡ hoàn toàn, anh dựa vào quần chúng, với tinh thần cách mạng tiến công, chủ động xây dựng lại phong trào, lập lại Phủ ủy Tam Kỳ rồi Tỉnh uỷ, phát triển cơ sở đảng, nhờ đó sau khi bắt được liên lạc với Trung ương, phong trào cách mạng ở Quảng Nam đã bắt nhịp nhanh với phong trào cách mạng cả nước.

Còn nhớ, những năm 1942 -1943, anh cùng anh Nguyễn Sắc Kim bị địch truy nã gắt gao. Mặc dù vậy, bằng nhiều cách, anh Võ Chí Công vẫn vào được thị xã Hội An để hoạt động chỉ đạo phong trào. Có khi anh đội mũ, khi thì đi dù như kiểu hương lý của xã, vào một hiệu giày ngay

ngã tư đường xuống chợ Hội An... Nhờ vậy, địch khó nhận biết và việc truy nã Võ Chí Công của chúng không thành. Thật là Võ - Chí - Công.

Sau này, dù ở cương vị và lĩnh vực công tác nào, anh Võ Chí Công luôn luôn thể hiện là người nhạy bén trong việc nhận định tình hình, tiếp thu những ý kiến của anh em cơ sở; anh trở thành người lãnh đạo xuất sắc cũng nhờ tiếp thu, lắng nghe ý kiến, tổng hợp rút ra những vấn đề cần thiết để có biện pháp chỉ đạo ngay, góp phần tạo ra những bước chuyển quan trọng của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước.

Một chuyện nữa mà tôi thấy khá đặc biệt ở anh Năm Công là anh học không nhiều, trong kháng chiến chống Pháp mới được đi học thêm, do đó khi anh làm Phó Thủ tướng Chính phủ, rồi Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, có người lo cho khả năng đảm đương nhiệm vụ của anh. Tôi thấy đây là chuyện lạ, tôi hỏi anh em có điều kiện công tác cùng anh ở Hà Nội, các anh nói anh Năm Công làm rất tốt, ngoại giao khá, sắp đặt công việc cũng rất khoa học. Và trên thực tế, anh làm được, để lại nhiều dấu ấn, nhất là trong thời kỳ đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, đổi mới hoạt động Quốc hội và Hội đồng Nhà nước... Được như thế là nhờ anh có được những đức tính như trên, thêm vào đó là sự trung thực, lối sống trong sáng, vô tư, luôn đặt quyền lợi của nhân dân, của Đảng, của đất nước lên trên.

Trong cuộc đời hoạt động của anh Năm Công rõ ràng có thật nhiều dấu ấn, mà có lẽ nhiều anh em khác đã nói khá rõ. Ở anh, tôi thấy chỗ nào anh cũng có một tư cách tốt, một lối sống cao đẹp. Những phẩm chất cao đẹp đó của một người cán bộ cách mạng như anh Võ Chí Công thật đáng trân trọng và cần phát huy, học tập trong mỗi cán bộ, đảng viên.

MẤY KỶ NIỆM VỚI ANH NĂM

Thượng tướng NGUYỄN CHƠN *

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Võ Chí Công mà chúng tôi thường gọi thân mật là anh Năm Công luôn gắn bó với địa bàn Liên khu 5. Tài sản mà anh Năm Công gửi cho lớp đàn em chúng tôi và các thế hệ mai sau là bản lĩnh chính trị vững vàng qua các bước ngoặt của thời cuộc. Những mốc đó là năm 1965 khi quân Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam và đánh phá miền Bắc, Hiệp định Pari được ký ngày 27 tháng 1 năm 1973 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Anh Năm là người có uy tín lớn trong Khu ủy, Quân khu ủy, trong nhân dân, trong quân đội. Thời đó, lực lượng vũ trang Quân khu 5 có nhiều tướng lĩnh, phần đông sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ từ miền Bắc vào; với đức độ và lòng yêu thương đồng chí, đồng đội, anh Năm đã liên kết những người con ở mọi miền đất nước thành một khối

---

* Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

vững chắc, nhằm tới mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Với một cuộc đời có nhiều tích lũy từ thực tiễn cách mạng, vững vàng trước thuận lợi hay khó khăn, luôn lắng nghe thấu đáo ý kiến của người khác, thực lòng phát huy dân chủ để mọi người nói hết những chính kiến của mình, anh Năm là trung tâm đoàn kết trong Khu ủy và Quân khu ủy. Trong các cuộc tranh luận, nếu như có những ý kiến bất đồng, khi anh Năm kết luận rồi thì thường cuộc tranh luận chấm dứt. Điều đó nói lên ảnh hưởng lớn lao của anh trong mọi mặt đời sống chiến đấu ác liệt lúc đó.

Tháng 3-1965, Mỹ bắt đầu đổ quân vào miền Nam, 10 vạn, 20 vạn, rồi nửa triệu quân. Tương quan lực lượng trên chiến trường nghiêng hẳn về phía địch. Chúng ta mất hai phần ba số dân, bốn phần năm đất đai đã giành được trong "chiến tranh đặc biệt". Lúc đó đã có sự nghi ngại, hoang mang từ nhiều phía. Tại chiến trường, không thể ngày một ngày hai mà quân ta tìm ngay ra cách đánh để khống chế sức mạnh của một đội quân đông, trang bị hiện đại vào bậc nhất thế giới, có tiềm lực kinh tế lớn. Các nước bè bạn, các nước xã hội chủ nghĩa cũng hoang mang không biết Việt Nam có đương đầu nổi với sức mạnh quân sự Mỹ không và đương đầu bằng cách nào? Lúc đó anh Năm Công nhận định, Mỹ đưa quân qua là một bước ngoặt của chiến tranh, nhưng là bước ngoặt không có lợi cho ta.

Từ rất sớm, anh Năm đã xác định phải đánh thắng quân Mỹ và có khả năng đánh quân Mỹ, quân ngụy, quân chư hầu đang đông đặc trên chiến trường bằng ba mũi

giáp công: chính trị, quân sự, binh vận. Phải tìm ra phương thức đấu tranh mới, xây dựng cơ sở trong thành phố, trong vùng địch chiếm, trong hàng ngũ địch. Lúc đó thế chiến lược của địch là Mỹ ở vòng ngoài, ngụy vòng trong. Anh Năm Công xác định còn dân là còn cách mạng, còn dân là còn bám trụ giữ lấy đất đai, ngày của Mỹ - ngụy, đêm của ta, từ đó mà phát triển đi lên.

Phương hướng là vậy, ta cũng đã đánh thắng Mỹ ở Núi Thành, Vạn Tường nhưng thực tế trên chiến trường địch đang đánh phá rất ác liệt. Lực lượng địch ở vùng chung quanh Đà Nẵng là một lính năm dân. Những vùng giải phóng cũ giờ thành những vùng trắng. Ở Gò Nổi, mọi hoạt động phải rúc xuống hầm, không có chỗ để họp chi bộ, đêm đến phải ra chân cầu Kỳ Lam họp. Lực lượng vũ trang tại chỗ còn có cái ăn, bộ đội chủ lực gặp khó khăn về lương thực. Miền Bắc chi viện đạn không đủ nói gì đến gạo. Đi cõng gạo mà thương vong có lúc ngang bằng với chiến đấu. Nhưng đâu phải có gạo để đi cõng, nhiều lần chỉ có khoai lang và sắn lát. Theo chỉ thị của Khu ủy, các đơn vị từ mặt trận Tây Nguyên đến mặt trận Quảng Đà đều phải triển khai sản xuất tự túc lương thực. Các sư đoàn chủ lực cũng phải có căn cứ sản xuất. Tình hình như vậy diễn biến không khá thêm, kéo dài suốt trong các năm 1967, 1968, 1969.

Lúc đó Quân khu 5 có hai sư đoàn chủ lực: Sư đoàn 3 hoạt động ở Nam đường 19, Sư đoàn 2 hoạt động từ Bắc đường 19 tới Đà Nẵng. Quân số hao hụt rất lớn, mỗi đại đội chỉ còn 17, 18 tay súng. Cả Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 31

hai ngày không nấu cơm, còn mấy lon gạo dành để nuôi người đau. Bộ đội đau ốm nhiều chủ yếu do sốt rét và thiếu ăn. Quân khu 5 lúc đó người ta gọi là chiến trường "4 Đ". Mỹ - ngụy *đông*, *đạn* thiếu, ốm *đau* nhiều, *đói* triền miên. Bộ đội chủ lực không đánh lớn được, chỉ đánh cấp trung đoàn, tiểu đoàn vì thiếu đạn, thiếu gạo, thiếu quân số. Không phải chúng ta không phát hiện được những sơ hở của quân Mỹ nhưng không đánh được những trận tiêu diệt lớn cũng vì khó khăn trên.

Tôi nhớ Tết năm 1967, Tư lệnh Quân khu Chu Huy Mân (Hai Mạnh) xuống giao nhiệm vụ cho Sư đoàn ở dốc Đoác (Phước Sơn) mang theo gạo và cả thực phẩm vì Sư đoàn không còn gì đãi khách trong những ngày Tết. Cán bộ Sư đoàn, các sĩ quan tham mưu, chính trị, hậu cần cũng cùng các đơn vị tìm những rẫy sắn cũ của dân để mót những củ sắn còn lại. Có đơn vị say sắn cả đại đội. Trong ngày Xuân, một câu hỏi xúc động từ Hà Nội gửi vào: "Làm sao mà có sắn cho cả một Sư đoàn đi mót?" Câu hỏi đó là của đồng chí Đại tướng, Tổng Tư lệnh.

Những năm tháng đó, anh Năm Công với tư cách là Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu 5 bám trụ chiến trường, đồng cam cộng khổ cùng đồng bào, chiến sĩ, trực tiếp chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, giữ vững ý chí tiến công, từng bước vượt qua thử thách đi tới.

Năm 1970, "4 Đ" vẫn đeo đuổi đời sống bộ đội. Sư đoàn 2 được lệnh để lại súng đạn và một trung đoàn hoạt động cầm chừng, còn sư đoàn hành quân ra Nam Lào, khu vực Na Mí cách Sêpôn ba ngày đường để dưỡng quân. Đó là

giải pháp tình thế vì gạo đồng bằng không lên được. Gạo miền Bắc không tới mặc dù Khu ủy muốn giữ sư đoàn lại. Sư đoàn được ăn uống đầy đủ, được bổ sung quân số, trang bị, bước vào huấn luyện sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới.

Cuối năm 1970, anh Năm Công trên đường đi họp Trung ương về ghé lại thăm và tặng quà cho sư đoàn. Nghe sư đoàn báo cáo tình hình, anh Năm rất mừng vì bộ đội đã hết "4 Đ", 90% cán bộ, chiến sĩ được bổ sung từ hậu phương lớn. Đại đội đủ biên chế trên 100, tiểu đoàn 600, sư đoàn 10.000 quân. Anh Năm dặn dò cán bộ, chiến sĩ sư đoàn 2 là đơn vị chủ lực trước sau là con đẻ của Khu 5, phải tạm thời xa chiến trường quen thuộc là do tình thế. Anh Năm nhắc nhở sư đoàn là dù hoạt động ở địa bàn nào cũng phải phát huy truyền thống, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, sớm trở về chiến trường sát cán bộ, chiến đấu cùng đồng bào, chiến sĩ Khu 5. Anh Năm Công ở lại với Sư đoàn một ngày một đêm rồi lên đường vào căn cứ Khu ủy.

Thực hiện lời hứa với anh Năm, trong chiến dịch Nam Lào 1971, sư đoàn đã đánh những trận vang dội; tiêu diệt 2 trung đoàn thuộc sư đoàn 1 ngụy, bắt sống trên 700 tù binh, thu nhiều chiến lợi phẩm, cùng các sư đoàn 308, 304, 320, 316 và các quân binh chủng của Bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà chiến dịch giao cho.

*

* *

Tháng 10-1959, sau mấy tháng từ miền Bắc về lại chiến trường Khu 5, anh Năm gọi tôi lên để giao nhiệm vụ. Hồi đó

chỉ mới có Khu ủy, chưa có Quân khu, chưa có quân giải phóng, đường dây 559 chưa đến, chưa có Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Anh Năm giao nhiệm vụ cho tôi làm Trưởng đoàn gồm 8 người xuất phát từ ngã ba sông Bung - A Vương đến Bãi Chuối, Hải Vân để đón tàu không số.

Đi vào giữa mùa mưa, mưa rừng Quảng Nam ai đã ở chiến khu đều hiểu. Mưa tầm tã từ ngày này sang ngày khác. Mỗi người cõng trên lưng 10 ngày gạo lên đường. Bản đồ không có, không có người dẫn đường, không có đường mòn, chỉ có mưa, có muỗi rừng, có vắt. Từ Hiên xuống vượt qua núi Chúa (Bà Nà), nhằm hướng Hải Vân mà đi.

Đi cả tuần lễ thì thấy Lăng Cô. Biết là lạc đường nên phải tìm một điểm cao để xác định cho được vị trí rồi ngày trốn đêm đi, cắt rừng vào Bãi Chuối, cơ sở Hòa Vang báo cáo cho biết ở nơi tập kết đã có sẵn hai phuy gạo, muối và thuốc men. Đến nơi thì tìm được hai phuy thật, nhưng gạo trong phuy không ăn được. Chuột rừng đã cắn thủng lớp ni lông bọc nắp phuy, từ đó nước mưa ngấm vào thối tất cả gạo, bông băng thuốc men cũng hỏng, chỉ còn dùng được mấy lọ dầu cù là.

Theo kế hoạch, đêm giao thừa Tết năm 1960 tàu không số sẽ vào Bãi Chuối. Đêm đó, chúng tôi đứng trên ghềnh đá, dùng đèn pin đánh tín hiệu ra biển. Qua giao thừa và nhiều đêm sau nữa, con tàu mong đợi vẫn không thấy cập bờ. Trước khi đi, anh Năm đã nói với tôi: Con tàu đó chở súng đạn mà ta thu được của Pháp trong kháng chiến chín năm, một số quân dụng cần thiết và cả một cái máy in. Nhưng con tàu đó đã không đến được với chúng tôi. Sau này tôi mới

biết tàu do anh Huỳnh Ba, người Duy Xuyên làm thuyền trưởng. Anh Ba từ Nam Ô đi bộ lên rừng theo đường dây ra Bắc. Từ cảng sông Hương, anh Huỳnh Ba chạy ra chỉ huy tàu không số đóng theo kiểu thuyền đánh cá Quảng Nam chạy ra vùng biển quốc tế rồi nhắm Hải Vân đi vào. Nhưng trên đường gặp cơn gió lớn, bánh lái bị gãy, tàu trôi vào tận biển Sa Kỳ, Quảng Ngãi rồi tấp vào bờ, anh em thủy thủ phải phá tàu, hủy hàng để bảo đảm bí mật đường Hồ Chí Minh trên biển. Anh Ba và anh em thủy thủ bị địch bắt đày đi Côn Đảo, 30 năm sau tôi mới gặp lại anh Huỳnh Ba.

Chờ mãi không đón được tàu, lương thực không có, tôi cho năm người trở lại căn cứ, chỉ để lại ba người với hy vọng mong manh biết đâu có một ngày một con tàu sẽ đến. Đêm đêm, chúng tôi đi theo đường xe lửa xuống làng đào khoai lang, củ từ để sống. Không dám lấy nhiều, mỗi luống lấy vài củ vì sợ đồng bào phát hiện được, sợ lộ. Ở căn cứ, sau mấy tháng thấy chúng tôi không về, đã báo mất tích. Đợi đến hết tháng một (tháng Giêng), tôi mới tìm đường đưa anh em về. Khi gặp lại, anh Năm Công nói: Cách mạng là vậy, không phải việc gì cũng gặp thuận lợi, gặp khó khăn phải khắc phục và đi lên. Chơn chuẩn bị tinh thần đi chuyến nữa, có thể còn khó khăn hơn.

Tôi hiểu rằng đó là sự tin cậy của anh Năm đối với tôi. Năm ấy Đường 559 mới đến Bắc tỉnh Thừa Thiên.

*

* *

Anh Năm Công làm Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu trong nhiều năm. Tôi nhớ thời kỳ căng thẳng

nhất đặt ra vấn đề sử dụng lực lượng vũ trang thế nào đạt hiệu quả cao. Trong Khu ủy thường có hai ý kiến trái ngược nhau. Một luồng ý kiến do bức xúc về chuyện giành dân, giành lại vùng giải phóng nên đề xuất phải phân tán lực lượng chủ lực thành nhiều tiểu đoàn, đại đội hoạt động nhỏ lẻ, hoạt động hỗ trợ cho phong trào quần chúng, vừa có thể đạt được mục đích giành dân, vừa đỡ khó khăn cho việc cung cấp hậu cần. Luồng ý kiến này trong Khu ủy chiếm số đông.

Một số ý kiến khác kiên trì duy trì chủ lực tập trung ở cấp trung đoàn, sư đoàn để tổ chức những trận đánh tiêu diệt lớn làm thay đổi cục diện chiến trường. Có những cuộc tranh luận dự kiến 3 ngày kéo dài thành 6 ngày. Trong Khu ủy có nhiều đồng chí có uy tín và kinh nghiệm, và không phải lập luận nào cũng hời hợt. Mỗi ý kiến đều xuất phát từ tâm huyết cùng trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, trước quân đội. Vào những tình huống giằng co như vậy đều phải có ý kiến cuối cùng của anh Năm. Trong những trường hợp như thế này anh Năm đều nói: Hãy lấy chiến trường Liên khu 5 trong kháng chiến chống Pháp làm ví dụ. Khi địch mở chiến dịch Át Lăng đánh vào vùng tự do của ta ở Bình Định, chúng tôi vừa dùng lực lượng địa phương tại chỗ để chống càn, vừa đồng thời dùng chủ lực của Liên khu mở chiến dịch ở Đăk Đoa Bắc Kon Tum. Chiến dịch diễn biến tốt, tiêu diệt được địch, giải phóng được đất đai, đánh vào ý chí của địch, buộc chúng phải rút quân ở đồng bằng. Hay lấy chiến thắng Ba Gia làm ví dụ, nếu lúc đó không tập trung xây dựng trung đoàn 1 đơn vị

chủ lực của Quân khu, thì làm sao đánh tập trung, giành chiến thắng lớn được. Sắm ra sư đoàn chủ lực khác với sắm một tiểu đoàn địa phương. Đặt trường hợp khi cấp trên chỉ thị đánh để phối hợp với các chiến trường khác, phục vụ nhiệm vụ chính trị, nếu không có sư đoàn thì làm sao thực hiện được mệnh lệnh cấp trên...

Vai trò của anh Năm quan trọng là vậy. Ý kiến của anh Năm bao giờ cũng thuyết phục các bên tranh luận bởi anh nắm chắc nhiệm vụ của ba thứ quân, bởi anh luôn quán triệt cho các cán bộ quân sự chúng tôi phải lấy quân sự phục vụ chính trị.

Mùa thu năm 1972, tôi được điều động từ sư đoàn 2 về chỉ huy sư đoàn 711, đơn vị mới được thành lập ngày 7-11-1971 gồm các trung đoàn 31, 38 và trung đoàn 9 vừa từ Quảng Trị vào, hoạt động ở phía nam Đà Nẵng, chủ yếu vùng thung lũng Quế Sơn, Hiệp Đức, Hà Lam, Mộc Bài, nhằm đánh vào sau lưng quân đoàn 1 của Ngô Quang Trưởng. Chiến dịch đầu tiên diễn ra hơn một tháng trước khi tôi về do anh Hoàng Anh Tuấn - Tham mưu trưởng Quân khu, anh Nam Khánh, anh Quang chỉ huy, được anh Bình Chánh - Phó Tư lệnh Quân khu trực tiếp chỉ đạo. Mục tiêu là chiếm được căn cứ Trung đoàn 5 ngụy ở Cấm Dơi để giam chân sư đoàn 2 ngụy không ra được Quảng Trị.

Sau một tháng chiến đấu, ta chỉ chiếm được căn cứ ngoại vi như Bàn Thùng, Hòn Chiêng, đèo Đòn Gánh, Động Mông, Đá Hàm... mà chưa dứt điểm được Cấm Dơi. Thời điểm đó, chiến trường Quảng Trị đang gặp khó khăn, Bộ Tổng tham mưu thúc Quân khu 5 phải hành động để

hỗ trợ cho chiến trường chính. Vừa về đến Quân khu nhận nhiệm vụ, tôi được anh Năm gọi lên. Sau khi thăm hỏi và nghe tôi báo cáo hoạt động của Sư đoàn 2 trên chiến trường Tây Nguyên, báo cáo về các chiến thắng ở Đăk Tô - Tân Cảnh và Kon Tum, anh Năm rất vui vì cán bộ, chiến sĩ sư đoàn 2 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, sau đó anh đưa cho tôi xem bức điện của đồng chí Lê Duẩn gửi cho anh và anh Hai Mạnh. Nội dung bức điện là bằng mọi cách, Quân khu 5 không cho sư đoàn 2 ngụy ra chiến trường Quảng Trị. Anh Năm nói thêm:

- Chơn về làm trưởng sư đoàn 711 phải suy nghĩ làm sao tiêu diệt được Cấm Dơi, chấp hành nghiêm lệnh của anh Ba. Còn nhiệm vụ cụ thể thì xuống núi Lớn, tiền phương của Quân khu, anh Hai Mạnh sẽ giao. Tôi chia tay anh Năm xuống núi Lớn gần đường 16. Trên đường đi, tôi nhận được tin anh Quảng, sư đoàn phó 711 hy sinh vì đạn pháo địch. Đó là một tổn thất lớn cho sư đoàn ngay khi tôi về nhận nhiệm vụ.

Ở Sở chỉ huy tiền phương Quân khu 5, sau khi nghe anh Nguyễn Huy Chương - Chính ủy sư đoàn 711 báo cáo tình hình, anh Hai Mạnh nói với tôi:

- Anh em mới quá. Trung đoàn 9 mới vào chưa quen chiến trường. Các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần đều thiếu kinh nghiệm. Cậu có đề xuất gì để sư đoàn hoàn thành nhiệm vụ?

Tôi nói:

- Báo cáo anh, tôi có xem bức điện của anh Ba Duẩn chỗ anh Năm. Anh cho tôi một tuần để kiểm tra chiến

trường, nắm lại tình hình của bộ đội rồi sẽ báo cáo cụ thể phương án và cách đánh.

Anh Hai Mạnh đồng ý. Sau khi ta đánh bóc vỏ các cứ điểm vòng ngoài, địch biết được ý đồ của ta nên tăng cường Trung đoàn 6 bộ binh, một trung đoàn thiết giáp và 2 tiểu đoàn bảo an vào vùng Cấm Dơi - Quế Sơn. Về đến đơn vị, tôi tranh thủ chuẩn bị chiến trường ngay. Tôi nhận ra Cấm Dơi chưa phải là một căn cứ hắc búa đến nỗi không đánh được. Chỉ có 9 hàng rào kẽm gai chứ không phải 12 như báo cáo. Nó cũng không kiên cố bằng Tân Cảnh. Sau này tôi được biết anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) có điện vào nếu căn cứ mạnh quá thì đừng có đánh ép, thương vong sẽ cao. Tôi khẳng định Sư đoàn 711 hoàn toàn có khả năng dứt điểm Cấm Dơi. Tôi trình bày phương án và cách đánh với Quân khu. Anh Hai Mạnh đồng ý. Ngày 12-8-1972 nhận nhiệm vụ thì ngày 17 tiếp cận, ngày 18 dứt điểm Cấm Dơi - Quế Sơn như kế hoạch. Tiêu diệt hai Trung đoàn 5, 6 thuộc Sư đoàn 2 ngụy và các đơn vị hỗ trợ. Bắt rất nhiều tù binh, thu được 9 xe M113, Trung đoàn 9 làm nhiệm vụ đón lõng không chặt chẽ, để địch thoát nhiều, nếu không thì thắng càng to hơn.

Sau trận đánh, anh Năm gặp tôi qua điện thoại. Anh nói: "Thật là mừng, chín năm đánh Pháp, dưới chân Hải Vân có Nguyễn Bá Phát, bây giờ đánh Mỹ có Nguyễn Chơn".

Một ngày sau, anh Phan Đấu, Thư ký của anh Năm Công mang quà của anh xuống tặng tôi gồm một cái rađio, một số thuốc bổ và bức thư mừng chiến thắng. Cái radio đó tôi vẫn giữ đến bây giờ.

*

* *

Để chuẩn bị cho chiến dịch mùa Xuân năm 1975, tôi cùng anh Nguyễn Huy Chương được triệu tập lên dự họp Quân khu mở rộng. Trước ngày họp, anh Năm cho gọi đến lán của anh ở Nước Oa, Trà My ăn cơm. Đó là cuộc họp trên sa bàn thảo luận về chiến dịch mở màn năm 1975 vào quận lỵ Tiên Phước và Phước Lâm. Lực lượng của địch trong hai quận có 4 tiểu đoàn chủ lực, các đơn vị bảo an dân vệ, các lực lượng kìm kẹp quần chúng. Mục tiêu quan trọng là điểm cao 211 và trận địa pháo Suối Đá. Địch được các trận địa pháo ở Tam Kỳ chi viện trực tiếp. Đây là một chiến dịch tổng hợp tấn công và nổi dậy. Trước mắt là giải phóng Tiên Phước, Phước Lâm rồi tùy tình hình mà bổ sung nhiệm vụ.

Nhiều đồng chí Khu ủy viên nêu ý kiến nặng về quân sự hỗ trợ quả đấm chính trị, giải phóng đất đai. Thời gian cho chiến dịch là bảy ngày. Trước khi kết thúc buổi sáng, tôi xin phát biểu ý kiến. Tôi hoàn toàn nhất trí với mục tiêu đánh địch, nhưng về nhiệm vụ của Sư đoàn thay vì bảy ngày xin rút xuống 24 giờ, với điều kiện tăng cường thêm các đơn vị xe tăng và pháo phòng không 37 ly, đặc biệt số đạn cho 7 ngày xin để dùng trong 1 ngày. Phương án cụ thể Sư đoàn sẽ báo cáo sau. Hội nghị lúc ấy xôn xao, nhưng vì hết giờ buổi sáng, nên anh Hai Mạnh tuyên bố dừng lại nghỉ trưa, buổi chiều sẽ thảo luận tiếp.

Trưa hôm ấy, tôi được ăn cơm với anh Năm và anh Hai. Anh Hai nói:

- Cậu đã suy nghĩ kỹ chưa? Căn cứ vào đâu mà cậu nêu phương án đánh một ngày?

Tôi nói:

- Báo cáo hai anh, tôi nghĩ là đánh được, nếu ta tập trung hỏa lực ở mật độ cao, chuẩn bị chiến trường chu đáo, có cách đánh tốt, thì sẽ dứt điểm gọn. Ở Tân Cảnh là căn cứ của sư đoàn ngụy mà cũng chỉ giải quyết trong vòng 24 giờ.

Anh Năm nói:

- Nếu chỉ cần 24 giờ thì tốt quá, thuận lợi đủ đường, Chơn về suy nghĩ thật kỹ, bọn mình sẽ ủng hộ.

Buổi chiều các cuộc tranh luận bắt đầu. ý kiến căng thẳng nhất là của anh Võ Thứ, Phó Tư lệnh Quân khu. Anh nói:

- Sư đoàn 2 nên xem lại đề xuất của mình có chủ quan không? Có mạo hiểm không? Có phiêu lưu không? Nếu phiêu lưu mạo hiểm, không tính toán sẽ thua. Đây là trận mở đầu chiến dịch cho cả Quân khu.

Có nhiều ý kiến phát biểu nữa. Tôi lại xin trình bày rõ thêm quan điểm của Sư đoàn và hứa nếu không hoàn thành nhiệm vụ thì chết không chôn.

Anh Năm Công và anh Hai Mạnh lắng nghe tất cả các ý kiến. Cuối buổi chiều, anh Hai Mạnh nói anh Hoàng Giang, Chủ nhiệm hậu cần Quân khu:

- Có đủ đạn bảy ngày cho Sư đoàn 2 đánh một ngày không?

Anh Hoàng Giang hứa hậu cần sẽ bảo đảm đủ yêu cầu.

Anh Hai Mạnh kết luận đồng ý với đề xuất của Sư đoàn 2 và giao nhiệm vụ cho chúng tôi phải báo cáo sớm phương án cụ thể lên Quân khu.

Tan họp, anh Bảy Hữu (Nguyễn Xuân Hữu) - Thường trực Khu ủy hỏi nhỏ tôi: "Có chắc thắng không cậu?". Sau hội nghị, trước khi về đơn vị, anh Năm bắt tay tôi nói: "Bọn mình tin tưởng Chơn".

Chiến dịch Tiên Phước - Phước Lâm diễn ra đúng như phương án. Ngày 8-3 ém quân, ngày 10-3 dứt điểm. Chiều ngày 10, chúng tôi nhận được thư chúc mừng của anh Năm Công, trong đó có đoạn nói chiến thắng của Sư đoàn 2 góp phần vào thắng lợi chung của toàn quốc.

Sáng ngày 24-3-1975, khi nghe địch báo cáo lên cấp trên đạn pháo ở Chu Lai đã hết, tôi dùng đài 15W báo cáo về Quân khu xin cho đánh Tam Kỳ ngay. Dù chưa nhận được điện trả lời nhưng biết xử lý tình huống của mình là đúng, 10 giờ tôi phát lệnh cho Sư đoàn tấn công Tam Kỳ. Địch thấy xe tăng ta xuất kích là bỏ chạy. Ta nhanh chóng giải phóng một vùng đất rộng từ Chu Lai đến Tuần Dưỡng. Đến 3 giờ chiều, chúng tôi mới nhận được điện đồng ý của Quân khu.

Ngày 27-3-1975, tôi lên Quân khu nhận lệnh tấn công đánh chiếm Đà Nẵng. Anh Năm Công và anh Hai Mạnh giao nhiệm vụ cho Sư đoàn chỉ trong vòng 15 phút. Có 100 ngàn quân địch đã dồn về Đà Nẵng. Hướng chủ yếu đánh vào Đà Nẵng được giao cho Quân đoàn 2 từ đèo Hải Vân đánh vào và từ Thượng Đức đánh xuống. Hướng *quan trọng* giao cho lực lượng Quân khu 5 gồm Sư đoàn 2, Lữ

đoàn 52 và các trung đoàn xe tăng cao xạ, pháo tầm xa, các trung đoàn của Mặt trận Quảng Đà đánh từ hướng Nam xuống. Tôi hiểu lúc này thời gian là lực lượng, càng tiến nhanh tiếp cận Đà Nẵng càng thuận lợi.

Trên đường tiến quân, anh Thí - Trung đoàn trưởng 38 đã cho đơn vị dừng lại đánh Hà Lam. Anh Thí bị cách chức ngay. Lúc đó hướng chủ yếu gặp khó khăn do Ngô Quang Trưởng cho quân chặn ở Phú Lộc, Hải Vân. Còn hướng Sư đoàn 304 từ Thượng Đức xuống thì tiến quân chậm do địa hình rừng núi. Tôi ra lệnh Trung đoàn 1 theo đường số 1 tiến vào sở chỉ huy Quân đoàn 1 và sân bay Đà Nẵng. Trung đoàn 38 sẽ qua cầu Tứ Câu chiếm sân bay Nước Mặn. Các Trung đoàn 31, 36 theo trục đường sắt tiến ra.

Đúng 11 giờ 45 phút ngày 29-3-1975, tôi đã có mặt ở Sở chỉ huy Quân đoàn 1. Tại phòng của Ngô Quang Trưởng, chúng tôi thu một lá cờ của Quân đoàn 1, một khẩu súng ngắn bỏ túi của Ngô Quang Trưởng sản xuất tại Canada. (Khẩu súng này tôi tặng anh Nguyễn Hữu An, lúc đó là Tư lệnh Quân đoàn 2. Sau này, chị Chi vợ anh An nói tất cả vũ khí đã giao nộp hết, muốn giữ khẩu súng để làm kỷ niệm. Chị đã nhờ tôi viết lý lịch khẩu súng và giấy tặng để làm chứng từ). Trên bản đồ tác chiến của Ngô Quang Trưởng, chúng vẫn xác định hướng Bắc là hướng chủ yếu. Nhờ chớp thời cơ, dốc hết lực lượng đánh nhanh mà ta biến hướng Nam từ hướng quan trọng thành hướng chủ yếu đánh chiếm Đà Nẵng. Đến 15 giờ ngày 29-3-1975, xe tăng Quân đoàn 2 tới Đà Nẵng.

Ngồi ở Sở chỉ huy Quân đoàn 1 ngụy, tôi cử anh Trần Xuyên, trợ lý tác chiến mang con dấu của Ngô Quang Trưởng về Sở chỉ huy Quân khu đóng ở Thanh Quýt báo cáo cho anh Năm Công và anh Hai Mạnh. Anh Hai Mạnh muốn xác định thật chính xác, lúc đó anh hỏi quân ta đã đến Đà Nẵng thật chưa hay mới đến Vĩnh Điện? Sau khi xem con dấu, hai anh lên xe đến Đà Nẵng. Vừa gặp tôi, anh Năm Công nói:

- Thanh niên chưa vợ có khác, tiến quân nhanh quá.

*

* *

Trong cuộc đời chiến đấu của tôi, ngoài sự nỗ lực phấn đấu của bản thân, tôi luôn được sự giáo dục, giúp đỡ của cấp trên, của đồng chí, đồng đội mà trực tiếp là Khu ủy, Quân khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu, các cơ quan tham mưu chính trị, hậu cần Quân khu giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ trong những năm tháng chỉ huy Sư đoàn 2 giành nhiều thắng lợi. Nhưng sự giúp đỡ, chỉ bảo của anh Năm Công có một giá trị đặc biệt đối với tôi. Tôi chân thành biết ơn tất cả sự giáo dục, chỉ bảo, giúp đỡ, đùm bọc ấy.

Tôi nghĩ rằng, năm 1969 là năm thử thách quyết liệt nhất trong những năm tháng chiến tranh. Năm đó, trên chiến trường, quân Mỹ, quân chư hầu rất đông. Miền Bắc bị đánh phá quyết liệt. Ngày 2 tháng 9 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của chúng ta đã ra đi mãi mãi. Bản tin đột ngột làm cả nước bàng hoàng. Thời điểm

đó, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn, quân dân ta đã biến đau thương thành hành động, tiếp tục tấn công địch, đưa cách mạng vượt qua khó khăn, vững vàng xốc tới.

Ở chiến trường khu 5, anh Năm Công vững vàng tay lái, cùng Khu ủy, Quân khu ủy tập hợp trí tuệ, tài năng của tập thể, từ chiến trường Tây Nguyên đến đồng bằng miền Trung ra Quảng Đà, cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, quần chúng đoàn kết nhất trí đã giữ vững thành quả cách mạng và phát triển ngày càng vững chắc trên một chiến trường liên tục ác liệt. Tài năng, trí tuệ, bản lĩnh chính trị, trung tâm đoàn kết với sự tập hợp lôi cuốn mọi người của anh Năm biểu hiện rực rỡ nhất trong thời kỳ khó khăn ác liệt này.

ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG NHÀ LÃNH ĐẠO KIÊN TRUNG CỦA QUÂN KHU 5

Thiếu tướng TRẦN QUANG PHƯƠNG*

Gần cả cuộc đời cách mạng của đồng chí Võ Chí Công gắn liền với quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng, gắn liền với Khu 5 bất khuất. Từ ngày đầu hoạt động cách mạng cho đến mùa Xuân toàn thắng năm 1975, dấu chân người cộng sản kiên cường Võ Chí Công đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với quê hương và cả vùng đất Khu 5 kiên trung, bất khuất.

1. Dấu ấn Võ Chí Công trong chỉ đạo chiến tranh

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Liên khu 5 được Đảng và Bác Hồ giao nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Đồng chí Võ Chí Công và đồng đội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Trung ương giao phó. Từ kinh nghiệm quý báu của hoạt động giúp bạn, trong kháng chiến chống Mỹ, Khu 5 đã hơn

---

* Chính ủy Quân khu 5.

một lần được Trung ương chỉ định giúp cách mạng các nước anh em.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Liên khu 5 bao gồm cả Trường Sơn - Tây Nguyên là địa bàn địch đánh phá vô cùng khốc liệt. Lường định trước tình hình, Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đồng chí Võ Chí Công đang tham gia cải cách ruộng đất ở Việt Bắc bí mật trở lại Khu 5, trên một chuyến bay của Pháp, cùng đồng chí Lê Đức Thọ vào Nam Bộ, tổ chức cuộc chiến đấu của Khu 5 trong tình hình mới.

Từ đó, trên cương vị là quyền Bí thư rồi Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 5 cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đồng chí Võ Chí Công đã có những cống hiến xuất sắc cho cách mạng miền Nam. Do bám sát cơ sở, bám sát phong trào, lại trung thành và kiên định, từ thực tiễn chỉ đạo cách mạng Khu 5, đồng chí đã có mặt đúng lúc trong những thời điểm lịch sử quyết định, có nhiều ý kiến đề xuất với Trung ương những vấn đề có tính chiến lược mang ý nghĩa phổ quát của con đường cách mạng miền Nam, đó là con đường dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của quân thù.

Sau phong trào đồng khởi thắng lợi, giữa năm 1961, đồng chí được Bộ Chính trị cử vào Nam Bộ làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Tại Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tháng 3 - 1962, đồng chí được bầu làm Phó Chủ tịch Mặt trận và là đại diện của Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam bên cạnh Mặt trận.

Vốn là người sâu sát phong trào, đồng chí đã về nhiều địa phương của Nam Bộ để nghiên cứu, khảo sát, đúc kết kinh nghiệm chống bình định, phá ấp chiến lược, chống chiến thuật trực thăng vận và chiến xa vận của địch trong chiến tranh đặc biệt.

Trở về chỉ đạo phong trào ở Khu 5 với cương vị là Bí thư Khu ủy 5, đồng thời kiêm chức Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, dấu ấn của nhà lãnh đạo mưu lược được khẳng định trong những quyết định đúng đắn, sáng suốt của đồng chí và tập thể Khu ủy.

Với vị trí địa lý trọng yếu của mình, Khu 5 là nơi quân viễn chinh Mỹ chọn làm địa bàn để đổ bộ những đơn vị chiến đấu đầu tiên, thiết lập đầu cầu triển khai chiến lược chiến tranh cục bộ và thành phố Đà Nẵng cùng với Chu Lai trở thành căn cứ liên hợp quân sự lớn nhất ở miền Nam trong suốt cuộc chiến tranh.

Khu 5 dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công đã quyết định đánh trận phủ đầu quân viễn chinh Mỹ ở cứ điểm Núi Thành, tiêu diệt gọn một đại đội địch, mở ra khả năng quân và dân ta có thể đánh và thắng Mỹ trong "Chiến tranh cục bộ".

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, trên cương vị là Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu 5, đồng chí đã trực tiếp đến bộ phận tiền phương của Khu ủy đứng chân ở Duy Xuyên, Điện Bàn để chỉ đạo trọng điểm của Khu là Đà Nẵng. Trong lúc lực lượng của Khu

và các tỉnh đã ém sát các địa bàn, thì có lệnh chuyển ngày nổ súng. Với cương vị Bí thư Khu ủy, kiêm Chính ủy Quân khu, đồng chí đã kiên quyết đề đạt với Trung ương cho Khu 5 đánh đúng ngày đã định, nhờ đó đã tránh được những tổn thất cho cách mạng. Với sự nhận định và quyết định đúng đắn, linh hoạt đó, trên chiến trường Khu 5, quân dân ta tiến công vào các thành phố, thị trấn, đạt mục tiêu rồi rút ngay, nên thiệt hại cũng ít hơn so với các chiến trường khác.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã tạo ra bước ngoặt lớn, đánh sập ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ buộc chúng phải hiểu rằng không thể thắng được dân tộc ta trong cuộc chiến tranh này. Về sự kiện lịch sử này đã có nhiều ý kiến khác nhau. Với tư cách là người lãnh đạo ở một chiến trường khốc liệt nhất, đồng chí Võ Chí Công cho rằng không thể chỉ đòi hỏi chiến thắng mà không có tổn thất ít nhiều

Hiệp định Pari được ký kết ngày 27-1-1973, nhưng là một người lãnh đạo chiến trường, từ kinh nghiệm xương máu sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đồng chí không ảo tưởng sẽ có hòa bình, nên đã tiến hành lãnh đạo công tác tư tưởng trong toàn Quân khu. Nhưng sau những năm kháng chiến khốc liệt kéo dài, lúc đầu nhiều cán bộ, chiến sĩ còn có tư tưởng xả hơi khá nặng đã để địch lấn chiếm một số vùng giải phóng của ta. Đảng bộ Khu 5 lập tức xốc lại đội ngũ, kiên quyết tiến công địch, giành đất, giành dân, phát triển

thực lực mọi mặt của cách mạng, góp phần đẩy nhanh sự suy yếu của ngụy quân, ngụy quyền sau khi Mỹ đã rút, dẫn đến sự sụp đổ của chúng trong mùa Xuân 1975.

Với đòn đánh hiểm vào Buôn Ma Thuột thắng lợi, giải phóng toàn bộ vùng đất chiến lược Tây Nguyên làm cho kẻ địch choáng váng, liền sau đấy tại mặt trận Huế - Đà Nẵng, nắm bắt thời cơ xuất hiện, đồng chí Võ Chí Công đã đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị và đồng chí Lê Duẩn nên chớp thời cơ, lãnh đạo quân và dân Khu 5 phát huy lợi thế tại chỗ, kết hợp với các đơn vị chủ lực của Bộ Tổng tư lệnh, nhanh chóng xóa sổ Quân đoàn 1 và Vùng I chiến thuật của địch, đánh tan 10 vạn tàn quân địch đã hoang mang, rệu rã, giải phóng thành phố Đà Nẵng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải phóng Sài Gòn - Gia Định vào ngày 30-4-1975 lịch sử.

2. Kiên định lập trường, sáng tạo linh hoạt trong thực hiện

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, trên nhiều cương vị trọng trách mà Đảng giao phó, đồng chí Võ Chí Công với cuộc đời hoạt động cách mạng dày dạn kinh nghiệm, sôi nổi và phong phú, đã có nhiều đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi về công tác ở Trung ương, ngoài việc đóng góp chung các mặt trong sự lãnh đạo của Bộ Chính trị đối với đất nước, với trách nhiệm cá nhân, đồng chí luôn kiên định

lập trường, sáng tạo, linh hoạt trong thực tiễn, có nhiều đề xuất, giải pháp quan trọng xây dựng đất nước.

Khi giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản, đồng chí đề xuất những giải pháp giải quyết khó khăn cho ngành hải sản, cho ngành tự lực cánh sinh, tự trang trải, tự cân đối trong sản xuất xuất kinh doanh. Do có sự chuyển đổi quản lý, tổ chức, ngành hải sản đã vươn lên trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân.

Khi làm Phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp, đồng chí ủng hộ cách "khoán sản phẩm" (khi chưa được chấp nhận chính thức) ở các hợp tác xã nông nghiệp và đi sâu nghiên cứu đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý hợp tác xã thoát ra khỏi thua lỗ, thu nhập thấp và nhận trách nhiệm dự thảo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thực hiện khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp đến nhóm và người lao động. Trên cơ sở tổng kết Chỉ thị 100, Trung ương đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp bằng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị năm 1988...

Suốt cả cuộc đời trọn 100 năm và hơn 80 năm chiến đấu trên con đường cách mạng vẻ vang mà Đảng và Bác Hồ vĩ đại đã chọn, đồng chí Võ Chí Công luôn kiên định lập trường nguyên tắc của Đảng, nhưng thực hiện sáng tạo và linh hoạt mọi nhiệm vụ được giao với nghị lực phi thường của người cộng sản. Đạo đức của đồng chí luôn thể hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phong cách lãnh đạo dễ gần gũi quần chúng, được nhiều người mến phục.

Đối với nhân dân và các lực lượng vũ trang Quân khu 5, đồng chí Võ Chí Công là hiện thân của sự đoàn kết, nhất trí, của tinh thần cách mạng kiên cường, của ý chí vượt qua gian khổ, khó khăn vì nền độc lập tự do của Tổ quốc, vì quê hương giàu mạnh, phát triển không ngừng.

Các lực lượng vũ trang Quân khu 5 nguyện học tập tấm gương sáng ngời của đồng chí Võ Chí Công, ra sức xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

VAI TRÒ CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 KẾT THÚC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Thiếu tướng LÊ CHIÊM*

Mùa xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, trực tiếp là Khu ủy Khu 5, đứng đầu là đồng chí Võ Chí Công, quân và dân Khu 5 vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, chiến đấu anh dũng, kiên cường giành thắng lợi cực kỳ to lớn, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang giải phóng hoàn toàn Khu 5, góp phần vào thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc .

Chiến thắng lịch sử kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả của quá trình đấu tranh suốt 21 năm của Đảng bộ, quân và dân Khu 5, trong đó không thể không kể đến vai trò to lớn của đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy, Bí thư Quân khu ủy kiêm Chính ủy Khu 5.

---

* Tư lệnh Quân khu 5

Khu ủy 5 đã tham gia nhiều ý kiến quan trọng đề xuất với Trung ương hạ quyết tâm chiến lược hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam trong hai năm 1975, 1976 và ngay trong năm 1975. Khu 5 là một trong những chiến trường chính ở miền Nam, chính vì vậy mặc dù bị thất bại liên tiếp trong 2 năm 1973 - 1974, nhưng Mỹ - ngụy vẫn cố bám giữ địa bàn chiến lược này nhằm âm mưu lâu dài chống cách mạng nước ta. Bước vào mùa xuân 1975, lực lượng địch ở Khu 5 còn khoảng 30 vạn quân chủ lực và quân địa phương, khoảng 10 vạn dân vệ, có 769 chiếc máy bay, 741 xe tăng... Nhưng thế và lực của địch đang xuống , từ bình định lấn chiếm đã bị đẩy lùi một bước quan trọng, chỗ mạnh tạm thời ngày càng hạn chế, chỗ yếu cơ bản ngày càng bộc lộ rõ, nảy sinh nhiều mâu thuẫn và khó khăn. Về phía ta, tuy lực lượng chỉ có 75.000 quân chủ lực và bộ đội địa phương, 60.000 du kích, hơn 30 khẩu pháo, nhưng với thắng lợi hè - thu năm 1974, Đảng bộ, quân và dân Khu 5 đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng trên mặt quân sự, chính trị, tạo được thế và lực mới, phong trào phát triển cả bề rộng và chiều sâu, vùng căn cứ địa cách mạng của Trung ương được mở rộng và hoàn chỉnh, vùng giải phóng được mở rộng trong thế vững chắc, chiến tranh du kích phát triển là yếu tố quan trọng và căn bản để Trung ương có cơ sở chỉ đạo hạ quyết tâm chiến lược giành thắng lợi quyết định.

Từ ngày 18-12 đến ngày 8-1-1975, Hội nghị Bộ Chính trị họp mở rộng, đồng chí Võ Chí Công được mời tham dự tại hội nghị quan trọng này và đồng chí đã báo cáo đúng

tình hình địch, ta ở Khu 5, đồng thời khẳng định ta có đủ điều kiện để thắng địch và đề xuất với Trung ương hạ quyết tâm chiến lược: "Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược lớn, chưa bao giờ có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hoàn thành thống nhất Tổ quốc". Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến lược hai năm 1975 - 1976 và dự kiến nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Ngày 9-1-1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp và mời các đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Lê Trọng Tấn, Hoàng Văn Thái dự để quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và xác định trọng tâm là mở chiến dịch Tây Nguyên. Hội nghị đã thảo luận, phân tích sâu sắc tình hình, nhiệm vụ và thống nhất chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu, trong đó Buôn Ma Thuột là mục tiêu tiến công đầu tiên mở màn chiến dịch .

Khu ủy và Quân khu ủy 5 đã chỉ đạo thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Giữa tháng 1-1975, Khu ủy và Quân khu ủy họp, đồng chí Võ Chí Công chủ trì hội nghị và kết luận chủ trương kế hoạch quân sự năm 1975: động viên nỗ lực cao nhất của quân và dân toàn Khu, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị, kết hợp ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng chiến lược nhằm tiêu diệt bộ phận quan trọng lực lượng quân sự địch, phá vỡ từng khu vực, từng đoạn hệ thống phòng ngự cơ bản của địch, đẩy mạnh du kích chiến, nhất là vùng

sâu, tích cực đánh phá giao thông, kho tàng, căn cứ, đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định của địch, giành đại bộ phận nông thôn, tạo nên một chuyển biến cơ bản trong so sánh lực lượng có lợi cho ta, là điều kiện cơ bản nhất để tiến lên tấn công và nổi dậy mạnh hơn nữa, giành thắng lợi hoàn toàn.

Đồng chí Võ Chí Công rất quan tâm chỉ đạo phương châm hoạt động phải thể hiện được tư tưởng tấn công: táo bạo, vững chắc, kiên quyết, chủ động, linh hoạt sắc bén, kịp thời giành thắng lợi to lớn trước mắt, chuẩn bị tốt mọi mặt cho nhiệm vụ tiếp theo .

Đồng chí rất chú trọng tư tưởng chỉ đạo tác chiến: vận dụng sáng tạo tư tưởng tiến công liên tục toàn diện, tập trung trọng điểm vào đối tượng và đơn vị chủ yếu. Nắm vững tư tưởng đánh tiêu diệt, đánh chắc thắng, tấn công với chất lượng cao, hiệu quả chiến đấu lớn; giữ bí mật và tạo thế bất ngờ trước, trong và cả quá trình tiến công; phối hợp chặt chẽ giữa quân sự và chính trị, tiến công và nổi dậy; phối hợp chặt chẽ giữa các chiến trường; đánh địch cả trong và ngoài công sự, cả trên giáp ranh, đồng bằng, ven biển và thành thị; đánh địch lúc nó dàn mỏng, căng kéo chia cắt địch, phá co cụm, đồng thời sẵn sàng tiêu diệt co cụm lớn của địch; tiến công phía trước là chủ yếu nhưng đồng thời phải xây dựng bảo đảm hậu phương phía sau .

Khu ủy, Quân khu 5 tập trung lãnh đạo công tác chuẩn bị chiến dịch về tổ chức lực lượng, tăng cường 1 sư đoàn cho hướng chủ yếu của Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh lần lượt đưa vào Tây Nguyên sư đoàn 968, sư đoàn 316, trung

đoàn 95b (sư 325), trung đoàn cao xạ 232, trung đoàn công binh 575, 1 tiểu đoàn đặc công, 1 tiểu đoàn cầu phà, 1 tiểu đoàn và 1 đại đội thông tin, 1 tiểu đoàn vận tải, 1 đại đội trinh sát, 1 trung đội khí tượng, 3 trạm sửa chữa xe, pháo, 1 đội điều trị và 8.000 quân bổ sung .

Các tỉnh Quảng Đà (Quảng Nam - Đà Nẵng), Quảng Ngãi, Bình Định lần lượt thành lập các trung đoàn địa phương 96, 94, 93. Tỉnh đội Quảng Đà tổ chức ba mũi thọc sâu, mỗi mũi gồm 2 đại đội bộ binh và 1 đại đội hoặc 1 tiểu đoàn đặc công cho nhiệm vụ tiến công vào trung tâm Đà Nẵng. Lực lượng vũ trang được sắp xếp thay nhau huấn luyện bổ sung, đạt được thống nhất về tư tưởng, nhận thức về tình hình nhiệm vụ, thống nhất kiên định chiến dịch, chiến thuật, cách đánh.

Hoàn thành công tác chuẩn bị chiến trường. hoàn thành công tác bảo đảm với chỉ đạo quyết tâm cao của Khu ủy, Quân khu ủy huy động tối đa nhân tài, vật lực: tiếp nhận chi viện của Trung ương vận chuyển cho các kho chiến dịch 1.870 tấn vũ khí, 713 tấn lương thực đến các kho đồng bằng, 44.232 tấn vũ khí và 10.225 tấn lương thực đến các kho ở Tây Nguyên, vận chuyển 8.554 tấn lương thực thu mua và sản xuất tại chỗ đến các kho ở đồng bằng phục vụ chiến dịch.

Chính ủy Quân khu chỉ đạo toàn diện mọi mặt bảo đảm cho chiến dịch thắng lợi. Phát động tư tưởng động viên khí thế ra quân với quyết tâm cao nhất, khắc phục các biểu hiện ngại ác liệt, lâu dài. mệt mỏi, thiếu niềm tin vào thắng lợi của cán bộ, chiến sĩ.

Khu ủy, Quân khu ủy chỉ đạo các tỉnh ra nghị quyết lãnh đạo, động viên sự nỗ lực cao nhất của Đảng bộ, lực lượng vũ trang, nhân dân các dân tộc trong tỉnh cùng với quân chủ lực Khu và Bộ thực hiện mục tiêu tiêu diệt bộ phận quan trọng sinh lực địch, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực chuẩn bị phối hợp chiến đấu và sẵn sàng nổi dậy tiêu diệt địch giành quyền làm chủ. Các tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo tiền phương, Ban Lãnh đạo khởi nghĩa, củng cố lại các đội quân đấu tranh chính trị và bí mật đưa những người cốt cán vào các thị xã, thành phố thực hiện vận động binh biến trong ngụy quân, ngụy quyền.

Chiến dịch Tây Nguyên với việc chọn Ban Ma Thuột làm mục tiêu chủ yếu đã mở màn chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Phối hợp với tiến công Buôn Ma Thuột là chiến dịch tiến công Tiên Phước - Tam Kỳ (Quảng Nam). Phương án mở chiến dịch Tây Nguyên được Khu ủy và Quân khu ủy, trực tiếp do đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo chặt chẽ, bàn bạc kỹ thông qua. Xác định chiến trường Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng có ý nghĩa sống còn, là cái lá chắn che chở toàn bộ vùng duyên hải miền Trung và cả miền Đông Nam Bộ, địch tập trung toàn bộ lực lượng quân đoàn 2 và một lực lượng tổng dự bị hình thành tập đoàn phòng ngự mạnh để đối phó với ta. Nhưng với những thắng lợi liên tiếp của ta những năm trước, thế trận phòng ngự của địch ngày càng bị thu hẹp và bị cô lập. Về chiến lược, một khi ta tiến công cắt dứt đường 19, 21 và 14, địch sẽ bị nguy khốn, nhất là trong điều kiện phương tiện chiến tranh của chúng đã bị hạn chế

nhiều để bảo vệ Buôn Ma Thuột là đề xuất của đồng chí Võ Chí Công tại Hội nghị Bộ Chính trị tháng 1-1975. Chỉ đạo quán triệt sâu sắc quyết tâm chiến lược của Đảng, quan điểm bạo lực cách mạng và tư tưởng tiến công, lực lượng vũ trang Tây Nguyên đã tập trung toàn bộ lực lượng chủ lực B3 và lực lượng Bộ mới tăng cường vào gồm các sư đoàn: 10, 320, 316,968, 4 trung đoàn độc lập: 95a, 95b,25a và 198 đặc công do Bộ trực tiếp chỉ huy, diệt một bộ phận quan trọng lực lượng quân đoàn 2, diệt 1-2 sư đoàn cơ động, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân đồn trú, giải phóng hoàn toàn Nam Tây Nguyên .

Ngày 25-1-1975, tại Sở chỉ huy tiền phương Bộ ở Tây Nguyên, Đại tướng Văn Tiến Dũng thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh đọc quyết định thành lập Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên do đồng chí Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh, đồng chí Đặng Vũ Hiệp làm Phó Chính ủy. Khu ủy 5 cử đồng chí Bùi San đại diện Ban Thường vụ Khu ủy cùng bộ phận cơ quan Khu ủy chỉ đạo Tây Nguyên từ trước cùng với các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum, Phú Bổn, Quảng Đức tham gia Đảng ủy mặt trận. Để trực tiếp chỉ đạo quân dân trong tỉnh phối hợp tác chiến, sau khi được thành lập, Đảng ủy Bộ Tư lệnh chiến dịch đã nhanh chóng quán triệt nhiệm vụ và xây dựng quyết tâm chiến dịch. Căn cứ nhiệm vụ được giao, Bộ Tư lệnh chiến dịch xác định quyết tâm và kế hoạch chiến dịch, tư tưởng chỉ đạo cách đánh: chia cắt, vây hãm, vừa tiến công đột phá vừa bí mật nghi binh, cô lập quân địch ở Tây Nguyên với đồng bằng Khu 5, chủ yếu là

cắt tập đoàn phòng ngự địch ở Kon Tum, Plâycu, nhử địch và hãm chúng ở đó, làm cho Buôn Ma Thuột sơ hở, thuận lợi cho ta tiêu diệt. Đây là những kinh nghiệm của đồng chí Võ Chí Công về vận dụng cách đánh truyền thống, kết hợp với cách đánh chính quy hiện đại trong nghệ thuật tác chiến chiến dịch: phải bảo đảm bí mật, phải nghi binh lừa địch, lôi địch ra ngoài, buộc chúng đánh theo cách đánh của ta.

Ngày 25-2-1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chính thức phê chuẩn quyết tâm, kế hoạch của Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên. Quyết tâm chiến đấu của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên được cấp trên thông qua là quyết tâm của một quá trình gian khổ, lâu dài, chuẩn bị cho trận quyết chiến cuối cùng của quân và dân Khu 5, thể hiện ý chí thống nhất quyết tâm và niềm tin tất thắng của quân và dân Tây Nguyên và của Khu 5. Đến đây, mọi công tác chuẩn bị cho chiến dịch đã được hoàn tất. Ngày 4-3, chiến dịch Tây Nguyên chính thức bắt đầu. Từ ngày 4 đến ngày 9-3-1975, ta tổ chức nghi binh tạo thế, triển khai lực lượng, chia cắt chiến dịch, tạo điều kiện đánh Buôn Ma Thuột. Qua thời gian nghi binh, ta đã làm cho địch tin chắc ta sẽ đánh Plâycu. Đòn nghi binh của ta đã có kết quả. 1 giờ 55 phút ngày 10-3, cuộc tiến công vào mục tiêu then chốt Buôn Ma Thuột bắt đầu. Do tính chất sống còn không chỉ ở Tây nguyên mà cả miền Nam nên quân địch đánh trả quyết liệt. Để trận đánh mở màn giành thắng lợi quyết định, Đảng ủy Bộ Tư lệnh chiến dịch đã động viên

bộ đội phát huy yếu tố bất ngờ, hành động táo bạo, dũng mãnh tiến công liên tục. Sau 33 giờ chiến đấu kiên cường, người trước ngã xuống, người sau tiếp tục xông lên, đến 10 giờ ngày 11-3-1975 trận then chốt thứ nhất của chiến dịch đã thành công, thị xã Buôn Ma Thuột được giải phóng. Một trận "điểm đúng huyệt" làm rối loạn sự chỉ đạo chiến lược và đảo lộn thế phòng thủ của địch ở Tây Nguyên, mở đầu cho cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đúng với sự chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy, Quân Khu ủy 5, trong đó có vai trò to lớn của đồng chí Võ Chí Công.

Chiến thắng Buôn Ma Thuột đã tạo thêm cơ sở cho Bộ Chính trị quyết định chỉ đạo giải phóng miền Nam sớm hơn dự định "trước đây ta dự kiến 2 năm giải phóng miền Nam, nay có Phước Long, Buôn Ma Thuột, ta có thể đánh mạnh hơn, đây phải chăng là bước đầu của cuộc tiến công chiến lược nên suy nghĩ ".

Cùng với chiến dịch Tây Nguyên, Khu ủy, Quân khu ủy chỉ đạo mở chiến dịch Nam - Ngãi (Quảng Nam - Quảng Ngãi) với hướng chủ yếu là nam Quảng Nam và tây bắc Quảng Ngãi. Khu ủy chủ trương mở chiến dịch Tiên Phước - Phước Lâm nhằm phối hợp hoạt động tiến công cùng lúc với bộ đội chủ lực và quân dân Tây Nguyên. Tiên Phước - Phước Lâm là hai quận lỵ nằm về phía tây tỉnh Quảng Nam, cách tây thị xã Tam Kỳ 25 km, một thung lủng rộng chừng 200 km^2 làng mạc xen kẽ với đồi núi, sông, suối, được bao bọc bởi dãy núi cao liên hoàn, địch đóng ở đây có khoảng 8.000 tên, tổ chức thành ba cụm phòng thủ: chi khu quân sự và quận lỵ Tiên Phước, chi

khu quân sự và quân lỵ Phước Lâm và dãy điểm cao suối đá gồm tất cả 77 cứ điểm. Trong ba khu vực phòng thủ trên, chi khu quận lỵ Tiên Phước là khu vực phòng thủ then chốt. Tiên Phước có những điểm cao lợi hại như điểm cao 217, núi Vá, núi Ngọc, Dương Côn. Mất Tiên Phước coi như khu vực phòng thủ của địch khó giữ vững. Nơi đây còn là vùng có bọn Quốc dân Đảng gian ác khét tiếng. Ta chọn Tiên Phước - Phước Lâm để mở màn chiến dịch ở đồng bằng vì đây là vùng địch cắm sâu vào vùng ta, ta có điều kiện bao vây, chia cắt để tiêu diệt triệt để trong thế trận chiến dịch của toàn Khu. Đồng chí Võ Chí Công cùng với Quân khu ủy nắm kỹ khu vực này. Trước đó, nhiều lần ta tiến công khu vực này nhưng không thành, thời cơ lúc này đủ điều kiện để ta giành thắng lợi.

Đồng chí Võ Chí Công cùng Khu ủy, Quân khu ủy 5 chỉ đạo giao cho tỉnh Quảng Nam tổ chức lực lượng phối hợp với chủ lực Quân khu có sư đoàn 2, tiểu đoàn 10 (trung đoàn 36), lữ đoàn 52 (thiếu tiểu đoàn 6), trung đoàn 90 vệ binh Quân khu và một bộ phận pháo xe kéo thực hiện mục tiêu tiến công tiêu diệt một bộ phận quan trong sinh lực địch, giải phóng quận lỵ Tiên Phước - Phước Lâm và các vùng tây Thăng Bình, bắc Tam Kỳ và tạo thế bao vây tỉnh Quảng Nam phối hợp nhịp nhàng chia lửa cùng chiến dịch Tây Nguyên. Mọi công tác chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành khẩn trương và chu đáo. Đồng chí Võ Chí Công thông qua phương án kế hoạch tác chiến chiến dịch Tiên Phước - Phước Lâm của tỉnh Quảng Nam và trực tiếp theo dõi chỉ đạo quá trình chiến đấu tại đây.

Từ ngày 3 đến ngày 9-3-1975, Quân khu ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ đạo đơn vị đặc công, bộ đội địa phương trên các hướng khác tiến công nhằm đánh phá kho tàng, đánh cắt đường giao thông, kéo căng, kìm giữ quân địch trên các hướng, tạo thế cho tiêu diệt mục tiêu theo kế hoạch. Theo phương án đã được xác định, đúng 3 giờ 30 phút (sau hơn 1giờ mở màn tiến công Buôn Ma Thuật), chiến dịch tiến công Tiên Phước - Phước Lâm bắt đầu. Sau 12 giờ chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, lực lượng ta đã tiêu diệt 77 cứ điểm, phá 33 ấp chiến lược và 10 khu dồn dân, giải phóng quận lỵ Tiên Phước, bức rút quận lỵ Phước Lâm, giải phóng một khu hoàn chỉnh gồm 2.000 dân. Thắng lợi của chiến dịch Tiên Phước - Phước Lâm đã hoàn thành mục đích lớn là hạn chế quân địch chi viện cho mục tiêu chính Buôn Ma Thuột.

Chiến dịch mở màn ở Khu 5, quân ta đánh chiếm Buôn Ma Thuột buộc địch phải rút bỏ Tây Nguyên, tình thế mới đã xuất hiện, đúng như nhận định đánh giá của đồng chí Võ Chí Công báo cáo với Bộ Chính trị khi xác định mục tiêu tiến công Buôn Ma Thuột. Trên mặt trận phía bắc, quân ta thắng lợi tại mặt trận Quảng Trị, Huế buộc toàn bộ quân địch phải chạy về co cụm và cố thủ Đà Nẵng, trong tình trạng hỗn quân, hỗn quan, hoang mang dao động cao độ. Thời cơ có một không hai đã xuất hiện. Đồng chí Võ Chí Công đề nghị với Trung ương cho phép đánh và giải phóng ngay Đà Nẵng vì đã có đủ điều kiện chín muồi để giành thắng lợi. Đồng chí điện chỉ đạo các đồng chí trong Khu ủy, Quân khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu không

thực hiện phương án cũ đánh về phía nam mà chớp thời cơ nhanh chóng chuyển ngay ra phía bắc đánh vào Đà Nẵng. Ngày 18-3-1975, đồng chí Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị đồng ý và xác định: "Nếu thấy làm được thì giải phóng Đà Nẵng đi". Được sự nhất trí của Bộ Chính trị, đồng chí Võ Chí Công đã chỉ đạo cho Bộ Tư lệnh Quân khu chuyển sư đoàn 2 của Quân khu do đồng chí Nguyễn Chơn chỉ huy đánh sư đoàn 2 ngụy ở Tam Kỳ (Quảng Nam) tiến ra đánh Đà Nẵng. Từ ngày 24-3-1975, khi chiến dịch Trị Thiên và chiến dịch Nam Ngãi còn chưa kết thúc, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã nhận thấy tình hình khi địch đã mất Huế và Tam Kỳ thì chúng muốn giữ Đà Nẵng cũng không giữ nổi. Bộ Chính trị khẳng định: "Thời cơ chiến lược lớn đã đến" và hạ quyết tâm của ta là nắm vững thời cơ chiến lược, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung mọi lực lượng vào hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa. Ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch Đà Nẵng nhằm tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân địch co cụm tại đây. Bộ Chính trị quyết định thành lập Đảng ủy và Bộ Tư lệnh mặt trận Quảng Đà do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân làm Chính ủy. Do tình hình diễn biến mau lẹ, khẩn trương, hai đồng chí Tư lệnh và Chính ủy trao đổi chỉ đạo phương án tác chiến giải phóng Đà Nẵng qua điện đài và chỉ đạo công tác chuẩn bị ngay trong quá trình hành quân. Ngày 26-3-1975, Đảng ủy quân đoàn 2 và Quân khu ủy 5 nhận điện

của Bộ Chính trị chuẩn bị ngay lực lượng: "Hành động táo bạo bất ngờ làm cho địch không kịp trở tay, tập trung lực lượng tiêu diệt sinh lực địch ở Đà Nẵng, chủ yếu là sư đoàn thủy quân lục chiến và sư đoàn 3 ngụy, giành thắng lợi trong trận quyết chiến này, tạo điều kiện cho trận quyết chiến chiến lược sau".

Chiến dịch giải phóng Đà Nẵng đã sớm xuất hiện trong tư duy, suy nghĩ của đồng chí Võ Chí Công, một người lãnh đạo gắn bó, lặn lội, gian khổ suốt nhiều năm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, từng chỉ đạo nhiều chiến dịch, nhiều trận đánh với tư tưởng chỉ đạo giành thắng lợi từng bước, thắng lợi từng phần đến thắng lợi hoàn toàn. Chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, trong những trận đánh cuối cùng, đồng chí Võ Chí Công cùng với Khu ủy, Quân khu ủy 5 đã chỉ đạo quân và dân Khu 5 tham gia chiến dịch với tinh thần quyết tâm cao nhất. Ngày 26-3-1975, đồng chí Võ Chí Công trực tiếp về Đặc khu ủy Quảng Đà chỉ đạo thực hành phương án chiến dịch, tiến công giải phóng Đà Nẵng. Đặc khu ủy Quảng Đà chỉ đạo các cánh quân của mặt trận phối hợp với lực lượng của Khu cơ động nhanh áp sát Đà Nẵng, đồng thời chỉ đạo các lực lượng quần chúng nổi dậy giành chính quyền, giành quyền làm chủ. Thời khắc lịch sử đã điểm, đúng 5 giờ 30 phút ngày 28-3-1975 ta bắt đầu nổ súng tiến công Đà Nẵng. Pháo binh đánh phá sân bay Đà Nẵng, lực lượng bộ binh đánh theo kế hoạch hiệp đồng từ ba hướng nam, tây nam và hướng tây, hai tiểu đoàn của Trung đoàn Ba Gia và Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 31 đánh tiêu diệt và làm chủ

sân bay Đà Nẵng lúc 12 giờ ngày 29-3-1975. Tiểu đoàn 40 vượt sông Cẩm Lệ, phát triển về phía đông, gặp chốt chặn 1 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ nhưng trước sức tiến công của quân ta, địch hoàn toàn tan vỡ, ta bắt được 310 tên, thu 1 xe bọc thép. Sử dụng xe bọc thép thu được của địch, tiểu đoàn 40 vận động tiến nhanh về sở chỉ huy quân đoàn 1 ngụy, địch đã bỏ chạy, đúng 12 giờ ngày 29-3-1975, lá cờ quyết thắng của ta tung bay trên đỉnh cột cờ giữa trung tâm chỉ huy quân đoàn 1 ngụy. Phối hợp với tiến công sư đoàn 2, trung đoàn 961 và đội biệt động Lê Độ đánh chiếm tòa thị chính, quận lỵ, thị trấn, đài phát thanh...ở phía đông, trung đoàn 97 địa phương Quảng Đà đánh chiếm thị xã Hội An, Non Nước, sân bay Nước Mặn. Trung đoàn 38 (sư đoàn 2), sau khi đánh chiếm thị trấn Vĩnh Điện, cắt đường về hướng Mỹ Khê, phối hợp với Trung đoàn 97 tiêu diệt các đơn vị lính thủy đánh bộ ngụy dồn về đây tháo chạy bằng đường biển. Phối hợp với các cánh quân phía nam, ngày 28-3, quân đoàn 2 đánh chiếm đèo Hải Vân và tổ chức các trận địa pháo khống chế một số mục tiêu của địch trong thành phố. Ngày 29-3, cùng với sư đoàn 2 và lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Đà ở phía nam, quân đoàn nhanh chóng đánh chiếm Thủy Tú, Nam Ô, cảng Phú Lộc. Mũi xe tăng, xe bọc thép thọc sâu tiến đến ngã ba Huế và phát triển đến ngã ba Cai Lang, lúc này các mục tiêu trong toàn thành phố đã có quân ta chiếm giữ, cánh quân quân đoàn 2 tiến qua cầu Trịnh Minh Thế phát triển đánh chiếm bán đảo Sơn Trà và bắt liên lạc với trung đoàn 38 (sư đoàn 2), cùng lực lượng vũ trang Quảng Đà đánh

chiếm khu hải quân ngụy. Cuộc hội quân giữa hai cánh quân phía bắc và phía nam gặp nhau trên bán đảo Sơn Trà diễn ra vào lúc 15 giờ ngày 29-3-1975. Ở phía tây, sư đoàn 304 quân đoàn 2 từ Thượng Đức tiến xuống đánh chiếm dãy Xương Gà, thị trấn Ái Nghĩa, theo đường 14 đánh chiếm quận lỵ Hiệp Đức, trường huấn luyện tân binh Hòa Cầm và hội quân với trung đoàn Ba Gia sư đoàn 2 tại sân bay Đà Nẵng lúc 13 giờ ngày 29-3-1975. Có thể thấy, dù không có thời gian thông qua phương án hợp đồng tác chiến các quân binh chủng, nhưng theo phương án tác chiến, các đơn vị đã quán triệt sâu sắc và cụ thể đến từng đơn vị. Đồng chí Võ Chí Công rất kinh nghiệm khi chỉ đạo kế hoạch tác chiến theo phương châm chớp thời cơ, không bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt địch.

Đà Nẵng được hoàn toàn giải phóng, làm tan rã hơn 100.000 quân địch, trong đó bộ tư lệnh quân đoàn 1 cơ quan quân sự lớn nhất của Mỹ ở miền Trung Đông Dương đã bị đánh chiếm. Quân khu 1 bị xóa sổ làm cho quân ngụy Sài Gòn bị suy sụp, âm mưu co cụm chiến lược bị đổ vỡ, đẩy địch vào thế thất bại hết sức nghiêm trọng không gì cứu vãn nổi, thúc đẩy thế tiến lên tất thắng của quân và dân ta. Thắng lợi trong chiến dịch giải phóng Đà Nẵng đã tạo thế và lực cho quân và dân ta tiến về Sài Gòn thực hiện trận quyết chiến cuối cùng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thừa thắng, các binh đoàn chủ lực của ta phát triển tiến công về các tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung. Các đảng bộ địa phương đã lãnh đạo nhân dân phối hợp với bộ

đội vùng lên giành quyền làm chủ. Ngày 1-4, giải phóng thị xã Quy Nhơn và thị xã Tuy Hòa; ngày 2-4, giải phóng thành phố Nha Trang; ngày 3-4, giải phóng đảo Cam Ranh và cũng là ngày toàn bộ Khu 5 được hoàn toàn giải phóng.

Giải phóng các tỉnh Khu 5 tạo ra thuận lợi cho quân đoàn 2, quân đoàn 3 và sư đoàn 3 và lữ đoàn 52 của Khu 5 tiến quân thần tốc cùng quân dân miền Nam thực hiện thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Cùng với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, sư đoàn 2 Quân khu 5 phối hợp với lực lượng hải quân giải phóng quần đảo Trường Sa vào ngày 29-4-1975. Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ngoài sư đoàn 3 và lữ đoàn 52, Khu ủy và Quân khu ủy đã chỉ đạo huy động nhân dân sửa đường, bắc cầu cho bộ đội hành quân thần tốc tiến về Sài Gòn, Quân khu 5 đã huy động hàng ngàn xe cơ giới, chuyển hàng ngàn tấn lương thực thực phẩm, vũ khí phục vụ chiến dịch. Hoàn thành giải phóng Khu 5, chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, đồng chí Võ Chí Công cùng Khu ủy 5 chỉ đạo quân dân Khu 5 nhanh chóng ổn định tình hình, lập lại an ninh trật tự, bảo đảm sinh hoạt bình thường cho nhân dân, quản lý tù hàng binh, kêu gọi tàn quân còn lẩn trốn ra trình diện, xây dựng chính quyền, xây dựng các đoàn thể nhân dân... Hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Đà Nẵng, đồng chí Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị khen ngợi: "Giải phóng Đà Nẵng sớm hơn kế hoạch, quân dân ta sẽ đánh như chẻ tre tiến về giải phóng Sài Gòn và giải phóng hoàn toàn miền Nam". Kỷ niệm 25 năm ngày giải phóng Đà Nẵng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp phát biểu: "Giải

phóng Đà Nẵng chứng minh lãnh đạo chiến trường Khu 5 năng động, sáng tạo, phát động thực hiện cao độ chiến tranh nhân dân giành được thắng lợi quyết định".

Thắng lợi mùa Xuân năm 1975 của quân và dân Khu 5 là thắng lợi vẻ vang của truyền thống đấu tranh chống đế quốc xâm lược và là bản anh hùng ca bất diệt trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Thắng lợi bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, trực tiếp là Khu ủy, Quân khu ủy 5 với người đứng đầu là đồng chí Võ Chí Công. Với vai trò lớn lãnh đạo cao nhất ở Khu 5, suốt cuộc đời tham gia cách mạng gắn bó với mảnh đất Khu 5, thấu hiểu hoàn cảnh đất nước bị xâm lược, chứng kiến nỗi khổ nhục của người dân bị mất nước đã tôi luyện ý chí, nghị lực hướng đến một con đường duy nhất là làm cách mạng để giải phóng quê hương, giải phóng dân tộc. Đây là nguyện vọng thiết tha nhất, mong muốn tột cùng của đồng chí Võ Chí Công và để thực hiện ước nguyện đó, đồng chí đã toàn tâm, toàn ý, toàn lực thực hiện cho bằng được chiến dịch giải phóng Đà Nẵng, tham gia chỉ đạo thực hiện quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trưởng thành qua các cương vị lãnh đạo chỉ huy đơn vị lực lượng vũ trang từ thấp đến cao đã giúp đồng chí có nhiều kinh nghiệm chỉ đạo chiến dịch sắc sảo, từ khâu tổ chức lực lượng, giáo dục tư tưởng tinh thần quyết tâm, sử dụng lực lượng, tổ chức hợp đồng chặt chẽ quân binh chủng, giải quyết cách đánh, đón thời cơ, chớp thời cơ hành động đúng lúc giành thắng lợi quyết định.

Là Bí thư Khu ủy 5 đồng chí đã đồng chí đã cùng với Khu ủy lãnh đạo huy động sức mạnh chiến tranh nhân dân, tập hợp mọi lực lượng, mọi cơ sở vật chất phục vụ chiến dịch đã tạo nên sức mạnh to lớn thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

Là Bí thư Quân khu ủy 5, đồng chí rất chú trọng lãnh đạo lực lượng vũ trang về tư tưởng, tổ chức và chính sự quan tâm này đã giúp đồng chí xây dựng được một lực lượng ba thứ quân, luôn trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, xây dựng được các đơn vị lực lượng vũ trang vững mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên trưởng thành từ thực tiễn chiến đấu rất dũng cảm, ngoan cường, tham gia chiến dịch với tinh thần quyết chiến, quyết thắng.

Thắng lợi trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 ở Khu 5 đã khẳng định vai trò to lớn của người đứng đầu Khu ủy, Quân khu ủy - đồng chí Võ Chí Công. Ngày nay, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu và lực lượng vũ trang Quân khu 5 tiếp thu và kế thừa phát huy truyền thống tốt đẹp của cha anh, ra sức học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ lãnh đạo, chỉ huy, tổ chức thực hiện xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu vững mạnh làm nòng cốt xây dựng phát triển nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc đáp ứng mọi yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

NHỮNG CẢM NHẬN VỀ VÕ CHÍ CÔNG QUA HỒI KÝ CỦA ÔNG

TS. NGÔ VĂN HÙNG*

Võ Chí Công tên thật là Võ Toàn, sinh ngày 7-8-1912 trong một gia đình và quê hương giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Từ năm lên 13 tuổi, ông đã đi dự các hoạt động yêu nước như đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu, tổ chức truy điệu và để tang Phan Chu Trinh. Sau khi Đảng bộ Quảng Nam thành lập vào tháng 3-1930, thì đến tháng 5-1930 - khi chưa đầy 18 tuổi, ông bắt đầu tham gia cách mạng, hoạt động tại địa phương. Năm 1935, ông được chính thức kết nạp vào Đảng ở chi bộ Tam Mỹ, Tam Kỳ. Đến tháng 2 - 1936, làm Bí thư Chi bộ ghép Khương Mỹ, Danh Sơn, Mỹ Sơn. Sau đó là Tổng ủy viên tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ (1936-1929), Phủ ủy Tam Kỳ (9-1939), Bí thư Phủ ủy (1-1940), Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam (1940), Bí thư Liên Tỉnh ủy - Thành ủy Quảng Nam, Hội An, Đà Nẵng (1942, 1943).

* Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.

Tháng 10-1943, ông bị địch bắt và bị kết án chung thân rồi bị đày lên nhà đày Buôn Ma Thuột. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương, ông ra tù và tiếp tục hoạt động cách mạng, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Sau đó, ông lên công tác tại Khu 5. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ông giữ những cương vị quan trọng của Liên khu 5 và Trung ương Cục miền Nam: ủy viên Ban Thường vụ Liên khu ủy (1954-1955), Phó Bí thư Liên khu ủy 5 (1956-1958), Bí thư Liên khu ủy (1959-1961), Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1961), Phó Bí thư Trung ương cục miền Nam, Bí thư Khu ủy 5 (từ tháng 10-1964 đến ngày nước nhà thống nhất năm 1975). Sau ngày thống nhất đất nước, ông được Đảng và Nhà nước giao nhiều trọng trách: Phó Thủ tướng Chính phủ, ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng...

Là lớp người thuộc thế hệ con cháu, chúng tôi rất tự hào quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng có một người con ưu tú, Đảng và Nhà nước ta có một người chiến sĩ cách mạng kiên cường, một nhà lãnh đạo xuất sắc - đó là Võ Chí Công. Cuộc đời hoạt động cách mạng của ông luôn gắn với lịch sử của đất nước qua các thời kỳ, kể từ khi có Đảng lãnh đạo. Qua những tư liệu, sách mà chúng tôi đọc được, nhất là tập Hồi ký *Trên những chặng đường cách mạng* của Võ Chí Công chúng tôi có một số cảm nhận về ông sau đây:

1. Ông là người sớm am hiểu phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá và vận dụng sáng tạo trong công tác

Cha Võ Chí Công là Võ Nghiệm (tức Võ Dương) một trong những thành viên cốt cán của nhóm hoạt động cách mạng của phong trào yêu nước, bị bắt tù đày trong cuộc chính biến Duy tân năm 1916 tại phủ Tam Kỳ. Sau đó, tham gia hoạt động cách mạng và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong Hồi ký của mình, Võ Chí Công kể nhiều về người cha của mình đã giáo dục ông lòng yêu nước ngay từ lúc nhỏ. Khi Võ Toàn đến tuổi thanh niên, trình độ hiểu biết có được nâng lên; vì vậy, tuy là cha con, nhưng như bạn tâm giao, nên thường tâm sự, bàn luận, có khi còn tranh luận với người cha về những vấn đề trong sách vở hoặc ngoài đời. Trong Hồi ký của mình, ông kể: "Ông hay luận về triết học Khổng - Mạnh, tôi tuy hiểu biết về lĩnh vực này còn rất kém, nhưng có biết phần nào về duy vật lịch sử và phép biện chứng mà dám tranh luận với ông về Khổng Tử, một triết gia lớn đã để lại một di sản lớn"[1].

Cũng trong Hồi ký, Võ Chí Công kể về công tác truyền bá chủ nghĩa Mác -Lênin của mình đối với người chú của mình như sau: "Chú Lộc cũng như nhiều người giác ngộ cách mạng dân tộc trước đây, vốn yêu nước nên dễ chịu ảnh hưởng và tiếp thu dòng tư tưởng mới. Lúc tôi còn thiếu niên, bắt đầu giác ngộ cách mạng dân tộc cũng do

---

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd,* tr. 24-25.

nhờ các ông kể chuyện, đọc thơ văn đánh Tây cứu nước. Khi tôi giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa, vì ở tuổi thanh niên có điều kiện học tập, đọc sách báo hơn, nên xin mạn phép nói rằng: "Nhận thức mới hơn, hiểu biết hơn các ông, nên tôi là người giải thích chủ nghĩa xã hội, trước là đánh đổ đế quốc, phong kiến, giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ, tạo điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chú cho tôi là người đem chủ nghĩa xã hội đến với chú và bảo tôi kể chuyện cách mạng trong nước, cách mạng Trung Quốc, Liên Xô và thế giới cho chú nghe. Tôi tuy hiểu biết các vấn đề này còn hạn chế, nhưng mạnh dạn trình bày"[1]. Trong thời kỳ 1936 - 1939, Võ Chí Công đã dành phần lớn thời gian đi tuyên truyền cách mạng, trong đó có nhiều người là bậc trí thức, nhà nho, các thầy đông y là bạn hữu của người chú của mình.

2. Ông là người theo chủ nghĩa Mác - Lênin chân chính, phê phán giáo điều

Trong khoảng thời gian từ tháng 3-1953 đến tháng 7-1954, Võ Chí Công được điều động ra miền Bắc tham gia giảm tô và cải cách ruộng đất tại tỉnh Phú Thọ. Từ thực tiễn, Võ Chí Công nhận thấy việc giảm tô, chia ruộng đất cho nhân dân là thực hiện đúng đắn đường lối cách mạng của Đảng để bảo đảm quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân, tạo sự đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, cũng từ trong

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd*, tr. 43.

thực tiễn cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, Võ Chí Công nhận thấy có biết bao cán bộ, đảng viên, thậm chí huyện ủy viên, tỉnh ủy viên tốt bị xử lý oan, đây là tổn thất quá lớn. Và ông rút ra kết luận: "Phương pháp thực hiện cải cách ruộng đất rất giáo điều, cường điệu và đấu tố tràn lan rất ác liệt, mà tập quán xã hội Việt Nam không hề có những hành động như vậy"[1]. Chính vì vậy, sau này trong lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết vấn đề ruộng đất trong thời chiến ở miền Nam, ông đã đề xuất làm cách khác, được nhân dân hoan nghênh, theo Đảng làm cách mạng giải phóng dân tộc. Ông viết: " Tôi rút kinh nghiệm của các đợt giảm tô, cải cách ruộng đất ở miền Bắc, cho nên có một lần Trung ương Cục họp nêu vấn đề giải quyết ruộng đất ở miền Nam đã thực hiện theo cách khác... Quá trình giải phóng nông thôn đến đâu, chúng tôi giải quyết ruộng đất cho nông dân đến đó... Chúng tôi chỉ đạo các cấp vận động địa chủ, phú nông hiến ruộng đất hẳn, hoặc giao cho nông dân một vài thửa ruộng, nhưng họ hiến hết.Còn địa chủ phản động thì cách mạng tịch thu ruộng đất giao cho nông dân. Kết quả là đem lại ruộng đất cho nông dân mà không tốn công, tốn của, không gây không khí chính trị căng thẳng..."[2].

3. Ông là người lãnh đạo luôn dự báo tình hình chính xác, nắm lấy thời cơ, ra quyết định kịp thời để giành thắng lợi

Về lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

1, 2. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd*, tr.142, 145-146.

trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Quảng Nam, trong Hồi ký của mình Võ Chí Công kể rằng, vào lúc 4 giờ chiều ngày 13-8-1945, trong lúc Tỉnh ủy đang họp để lãnh đạo Tổng khởi nghĩa, thì có đồng chí ở Đà Nẵng vào cấp báo rằng: "ngày 10-8-1945, Chính phủ Nhật đã đầu hàng, ngày 14 - 8, Nhật hoàng công bố Nhật đầu hàng không điều kiện Liên Xô và quân Đồng minh. Được tin này, *căn cứ vào nguyên lý của Lênin về khởi nghĩa vũ trang*, Hội nghị Tỉnh ủy đã nhận định rằng thời cơ giành chính quyền đã đến: quân Nhật ở Đông Dương hoang mang, tê liệt, như rắn không đầu; chính quyền bù nhìn thân Nhật bất lực, dao động cao độ không cai trị được nhân dân nữa, phong trào cách mạng lên cao, Đảng lãnh đạo vững vàng, các điều kiện đã đủ, thời cơ khởi nghĩa đã đến, không thể ngồi chờ chỉ thị của Trung ương, của Xứ ủy mà bỏ lỡ thời cơ, cần phải khởi sự kịp thời, không để lỡ mất thời cơ ngàn năm có một"[1]. Với sự vận dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về khởi nghĩa vũ trang, với tinh thần cách mạng chủ động tiến công, nên Quảng Nam là một trong bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

Sau này, trong chỉ đạo ở chiến trường Khu 5 nói chung, trong chiến dịch giải phóng Đà Nẵng (tháng 3-1975) nói riêng, cho thấy, việc dự báo tình hình, nắm lấy thời cơ, ra quyết định kịp thời của ông là yếu tố giành thắng lợi quan trọng, có ý nghĩa quyết định, tạo thời cơ để giải phóng miền Nam. Như chúng ta điều biết, trước thắng lợi giải

---

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd*, tr.87-88.

phóng Tây Nguyên, ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975, tranh thủ giải phóng trước mùa mưa, trước mắt tiêu diệt cho được quân đoàn I, Vùng I chiến thuật của ngụy, cơ quan chỉ huy đóng ở Đà Nẵng. Đà Nẵng là căn cứ liên hợp quân sự lớn nhất, mạnh nhất của địch lúc bấy giờ. Vì thế, theo Võ Chí Công lúc đó, "nếu đủ sức đánh Đà Nẵng phải chuẩn bị một tháng, vì phải đủ lực lượng mạnh, lực lượng dự bị chiến lược của Bộ, chủ lực của Quân khu, của Quảng Đà hình thành thế trận nhiều hướng tiến công". Lực lượng của địch lúc đó có 4 sư đoàn quân chủ lực và các thứ quân địa phương, tổng cộng khoảng 10 vạn, chúng co cụm, cố thủ ở Đà Nẵng. Võ Chí Công nghĩ rằng, "địch trong trạng thái hỗn quân, hỗn quan. Ta thì trong khí thế quân dân náo nức, sục sôi với không khí tưng bừng, không còn cách nào khác, mà chỉ có tốc chiến, tốc thắng để giành thắng lợi". Và Bí thư Khu ủy 5, Võ Chí Công đã ra lệnh chuyển phương án tác chiến và trực tiếp chỉ huy giải phóng Đà Nẵng trong vòng 32 giờ (28 - 29 - 3 - 1975), ông viết: " Theo phương án cũ, sau khi đánh thắng sư đoàn 2 ngụy, sư đoàn 2 của đồng chí Nguyễn Chơn sẽ phát triển về phía nam cùng quân dân Quảng Ngãi tiến công và nổi dậy giải phóng Quảng Ngãi. Trước tình hình thay đổi, tôi điện cho Khu ủy và Quân khu đồng thời ra lệnh cho đồng chí Chơn bỏ phương án cũ mà cấp tốc chuyển ra, đánh vào Đà Nẵng"[1].

---

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd*, tr.277.

4. Võ Chí Công - người lãnh đạo sát thực tế, quyết đoán và chịu trách nhiệm

Từ ngày 12 đến ngày 22-1-1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại thủ đô Hà Nội, ra Nghị quyết 15 để lãnh đạo cách mạng miền Nam. Nghị quyết chỉ rõ: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"[1]. Võ Chí Công lúc đó là Bí thư Khu ủy 5, được triệu tập ra Hà Nội dự Hội nghị. Sau khi dự Hội nghị Trung ương về, ông triệu tập Hội nghị Khu ủy 5 mở rộng để truyền đạt Nghị quyết 15. Võ Chí Công nhớ lại: "Sau Hội nghị này, Khu được báo cáo là tại huyện Trà Bồng, quần chúng đã tự nổi dậy. Huyện Trà Bồng có 12 xã nổi dậy đánh địch càn quét và cướp chính quyền. Tôi được điện của Tỉnh ủy Quảng Ngãi phê phán huyện Trà Bồng nôn nóng, làm vội. Thực tế là huyện lúc đầu không chỉ đạo mà quần chúng tự động nổi dậy, sau đó huyện mới trực tiếp chỉ đạo. Tôi điện khẩn cấp cho tỉnh không được phê bình vụ Trà Bồng, tôi sẽ đến huyện Trà Bồng và cùng tỉnh

1. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.404.

quyết định. Tôi đi ngay quan sát một số xã và nghe các xã trong huyện báo cáo cho nên rất phấn khởi. Ở đây, trước sức mạnh đánh địch của quần chúng, một sư đoàn của địch đến càn quét đã phải rút chạy. Tôi bàn với tỉnh và đi đến kết luận: huyện Trà Bồng trong thế địch dùng một sư đoàn, còn ta với khí thế quần chúng nổi dậy mạnh mẽ đã đánh bại cuộc càn quét, như vậy là thắng lợi và là hành động đúng, tôi biểu dương và lấy điển hình này nhân rộng ra các địa phương khác, ta nhất định thành công"[1]. Chúng ta biết rằng, lúc đó, chủ trương của ta là phải đấu tranh bằng phương pháp hòa bình để đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, nhưng kẻ thù lại đàn áp ta trong biển máu. Vì vậy, với sự sâu sát thực tế, sự quyết đoán và chịu trách nhiệm của Bí thư Khu ủy về vụ Trà Bồng đã có tác động rất lớn đến phong trào đấu tranh lúc đó. Thực ra, với thực tiễn cách mạng miền Nam sau mấy năm đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, trong tư tưởng Võ Chí Công đã hình thành quan điểm phải dùng bạo lực: "Thực tiễn miền Nam đã dạy cho chúng ta rằng: bạo lực chống lại bạo lực mới thắng được địch". Và cuối năm 1957, ông ra Trung ương đề xuất quan điểm đó. Nay đứng trước tình hình của Trà Bồng, ông quyết định như vậy là phù hợp với tình hình thực tế. Đây là bài học về chống quan liêu, sâu sát thực tế, sự quyết đoán và chịu trách nhiệm của các cấp lãnh đạo, quản lý của chúng ta hiện nay.

---

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd*, tr.185-186.

5. Võ Chí Công - người lãnh đạo mang đậm tính nhân văn, biết ơn và trả ơn những người đã từng giúp đỡ

Suốt cuộc đời, Võ Chí Công đi làm cách mạng, nhưng ông luôn luôn nhớ ơn bậc sinh thành, nhất là người cha kính yêu của mình, Ông viết về cha mình: "Tình cảm cha con khá đặc biệt, ông luôn luôn khuyên tôi phải lo làm cách mạng, mọi việc trong gia đình đều do ông quán xuyến, hơn nữa ông còn hết lòng chăm sóc cho tôi có điều kiện hoạt động. Nghĩ đến đây tâm hồn tôi xao xuyến, xúc động không cầm được nước mắt, vì rất biết ơn và thương ông suốt cuộc đời chịu gian khổ, hy sinh cho đất nước. Vì chịu cực khổ, tra tấn, tù tội, bệnh tật để cho tôi thoát ly hoạt động cách mạng, mà ông mất sớm ở tuổi 66, không thấy được ngày cách mạng thành công"[1].

Từ năm 1939, Võ Chí Công hoàn toàn thoát ly gia đình đi hoạt động cách mạng. Từ năm 1940, cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam đóng tại Quế Sơn, tại nhà ông Đoàn Sơ ở vùng Ba Nghi (là Nghi Sơn, Nghi Trung, Nghi Hạ). Được gia đình ông Sơ giúp đỡ, nuôi nấng, bảo vệ tận tình mọi người. Sau này, ông bà Sơ tham gia kháng chiến và trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đều hy sinh. Sự giúp đỡ của nhân dân như gia đình ông bà Sơ, Võ Chí Công không thể nào quên được. Trong Hồi ký của mình, ông viết: "Nhiều lúc nghĩ lại tôi vô cùng xót thương họ, một gia đình đã

---

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd*, tr.24.

thầm lặng cống hiến cho cách mạng, nhưng hầu hết đã qua đời hoặc đã hy sinh, chỉ còn duy nhất một cháu gái làm con của tôi, nhà tan, cửa nát. Sau này, trong chiến tranh, khi tôi có điều kiện đến thăm thì những người thân thiết nhất trong gia đình không còn, nhà cửa, ruộng vườn xơ xác, tan nát, những nơi cơ quan đóng trước đây không còn một dấu vết, làng xóm hoang tàn. Nhìn thấy thảm cảnh, lòng tôi thắt lại, khi về suốt đêm không ngủ được"[1]. Tôi được biết, ông còn nhận nhiều người con nữa của các đồng chí, những người đã từng giúp đỡ ông, giúp đỡ cách mạng đã hy sinh, làm con như con của mình vậy!

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd*, tr.58.

TRỌN ĐẠO TRUNG VỚI NƯỚC, HIẾU VỚI DÂN

TRƯƠNG THỊ DŨNG*

Nhà cụ Võ Nghiệm (Võ Dương), thân sinh đồng chí Võ Toàn (Võ Chí Công), cạnh đường số 1, gần đầu cầu Tam Kỳ, trong khu vườn rộng rãi, tiện đường đi lại nhưng vắng vẻ, kín đáo. Từ những năm 1930 của thế kỷ XX đến thời kỳ chống thực dân Pháp, đây là nơi tụ họp bàn việc chống ngoại xâm, cứu nước của nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp và chiến sĩ yêu nước.

Cụ Võ Nghiệm và cụ Võ Thơ là hai anh em ruột, cùng từ một gia đình có truyền thống cách mạng, yêu nước.

Người con trai cả của cụ Nghiệm là đồng chí Võ Oanh, liệt sĩ hy sinh tại Nhà tù Hội An, tỉnh Quảng Nam năm 1940. Em trai đồng chí Võ Toàn là liệt sĩ Võ Quý, còn gọi là Võ Túc, nguyên Ủy viên Ban sản xuất Khu 5, hy sinh tại chiến trường miền Nam trước ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

---

* Nguyên Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, nguyên Giám đốc Trường Bồi dưỡng đào tạo Cán bộ Phụ nữ Trung ương, nguyên Bí thư Ban Phụ vận, nguyên Bí thư Hội Phụ nữ Cứu quốc Liên khu 5.

Cụ bà, thân mẫu của đồng chí Võ Toàn, là một phụ nữ hiền lành, đôn hậu; một phụ nữ Việt Nam đầy lòng yêu nước, thương chồng con, đảm đang và hết lòng giúp đỡ cách mạng. Cụ đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu "*Bà mẹ Việt Nam anh hùng*".

Ngôi nhà tranh tre đơn sơ của hai cụ ẩn chứa tình người, tình đất nước sâu sắc, đầm ấm.

Tôi còn nhớ mãi sự việc nhỏ nhưng ấn tượng xảy ra đầu những năm 1930, đó là: một hôm, khoảng 12 giờ trưa, có 3 - 4 ông khách ghé qua nhà các cụ. Nhà hết gạo, cụ bà lén xách rá sang nhà hàng xóm vay gạo nấu cơm mời khách. Cụ ông nhìn theo dặn: "*Đi vay gạo nấu cơm cho anh em ăn bà phải tươi cười chứ đừng có đá thúng, đụng nia đó nghe*". Cụ bà nhìn ông cười hiền.

Việc đi vay gạo nấu cơm cho cán bộ cách mạng hoạt động bí mật lúc nửa đêm gà gáy là việc làm thường xuyên đối với hai cụ. Một cử chỉ nhỏ, đơn giản nhưng để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc về tấm lòng hào hiệp, yêu nước và dũng cảm, nhất là khi phong trào đang bị kẻ thù khủng bố tàn khốc.

Đồng chí Võ Toàn sớm ảnh hưởng tinh thần yêu nước từ người cha, cụ Võ Nghiệm và từ các bậc tiền bối: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng.

Cùng thời với cụ Võ Nghiệm, tại xóm Hương Sơn, Tam Kỳ, còn có cụ Trần Xáng hàng đêm diễn thuyết kêu gọi lòng yêu nước, nghĩa đồng bào để cùng đứng lên cứu nước, cứu nhà. Thời buổi đó, trong làng xóm không có trộm cắp, trai gái, cờ bạc rượu chè; mọi người thương yêu giúp đỡ

nhau, tổ chức cày ruộng đổi công cho nhau. Các phong tục tập quán xấu, mê tín dị đoan được bãi bỏ; bỏ dựng cây nêu ngày Tết.

Đồng chí Võ Toàn, lúc đó là lớp thanh niên yêu nước, sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, đã giác ngộ cách mạng cho nhiều người, kể cả những người lớn tuổi, người có học.

Cha tôi, cụ Trương Huân, lúc đó đang dạy học tại Tam Kỳ, thường đàm đạo với cụ Võ Nghiệm về nỗi khổ của dân ta, việc mất nước, nhà tan. Tôi hầu trà và lắng nghe tiếng thở dài của hai cụ. Được biết đồng chí Võ Toàn có quan điểm mới, hướng đi mới, cụ tâm đắc khen là "*Hậu sinh khả uý",* nhưng vẫn nghe ngóng, chờ đợi ...

Năm 1935, đồng chí Võ Toàn được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Năm 1936 được cử làm Bí thư Chi bộ ghép các xã Khương Mỹ, Mỹ Sơn, Danh Sơn.

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, toàn quyền Đông Dương Catrous ra nghị định giải tán các nghiệp đoàn, các hội tương tế, ái hữu. Các quyền lợi mà Đảng ta đòi được từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ 1936 - 1939: tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do hội họp đều bị bóp nghẹt; các tổ chức xã hội đều bị giải tán.

Hiệu sách Việt Quảng, nơi hội họp, phát hành sách báo tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tài liệu cách mạng và là cơ quan tài chính của Đảng, bị đóng cửa. Các đồng chí công tác ở đó đều bị địch bắt.

Đồng chí Võ Toàn được quyết định chuyển vào hoạt động bí mật hoàn toàn.

Bọn cầm quyền Pháp và Nam triều ra lệnh chống "quần tam tụ ngũ", ra lệnh bắt bớ cộng sản gắt gao. Số đảng viên được tha tù các năm từ 1936 đến1939 đều bị bắt trở lại.

Thời kỳ khắc nghiệt đó, đồng chí Võ Toàn được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Nam, tham gia Xứ uỷ Trung Kỳ, do đồng chí Lê Chưởng làm Bí thư.

Lúc đó, Xứ uỷ Trung Kỳ quyết định ra tờ báo *Dân tộc* bí mật lưu hành, nhằm kịp thời ổn định tư tưởng cho đảng viên, quần chúng cảm tình cách mạng. Tờ báo chỉ rõ "*Đường lối cách mạng hiện nay là đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc là cao hơn tất cả*".

Đồng chí Võ Toàn rất coi trọng công tác phát động quần chúng. Năm 1940, đồng chí trực tiếp thành lập Ban phụ vận phủ Tam Kỳ, gồm bốn chị: Trần Thị Nguyên - Trưởng ban, Nguyễn Thị Phi Hương, Trần Thị Minh Thẫm và Nguyễn Thị Lan. Ban có nhiệm vụ xây dựng cơ sở quần chúng và làm giao thông cho Đảng.

Tháng 5-1941, Mặt trận Việt Minh ra đời. Tháng 6-1941, Hội Phụ nữ Cứu quốc ra đời.

Đồng chí Võ Toàn hoạt động khẩn trương, táo bạo, sôi nổi, đi sâu đi sát quần chúng; tổ chức được nhiều cơ sở đảng; tổ chức nhiều cuộc mít tinh có từ 50 tới 70 người tham dự. Những cuộc mít tinh phổ biến tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 về tranh thủ chớp thời cơ giành độc lập có đến cả trăm người đến nghe. Nội dung Nghị quyết được biểu đạt một cách dễ hiểu là: *Nếu trong lúc này*

không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc thì không những toàn thể quốc gia dân tộc chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận đến vạn năm cũng không đòi lại được.

Phong trào quần chúng Tam Kỳ và Quảng Nam chuyển biến mạnh, tuy có lúc chủ quan, bộc lộ lực lượng nhưng đã được cấp trên kịp thời uốn nắn.

Bọn cầm quyền ở Trung Kỳ, Quảng Nam và Tam Kỳ đánh hơi được hoạt động của đồng chí Võ Toàn và liệt đồng chí vào phần tử "lợi hại". Chúng bao vây ngày đêm tại các ngã ba, trạm xích hậu. Đêm đêm tiếng hò reo "*bắt cộng sản, bắt cộng sản"* náo động xóm làng. Chúng treo ảnh các đồng chí Võ Toàn, Nguyễn Sắc Kim khắp nơi và treo thưởng rất hậu cho những ai bắt được các đồng chí đó.

Suốt bốn năm trời, bọn cầm quyền Pháp và mật thám không tài nào bắt được đồng chí Võ Toàn. Cơ sở cách mạng và cơ sở đảng vẫn không ngừng phát triển. Truyền đơn cách mạng vẫn rải khắp đó đây. Trong dân chúng lan truyền tin đồn là đồng chí Võ Toàn, Phạm Thị Đợi (tức Cơ) và Nguyễn Sắc Kim có phép tàng hình.

Đồng chí Võ Toàn vẫn được đảng viên, quần chúng, hàng rào thép của lòng dân bảo vệ, nuôi nấng. Nhiều gia đình cơ sở bị địch bắt bớ, tra tấn, tù đày nhưng vẫn bảo vệ bí mật cơ quan, bảo vệ đồng chí Võ Toàn.

Không bắt được đồng chí Võ Toàn thì địch bắt cha là cụ Võ Nghiệm phải dẫn đi tìm con. Cụ không đi mà tình nguyện đi ở tù thay con. Chúng bắt giam cả mẹ và người thân trong gia đình nhưng không ai sợ sệt. Tôi có gặp các

cô, các bác trong Nhà tù Tam Kỳ năm 1942. Khi tri phủ Cáp Văn Úy hỏi về đồng chí Võ Toàn thì các cô, các bác đều trả lời là "*Không biết, không biết. Nó như con chim bay làm sao tôi biết được*". Không khai thác được gì, bọn địch đành phải thả các cô, các bác về.

Nói đến đây tôi càng thấy thấm thía nguyên lý: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Thực là: "*Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*".

Tháng 10-1943, do có kẻ phản bội nên đồng chí Võ Toàn sa vào tay kẻ địch. Bắt được đồng chí tại An Tân, chúng hí hửng như thú vồ được mồi. Tại Sở mật thám ở Hội An, chúng tra tấn đồng chí chết đi, sống lại nhiều lần nhưng không khai thác được gì. Sau đó chúng đưa đồng chí đến Nhà đày Buôn Ma Thuột với bản án 25 năm cấm cố.

Hoạt động cùng thời với đồng chí Võ Toàn có bà Phan Thị Nễ, người vợ, người đồng chí kiên cường. Bà bị địch bắt ba lần, bất khuất chịu đựng mọi cực hình tra tấn của kẻ thù, lãnh án 15 năm tù giam và lưu đày ở các nhà tù: Nha Trang, Đồng Hới, Hội An và Tam Kỳ. Trong giấy chuyển nhà tù của bà Nễ bao giờ địch cũng in dòng chữ "Idole", tức là tù biệt giam, tù nguy hiểm. Đến nhà tù nào bà cũng tuyên truyền, cảm hoá binh lính, gác tù và biến họ từ những người hung hãn, thờ ơ, trở thành người có cảm tình với cách mạng. Nhiều anh em giác ngộ, ủng hộ các cuộc đấu tranh của anh chị em tù nhân đòi quyền lợi, đòi cải thiện chế độ nhà tù. Một số sau này trở thành cán bộ hoạt động cho cách mạng.

*

* *

Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Võ Toàn luôn sâu sát, lăn lộn, trực tiếp chỉ đạo kháng chiến tại miền Trung gian khổ, khốc liệt tột cùng.

Khi cả nước thống nhất, đồng chí Võ Toàn (tức Võ Chí Công), với nhiều trọng trách của Đảng, Nhà nước: Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Uỷ viên Bộ Chính trị lại trực tiếp cùng cả nước chiến đấu trên mặt trận xây dựng kinh tế, chống đói nghèo.

Cả cuộc đời, đồng chí Võ Toàn đã lấy lý tưởng cách mạng làm kim chỉ nam, hết sức phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước; trọn đạo trung với nước, hiếu với dân.

MỘT SỐ KỶ NIỆM VÀ CẢM NHẬN VỀ ANH

PHAN TẤN TRÌNH *

Năm 1950, tôi là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận, công tác cùng với anh Trương Chí Cương (Tư Thuận) lúc đó là Bí thư Tỉnh ủy. Anh Cương cho tôi biết, ở Quảng Nam có anh Võ Toàn (Võ Chí Công) là một đồng chí lãnh đạo có uy tín trong tỉnh đối với các tầng lớp nhân sĩ, trí thức, quan lại tân học cũng như cựu học.

Sau đó, tôi được điều động về Phòng Chính trị Quân khu 5 làm Trưởng ban địch vận. Lần đầu tiên tôi gặp anh Năm Công trong chiến dịch mùa hè năm 1952 ở Quảng Nam trên bờ Nam sông Thu Bồn theo dõi trận ta tiêu diệt đồn Xuân Đài (Gò Nổi). Lúc ấy, anh đang là Liên khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy. Cảm giác của tôi lúc đó thấy anh Năm Công là một đồng chí lãnh đạo đi sâu, đi sát cơ sở.

Năm 1954, anh đến chỗ tôi công tác trong Ban Liên hiệp đình chiến Liên khu 5 đóng ở Phú Tài, tỉnh Bình Định (trong thời gian này, các anh Nguyễn Chánh, Bí thư Liên khu ủy, Nguyễn Đôn, Phó Tư lệnh Liên khu cũng đến

---

* Nguyên Khu ủy viên, nguyên Trưởng Ban Binh vận Khu 5.

thăm). Ban Liên hiệp đình chiến lúc đó có các anh Nguyễn Đức Dương, Huỳnh Đắc Hương, Chế Viết Tấn và tôi (anh Dương đã mất, anh Hương và anh Tấn ở Hà Nội). Anh Năm nói chuyện tình hình ở miền Nam rất là khó khăn và khó khăn lâu dài. Anh đội nón lá, mặc áo quần bà ba của nông dân lúc bấy giờ. Trong hoàn cảnh lúc đó, ta chuyển quân tập kết ra Bắc, địch tràn quân chiếm vùng tự do, kẻ ở người đi, nghĩ đến anh Năm và các đồng chí ở lại lo phong trào ở miền Nam...tất cả chúng tôi đều rất xúc động. Năm 1959, anh Năm ra Bắc dự Hội nghị Trung ương, cùng đi có anh Lê Trọng Khoan, Chánh Văn phòng Liên khu ủy, anh Năm trực tiếp gặp tôi và nói ý định điều tôi về lại Liên khu 5.

Năm 1961, sau một thời gian nghỉ chữa bệnh, tôi trở lại Liên khu 5 và từ năm 1961 đến năm 1965, tôi trực tiếp làm việc với anh Năm Công với nhiệm vụ Trưởng Ban Binh vận Khu ủy cho tới ngày miền Nam giải phóng. Mấy lần trực tiếp gặp anh và nhất là 15 năm làm việc với Khu ủy, thường xuyên nhận sự chỉ đạo của anh, còn đọng trong tôi nhiều kỷ niệm và cảm nhận sâu sắc.

Ở Khu 5, ngoài lực lượng ngụy quân, ngụy quyền rất đông, Mỹ còn tập trung vào đây đại bộ phận quân Mỹ và quân chư hầu có ở miền Nam, đẩy mức độ đánh phá rất ác liệt. Anh Năm cùng Khu ủy và Bộ Tư lệnh Khu 5 đã tiến hành một số công việc cấp bách sau:

1. Nắm vững tư tưởng chỉ đạo chiến tranh của Trung ương, làm cho Đảng bộ và quân dân trong Khu quán triệt và dấy lên phong trào quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ.

Chúng ta đã vượt qua thiếu thốn, ốm đau và các hiểm nghèo khác, mưu lược, sáng tạo, tìm ra nhiều cách đánh hiệu quả theo phương châm: "Chính trị, vũ trang song song" đánh địch bằng ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, tạo nên sức mạnh tổng hợp, lần lượt làm phá sản các chiến lược và thủ đoạn chiến tranh thâm độc của địch, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước.

2. Chăm lo xây dựng Đảng, nhất là về chính trị tư tưởng, làm cho Đảng bộ thống nhất với Trung ương về chủ trương chiến lược, tiến hành chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, hy sinh ác liệt khó khăn gian khổ cũng không nao núng. Thường xuyên ngăn chặn và phê phán các tư tưởng hữu khuynh tiêu cực như sợ Mỹ, thiếu tin tưởng vào thắng lợi, ngại ác liệt, hy sinh, đánh giá thấp quần chúng, ngại bám đất, bám dân, bám cơ sở, ngại đi vào vùng địch, co lại căn cứ.

3. Chăm lo thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên. Đã không có biến động lớn về dân tộc và tôn giáo trong thời gian của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Từ chỗ thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc để chống Mỹ, cứu nước nên Khu 5 đã phát động được nhiều phong trào quần chúng rộng rãi: phong trào quần chúng ở nông thôn nổi dậy phá ấp chiến lược, phong trào của thành phố chống sự hiện diện của quân Mỹ và quân chư hầu, phong trào chống kỳ thị tôn giáo của đồng bào Phật tử,

phong trào nhân dân vận động binh sĩ, phong trào đồng bào dân tộc thiểu số bỏ khu tập trung trở về làng cũ.

4. Ngoài việc xây dựng Đảng nói chung, anh Năm Công rất lo việc xây dựng cơ quan Khu ủy và các ban, ngành, động viên anh em xây dựng các cơ quan ngang tầm với công việc. Ở cơ quan tôi có một tù binh Mỹ đang được ta sử dụng, khi đến cơ quan tôi, anh cũng cho tù binh gặp, trò chuyện với tù binh Mỹ, cho quà.

Cơ quan Khu ủy những năm ấy từ lãnh đạo cho đến nhân viên đều tích cực tăng gia sản xuất, làm rẫy, chăn nuôi heo, gà để nâng cao đời sống. Năm tôi mới vào, sang chào Khu ủy thì gặp anh Nhĩ (Tám Tâm), Uỷ viên Ban Thường vụ Khu ủy đang phát rẫy.

Bản thân anh Năm Công sống chan hòa, gần gũi anh em, cùng chung gian khổ, anh em rất kính trọng và quý mến anh. Anh là một tấm gương sáng về sự rèn luyện lăn lộn trong công tác thực tế. Từ đó có được một kiến thức rộng lớn và rất sâu sắc. Được gần gũi anh Năm trong công tác nhiều năm, tôi đã học tập ở anh nhiều điều rất cơ bản cho sự trưởng thành của tôi.

Trên đây tôi ghi lại một cách sơ lược những điều tôi còn nhớ và cảm nhận về đồng chí Bí thư Khu ủy và sau này là một trong các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước.

SÁT TÌNH HÌNH, CHỈ ĐẠO NHẠY BÉN, GIỎI CHỚP THỜI CƠ

Trung tướng NGUYỄN HUY CHƯƠNG*

Năm 1947, đang làm Chính trị viên đội biệt động Phạm Uyển của huyện Quế Sơn, tôi được cấp trên cho đi học văn hóa tại Trường Bổ túc văn hóa nội trú của Liên khu 5 dành cho cán bộ, chiến sĩ có thành tích xuất sắc; học xong văn hóa, tôi được tiếp tục học lớp đào tạo cán bộ xây dựng cơ sở vùng địch hậu tại Trường Lục quân Liên khu ở tỉnh Quảng Ngãi. Tháng 3-1949, kết thúc lớp học, tôi được phân công về công tác tại Đội tuyên truyền 103, Trung đoàn 120 chủ lực của Liên khu 5.

Là Bí thư Chi bộ Trường Bổ túc văn hoá nội trú, rồi Chính trị viên Đội Tuyên truyền 103 nên trong thời gian này, tôi thường xuyên đến Phòng Chính trị Quân khu 5. Anh Huỳnh Đắc Hương, nguyên tỉnh ủy viên Quảng Nam

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 5. Bài viết này được trích từ ý kiến của đồng chí Nguyễn Huy Chương trong cuộc Hội thảo về thân thế và sự nghiệp đồng chí Võ Chí Công do Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Đà Nẵng tổ chức vào năm 1998. Đầu đề do Ban chuẩn bị nội dung đặt.

năm 1945 làm Trưởng Ban Tuyên huấn, sau đó lên làm Phó Phòng Chính trị. Tại đây, tôi gặp anh Võ Chí Công là trợ lý, hiệp lý viên (Trợ lý của Phòng Tham mưu), tôi thấy anh dễ thương lắm. Anh trước là Chính ủy Trung đoàn (Chính trị viên của Chi đội Giải phóng Quảng Nam) nay giữ chức vụ này làm cho một số anh em cho là không phù hợp với quá trình công tác và sự cống hiến của anh. Anh em nghĩ vậy nhưng anh luôn có thái độ rất tốt, không bàn đến chức vụ, đón tiếp chúng tôi bình thường.

Một vấn đề nữa mà tôi thấy ở anh là nắm bắt tình hình kịp thời và có biện pháp xử lý đúng đắn.

Năm 1965, quân Mỹ ồ ạt đổ vào miền Nam Việt Nam, khi đó tôi là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chính trị viên Tỉnh đội Quảng Ngãi. Ở Quảng Ngãi bấy giờ, trong các huyện thì Nghĩa Hành là nơi có phong trào kém nhất, cán bộ, du kích thường chạy xà đùa. Giữa lúc đó, anh Năm Công đang là Bí thư Khu ủy 5 đi vào, anh nghe báo cáo tình hình và trao đổi cả một buổi chiều với anh Thưởng, Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành và anh Phạm Thanh Biền - Bí thư Tỉnh ủy. Tôi là người tham dự buổi làm việc đó nên nhớ rất kỹ. Anh chỉ rõ vì sao Nghĩa Hành chạy xà đùa, vì sao Nghĩa Hành có vùng Hành Tín từ Ba Tơ đi xuống là nơi giải phóng sớm nhất mà phong trào nay lại yếu hơn so với các địa phương trong tỉnh. Anh phân tích rất kỹ và phê phán vai trò của Huyện ủy lúc đó là hữu khuynh, tiêu cực nên mỗi khi địch đến là chạy lên căn cứ, chạy lên Ba Tơ, chạy xuống vùng địch. Tôi nhớ anh dẫn lại một câu nói của người xưa để phê phán đồng chí Bí thư Huyện ủy: "*Nhất*

điểu phi vạn điểu tùng", có nghĩa một con chim bay thì vạn con chim cũng bay. Sau đó anh nói tiếp: "*Bà con ở Nghĩa Hành đã có một câu, đảng viên đi trước, làng nước đi sau, đảng viên các anh chạy hết thì dân chạy thôi*". "*Cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang chạy xà đùa là do cấp ủy*". Chỗ đó anh phê phán và đấu tranh cả buổi chiều rất căng thẳng. Nhắc lại chuyện này để thấy sự quan tâm của anh Năm Công trong thời kỳ đó đối với phong trào của Nghĩa Hành. Sau buổi làm việc này, Ban Thường vụ Huyện ủy Nghĩa Hành đã xác định lại tư tưởng quyết tâm trụ bám, nhờ đó phong trào cách mạng nơi đây đã có bước phát triển đáng kể.

Tôi xin nhắc lại một chuyện nữa để thấy anh là một cán bộ chính trị nhưng rất có khả năng về mặt chiến lược, chiến dịch, chiến thuật. Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, Sư đoàn 2 đang chiến đấu trên địa bàn Quảng Nam, tôi là Chính ủy Sư đoàn, anh Nguyễn Chơn làm Sư đoàn trưởng. Lúc này, địch tái chiếm huyện Quế Sơn, lấy lại Hòn Chiêng, tiến lên Hiệp Đức thì trong nội bộ Đảng ủy Sư đoàn có hai luồng ý kiến: một là bỏ Hiệp Đức đưa quân xuống đánh Chum Chum, Đá Biển, rồi đánh thẳng xuống đồi Ông Phơi, bắt địch phải chạy xuống đối phó với ta; hai là củng cố lực lượng quyết giữ phía trên sông Khang. Hai luồng ý kiến qua tranh luận vẫn chưa đi đến thống nhất. Tôi nghĩ ngay là phải điện lên Khu xin ý kiến anh Năm Công và anh Hai Mạnh. Tôi lấy tư cách Chính ủy để dễ xin ý kiến anh Năm Công hơn vì cùng hệ chính trị. Tôi nói ý kiến chúng tôi khác nhau như thế, bây giờ xin ý kiến của

anh như thế nào. Anh Năm Công nói: "*Việc quyết định, cậu nên bàn với anh Hai Mạnh, còn ý kiến của tôi thì dù khó khăn bao nhiêu cậu phải cùng với anh Nguyễn Chơn, giữ cho được Hiệp Đức*". Anh nói thêm: *Khu 5 có huyện Hiệp Đức tuy nhỏ nhưng quan trọng, ngọn cờ của vùng giải phóng cho nên quyết giữ cho được*".

Dựa vào ý kiến của anh Năm Công, chúng tôi họp Ban Thường vụ Đảng ủy Sư đoàn để phân tích tình hình và cuối cùng xác định quyết tâm giữ Hiệp Đức. Kết quả chúng tôi đã đánh bại cánh quân từ sông Khang lên, giữ được Hiệp Đức. Qua việc này cho thấy rằng tư tưởng chỉ đạo của anh Năm Công trong việc này có ý nghĩa rất lớn, trực tiếp chỉ đạo quân chủ lực.

Còn vấn đề giải phóng miền Nam năm 1975, rõ ràng anh có công lớn, có đóng góp rất lớn. Cụ thể là sự nhạy bén trong việc chớp lấy thời cơ. Buôn Ma Thuột được giải phóng. Nhận điện vào gặp anh Văn Tiến Dũng và anh Bùi San ở Buôn Ma Thuột nhưng khi đến Kon Tum, Pleiku, thấy địch rút chạy, anh liền quay trở về chỉ đạo giải phóng Đà Nẵng, đó là một cái nhạy, từ cái nhạy bén này giúp cho Bộ Chính trị thấy rõ vấn đề và quyết định mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Cái tài của anh là người luôn sát tình hình, chỉ đạo nhạy bén và giỏi chớp lấy thời cơ.

NGƯỜI VIỆT NAM CỦA THẾ KỶ XX

Thiếu tướng YBLỐK ÊBAN *

Tôi biết anh Năm Công từ ngày anh và tôi cùng ở Nhà đày Buôn Ma Thuột. Tôi bị bắt do liên lạc với tù chính trị của tỉnh. Hình ảnh ấn tượng nhất về anh đó là một con người khiêm tốn, giản dị. Trong tù, có lúc anh được tự do đi lao động, nên mỗi lần đi lao động về, anh thường hái rau cho nai ăn, nó quen anh đến mức khi thả ra nó cũng không đi.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 9-3-1945), được sự hỗ trợ của nhân dân thị xã, anh em trong Nhà đày Buôn Ma Thuột được thả ra một nửa, trên đường đi đến thị xã Nha Trang, chúng tôi tranh thủ họp phân công về các địa phương. Họp xong rồi đi ngay. Mỗi người tỏa ra một hướng, người vào Nam, người ra Bắc; còn các anh Phan Kiện, Tổng Đình Phương, Huỳnh Bá Vân lên lại Buôn Ma Thuột.

Vào những ngày đầu tháng 8 năm 1945, tình hình thế giới có nhiều thuận lợi cho cách mạng Việt Nam... Nhật

---

* Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Hoàng đầu hàng Đồng minh không điều kiện (ngày 14-8-1945). Số anh em tù nhân còn lại trong Nhà tù Buôn Ma Thuột đấu tranh đòi thả hết và sau đó được tăng cường cho địa phương. Lúc này Đắk Lắk là địa bàn quan trọng nên được nhiều đồng chí sau khi ra tù ở lại hoạt động như: anh Bùi San, chị Trần Thị Tư, anh Nguyễn Trọng Ba, anh Nguyễn Lợi....Từ đó tôi không có dịp gặp anh.

Ba năm sau, năm 1948, quân dân Quảng Nam lập nhiều chiến công vang dội, nhất là chiến thắng Gò Nổi. Sau đó, tỉnh đã tổ chức Hội nghị tổng kết tại Tam Kỳ do đồng chí Nguyễn Bá Phát chủ trì. Tôi có về dự Hội nghị này và nghe báo cáo phong trào của quân dân Quảng Nam đánh giặc bảo vệ vùng tự do. Địch cố bám trong thị xã và các trục đường giao thông. Lúc này tôi biết anh Năm Công, đã về công tác tại Liên khu 5.

Trong Hội nghị Đảng bộ Liên khu 5, tổ chức tại địa điểm phía Bắc thị trấn An Lão, Bình Định, tôi lại được gặp anh Năm và các anh trong Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu 5 như: anh Nguyễn Chánh, anh Bùi San. Ấn tượng về anh Năm Công, là con người giản dị, mộc mạc nhưng quyết đoán, rất quần chúng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi ít có dịp gặp anh vì địa bàn công tác khác nhau. Anh về công tác tại Khu ủy 5, nên chỉ biết anh qua sự chỉ đạo của anh trên công văn, chỉ thị, nghị quyết...Tôi công tác tại Khu 6. Sau khi Khu 6 giải thể, tôi chuyển về công tác tại Phân khu Nam thuộc Khu 5 gồm các tỉnh Đắk Lắk, Phú Yên, Khánh Hòa... Khi có cuộc Hội nghị lớn hoặc Đại hội Đảng bộ Khu 5,

tôi về dự, có dịp gặp anh Năm Công. Hầu hết anh em đều gọi anh Năm hay anh Năm Công - tên gọi đầy trìu mến. Trong các cuộc họp, hội nghị đó, tôi ngồi nghe chăm chú, nhất là phần đánh giá tình hình, ưu khuyết điểm, ý kiến phát biểu của các anh trong Khu ủy.

Đất nước giải phóng, Nam - Bắc thống nhất, tôi vẫn ở Đắk Lắk, anh Năm ra Hà Nội công tác. Năm 1986, tôi cùng đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Cùng thời gian đó, anh Năm vào thăm Tây Nguyên, trong đó có Đắk Lắk; nghe anh về thăm, đồng bào các dân tộc Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum đón tiếp anh rất thân mật như người thân trong gia đình, và cùng ôn lại những kỷ niệm trong quá khứ, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Anh Năm vào thăm Đắk Lắk có tranh thủ thăm lại Nhà đày Buôn Ma Thuột và đến thăm nhà tôi. Anh hỏi anh em: "*Đồng chí YBlốc có nhà ở chưa* ?" Thấy trong sân để ngổn ngang nguyên vật liệu, anh quyết định cho xây một căn nhà đoàng hoàng. Thực ra tôi chỉ có ý định làm một ngôi nhà nhỏ chỉ tạm để ở, kết hợp làm kinh tế vườn, tự túc lương thực nuôi các con ăn học. Khi công tác về, tôi thấy anh em đang xây nhà, tôi nói với các anh em trong cơ quan là nên làm nhà vừa thôi, phù hợp với khả năng của mình (nhà trệt cấp bốn) với trị giá khoảng năm, sáu trăm ngàn. Cuối năm 1986 thì nhà xây xong.

Gần đây, anh Năm Công có về thăm Đắk Lắk và nghỉ tại nhà khách Ủy ban nhân dân tỉnh, anh em lãnh đạo tỉnh có báo cho tôi lên chơi. Khoảng 15 giờ chiều, tôi lên tới

nhà khách. Anh và tôi tâm sự với nhau về những tình cảm đồng đội, đồng chí gắn bó với nhau trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và 30 năm xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Buổi gặp gỡ không dài, tôi trình bày với anh về hoàn cảnh gia đình, về con cái đã lớn khôn, đã có công ăn việc làm, nay chỉ còn hai vợ chồng hưu trí sống cuộc sống tuổi già, chăm lo vườn tược.

Cuộc nói chuyện diễn ra vui vẻ, ấm cúng, anh mừng khi thấy tôi đã hoàn thành công việc của mình (giáo dục con cái, chăm lo việc nhà). Cuối cùng anh khuyên tôi nên phát huy những truyền thống tốt đẹp trong sinh hoạt của gia đình, quan hệ tốt với bà con khu phố, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, khi gặp khó khăn....

Anh là người cán bộ lãnh đạo xuất sắc, mẫu mực, trong sáng với phong cách giản dị, tin dân, dựa vào dân, lắng nghe ý kiến của dân, ý kiến của cấp dưới, sẵn sàng xông vào nơi khó khăn sóng gió để nắm bắt, chọn lọc; là người giỏi về tổ chức, quyết đoán, làm việc nghiêm túc, tôn trọng nguyên tắc, rất nghiêm khắc nhưng cũng rất bao dung với mọi người.

Là nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước nhưng anh vẫn giữ được đức tính giản dị, mộc mạc, luôn quan tâm đến cuộc sống thường ngày của đồng chí, đồng đội. Anh thật xứng với tên gọi thật trìu mến mà anh em đồng chí thường gọi là anh "*Năm Công*".

NHỮNG KỶ NIỆM VỀ ANH

HUỲNH VĂN CẦN *

Trong kháng chiến chống Pháp, tôi tham gia bộ đội, hoạt động ở vùng địch hậu, nửa đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi được bố trí ở lại hoạt động ở cơ sở, nên ít có dịp gặp anh Năm.

Đến giữa năm 1965, sau đợt cao điểm phá ấp chiến lược, tôi cùng đồng chí Lê Hữu Kiển - Trưởng Ban Quân sự B5 (Nam Đắk Lắk) được Bộ Tư lệnh Quân khu triệu tập về căn cứ Khu ủy ở Trà My họp sơ kết. Tại đây, anh Năm có gọi tôi đến báo cáo tình hình. Vì làm việc đêm, sợ anh mệt, nhưng theo yêu cầu của anh, chúng tôi báo cáo kỹ về phương thức phá ấp chủ yếu bằng vận động chính trị nhân dân kết hợp với công tác vận động ngụy quân và gia đình họ và đã thu được kết quả lớn: Phá hàng loạt từng mảng ấp chiến lược, thu hàng ngàn súng các loại, mở rộng vùng giải phóng với hàng vạn dân. Tôi báo cáo xong, như tỏ ý tâm đắc, anh gật đầu nói: "Đúng như đường lối rồi, tốt rồi,

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk.

nhưng kinh nghiệm trong lãnh đạo phong trào, cần chú ý khi phong trào lên, thường thỏa mãn chủ quan, không chú ý chuẩn bị đối phó với phản ứng của địch, rồi lại bị tổn thất, khó khăn, nhất là khi Mỹ đã đưa quân vào trực tiếp cùng quân ngụy chuyển sang chiến lược chiến tranh mới".

Liên hệ lại, tôi thấy đúng quá, như thời kỳ trước đây, sau khi phát động phong trào đồng khởi phá được chiến lược "chiến tranh một phía" của Mỹ - Diệm, phá kìm giành quyền làm chủ đại bộ phận nông thôn (1960 - 1961), thì phản ứng của địch là chuyển sang chiến lược "chiến tranh đặc biệt" lấy quốc sách ấp chiến lược làm xương sống đã gây cho ta bị động lúng túng, khó khăn ban đầu, nhất là năm 1962 - 1963.

Sau Hiệp định Pari năm 1973, cơ quan Tỉnh ủy Đắk Lắk chuyển lên phía Đông Buôn Hồ (H4), để tiện chỉ đạo tổ liên hợp bốn bên của Tỉnh ủy và các lực lượng bám sâu vào các vùng phụ cận thị xã, quận lỵ, dọc đường giao thông, ngăn địch tung quân lấn chiếm. Năm 1974, cơ quan lại chuyển tiếp lên Tây đường 14, để tiện tiếp nhận sự chỉ đạo và chi viện của Trung ương, Khu ủy và Bộ Tư lệnh B3.

Tháng 4-1974, nhận được điện KHẨN - MẬT của Văn phòng Khu ủy, Tỉnh ủy phân công đồng chí Vũ Nhật Hồng - tỉnh ủy viên, Trưởng Ban An ninh cùng đội cảnh vệ ra tận ngã ba đường Hồ Chí Minh đón anh Năm về cơ quan tiền phương của Tỉnh ủy (phía Bắc Mêwal). Chuyến đi ngắn ngủi của anh Năm là để kiểm tra tình hình và phổ biến Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III. Sau khi nghe tôi báo cáo tình hình,

anh Năm đề nghị nói thêm cho rõ, rồi phân tích cụ thể về khó khăn, thuận lợi, triển vọng và thời cơ chung, anh chỉ thị những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của tỉnh để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương và Nghị quyết Hội nghị Khu ủy mở rộng lần thứ ba khóa III.

Sau khi anh về, chúng tôi đã bố trí lại lực lượng bám sâu vào các vùng xung yếu ven thị xã, quận lỵ, tiếp tục củng cố phát triển cơ sở, đẩy mạnh hoạt động chống lấn chiếm và duy trì quan hệ chỉ đạo với nội thị.

Tiếp đó, đồng chí Năm Vinh - Khu ủy viên, rồi đồng chí Bùi San, Phó Bí thư Khu ủy lại được Thường vụ Khu ủy phân công vào phổ biến quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, xác định trách nhiệm, động viên quyết tâm của Đảng bộ, quân dân Đắk Lắk; các đồng chí khẳng định Mỹ không có khả năng quay trở lại được nữa, thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn của dân tộc ta đã đến, đồng thời nhắc nhở phải tuyệt đối bảo đảm bí mật.

Hai đồng chí ấy được tăng cường cùng Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các mặt công tác cho đến khi Buôn Ma Thuột được giải phóng.

Những ngày đầu sau giải phóng, trong lúc chúng tôi bận rộn với bao việc nhằm ổn định tình hình thị xã, chỉ đạo giải phóng nông thôn và chuẩn bị phục vụ yêu cầu phát triển thời cơ giải phóng các hướng khác của quân chủ lực thì anh Năm Công lại có mặt ở Buôn Ma Thuột động viên, cổ vũ chúng tôi và chỉ đạo nhiều công tác cụ thể cần quan tâm sau giải phóng. Anh còn tổ chức truy điệu anh Tư Cương (Trương Chí Cương), đi thăm cơ quan quân sự

và đặc biệt là thăm lại Nhà đày Buôn Ma Thuột, nơi anh đã từng bị thực dân Pháp giam cầm ở đây trong những năm 1944 - 1945.

Ghi lại vài kỷ niệm trên để thấy anh Năm Công là người lãnh đạo có tầm nhìn rộng, sát thực tiễn; xứng đáng là một cán bộ tài năng của Đảng và nhân dân ta.

MỘT CON NGƯỜI, MỘT CÁN BỘ CAO CẤP CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TẬN TỤY, NĂNG ĐỘNG, SÁT THỰC TIỄN

NGUYỄN VĂN SỸ (KSOR KRƠN) *

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, tôi tập kết ra Bắc làm Chủ nhiệm Quân y Trung đoàn 120, khoảng cuối năm 1958 đầu năm 1959, từ miền Bắc, tôi về lại Kon Tum làm Trưởng Ban Quân dân y tỉnh Kon Tum.

Khi bước chân đến vùng đất Kon Tum (từ miền Bắc vào) thuộc Liên khu 5 của thời kỳ chống Mỹ, cứu nước rất sôi động, tôi đã nghe cái tên Võ Chí Công trong buổi truyền đạt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II về nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc do đồng chí Phan Quyết - Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum phổ biến.

Lần đầu tiếp xúc với Nghị quyết, tôi rất ngạc nhiên, khó hiểu và không hình dung được là trước đó trong lúc bọn ngụy quân, ngụy quyền lê máy chém đi khắp nơi

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum.

nhằm tàn sát, giết hại những người cách mạng, thì ta đấu tranh chính trị buộc địch từ bỏ hành động giết người. Đồng bào dân tộc có nơi rất bức xúc phải dùng dao, súng để giết bọn lính ngụy, bọn tề ngụy, lính biệt kích, từ đó ở tỉnh Kon Tum phải dùng chân vũ trang nhiều hơn, tạo điều kiện đấu tranh chính trị. Rồi quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II thì Kon Tum càng đi vào chân vũ trang mạnh hơn chân chính trị.

Nhìn chung, trong toàn Khu 5, suốt từ năm 1965 trở đi, phương châm "hai chân, ba mũi giáp công" trở thành phong trào ăn sâu vào trong lòng dân và cán bộ, chiến sĩ, đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.

Trong quý III năm 1969, Khu ủy 5 triệu tập Hội nghị sơ kết phong trào đấu tranh "hai chân, ba mũi giáp công" trong toàn Khu. Qua kiểm điểm, tổng kết kinh nghiệm, nhìn chung việc vận dụng phương châm trên ở các tỉnh trong Khu 5 rất sôi động. Ở Tây Nguyên thì Gia Lai là tỉnh vận dụng "hai chân, ba mũi" rất tốt. Trong Hội nghị này, Tỉnh ủy Kon Tum cử tôi là ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách khối dân vận kiêm binh vận dẫn đoàn đi. Qua tổng kết các tỉnh miền Trung Khu 5, tỉnh Gia Lai được khen thưởng nhiều giấy, bằng khen và huân chương. Tỉnh Kon Tum chỉ có thành tích chân vũ trang được phát huy, còn đấu tranh chính trị thì khuyến khích. Thậm chí có người còn cho rằng Kon Tum chỉ đi một chân què!

Khi lên phát biểu bàn về nhiệm vụ tới, tôi có đề cập những khó khăn tồn tại mà tỉnh Kon Tum phải vượt qua: "Cán bộ nội tuyến mới nối lại sau Tết Mậu Thân, hầu hết cán bộ không biết ngoại ngữ Anh, Pháp, Hàn Quốc, kể cả tiếng dân tộc Jrai - Bahnar nên có hạn chế đến công tác binh vận. Rất mong sự hỗ trợ của Khu 5... Số dân trong ấp bị kìm kẹp nặng có tiếp xúc được thì phải dùng vũ trang mới mở được cửa. Quyết giữ vững vùng căn cứ, đảm bảo nghĩa vụ cho chiến đấu : "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"". Khi nói chuyện với đoàn đại biểu Kon Tum trong giờ nghỉ giải lao, đồng chí Võ Chí Công nói với lời lẽ đầy thuyết phục: "*Khu ủy 5 rất thông cảm với tỉnh Kon Tum. Trong thực tế có nhiều đơn vị rất sáng tạo trong chiến đấu. Qua Hội nghị này về báo cáo với cấp ủy địa phương tìm ra giải pháp cụ thể, phát huy ưu thế hai chân, còn binh vận phải tạo thế thuận lợi khi tấn công quân sự mạnh để lần sau không bị thiệt thòi. Về quân sự, Kon Tum có thể phong anh hùng*". Cả đoàn cười, đồng chí cũng cười theo: "*Kon Tum đừng có bi quan*". Đó là lần đầu tiên tôi gặp đồng chí Võ Chí Công nghe giải thích cụ thể, chỉ dẫn bước đi thực tế của địa phương.

Để chuẩn bị chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, vào tháng 10-1974, Thường vụ Khu ủy 5 triệu tập và chủ trì Hội nghị tại làng Măng Rương, xã Đắc Xanh, huyện Đắc Tô, vùng căn cứ tỉnh Kon Tum. Cán bộ chủ chốt của B3, Khu 5 và các đơn vị đóng quân tại tỉnh Kon Tum được mời về dự để bàn nhiệm vụ chiến đấu. Tôi

là đại biểu được mời, vì là Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách khối Tư tưởng và đoàn thể của tỉnh Kon Tum.

Sau khi nghe trình bày tình hình địch hoạt động ở ba tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk - Gia Lai - Kon Tum), thảo luận các giải pháp tác chiến cùng với sự phân công cho các đơn vị, đồng chí Võ Chí Công phát biểu, nêu ra kế hoạch và quyết tâm của Khu ủy 5: "*Linh hoạt, sáng tạo trong chiến đấu với kẻ thù", "Việc bố trí lực lượng của địch hướng tập trung vào Gia Lai và Kon Tum để đối phó với bộ đội chủ lực của ta là một sai lầm". "Chúng ta chớp thời cơ phải tập trung sức giải phóng Buôn Ma Thuột, đồng thời có kế hoạch đón lực lượng vu hồi của địch, tiêu diệt chúng, góp phần giải phóng Tây Nguyên và cả miền Nam"*.

Khi thảo luận, nhiều cán bộ nêu ra một vài thiếu sót của quân và dân ta trong chiến dịch 1965, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 và chiến dịch mùa hè năm 1972, ở ba tỉnh Tây Nguyên là mang tư tưởng thiếu tự tin với lý do chiến trường rộng, lực lượng chỉ huy phân tán, điều kiện cơ động hạn chế nên ảnh hưởng đến thắng lợi. Khi lên giải đáp, đồng chí không nói lý luận suông mà chỉ nêu ra một số ý cụ thể, thực tế để xác định lòng tin: *"lấy kinh nghiệm chiến thắng Ba Gia làm bài học về sự hợp đồng giữa các lực lượng Quân khu, Tỉnh đội và các đơn vị độc lập, lấy bài học chiến thắng Đắc Tô về sự quyết tâm chiến đấu, sự sáng tạo của Bộ chỉ huy chiến dịch, cung cách hoạt động tạo ra cơ sở vật chất nhanh nhất là lấy của địch để bồi dưỡng cho ta"*. Rồi đồng chí hạ quyết tâm mở chiến dịch ở Buôn Ma Thuột do chủ

lực đảm nhiệm, còn lực lượng địa phương hai tỉnh Gia Lai - Kon Tum đánh nhỏ, cắt đường giao thông để giữ chân địch ở hai chiến trường này. Mặt khác, lực lượng chủ lực phải có kế hoạch đón đánh địch mà tiêu diệt chúng góp phần cùng với các lực lượng khác của toàn khu giải phóng miền Nam. Đúng như lời tiên đoán của đồng chí, ngày 10-3-1975, ta đánh chiếm Buôn Ma Thuột, rồi đến ngày 17-3-1975, quân địch rút bỏ hoàn toàn Gia Lai và Kon Tum và ta đã biến đường số 7, Cheo Reo - Tuy Hoà thành nơi tiêu diệt sinh lực địch, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng.

Một điều đáng khâm phục là đồng chí Võ Chí Công hành quân cùng đoàn quân chiến thắng. Ngày 17-3-1975, đồng chí trở lại Kon Tum, đi ngang qua Gia Lai thấy Tỉnh ủy Gia Lai chưa tiếp quản thành phố Pleiku, đồng chí chỉ thị cho Tỉnh ủy Kon Tum đưa phương tiện ra đón cơ quan Tỉnh ủy Gia Lai đóng tại xã Krong, huyện Kbang về thành phố Pleiku. Sau khi kiểm tra tình hình, đồng chí chỉ thị tiếp cho Đảng bộ: *"Cố gắng khắc phục khó khăn, chuẩn bị mọi phương tiện, cơ sở vật chất đưa hết dân đi di tản từ Phú Bổn, Phủ Túc giáp ranh với tỉnh Phú Yên và Krông Pa về làng cũ làm ăn, tuyệt đối không để dân chết đói, ốm đau nhiều, mặt khác phải có kế hoạch sản xuất rau màu, cây ngắn ngày chuẩn bị cho vụ tới. Có kế hoạch chống phá âm mưu hậu chiến của kẻ địch, Đảng bộ phát huy kinh nghiệm trong chiến tranh mà đi sâu phát động quần chúng để quần chúng đánh địch và giữ lấy dân mình không để chạy theo bọn phản động"*.

Đó là lần thứ hai bản thân tôi trực tiếp làm việc với đồng chí, nhận những lời dạy quý báu thật sự vì dân, làm việc với dân để phục vụ lại cuộc sống cho dân.

11 năm sau ngày giải phóng, tỉnh Gia Lai - Kon Tum phát triển tốt hơn so với trước, an ninh chính trị giải quyết được cơ bản vấn đề FULRO trên địa bàn toàn tỉnh. Trong niềm vui ấy, ngày 17-3-1986, Đảng bộ tỉnh lại có dịp đón đồng chí Võ Chí Công vào thăm và làm việc. Qua khảo sát tình hình hợp tác xã, xã Glar, đi sâu phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của một số gia đình làm ăn khá, đồng chí Võ Chí Công kết luận: "*Đây là mô hình làm ăn tốt ở một làng dân tộc: nông - công - thương tín.*". *"Làm ăn tập thể như thế này là tốt, Đăk Glei đúng với chủ trương chính sách của Đảng, Đảng bộ cần phải chăm lo nuôi dưỡng và phát triển rộng ra"*. Cũng với mô hình kinh tế "nông - lâm - công nghiệp" của ba huyện Đăk Glei, Đăk Tô, Kbang, mô hình này phải được tổng kết kinh nghiệm, chăm lo đào tạo đội ngũ cán bộ. Đồng chí nói: "Làm gì thì làm", làm Liên hiệp xí nghiệp phải gắn với địa phương và gắn như thế nào? Phát triển xí nghiệp phải gắn với huyện; các nông - lâm trường gắn với xã; các tổ, đội sản xuất gắn với làng; đưa được đồng bào đi vào sản xuất không ngừng nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc, đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải quản lý giỏi. Trong các lần gặp ở Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương các khoá IV, V, VI, VII, đồng chí luôn theo dõi và gợi ý cho Đảng bộ tỉnh Gia Lai phải làm tốt mô hình này, đó là cơ sở để đồng bào dân tộc phát triển đi lên.

Nhớ lại những lời khuyên, động viên chân tình của đồng chí Võ Chí Công; lược ghi quá trình công tác, hoạt động của đồng chí - một cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, nhìn lại quá trình chiến đấu cách mạng trong mọi lĩnh vực công tác ở Khu 5 trong thời kỳ sôi động nhất, đồng chí Võ Chí Công xứng đáng là ngọn đèn soi sáng cho phong trào đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam nói chung và Khu 5 nói riêng. Có lẽ hơn bất kỳ người cán bộ nào khác ở Khu 5 của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đối với người dân Tây Nguyên nói chung và người dân Gia Lai - Kon Tum nói riêng, đồng chí là một người cán bộ được yêu quý, thương mến nhất. Đồng chí Võ Chí Công chất chứa một ý chí phi thường, một sự nghiệp cách mạng lớn đối với các dân tộc ở Khu 5.

NGƯỜI THỰC TIỄN, SÁT QUẦN CHÚNG, GIẢN DỊ, LUÔN ĐỨNG MŨI CHỊU SÀO, CHÈO CHỐNG CON THUYỀN KHÁNG CHIẾN KHU 5 ĐẾN BẾN VINH QUANG

SÔ LÂY TĂNG *

Tốt nghiệp Trung học phổ thông ở Trường Bổ túc Công nông năm 1963, tôi có nguyện vọng thi vào sư phạm để sau này thành thầy giáo về dạy chữ cho dân làng. Nhưng do yêu cầu của cách mạng miền Nam, Ban Dân tộc, Ban Thống nhất Trung ương quyết định cho tôi thi vào Trường Đại học Y khoa. Tôi vào lớp Y 1E - lớp sinh viên phần lớn là con em các dân tộc thiểu số. Thời gian đầu, nhà trường, cán bộ lớp, cán bộ đoàn thể thật khổ sở với lớp này, vì anh em không đúng nguyện vọng hay bỏ học. Dù ở trong trường hợp đó, nhưng với trách nhiệm người đảng viên đã giúp tôi vượt qua khó khăn riêng, để góp phần động viên, giải thích cho anh em trong lớp yên tâm học tập.

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum.

Tháng 1-1970, chúng tôi tốt nghiệp Trường Đại học Y khoa Hà Nội và 25 anh em chúng tôi lên Trường 105 ở Hòa Bình học tập, huấn luyện thêm để đi B. Ngày 7-4-1970, hơn một trăm cán bộ đủ các ngành nghề, được trang bị như bộ đội lên đường. Chúng tôi đi xe tới Quảng Bình rồi đi bộ theo đường dây 559. Ngày 28-5-1970, chúng tôi vào tới cơ quan Khu ủy 5 ở Trà My. Nhiều đồng chí, đồng nghiệp của tôi được phân công về lại quê hương công tác. Trong thâm tâm tôi nghĩ mình sẽ được về Kon Tum; nhưng tôi lại được tổ chức phân công về Ban Dân y Khu 5. Năm năm ở đây, chúng tôi làm đủ việc của người thầy thuốc chiến trường: Đi xây dựng điểm về y tế, vận động đồng bào ăn sạch, ở sạch, uống sạch và xây dựng các công trình vệ sinh, làm thuốc viên bằng các nguyên liệu sẵn có, xây dựng bệnh xá, đào tạo thầy thuốc, chống càn, tăng gia sản xuất lương thực, cứu thương...

Trong thời gian công tác ở Ban Dân y Khu 5, tôi được biết đồng chí Võ Chí Công là Bí thư Khu ủy. Khu ủy và đồng chí Năm Công rất quan tâm chỉ đạo hoạt động của Ban Dân y Khu 5 nói riêng, công tác y tế nói chung.

Trong những năm 1969, 1970, chiến trường Tây Nguyên diễn ra vô cùng ác liệt, đi lại khó khăn, tuy xa nhưng vẫn giữ được mối liên hệ với Khu ủy và nhận được sự chỉ đạo sát sao của Khu ủy, mà trực tiếp là của đồng chí Võ Chí Công, các ngành, trong đó có y tế, phải sơ tán như thế nào để dễ liên hệ.

Tháng 4-1974, Khu ủy chủ trương mở chiến dịch mùa hè. Đồng chí Lê Nho Trì, lúc đó là Ủy viên Ban lương thực,

được quyết định về Kon Tum. Biết tôi có nguyện vọng về chiến đấu ở quê hương từ lâu, đồng chí đề nghị với Khu điều thêm tôi về. Nguyện vọng của tôi được đáp ứng, tôi về công tác tại quê hương làm Trưởng phòng Chống dịch và cấp cứu chiến thương của tỉnh.

Ngày 16-3-1975, đồng chí Võ Chí Công trên đường đi họp, đến tỉnh Kom Tum, thấy địch đã rút chạy khỏi thị xã Kom Tum. Sáng ngày 17-3-1975, đồng chí vào thị xã Kom Tum rồi đi Pleiku theo đường 14, nhưng không được vì cầu Đăk PLa bị địch đánh sập. Sau khi họp với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kom Tum, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo công tác ổn định đời sống nhân dân, kêu gọi nhân dân từ Phú Bổn trở về ổn định sản xuất và đặc biệt là công tác chăm lo sức khỏe cho dân. Thị xã Kon Tum giải phóng được bốn ngày, chúng tôi mới về tới nơi và thực sự bắt tay vào công việc chuyên môn của mình. Bệnh viện Kon Tum chật ních người, không kể số bệnh nhân cũ, còn có hàng nghìn người đói khát, bệnh tật từ Phú Bổn trở về. Là bác sĩ ngoại khoa nhưng tôi đã cùng đồng nghiệp làm đủ việc không kể ngày đêm.

Khi Kon Tum và Gia Lai nhập lại thành tỉnh Gia Lai - Kon Tum, tôi được bổ nhiệm làm Phó Trưởng Ty Y tế, sau đó được đi học ở Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc. Tại đây, tôi có dịp được gặp đồng chí Võ Chí Công, trong buổi nói chuyện của đồng chí với cán bộ, học sinh nhà trường, đồng chí nêu rõ lý luận và thực tiễn để xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ.

Năm 1976, học xong, tôi được phân công về làm Phó

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai - Kon Tum. Lúc này, đồng chí Võ Chí Công lên thăm và nắm tình hình; đồng chí đã đi thăm các xã Hà Tam, Kon Từng (nay thuộc tỉnh Gia Lai) và thăm một số gia đình thương binh, liệt sĩ. Lúc này, tình hình FULRO diễn ra phức tạp, chúng đang cố khôi phục để hoạt động quấy phá chính quyền cách mạng. Ở Gia Lai có mấy xã trọng điểm là Gia Rú, Hà Bầu...Đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Tỉnh ủy vừa lo khôi phục xây dựng kinh tế, vừa truy quét bọn FULRO. Cuối năm 1980, Tây Nguyên đã cơ bản thanh toán được bọn FULRO.

Sau khi chia tỉnh (năm 1991), tôi làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân rồi Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương các khoá VII, VIII, IX. Trong suốt thời gian này, tôi không có điều kiện gặp trực tiếp đồng chí Võ Chí Công, chủ yếu gặp đồng chí trong các cuộc họp, hội nghị, qua đó đồng chí có trao đổi tình hình địa phương, thăm hỏi, động viên chúng tôi.

Có thể nói, đồng chí Võ Chí Công là một trong những cán bộ lãnh đạo tài năng của Đảng, nêu gương sáng về lòng quả cảm, tính nhân hậu và trung thực, luôn dựa vào quần chúng để phát động phong trào cách mạng và mở các chiến dịch mang tính đột phá.

Đồng chí là một trong những người lãnh đạo sáng suốt, có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng chí là người có công lớn trong việc thực hiện chính sách đại đoàn

kết dân tộc, bình đẳng giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Điều đáng chú ý, đồng chí cùng với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đội ngũ cán bộ các dân tộc thiểu số để bố trí ở các cương vị chủ chốt nhằm bảo đảm tính kế thừa, đồng thời phát hiện, phát huy những nhân tố mới, để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh quốc gia.

Với tôi, đồng chí Võ Chí Công là con người thực tiễn, sát quần chúng, bình tĩnh trong mọi gian nguy, luôn đứng mũi chịu sào, chèo chống, lãnh đạo con thuyền kháng chiến Khu 5 đến bến vinh quang. Đó là những ấn tượng sâu sắc trong đời tôi.

NGƯỜI LUÔN XÂY DỰNG MỐI ĐOÀN KẾT GIỮA CÁC DÂN TỘC, ĐOÀN KẾT KINH - THƯỢNG, XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN VỮNG MẠNH

A MA THƯƠNG *

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tôi hoạt động trong tổ chức học sinh - sinh viên tỉnh Gia Lai. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, chỉ mấy tháng sau, thực dân Pháp lại trở lại xâm lược nước ta. Trong số chúng tôi, người thì được ra miền Bắc, người ở lại bám cơ sở, phát huy những thắng lợi và tiếp tục xây dựng cơ sở, thực hiện đường lối kháng chiến.

Năm 1952, tôi được cử đi học ngành y ở miền Bắc, rồi phục vụ ở Trường Dân tộc Trung ương. Năm 1959, tôi được trở vào chiến trường Đắk Lắk, phụ trách quân dân y.

Ở Đắk Lắk, sau khi tổ chức học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, anh em vẫn chưa tổ chức nhiều trận đánh địch vì

* Nguyên Phó Bí thư Tỉnh uỷ, nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk.

vấn đề y tế chưa có người phụ trách, thương bệnh binh không được cứu chữa kịp thời. Do đó, tôi được giao nhiệm vụ phải cấp tốc đào tạo nghiệp vụ y tế cho một số anh em để phục vụ đòi hỏi của tình hình mới. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất là số thanh niên, học sinh trong vùng biết chữ rất ít, chỉ vận động được hơn 20 học sinh vừa học chữ vừa học chuyên môn. Chỉ trong vòng ba tháng, số anh em này đã biết cách băng bó, cứu thương và được phân về các đơn vị lực lượng vũ trang trong tỉnh.

Trong thời gian công tác tại tỉnh Đắk Lắk, tôi được vinh dự trực tiếp gặp anh Năm Công hai lần, đó là một trong những niềm vinh dự nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tôi.

Lần thứ nhất: Năm 1973, tại Đại hội Đảng bộ Khu 5 ở Phước Trà (Hiệp Đức, Quảng Nam), tôi vinh dự là đại biểu của tỉnh Đắk Lắk. Đại hội đã đánh giá tình hình ta và địch, về việc ta cố gắng giữ đất, còn địch thì cố lấn đất và đi đến nhận định: địch đang xuống dốc sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 và từng bước chùn ý chí xâm lược. Thế của ta ngày càng lớn mạnh. Đại hội cũng chủ trương xây dựng lực lượng mạnh về mọi mặt.

Trong thời gian giải lao, anh Năm Công trò chuyện với tôi về tình hình Đắk Lắk: "*A Ma Thương này, anh là Phó Bí thư Tỉnh ủy, anh có ý kiến gì về khó khăn của dân, anh nêu ra để Khu ủy tạo điều kiện giải quyết, giúp đỡ*".

Tôi trả lời anh: "*Thưa anh, vấn đề khó khăn lớn nhất của nhân dân lúc này là thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm; thứ hai là bệnh dịch diễn ra hoành hành và rất*

phức tạp ở vùng căn cứ lõm". Anh nói tiếp: "*A Ma Thương phải quan tâm, đầu tư, đẩy mạnh công tác mặt trận, đoàn kết quân dân, đoàn kết Kinh - Thượng"*.

Cuộc trò chuyện tuy ngắn ngủi nhưng đã thể hiện tình cảm, sự quan tâm lo lắng của một vị lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ Khu 5 đối với đời sống nhân dân nói chung và đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng.

Qua Đại hội này, chúng tôi thấy sự chỉ đạo sát sao của anh về vấn đề chính trị, quân sự, binh vận. Anh rất quan tâm đến các dân tộc ở Tây Nguyên thể hiện qua mỗi lần gặp tôi, anh đều dặn dò làm sao giữ gìn sức khỏe cho nhân dân, đoàn kết các dân tộc và giữa các dân tộc Tây Nguyên với các dân tộc khác.

Lần thứ hai: Tôi được gặp anh vào khoảng tháng 10-1974. Lúc này tôi là Phó Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk, còn anh Năm Công trên đường đi công tác có đến thăm và làm việc với Tỉnh ủy Đắk Lắk. Trước tiên, anh thăm hỏi gia đình, con cái, sức khỏe của từng đồng chí. Được sự quan tâm thăm hỏi của anh, chúng tôi rất vui. Sau đó anh trao đổi sự chỉ đạo của Khu ủy với Tỉnh ủy Đắk Lắk: "*Thế của ta vững chắc rồi, chỉ khôn khéo mở rộng làm chủ thật sự, chuẩn bị khi có thời cơ tổng tiến công, tổng nổi dậy ở Tây Nguyên"*. Đồng chí khen ngợi Tỉnh ủy Đắk Lắk đã có những sáng tạo, vận dụng phương thức chỉ đạo của trên nên giữ được vùng lõm, nhờ đó huy động được lương thực, thực phẩm cho cán bộ và lực lượng vũ trang. Trên cơ sở đó, anh đề nghị với Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk phát triển mạnh căn cứ, xây dựng làng chiến đấu mạnh.

Anh Năm đề nghị với tôi, chú là bác sĩ, địch rải chất độc vậy phải làm thế nào cho dân khỏi bị nhiễm độc? Chú nhớ động viên đoàn kết dân tộc, làng buôn, đoàn kết Kinh - Thượng, nhất là chăm sóc sức khỏe của nhân dân vùng căn cứ, ngăn ngừa, phòng bệnh, nhất là bệnh dịch hạch và khi có thời cơ ta sẽ "làm lớn". Anh nói bây giờ chủ trương tấn công mùa Xuân 1975, phải giữ bí mật, xây dựng cơ sở mạnh, phát động quần chúng tiết kiệm, đoàn kết xây dựng lực lượng cho cách mạng. Sau buổi làm việc này, Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của anh và chuẩn bị mọi điều kiện đón thời cơ.

Sau ngày giải phóng, anh về công tác tại Trung ương và làm Phó Thủ tướng, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, tôi không có dịp được gặp anh. Vào tháng 9-2007, tôi bị đau nằm tại bệnh viện Thống Nhất - thành phố Hồ Chí Minh, anh cũng bị đau và nằm ở đây, anh nghe nói và có đến thăm tôi. Tuy sức khỏe yếu đi rất nhiều, phải ngồi trên chiếc xe lăn nhưng anh vẫn còn nhận ra tôi và hỏi thăm tình hình sức khỏe, bệnh tình của tôi. Tôi thật sự cảm động về tình cảm của anh đã dành cho mình.

Có thể nói, anh Năm Công là người rất quan tâm đến các đồng chí, đồng đội, anh em chiến sĩ, đồng bào các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số miền Trung - Tây Nguyên. Anh là biểu tượng của mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc, đoàn kết Kinh - Thượng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh.

ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI CUỘC NỔI DẬY ĐẦU TIÊN Ở MIỀN NAM CỦA NHÂN DÂN HUYỆN BẮC ÁI

LÊ VĂN HIỀN *

Tôi mới biết anh Võ Chí Công từ khi anh góp ý chỉ đạo cuộc nổi dậy của nhân dân Bắc Ái (Ninh Thuận) và tiếp theo là chuẩn bị thành lập Khu 6 năm 1961. Năm 1957, tình hình Liên khu 5 hết sức khó khăn, cán bộ tổn thất khá nhiều, phong trào ở dưới đồng bằng, đô thị bị thu hẹp, nhiều huyện, thị xã bị đứt liên lạc, không còn cán bộ hoạt động. Miền núi, địch đánh phá ác liệt, nhất là các vùng căn cứ. Địch tổ chức tố cộng, bắt cán bộ, đảng viên tra tấn, bỏ bao bố thả xuống sông, chặt đầu, mổ bụng để uy hiếp nhân dân. Bắt dồn dân xuống các khu tập trung dưới vùng đất bằng - liên tục càn quét, đốt nhà, đốt lúa bắp trong kho, đốt phá nương rẫy, chặt cây ăn trái, bắn giết trâu bò, dê, cừu, gia cầm nhằm làm cho người trốn ở lại núi không còn gì để sống. Nhiều vùng, dân phần lớn dồn về các khu

* Nguyên Quyền Bí thư Khu ủy 6, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thuận Hải.

tập trung, có nơi bị dồn hết. Một số ít ở lại, phải đi vào rừng sâu, bất hợp tác với địch.

Cuối năm 1957, trong lúc chỉ đạo các cấp đang có nhiều lúng túng về phương hướng, phương châm đấu tranh thì Thường vụ Liên Khu ủy nhận được gợi ý của đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị về phương châm đấu tranh ở Nam Trung Bộ và *Đề cương Cách mạng miền Nam* do đồng chí phác thảo cuối năm 1956, được chuyền tay đến một số đồng chí lãnh đạo tỉnh và Liên khu.

Đầu tháng 2-1958, Liên tỉnh 3 nhận được điện mật của Thường vụ Liên khu ủy chỉ thị ba nhiệm vụ cấp bách trước mắt: Xây dựng căn cứ địa miền núi; xây dựng lực lượng tự vệ vũ trang và biện pháp đối phó với bọn ngoan cố. Đồng thời Thường vụ Liên khu ủy có điện mời đồng chí Trần Lê, Liên khu ủy viên, Bí thư Liên tỉnh về họp Liên khu ủy.

Nhận hai bức điện trên, anh Trần Lê triệu tập họp Ban Cán sự liên tỉnh. Anh Võ Dân, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận không về kịp, nên anh Lê và tôi (Lê Văn Hiền) bàn kế hoạch triển khai ba nhiệm vụ trước khi anh Lê đi họp.

Ba nhiệm vụ cấp bách trong *Đề cương Cách mạng miền Nam* cho chúng tôi thấy được sự chuyển phương hướng, phương châm đấu tranh cách mạng của miền Nam là phù hợp với tình hình thực tế, hợp lòng dân và có ý nghĩa hết sức quan trọng, chúng tôi vừa mừng vừa lo vì triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

Tôi được phân công phụ trách chung công việc liên tỉnh trong thời gian anh Lê đi họp (1958 - 1959), kiêm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

Trước khi lên đường anh Lê dặn: "Bàn với các tỉnh quán triệt sâu sắc tinh thần và nội dung của chỉ thị cho cán bộ, đảng viên có thể thấy được sự chuyển phương châm đấu tranh để củng cố niềm tin, củng cố tinh thần vượt khó khăn ác liệt, quyết tâm tiến lên, có kế hoạch sát, đúng, cụ thể, có biện pháp thực hiện có hiệu quả; nhất là ra sức chống dồn dân, giữ cho được số dân còn lại ở miền núi, bám sát các khu tập trung vận động tổ chức quần chúng, hướng dẫn họ chuẩn bị, sớm đưa dân về lại núi rừng để xây dựng căn cứ. Về Khu có gì mới tôi sẽ điện tiếp".

Chúng tôi chọn Bắc Ái làm trọng điểm chỉ đạo chống dồn dân, phá các khu tập trung đưa dân về lại núi rừng, xây dựng căn cứ địa toàn diện, rút kinh nghiệm phổ biến cho các tỉnh.

Bắc Ái có khoảng 12.000 dân, đến đầu năm 1958, địch đã dồn về các khu tập trung dưới vùng đất bằng trên 9.000 người dân (trên 3 phần 4). Các khu tập trung đều có tổ công tác bám sát, móc nối lại số cán bộ, đảng viên cốt cán tổ chức cho họ học tập tình hình nhiệm vụ, hướng dẫn họ tuyên truyền vận động quần chúng. Vận động số người tốt có lòng thương dân đứng ra làm đại diện xã, ấp, đưa con em cơ sở vào làm dân vệ võ trang, vận động số lính người Thượng tốt đứng về phía dân. Hướng dẫn cơ sở quần chúng lợi dụng thế hợp pháp ra rừng làm ăn, chuẩn bị trước những thứ cần thiết như: muối, vải... làm kho giấu ngoài rừng trước khi về lại núi.

Dân còn lại ở trên núi học tập tình hình, nhiệm vụ mới, tập hợp vào tổ chức theo giới tính, theo mé núi (palay). Tự

vệ được tổ chức rộng rãi, được tập huấn và trang bị giáo, ná, có tên tẩm thuốc độc. Nơi ở, nơi sản xuất có bố phòng canh gác, báo tin, tích cực tìm diệt bọn thám báo cải trang lên dò la chỗ ở, sản xuất, đi lại của dân, sẵn sàng chống biệt kích, chống càn quét. Tổ chức, hướng dẫn quần chúng tránh xa và lánh đi khi địch càn quét lớn, dài ngày. Lương thực, tài sản của dân bị dồn về khu tập trung được số dân còn ở lại tổ chức thu gom làm kho bí mật cất giấu khi họ về giao lại.

Chúng tôi xác định cuộc nổi dậy (lúc đó chưa dùng từ khởi nghĩa) bằng bạo lực chính trị của quần chúng là chính có tự vệ võ trang mới xây dựng hỗ trợ.

Cuối năm 1958, công tác chuẩn bị cho quần chúng nổi dậy đồng loạt phá các khu tập trung về lại núi rừng đã đạt yêu cầu. Nhưng còn một vấn đề lớn đặt ra là: Sau khi dân về núi làm sao giữ được dân khi địch tập trung lực lượng càn quét tìm bắt dân trở lại các khu tập trung. Qua thực tế trong hai năm chống dồn dân cho thấy: chỉ có thể phát động phong trào đánh du kích rộng, mạnh, đánh trả quyết liệt thì mới giữ được. Rừng núi không có dân lấy gì xây dựng căn cứ địa? Đây là vấn đề lớn thuộc về phương châm đấu tranh phải báo cáo lên Thường vụ Liên khu ủy và đề nghị: Sau khi dân về lại rừng núi, cho phát triển phong trào đánh du kích rộng rãi, đánh trả địch càn quét, bảo vệ dân, bảo vệ căn cứ.

Nhận được đề nghị của chúng tôi, anh Năm Công có điện hỏi: Phát triển đánh du kích sớm làm nổi cộm, địch tập trung lực lượng lớn đánh phá liệu có giữ được không?

Tôi điện báo cáo: Trong quá trình phát triển chiến tranh chống địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất khó có thể tránh khỏi tổn thất ở mức cho phép. Miền Đông Bắc Ái trong kháng chiến là căn cứ tương đối khá toàn diện, nhân dân có kinh nghiệm chiến đấu, giác ngộ cao, sáng tạo, linh hoạt, chúng tôi tin giữ được.

Anh Năm và Thường vụ Liên khu ủy không bác đề nghị của chúng tôi mà lắng nghe, trao đổi và căn dặn: Phát triển đánh du kích sớm, địch sẽ tập trung lực lượng lớn đánh phá ác liệt, sẽ gây khó khăn, phải tính toán kỹ, chỉ đạo phải sâu sát, nhạy bén, linh hoạt, kịp thời phát hiện và giải quyết những phát sinh mới. Thường xuyên báo cáo diễn biến tình hình lên Thường vụ Liên khu ủy.

Trong lúc liên tỉnh còn nhiều khó khăn, lúng túng trong chỉ đạo, xa sự chỉ đạo của Thường vụ Liên khu ủy, lần đầu vận dụng phương châm đấu tranh bằng bạo lực chính trị của quần chúng là chính, kết hợp hỗ trợ của tự vệ võ trang bằng vũ khí thô sơ mới xây dựng phát động nhân dân nổi dậy phá khu tập trung kéo về lại núi là việc làm tưởng chừng quá sức của địa phương. Nhưng anh Võ Chí Công và Thường vụ Liên khu ủy mạnh dạn cho phép phát triển du kích chiến tranh sau khi dân về lại núi rừng, làm cho chúng tôi càng thêm niềm tin ở sự chỉ đạo đúng đắn của Thường vụ Liên khu ủy, ở khả năng cách mạng của nhân dân địa phương, ở năng lực lãnh đạo của các đảng bộ cơ sở, quyết tâm giành được thắng lợi để có thêm kinh nghiệm.

Đêm ngày 7-2-1959, (ngày 30 Tết Kỷ Hợi), lợi dụng lúc địch ăn Tết có nhiều sơ hở, nhân dân các khu Bà Râu,

Cà Rôm, Đồng Dây, Sông Trâu... mọi gia đình đèn thắp sáng suốt đêm để lừa địch: Đêm đó đồng bào ở các khu tập trung này đồng loạt nổi dậy phá bỏ khu tập trung kéo về núi rừng. Được đồng bào còn ở lại trên núi và tự vệ vũ trang xuống hỗ trợ, gia đình nào cũng mang hết tài sản trong nhà, dìu người già yếu, khiêng người bệnh, cõng địu các cháu nhỏ, tổ tự vệ trinh sát đi trước dẫn đường, lực lượng tự vệ còn lại đi sau cùng, phòng địch đuổi theo thì chiến đấu bảo vệ dân. Khi địch biết thì nhân dân đã đi xa không sao đuổi kịp. Chỉ trong đêm ngày 7 và ngày 8-2-1959, hơn 5.000 dân miền đông Bắc Ái đã về lại buôn làng cũ an toàn. Tiếp theo đầu tháng 4-1959, hơn 4.000 dân miền tây Bắc Ái nổi dậy phá bỏ khu tập trung kéo hết về buôn làng cũ. Toàn huyện Bắc Ái được giải phóng, chỉ còn khu, quận lỵ đóng ở thị trấn Tháp Chàm.

Sau khi nhân dân phá bỏ khu tập trung trở về, cùng số đồng bào ở lại trên núi bắt tay ngay vào việc ổn định chỗ ở, khẩn trương xây làng chiến đấu, phát triển các tuyến bố phòng, tham gia tự vệ chiến đấu, tập luyện, nhà nào cũng tự trang bị vũ khí thô sơ, đồng thời giúp nhau phát dọn rẫy chuẩn bị cho kịp mùa sản xuất.

Mất hết dân ở các khu tập trung, địch hết sức cay cú, tung lực lượng lên nắm tình hình, càn quét liên tục, lùng bắt dân về lại khu tập trung, tìm diệt các cơ quan lãnh đạo. Điển hình là cuộc càn "Tây Khanh Bắc Ninh" tháng 10-1959, địch sử dụng hai trung đoàn cộng hòa của sư đoàn 23 và lực lượng bảo an địa phương tập trung đánh vào Bắc Ái suốt 40 ngày đêm. Bằng các loại vũ khí thô sơ,

nhân dân đã tự vệ đánh trả quyết liệt kết hợp binh vận, đã gây cho địch chết và bị thương hơn 200 tên, có tên bị trúng tên tẩm thuốc độc phát điên, bắn loạn xạ vào hàng ngũ, có đứa đạp trúng bàn chông sắt, phải mang cả bàn chông về bệnh viện. Nhưng địch không bắt được người dân nào. Đánh bại trận càn này, lòng tin của nhân dân và cán bộ Bắc Ái được củng cố thêm, có ảnh hưởng tốt đến thị xã và đồng bằng trong tỉnh.

Càn nhỏ, càn lớn đều thất bại, đầu năm 1960, địch đóng hai đồn cấp đại đội: Tà Lú, Ma Ty, ở chân núi Tà Nang, cắt ngang đường liên lạc giữa Đông và Tây Bắc Ái, nhằm làm bàn đạp đánh vào căn cứ và cắt đứt liên lạc giữa hai miền. Địch gom được khoảng 1.500 người, hầu hết là người già và trẻ em, lập hai khu tập trung gần đồn. Nhưng nhân dân và tự vệ làm nhiều tuyến bố phòng gần đồn, bám sát đồn, bắn tỉa và binh vận, hạn chế được địch đi sâu vào căn cứ, đường liên lạc vẫn an toàn.

Tháng 4-1960, địch đóng thêm một đồn cấp đại đội ở Đầu Suối thuộc xã Phước Chiến. Khi địch đổ quân làm đồn, nhân dân và tự vệ xã Phước Chiến cũng bắt tay vào làm các bố phòng gần đồn, kết hợp cả bắn tỉa và binh vận. Địch chỉ nằm trong đồn không dám bung ra hoạt động.

Đêm 30-8-1960, bộ đội liên tỉnh tấn công diệt gọn hai đồn Tà Lú, Ma Ty, bắt tù binh, thu vũ khí, đưa số dân bị tập trung về làng cũ. Cùng đêm, địch ở đồn Đầu Suối bí mật rút chạy. Cuộc lấn chiếm của địch bị đánh bại. Từ đây Bắc Ái không còn đồn bót của địch.

Chỉ đạo của anh Năm Công và Thường vụ Liên khu uỷ

về phương châm đấu tranh của Bắc Ái sau khi nhân dân phá bỏ các khu tập trung về lại núi rừng, qua thực tế chứng minh là đúng đắn. Bắc Ái giải phóng được giữ vững và phát triển thành căn cứ địa ngày càng mạnh. Bắc Ái là huyện giải phóng đầu tiên của Nam Trung Bộ nói riêng và của miền Nam nói chung kể từ sau ngày có Hiệp định Giơnevơ.

Bắc Ái giải phóng đứng vững có ảnh hưởng tốt đến các huyện miền núi chung quanh, nhất là Khánh Sơn, Khánh Vĩnh (Khánh Hòa), Anh Dũng (Ninh Thuận) và cũng có ảnh hưởng tốt đến đồng bằng hai tỉnh này. Cuối năm 1959, ở nhiều khu tập trung ở hai huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, đồng bào nổi dậy phá banh về lại núi rừng.

Tháng 4-1960, Thường vụ Liên khu ủy đồng ý nhập ba huyện Bắc Ái, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh thành lập căn cứ Ái Vĩnh Sơn (AVS) trực thuộc liên tỉnh. Căn cứ AVS có gần 50.000 dân, diện tích rộng, phía nam giáp đường 11 (nay là quốc lộ 27), bắc giáp đường 21, đông giáp quốc lộ 1, đường sắt Bắc - Nam và vịnh Cam Ranh, bắc giáp hai dãy núi cao: Bi Đúp (Tuyên Đức), Chu Giang Xin Nam, Quận Lắc (nam Đắk Lắk), địa hình rất hiểm trở. Căn cứ AVS cũng là chỗ dựa của hai tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, là bàn đạp tiến lên Tuyên Đức (Lâm Viên), các đội võ trang công tác đã phát triển được cơ sở từ buôn Dạ Chay (giáp tây Bắc Ái) lên đến Đầm Ròn, Krông Nô, nối liên lạc được với các đội võ trang của Quảng Đức và Quận Lắc, tạo thuận lợi cho việc thành lập Khu 6.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, trên đường về, tôi nghỉ lại cơ quan Liên khu ủy. Biết anh Năm làm Bí thư

Liên khu ủy từ năm 1959 và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã bầu anh vào Ban Chấp hành Trung ương. Nhưng lần này tôi mới được gặp anh và sau gần tám năm được gặp lại anh Trương Chí Cương (Tư Thuận). Mấy ngày ở lại cơ quan, anh Năm và anh Tư gặp tôi hỏi tình hình nhân dân, tình hình phong trào và cán bộ ở các tỉnh thuộc liên tỉnh, nhất là tình hình miền núi. Sau khi nghe báo cáo, anh Năm nói: Miền núi các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận mà củng cố, phải phát triển nhanh về phía tây nối liền với nam Tây Nguyên và anh cũng cho biết năm 1959 - 1960 Thường vụ Liên khu ủy đã tăng cường nhiều đoàn cán bộ vào nam Đắk Lắk và Quảng Đức để mở cơ sở, mở hành lang nối liền với miền Đông Nam Bộ. Anh Bùi San, ủy viên Thường vụ Liên khu ủy đang đứng ở Đăk Min (Quảng Đức) để chỉ đạo. Anh Năm nói tiếp: Sau khi thành lập Khu 6, nhiệm vụ cấp bách trước mắt của Khu là tập trung mở rộng cơ sở, mở rộng hành lang nam Tây Nguyên nối liền với bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Anh bảo tôi về nhắc với anh Trần Lê sớm lên gặp anh Bùi San bàn kế hoạch để thành lập Khu 6, anh đã có điện trước cho anh Lê.

Sau khi về liên tỉnh, tôi báo cáo với anh Trần Lê tất cả những ý kiến chỉ đạo của anh Năm và Thường vụ Liên khu ủy. Sau đó tôi được phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận, là tỉnh có biên giới với hai tỉnh Bà Rịa, Biên Hoà (thuộc miền Đông Nam Bộ) mà từ lâu vẫn giữ được liên lạc. Bình Thuận lúc này còn phụ trách tỉnh Lâm Đồng.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi mới gặp lại anh Năm.

MỘT CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT VỮNG VÀNG TIN TƯỞNG - MỘT NGƯỜI ANH GẦN GŨI, THÂN THƯƠNG Ở LIÊN KHU 5

PHẠM THANH BIỀN *

Tôi được nghe tên anh từ lâu, từ phong trào cách mạng cộng sản những năm 1930-1931, lúc mới tám tuổi đang theo học trường làng. Thời ấy, tên anh là Võ Toàn - một trong số cán bộ thuộc lớp đầu tiên của Đảng bộ Quảng Nam và các tỉnh miền Trung, là đồng chí cùng lứa tuổi với các anh Huỳnh Tấu, Nguyễn Công Say quê tôi và các anh ở các huyện khác ở Quảng Ngãi như Trương Quang Giao, Trần Lương, v.v..

Mối quan hệ Nam - Nghĩa có từ xa xưa, đến thời kỳ có Đảng Cộng sản Việt Nam trọn quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thì phong trào cách mạng hai tỉnh càng gắn bó, quê tôi biết ông Võ Toàn cũng như Quảng Nam biết ông Trương Quang Giao vậy.

Biết tên anh, nhưng đến cuối năm 1950, tôi mới gặp anh lần đầu. Anh về Quảng Ngãi với cương vị là Thường

---

* Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nguyên Khu ủy viên Khu 5.

vụ Nông hội Liên khu 5, dự Hội nghị tổng kết cuối năm của Nông hội tỉnh, tôi là tỉnh ủy viên, làm Bí thư Nông hội tỉnh, nên trực tiếp làm việc nhiều với anh, chị Phan Thị Nễ (người bạn đời của anh) là ủy viên Ban Chấp hành Nông hội Liên khu cùng dự cuộc họp này. Trong cuộc họp chung cũng như lúc làm việc riêng, anh phát biểu rất thân mật, giản dị, thực tế, dễ hiểu, thẳng thắn, nói rõ, đánh giá đúng mức thành tích, đồng thời giúp tỉnh thấy được thiếu sót, gợi mở cách khắc phục các tồn tại.

Tuy gần anh chỉ 3 - 4 ngày nhưng anh để lại cho Hội nghị, cho tôi thật nhiều ấn tượng tốt, đặc biệt là "phong cách cách mạng", là "đức độ cách mạng" của các bậc đàn anh đối với cán bộ mới, đối với quần chúng. Tôi suy ngẫm là "phong cách và đức độ" các anh cán bộ trong thời kỳ xây dựng Đảng gần như tất cả đều như thế, anh nào cũng dễ gần gũi, dễ nói, dễ mến và rất giản dị, suốt đời tôi cố học hỏi ở các anh nhiều.

Tháng 5-1951, tôi được cấp trên điều lên miền Tây làm Chính trị viên Mặt trận Sơn Hà. Tôi công tác ở Sơn Hà, miền Tây (CT30) và miền tây Quảng Ngãi đến khi có Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nên không gặp anh.

1. Với anh Năm trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ

Vào tháng 5-1955, tại vùng rừng núi huyện An Lão, tỉnh Bình Định, ba chúng tôi là Nguyễn Quang Lâm (Tám Tú), Nguyễn Liên (Mười Nguyên) và tôi là Phạm Ngọc Thuật (Biền) đang loay hoay tìm mọi cách để nối đường dây

về Quảng Ngãi và Kon Tum đã bảy ngày rồi mà chưa thông đường vì bị địch ráo riết lùng sục khu nam Ba Tơ.

Vào một buổi trưa, tôi được cơ sở báo tin là có đoàn đông người đang ở cách chúng tôi vài giờ đi đường núi, có thư tay ghi là cần gặp tôi. Tôi tìm đến gặp ngay đoàn anh Năm (Võ Toàn), lúc này anh là Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy 5, cũng từ vùng đồng bằng Bình Định theo đường dây lên núi đi về tây Quảng Nam đóng cơ quan Liên khu ủy, đoàn anh còn chờ người dẫn đường. Tôi rất mừng được gặp anh, từ xa anh đã thấy tôi, tôi chạy lại nơi anh ngồi. Anh vui vẻ bắt tay tôi và hỏi thăm sức khỏe chúng tôi.

Lúc này, tôi là Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi (tên vừa đặt trên đường đi về là Biền). Tôi báo cáo một số tình hình của đồng bằng và miền núi Quảng Ngãi trước tháng 4-1955 cho anh, anh nghe xong rồi truyền đạt mấy việc tỉnh Quảng Ngãi cần làm trước mắt theo chỉ đạo của Thường vụ Liên khu ủy, trong đó có việc chuẩn y đề nghị của Tỉnh ủy đề bạt đồng chí Đinh Mô làm ủy viên dự khuyết. Trong lúc làm việc, anh có nói với tôi một số kinh nghiệm về hoạt động hợp pháp, hoạt động vùng địch, thái độ trước kẻ thù nếu bị địch bắt và hoạt động lúc ở trong tù ngục... Trước khi tôi trở lại nơi ở, anh dặn dò là hết sức cảnh giác, vì anh biết ba chúng tôi đi theo kiểu cơ sở dẫn chuyển giao từng xóm, không có bảo vệ, công vụ, liên lạc, y tá. Tôi vừa đi vừa ngoảnh lại thấy anh ngó theo tôi, thật cảm động biết bao về tình cảm giữa những đảng viên cộng sản cùng ở lại miền Nam trong những ngày đầu chống Mỹ.

Được biết, đoàn anh đi thông suốt, ba chúng tôi lại gặp rủi ro trận đầu. Trên đường dây liên thôn (bờ lây) thuộc xã Ba Bích - Ba Tơ, anh cơ sở người H'rê dẫn đường vào xóm bị địch bắt lúc 4 giờ chiều, chúng tôi ngồi chờ ở bìa sông. Tối, có một ông già người H'rê tìm đến báo tin chúng tôi mới hay. Anh cơ sở có vật chứng là mang ruột nghé gạo cho chúng tôi, thế mà anh cắn răng chịu đựng địch ra tấn tại chỗ. Hôm sau, chúng đưa về quận tra đến chết. Đây là bài học thứ hai của chúng tôi về lòng tin quần chúng của buổi đầu thời chống Mỹ, nhớ lời anh Năm trao đổi dặn dò.

*

* *

Từ khi anh Nguyễn Quang Lâm làm Bí thư Tỉnh ủy, anh Phạm Xuân Hòa, Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, hai anh hay đi về Liên khu họp. Anh Hai Hậu (Trần Nam Trung), anh Năm Công, Bí thư và Phó Bí thư Liên khu ủy 5 theo dõi, chỉ đạo Quảng Ngãi (giai đoạn đầu Quảng Ngãi thuộc Liên tỉnh 2 gồm Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên do đồng chí Nguyễn Xuân Nhĩ (Tám Tâm) - Khu ủy viên làm Bí thư Liên Tỉnh ủy).

Tết Mậu Tuất, tháng 2-1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp tại nóc Di Ngâu, xã Trà Trung, huyện Trà Bồng, do đồng chí Nguyễn Quang Lâm chủ trì. Hội nghị kiểm tra việc thực hiện theo tinh thần cấp trên hướng dẫn về việc tích cực chuẩn bị cơ sở vật chất mọi mặt cho võ trang khởi nghĩa. Họp xong phần chính, Tỉnh ủy cử hai đồng chí

Phạm Thanh Biền - ủy viên Thường vụ và Đinh Mười (Mô) - Tỉnh ủy viên về Liên khu ủy báo cáo, thỉnh thị. Chúng tôi đi mất gần 20 ngày mới đến cơ quan Liên khu ủy đóng ở huyện Hiên (tây Quảng Nam).

Đến nơi, chúng tôi làm việc với anh Hai Hậu, Bí thư và anh Bảy (Nguyễn Xuân Hữu), Liên khu ủy viên, Chánh Văn phòng Liên khu ủy, anh Năm Công đi Hà Nội dự Hội nghị Trung ương. Chúng tôi báo cáo tình hình địa phương, báo cáo các đề nghị, yêu cầu của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Các anh phổ biến tình hình nhiệm vụ mới và bảo chúng tôi làm phương án chuẩn bị cho khởi nghĩa võ trang miền Tây Quảng Ngãi. Làm xong, các anh thông qua phương án, Liên khu ủy giữ một bản, Tỉnh ủy giữ một bản, các anh vui vẻ góp ý, nhấn mạnh thêm: Khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho võ trang khởi nghĩa, chuẩn bị dự trữ vật dùng thiết yếu cho cơ quan, đơn vị tập trung và cho dân vùng căn cứ cho được hai năm. Khi có điều kiện, thời cơ cho phép, thì lãnh đạo nhân dân nổi dậy xóa chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng, làm trước ở những vùng cao, vùng xa địch, rồi loang ra dần đến vùng thấp, tình hình thuận lợi, thời cơ cho phép đánh đổ chính quyền cấp quận của địch, khởi nghĩa giải phóng toàn huyện thì phải kịp thời thỉnh thị Liên khu ủy.

2. Anh Năm với cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi

Trước sau như một, anh chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời và ủng hộ, giúp đỡ tận tình, đến nơi, đến chốn, đến thắng lợi và phát triển.

Triển khai tích cực theo phương án mà Thường vụ Liên khu ủy đã duyệt tháng 3-1958, sau cuộc Hội nghị lần thứ 11 Tỉnh ủy, tháng 5-1958, Hội nghị cán bộ lãnh đạo toàn miền Tây, tháng 6-1958, cuộc Đại hội đại biểu các dân tộc miền Tây ngày 7-7-1958, các đơn vị võ trang tập trung đầu tiên được thành lập như 339, 89, 299... Các mặt chuẩn bị tư tưởng, chính trị, tổ chức, các nhu cầu thiết yếu dự trữ hai năm cho cơ quan, lực lượng nhân dân vùng trung tâm căn cứ, xây dựng các chi bộ Đảng ở xã, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, tổ sản xuất, xây dựng các cơ sở sản xuất lương thực, sản xuất thủ công nghiệp, phát triển du kích tự vệ xã, thôn, bố phòng, xây dựng hệ thống chỉ đạo chỉ huy quân sự từ thôn, xã, khu (tương đương huyện) đến tỉnh, v.v. đều đã đạt được yêu cầu theo các nghị quyết Tỉnh ủy và phương án khởi nghĩa võ trang.

Cùng lúc đó, địch khủng bố, càn quét ráo riết vùng cao, bắt bớ, đánh đập, bắn giết những người yêu nước, một số nóc, làng, dân tự động đốt nhà, vào rừng sâu bố phòng, sống bất hợp tác chống địch. Tình hình hết sức căng thẳng, giống như "ngọn lũ cao chực phá đê", giống như "cá tức trứng chờ trời lụt mà vọt lên bờ để đẻ". Thật sự là đã có lực, có thế, chỉ chờ thời cơ, có dịp là nổi dậy đánh địch ngay. Dịp ấy là cuộc Hội nghị lần thứ 13 Tỉnh ủy vào tháng 6-1959, học tập văn bản Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, trong các vấn đề cụ thể và lớn có quyết định "Tẩy chay cuộc bầu cử Quốc hội khóa II của Diệm", triệt để chống bầu cử bằng mọi hình thức, kể cả bố phòng, bất hợp tác và chống địch ở vùng cao.

Địch khủng bố lùa dân đi bầu cử, dân chống, địch bắn chết người, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng nổ ra ngày 28-8-1959. Từ một vài xã loang nhanh ra toàn huyện, diệt ác trừ gian, lật đổ toàn bộ ngụy quyền cấp xã, ngụy quân tan rã và rút chạy, bọn ngụy quyền quận bỏ công sở chạy về tỉnh, toàn huyện Trà Bồng hoàn toàn giải phóng. Thường trực Tỉnh ủy báo cáo về Liên khu ủy trong ngày đầu; ngày 1-9-1959, Thường vụ Tỉnh ủy bàn cụ thể đánh giá tình hình địch - ta, có chủ trương và kế hoạch cụ thể cho Trà Bồng, cho các huyện miền Tây, cho các huyện đồng bằng, báo cáo đầy đủ về Liên khu ủy, yêu cầu Liên khu ủy cho các tỉnh bạn viện trợ, ủng hộ.

Được điện của Quảng Ngãi, anh Năm Công là Bí thư Liên khu ủy 5 trực tiếp trả lời qua điện đài 15W: "Hoan nghênh và đồng ý báo cáo và các yêu cầu của cuộc họp Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi". Anh chỉ thị thêm về các vấn đề lớn, trong đó dặn theo dõi chặt chẽ tình hình đối phó của địch, chăm lo đời sống của dân, kiên quyết bố phòng giữ vững vùng trung tâm căn cứ, vận dụng linh hoạt các hình thức, các phương pháp đấu tranh với địch ở các vùng trong tỉnh, nắm vững đấu tranh chính trị, binh vận kết hợp chặt chẽ với quân sự, cố giữ thế hợp pháp cho quần chúng ở phần lớn thuộc miền Tây.

Được điện trả lời của đồng chí Bí thư Liên khu ủy 5, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho các khu (huyện) thuộc miền Tây đồng khởi (các vùng cao, xa địch, đã cho nổi dậy xóa chính quyền địch từ ngày 30-8-1959). Để quán triệt nghị quyết và thống nhất ý chí hành động, cuộc họp Thường vụ

mở rộng (chủ yếu là chủ trì các khu thuộc miền Tây) vào ngày 5 và ngày 6-9-1959, một lần nữa xác định quyết tâm, nhờ đó đến ngày 5-9-1959, đồng khởi xong toàn miền Tây. Quá trình khởi nghĩa trên được gọi là "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi". Chính quyền cách mạng (tự quản) từ thôn, xã đến huyện được thành lập ngày 5-9-1959, chính quyền cách mạng quản lý toàn diện (trong công tác có mở các phiên tòa đặc biệt xử bọn ác ôn phản quốc).

Tôi xin nói thêm: Được điện anh Năm, Tỉnh ủy Quảng Ngãi hết sức vui mừng, là chỉ thị, là nguồn động viên to lớn, là cơ sở bảo đảm quyết tâm của chúng tôi, chỉ cho chúng tôi phải làm tới, phải tiến lên không ngừng. Nhờ sự chỉ đạo kịp thời và sáng suốt của Thường vụ Liên khu ủy, của đồng chí Bí thư Liên khu ủy 5 mà Đảng bộ Quảng Ngãi được đoàn kết thống nhất, giữ vững ý chí, quyết tâm hành động đưa sự nghiệp khởi nghĩa của mùa thu năm 1959 ở miền tây Quảng Ngãi thắng lợi.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi nổ ra, lúc đầu có một số các đồng chí ở Liên khu, các tỉnh có băn khoăn vì muốn có thêm thời gian để chuẩn bị, để cùng nổi dậy với phạm vi rộng hơn, nhưng thực tế thì miền tây Quảng Ngãi đã nổ ra và đứng vững. Để bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, anh Năm vừa nghe báo cáo của Quảng Ngãi, vừa cho cán bộ đi kiểm tra tại Trà Bồng, đến Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất trong kháng chiến chống Mỹ vào tháng 2-1960, mặc dù vừa mới ốm dậy nhưng anh đã cố xuống để dự và chỉ đạo

Đại hội. Vượt đèo dốc đi trong lúc địch bao vây càn quét; vượt mấy lớp bố phòng, anh đến Đại hội, Đại hội vô cùng xúc động, mừng rỡ. Đoàn chủ tịch Đại hội rất tin tưởng, yên tâm. Sau báo cáo tình hình nhiệm vụ của quyền Bí thư Tỉnh ủy, anh phát biểu chỉ đạo Đại hội và nói lên nhận xét của Thường vụ Liên khu ủy, của anh về "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng" trước lúc bế mạc Đại hội. Thay mặt Liên khu ủy, anh phát biểu huấn thị đánh giá rõ: "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi", về tình hình nhiệm vụ chung của tỉnh Quảng Ngãi, như các sử sách tài liệu của Trung ương, của Khu 5 và của tỉnh Quảng Ngãi đã ghi.

Đến tháng 4-1960, Liên khu ủy họp mở rộng do anh Năm Công chủ trì đã kết luận toàn Liên khu 5, toàn cuộc họp đều nhất trí về "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi".

Từ Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tháng 2-1960 về sau, khi nào ở Quảng Ngãi có bước ngoặt là có anh về tận nơi để chỉ đạo.

Tháng 9-1965, từ cơ quan Khu ủy, anh xuống đồng bằng Quảng Nam, vào Bình Sơn, Sơn Tịnh kiểm tra tình hình, đến cơ quan Tỉnh ủy đóng tại xóm Xoài Bộng, xã Tịnh Đông để dự Hội nghị Tỉnh ủy. Tại đây, anh góp rất nhiều ý kiến cho Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch để kiên quyết đánh phủ đầu quân đội Mỹ mở chiến dịch mùa khô năm 1965 - 1966, giành cho được thắng lợi lớn. Mùa khô ấy, ở Quảng Ngãi nói chung, huyện Đức Phổ nói riêng giành thắng lợi rất to lớn, vang dội, mùa khô

lần thứ hai 1966 -1967, Quảng Ngãi giành thắng lợi giòn giã, vành đai diệt Mỹ Bình Sơn vững chắc tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Tháng 7-1970, anh cùng đoàn cán bộ quân sự, chính trị về dự Hội nghị cán bộ quân dân chính tỉnh Quảng Ngãi gồm trên 200 người tại thôn Tà Mực, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng bàn chống kế hoạch "bình định - Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ" giành giữ dân. "Dân là gốc". Cuộc họp chỉnh huấn này đã làm chuyển biến tích cực phong trào; cán bộ, bộ đội bám đồng bằng, bám dân, từng bước giành thắng lợi, giành được dân, dẫn đến thắng lợi đông xuân 1970 - 1971 trong chiến thắng chiến dịch "Đường 9 Nam Lào" và tạo thuận lợi cho chiến thắng ở Quảng Ngãi trong các chiến dịch mùa Xuân năm 1972 và trong các chiến dịch ở Quảng Trị, Bình Long, Phước Long, Kon Tum.

Trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam mùa Xuân năm 1975, anh đã xuống cơ quan Tỉnh ủy, gợi ý cho Tỉnh ủy xây dựng quyết tâm để cùng các tỉnh ven biển miền Trung giải phóng, tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất.

3. Anh Năm với việc tách tỉnh Nghĩa Bình và vấn đề hợp tác xã

Sau giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, anh gánh vác nhiều việc lớn lao của cả nước, đề xuất nhiều chủ trương quan trọng đối với Trung ương Đảng và Chính phủ, được Bộ Chính trị chấp thuận. Anh là một trong các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở miền Nam trong kháng chiến đề

nghị sớm thống nhất hai miền Bắc, Nam. Lúc anh làm Thường trực Ban Bí thư Trung ương, anh đề xuất ý kiến "đổi mới quản lý các hợp tác xã nông nghiệp"; lúc anh làm Ủy viên Bộ Chính trị - Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, anh cùng các đồng chí trong Bộ Chính trị đồng ý cho chia tách tỉnh Nghĩa Bình và một sổ tỉnh lớn ở miền Trung, lúc này anh Nguyễn Văn Linh là Tổng Bí thư.

Mở đầu việc tách tỉnh là Nghĩa Bình. Công cuộc khởi đầu khó khăn lắm, rất vất vả, đại đa số đồng tình ủng hộ, số phản đối không đồng tình cũng có. Thấy việc làm là phải và đúng lúc được lòng dân nên một số cán bộ nghỉ hưu thường trú ở Quảng Ngãi được số đông cán bộ đương chức giúp sức nên đã quyết tâm xin Trung ương tách tỉnh. Anh Phạm Văn Đồng tuổi đã cao, ở cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, anh Nguyễn Văn Linh, anh Đỗ Mười và các anh khác chúng tôi có gặp được một vài lần.

Anh Năm Công, nguyên là Bí thư Khu ủy 5, rất sát tình hình Nghĩa Bình. Chúng tôi nhớ lại chuyện thời anh làm Bí thư Khu ủy 5 đã trực tiếp chỉ đạo cho Đảng bộ Quảng Ngãi giải quyết thành công "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi" do đó quyết dựa vào anh trong việc tách tỉnh. Tách được tỉnh là quyết định của Trung ương, của Bộ Chính trị, của Quốc hội và Chính phủ, nhưng anh là người lo lắng nhiều nhất; anh cùng các anh Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười đi vào tận Quy Nhơn, Quảng Ngãi để thăm dò, xem xét kỹ thấy là đúng, đã chín muồi mới đề xuất cho Trung ương Đảng,

cho Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất quyết định.

Anh thôi nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương trong Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII - tháng 12-1997.

Với danh nghĩa là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khu 5, trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, từ thành phố Hồ Chí Minh, anh về thăm các tỉnh Khu 5, thiếu chị vì chị đã đi xa, anh em Quảng Ngãi rất nhớ thương chị. Tại cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi, vào lúc 3 giờ 30 chiều ngày 7-4-1999, chúng tôi gồm nguyên các Khu ủy viên Khu 5, Khu 6, các Bí thư và Phó Bí thư Tỉnh ủy, các Phó ban cấp Khu thời kháng chiến, các Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Bí thư Tỉnh ủy mới nghỉ hưu, Bí thư và Thường vụ Tỉnh ủy đương chức - thường trú tại Quảng Ngãi... đều đến trước giờ chờ đón tiếp anh về Quảng Ngãi, gặp anh tay bắt mặt mừng thật vô cùng cảm động. Nhìn thấy anh còn khỏe, đi lại vững vàng hơn lúc đoàn chúng tôi - đoàn cán bộ lão thành cách mạng gồm 12 người quê Quảng Ngãi vào thăm anh, vào viếng chị tại nhà riêng ở thành phố Hồ Chí Minh ngày 16-8-1998, ai cũng phấn khởi, chuyện trò thân mật, chụp ảnh lưu niệm, cùng dùng bữa cơm chiều đầm ấm tại Nhà khách Ủy ban nhân dân tỉnh.

*

* *

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Võ Chí Công là to lớn. Viết về Võ Chí Công, một vị lãnh đạo cấp

cao của Đảng, của Nhà nước, một nhân cách lớn của người con Liên khu 5, của cả nước trong cách mạng thời kỳ chống Mỹ, cứu nước và thời kỳ đầu xây dựng đất nước theo con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội là việc làm cần thiết.

Với lòng kính mến người thuộc bậc cách mạng đàn anh, tôi xin viết lại một đôi điều về anh để ghi nhớ. Riêng tôi, tôi học được ở anh rất nhiều điều và về mọi mặt, vì anh và các bậc tiền bối là các đấng bậc anh cả, là thầy dạy chúng tôi, dắt dìu chúng tôi làm cách mạng, làm thật tốt nhiệm vụ của một người đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam, một công dân tốt của Tổ quốc Việt Nam anh hùng và xã hội chủ nghĩa.

NHỮNG KỶ NIỆM SÂU SẮC VỚI ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ KHU ỦY 5

NGUYỄN DUY LUÂN *

Trong lúc sưu tầm tư liệu viết Lịch sử Đảng bộ, tôi có đọc một đoạn trong Hồi ký *Trên những chặng đường cách mạng* của đồng chí Võ Chí Công, nguyên Bí thư Khu ủy 5: "Chúng tôi ở trong tình hình tưởng chừng tiến thoái lưỡng nan, trong quá trình hoạt động cách mạng, chưa bao giờ chúng tôi lúng túng như gà mắc tóc, gần như bế tắc vậy. Từ cuối năm 1956, 1957, 1958, trong các cấp đảng bộ, nhất là Liên khu ủy, ở các tỉnh ủy tranh luận sôi nổi, dai dẳng về tình hình cách mạng miền Nam, lúc này lôi cả nguyên lý của sách kinh điển, các bậc vĩ nhân nói cho hả dạ; cuối cùng thống nhất là phải dùng bạo lực mới thắng được địch, cách mạng mới phát triển và đi đến thắng lợi".

Liên khu ủy tự kiểm điểm: "Trong đánh giá địch không thấy hết bản chất thủ đoạn dã man của đế quốc Mỹ và bọn tay sai bán nước Ngô Đình Diệm", địch và ta là kẻ thù

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên.

không đội trời chung, không bao giờ thỏa hiệp với nhau được, nhận thức về vận dụng phương thức đấu tranh máy móc, một mặt thì muốn đấu tranh bạo lực, mặt khác lại sợ sai đường lối của Đảng, nên lúng túng đến nỗi diệt ác ôn để hỗ trợ phong trào quần chúng, bảo vệ lực lượng cũng không dám. Từ tinh thần phê bình và tự phê bình, dám nhìn thẳng vào sự thật mặt trái của vấn đề và kiên quyết khắc phục, đó là tư tưởng tấn công của đồng chí Võ Chí Công và tư tưởng này được thể hiện trên nhiều mặt, nhiều lần, nhiều bước ngoặt của cách mạng và đồng chí đều thành công. Đồng chí có khả năng tổng kết từ cơ sở, từ quần chúng nâng lên thành lý luận, thành chủ trương của Đảng để lãnh đạo.

Mùa hè năm 1959, đồng chí Võ Chí Công đi dự họp Trung ương để tiếp thu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, về truyền đạt tinh thần Nghị quyết này cho Hội nghị mở rộng của Liên khu ủy. Liên khu ủy báo cáo: "Huyện Trà Bồng, một huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi quần chúng tự nổi dậy tháng 8 năm 1959". Nhận được tin này, đồng chí đã trực tiếp xuống tận nơi để nghe cơ sở báo cáo và đồng chí kết luận: "Huyện Trà Bồng trong thế quần chúng nổi dậy mạnh mẽ, đã đánh bại cuộc càn quét như vậy là thắng lợi và là hành động đúng. Tôi biểu dương và lấy điển hình này nhân rộng ra các địa phương khác, ta nhất định thành công", đồng chí rất phấn khởi.

Tháng 12-1959, hầu hết các tỉnh của Liên khu 5 đã đưa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung

ương Đảng áp dụng vào địa phương với phương thức: Trước hết là ở miền núi, nơi nào có chính quyền địch, nổi dậy xóa sạch chính quyền xã, thôn của chúng, lập chính quyền cách mạng, xây dựng căn cứ vũ trang và các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, chống càn quét, bảo vệ căn cứ làm chỗ dựa cho cuộc chiến tranh lâu dài. Tích cực phát triển cách mạng, cơ sở đảng và lực lượng vũ trang ở đồng bằng, đồng thời tiến công phá kìm kẹp, giành thế chủ động, phát động quần chúng đứng lên đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Nhận định tình hình đồng bằng, Liên khu ủy 5 viết: "Hiện nay ở đồng bằng mới bắt đầu gượng dậy, ở miền núi đang được củng cố và phát triển. Ta có khả năng xây dựng cơ sở ở đồng bằng, nhưng chưa thể làm nhanh được... cho nên nôn nóng và ồ ạt sẽ bị thất bại, nhưng nếu mai phục một cách máy móc, co vòi lại thì cũng sẽ bị thất bại nặng... không thể làm nhanh một đêm, mà phải có thời gian phát động cao trào quần chúng".

Tháng 8-1960, Thường vụ Liên khu ủy ra Chỉ thị "Chủ trương phát động phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn với chủ trương kịp thời phát động phong trào nông thôn, hỗ trợ cho phong trào thành phố, góp phần xây dựng căn cứ miền núi".

Quán triệt chủ trương của trên, Tỉnh ủy Phú Yên cho huyện Tuy Hòa I (nay là huyện Đông Hòa và Tây Hòa) làm điểm "đồng khởi" ở đồng bằng; Huyện ủy Tuy Hòa I tiến hành vũ trang tuyên truyền, diệt 2 tên ác ôn ở Hòa Mỹ, Hòa Xuân có nhiều tội ác với nhân dân; địch hoang

mang dao động mạnh, phong trào cách mạng quần chúng phát triển nhanh.

Huyện ủy Tuy Hòa I chọn xã Hòa Thịnh làm thí điểm (đồng khởi) đầu tiên. Đêm 22-12-1960, phát động quần chúng tự đứng lên bằng sức mạnh bạo lực của quần chúng, cùng với lực lượng vũ trang tại chỗ. Hỗ trợ diệt ác, phá kìm, thu vũ khí, bắt dân vệ, nhân dân nổi dậy bắt mâm tề đưa ra xử tội tại chỗ, tuyên bố xóa bỏ ngụy quyền địch, lập chính quyền cách mạng xã, kêu gọi trên 50 thanh niên xung phong nhập vào lực lượng cách mạng, nhân dân đóng góp lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Sau đó mở rộng ra các xã Hòa Mỹ, Hòa Đông, Hòa Tân, Hòa Hiệp, Hòa Xuân và toàn huyện Tuy Hòa I.

Đồng khởi điểm ở Hòa Thịnh được Tỉnh ủy báo cáo đầy đủ cho Ban Thường vụ Liên khu ủy và đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Liên khu ủy biết. Đồng chí Võ Chí Công rất phấn khởi nói: "*Đây là ý Đảng, lòng dân rồi*". Ngay từ tháng 6-1961, đồng chí Bí thư Liên khu ủy trên đường vào Nam Bộ để thành lập Trung ương Cục đã dừng chân ở H2 (Đắk Lắk) để truyền đạt kinh nghiệm "đồng khởi Bến Tre" và "đồng khởi Hòa Thịnh" (Tuy Hòa I) cho Tỉnh ủy Đắk Lắk, Khánh Hòa và Phú Yên học tập.

Đồng chí nói: "Ta đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ một số vùng đồng bằng; đặc biệt xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã kết hợp hoạt động diệt ác và phát động quần chúng nổi dậy phá kìm kẹp, giành dân, giành quyền làm chủ, ngụy quyền địch ở đồng bằng rung chuyển mạnh, khí

thế cách mạng của quần chúng đồng bằng lên mạnh, phong trào thành phố cũng bắt đầu lên. Thắng lợi đó có ý nghĩa chiến lược rất lớn, vì hầu như toàn bộ Liên khu 5 nằm trong thế kìm kẹp của địch và qua một thời kỳ khủng bố trắng dã man, đã bùng lên khởi nghĩa, phá tan từng mảng lớn ngụy quyền của địch".

Năm 1962 - 1963, Khu ủy 5 đánh giá: "Nhờ có phong trào đồng khởi giành chính quyền ở đồng bằng nông thôn, mà phong trào cách mạng trong Khu đã thực sự chuyển biến, khắc phục được nhược điểm của cách mạng miền Nam: "Nam Bộ mạnh, Khu 5 yếu", "chính trị mạnh, vũ trang yếu". Riêng Khu 5 "miền núi mạnh, đồng bằng yếu" mở rộng đồng bằng, giữ vững miền núi là thắng lợi không riêng đối với Khu 5 mà đối với cả phong trào cách mạng miền Nam nói chung.

Tháng 10-1974, Hội nghị Khu ủy 5 chuẩn bị cho chiến dịch năm 1975 diễn ra tại Phước Trà (Hiệp Đức, Quảng Nam). Tôi lúc này với cương vị Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên được trực tiếp dự hội nghị nghe và nhận nhiệm vụ chuẩn bị cho chiến dịch.

Sau khi nghe tôi báo cáo toàn bộ tình hình ta, địch và sơ bộ các mặt chuẩn bị của Phú Yên, đồng chí Võ Chí Công chỉ thị cho Phú Yên: Nhiệm vụ suốt cả năm 1975, hướng chủ yếu tấn công và nổi dậy ở đồng bằng hai huyện Tuy Hòa I và Tuy Hòa II, ép địch sát đường quốc lộ I, quận lỵ Phú Lâm, thị xã Tuy Hòa. Đánh tiêu diệt một số đơn vị đại đội, tiểu đoàn của địch, phá rã toàn bộ dân vệ, thu vũ khí, bắt tù binh, phá rã bộ máy kìm kẹp của địch.

Phát động quần chúng nổi dậy phá ấp, giành dân, giành quyền làm chủ, giải phóng các xã đồng bằng nông thôn thành từng mảng liên hoàn nối liền với miền núi, tạo thế căn cứ vững chắc, đưa chân đấu tranh chính trị, binh vận hỗ trợ cho phong trào thị xã.

Đối với các huyện phía Bắc, tỉnh dùng bộ đội huyện, dân quân du kích và cán bộ, nhân dân tấn công nổi dậy giải phóng một số khu dồn, giải phóng nông thôn, bao vây bứt rút một số khu vực như Xuân Phước, Xuân Lãnh, tạo thế bao vây thị trấn La Hai, Sông Cầu, Tuy An.

Động viên nhân tài vật lực phục vụ tiền tuyến, huy động cán bộ nhân dân vùng căn cứ đi dân công vận chuyển hàng hoá cho chiến dịch.

Sử dụng toàn bộ lực lượng tập trung của tỉnh cho hướng trọng điểm Tuy Hòa I và Tuy Hòa II; không có đủ chủ lực Quân khu tham gia. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo chỉ huy ở hướng trọng điểm, tổ chức bộ phận phục vụ thường xuyên liên lạc với Khu ủy, Quân khu.

Đối với thị xã Tuy Hòa, phải tích cực chuẩn bị bên trong, sẵn sàng khi có thời cơ ta tấn công và nổi dậy ở thị xã Tuy Hòa".

Trên đường về, tôi suy nghĩ, đồng chí Bí thư Khu ủy giao nhiệm vụ hướng trọng điểm này chắc là nhằm vào nơi đông dân, nhiều của gắn với địa bàn thị xã, để giải quyết vấn đề khó khăn hiện nay là "lương thực và quân số". Tôi về báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy, căn cứ mệnh lệnh Quân khu giao để chuẩn bị hạ quyết tâm nhiệm vụ năm 1975 của Phú Yên.

Đến ngày 10-3-1975, trọng điểm chiến dịch Tây Nguyên nổ ra tấn công và nổi dậy giải phóng vùng phụ cận, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột và giải phóng toàn tỉnh Đắk Lắk ngày 11-3-1975.

Chiều ngày 17-3-1975, Khu ủy và Quân khu điện cho Phú Yên tổ chức chốt, chặn đánh địch từ Tây Nguyên rút theo đường số 7 về bám giữ đồng bằng ven biển miền Trung. Phú Yên phải chốt chặn đánh tiêu diệt địch, thu toàn bộ vũ khí, bắt tù binh, không cho chúng co cụm lại và tẩu thoát.

Như vậy ý đồ của đồng chí Bí thư Khu ủy giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Phú Yên là tập trung lực lượng của tỉnh tấn công và nổi dậy giải phóng hai huyện Tuy Hòa I và Tuy Hòa II, nằm trên trục đường số 5 và 7 có ẩn ý hai nhiệm vụ: Vừa giải phóng đồng bằng, nông thôn rộng lớn, đông dân, nhiều của, vừa đánh địch, ngăn chặn địch từ đồng bằng tiếp viện lên Tây Nguyên, nếu Tây Nguyên bị đánh; đánh địch không cho địch từ Tây Nguyên rút chạy về đồng bằng nếu địch ở Tây Nguyên bị thua. Đây là sự sáng suốt, nhanh nhạy, dự kiến tình huống đúng đắn.

Lực lượng vũ trang của tỉnh nhanh chóng giải quyết ở trọng điểm tác chiến, chuyển vào ép sát thị xã, hình thành thế tấn công bao vây thị xã, để khi có điều kiện tấn công dứt điểm thị xã.

Sáng 17-3-1975, hướng thứ yếu, Đại đội đặc công 202 của tỉnh đánh dứt điểm cứ điểm Núi Tranh, Hòa Quang, diệt gọn đại đội Bảo an. Tiểu đoàn 96 đánh thiệt hại nặng hai đại đội địch đi giải tỏa chiếm lại Núi Tranh. Tiếp đến,

ngày 18-3-1975, Tiểu đoàn 96 đánh trận vận động phục kích dọc sông Đà Rằng trên đường 7, một đại đội Bảo an từ Phú Lâm lên Hòa Phong lội sông sang tiếp viện cho bọn địch bị đánh ở Hòa Quang, Hòa Thắng. Ta diệt gọn đại đội này thu toàn bộ vũ khí có cả súng cối 81 - 60 và đại liên, ta chốt giữ đường 7.

Sáng 19-3-1975, ta nổ súng tấn công hướng trọng điểm Tuy Hòa I, diệt gọn tiểu đoàn thiếu Bảo an ở Cầu Cháy (Hòa Mỹ); diệt gọn đại đội Bảo an ở núi Sặc (Hòa Phong) tập kích vào quận lỵ Phú Lâm, trụ sở hành chính Hòa Thành, bọn dân vệ gác giữ cầu tổng Phú Thứ và chốt chặn tại đây; bứt rút hai chốt núi Lá, núi Đất và khu dồn Phú Hữu ở Hòa Thịnh, giải phóng hoàn toàn 5 xã của Tuy Hòa I và 3 xã Tuy Hòa II nằm dọc trên đường 7 và đường 5. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc cho Phú Yên chốt chặn giữ đánh địch liền trong 7 ngày đêm, diệt toàn bộ địch từ Tây Nguyên rút lui về co cụm giữ các tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung theo điện của Quân khu.

Trong khi đó, vào ngày 17-3-1975, đoàn quân rút lui của ngụy từ Tây Nguyên rút theo đường 7, tốp xe tăng, xe bọc thép và đơn vị công binh đi đầu để mở đường đã đến Củng Sơn để làm cầu phao sang sông Đà Rằng qua đường 5.

Sáng 19-3-1975, lực lượng ta đã chốt chặn, phục kích đường 5 từ cầu Đồng Bò đến Phú Thứ, ga Gà Mầm, dài 5 km có công sự Hầm Kèo vững chắc bằng hai tiểu đoàn bộ binh và một đại đội tập trung của huyện. Sẵn sàng đánh địch dài ngày, có Tiểu đoàn 189 hỏa lực mạnh chi viện, có chỉ huy Sở tiền phương tại núi Hương. Quyết tâm chặn đánh

địch rút lui xuống đường 5 chứ không phải đi theo đường 7 như đoạn Cheo Reo - Củng Sơn.

Như tiếp thêm sức mạnh cho Phú Yên, ngày 22-3-1975, Thường vụ Khu ủy điện: "Ta đã giải phóng 4 tỉnh Tây Nguyên, một số quận lỵ và nhiều mảng lớn ở đồng bằng, nhất là ở vùng sâu do ta tấn công mạnh, địch đang suy yếu nghiêm trọng, đang dao động và tan rã lớn, buộc bọn bên trên phải ra lệnh rút quân. Tình hình phát triển nhảy vọt, cách mạng trong tình thế chín muồi, có đầy đủ khả năng giải phóng toàn bộ Khu 5 trong thời gian không lâu. Cho nên khẩu hiệu hành động của ta là: "Huy động toàn bộ lực lượng, nỗ lực cao nhất, dám hy sinh nắm vững thời cơ ngàn năm có một, tấn công và nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân"".

Địch ngoan cố chờ sự chi viện của trên, đến 12 giờ ngày 25-3-1975, phía trước ta chặn đánh quyết liệt tại đường 5, phía sau lưng bị Tiểu đoàn 96 và Sư đoàn 320 đuổi theo truy kích, buộc chúng phải mở đường máu tràn qua trận địa phục kích của ta. Địch dùng 28 xe tăng, xe bọc thép dàn hàng ngang từ đường 5 (Tây Hòa đi Sông Hinh) đến mép sông Đà Rằng vừa chạy, vừa bắn xối xả vào trận địa ta, ta tập trung đánh ngoài sông, thì trên đường 5 chúng dùng xe tăng tràn qua trận địa. Mặc cho xe bị cháy, lính bị chết, chúng cứ chạy một cách hoảng loạn. Bộ đội ta xuất kích, đánh địch làm một số xe tăng cháy lật xuống đường, xuống mương, làm tắc đường, xe, người ùn lại; ta diệt một số, số đông đầu hàng, ta bắt sống và thu toàn bộ vũ khí

phương tiện chiến tranh, trên trục đường giao thông ngổn ngang xác chết nghẹt cả mương nước.

Đến 14 giờ ngày 25-3-1975, trận địa đường 5 kết thúc. Đúng 17 giờ cùng ngày, máy bay A37 thả bom phá hủy bãi xe của chúng còn bị kẹt lại và phá hủy cầu phao, sợ xe cơ giới chủ lực ta truy kích đuổi theo chúng xuống đồng bằng.

Như vậy, đúng như dự đoán và kế hoạch đã bố trí sẵn, suốt 7 ngày đêm từ ngày 19 đến ngày 25-3-1975, ta chặn đánh và tiêu diệt, bắt sống toàn bộ quân địch từ Tây Nguyên rút xuống Phú Yên, thu và phá hủy toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh chúng mang theo; chúng bị đánh tan tác buộc phải vứt vũ khí, áo quần cải trang cùng với gia đình chui vào rừng sâu, để hòng đưa gia đình thoát thân. Nhân dân các xã Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Hòa Đồng, Hòa Tân đón tại các cửa rừng bắt sống hàng trăm tên địch cùng với gia đình, đói khát từ rừng sâu chui ra hàng.

Rõ ràng đây là sự nhìn xa thấy rộng, biết mở hướng trọng điểm Tuy Hòa I, Tuy Hòa II, là thể hiện sự chỉ đạo thường xuyên chặt chẽ, sáng tạo, kiên quyết của đồng chí Bí thư Khu ủy - Năm Công.

NGƯỜI HỌC TRÒ XUẤT SẮC CỦA BÁC HỒ, ANH NĂM QUÝ MẾN CỦA CHÚNG TÔI

NGUYỄN TRUNG TÍN *

Năm 1950, tôi công tác tại tỉnh Bình Định quê nhà, làm Trưởng phòng Dân tộc thiểu số của cơ quan Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh, lo xây dựng và chỉ đạo bộ máy vận động dân tộc miền núi ở các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh. Khi tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi nổ ra "vụ Chín xẻng"[1], tôi được điều về Liên khu làm cán bộ nghiên cứu về dân tộc, vừa làm thư ký các cuộc họp Ban Kinh tế của Văn phòng Liên khu ủy 5.

Từ khi về công tác tại Văn phòng Liên khu ủy 5, tôi mới có điều kiện tiếp xúc, hiểu biết về đồng chí Võ Chí

---

* Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bình Định, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng.

1. Tháng 1-1950, lợi dụng những "sai lầm, khuyết điểm" trong công tác vận động quần chúng của một số cán bộ người Kinh, quân Pháp đã kích động một số tù trưởng bất mãn ở vùng Sơn Hà, Quảng Ngãi nổi dậy chống chính quyền cách mạng, gây cho ta nhiều khó khăn. "Chín xẻng" là tiếng địa phương, gọi những người lầm đường theo Pháp (Ban chuẩn bị nội dung).

Công, lúc đó đồng chí đã là một cán bộ lãnh đạo của Liên khu ủy, chỉ đạo công tác Liên tỉnh Bình Định - Gia Lai.

Theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đất nước ta tạm chia làm hai miền, miền Bắc hòa bình tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam bị địch chiếm đóng, sau hai năm sẽ tổ chức Tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà. Nhưng bọn địch đã phá hoại Hiệp định Giơnevơ khi còn chưa ráo mực, chúng đã đàn áp cán bộ kháng chiến và đồng bào ta rất dã man...

Thời gian này, đồng chí Võ Chí Công ở Quy Nhơn - Bình Định để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cho một số cán bộ, bộ đội ta tập kết ra miền Bắc và cũng là người đứng ra tổ chức, sắp xếp những cán bộ kháng chiến ở lại miền Nam bí mật hoạt động cách mạng và hình thành các cấp ủy từ tỉnh đến huyện, xã; đồng thời xác định số đảng viên ở lại hoạt động hợp pháp. Đồng chí cũng trực tiếp chỉ đạo tỉnh Bình Định trong lúc "giao thời" theo quy định của Hiệp định - thời hạn ba trăm ngày tập kết và sau đó đối phương tiếp quản.

Ba trăm ngày tập kết đã kết thúc, nhưng đồng chí Võ Chí Công vẫn còn ở Bình Định tiếp tục trọng trách của mình.

Lúc này, ở Vĩnh Thạnh, địch cũng đã lùng sục khắp nơi, tìm bắt cán bộ, đốt nhà, cướp thóc lúa, đàn áp đồng bào ta. Chúng sục vào làng Hà Ri cướp gạo của đồng bào. Lập tức cán bộ hoạt động bí mật đã huy động bà con dân tộc Bahnar ở các làng Tơlok, Tơlek cùng với bà con Hà Ri vác giáo mác, cung tên kéo xuống Vĩnh Phúc - Bình Quang

(huyện Vĩnh Thạnh) nơi địch đóng, đòi địch trả lại số thóc gạo cách mạng trợ cấp cho dân mà chúng vừa cướp đi. Già làng Hú Tét, kêu gọi dân làng kéo đến đấu tranh:

- Gạo này là gạo của dân Hà Ri, đó là gạo của Bok Hồ cho chúng tôi, các ông không được lấy!

- Lúc dân Hà Ri khó khăn, Bok Hồ cho dân gạo, Bok Hồ cho chúng tôi gạo, tại sao các ông không cho chúng tôi gạo mà lại còn cướp gạo của chúng tôi? Các ông không biết thương dân, các ông là kẻ ác!...

Bà con vừa nói lý đấu tranh vừa giật lại gạo của mình....

Trong khi đó, bà con người Kinh ở các xã Bình Quang, Vĩnh Phúc, Vĩnh Cửu, Định Thành cũng tích cực hỗ trợ đồng bào dân tộc, họ mang cả dao, rựa đi đấu tranh, buộc địch phải trả lại thóc cho dân làng Hà Ri.

Đó là cuộc đấu tranh chính trị đầu tiên của tỉnh Bình Định. Huyện ủy Vĩnh Thạnh đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch thắng lợi. Biết tin, đồng chí Võ Chí Công đã trực tiếp về cơ sở, nghe dân báo cáo và khen ngợi đồng bào Hà Ri kiên cường, đồng thời đã kịp thời thay mặt Liên khu ủy, thay mặt Đảng khen ngợi, động viên tinh thần rất lớn đối với chúng tôi. Lúc đó tôi là Phó Bí thư Huyện ủy Vĩnh Thạnh. Lần đầu gặp anh trong trường hợp đặc biệt này, đã để lại trong tôi ấn tượng thật sâu đậm, không thể nào quên.

Sau đó, đồng chí Võ Chí Công được Trung ương điều về làm Phó Bí thư Trung ương Cục. Khoảng tháng 4 năm 1964, đồng chí lại được Trung ương chuyển về làm Bí thư Khu uỷ 5.

Tôi biết đồng chí Võ Chí Công lại được điều về lãnh đạo Khu 5 là do thời gian ngay sau khi Ngô Đình Diệm bị Mỹ lật đổ, phong trào cách mạng của Khu 5 phát triển không mạnh bằng Nam Bộ. Trên đường về Khu uỷ đóng tại Quảng Nam, đồng chí Võ Chí Công có ghé về Bình Định nắm tình hình, kiểm tra việc nghiên cứu Nghị quyết của Trung ương Cục và phổ biến kinh nghiệm "Ấp Bắc". Cuộc họp của Tỉnh ủy Bình Định diễn ra tại Hòn Chè - tây Phù Cát, căn cứ của Tỉnh ủy Bình Định, lúc này tôi là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách phong trào nổi dậy, thay mặt Thường vụ báo cáo tình hình và trình bày phương án, nhận định thời cơ. Trên cơ ở đó xác định phương hướng nhiệm vụ của Bình Định trong giai đoạn mới với phương châm dựa vào quần chúng, phát động quần chúng là chính, lấy đó làm khâu đột phá trong toàn tỉnh.

Trong buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí cho chúng tôi biết, thời gian này phong trào Khu 5 nổ ra không mạnh bằng các tỉnh Nam Bộ và đồng chí phổ biến cho chúng tôi kinh nghiệm đánh địch của Ấp Bắc (Mỹ Tho - Tiền Giang); kinh nghiệm quần chúng bằng ba mũi giáp công đánh bại chiến thuật "trực thăng vận" của Mỹ...

Chúng tôi nghiên cứu và liên hệ, thấy rõ phong trào của Bình Định chưa bằng các nơi. Lúc bấy giờ Bình Định chỉ làm chủ vùng giải phóng. Sau khi Diệm đổ, cách mạng Bình Định bị "mất" trên một trăm ngàn dân do bị địch "líp" lại nhiều vùng chúng ta "mở ra" trước đây... Chúng tôi cũng báo cáo với anh Năm Công việc Tỉnh ủy Bình Định đang thực hiện phương án mở khu Đông (gồm các

huyện Tuy Phước, Phù Cát và An Nhơn) và giành lại các vùng bị địch chiếm, phương pháp phát động quần chúng nổi dậy là chính, lấy đấu tranh vũ trang hỗ trợ. Anh rất tâm đắc với kế hoạch mở ra của chúng tôi, anh nói sôi nổi:

- Kế hoạch mở khu Đông như vậy là rất chặt chẽ và táo bạo. Khu ủy theo dõi và chờ đợi chiến công của các đồng chí!

Được anh tin tưởng và động viên khích lệ, chúng tôi thấy lòng phấn chấn và náo nức lạ kỳ, như trước giờ xung trận.

Chúng tôi cũng đã trình bày những khó khăn, trong đó có một vướng mắc, đáng lo nhất là việc phát động phong trào quần chúng trong các vùng có bà con giáo dân như thế nào? Quần chúng Công giáo có ủng hộ cách mạng hay không? Thái độ của ta như thế nào?... Chúng tôi băn khoăn vì thực tế, một số vùng có một số tên công giáo phản động đã dùng nhà thờ làm nơi giam giữ những chiến sĩ cộng sản. Chúng tôi nêu nhiều câu hỏi và mong đợi sự chỉ đạo của anh Năm trong vấn đề này.

Với niềm tin vững chắc ở lực lượng quần chúng, anh đã mở ra cho chúng tôi một cách nhẹ nhàng từ những nguyên lý rất cơ bản. Anh nói:

- Quan điểm của ta, quần chúng là người lao động, nông dân bị áp bức, bóc lột. Người dân theo Công giáo là người lao động, là nông dân cũng là lực lượng quần chúng. Họ cũng như người lương. Chỉ có một số phần tử lợi dụng đã làm hạn chế phát triển phong trào, gây khó cho ta. Lực lượng quần chúng cơ bản trong Công giáo cũng là người tốt. Nếu ta giải phóng nơi nào có nhà thờ, đền chùa, ta

phải chấp hành tốt chính sách tôn giáo, bảo vệ nhà thờ, đền chùa và tôn trọng giáo dân. Những nhà tu hành, những người có chức sắc, nhiều vị linh mục có lòng yêu nước, cũng vì nhân dân, vì dân tộc. Chỉ có một số ít người chống phá cách mạng, nên ta không thể vơ đũa cả nắm...

Những lời nói nhỏ nhẹ của anh thật thấm thía, đã giải tỏa hết những băn khoăn của chúng tôi. Chính vì vậy mà sau này công tác mở ra ở vùng Công giáo Phước Hoà - Phước Sơn (thuộc huyện Tuy Phước) được tiến hành thận trọng và chắc chắn. Khi đặt vấn đề phát động phong trào nổi dậy trong vùng đồng bào Công giáo, tôi đã cùng các đồng chí phụ trách công tác tôn giáo của tỉnh, lên phương án kỹ các bước, từ tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo, bố trí tập huấn cán bộ phong trào đến việc triển khai từng bước từng vùng.

Ngày mở màn "đồng khởi" khu Đông, không đợi lệnh của Khu ủy, chúng tôi triển khai trước ngày mùng 5-7-1964. Theo hiệu lệnh của ta, quần chúng ở nhiều vùng khu Đông, trong đó có một số xã có nhiều giáo dân cũng đều đồng loạt nổi dậy, đốt phá ấp chiến lược, diệt ác, phá kìm, làm chủ vùng giải phóng với trên 150.000 dân... đưa phong trào Bình Định tiến lên một cao trào mới.

Với bước tiến mới trong phong trào đồng khởi khu Đông, Bình Định được Khu ủy biểu dương, khen ngợi, đặc biệt là cuộc đấu tranh của nhân dân Phước Lý, huyện Tuy Phước (nay thuộc thành phố Quy Nhơn), hàng trăm chiếc thuyền với hàng ngàn đồng bào vùng ven biển tiến vào thành phố Quy Nhơn đấu tranh với chính quyền ngụy, đòi

bồi thường nhân mạng, đòi dân sinh, dân chủ, khiến Thủ tướng ngụy Nguyễn Khánh phải chấp nhận yêu sách của đồng bào.

Đây là một cuộc đấu tranh nhập thị đầu tiên của miền Nam, đánh vào đầu não Mỹ - ngụy, được anh Năm Công và Khu ủy theo dõi sát và biểu dương, phát huy kịp thời. Tiếp theo đầu năm 1965, phong trào Bình Định cũng được Khu ủy 5 và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 khen về thành tích đã tạo một cú đánh đầu tiên đối với đế quốc Mỹ vào khách sạn Việt Cường, loại hơn 50 sĩ quan Mỹ. Tướng Mỹ Oétmolen phải thú nhận: Đấy là số thương vong nhiều nhất xảy ra trong riêng một sự kiện... Báo chí Mỹ cũng đưa tin, đánh giá đó là một tổn thất lớn của quân Mỹ. Trận đánh vào khách sạn Việt Cường được ví như một Núi Thành của Quảng Nam.

Trận đánh lầu Việt Cường như một cái mốc thắng lợi kết thúc phong trào đồng khởi khu Đông của Bình Định, đã góp phần cùng quân dân toàn miền Nam đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy, phát triển thực lực chính trị, vũ trang của ta lớn mạnh...

Giữa năm 1965, lúc quân Mỹ ồ ạt đổ bộ vào miền Nam Việt Nam là chúng đưa vào miền Nam bao nỗi kinh hoàng. Chúng đưa vào miền Nam 9 sư đoàn thiện chiến, trong đó chúng đóng ở Bình Định hai sư đoàn là Mãnh Hổ và Không vận số Một. Vừa đặt chân lên đất Bình Định, quân Mỹ và quân Nam Triều Tiên đã mở ngay những cuộc càn quét, đánh phá ác liệt; chúng tiến hành hàng loạt các cuộc tàn sát đẫm máu theo chính sách "tam quang" là đánh phá

sạch cả ba vùng miền núi, đồng bằng và ven biển; chúng mở những cuộc hành quân lớn "tìm diệt" chủ lực quân giải phóng, quyết "bẻ gãy xương sống Việt Cộng" ....đã gây cho quân và dân xiết bao tổn thất, đau thương, tang tóc...

Trước mọi đòn ác liệt của kẻ thù, đồng chí Võ Chí Công luôn luôn là một vị lãnh đạo kiên trì đường lối, kiên quyết chống địch, kêu gọi, động viên mọi cán bộ, chiến sĩ "bám thắt lưng địch mà đánh", đồng thời Khu ủy cũng đã tăng cường lực lượng cho Bình Định, thành lập tại Bình Định một đơn vị quân chủ lực, đó là Sư đoàn 3 (Sao Vàng).

Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và lời kêu gọi của Khu ủy mà người đứng đầu là đồng chí Võ Chí Công, quân dân Bình Định đã vượt nhiều khó khăn ác liệt, đạp bằng mọi gian khổ hy sinh, kiên trì đánh địch với tinh thần "quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược". Với ba mũi giáp công và tinh thần kiên cường, dũng cảm, mưu trí...Bình Định đã đánh bại hai sư đoàn nổi tiếng thiện chiến và tàn bạo của Mỹ.

Trên mỗi bước đường kháng chiến gian lao, Khu ủy luôn có sự chỉ đạo sát sao với Bình Định, kịp thời tăng cường lực lượng khi cần thiết và cũng kịp thời khích lệ, động viên, phát huy, biểu dương quân và dân Bình Định trong mỗi chiến thắng khi mở ra phong trào "Đồng khởi" giải phóng một vùng đồng bằng rộng lớn; đánh bại kế hoạch "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ - nguỵ và âm mưu "tràn ngập lãnh thổ", lấn chiếm vùng giải phóng của chúng.

Chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mở màn. Sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, Khu ủy

chỉ đạo Bình Định tiến lên giành thời cơ "không bóc vỏ, đánh trung tâm". Tôi là người nhận lệnh trực tiếp từ đồng chí Võ Chí Công "đừng bóc vỏ! đột nhập vào trung tâm ngay!", tôi hiểu đó là hiệu lệnh "vào giải phóng Quy Nhơn ngay!". Chiều ngày 30-3-1975, tôi cùng một số đồng chí đã vào thị xã Quy Nhơn. Tối ngày 31-3-1975, cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã tung bay trên nóc dinh tỉnh trưởng ngụy, báo hiệu giờ cáo chung của chính quyền ngụy quyền trên đất Quy Nhơn - Bình Định.

Sau giải phóng Bình Định ít ngày, đồng chí Võ Chí Công là vị lãnh đạo đầu tiên đến thăm và chỉ đạo, giúp Bình Định tháo gỡ những khó khăn trong những ngày đầu giải phóng và động viên Bình Định phát huy chiến thắng, vững bước đi lên xây dựng quê hương trong ngày mới.

Đó là mốc son chiến thắng! Niềm hạnh phúc lớn lao mà chúng tôi không thể nào quên. Chiến thắng của Bình Định cùng với chiến thắng của khắp miền Nam hoà cùng chiến thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30 tháng 4 năm 1975, tạo nên bản anh hùng ca bất diệt : Việt Nam toàn thắng - hoà bình - thống nhất nước nhà!

Đó là nỗi khát khao mong đợi của hàng triệu con người quả cảm cùng toàn dân hy sinh tuổi thanh xuân và xương máu để giành lấy qua suốt hơn hai mươi mốt năm kháng chiến gian lao.

Trong tôi đầy ắp những kỷ niệm về đồng chí Bí thư Khu ủy Võ Chí Công - người anh cả quý mến, trong mọi gian nguy luôn đứng mũi chịu sào, chèo chống, lãnh đạo con thuyền kháng chiến Khu 5 đến bến vinh quang.

Là một người lãnh đạo, đứng đầu Khu ủy và Quân khu ủy 5 và sau này là ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nhưng đồng chí Võ Chí Công luôn gần gũi, sát anh em và chỉ đạo phong trào cụ thể, thiết thực. Anh là anh Năm quý mến của chúng tôi. Ở anh thể hiện tấm gương sáng ngời về tinh thần chiến đấu kiên cường, suốt đời vì cách mạng, vì Đảng, vì nhân dân.

Anh xứng đáng là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

TÔI VIẾT VỀ ANH

BÙI HỒNG THÁI *

Từ những ngày đầu phong trào "Đồng khởi", các anh chị ở Khánh Hòa thường nhắc đến những tấm gương đấu tranh điển hình ở Nam Bộ. Đặc biệt là có những đồng chí lãnh đạo đã luôn bám sát địch, bám sát phong trào, bám sát các đơn vị chiến đấu để hiểu rõ tình hình, làm sáng tỏ đường lối đấu tranh của nhân dân ở miền Nam để giành thắng lợi, tạo thế và lực mới cho cách mạng miền Nam giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Ngoài anh Ba Duẩn còn có nhiều đồng chí lãnh đạo xuất sắc, trong đó có một đồng chí ở miền Trung. Sau này, tôi mới biết đó là đồng chí Võ Chí Công mà anh em thường gọi với cái tên thân mật: anh Năm Công.

Lúc đó, tôi là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách Đặc khu Cam Ranh, nhưng khi nghe tên anh, tôi vô cùng mến mộ và mong ước có dịp được gặp anh - con người bằng xương bằng thịt ấy.

---

* Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

Đến những năm 70, tôi được điều về cơ quan Tỉnh ủy Khánh Hòa, sau đó làm Phó Bí thư Tỉnh ủy và anh Năm đã về lại Khu 5 với cương vị Bí thư Khu ủy từ lâu. Từ đây tôi mới có vinh dự được gặp anh trong các cuộc họp chuyên đề của Khu về du kích chiến tranh, về công tác đô thị, công tác dân vận, tổng kết cuối năm và đặc biệt là Đại hội đại biểu Đảng bộ Khu 5 lần thứ III.

Tâm lý ai cũng muốn có dịp được gặp lãnh đạo để giãi bày công việc của địa phương mình. Nhưng cả Khu 5 chứ không phải chỉ có tỉnh Khánh Hòa! Hình như anh Năm đã thông cảm: Khánh Hòa là tỉnh cực nam Khu 5, có thời gian thuộc Khu 6, xa sự chỉ đạo của cấp trên lại là tỉnh gặp nhiều khó khăn, nên lần nào về họp anh cũng chủ động dành thời gian cho tôi được gặp và trao đổi công việc với anh.

Được gặp anh vừa mừng, vừa lo: Sẽ được giãi bày mọi công việc của địa phương, nhưng anh lại là người hay hỏi những công việc cụ thể. Từ việc xây dựng căn cứ, việc tổ chức diệt ác, phá kìm, tiêu hao sinh lực địch, phong trào du kích chiến tranh ở ba vùng, việc lãnh đạo đấu tranh "hai chân, ba mũi" giành quyền làm chủ cho đến việc sản xuất tự túc, chăm lo sức khỏe và đời sống của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào vùng căn cứ...

Tất nhiên, mọi việc tôi đều chủ động chuẩn bị, kể cả những số liệu cụ thể để có thể đáp ứng yêu cầu của anh. Nhưng làm sao lường hết được vì tôi coi đây như một bài thi "trắc nghiệm". Nên việc nào chưa chắc, chưa rõ tôi lại "xin

anh Năm cho em mắc nợ". Anh vui vẻ cho nợ và dặn có nợ là phải trả. Tôi cũng có thói quen có nợ là trả và trả gấp.

Anh lắng nghe rất cụ thể và cho ý kiến cũng rất cụ thể. Anh đặc biệt quan tâm và nhắc đi nhắc lại vai trò của căn cứ cách mạng. Anh nói: Khánh Hòa là một tỉnh xa Khu, chưa có vùng giải phóng rộng. Căn cứ là chỗ dựa vững chắc của phong trào và sự sống còn của cách mạng, phải bỏ công sức xây dựng cho kỳ được, căn cứ có mạnh thì phong trào sẽ mạnh.

Anh còn nhắc, mọi hoạt động vũ trang từ diệt ác phá kìm, ngay Tiểu đoàn Đặc công 407 của Khu 5 đưa vào cũng không chỉ tiêu diệt sinh lực địch, phá hủy phương tiện chiến tranh ở căn cứ hậu cần Cam Ranh mà còn nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho phát động quần chúng xây dựng thực lực cách mạng ở cả ba vùng chiến lược, phát động quần chúng nhân dân đấu tranh "hai chân, ba mũi giáp công" giành quyền làm chủ.

Anh dặn, nắm chắc các vấn đề lớn có tính chi phối nhưng không được quên những vấn đề toàn diện tạo thế hỗ trợ cho phong trào đi lên.

Mỗi lần làm việc với anh, tôi sáng ra được nhiều vấn đề như một cuộc tập huấn và tôi đã chuyển những nhận thức đó cho Đảng bộ để xây dựng phương án công tác cho địa phương và anh luôn bằng nhiều cách nhắc nhở kiểm tra, uốn nắn và bổ sung thêm nhiều kiến thức qua thực tiễn của phong trào cho chúng tôi. Chính nhờ đó, phong trào Khánh Hòa từng bước khắc phục được khó khăn, có bước chuyển biến toàn diện ngày càng vững chắc.

Mỗi lần đi họp về, anh đều tặng đồ vật làm kỷ niệm như: Vũ khí, quân trang, đồng hồ, bút máy... mang về làm quà cho chiến sĩ. Tình cảm của anh dành cho chúng tôi vừa là đồng chí lãnh đạo, vừa là người anh kính mến đã động viên chúng tôi vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Một việc mà Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa nhớ mãi về anh: Tuyệt đại đa số nhân dân Khánh Hòa, kể cả chúng tôi, đều chưa có một lần được gặp Bác Hồ. Ai nấy đều mong đến ngày độc lập thống nhất, Bác vào thăm, nguyện vọng đó không còn nữa. "Bác Hồ đã đi xa", đau thương mất mát lớn quá không có gì bù đắp được; chúng tôi muốn làm một việc gì đối với Bác Hồ để vơi đi nỗi nhớ thương.

Năm 1974, Bộ Chính trị có chủ trương xây dựng lăng Bác, anh Năm cho tôi biết tin đó và gợi ý Khánh Hòa có gỗ gì quý nên đóng góp vào xây dựng. Như mở cờ trong bụng! ở Khánh Hòa có loại gỗ Mun và gỗ Huỳnh Đàn, đặc biệt là gỗ Huỳnh Đàn (còn gọi là gỗ Sưa) rất quý hiếm, loại gỗ này chỉ có ở những rừng còi cọc sát biển trong vùng địch kiểm soát, cán bộ và đồng bào Khánh Sơn, Cam Ranh đã không ngại hiểm nguy lấy được gỗ gùi ra B3 để chuyển ra Bắc góp phần xây dựng lăng Bác Hồ. Cán bộ và nhân dân Khánh Hòa rất vui và tự hào về phần đóng góp nhỏ bé của mình xây dựng nơi an nghỉ nghìn thu cho Bác và luôn nhớ ơn anh Năm đã gợi ý đến công việc đó. Cho đến tận bây giờ bà con còn nhắc mãi.

Cách mạng miền Nam đã chuyển sang giai đoạn mới. Đầu tháng 2-1975, trong lúc nhân dân đang chuẩn bị đón

Xuân, anh em cơ quan cũng đang chuẩn bị mừng xuân chiến khu. Chúng tôi lại nhận điện khẩn của Thường vụ Khu 5 triệu tập ra ngay B3 để nhận lệnh đặc biệt.

Lệnh đặc biệt, nhưng thời gian khá khẩn trương, tôi được phân công làm việc này, đoạn đường phải đi hơn 10 ngày, chúng tôi không kể ngày đêm hành quân chỉ hơn 5 ngày. Chiều mùng 4 Tết Ất Mão, tôi có mặt tại B3 và anh Năm đã chờ sẵn. Như thường lệ, anh vui vẻ bắt tay và hỏi thăm sức khỏe rồi khẩn trương vào việc ngay trong đêm. Anh truyền đạt nhận định tình hình và quyết tâm của Bộ Chính trị, thay mặt Thường vụ Khu ủy, anh giao nhiệm vụ cho Khánh Hòa: " Phối hợp chặt chẽ với chiến trường Tây Nguyên, toàn tỉnh tập trung lực lượng giải phóng Bắc Khánh từ đường 21 trở ra, còn Nam Khánh hoạt động mạnh cản địch hỗ trợ cho chiến trường trọng điểm của tỉnh". Anh mở sơ đồ cho tôi xem để hình dung những điểm đột phá như Buôn Ma Thuột và các tỉnh sẽ được giải phóng trước. Anh nhấn mạnh: "Nếu có thời cơ vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975". Anh dặn chỉ được báo cáo lại cho đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, phải giữ bí mật hoàn toàn nhưng làm sao có cách thuyết phục để Tỉnh ủy và địa phương tin tưởng nỗ lực, quyết tâm thực hiện chiến lược của trên.

Tin tưởng phấn khởi nhưng nhiệm vụ quá nặng nề, lực lượng vũ trang Khánh Hòa còn mỏng, tôi mạnh dạn đề nghị xin một trung đoàn bộ binh như đề nghị của Tỉnh ủy. Anh cười và mắng tôi: "Cậu dốt quá, muốn đánh to thắng lớn, ta phải tập trung nhiều binh đoàn chủ lực còn đâu cho

Khánh Hòa một trung đoàn" và anh thân mật chỉ lực lượng nằm trong phong trào, khi có thời cơ tranh thủ chớp thời cơ phát động mạnh quần chúng, chúng ta sẽ có lực lượng mạnh.

Tranh thủ bàn xong mọi việc trong đêm, sáng chia tay, anh nắm chặt tay và hẹn gặp lại ở đồng bằng. Anh còn tặng tôi một quần xanh, một áo sơ mi trắng, bảo sẽ dùng khi cần. Tôi nhớ mãi hình ảnh anh tiễn tôi ra về như một người anh động viên em trước giờ xung trận.

Tôi khẩn trương về đến tỉnh triệu tập họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy để triển khai công việc: Tổ chức sở chỉ huy cơ bản, sở chỉ huy tiền phương nhanh chóng chiếm lĩnh địa bàn và phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đi triển khai cho các huyện, thị trong tỉnh.

Phải chạy đua với thời gian.

Sau trận mở đầu của quân chủ lực tại Buôn Ma Thuột ngày 10-3-1975 thu được thắng lợi vang dội là đòn điểm đúng huyệt làm rung động toàn bộ quân địch khắp miền Nam. Tình hình diễn biến mau lẹ, các tỉnh ở Khu 5 lần lượt được giải phóng.

Tại Khánh Hòa, đúng như lời anh Năm dặn khi có thời cơ, "Chớp thời cơ phát động quần chúng sẽ có lực lượng mạnh", quân và dân Khánh Hòa đã phối hợp với quân chủ lực chẳng những chỉ giải phóng bắc Khánh Hòa mà còn giải phóng cả Nha Trang, Diên Khánh trong ngày 2-4-1975, đánh chiếm căn cứ Cam Ranh và giải phóng thị xã Cam Ranh trong ngày 3-4-1975.

Tôi vui mừng xúc động: Anh Năm ơi, đúng như anh dặn: Lực lượng trong dân, có thời cơ, chớp lấy thời cơ chúng ta sẽ có tất cả. Bộ quần áo anh tặng, tôi mặc đúng vào những ngày Nha Trang - Khánh Hòa giải phóng.

Tỉnh Khánh Hòa hoàn toàn giải phóng. Địch lập phòng tuyến Phan Rang (Ninh Thuận) do tên tướng Nguyễn Vĩnh Nghi chỉ huy để ngăn chặn quân ta tiến vào Sài Gòn và nếu có điều kiện sẽ tái chiếm thị xã Cam Ranh, ta bắn rơi 2 máy bay địch.

Cũng thời điểm này, Văn phòng Khu ủy 5 điện cho Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức họp Tỉnh ủy có anh Năm Công vào dự.

Để đảm bảo an toàn, chúng tôi chuẩn bị địa điểm họp ở ngoại ô thành phố. Đoàn anh vào, tôi đưa đến địa điểm họp, anh quan sát xong, quyết định hoãn cuộc họp và yêu cầu dời địa điểm họp vào trong trung tâm thành phố.

Sau khi nghe báo cáo tình hình và phương án của tỉnh, anh đã cho ý kiến về những việc cần làm ngay trong vùng giải phóng.

- Khánh Hòa đã hoàn toàn giải phóng phải trở thành hậu phương trực tiếp và bàn đạp để tiến công các tỉnh phía Nam và thành phố Sài Gòn.

- Thực hiện nghiêm túc các chính sách và nhiệm vụ của vùng mới giải phóng.

- Củng cố các Ban quân quản, từng bước hình thành chính quyền nhân dân các cấp, xây dựng các đoàn thể nhân dân, xây dựng và củng cố thực lực cách mạng, cải tạo và kiên quyết trấn áp bọn phản động ngóc đầu dậy.

- Phục hồi và đưa các hoạt động kinh tế, dân sinh, xã hội vào hoạt động bình thường.

- Nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống nhân dân, không để bị cướp giật, dịch bệnh, đói kém...

Anh họp nhanh gọn và đi sâu vào những vấn đề cấp bách và có biện pháp thực hiện chu đáo.

Anh yêu cầu, đưa anh xuống các huyện, thị, đặc biệt là những nơi có nhiều khó khăn, đến đâu anh cũng tìm hiểu tình hình và cho ý kiến giải quyết những khó khăn vướng mắc và động viên anh em tranh thủ thời cơ xây dựng và củng cố thực lực cách mạng, tổ chức lại sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân, cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại và ngóc đầu dậy của kẻ xấu.

Hết đợt công tác, tôi tiễn anh ra Phú Yên để trở lại cơ quan Khu ủy 5. Trước khi chia tay anh còn dặn: "*Nhờ cậu nói lại với anh em vì công việc chung mình góp ý chân thành, anh em thông cảm*".

Lịch sử đã sang trang, nước nhà hoàn toàn độc lập thống nhất. Tỉnh Phú Khánh ra đời với sự hợp nhất hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, anh lại tiếp tục chăm lo cho Phú Khánh.

Năm 1989, trước đòi hỏi của tình hình mới, vấn đề chia và tái lập tỉnh tại được đặt ra, nhưng đây là vấn đề chưa có tiền lệ. Anh và anh Trần Kiên, Bí thư Trung ương Đảng được phân công vào Phú Khánh nghiên cứu tình hình và các anh lặn lội đi sâu sát tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp cán bộ và nhân dân để đi đến kết luận không chỉ vì mất đoàn kết nội bộ mà chính là vì quy luật

phù hợp với đặc điểm riêng của từng vùng, khả năng và điều kiện điều hành của bộ máy đảm bảo đi sâu sát khơi dậy mọi tiềm năng... Quy mô tổ chức từng tỉnh làm sao cho phù hợp với tình tình đất nước đang trong quá trình xây dựng và phát triển. Thu thập các ý kiến đó, phân tích khoa học mang tính thuyết phục, các anh đã giúp cho Trung ương và Bộ Chính trị quyết định, một quyết định sáng suốt hợp ý Đảng, lòng dân. Phú Khánh là một trong những tỉnh được tách và tái lập, hai anh đã cùng tỉnh lập phương án từ nhận thức tư tưởng chia tỉnh, nhưng nội bộ vẫn đoàn kết nhất trí, hai tỉnh hỗ trợ nhau cùng tiến lên.

Vấn đề là tài sản và cơ sở vật chất phải đảm bảo công bằng hợp lý, tạo điều kiện tốt nhất, nhanh chóng đi vào hoạt động bình thường.

Công tác tổ chức cán bộ phải có sự cân đối hài hòa, có đủ sức mạnh chỉ đạo các tỉnh vừa được tái lập, có kế hoạch giải quyết số cán bộ dôi dư, nơi ăn, ở, có chính sách đối với người đi, kẻ ở sao cho mọi người đều an tâm công tác.

Xây dựng lề lối làm việc, cải tiến phương thức lãnh đạo, đảm bảo chất lượng hoạt động cho từng tỉnh.

Đặc biệt không thể lơ là mất cảnh giác với âm mưu của kẻ xấu lợi dụng sơ hở để phá hoại, dự lường những khó khăn trở ngại có thể xảy ra để chủ động giải quyết.

Có thể nói đây cũng là một công trình khoa học mà anh là người chủ đề tài, đã mở ra cho việc chia tách tỉnh trong cả nước, đáp ứng với đòi hỏi của tình hình mới. Chắc rằng không ai có thể phủ nhận hiệu quả của việc tách tỉnh. Đây là một trong những nguyên nhân và lực đẩy đưa đất nước

ta tiến nhanh, tiến mạnh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Và mãi về sau, khi tuổi đã cao, sức đã yếu, anh vẫn luôn quan tâm đến tình hình tỉnh Khánh Hòa. Có dịp gặp, anh đều thăm hỏi và góp ý cho những bước đi và sự trưởng thành của tỉnh.

Bao nhiêu năm vượt qua bao hy sinh gian khổ, đã chiến đấu, xây dựng, lao động và từng bước trưởng thành. Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo của Khu ủy 5, của Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, anh Năm lại là người trực tiếp chăm lo chỉ đạo những lúc thăng trầm để Khánh Hòa đi lên.

Tôi không đủ hiểu biết và sẽ không tránh khỏi phiến diện khi nói về anh, nhưng dấu ấn trong tôi vẫn là: Anh Năm là hiện thân của đất Quảng anh hùng, một đồng chí lãnh đạo kiên trung bất khuất bao nhiêu năm vào sinh ra tử, vào tù ra khám vẫn một lòng vì Đảng, vì nước, vì dân khi cách mạng còn đang trong trứng nước.

Anh là người cán bộ lãnh đạo xuất sắc, mẫu mực, trong sáng. Vừa đầy bản lĩnh với phong cách giản dị, tin dân, dựa vào dân, lắng nghe ý kiến của dân, ý kiến của cấp dưới, sẵn sàng xông vào nơi khó khăn sóng gió để nắm bắt chọn lọc và tinh thần quyết đoán cao.

Anh là người giỏi về tổ chức thực hiện, làm việc nghiêm túc, tôn trọng nguyên tắc nhưng lại chan hòa cởi mở, độ lượng, luôn có phong cách cảm hóa đầy thuyết phục, động viên mọi người phát huy khả năng sáng tạo đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống.

Anh em cấp dưới như chúng tôi vẫn vừa xem anh là người lãnh đạo, đồng thời là người anh kính mến sống chết có nhau, yêu quý, tin tưởng anh và thích gọi anh bằng anh Năm.

Anh đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng đúng như tên anh "Chí Công". Những gì tôi biết, tôi hiểu và tôi viết về anh với lòng biết ơn và sự trân trọng đặc biệt. Xin phép cho tôi tiếp tục được gọi Anh bằng anh Năm như cái tên đã đi sâu vào tiềm thức mà tôi đã thường gọi.

MỘT CÁN BỘ LÃNH ĐẠO SÁT DÂN, SÁT CƠ SỞ

PHẠM VĂN KHÁNH (NĂM SINH)*

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đất nước ta tạm thời bị chia cắt, miền Nam thuộc chính quyền Mỹ - Diệm, hai bên sẽ hiệp thương, tiến tới tổng tuyển cử năm 1956. Ta tôn trọng Hiệp định, chôn súng đạn, chỉ đấu tranh chính trị, nhưng bọn Mỹ - Diệm đã phản bội Hiệp định Giơnevơ, chúng tổ chức tố cộng, truy lùng đảng viên, cán bộ, giết hại những người tham gia kháng chiến. Đặc biệt vào những năm 1956 - 1957, địch ráo riết thực hiện chính sách đàn áp dã man lực lượng cách mạng, nhất là ở vùng tự do Liên khu 5, hàng vạn cán bộ, đảng viên, quần chúng cốt cán bị chúng tra tấn, chém giết, tù đày, còn ta thì đấu tranh chính trị đơn thuần đang bế tắc, không có một cây gậy trong tay để chống lại. Quần chúng và đảng viên cơ sở đòi moi súng đạn lên, đòi phải để được tự vệ bằng mọi thứ vũ khí có trong tay nhưng ta vẫn ra sức tôn trọng Hiệp định Giơnevơ, không dám kết hợp đấu tranh vũ trang và chịu đựng tổn thất xương máu nặng nề.

---

* Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị, nguyên Phó Trưởng Ban Dân vận Khu 5, nguyên Phó Trưởng Ban Dân vận Khu Trị -Thiên.

Phong trào cách mạng ở đồng bằng Khu 5 ngày càng đi xuống nghiêm trọng. Tuy nhiên, phong trào cách mạng ở miền núi, đồng bào ta có sự lãnh đạo của Đảng, dùng vũ khí thô sơ chống lại địch khủng bố, nên chúng không làm gì được, phong trào cách mạng của ta ở đây được củng cố và phát triển trở thành căn cứ địa vững chắc.

Tháng 10-1957, Tỉnh ủy Quảng Trị dự định tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy tại Vĩnh Linh, lúc này anh Năm Công, Phó Bí thư Liên khu uỷ cùng anh Tư Minh, Ủy viên Ban Thường vụ Liên khu ủy đang trên đường ra Trung ương, các anh có ghé lại Quảng Trị. Chúng tôi báo cáo với anh về Hội nghị Tỉnh ủy sắp tới thì anh Năm Công nói tình hình Quảng Trị lúc này còn khó khăn, mặt khác lúc này anh Ba Duẩn ra Hà Nội có mang theo dự thảo *Đề cương Cách mạng miền Nam*, các đồng chí nên ra Hà Nội họp để đồng chí Ba Duẩn đến chỉ đạo và nghe tiếp thu *Đề cương Cách mạng miền Nam* để từ đó có cơ sở về truyền đạt cho phong trào cách mạng ở Quảng Trị phục hồi nhanh chóng.

Nghe anh nói vậy, chúng tôi ai cũng phấn khởi và dàn xếp để sớm ra Hà Nội. Tại Hội nghị, anh Năm có phát biểu một số ý kiến chỉ đạo mà tôi cứ nhớ mãi. Anh nói: chúng ta phải nhận rõ tình hình Quảng Trị, trong đó nhiều khó khăn và tổn thất nghiêm trọng, từ đó mà rút ra những bài học về lãnh đạo và chỉ đạo một cách sâu sắc và trên cơ sở đó mới đề ra được giải pháp đúng đắn để tiến lên và anh đã góp cho chúng tôi một số kinh nghiệm cụ thể.

Tháng 6-1961, tôi được điều về công tác tại Khu 5, lúc này, anh Năm Công vừa được Trung ương điều vào làm

Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Tại đây, tôi được giao nhiệm vụ Phó Trưởng Ban Dân vận Khu ủy trực tiếp tham gia chiến dịch phá kìm.

Sau Nghị quyết 15 của Trung ương, phong trào cách mạng ở Khu 5 và các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên được khôi phục. Tuy nhiên, âm mưu của địch lúc này là dồn dân, lập ấp chiến lược, mối liên hệ giữa nhân dân với cách mạng cực kỳ khó khăn. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Khu uỷ mà trực tiếp là đồng chí Nguyễn Húng, ủy viên Ban Thường vụ Khu uỷ phụ trách dân vận giao nhiệm vụ cho tôi phải tranh thủ xây dựng khối dân vận mạnh. Nói là khối dân vận nhưng bộ máy chỉ có tôi và một số cán bộ mới điều động đến, tổ chức các đoàn thể chưa có gì.

Trước những nhiệm vụ mới, sau một thời gian tích cực chuẩn bị, đến cuối năm 1961, các đoàn thể giải phóng được hình thành và Ban dân vận cũng được Ban Thường vụ Khu ủy tăng cường khá mạnh. Đồng chí Bảy Hữu, Uỷ viên Ban Thường vụ Khu ủy được phân công làm Trưởng ban và bổ sung thêm hai Phó Trưởng ban.

Khi cơ quan Dân vận được hình thành thì tình hình có nhiều thuận lợi, đó là thắng lợi của phong trào Đồng khởi Bến Tre, sau một năm tổng kết phong trào "Đồng khởi", đồng chí Tư Thuận (Trương Chí Cương - Phó Bí thư Khu ủy) đi dự hội nghị tổng kết. Sau khi dự hội nghị tổng kết về, đồng chí đã truyền đạt kinh nghiệm và đề ra chủ trương muốn giải phóng đồng bằng, chúng ta phải phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành dân, tiến lên làm chủ đồng bằng, đồng chí đã truyền đạt kinh nghiệm 3 bước

(chuẩn bị, phát động và củng cố), 7 khâu của đồng khởi Bến Tre.

Để triển khai chủ trương phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành dân, giành quyền làm chủ, Thường vụ Khu uỷ chủ trương mở thí điểm phá ấp chiến lược do Khu ủy trực tiếp chỉ đạo. Địa bàn chọn làm thí điểm là 4 huyện Tiên Phước, Tam Kỳ (Quảng Nam) và huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh (Quảng Ngãi) vì đây là những huyện giáp ranh có vị trí chiến lược hiểm trở và gần Khu ủy. Điểm phá kìm của Khu 5 lấy mật danh 32A.

Về tổ chức, Thường vụ Khu ủy quyết định thành lập Đảng uỷ 32A chỉ đạo phá ấp chiến lược do đồng chí Nguyễn Văn Tấn (Nguyễn Văn Ưng) làm Bí thư. Thường vụ Đảng ủy 32A gồm có 4 đồng chí, tôi làm Trực Đảng. Từ điểm phá ấp chiến lược đầu tiên ở thôn Tứ Mỹ, tiếp đó là thôn 8, xã Kỳ Sanh, Tam Kỳ, rút kinh nghiệm chỉ đạo toàn Liên khu. Sau đó phong trào phát triển mạnh ra một số xã Bình Tuy, Bình Thạnh của huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi. Từ đó phong trào ở đồng bằng phát triển đi lên.

Sau những năm công tác ở Trung ương Cục miền Nam, tháng 4-1964, anh được Trung ương Đảng điều về làm Bí thư Khu ủy 5. Một trong những quyết định quan trọng của Thường vụ Khu uỷ mà anh Năm Công là người đứng đầu là chuyển cơ quan Khu ủy về đồng bằng, đây là quyết định mạnh bạo, sáng suốt của anh, thể hiện sự chỉ đạo sát dân, sát phong trào. Tôi có được may mắn là Thường trực Đảng ủy 32A, được giao nhiệm vụ liên hệ thường xuyên với anh

để báo cáo tình hình cơ sở, nhân dân, âm mưu của địch, tình hình ta ở vùng điểm chỉ đạo.

Khi tình hình đồng bằng Khu 5, đang có hướng phát triển mạnh, Thường vụ giao cho Ban Dân vận chuẩn bị tổ chức Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Trung Trung Bộ. Tôi được Ban Dân vận giao nhiệm vụ chuẩn bị nội dung cho Đại hội; để làm việc này, anh Năm đã trao đổi và nêu ý kiến với tôi là làm sao tập hợp được nhân sĩ, trí thức, các thành phần tôn giáo, các thành phần dân tộc vào Mặt trận.

Tiếp thu ý kiến của anh, Ban Dân vận tiến hành việc vận động các thành phần yêu nước vào Mặt trận, tạo nên một mặt trận đông đảo thống nhất, tôi về Bình Định mời Đại đức Thích Giác Lượng (Phật giáo), về Tiên Phước mời linh mục Nguyễn Hữu Thiên (Thiên chúa giáo) và liên hệ mời các nhân sĩ, trí thức ở các thành phố lớn như: Đà Nẵng, Huế và đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Tháng 3-1965, tại Kỳ Thạnh, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tam Thạnh, huyện Núi Thành) trên 200 đại biểu các Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng các tỉnh, thành phố, đại biểu các đoàn thể, đại biểu Đảng bộ Khu 5, đại biểu phong trào dân tộc tự trị Tây Nguyên, đại biểu các dân tộc thiểu số, tôn giáo, nhiều nhân sĩ, trí thức, trong đó có nhiều người từ vùng địch kiểm soát, thành phố, thị xã về họp Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Trung Trung Bộ. Phát biểu chỉ đạo Đại hội, anh Năm Công nói:

Hiện nay cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã phát triển lên một bước mới. Tình hình sắp đến có thể diễn ra theo hai khả năng: một là nếu quân Mỹ không nhảy vào thì ta có thể giải phóng miền Nam trong thời gian sớm nhất; hai là, nếu quân Mỹ nhảy vào, ta có thêm khó khăn nhưng vẫn quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Vì vậy, Đại hội Mặt trận chúng ta hôm nay có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đại hội nhằm thực hiện giáo huấn nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.

Với tinh thần đó, tôi tin rằng Đại hội chúng ta sẽ tạo ra động lực mới, thúc đẩy phong trào kháng chiến các tỉnh trong Khu tiến lên giành được nhiều thắng lợi mới.

Sau Đại hội Mặt trận Khu, Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng các tỉnh, thành phố, huyện, xã họp triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Khu. Các tỉnh từ đồng bằng đến miền núi, phát động nhân dân đào cả trăm kilômét địa đạo, phá hoại đường sá, xây dựng làng chiến đấu, sản xuất mìn, lựu đạn, súng ngựa trời, bàn chông, cọc sắt, bẫy đá, cung tên, v.v., đẩy mạnh tấn công địch.

Đúng như nhận định của anh Năm Công trước Đại hội, tháng 3-1965, quân Mỹ đã đổ bộ vào Đà Nẵng, chúng tiến hành càn quét, dùng chiến thuật "trực thăng vận" chốt điểm khống chế và toả ra các vùng xung quanh, cắt đứt giao thông liên lạc của ta. Trước tình hình đó, Thường vụ Khu ủy cử một đoàn cán bộ do tôi làm Trưởng đoàn đi về tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi (vùng địch càn quét) để nắm

tình hình, xem xét chiến thuật càn quét của địch, cách đối phó của ta, rút kinh nghiệm để chống địch.

Trong khi đang làm nhiệm vụ, tôi nhận được điện của Ban Thường vụ Khu uỷ trở về ở Khu ủy Trị - Thiên mới được Trung ương quyết định thành lập tháng 4-1966. Bàn giao công tác cho đồng chí Phó Trưởng đoàn, tôi trở về Khu uỷ.

Trước khi về công tác ở khu Trị - Thiên, tôi trực tiếp gặp anh Năm Công để báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo của anh. Anh nói: Việc một số cán bộ Trị - Thiên công tác ở Khu 5 về lại công tác ở Trị - Thiên là cần thiết. Anh cũng cho ý kiến nhận xét về những ưu, khuyết của tôi trong quá trình công tác ở Khu 5, đồng thời nhắc nhở, động viên tôi những gì đã đóng góp và làm được ở Khu 5 sẽ cố gắng, phát huy tốt hơn nữa ở Khu Trị - Thiên.

Đến khi về nhận công tác ở Khu Trị - Thiên tháng 6-1966, tôi được giao nhiệm vụ làm Phó Trưởng ban Dân vận Khu uỷ, sau đó được phân công về trực tiếp chỉ đạo việc phá kìm vùng nam Quảng Điền và Hương Trà (trước đó đã phát triển nhưng bị sượng), đến năm 1968 được tham gia vào Ban Chỉ đạo và chỉ huy cánh Bắc (thành phố Huế) trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.

Cho đến ngày đất nước được giải phóng, anh Năm ra công tác ở Trung ương, còn tôi công tác ở tỉnh Bình Trị Thiên, làm Giám đốc Sở Nông nghiệp tỉnh, tôi có nhiều dịp được gặp và trò chuyện cùng anh, mỗi lần gặp gỡ anh đều hỏi han tình hình sức khỏe gia đình, cuộc sống của nhân dân Khu 5 nói chung và nhân dân Trị - Thiên nói riêng.

Qua những lần được gặp gỡ tiếp xúc với anh Năm, tôi thấy mặc dù anh là lãnh đạo, là cán bộ cấp cao của Đảng nhưng anh rất giản dị, dễ tiếp xúc, dễ gần gũi; đặc biệt trong những chuyến công tác, anh không cần chuẩn bị rườm rà, quan cách về người và phương tiện mà chỉ cần vài thứ gọn nhẹ mang theo và một vài đồng chí cán bộ bảo vệ.

Anh là người lãnh đạo sát cơ sở, sát phong trào, từ sự sát cơ sở, sát phong trào đó anh mới nắm bắt tình hình và có điều kiện giúp đỡ anh em, góp ý những ưu khuyết điểm cho từng cán bộ cấp dưới của mình.

Đối với công tác Dân vận, có thể nói anh có rất nhiều ý kiến chỉ đạo rất sát, đặc biệt là trong chủ trương chỉ đạo phá ấp chiến lược, phá kìm, giành dân; trong việc tổ chức Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Trung Trung Bộ.

Có thể nói anh Năm Công là một cán bộ lãnh đạo thực tiễn và sát dân, sát cơ sở. Với anh, chỉ gặp một lần cũng để lại nhiều ấn tượng khó quên cho mọi người về một con người cương trực, quyết đoán nhưng rất giản dị, dễ gần.

Lê Năng Đông

Ghi theo lời kể của đồng chí **Phan Văn Khánh**

NHỮNG BÀI HỌC QUÝ TỪ MỘT CUỘC HỘI NGHỊ

VŨ SOẠN *

Cuối năm 1957, Tỉnh uỷ Quảng Trị tổ chức Hội nghị Tỉnh uỷ nhưng lại chuyển ra họp tại Vĩnh Linh, phía Bắc giới tuyến quân sự tạm thời. Tôi lúc đó là tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện uỷ Triệu Phong. Hội nghị sắp khai mạc thì đoàn công tác của anh Võ Chí Công trên đường ra Bắc cũng ghé lại Vĩnh Linh. Cùng đi có anh Tư Minh - Trưởng ban cán sự Thừa Thiên - Huế.

Sau khi nghe chúng tôi báo cáo chương trình, nội dung Hội nghị, anh Công đề nghị nên chuyển địa điểm tổ chức Hội nghị ra Hà Nội cho tiện bởi vừa có lãnh đạo Liên khu uỷ 5, vừa gần Trung ương, có gì ta xin ý kiến luôn cho tiện. Mặt khác, anh Ba Duẩn cũng vừa vượt tuyến ra Bắc mang theo dự thảo *Đề cương Cách mạng miền Nam*. Anh Năm Công gọi điện ra xin phép Trung ương và được các anh đồng ý. Thực tình bọn tôi hồi đó

---

* Nguyên Khu ủy viên Khu Trị- Thiên, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Trị Thiên.

phần lớn chưa bao giờ được đặt chân ra tới Hà Nội nên cũng rất phấn khởi.

Ra Hà Nội, chúng tôi được bố trí về ở tại một ngôi nhà thuộc phố Hàng Chuối còn anh Võ Chí Công thì về nhà khách Chính phủ. Vài hôm sau thì anh Lê Duẩn cho chúng tôi đọc và thảo luận bản *Đề cương Cách mạng miền Nam* mà anh vừa mang từ trong Nam ra. Trong khi anh Võ Chí Công đọc bản báo cáo về tình hình Quảng Trị từ sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết mà chúng tôi vừa gửi thì chúng tôi cũng họp đánh giá phong trào cách mạng của địa phương. Nằm trong bối cảnh chung của cách mạng miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ, tình hình Quảng Trị cũng rơi vào tình thế hết sức khó khăn. Ở huyện Triệu Phong, chúng tôi dần bị địch đánh bật ra khỏi các xã đồng bằng phải dạt lên vùng giáp ranh để nương náu. Lo ăn ở cho hàng chục cán bộ, đảng viên là việc hết sức nan giải nhưng chúng tôi cũng không dám tự ý cho phép anh em lên vùng căn cứ Hướng Hóa hoặc ra miền Bắc. Bản thân tôi một tay chỉ đạo nhưng cũng một tay lặn lội đi lo cái ăn từng bữa cùng anh em.

Hội nghị họp được ít hôm thì anh Năm Công đến dự. Phát biểu tại cuộc họp, anh nói thẳng rằng bản báo cáo của Tỉnh uỷ Quảng Trị dài nhưng không xác định rõ tình hình, rằng phong trào cách mạng của tỉnh đang được giữ vững hay đi xuống, phương hướng ra sao? Anh cho rằng phong trào cách mạng ở miền núi Liên khu 5 thì còn vững vàng nhưng đồng bằng Liên khu 5 thì đang rất khó khăn; Quảng Trị cũng vậy. Anh bảo phải viết lại bản báo cáo cả

về đánh giá tình hình và phương hướng; mình cứ coi tình hình như bình thường là không được, phải thấy đúng thực chất tình hình thì từ đó mới tìm được biện pháp ổn định để từng bước đẩy phong trào tiến lên.

Tâm tư đang đè nặng, anh em chúng tôi lúc bấy giờ là cán bộ, đảng viên lộ hết rồi, làm sao phục hồi, gây dựng được phong trào. Lộ hết là do chúng tôi chủ quan. Cứ ỷ lại Quảng Trị ở gần miền Bắc, gần Ủy ban kiểm soát quốc tế về đình chiến nên địch sẽ không dám làm mạnh. Chính vì vậy chúng tôi bộc lộ nhiều lực lượng trong các cuộc đấu tranh, đặc biệt gần như đã dốc toàn lực trong đợt đấu tranh đòi Hiệp thương năm 1956. Nhưng thằng địch có kể chi Hiệp định, kể chi Ủy ban kiểm soát quốc tế...

Nghe chúng tôi tỏ bày khó khăn, anh Năm rất thông cảm. Rồi anh động viên: "Cả Quảng Trị còn giữ được 3 chi bộ đã là khá, nhiều nơi còn khó hơn". Đối với vấn đề chúng tôi đang bận tâm, anh gợi ý: "Đồng chí nào bị lộ, tạm thời cho nằm yên để địch bớt chú ý hoặc điều đi nơi khác, đồng chí nào chưa bị lộ, cần phải cho hợp pháp. Vấn đề là tổ chức bí mật không được để lộ, có vậy mới giữ được phong trào". Nói rồi anh phân tích một số vấn đề làm thế nào để giữ thế đấu tranh hợp pháp trong thời kỳ này. Trước hết phải khôn khéo, phải biết che giấu lực lượng. Ví như địch lập tề (chính quyền cơ sở) mà ta vội vàng cài người của mình vào (như nhiều nơi đã làm) thì trước sau chúng cũng biết nên bắt hoặc thủ tiêu hết. Anh phân tích cho chúng tôi thấy liệu có giữ thế hợp pháp được không ? Nếu chúng kêu đi trình diện thì cứ trình diện, đi trình

diện chứ ta có đầu hàng đâu mà sợ. Còn vấn đề người kháng chiến cũ, thì phải dựa vào cái lý rằng chúng tôi ở trong vùng Việt Minh thì họ bảo đi bộ đội, du kích hay đi dân công thì phải đi chứ làm sao mà tránh được. Mà ở chế độ nào cũng thế thôi. Đấu tranh hợp pháp phải có lý nhưng đúng mức là ở chỗ đó, mà phải có lợi. Nếu làm tốt không phải là chúng ta không giữ được thế hợp pháp. Ngồi nghe anh phân tích, tôi thấy sáng ra nhiều điều. Lâu nay chúng tôi ngày càng lún sâu vào thế bất hợp pháp. Đường dây liên lạc ban đầu được tổ chức rất chặt chẽ nhưng rồi cứ vỡ dần. Không có đường dây liên lạc chúng tôi không thể nào chỉ đạo được phong trào.

Ngoài những thắc mắc nêu trên, chúng tôi cũng băn khoăn về việc Trung ương lâu nay không cho đấu tranh vũ trang. Trong khi chúng ta cứ đấu tranh chính trị một bề thì chúng thẳng tay bắt, giết thì làm sao chống cự được. Giải đáp thắc mắc này, anh Võ Chí Công cho rằng hiện giờ chưa thể đấu tranh vũ trang được, đây là vấn đề lớn cần phải chờ ý kiến của Trung ương. Mặt khác, Quảng Trị là vùng đệm, cán bộ của ta ra vào đều phải qua đây, chưa nên làm mạnh quá khiến địch sẽ kiểm soát thêm gay gắt. Trước mắt nếu thấy những tên ác ôn nào quá gian ác cần phải khử thì phải làm cho khéo.

Ý kiến chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Trung ương và của anh Năm Công trong cuộc họp của Tỉnh uỷ Quảng Trị tại Hà Nội đã tháo gỡ cho chúng tôi rất nhiều vướng mắc về nhận thức cũng như hành động. Chúng tôi như người khát nước gặp được cơn mưa. Trở về Quảng Trị,

chúng tôi bắt tay vào sắp xếp, củng cố tổ chức và phong trào cách mạng trên địa bàn tỉnh từng bước được phục hồi.

Sau ngày giải phóng, tỉnh Bình Trị Thiên được thành lập, tôi trúng vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Nhân một dịp anh Năm Công vào làm việc với tỉnh, tôi cũng được gặp riêng với anh. Dù lúc này đã là cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, nhưng tôi thấy anh không hề quan cách mà vẫn giữ được phong thái giản dị như xưa. Từ trong những ngày giữ lửa đầy gian khổ, tôi càng thêm khâm phục và kính trọng anh - một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta.

Duy Hiển

Ghi theo lời kể của đồng chí **Vũ Soạn**

NGƯỜI CHIẾN SĨ CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG, NHÀ LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN SẮC SẢO, LINH HOẠT, NHÀ CẢI CÁCH DŨNG CẢM, SÁNG TẠO

ĐỐNG NGẠC *

Đối với chúng tôi, những cán bộ tham gia cách mạng từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn) tên gọi thân mật là anh Năm Công, là bậc đàn anh. Hồi tôi theo học những năm đầu hệ trung học cơ sở, tên tuổi các anh Võ Toàn, Nguyễn Sắc Kim đã xuất hiện trên những tờ áp phích do thực dân Pháp và vua quan Nam triều cho dán ở nhiều nơi trong tỉnh Quảng Nam để truy nã, vì bọn cai trị coi các anh là những tội phạm rất nguy hiểm về chính trị. Thời đó, tuy còn nhỏ tuổi, chưa hiểu tí gì về người cộng sản, tôi đã thầm mến mộ lòng yêu nước và tinh thần quả cảm của những người dám đứng lên chống lại cường quyền, chống lại sự cai trị của thực dân Pháp. Ít lâu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, được

* Nguyên Phó Văn phòng Trung ương Đảng, nguyên Thư ký riêng cố Tổng Bí thư Lê Duẩn.

biết anh Năm Công là một trong những người lãnh đạo chủ chốt đã đưa dân Quảng Nam vùng lên giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, Pháp, tôi càng cảm phục tài năng, đức độ của anh Năm và của những người con ưu tú khác của đất Quảng anh hùng như Lê Văn Hiến, Phan Bôi (Hoàng Hữu Nam), Nguyễn Xuân Nhĩ, Trần Tống, Phan Tốn, Nguyễn Thế Kỷ, v.v..

Trong kháng chiến chống Pháp, từ đầu những năm 1950, tôi công tác ở Khu Đoàn Thanh niên cứu quốc Liên khu 5 thì anh Năm đã là ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương miền Nam Trung Bộ (Liên khu 5) phụ trách quân tình nguyện Việt Nam tại mặt trận Hạ Lào - Đông Bắc Miên.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, trong những năm đầu ra Bắc, bản thân tôi cũng như nhiều anh chị em miền Nam tập kết, sống trong tâm trạng "*ngày Bắc đêm Nam*", xiết bao đau lòng và căm phẫn trước cảnh Mỹ - Diệm trắng trợn phá bỏ Hiệp định Giơnevơ, thẳng tay khủng bố trả thù những người kháng chiến cũ, sát hại hàng loạt đồng bào vô tội. Trước tình thế ngặt nghèo đó, có một số người tỏ ra bi quan nhưng đa số anh chị em vẫn một lòng tin tưởng ở trí tuệ sáng suốt của Bác Hồ và Trung ương Đảng. Nhìn vào hoàn cảnh của Liên khu 5, chúng tôi vui mừng nhận thấy rằng sau khi các anh Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Chánh[1] ra Bắc, đã có các anh Trần Lương

1. Hai đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Chánh là hai ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II từng giữ chức Bí thư Liên Khu ủy 5 trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

(Trần Nam Trung)[1], Năm Công thay thế lèo lái cuộc đấu tranh của đồng bào và chiến sĩ Liên khu 5 trong giai đoạn mới. Hai anh cùng với các đồng chí Trương Chí Cương, Trần Kiên, Trương Quang Tuân, Tám Tú (Nguyễn Quang Lâm), Bảy Hữu (Nguyễn Xuân Hữu), Lê Trọng Khoan... đã có mặt trong cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu 5, một trong hai Đảng bộ trực thuộc Trung ương Đảng, chịu trách nhiệm trực tiếp về phong trào cách mạng miền Nam.

Sau khi về Văn phòng Trung ương Đảng làm Thư ký riêng cho đồng chí Lê Duẩn, được tiếp cận tình hình miền Nam, tôi có dịp biết rõ hơn sự tiến triển của phong trào đấu tranh của đồng bào và chiến sĩ ta bên kia giới tuyến quân sự tạm thời, đồng thời cũng biết nhiều hơn về hoạt động của anh Năm Công.

Khoảng cuối năm 1957, anh Năm Công được Thường vụ Liên khu ủy 5 cử ra Hà Nội để báo cáo tình hình với Trung ương và đề nghị Trung ương sớm có chủ trương đưa cách mạng miền Nam thoát khỏi thế bị động, bế tắc sau hai năm đấu tranh chính trị một chiều đòi đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ. Anh Năm Công ra Trung ương trong lúc anh Ba Duẩn ở Nam Bộ cũng vừa ra Hà Nội vào giữa năm 1957, theo quyết định điều động của Bác Hồ. Tháng 10 năm đó, Bác Hồ và Bộ Chính trị quyết định cử

1. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, sau lấy tên Trần Nam Trung, Bộ trưởng Quốc phòng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

anh Ba làm Quyền Tổng Bí thư Trung ương Đảng, giúp Bác giải quyết công việc chung của Đảng ta trong giai đoạn cách mạng mới, đồng thời giao cho anh Ba nhiệm vụ trực tiếp theo dõi phong trào cách mạng miền Nam.

Anh Năm Công đã báo cáo rõ những cuộc tàn sát do Mỹ - ngụy gây ra ở Hướng Điền (Thừa Thiên)[1], Chợ Dược, Cây Cốc, Chiên Đàn, Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Ngân Sơn, Chí Thạnh (Phú Yên). Anh Năm nhận định tổn thất trong ba năm qua (từ năm 1955 đến năm 1957) ở nông thôn đồng bằng Liên khu 5, nhất là tại các tỉnh tự do hồi kháng chiến chống Pháp là rất nặng, song thái độ chống trả của nhân dân là quyết liệt, không nao núng.

Ở miền rừng núi, bao gồm vùng cao các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và cả cao nguyên miền Tây rộng lớn, đồng bào các dân tộc thiểu số được Đảng lãnh đạo đã dùng vũ khí thô sơ để tự vệ và chống khủng bố nên các hành động tội ác của địch từng bước bị giáng trả, phong trào cách mạng vẫn được giữ vững và có khả năng xây dựng vùng này thành căn cứ địa trực tiếp vững chắc cho cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân miền Nam. Anh Năm Công nhấn mạnh nguyện vọng của Đảng bộ cũng như đồng bào trong Liên khu là mong được Trung ương cho phép chuyển sang đấu tranh vũ trang, lấy bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của quân thù.

---

1. Sau Hiệp định Giơnevơ, tỉnh Thừa Thiên và phần lớn tỉnh Quảng Trị (không kể khu vực Vĩnh Linh) tạm thời được nhập vào Liên khu 5; về sau hai tỉnh này mới tách khỏi Liên khu 5 để lập ra Khu Trị - Thiên trực thuộc Trung ương.

Anh Ba Duẩn chăm chú lắng nghe anh Năm Công báo cáo, bày tỏ sự thông cảm sâu sắc với những tổn thất đau thương của Đảng bộ và đồng bào Liên khu 5, nhất trí tán thành phải phát động quần chúng đứng lên dùng bạo lực cách mạng để lật đổ ách thống trị của bọn cướp nước và bè lũ bán nước. Anh Ba nhấn mạnh: hiện nay ta cần tiếp tục tổ chức phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ hơn nữa, đồng thời từng bước nâng cao vai trò của đấu tranh vũ trang và luôn luôn coi trọng kết hợp chặt chẽ hai mặt đấu tranh đó sao cho phù hợp với lực lượng so sánh địch, ta ở ba vùng chiến lược khác nhau trên chiến trường miền Nam Việt Nam: miền núi, nông thôn đồng bằng và thành thị.

Nói chung, việc đưa phong trào tiến lên phải trải qua một cuộc chiến đấu lâu dài, được tiến hành một cách hết sức kiên quyết, khôn khéo và linh hoạt, gắn liền ngay từ đầu nhiệm vụ phát động quần chúng vùng lên đánh địch ở miền Nam với nhiệm vụ bảo vệ công cuộc hòa bình xây dựng ở rmiền Bắc, mỗi bước tiến lên trong quá trình đó phải được cân nhắc, tính toán một cách thận trọng, nhằm giữ được bí mật bất ngờ và bảo đảm cho ta luôn giữ thế chủ động để làm tốt nghĩa vụ quốc tế của mình, góp phần thiết thực vào việc giữ gìn an ninh cho phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ vững chắc hòa bình thế giới.

Bối cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai cho phép chúng ta đặt vấn đề động viên lực lượng của toàn dân, toàn quốc đem hết sức mình khai thác đến mức cao nhất những thuận lợi cơ bản do thời cuộc đem lại cho ta, phát huy tối đa ưu thế và năng lực chiến đấu tuyệt vời của các dòng thác cách mạng của thời đại mới đang ở thế tiến

công, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào chủ nghĩa đế quốc quốc tế; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm tạo ra cho công cuộc chiến đấu của chúng ta một sức mạnh mới; đó là sức mạnh tổng hợp tăng lên với cấp số nhân, có sức chiến đấu cực lớn bảo đảm cho nhân dân ta có đủ lực và thế để đương đầu với đế quốc Mỹ, tiến tới đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới do Mỹ gây ra.

Mặt khác, chúng ta cần đề cao cảnh giác trước những biểu hiện tiêu cực đã phát sinh, đang tồn tại và có khả năng phát triển thành những khó khăn, thách thức nghiêm trọng đối với cuộc chiến đấu của chúng ta trong giai đoạn này. Do đó, Đảng ta đã đề ra một nhiệm vụ quan trọng là ra sức góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung nhằm giữ vững đoàn kết quốc tế, trước hết là giữ vững đoàn kết Xô - Trung, lấy sự đoàn kết giữa hai Đảng, hai quốc gia này làm hạt nhân để khôi phục và giữ vững đoàn kết quốc tế. Đối với cuộc đấu tranh để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà, chúng ta coi đoàn kết Xô - Trung là cơ sở giúp ta tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ ngày càng sâu, càng rộng, sự giúp đỡ ngày càng mạnh, càng vững của các nước anh em trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và của các lực lượng cách mạng và tiến bộ khác trên khắp năm châu. Chúng ta cũng coi đó là một chỗ dựa quan trọng giúp chúng ta tăng cường và mở rộng hơn nữa mặt trận quốc tế đoàn kết với Việt Nam, ủng hộ nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Anh Ba Duẩn đã đưa cho anh Năm Công xem dự thảo *Đề cương Cách mạng miền Nam* do anh soạn thảo vào tháng 8-1956 và đã được đưa ra thảo luận ở Hội nghị Xứ

ủy Nam Bộ mở rộng vào cuối năm 1956 đầu năm 1957. Anh Ba cũng cho biết khi mới ra Bắc, anh đã đề nghị Trung ương họp ra nghị quyết chuyển cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam theo tinh thần của bản Đề cương đó, nhưng có người nêu ý kiến phản đối vì ngại Mỹ tố cáo ta vi phạm Hiệp nghị Giơnevơ, lấy cớ đó để đưa quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam; và vì lẽ đó, Hội nghị Trung ương bàn về cách mạng miền Nam phải hoãn lại.

Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ rằng: Việc chuyển phương pháp đấu tranh của cách mạng miền Nam theo kiến nghị của Xứ ủy Nam Bộ và Liên khu ủy 5 là một công việc trọng đại. Nó đồng nghĩa với việc chuyển cách mạng miền Nam từ thế bảo toàn lực lượng lúc bấy giờ sang thế tiến công nhằm đánh đổ từng bước, tiến lên đánh đổ hoàn toàn ách thống trị của đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai bán nước.

Quyết sách chiến lược này có quan hệ tới vận mệnh của cách mạng miền Nam nói riêng và vận mệnh cách mạng cả nước Việt Nam nói chung. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cho nên nó phải được cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Đảng quyết định, đạt được sự nhất trí rất cao của Ban Chấp hành Trung ương thì mới có thể thực hiện và giành được thắng lợi. Theo chỉ thị của Bác Hồ, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đang ráo riết chuẩn bị để sớm triệu tập Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng để bàn thảo và quyết định. Hội nghị Trung ương mở rộng sẽ tập trung được trí tuệ của toàn Đảng, xem xét một cách toàn diện những vấn đề về đường lối và phương pháp đấu tranh giải phóng miền Nam, dự kiến đúng khả năng phát triển của tình hình đất nước và dũng

cảm hạ quyết tâm chiến lược chấp nhận cuộc đụng đầu lịch sử với chủ nghĩa thực dân mới Mỹ. Thay mặt Trung ương, anh Ba Duẩn đã mời anh Năm Công thu xếp công việc để dự Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương.

Ở Liên khu 5, trước khi anh Năm Công ra Hà Nội, phong trào đấu tranh đã có những chuyển biến ở vùng giáp ranh giữa các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ với Tây Nguyên mà điểm đột phá đầu tiên là cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc thiểu số chống phá kế hoạch cướp thóc, dồn dân của ngụy quân, ngụy quyền ở các thôn TaLôc, TaLec, Hà Ri (xã Vĩnh Hiệp), từ đó lan rộng ra khắp 11 xã thuộc huyện Vĩnh Thạnh, biến huyện này thành căn cứ địa của tỉnh Bình Định, thành chỗ đứng chân ban đầu của Liên khu ủy 5. Kế đó là cuộc nổi dậy của mấy nghìn đồng bào dân tộc Raklây, phá khu dồn dân ở Bà Râu để trở về với núi rừng Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Anh Năm Công đi dự Hội nghị Trung ương về đến Liên khu 5 thì cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đang diễn ra. Anh Năm đã tham gia chỉ đạo cuộc khởi nghĩa này, kịp thời tiếp cho nó và thông qua nó lan tỏa nhanh chóng ngọn gió cực mạnh của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II đến các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Từ đó, ngọn lửa cách mạng Liên khu 5 hòa chung làm một với ngọn lửa cách mạng toàn miền Nam mà đỉnh cao là cuộc đồng khởi cuối năm 1959 đầu năm 1960, phá vỡ từng mảng lớn hệ thống cai trị của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở cơ sở, giải phóng với những mức độ khác nhau nhiều vùng nông thôn rộng lớn từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau.

Ít lâu sau "Đồng khởi", Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, tôi thật sự vui mừng khi thấy tên anh Năm Công trong Ủy ban Trung ương Mặt trận, với danh nghĩa là đại diện cho Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam Việt Nam, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban. Thế là anh Năm có mặt trong Bộ tham mưu của Ủy ban hành động cách mạng tối cao của miền Nam, có nhiệm vụ biến chiến lược, chiến thuật, ý chí, quyết tâm của Đảng thành đường đi nước bước và hành động cách mạng của hàng chục triệu quần chúng nhân dân miền Nam quyết vùng lên đánh thắng từng bước các chiến lược chiến tranh tàn bạo và xảo quyệt của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Như chúng ta đều biết, sau cuộc "Đồng khởi" thắng lợi của đồng bào và chiến sĩ miền Nam, chính quyền Mỹ vội vã triển khai chiến lược "chiến tranh đặc biệt" sử dụng quân ngụy cộng với cố vấn quân sự và hậu cần của Mỹ để đối phó với cuộc nổi dậy nổ ra trong lòng miền Nam Việt Nam. "Chiến tranh đặc biệt" dựa vào hai biện pháp chiến lược chủ yếu: Một là sử dụng một cách phổ biến chiến thuật "trực thăng vận" và thiết xa vận để tăng thêm sức cơ động cho quân ngụy, tăng thêm lực và thế cho các cuộc hành quân càn quét của ngụy quyền hòng sớm đánh bại lực lượng vũ trang còn non trẻ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hai là dồn dân vào 16.000 ấp trong tổng số 17.000 ấp ở khắp vùng nông thôn miền Nam, hòng cách ly cho được quần chúng nông dân với lực lượng vũ trang cách mạng, đánh bại ngay từ đầu một mũi tiến công lợi hại của cách mạng miền Nam Việt Nam và phá bỏ

nguồn hậu cần tại chỗ nuôi dưỡng lực lượng cách mạng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" khai trương chưa bao lâu thì chính quyền Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn đã vấp phải một thất bại nặng nề: Đó là trận Ấp Bắc. Đây là thất bại về chiến thuật "trực thăng vận" và "thiết xa vận" được đem ra thi thố lần đầu trên chiến trường nông thôn đồng bằng, nhưng vì Mỹ - ngụy coi chiến thuật này là biện pháp chiến lược chủ yếu về quân sự nên thất bại ở Ấp Bắc cũng mang ý nghĩa là một thất bại chiến lược đối với Mỹ - ngụy. Còn với kế hoạch bình định, gom dân lập ấp chiến lược của địch, thì quân và dân ta ở miền Nam đã đánh phá liên tục từ khi địch đặt ấp chiến lược lên hàng quốc sách.

*

* *

Từ sau cuộc đảo chính quân sự, phế truất anh em Diệm- Nhu vào tháng 11-1963, chính quyền ngụy lún sâu vào khủng hoảng trầm trọng, Mặt trận chủ trương lợi dụng cơ hội này để đánh phá mạnh chương trình bình định của địch và đặt chỉ tiêu phá cho được ít nhất là 2/3 số ấp chiến lược do địch dựng lên, giành lại đại bộ phận nông thôn ở miền Nam. Chiến trường Nam Bộ thực hiện tương đối tốt chủ trương này nhưng ở Liên khu 5, việc phá ấp chiến lược vẫn còn chậm chạp, ì ạch. Để khắc phục sự chậm trễ đó, Trung ương Đảng đã quyết định điều anh Năm Công từ Trung ương Cục ra miền Trung Trung Bộ, làm Bí thư Khu ủy 5.

Từ thắng lợi bước đầu của chiến trường Nam Bộ trong

việc đánh phá ấp chiến lược, anh Năm Công đặt vấn đề phải làm cho các cấp ủy Đảng ở Khu 5 quán triệt sâu sắc hơn nữa Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III tháng 9-1963 về chống "chiến tranh đặc biệt", nhất là nắm vững nội dung cốt lõi của chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới, là chiến tranh hai chân[1], ba mũi[2], ba vùng chiến lược[3].

---

1. Hai chân chỉ rõ chiến tranh cách mạng miền Nam có hai lực lượng cơ bản: một là lực lượng chính trị của quần chúng cách mạng, hai là lực lượng vũ trang từ nhân dân mà ra; do đó có hai hình thức đấu tranh cơ bản là đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, hai hình thức đấu tranh này luôn kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo thành sức mạnh to lớn của chiến tranh cách mạng chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới.

2. Ba mũi là ba mũi giáp công, chỉ một hình thức chiến thuật đánh địch bằng cả ba mũi công kích: Quân sự, chính trị, binh vận. Trong "chiến tranh đặc biệt", đối tượng tác chiến chủ yếu là binh sĩ, nhân viên trong bộ máy ngụy quân ngụy quyền. Nhưng đối tượng này không chỉ là đối tượng đả kích mà còn là một đối tượng cần tuyên truyền, giáo dục, vận động làm cho họ từ chỗ lơ là nhiệm vụ, đi đến chống lại mệnh lệnh của quan thầy của chúng. Khi chính quyền Mỹ "Mỹ hóa" cuộc chiến tranh, thì công tác binh vận là một nhiệm vụ quan trọng của đấu tranh ngoại giao và tuyên truyền đối ngoại nhằm "đánh vào lòng người" làm nản lòng quân địch, tạo ra phong trào phản chiến trong binh sĩ Mỹ và cả trong nhân dân Mỹ.

3. Ba vùng chiến lược là rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị. Tương quan lực lượng địch ta ở ba vùng đó có khác nhau; do đó, việc kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự cũng có mức độ khác nhau. Ở miền núi, thì đấu tranh quân sự đặt cao hơn đấu tranh chính trị vì địa hình địa vật thuận lợi cho đấu tranh quân sự hơn trong khi đấu tranh chính trị có phần bị hạn chế do mật độ dân số ở đây tương đối thấp. Nông thôn đồng bằng là nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch; ở đây đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị về đại thể được đặt ngang nhau, không xem nhẹ mặt nào. Còn ở thành thị thì đấu tranh chính trị diễn ra thường xuyên hơn. Nhưng khi cần vẫn tiến hành đấu tranh quân sự với những mức độ khác nhau tùy theo yêu cầu của từng hoạt động quân sự.

Trên cơ sở đó, Thường vụ Khu ủy 5 quyết định mở nhiều chiến dịch tổng hợp đánh phá ấp chiến lược, trong đó chân chính trị được đặc biệt coi trọng để chuẩn bị kỹ càng hơn, chu đáo hơn cho hai mũi tiến công: chính trị và binh vận nhằm tạo ra cho được sự phối hợp nhịp nhàng giữa mũi tiến công của các lực lượng vũ trang cách mạng từ ngoài ấp chiến lược đánh vào với sự nổi dậy của nhân dân bên trong ấp chiến lược, được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ với những mức độ khác nhau của binh sĩ bảo an, dân vệ và những người thân trong gia đình họ. Để thực hiện được yêu cầu đó, Thường vụ Khu ủy phân công đồng chí Trương Chí Cương, Phó Bí thư Khu uỷ chuyên trách chỉ đạo hai mũi tiến công chính trị và binh vận.

Với các biện pháp đó, trong hai năm 1964 và 1965, Khu 5 đã phá banh được hàng ngàn ấp chiến lược, giải phóng hầu hết vùng nông thôn đồng bằng hai bên quốc lộ 1A và áp sát các thành thị, làm cho chiến trường Khu 5 phát triển đồng đều cùng với chiến trường Nam Bộ. Với thắng lợi đó, Khu 5 đã tự tạo cho mình thế mới và lực mới đã đánh thắng trận Ba Gia, tiêu diệt gọn ba chiến đoàn dự bị chiến lược của quân ngụy. Tiếp đó đánh thắng trận Vạn Tường, khi quân viễn chinh Mỹ lần đầu mở hành quân tìm diệt có máy bay và xe tăng yểm trợ trên một chiến trường đồng bằng ven biển cách Chu Lai, căn cứ xuất phát của chúng, không quá 10 kilômét. Kể từ khi Mỹ chuyển chiến tranh xâm lược của chúng từ "chiến tranh đặc biệt" sang "chiến tranh cục bộ", quân và dân Khu 5 đã anh dũng chiến đấu, đi đầu đánh thắng chiến lược

phản công của quân viễn chinh Mỹ, bẻ gãy các mũi tiến công của địch nhằm vào các tỉnh Nam Trung Bộ trong mùa khô 1965-1966.

Tính chung cả cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Khu 5, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy do anh Năm Công làm Bí thư, mặc dù gánh chịu áp lực cực lớn của chiến tranh xâm lược, đã chiến đấu hết sức ngoan cường, mưu trí, linh hoạt, góp phần đánh thắng quân cướp nước và bọn bán nước ở các thời kỳ khác nhau của chiến tranh, nhất là ở giai đoạn cuối cùng, thực hiện một cách xuất sắc cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, trong đó có sự cống hiến to lớn của anh Năm Công.

Theo kế hoạch ban đầu, sau khi đánh chiếm Buôn Ma Thuột, làm chủ Tây Nguyên, nhiệm vụ của các binh đoàn chủ lực chiến đấu tại đây là nhanh chóng tiến vào miền Đông Nam Bộ, phối hợp với khối chủ lực Miền để công kích vào Sài Gòn càng sớm càng tốt. Nhiệm vụ của Khu 5 là phối hợp với quân và dân Khu Trị - Thiên vây hãm Đà Nẵng, không cho địch đem quân từ Đà Nẵng vào tiếp viện và giải vây cho Sài Gòn và có thể Đà Nẵng sẽ được giải phóng sau Sài Gòn.

Nhưng một tuần sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, anh Năm Công lên Tây Nguyên nắm tình hình, nhận định rằng quân ngụy đang vỡ trận không còn cách nào khác là phải bỏ Tây Nguyên, trong khi đó ở phía Bắc Quân khu I của địch, quân ta đang chiến thắng dồn dập, địch bị đánh tan tác, đang co cụm một số về Đà Nẵng. Tình thế mới xuất hiện một cách nhanh chóng trên chiến trường Khu 5.

Phía sau Đà Nẵng, cả Tây Nguyên được giải phóng; ở các tỉnh còn lại dọc ven biển miền Trung, địch không đủ sức chống đỡ nổi đòn tiến công của quân giải phóng và sức nổi dậy của nhân dân. Đà Nẵng đã quá tải và rối loạn, muốn thủ cũng không thủ nổi. Thời cơ giải phóng Đà Nẵng đã đến. Ngày 18-3-1975, đang ở Tây Nguyên, anh Năm Công đã điện cho đồng chí Lê Duẩn và Bộ Chính trị xin cho tiến công và nổi dậy giải phóng Đà Nẵng.

Đồng chí Lê Duẩn điện trả lời đồng ý và nói: "Nếu thấy làm được thì giải phóng Đà Nẵng đi", một sự đồng ý có tính quyết đoán cao, nhưng không ra lệnh mà để cho cấp dưới tùy cơ ứng biến. Bộ Chính trị Trung ương Đảng chấp thuận đề nghị của Khu ủy 5, quyết định thành lập ngay Bộ Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà khi quân ta đang tiến công giải phóng Huế, đồng thời quyết định tăng cường Quân đoàn II tiếp sức cùng quân và dân Khu 5 tiến công giải phóng Đà Nẵng.

Chiến thắng Đà Nẵng ngày 29-3-1975 được đồng chí Lê Duẩn và Bộ Chính trị Trung ương đánh giá rất cao. Sau khi nhận được tin Đà Nẵng đã được giải phóng, đồng chí Lê Duẩn đã điện vào Khu ủy 5, trong điện có đoạn viết: "Tiến công và nổi dậy giải phóng Đà Nẵng sớm, ngoài kế hoạch. Đà Nẵng là căn cứ liên hợp quân sự lớn nhất, mạnh nhất của địch mà bị ta đánh sập có ý nghĩa quyết định, báo hiệu Sài Gòn sẽ sụp đổ không còn lâu nữa...".

Ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng, họp bàn quyết tâm giành thắng lợi trên hướng trọng điểm Sài Gòn. Đồng chí Lê Duẩn và Bộ Chính trị nhận định sau khi

giải phóng Đà Nẵng, cả về thế chiến lược và lực lượng quân sự, chính trị, ta đã có thế mạnh áp đảo quân địch.

Thật vậy, chỉ sau 10 giờ chiến đấu, ta đã giải phóng Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam Việt Nam, và là một căn cứ liên hợp quân sự cứng nhất của địch. Và kể từ sau ngày 29-3-1975, ta đã xóa sổ hai quân khu của địch, tiêu diệt và làm tan rã 35% quân số địch, mở thông hoàn toàn quốc lộ 1A, tạo điều kiện để ta tung nốt hai quân đoàn cơ động nữa vào trận quyết chiến chiến lược: chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại, đánh chiếm Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc vào ngày 30-4-1975.

Đến Đại hội lần thứ IV (năm 1976) và Đại hội lần thứ V của Đảng (năm 1982), với những cống hiến xuất sắc của mình trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Võ Chí Công đã được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, được Trung ương cử vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng; sau đó được Quốc hội cử vào Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, phụ trách nông nghiệp. Từ đó đồng chí Võ Chí Công đã cống hiến tất cả tâm huyết và trí tuệ của mình vào sự nghiệp xây dựng lại đất nước, đặc biệt đã góp phần quan trọng đề xướng và thực hành công cuộc đổi mới vĩ đại, mở ra thời kỳ phát triển đất nước sau chiến tranh vào thập kỷ cuối thế kỷ XX bước qua thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Do công lao to lớn trong những năm đầu sau giải phóng, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, đồng chí

Võ Chí Công đã được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được cử vào Bộ Chính trị, được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Với cương vị này, đồng chí Võ Chí Công là một thành viên tích cực trong ban lãnh đạo tối cao của Đảng và Nhà nước đã cổ súy và thực hành công cuộc đổi mới, làm thay đổi sâu sắc bộ mặt của đất nước và cơ chế vận hành nền kinh tế quốc dân.

Những người làm quản lý kinh tế ghi nhận rõ sự phát triển từ Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV về đổi mới cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, đến Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VI về thực hiện khoán hộ, giải phóng hoàn toàn lực lượng sản xuất trong nông nghiệp và nông thôn. Và từ đổi mới quản lý nông nghiệp và nông thôn tiến đến đổi mới toàn diện cơ chế quản lý trong công nghiệp và các ngành kinh tế khác trong Nghị quyết 306 với sự ra đời của Ủy ban đổi mới cơ chế quản lý kinh tế Trung ương đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

Là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đầu tiên trong thời kỳ đổi mới, đồng chí Võ Chí Công là người đã đưa quy chế dân chủ vào hoạt động của Quốc hội và các cơ quan dân cử khác, làm cho dân chủ trở thành sức sống, thành động lực tự thân của chế độ mới, thúc đẩy Quốc hội làm tròn nhiệm vụ là cơ quan quyền lực nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, là cơ quan lập pháp cao nhất của Nhà nước và là

người giám sát có hiệu lực đối với bộ máy hành pháp ở Trung ương và các địa phương.

Đến năm 1992 hết nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, đồng chí Võ Chí Công không ra ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương ở Đại hội VII và xin tự nguyện rút lui, sau đó đồng chí được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng và làm việc cho đến hết năm 1997.

Là người chiến sĩ cộng sản kiên cường, là một nhà lãnh đạo kháng chiến sắc sảo, linh hoạt, là một nhà cải cách dũng cảm, sáng tạo, đồng chí Võ Chí Công xứng đáng là một trong những học trò mẫu mực của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người con ưu tú số một của đất Quảng anh hùng.

MỘT CHÍNH KHÁCH GẮN BÓ MÁU THỊT VỚI NHÂN DÂN

NGUYỄN XUÂN TRANG *

Cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, cực kỳ anh dũng của nhân dân ta chống thực dân Pháp rồi chống đế quốc Mỹ đã sản sinh ra không biết bao nhiêu lớp anh hùng. Thời thế khó khăn tạo ra anh hùng và những anh hùng đó đã góp sức làm thay đổi thời cuộc. Đồng chí Võ Toàn là một minh chứng sáng ngời về những lớp người như thế. Những chặng đường cách mạng đồng chí đã đi qua cũng là những mốc lịch sử của một thời đấu tranh gian khổ và oanh liệt của nhân dân ta.

Người con của đất Quảng trung kiên bất khuất ấy cũng đồng thời là đại diện của "*khúc ruột miền Trung*" nghèo nhưng giàu chí khí vượt khó, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp chung. Chỉ điểm qua những sự kiện có tính chất bước ngoặt

---

* Nguyên cán bộ Văn phòng Liên khu ủy 5, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (nay là Bộ Kế hoạch - Đầu tư), nguyên Phó đại diện Thường trực Chính phủ Việt Nam tại Hội đồng tương trợ kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa (cũ).

mới thấy vai trò lịch sử của đồng chí Võ Chí Công trong sự nghiệp chung của đất nước, không những có ý nghĩa nhất thời mà còn có giá trị lý luận của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước nhỏ.

Nhắc lại năm 1950, sau chiến thắng Biên giới, nước ta thông với các nước xã hội chủ nghĩa. Khẩu hiệu "Tích cực cầm cự chuẩn bị tổng phản công" đã thổi một luồng gió lạc quan vào vùng tự do Liên khu 5. Tuy nhiên, cuộc tổng động viên quá mức tài sản của nhân dân đã làm kiệt quệ nông thôn. Thời tiết khô hạn đã bồi thêm, đây đó xảy ra nạn đói. Quảng Nam ở trong tình hình chung đó của Liên khu. Những hoạt động bề nổi ở vùng tạm bị chiếm Quảng Nam - Đà Nẵng đã làm đổ vỡ nhiều cơ sở. Địch càn quét mạnh, phát triển hệ thống tháp canh, lấn chiếm vùng du kích, thu hẹp đáng kể địa bàn hoạt động cán bộ, bộ đội, du kích. Không khí chung trầm lắng xuống. Để góp phần làm chuyển biến tình hình, Liên khu ủy 5 đã thay đổi lãnh đạo, điều Liên khu ủy viên Võ Toàn về làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam đã được hợp nhất lại với thành phố Đà Nẵng.

Năm 1952, chiến dịch mùa hè đã được mở ở đây, Bí thư Đảng ủy mặt trận là đồng chí Bùi San (bí danh: anh Cả), Phó Bí thư là đồng chí Võ Toàn (Bí danh: anh Bốn). Ngoài các thắng lợi quân sự, khôi phục và mở rộng vùng du kích, Đảng ủy mặt trận đã mở lớp tập huấn cán bộ từ cơ sở đến huyện, cán bộ, bộ đội địa phương về công tác vùng bị chiếm. Điểm nhấn mạnh là tinh thần tiến công địch ngay trong đấu tranh hợp pháp, đấu tranh chính trị, kết hợp với địch vận và chiến tranh du kích. Tư tưởng hữu

khuynh được uốn nắn trong khi thực hiện phương châm "*kiên trì vận động cách mạng*" do Đại hội Đảng bộ Liên khu 5 lần thứ II (1951) đề ra. Kinh nghiệm về công tác ở vùng địch hậu sâu được vận dụng một cách thích hợp để bảo vệ cơ sở.

Công lớn của anh Bốn trong thời gian này là đã đặt việc cứu đói thành một công tác trọng tâm của toàn Đảng bộ, nhờ đó đã dần dần ổn định được tình hình, khôi phục lại khí thế cách mạng của Quảng Nam, chuẩn bị bước vào giai đoạn cách mạng mới.

Chiến dịch mùa hè năm 1954 ở Liên khu 5 thắng lợi lớn, giải phóng phần lớn Bắc Tây Nguyên nối liền với Đông Bắc Campuchia và Hạ Lào. Ở Nam Bộ, phạm vi địch kiểm soát bị thu hẹp đáng kể, các vùng du kích được mở rộng.

Hiệp định Giơnevơ được ký kết tháng 7-1954, đã làm cho nhân dân ta vui mừng nhưng cũng gây nhiều tâm tư bức xúc trong cán bộ miền Nam.

Trong tình hình phức tạp đó, đồng chí Võ Chí Công được Trung ương phân công về Liên khu 5, tham gia tổ chức việc tập kết bộ đội, cán bộ ra miền Bắc, chuyển tổ chức đảng và quần chúng vào hoạt động bí mật, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh đầy cam go giữa ta và ngụy quyền Sài Gòn. Một cuộc chiến đấu không cân sức, phía ta không có lực lượng vũ trang, không để lại vũ khí ở miền Nam, một thiệt thòi lớn, gây tổn thất không nhỏ cho nhân dân và lực lượng cách mạng. Là phó Bí thư rồi Bí thư về sau kiêm cả Bí thư Quân ủy Khu 5, anh "Bốn" đã mang bí danh mới - anh "Năm Công" trở thành một trong số người có vai trò

quyết định trong cuộc chiến chống Mỹ - ngụy. Các đồng chí lãnh đạo Liên khu 5 cũng như anh "Ba Duẩn" Nam Bộ, không ai có ảo tưởng sẽ có tổng tuyển cử tự do thống nhất nước nhà sau hai năm. Khó khăn mà đồng chí Năm Công gặp phải khi chỉ xin một số vũ khí trước hết để tự vệ cho cán bộ ở lại miền Nam, là ý kiến của một bộ phận cán bộ cấp cao ở miền Bắc cho rằng nên chủ yếu đấu tranh chính trị, không nên đấu tranh vũ trang tạo cớ cho Mỹ trực tiếp can thiệp vào miền Nam.

Ngay từ năm 1954, nhân dân đã bị tàn sát nhiều ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Đồng chí Năm Công đã nhận thấy rõ không thể chỉ bằng đấu tranh chính trị mà có hòa bình thống nhất đất nước. Chỉ có thể dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của ngụy quyền Sài Gòn mới có thể thống nhất đất nước. Quan điểm đó hoàn toàn thống nhất với quan điểm của đồng chí Lê Duẩn trong *Đề cương Cách mạng miền Nam.*

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II năm 1959 đã mở ra bước ngoặt lớn trong cuộc đồng khởi ở Nam Bộ và Liên khu 5. Bằng thực tế chiến trường, đồng chí Năm Công đã có phần đóng góp quan trọng, ít người biết đến, là việc ra đời của Nghị quyết 15. Cuộc "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và tay sai bước đầu bị phá sản. Phát huy cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng (Quảng Ngãi), đồng chí đã thổi bùng lên cuộc nổi dậy của nhân dân phá thế kìm kẹp của địch.

Trước nguy cơ ngụy quyền Sài Gòn bị uy hiếp mạnh, từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ và quân chư hầu đã đổ quân

vào miền Nam. Lúc bấy giờ một vấn đề lớn, gây lo nghĩ đang đặt ra trước mắt quân và dân miền Nam là có thể thắng quân Mỹ và chư hầu được không? Một đội quân được trang bị hùng hậu với phi pháo dày đặc. Quân ủy Khu 5 dưới sự lãnh đạo của đồng chí Năm Công đã cho quân Mỹ nếm trận phủ đầu đầu tiên ở Núi Thành và Vạn Tường. Chiến thắng về mặt quân sự tuy không thật to lớn nhưng có ý nghĩa lớn về mặt tâm lý, bước đầu giải đáp được một phần câu hỏi nói trên.

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị đi kiểm tra tình hình miền Nam để quyết định đường lối đấu tranh trong giai đoạn cách mạng mới, đã đánh giá cao ý nghĩa nói trên. "bám lấy thắt lưng địch mà đánh" thể hiện không phải chỉ là vấn đề chiến thuật mà là đường lối chung để hạn chế thế mạnh của địch, phát huy lợi thế tinh thần chiến đấu cao của quân ta.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 nhằm đánh sập ý chí xâm lược Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, đồng chí Năm Công đã sáng suốt đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch ở các thành phố Khu 5 nên chỉ đánh rồi rút, đã hạn chế các tổn thất của ta.

Tiếp tục thực hiện đường lối khởi nghĩa từng phần bằng lực lượng quần chúng và lực lượng vũ trang, tiến hành ba mũi giáp công (đấu tranh chính trị, binh vận với đấu tranh vũ trang) dựa trên phát triển ba vùng chiến lược (miền núi, đồng bằng, thành phố), cuộc đấu tranh ở miền Nam đã lần lượt làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt", "chiến

tranh cục bộ", và " Việt Nam hóa chiến tranh " của Mỹ. Một sáng tạo của Đảng ta, không chia cuộc chiến tranh ra các giai đoạn phòng ngự, cầm cự, phản công.

Đầu năm 1975, sau chiến thắng của quân ta ở Tây Nguyên, quân địch rút chạy xuống đồng bằng. Quân ủy Khu 5 dưới sự lãnh đạo của đồng chí Năm Công đã phân tích sắc bén tình hình, nhìn rõ tinh thần rệu rã của quân địch, đồng chí Năm Công đã điện cho đồng chí Lê Duẩn, đề nghị đánh chiếm Đà Nẵng, một căn cứ liên hợp quân sự lớn nhất và mạnh nhất ở miền Trung, đề nghị được chấp thuận, toàn bộ lực lượng chủ lực của Khu 5 được huy động hành quân thần tốc tham gia chiến dịch giải phóng Đà Nẵng. Quyết sách chiến lược hết sức đúng đắn và sáng tạo của đồng chí Năm Công đã góp phần quan trọng vào chiến thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam năm 1975.

Sau chiến tranh, đồng chí Võ Chí Công được đề cử làm Phó Thủ tướng, có lúc kiêm Bộ trưởng Hải sản, có lúc kiêm Bộ trưởng Nông nghiệp, về sau phụ trách cả khối nông, lâm, hải sản. Đó là những nhiệm vụ hết sức phức tạp đối với một người vốn chuyên công tác vận động quần chúng, công tác chính trị, quân sự, công tác đảng. Nỗ lực để khắc phục khó khăn vươn lên hoàn thành nhiệm vụ mà Bộ Chính trị và Chính phủ đã phân công, thực sự là một cố gắng phi thường! Ở vào thập kỷ 80 thế kỷ XX, nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng. Sản xuất các mặt đều sa sút. Chế độ kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, cơ chế "*Xin, cho*" trong quản lý kinh tế, tất cả đều

dẫn đến triệt tiêu động lực kích thích kinh tế phát triển. Mặt khác, quan hệ quốc tế lúc này có nhiều thay đổi, nhất là viện trợ của Liên Xô giảm, tiếp đến bị cắt đứt hẳn, khó khăn dồn dập nối tiếp khó khăn.

Đổi mới quản lý nông - lâm - ngư nghiệp, nền tảng lúc bấy giờ của nền kinh tế quốc dân nước ta, trở thành khâu đột phá then chốt. Với tác phong đi sâu, đi sát cơ sở, Phó Thủ tướng Võ Chí Công đã trực tiếp đi xuống nghiên cứu hợp tác xã nông nghiệp, không qua trung gian cấp tỉnh, cấp huyện. Vấn đề khoán sản xuất nông nghiệp đến hộ nông dân vốn được thực hiện chui ở một số địa phương như Vĩnh Phú, Hải Phòng, Nghệ Tĩnh được nghiên cứu và làm thử trên quy mô lớn và có bài bản. Từ đó, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư ra đời, tạo ra bước chuyển biến rõ nét trong sản xuất nông nghiệp. Những đổi mới tiếp đến được thực hiện trong lâm nghiệp, ngư nghiệp. Những thắng lợi bước đầu trong sản xuất nông nghiệp là những cánh én mùa Xuân báo hiệu cuộc vận động đổi mới toàn bộ nền kinh tế do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986 khởi xướng.

Đầu năm 1987, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VII đồng chí Võ Chí Công được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nhiệm kỳ 1987-1992.

Chủ tịch Võ Chí Công đã cùng Ủy ban sửa đổi Hiến pháp gồm các chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực, rà soát chỉnh lý Hiến pháp năm 1980, nhằm phản ảnh các tiến bộ trong đổi mới kinh tế, những thay đổi làm tăng

cường pháp chế xã hội chủ nghĩa được đưa vào đạo luật cơ bản này của đất nước. Hiến pháp năm 1992 được thông qua ngày 15 tháng 4 năm 1992.

Trong vai trò Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Võ Chí Công có nhiều đóng góp vào các vấn đề quan trọng của đất nước.

Cả một cuộc đời hoạt động cách mạng, tận trung với nước, chí hiếu với dân, trong sáng, thủy chung, một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Chí Công, một tấm gương sáng cho các thế hệ noi theo.

TIN TƯỞNG KÍNH TRỌNG ANH

NGUYỄN VĂN HÀ *

Từ năm 1940 đến năm 1943, phong trào cách mạng ở phủ Duy Xuyên nói chung và xã Long Phước nói riêng phát triển mạnh mẽ. Quần chúng tham gia vào các tổ chức cách mạng ngày càng đông. Hằng năm, tổ chức đảng thường tổ chức một, hai lần mít tinh, quần chúng trong các tổ chức cách mạng về dự trên dưới 100 người. Mít tinh được tổ chức giữa cánh đồng rộng, xa khu dân cư, gần sông Bà Rén. Các ngõ ra vào nơi họp đều có tự vệ canh gác và ám hiệu khi có sự cố.

Tại các buổi mít tinh đó, anh Võ Chí Công và chị Phạm Thị Cơ (Đợi) đều đến dự. Anh Năm Công nói về tình hình thế giới, trong nước, nêu lên sự áp bức bóc lột của thực dân Pháp và bọn vua quan bán nước, làm dân ta nghèo đói, không cơm ăn, áo mặc, ruộng cày, 95% thất học. Thực dân Pháp còn bắt thanh niên đi lính, đưa sang chính quốc làm bia đỡ đạn cho chúng. Anh kêu gọi trăm người như một, đoàn kết, quyết tâm đi theo con đường cách mạng do

---

* Nguyên Phó Trưởng Ban Nông nghiệp Trung ương.

Đảng Cộng sản Đông Đương lãnh đạo để giành lại chính quyền về tay nhân dân. Anh nói giản dị, dễ hiểu gây được lòng căm thù địch sâu sắc; đồng thời, khích lệ tinh thần yêu nước, đấu tranh cách mạng trong quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân tin tưởng tuyệt đối ở cách mạng và luôn thương yêu, quý trọng anh.

Đầu năm 1941, tôi được đồng chí Trần Thượng Hàm, Bí thư chi bộ giới thiệu với anh tại nhà ông Liệu ở xã Long Phước (nay là thị trấn Nam Phước), nơi ở của anh Năm Công và một số đồng chí thoát ly. Gia đình ông Liệu gồm hai vợ chồng và một cháu gái đều giác ngộ cách mạng. Nhà ở sát tỉnh lộ 104, nơi người và xe cộ qua lại đêm ngày. Gia đình chăm sóc, bảo vệ các anh chị rất chu đáo. Có một số lần anh Năm Công và chị Đợi cùng đến ở chung trong một buồng nhỏ, kê một giường tre, ban đêm khi ngủ anh chị phải nằm quay ngược đầu lại với nhau. Cuối gian buồng, có che một tấm phên tre để lỏng, làm chỗ thoát thân mỗi khi có sự bất trắc xảy ra.

Tháng 2-1942, đồng chí Trần Thượng Hàm, Bí thư chi bộ, đồng chí Trương Cảnh và Huỳnh Thạnh, đảng viên bị địch bắt cầm tù. Phong trào cách mạng nhiều xã trong phủ cũng bị khủng bố, bắt bớ dữ dội. Anh Năm Công và các đồng chí khác bị địch vây bắt nhiều nơi, nhất là ở ngã ba trạm Nam Phước.

Nhà ông Liệu, các anh chị không thể đến ở được nữa, vì cạnh nhà ông Liệu là nhà của đồng chí Hàm vừa bị địch bắt. Chúng tôi phải tìm cơ sở mới để các anh chị ở.

Trước tiên chọn nhà đồng chí Thôi, ở phía trong ngã ba trạm Nam Phước làm nơi họp chi bộ. Trước khi đi hoạt động ở các tỉnh Nam Trung Bộ, anh Năm Công triệu tập tôi và các đồng chí Trần Xưởng, Lương Mậu Trưng để củng cố lại chi bộ do tôi làm Bí thư. Anh giao nhiệm vụ củng cố phát triển phong trào cách mạng trong xã và các xã chung quanh, thành lập đội tự vệ chiến đấu; lãnh đạo công nhân đấu tranh đòi quyền lợi ở xưởng ép dầu đậu phụng, giữ liên lạc với các địa bàn khác như: Mã Châu, Thi Lai, Tiệm Rượu.

Tuy vừa bị địch khủng bố, nhưng việc tuyên truyền đưa người vào các tổ chức của Đảng vẫn diễn ra thường xuyên và được quần chúng nhân dân tham gia ngày càng nhiều. Chú tôi - Nguyễn Xáng, là lý trưởng và hương kiểm Phụng cũng giác ngộ cách mạng. Phong trào cách mạng lên cao, nhưng thiếu sự chỉ đạo của cấp trên, chi bộ rất lúng túng. Đang lúc gặp khó khăn như vậy, trung tuần tháng 8-1942, anh Năm Công trở lại để lãnh đạo phong trào.

Anh đến nhà tôi vào ban ngày. Gặp lại anh, chúng tôi vui mừng đến chảy nước mắt. Tôi vừa thương, vừa quý, có lòng tin vào anh không bờ bến.

Mỗi khi đi lại, anh luôn cải trang lúc mặc áo dài đi dù, lúc mặc quần áo bà ba đóng vai người đi buôn... Lần nào gặp anh cũng chỉ thấy anh mặc quần áo cũ kỹ. Chúng tôi huy động anh em ở cơ sở góp tiền may áo quần mới để anh thay đổi.

Cuối năm 1942, chú tôi Nguyễn Xáng đề nghị chọn nhà

bà Chỉnh làm nơi ở cho anh Năm Công, chị Nễ. Nơi ở mới có địa thế rộng, có đồng lúa, ngô và nhiều đường ngang ngõ ngách, dễ rút lui khi bị lộ. Bà có một cháu gái 16 tuổi, cháu trai 12 tuổi. Bà yêu nước, hiểu nhiều về lịch sử Việt Nam. Cả nhà kính trọng, quý mến, bảo vệ các anh chị cẩn thận, kỹ lưỡng. Anh Năm Công, chị Nễ ở đây yên tâm. Mỗi khi có động tĩnh, chú tôi báo tin kịp thời.

Họp chi bộ nhiều lần có anh Năm Công dự, thường ở nhà đồng chí Thôi, đảng viên, ở phía trong trạm Nam Phước. Chỗ họp kín đáo, nhiều thuận lợi.

Đầu năm 1943, phong trào phát triển rất mạnh, quần chúng cảm tình xin gia nhập vào các tổ chức cách mạng ngày càng đông. Việc bán vé xổ số diễn ra như bán công khai, không những các đồng chí trong tổ chức cách mạng mà quần chúng cảm tình với cách mạng ai cũng hăng hái mua để đóng góp vào công quỹ.

Địch bắt được vé xổ số. Cuộc vây ráp khủng bố lan ra nhiều xã trong phủ. Xã tôi, đảng viên và quần chúng cách mạng cũng bị địch bắt. Sau đó, anh Năm Công, chị Nễ cũng bị địch bắt cầm tù.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, anh em được ra tù. Anh Năm Công triệu tập 5 đồng chí: Hàm, Hà, Thận, Thăng, Dương thành lập ban phụ trách Khu Hồng Hải, gồm các xã từ trên đường quốc lộ 1 xuống đến các xã ven biển thuộc phủ Duy Xuyên. Đồng chí Hàm làm Bí thư, số còn lại chia nhau mỗi người phụ trách một số xã, tuyên truyền vận động đưa quần chúng vào tổ chức Việt Minh. Ngày 14-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng vô điều

kiện Liên Xô và quân Đồng minh. Được sự chỉ đạo của anh Năm Công, chúng tôi tổ chức mít tinh ở nhiều địa phương, có cờ đỏ sao vàng, nói rõ Nhật đã đầu hàng không điều kiện, thời cơ giành chính quyền đã đến, mỗi xã cần lập đội tự vệ chiến đấu. Những xã có phong trào cách mạng cao, tập hợp thợ rèn, rèn giáo mác làm vũ khí. Khi có lệnh, các xã tổ chức quần chúng biểu tình kéo về phủ giành chính quyền dưới sự chỉ đạo của cấp trên.

Sau khi hoàn thành việc giành chính quyền ở thị xã Hội An, sáng ngày 18-8-1945, đoàn xe anh Năm Công, chị Nễ lên Duy Xuyên cùng với Ủy ban bạo động phủ chỉ đạo, có lực lượng quần chúng đông đảo làm hậu thuẫn, ta giành chính quyền dễ dàng tại phủ Duy Xuyên, xóa bỏ chế độ cũ, lập chính quyền mới, chính quyền của nhân dân.

Như vậy, ở phủ Duy Xuyên, cao trào cách mạng nhất là những năm 1940 - 1943 do Tỉnh ủy Quảng Nam và Phủ ủy Duy Xuyên lãnh đạo. Đầu năm 1942, các đồng chí Phủ ủy Duy Xuyên và số đông tỉnh ủy viên bị địch bắt. Phụ trách Duy Xuyên lúc này chỉ có anh Năm Công và sau đó có thêm chị Nễ. Phần đông nhân dân trong phủ biết anh Năm Công là cán bộ hoạt động cách mạng, tin tưởng tuyệt đối ở anh. Tên tuổi anh đã gắn liền với phong trào cách mạng trong phủ.

Nhờ cơ sở cách mạng do anh gây dựng từ trước là chỗ dựa, làm nòng cốt thuận lợi cho việc giành chính quyền ở Duy Xuyên và tỉnh Quảng Nam trong Cách mạng Tháng Tám 1945.

KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

Thiếu tướng HUỲNH ĐẮC HƯƠNG *

Anh Võ Chí Công hoạt động nhiều năm ở tỉnh nhà, anh là người có bản chất kiên cường, bất khuất, dũng cảm của người dân Quảng Nam, một địa phương có phong trào cách mạng rất cao, được nhân dân thương yêu, quý mến.

Riêng với tôi, anh Năm Công đã để lại một kỷ niệm đầy ấn tượng trong đời hoạt động cách mạng của mình từ những năm 1940 - 1941, khi tôi chứng kiến yết thị truy nã anh Lê Chưởng và anh Võ Chí Công (Võ Toàn) của chính quyền thực dân Pháp.

Sau khi tham gia cách mạng, tôi được tỉnh quyết định cho thoát ly và anh Năm Công là người nhận tôi đi thoát ly. Trong buổi họp trước khi đi, anh có đặt ra câu hỏi làm tôi thấm thía trong quá trình hoạt động, anh nói: "Anh nhận thức như thế nào mà thoát ly, anh đã lường hết sự nguy hiểm, gian khổ của thoát ly hay chưa?"

Câu hỏi này của anh đặt ra vấn đề là: Làm cách

---

* Nguyên Tỉnh ủy viên Quảng Nam, nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 2, nguyên Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

mạng phải tự giác, thấy hết tất cả những khó khăn của nó và tự nguyện gắn bó với dân tộc và đất nước của mình như thế nào ?. Anh Năm Công là người cách mạng hành động, từ thực tiễn cách mạng và rút ra những vấn đề cốt lõi để giải quyết chứ ít thích lý luận dài dòng. Là người gắn với thực tiễn cuộc sống, nhưng cũng thận trọng với chân lý thiết thực. Trong hoạt động, anh có nhiều sáng kiến, đổi mới phong trào, rất xông xáo, chỗ nào cũng có mặt, nhưng kẻ thù khó tìm ra.

Anh Nguyễn Quang Chung có nói lúc ở trong nhà đày Buôn Ma Thuột, anh Công là người kiên cường, mọi cuộc đấu tranh đều tham gia. Anh cùng với anh Trần Hữu Duật, anh Nguyễn Chí Thanh ở trong phái "*Phải đấu tranh thì mới sống*" và hoạt động tích cực.

Trước ngày Cách mạng Tháng Tám, khi trao đổi đường lối, phương hướng các mặt, anh là người kiên quyết chống xu hướng ủng hộ, liên kết với chính phủ Trần Trọng Kim để duy trì độc lập giả hiệu.

Cách mạng Tháng Tám ở Quảng Nam diễn ra sớm và gọn, có sức đóng góp của anh Công. Ban bí mật Tỉnh ủy lâm thời khi lập lại do anh Trần Văn Quế làm Bí thư, chỉ trong thời gian 5 - 6 tháng đã khôi phục phong trào toàn tỉnh sôi động hẳn lên, kết quả đó theo tôi là nhờ tỉnh Quảng Nam trước đây từ những năm 1930 -1945 có phong trào cách mạng liên tục không gián đoạn, có lúc bị khủng bố nặng, nhưng cơ sở cũ còn nhiều, đó là truyền thống bất khuất, kiên cường của nhân dân Quảng Nam và công đóng góp của các tổ chức đảng trước đây.

Anh Năm Công đã giúp cho Thị ủy Hội An hạ quyết tâm, đề xuất với Thường trực Ban bạo động tỉnh chớp thời cơ giành chính quyền Hội An vào ngày 18-8-1945.

Mùa Xuân năm 1975, nói về đóng góp của anh Năm Công, tôi đồng ý với nhiều ý kiến khi cho anh có nhiều sáng kiến linh hoạt. Thắng lợi của năm 1974, đầu năm 1975 trên chiến trường toàn miền Nam đem lại thời cơ chiến lược năm 1975, tạo điều kiện cho giải phóng Buôn Ma Thuột, từ đó tạo điều kiện cho Đà Nẵng, cho Huế và toàn Khu 5 nhanh chóng được giải phóng.

NHỮNG KỶ NIỆM ĐẸP VỀ ANH NĂM CÔNG

LÊ MINH CHÂU *

Tôi không có may mắn được làm việc nhiều năm với anh Võ Chí Công. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, anh Năm công tác ở Liên khu 5 và ở Nam Bộ, còn tôi làm việc ở Liên khu 4 và Văn phòng Trung ương Đảng. Những lúc được gặp cán bộ Liên khu 5 ra miền Bắc công tác, qua câu chuyện chiến trường, tôi được nghe anh em ca ngợi anh Năm là một cán bộ lãnh đạo mưu lược và đầy lòng nhân hậu.

Trong thời gian kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi biết anh qua những bức điện anh gửi ra Trung ương Đảng. Chỉ những ngày tháng anh làm nhiệm vụ Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị, tôi mới được làm việc trực tiếp với anh một số lần. Tuy vậy, vẫn in đậm trong tôi trí tuệ và đức độ của anh.

1. Từ ngày 25-5 đến ngày 6-6-1980, đồng chí Hoàng Quốc Thịnh dẫn đầu đoàn cán bộ Ban Tài chính - Quản trị

---

* Nguyên Phó Văn Phòng Trung ương Đảng, nguyên Quyền Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương Đảng.

Trung ương Đảng đi nghiên cứu công tác tài chính - quản trị của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Ngày 21-7-1980, Ban Tài chính - Quản Trị Trung ương báo cáo lên Ban Bí thư Trung ương Đảng kết quả đợt nghiên cứu này. Báo cáo kiến nghị phương hướng tài chính Đảng của ta là phải xây dựng tài chính để tiến tới Đảng có ngân sách độc lập, theo hướng tích cực tăng thu nội bộ, giảm dần trợ cấp của ngân sách nhà nước. Trước mắt, thu đảng phí, cải tiến quản lý các nhà in và nhà xuất bản của Đảng để vừa phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị vừa tăng thu cho ngân sách Đảng. Về lâu dài, cơ quan Tài chính Đảng phải tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra sản phẩm, góp phần cung cấp cho hoạt động của Đảng, góp phần phát triển kinh tế của đất nước, phục vụ đời sống cán bộ, công nhân viên các cơ quan của Đảng và tăng thêm nguồn thu cho ngân sách Đảng, từng bước xây dựng tài chính độc lập của Đảng.

Ngày 28-9-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng họp do đồng chí Võ Chí Công chủ trì để nghe báo cáo và cho ý kiến về một số vấn đề về công tác tài chính - quản trị của Đảng. Đồng chí Võ Chí Công đã kết luận (ngày 18-11-1981, Ban Bí thư đã ra thông báo) tập trung vào 4 vấn đề: tài chính ngân sách, nâng mức thu đảng phí, sản xuất kinh doanh, thống nhất quản lý các xí nghiệp in.

Về công tác tài chính, để chi tiêu cho hoạt động của Đảng, Đảng phải có ngân sách, phải xây dựng tài chính Đảng. Tài chính của Đảng bao gồm mấy nguồn thu chính:

đảng phí, sản xuất kinh doanh (bao gồm in và xuất bản sách báo), trợ cấp nhà nước.

Một mặt, Đảng phải cải tiến chế độ thu đảng phí bảo đảm tăng thu ngân sách Đảng, mặt khác phải đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tiến tới có tài chính độc lập của Đảng; phấn đấu giảm dần mức tăng hằng năm khoản trợ cấp của Nhà nước. Đó là vấn đề lâu dài, nhưng phải được các cấp ủy Đảng tích cực thực hiện.

Sản xuất kinh doanh trong các cơ quan đảng phải nhằm mục đích: tạo ra các sản phẩm để góp phần cung cấp các nhu cầu cần thiết cho hoạt động của Đảng; giúp thêm vào việc ổn định và bảo đảm đời sống cán bộ, công nhân, nhân viên; tham gia thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế chung; tăng thêm nguồn thu cho ngân sách Đảng, từng bước xây dựng tài chính độc lập của Đảng.

Để đề phòng tư tưởng nóng vội và những tiêu cực có thể nảy sinh trong sản xuất kinh doanh của các cơ quan đảng, đồng chí Võ Chí Công nhấn mạnh: Sản xuất kinh doanh phải theo đúng nguyên tắc và pháp luật của Nhà nước, phải thực hiện hạch toán kinh tế, bảo đảm có lãi, đồng thời phải giữ uy tín chính trị của cơ quan đảng. Trước mắt, việc tổ chức sản xuất kinh doanh chỉ nên tiến hành ở Trung ương và cấp tỉnh; đối với cấp huyện, thị thì phải xét kỹ, nơi nào có điều kiện, tỉnh tham gia cùng huyện thì mới cho làm.

Để tiếp tục đưa công tác tài chính - quản trị của Đảng đi đúng hướng và đúng mục đích, ngày 31-8-1982, Ban Bí thư Trung ương họp, có đồng chí Võ Chí Công dự, để nghe

báo cáo và cho ý kiến. Ban Bí thư đã có kết luận như sau: Về lâu dài, Đảng cần có tài chính độc lập bằng tiền đảng phí, tiền thu của một số cơ sở sản xuất, chủ yếu là các cơ sở in và xuất bản sách báo, không thể chỉ dựa vào ngân sách nhà nước. Trước mắt, nguồn thu chính vẫn là trợ cấp của Nhà nước. Sản xuất kinh doanh của các cơ quan đảng không được làm ảnh hưởng tới các ngành của Nhà nước và tập thể đang kinh doanh. Nghiêm cấm việc buôn bán và kinh doanh làm dịch vụ.

Ngày 16-4-1983, đồng chí Võ Chí Công, Thường trực Ban Bí thư, nghe báo cáo và cho ý kiến cụ thể nhằm chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương. Sau khi phân tích cái được, cái chưa được, đồng chí chỉ rõ những cơ sở cần củng cố hoặc chuyển giao cho địa phương, đơn vị kinh tế của Nhà nước.

2. Mùa hè năm 1976, đồng chí Võ Chí Công đi kiểm tra sức khỏe ở Liên Xô. Qua thăm khám, bạn thấy có vấn đề cần đi sâu xem xét và điều trị gấp. Thời gian này, ở trong nước lại sắp diễn ra Hội nghị thống nhất nước nhà. Đồng chí Võ Chí Công đã kiên quyết yêu cầu bạn giúp đỡ để đồng chí về nước dự Hội nghị quan trọng này. Hội nghị thành công rực rỡ. Ngay sau đó, đồng chí lại cấp tốc đi Liên Xô để trị bệnh. Sức khỏe của đồng chí chóng hồi phục. Thế là công việc trọng đại của đất nước cũng như công việc riêng của cá nhân đều được hoàn thành một cách trọn vẹn, cùng mang lại kết quả tốt đẹp.

3. Trong thời gian kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, anh Năm chiến đấu ở miền Nam, gia đình gồm có cụ bà,

chị Nễ và hai cháu trai sống ở Hà Nội, ở khu tập thể của Văn phòng Trung ương, P54, phố Ngọc Hà. Cụ bà đã ở tuổi 80. Hằng năm, anh không có điều kiện ra thăm cụ được, mỗi năm vài ba lần anh gửi điện ra Văn phòng Trung ương hỏi thăm sức khỏe của cụ bà và gia đình. Mỗi khi thời tiết thay đổi, cụ bà váng đầu sổ mũi, tôi muốn điện báo cho anh biết, cụ đều ngăn lại và nói rằng "cảm mấy hôm rồi khỏi, đừng làm phiền anh, để anh yên tâm mà lo việc nước, việc quân". Mãi khi cụ qua đời, tôi báo cáo anh tin dữ này, song chiến trường đang diễn ra ác liệt, anh không ra miền Bắc được, đành điện ra ủy thác Văn phòng Trung ương lo toan chu tất lễ tang của cụ.

Thật là bà mẹ hiền đức giàu lòng thương con, thương nước, có người con chí hiếu, chí trung !

NHÂN CÁCH, ĐẠO ĐỨC VÀ Ý CHÍ CÁCH MẠNG CỦA ANH NĂM CÔNG

TRẦN PHÁT *

Anh Võ Chí Công làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam từ năm 1940 đến tháng 10-1943, bị thực dân Pháp bắt giam nên thôi giữ chức vụ này, sau khi ra tù đảm đương những vị trí công tác khác.

Trong Đại hội Đảng bộ Liên khu 5 năm 1951, anh không có trong danh sách giới thiệu của Liên khu ủy cũ để bầu vào cấp ủy nhưng do Đoàn đại biểu Quảng Nam hiểu biết nhiều về năng lực và quá trình hoạt động của anh đã giới thiệu anh ra ứng cử vắng mặt và anh trúng cử vào Liên khu ủy với số phiếu cao. Trên cương vị Liên khu ủy viên, tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam ở Tiên Phước tháng 3-1952, theo phân công của Ban Thường vụ Liên khu ủy 5, anh về lại Quảng Nam làm Bí thư Tỉnh ủy. Tôi lúc này làm uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

---

* Nguyên ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng, nguyên Phó Giám đốc Đài Phát thanh Giải phóng Trung ương (CP 90).

Nói về anh, tôi muốn nói đến nhân cách, đạo đức và ý chí cách mạng của anh.

Sau khi giành chính quyền một thời gian ngắn, anh về làm công tác ở Liên khu 5 nhưng không được phân công công tác gì quan trọng. Có một số anh em cho rằng anh không được bố trí công tác phù hợp, thiếu nâng đỡ nhưng anh không bao giờ phát biểu gì về vấn đề này, anh chấp hành nghiêm chỉnh việc phân công đi phụ trách Đông Miên.

Anh không được học văn hóa nhiều như một số cán bộ khác khi còn nhỏ và chỉ được học trung học bình dân từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945. Nhờ được tiếp thu truyền thống cách mạng của gia đình và địa phương nơi anh sinh trưởng, do được tiếp xúc với các bậc nho sĩ có tên tuổi trong vùng, do tinh thần cố gắng tự học và nhất là qua thực tiễn hoạt động cách mạng, tích lũy được nhiều kinh nghiệm nên anh có bản lĩnh chính trị vững vàng, thể hiện trong việc nhận định đánh giá tình hình địch - ta, đánh giá cán bộ và đề ra các chủ trương đúng đắn, kịp thời.

Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh ở Tiên Phước, chị Phan Thị Nễ, vợ của anh được Đại hội giới thiệu ra ứng cử. Biết vậy, anh từ chối với lý do là anh đã được trên đưa về làm Bí thư mà chị Nễ lại cùng ở trong cấp ủy thì không nên, dễ nảy sinh dư luận bất lợi. Chúng tôi thuyết phục anh, đây là việc của tổ chức, không phải là việc của gia đình anh, anh mới chịu. Kết quả, do tín nhiệm của Đại hội, chị Phan Thị Nễ vẫn được bầu vào Tỉnh ủy khóa này. Nhắc lại chuyện này để thấy anh là người rất thận trọng.

Anh đối xử với anh em một cách chân tình nên được anh em trong Tỉnh ủy và Đảng bộ mến phục. Anh hiểu được mặt mạnh, mặt yếu của từng cán bộ giúp việc nên trong việc sắp xếp, đề bạt đã phát huy được khả năng của mỗi người, tạo điều kiện cho anh em có điều kiện trưởng thành; đối với một số cán bộ có mặt yếu như ngại địch, ngại đi vùng bị chiếm thì anh không có thành kiến và bố trí vào những vị trí công tác phù hợp với sở trường ở hậu phương nên vẫn phát huy được tác dụng, có nhiều đóng góp hữu ích cho phong trào chung.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2-1951), tư tưởng chỉ đạo chung lúc này là chuyển mạnh sang tổng phản công. Chiến trường từng địa phương lúc này rất quan trọng, có tác dụng hỗ trợ cho các chiến trường chính trong cả nước. Quảng Nam - Đà Nẵng được xác định là chiến trường trọng điểm của Liên khu 5. Về Quảng Nam, anh hết sức chú ý lãnh đạo về quân sự, xây dựng lực lượng bộ đội địa phương tỉnh, huyện. Để tăng cường cho mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng, Quân khu 5 đưa đồng chí Võ Thứ, người Quảng Ngãi về làm Tỉnh đội trưởng. Anh Thứ có khả năng chỉ huy nhưng do anh là người Quảng Ngãi nên không quen với chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng. Vấn đề đặt ra cho anh Võ Chí Công là tìm một đồng chí làm Chính trị viên để giúp Tỉnh đội trưởng nắm được tình hình chiến trường. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị một danh sách, anh nghiên cứu và chọn một đồng chí vào vị trí này. Tôi góp ý với anh là đồng chí này không được, anh nói với tôi: "Hay anh muốn làm Chính trị viên". Tôi nói: "Nếu anh

nói thế thì tuỳ anh, anh cứ lấy tư cách Bí thư Tỉnh uỷ để quyết định". Cái hay của anh Năm Công là cuối cùng anh không chọn người mà ban đầu anh thích mà phân công một đồng chí khác vào cương vị Chính trị viên Tỉnh đội.

Ban chỉ huy Tỉnh đội được kiện toàn: anh Võ Văn Đặng, Phó Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chính trị viên, anh Võ Thứ làm Tỉnh đội trưởng, anh Phạm Quang làm Trưởng Ban chính trị. Từ đó, sự lãnh đạo của Ban chỉ huy có bước chuyển mạnh, nhiều cán bộ của các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện trưởng thành, chỉ huy giỏi như các anh Đáp, Phan Hoan...

Từ cuối năm 1951, phong trào ở vùng bị chiếm Quảng Nam gặp khó khăn, địch ra sức thực hiện chính sách chiêu an, dồn làng, cắm thêm nhiều đồn bốt vào vùng du kích, xây dựng khu hành chính kiểu mẫu Phú Kỳ ở Điện Phong. Khó khăn nhất là các xã ở vùng nam Điện Bàn, bắc Hòa Vang, đông Đại Lộc. Khi về Quảng Nam, anh đã cùng với Tỉnh ủy có nhiều biện pháp tích cực đối phó, phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trực tiếp góp ý kiến, đôn đốc các huyện và sử dụng lực lượng địa phương mở đợt hoạt động diệt tề, đánh đồn, phá khu dồn. Tháng 5-1952, Liên khu mở chiến dịch hè theo đề xuất của Quảng Nam, phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh, huyện tấn công tiêu diệt nhiều đồn bốt ở Vân Ly, Đại Hòa, Hòa Liên, đánh mạnh khu hành chính Phú Kỳ, thu hẹp vùng địch lấn chiếm, khôi phục và mở rộng vùng du kích, đánh bại bước đầu kế hoạch chiêu an của địch.

Tháng 5-1952, trời nắng hạn gay gắt, các huyện vùng tự do bị mất mùa, nặng nhất là các xã vùng ven biển Thăng Bình, Tam Kỳ; nhân dân bị đói, có nơi như xã Tam Xuân có người bị chết, có người ăn cỏ, ăn rong để sống. Đúng lúc đó, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị trong hai ngày để bàn nhiều vấn đề quan trọng của tỉnh. Trong lúc Hội nghị diễn ra, nhận được báo cáo tình hình của các địa phương gửi lên, anh bàn với các đồng chí trong Thường vụ quyết định chuyển Hội nghị Tỉnh ủy thành Hội nghị chuyên đề bàn về cứu đói. Một loạt biện pháp được anh đưa ra và Tỉnh ủy nhất trí thông qua là xuất kho dự trữ của tỉnh (chuẩn bị làm kênh Ba Kỳ) và số gạo của Liên khu, tổng cộng 500 tấn đưa về trực tiếp nơi đói nặng để phân phát cho từng gia đình. Tỉnh tổ chức cuộc vận động với khẩu hiệu "vùng đói ít nhịn tiêu, bớt ăn giúp vùng đói nặng". Nhân dân cả tỉnh, kể cả vùng tạm bị chiếm hưởng ứng mạnh mẽ; cán bộ, bộ đội cũng thực hiện mỗi tuần nhịn một bữa ăn hoặc ăn cháo để giúp dân. Cán bộ tỉnh được điều động về tận nơi đôn đốc việc chống đói. Chị Trần Thị Tú (Trần Thị Nguyên) - Phó Hội trưởng Phụ nữ tỉnh, anh Hồ Nghinh - Chủ tịch Mặt trận Liên Việt tỉnh tự mình gánh gạo về vùng đói cứu dân. Bản thân anh Võ Chí Công cũng trực tiếp đi kiểm tra, đôn đốc. Anh phát động nhân dân các xã vùng ven núi giúp rau lang giống cho nhân dân các vùng ven biển. Nhờ đó sau một vài tháng, nạn đói được khắc phục, sản xuất được phục hồi, cuộc sống đã trở lại bình thường.

Bên cạnh các mặt công tác trên, anh Năm Công còn chú ý đến nhiều mặt công tác khác, chỉ đạo sâu sát, động viên kịp thời. Thời kỳ này, địch có kế hoạch đánh chiếm vùng tự do trong tỉnh nên công tác bố phòng được đẩy mạnh, các mặt công tác khác như tăng gia sản xuất, đi dân công phục vụ tiền tuyến được thực hiện khá tốt, đáng nhắc đến là phong trào nhân dân bao vây kinh tế địch, chống bọn buôn lậu rất có hiệu quả. Phong trào "*Mẹ chiến sĩ*" cũng rất sôi nổi. Ngày "*Mẹ nhận con*", được tổ chức rất cảm động. Tại địa điểm nhận con, Ban chỉ huy cầm tay giới thiệu mỗi chiến sĩ cho mỗi mẹ đã đón nhận một cách trìu mến đưa về nhà chăm sóc, nuôi nấng như con ruột thịt, việc làm đó đã thắt chặt được tình đoàn kết quân dân và động viên rất lớn tinh thần chiến đấu của bộ đội.

Trong những cuộc Hội nghị của Tỉnh ủy và Hội nghị của các địa phương, anh chú ý lắng nghe ý kiến của các đồng chí khác, nhất là những ý kiến phản biện một cách kiên trì. Khi tranh luận kết thúc, anh phát biểu ý kiến của mình có tính chất tổng hợp, chặt chẽ, sâu sắc và dứt khoát.

Cuối năm 1953, ở tỉnh Quảng Nam đã bắt đầu thực hiện mạnh chính sách ruộng đất như giảm tô, chia ruộng đất công điền và đất Việt gian vắng chủ cho nông dân thì cũng là lúc anh Võ Chí Công được Liên khu ủy rút về dự lớp chỉnh Đảng Liên khu và sau đó tham gia đoàn đi ra Trung ương nghiên cứu chính sách ruộng đất. Nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy được phân công lại cho anh Trương Chí Cương.

Sau này, tôi còn vài dịp tiếp xúc với anh nhưng những ấn tượng về vai trò lãnh đạo của anh Võ Chí Công trong những năm kháng chiến chống Pháp ở Quảng Nam khá đặc biệt. Xin ghi lại vài kỷ niệm trên về anh như một sự kính trọng tài năng và đức độ của anh.

Phan Xuân Quang

Ghi theo lời kể của đồng chí **Trần Phát**

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG TRÊN CƯƠNG VỊ PHÓ BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TỪ NĂM 1961 ĐẾN NĂM 1964

NGUYỄN VĂN TẤN*

Đồng chí Võ Chí Công là một nhà lãnh đạo cách mạng xuất sắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Cuộc đời hoạt động cách mạng, sự nghiệp và công lao của đồng chí gắn liền với những sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước và dân tộc, từ ngày thành lập Đảng, Cách mạng Tháng Tám, hai cuộc kháng chiến trường kỳ, từ Quảng Nam quê hương, Liên khu 5, Hạ Lào, Đông Bắc Campuchia, Nam Bộ đến giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc và hòa bình xây dựng đất nước ngày nay.

Ở đây, tôi xin nêu một số hoạt động và đóng góp của đồng chí Võ Chí Công trên cương vị là Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam những năm từ 1961 đến đầu năm 1964, lúc đồng chí trở lại làm Bí thư Liên khu ủy Liên khu 5 theo điều động của Bộ Chính trị.

---

* Nguyên Thư ký đồng chí Võ Chí Công lúc đồng chí làm Bí thư Khu ủy 5, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

1. Sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, thực hiện Nghị quyết của Trung ương, đầu năm 1961, Bộ Chính trị đã ra quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam lúc này bao gồm cả Trị Thiên, Liên khu 5, Khu 6 và Nam Bộ.

Theo ủy nhiệm của Trung ương, Bộ Chính trị chỉ định Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam gồm có đồng chí Nguyễn Văn Linh là Bí thư, đồng chí Võ Chí Công và Phan Văn Đáng là Phó Bí thư và một số đồng chí khác là ủy viên.

Chấp hành Chỉ thị của Bộ Chính trị, ngày 19-5-1961, đồng chí Võ Chí Công cùng một đoàn cán bộ từ Liên khu 5 lên đường vào Nam Bộ. Theo hành lang của Trung ương, dọc đường Trường Sơn, từ tây Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, qua nam Tây Nguyên, nối thông với Đông Nam Bộ, ngày 19-8-1961, đồng chí Võ Chí Công và đoàn cán bộ Liên khu 5 đặt chân đến Mã Đà - Đak Cuốc, Chiến khu Đ anh hùng. Đồng chí Nguyễn Văn Linh và đồng chí Phan Văn Đáng nồng nhiệt đón tiếp đồng chí Võ Chí Công.

Những ngày tiếp theo là các cuộc hội ý giữa các đồng chí Thường vụ và ủy viên Trung ương Cục có mặt để thông báo sơ bộ về tình hình chiến trường và trao đổi một số công việc cấp bách trước mắt tập trung cho việc thành lập Trung ương Cục và hội nghị Trung ương Cục.

Ngày 15-10-1961, Hội nghị khai mạc. Đây là Hội nghị lịch sử lần thứ nhất của Trung ương Cục, đánh dấu một bước ngoặc mới của phong trào cách mạng miền Nam chống cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Cao trào đồng khởi của nhân dân miền Nam sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương đã làm cho đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai đứng trước nguy cơ bị sụp đổ. Bộ Chính trị nhận định, thời kỳ tạm ổn định của Mỹ - ngụy đã qua, thời kỳ khủng hoảng liên tiếp suy sụp nghiêm trọng của chúng bắt đầu.

Mỹ phải chọn con đường chiến tranh, chuyển từ chính sách viện trợ và cố vấn sang chiến lược "chiến tranh đặc biệt" hòng đè bẹp cách mạng miền Nam. Chúng lập ra bộ chỉ huy quân sự đặc biệt, ráo riết đẩy mạnh xây dựng quân ngụy, đề ra kế hoạch Stalây - Taylo, gom dân lập ấp chiến lược, coi đó là quốc sách của chế độ Mỹ - ngụy, đưa hàng trăm trực thăng và thiết xa vào miền Nam, đóng thêm đồn bốt, liên tục mở các cuộc càn quét khủng bố ác liệt đánh vào vùng đông dân cư, vùng giải phóng và căn cứ của ta. Tham vọng của chúng là tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ của ta, dập tắt phong trào nổi dậy của nhân dân, cô lập nhân dân với cách mạng, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Hội nghị Trung ương Cục diễn ra tháng 10 - 1961 là lúc địch đã triển khai kế hoạch Staylây - Taylo. Thời gian đầu, tuy vấp phải sự chống đối quyết liệt của quân dân ta, nhưng do ta đối phó chưa mạnh nên phần nào địch đã đôn quân bắt lính, tăng cường được lực lượng quân ngụy, gây cho ta không ít khó khăn, thậm chí nhiều nơi phong trào còn bị thiệt hại nặng. Âm mưu mới của Mỹ tăng cường chiến tranh đánh phá cách mạng gây cho ta nhiều thiệt hại, nhưng chúng chẳng những không ngăn chặn được

phong trào cách mạng miền Nam mà trái lại còn làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân ta với Mỹ và tay sai phát triển ngày càng sâu sắc hơn.

Bộ Chính trị đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam, khẳng định quyết tâm đẩy mạnh cuộc chiến đấu lên một bước mới, đưa đấu tranh quân sự lên song song với đấu tranh chính trị và nhấn mạnh phải ra sức xây dựng lực lượng về cả hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận Dân tộc giải phóng, phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo toàn và phát triển lực lượng ta, làm tan rã chính quyền và lực lượng của địch trên phạm vi ngày càng rộng lớn, tiến tới làm chủ rừng núi, giành lại đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh chính trị trong đô thị, tạo mọi điều kiện và thời cơ để đánh đổ chính quyền Mỹ - ngụy, giải phóng miền Nam.

Hội nghị Trung ương Cục đã nghiên cứu, quán triệt rất sâu sắc các chỉ thị của Trung ương và Bộ Chính trị và đề ra 10 công tác cụ thể để thực hiện:

- Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng rộng khắp trên 3 vùng;

- Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang phối hợp với đấu tranh chính trị, phá tan kế hoạch Stalây- Taylo của địch, chuẩn bị mọi mặt đối phó với các âm mưu mới của địch;

- Tăng cường vận động binh lính và sĩ quan quân đội ngụy, đây là công tác có tính chất chiến lược cần quán triệt trong quá trình cách mạng;

- Đẩy mạnh công tác Mặt trận và dân vận, tập hợp mọi lực lượng, mọi khả năng chống Mỹ - ngụy;

- Tiếp tục xây dựng và mở rộng căn cứ địa;

- Xây dựng và củng cố chính quyền ở vùng giải phóng;

- Đẩy mạnh công tác kinh tế - tài chính nhằm cải thiện đời sống nhân dân, đáp ứng nhu cầu to lớn của cách mạng;

- Xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở thành thị;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục;

- Củng cố, xây dựng, phát triển Đảng, Đoàn.

Hội nghị Trung ương Cục nhấn mạnh phải vận dụng đúng đắn linh hoạt phương châm đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song trên cả 3 vùng, phù hợp với tình hình cụ thể từng vùng, từng chiến trường.

Sau Hội nghị, để có điều kiện xây dựng lực lượng và tiếp cận thuận lợi hơn với phong trào, nhất là Sài Gòn, cuối tháng 11-1961, Trung ương Cục đã dời căn cứ từ Mã Đà - Đak Cuốc sang vùng biên giới bắc Tây Ninh. Đồng thời bố trí một số cán bộ về các địa phương để triển khai các nhiệm vụ công tác đã đề ra, nghiên cứu tình hình chiến trường tìm cách đối phó với các âm mưu của địch. Mặt khác vẫn chỉ đạo tiếp tục xây dựng Chiến khu Đ thành căn cứ Khu miền Đông Nam Bộ và làm đầu mối giao thông tiếp nhận sự chi viện từ Trung ương vào.

Đáng chú ý là mấy tháng cuối năm 1961 sang đầu năm 1962, đồng chí Võ Chí Công và Trung ương Cục đã tập trung chỉ đạo tổ chức Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Quá trình tích cực chuẩn bị, trong đó có việc tổ chức giải thoát Luật sư Nguyễn Hữu Thọ bị địch giam cầm

ở Củng Sơn (Phú Yên) và bảo vệ, đưa Luật sư sớm trở về căn cứ Trung ương Cục. Từ ngày 16-2 đến ngày 3-3-1962, Đại hội đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ nhất đã tiến hành tại vùng Cà Tum - Bổ Túc, Tây Ninh. Đại hội đã quy tụ hơn 200 đại biểu gồm đầy đủ các thành phần, các giới nhân sĩ, trí thức, tôn giáo, dân tộc, các vùng, các miền từ Trị Thiên trở vào, từ đồng bằng, rừng núi, đô thị tập trung về. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, bầu ra Ủy ban Trung ương Mặt trận do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, ra lời kêu gọi các tầng lớp nhân dân đoàn kết rộng rãi xung quanh Mặt trận, đứng lên chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai.

Những công tác cơ bản nói trên từng bước triển khai thực hiện và kết quả Đại hội Mặt trận đã góp phần quan trọng tăng thêm sức mạnh của cách mạng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tháng 11-1962, Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy quân sự miền mở Hội nghị dân quân du kích lần thứ nhất, bước đầu rút kinh nghiệm, phát huy hoạt động của chiến tranh du kích, kết hợp hai chân ba mũi, chống phá gom dân lập ấp chiến lược, xây xã ấp chiến đấu, xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ giải phóng. Hội nghị đã biểu dương hàng trăm cán bộ, chiến sĩ du kích xuất sắc trong đó có các chị Út Tịch, Tạ Thị Kiều và hàng chục xã, ấp có phong trào du kích chiến tranh mạnh.

Lúc này cùng với các mặt công tác khác, Thường vụ Trung ương Cục đã thường xuyên tập trung chỉ đạo ngày

càng chuyên sâu công tác chống địch càn quét khủng bố, gom dân lập ấp chiến lược, chống phá chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận, cử các đoàn cán bộ đi xuống cơ sở, chỉ đạo các địa phương khắc phục tình trạng chạy xà đùa, nâng cao tư tưởng quyết tâm đánh địch, bám dân, bám đất, bám địch mà đánh. Về chống địch càn quét, chống trực thăng vận, thiết xa vận của địch thì kiên quyết bám trụ, dùng các loại vũ khí sẵn có như mìn, lựu đạn, hầm chông, cạm bẫy, dùng súng trường bắn hạ trực thăng, dùng B40 bắn cháy thiết xa của địch. Về phá ấp chiến lược thì chỉ đạo chủ yếu là phá nội dung, phá bên trong, tiêu diệt cho được những tên ác ôn ngoan cố nhất. Ác ôn bị diệt thì bộ máy kìm kẹp của địch sẽ lỏng rã, dân có điều kiện bung ra trở về xóm cũ, ta có điều kiện bám dân móc nối xây dựng lại cơ sở đảng, đoàn thể; hào lũy, kẽm gai, rào rấp nhiều tầng nhiều lớp của địch, ta phá lúc nào cũng được, đỡ phải tốn công sức phá hình thức lúc này.

Sự chỉ đạo khẩn trương, cụ thể của Trung ương Cục chống địch càn quét, gom dân lập ấp chiến lược ngày càng đáp ứng được tình hình và đã được các cấp triển khai thực hiện rất tích cực, có nhiều sáng tạo, càng về sau càng chuyển biến mạnh, đem lại kết quả rõ rệt. Phong trào chống phá ấp chiến lược phát triển mạnh, ấp chiến lược tan rã từng mảng, từng dề trên các trục lộ giao thông. Đồn bốt địch thu hẹp, vùng làm chủ của ta mở rộng. Vùng giải phóng được xây dựng, chính quyền tự quản ra đời. Chi bộ đảng, đoàn thể được khôi phục và củng cố. Dân quân du

kích, bộ đội địa phương huyện tỉnh, kể cả chủ lực của Khu và Miền phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng.

Ngày 3-1-1963, tại Ấp Bắc thuộc xã Mỹ Hạnh Đông, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, ta đánh bại hàng chục đợt tiến công của địch, đánh tan các cuộc đổ bộ bằng máy bay lên thẳng, bắn cháy xe M113 của địch, đánh bại cuộc càn quét quy mô lớn của địch vào vùng căn cứ giải phóng của ta.

Chiến thắng Ấp Bắc lịch sử vang dội mở ra thời kỳ phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Kế hoạch Stalây - Taylo gom dân lập ấp chiến lược hòng tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam trong vòng 18 tháng của địch bị sụp đổ hoàn toàn.

Tháng 6-1963, Trung ương Cục tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh chống địch gom dân lập ấp chiến lược. Đồng chí Võ Chí Công thay mặt Thường vụ Trung ương Cục chủ trì hội nghị. Từ thực tế tình hình, qua báo cáo của các địa phương và với kinh nghiệm bản thân, đồng chí đã tổng kết toàn diện kinh nghiệm cụ thể trên các mặt: chiến tranh du kích, kết hợp "hai chân ba mũi", dân vận, binh vận, xây dựng Đảng, đoàn thể, xây dựng chính quyền cách mạng tự quản, xây dựng và mở rộng vùng giải phóng; tổng kết kinh nghiệm cụ thể chống phá ấp chiến lược ở các vùng khác nhau, những nơi khó khăn, vùng tôn giáo, dân tộc, nơi di cư, khu trù mật, khu dồn dân, vùng ven thị xã, thị trấn...

Vận dụng những kinh nghiệm đã tổng kết, phong trào chống phá ấp chiến lược trên toàn Miền những năm 1963, 1964... tiếp tục được đẩy mạnh, giành thắng lợi rất có ý nghĩa.

Từ Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất, tháng 10-1961 cho đến thời điểm năm 1963 - 1964, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương và Bộ Chính trị, sự nỗ lực khẩn trương, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Cục, toàn Đảng bộ, quân và dân miền Nam, các cấp, các ngành đã đoàn kết chiến đấu, vượt qua muôn vàn hy sinh gian khổ, giành thắng lợi xuất sắc, đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" thâm độc của đế quốc Mỹ, buộc chúng từ năm 1965 phải chuyển sang một chiến lược mới, chiến lược "Chiến tranh cục bộ" để đối phó với phong trào cách mạng miền Nam đang phát triển ngày càng mạnh mẽ.

2. Là Phó Bí thư Trung ương Cục, đồng chí Võ Chí Công vừa tham gia lãnh đạo chung, vừa phụ trách một khối công việc được phân công: Mặt trận, dân vận, kinh tài, căn cứ địa, công tác dân tộc, y tế, giao bưu. Đồng chí bàn với Thường vụ điều động cho một số cán bộ để giúp đồng chí chủ trì các ngành như Thanh niên, Phụ nữ, Nông hội, Công đoàn, Kinh tài, căn cứ địa và vùng dân tộc, y tế, giao bưu... Riêng đồng chí phụ trách Mặt trận, trực tiếp xây dựng cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng và bồi dưỡng chính trị cho các vị nhân sĩ yêu nước.

Lúc này Luật sư Nguyễn Hữu Thọ vừa được giải thoát từ Củng Sơn, Tuy Hòa về đến căn cứ Trung ương Cục, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát từ Sài Gòn ra, Bác sĩ Phùng Văn Cung từ miền Tây lên, cụ Ibih Aléo Chủ tịch phong trào tự trị Tây Nguyên vào; các vị đại diện các tôn giáo, dân tộc, các vị giáo sư, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ, nhân sĩ, trí

thức từ các nơi lần lượt tập trung về. Các cụ lâu ngày gặp nhau tay bắt mặt mừng vui vẻ.

Trước hết, đồng chí Võ Chí Công bàn với anh em văn phòng huy động lực lượng, khắc phục mọi khó khăn, cố gắng xây dựng nhà cửa, sắp xếp cho các cụ có nơi ăn chốn ở, sinh hoạt và làm việc. Chỉ trong một thời gian ngắn, trong hoàn cảnh chiến khu gian khổ, các cụ đều có nhà ở riêng, có hầm hào bảo vệ, có phục vụ chu đáo. Đồng chí thường thăm hỏi sức khỏe, giao cho bác sĩ khám chữa bệnh cho các cụ. Tiếp theo việc đồng chí quan tâm thường xuyên là bàn bạc, trao đổi với các cụ về tình hình, nhiệm vụ cách mạng, gợi lên và cùng các cụ thảo luận, cốt để các cụ nắm được tình hình chung, nắm được chủ trương, đường lối của Đảng và Mặt trận.

Đồng chí tranh thủ thời gian trình bày Nghị quyết của Trung ương Cục, hoặc mỗi khi có chỉ thị mới của Bộ Chính trị là đồng chí mời các cụ họp lại để truyền đạt phổ biến. Mỗi lần như thế, đồng chí giới thiệu tình hình, phân tích âm mưu địch, chỗ mạnh, chỗ yếu của chúng, các hoạt động vũ trang, chính trị, binh vận của ta trên các chiến trường, phong trào quần chúng ở các địa phương, phong trào nhân dân tiến bộ trên thế giới ủng hộ ta, triển vọng tình hình, những thuận lợi, khó khăn và chủ trương của ta. Đồng chí trình bày rõ ràng, dễ hiểu để các cụ theo dõi, rồi đồng chí nêu lên các vấn đề để các cụ trao đổi, liên hệ với thực tế ngành giới mình, bổ sung cụ thể làm sáng tỏ thêm tình hình và bàn bạc kế hoạch thực hiện. Đồng chí tóm tắt lại, nhấn mạnh những nội dung chủ yếu và bàn để các cụ theo

dõi tiếp tình hình diễn biến, phát hiện những vấn đề mới và vạch chương trình kế hoạch cụ thể vận động giới mình như trí thức, nhân sĩ, tôn giáo, dân tộc ...

Đồng chí xây dựng nền nếp mỗi chiều thứ bảy hàng tuần, các cụ họp lại để kiểm điểm tình hình tuần qua, việc gì đã làm, chưa làm, có khó khăn, thuận lợi, kinh nghiệm gì và đề ra công việc tuần tới. Đồng chí theo dõi công việc chặt chẽ, khêu gợi để các cụ trao đổi, chỗ nào khó thì gợi ý giúp đỡ, đánh giá và phát huy những kết quả đã làm. Công việc và sinh hoạt dần dần đi vào nền nếp. Những lúc đồng chí đi công tác dài ngày, công việc cứ như thế tiếp tục.

Các cuộc hội nghị lớn do Trung ương Cục tổ chức như Hội nghị tổng kết chiến tranh du kích, Hội nghị tổng kết kinh nghiệm chống phá ấp chiến lược, tổng kết dân vận, binh vận, Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua,... đồng chí đề nghị với Trung ương Cục mời các cụ tham dự để nghe các đơn vị, địa phương, các điển hình báo cáo thực tế, học tập kinh nghiệm, những việc làm phong phú, sáng tạo của nhân dân và chiến sĩ, thấy được tinh thần chiến đấu hy sinh dũng cảm của quân đội, sức mạnh to lớn của quần chúng.

Nhiều cụ lúc đầu nghĩ rằng lên rừng không có việc làm, nhưng làm việc với đồng chí Võ Chí Công một thời gian, các cụ đều phát biểu rằng công việc làm không hết, việc nào cũng thích thú và chỉ có thế trình độ mới nâng dần lên. Nhiều cụ nhận xét, mới một thời gian ngắn mà mình đã được bồi dưỡng tiến bộ khá nhiều. Kể cả sức khỏe cũng ổn định, không cụ nào đau yếu lặt vặt. Các cụ qua lại

thăm nhau không chỉ để uống trà nói chuyện vui mà còn để bàn luận công việc, trao đổi tình hình.

Đồng chí còn tổ chức cho các cụ nghiên cứu triết học mácxít, chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Đồng chí trực tiếp trình bày tài liệu rồi nêu vấn đề và cùng các cụ thảo luận. Trong một buổi nghiên cứu, cụ Ibih Aléo phát biểu rằng: "Tôi hiểu quả đất là một mặt bằng trong đó có sông, suối, núi non trùng điệp, bên trên là một bầu trời xanh rộng lớn từ bên này sang bến kia". Cả cuộc họp cười vui, đồng chí Võ Chí Công cũng cười vui và giải thích là năm 1961, khi Liên Xô phóng vệ tinh lên vũ trụ, Gagarin là người đầu tiên nhìn thấy quả đất và bay quanh quả đất của mình, đó là một hình tròn bầu dục. Các cụ thảo luận sôi nổi vui vẻ, nào là vật chất có trước, tinh thần có sau, vật chất quyết định ý thức và ý thức trở lại tác động đến vất chất,... Thường là sau các buổi nghiên cứu học tập, đồng chí tổng hợp lại những vấn đề chủ yếu, căn bản...

Không chỉ chăm lo cho các cụ làm việc và học tập, đồng chí còn lo ăn uống, sinh hoạt vui chơi, bồi dưỡng sức khỏe cho các cụ. Đồng chí giao văn phòng đóng bàn pingpong, dọn sân bóng chuyền, mua bàn cờ tướng để lúc rảnh rỗi các cụ giải trí. Đồng chí tổ chức bếp ăn riêng cho các cụ, tìm đầu bếp giỏi, tổ chức sản xuất tự túc, mua sữa đường, các loại đậu dự trữ sẵn, phòng khi các cụ yếu đau hoặc chạy càn dài ngày, có để các cụ dùng. Mỗi khi Văn phòng Trung ương Cục bắn được con heo rừng hoặc con nai, đồng chí đề nghị chia cho các cụ bên Mặt trận một nửa. Các đồng chí

quản trị Văn phòng Trung ương Cục cứ như thế nhớ chừng, khi nào bắn được thú rừng hoặc mua được các mặt hàng tốt đều chia sang cho các cụ.

Tháng 4-1964, theo yêu cầu của chiến trường, Bộ Chính trị điều động đồng chí Võ Chí Công trở lại làm Bí thư Liên khu ủy 5, trực tiếp dưới sự lãnh đạo của Trung ương. Sau đó Trị Thiên cũng trực thuộc Trung ương. Trung ương Cục phụ trách từ Khu 6 vào.

3. Đặc điểm nổi bật của đồng chí Võ Chí Công là trên cơ sở nắm vững đường lối và ý đồ của Trung ương, nắm vững xu thế phát triển của tình hình, nắm chắc bạo lực cách mạng, luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, nghiên cứu sâu sát chiến trường tại chỗ, suy tính tìm mọi cách tấn công địch, tư duy và phong cách chỉ đạo của đồng chí sắc sảo, linh hoạt, năng động, sáng tạo, nhiều vấn đề đồng chí chỉ đạo rất kịp thời sáng tỏ, chẳng những giúp tháo gỡ lúng túng khó khăn cho địa phương, mà còn đề ra phương pháp phát động và tổ chức quần chúng vượt qua khó khăn, góp sức rất lớn làm chuyển biến tình hình chung.

Các đồng chí ở các địa phương Nam Bộ, các vị nhân sĩ, trí thức, tôn giáo, dân tộc ở Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, các đồng chí ở các cơ quan xung quanh Trung ương Cục lúc bấy giờ rất kính nể, cảm phục đồng chí ở tinh thần làm việc tận tụy, đầy trách nhiệm, tác phong công tác gần gũi, thân thiết, đặc biệt là năng lực chỉ đạo cách mạng và kiến thức sâu rộng về nhiều mặt của đồng chí.

NGƯỜI TRỰC TIẾP DẪN DẮT CHÚNG TÔI TRƯỞNG THÀNH

PHAN ĐẤU *

Anh Năm Công, sau Hiệp định Giơnevơ làm Phó Bí thư Liên khu ủy, rồi Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu. Gần suốt thời kỳ chống Mỹ, anh gắn bó mật thiết với tập thể cán bộ, nhân viên Văn phòng Khu ủy 5.

Tháng 5-1955, chuyến tàu cuối cùng chuyển quân tập kết ra miền Bắc thì cũng là lúc anh Năm Công và một số ít cán bộ, nhân viên Văn phòng ở lại miền Nam hoạt động từ phía nam Bình Định ra bắc cầu Bồng Sơn. Cả đoàn đi về phía tây, gần 2 giờ sáng đến vùng căn cứ tây huyện Hoài Nhơn (Bình Định) thì dừng lại và tổ chức cơ quan làm việc. Một thời gian ngắn, đoàn chuyển ra phía tây Quảng Nam (phía tây Đà Nẵng ngày nay) nhập với Văn phòng phía Bắc (đi cùng có anh Trần Lương, Bí thư Liên khu ủy 5), thành Văn phòng Liên khu ủy. Hồi đó chưa có cơ quan

---

* Nguyên Phó Văn phòng Khu ủy 5, nguyên Thư ký riêng của đồng chí Võ Chí Công lúc đồng chí làm Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 5.

ban, ngành nào khác của Liên khu, chỉ mỗi Văn phòng Liên khu ủy gọn nhẹ trên vài chục người. Mãi đến khi có Nghị quyết 15 của Trung ương, các ban ngành của Khu mới xây dựng dần lên. Riêng Văn phòng Liên khu ủy được tổ chức tuy còn gọn nhẹ, ít người nhưng vẫn đủ các bộ phận chức năng làm việc.

Anh Năm Công trực tiếp chỉ đạo Văn phòng triển khai mọi công việc, phục vụ Liên khu ủy lãnh đạo quân dân trong Khu đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng Khu 5, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Anh là người lãnh đạo có tác phong sâu sát công việc, có nhiều kinh nghiệm công tác hoạt động bí mật nên đối với công tác văn phòng, từ tổ chức bộ máy đến bố trí nhân sự, anh đã có những gợi ý để các đồng chí chủ chốt của Văn phòng bàn bạc thực hiện. Lúc mới hình thành cơ quan Liên khu ủy, những năm đầu, anh nhắc nhở anh em chú ý chọn địa điểm đóng cơ quan, việc đi lại từ cơ quan đến trạm giao thông liên lạc trung tâm phải tổ chức thế nào để bảo đảm bí mật, không để lại dấu vết khác thường địch dễ phát hiện. Anh rất chú trọng công tác giao thông liên lạc hợp pháp, đã tổ chức đường dây về thành phố Đà Nẵng rồi đến các đầu mối quan trọng: Huế, Sài Gòn, các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Nhờ đó, trong những năm đầu, các đồng chí lãnh đạo Liên tỉnh 3 theo đường dây này về cơ quan Liên khu ủy họp và quay về rất nhanh, bảo đảm an toàn. Một số đồng chí Liên khu ủy đi công tác Sài Gòn và các thành phố khác cũng nhanh và an toàn.

Anh rất quan tâm công tác xây dựng nội bộ cơ quan, trong hoàn cảnh gian khổ ác liệt, sinh hoạt nội bộ phải thật chặt chẽ, phải luôn nhắc nhở, động viên nhau phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ. Công tác đảng ở cơ quan chủ yếu là công tác chính trị tư tưởng, giữ gìn nền nếp sinh hoạt chi bộ, chi đoàn đều đặn, thực hiện tự phê bình và phê bình, xây dựng khối đoàn kết thống nhất. Bản thân anh với tư cách đảng viên cơ quan, tham gia sinh hoạt đều đặn. Tôi còn nhớ, một lần có đồng chí ở cơ quan vi phạm kỷ luật Đảng, Chi bộ họp góp ý kiến, anh cũng thu xếp công việc dự họp suốt buổi, tham gia góp ý phân tích, cho nên đồng chí được kiểm điểm đã hứa quyết tâm sửa chữa. Sau ngày giải phóng, đồng chí đó về địa phương công tác với trách nhiệm nặng hơn và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong công tác văn phòng, anh quan tâm đặc biệt bộ phận nghiên cứu tổng hợp. Trong hoàn cảnh khó khăn gian khổ, anh nhắc các đồng chí lãnh đạo quan tâm bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu. Mỗi lần chiến tranh chuyển giai đoạn, nhất là các bước ngoặt lịch sử, anh triệu tập họp cán bộ nêu vấn đề, vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, đối sách của ta, giải đáp những thắc mắc trong thực tế, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ nghiên cứu để cán bộ nghiên cứu có những báo cáo tình hình, đề xuất cho lãnh đạo những giải pháp chỉ đạo, lãnh đạo có hiệu quả. Cán bộ nghiên cứu phải lấy thực tiễn một cách cụ thể, đó là nguyên tắc tối cao của cán bộ giúp việc lãnh đạo, quyết

không dựa vào lý thuyết suông, không dựa vào cảm nghĩ suy luận cá nhân thiếu thực tiễn... Bản thân anh thường đi cơ sở nghiên cứu tình hình. Giữa năm 1965, Mỹ đổ quân vào Chu Lai, bung ra đánh dữ dội, tình hình chiến sự rất ác liệt ở các huyện Nam Tam Kỳ, Bình Sơn, anh đã cùng cán bộ trực tiếp đến địa bàn Chu Lai, cùng Huyện ủy Nam Tam Kỳ nghiên cứu, xây dựng vành đai diệt Mỹ Chu Lai thế nào cho hiệu quả. Sau đó anh vào Tỉnh ủy Quảng Ngãi trao đổi, phổ biến kinh nghiệm và hình thành vành đai diệt Mỹ Chu Lai.

Anh có năng lực tổng kết, tổng hợp vấn đề một cách sâu sắc. Trong các cuộc hội nghị Khu ủy, các cuộc hội nghị tổng kết chuyên đề, tổng kết công tác trung tâm của Khu, anh chỉ đạo cụ thể ngay từ lúc chuẩn bị đề án. Anh nêu lên ý kiến của mình về nhận định, đánh giá tình hình, về phương hướng, phương châm, nhiệm vụ cụ thể có hệ thống rành mạch, dứt khoát. Người tham mưu, người giúp việc chỉ dựa trên những ý kiến đó tổng hợp lại, bổ sung những chi tiết cần thiết và hành văn mạch lạc là có một đề cương hoàn chỉnh. Trong nhiều cuộc hội nghị có nhiều ý kiến tranh luận khác nhau, nhiều vấn đề chưa nhất trí, nhưng khi anh tổng hợp lại, ai nấy cũng thỏa mãn, ai cũng thấy ý kiến mình đã được chọn lọc và nêu vào. Cho nên các bản tổng kết hội nghị của anh rất được cán bộ chú ý ghi chép tiếp thu và thực hiện.

Có người nói: "Đồng chí Võ Chí Công học văn hóa ở trường có hạn, nhưng trong công tác, khi nêu sự việc, tổng

kết vấn đề dứt khoát, rất sáng tỏ, có chiều sâu cả về lý luận và thực tiễn". Có đồng chí cán bộ hưu trí ở thành phố Hồ Chí Minh, có thời gian công tác với anh Năm Công đã viết về anh: "Anh rất thông minh và có trí nhớ rất tốt, vốn từng trải và tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cách mạng. Anh ít dùng giấy tờ, mà sắp xếp mọi việc sẵn trong đầu cho nên khi phát biểu thì ý kiến phong phú, chín chắn, rành mạch, dứt khoát". Anh đi sâu nghiên cứu học tập trong cuộc sống, trong quá trình cách mạng kết hợp với kiến thức sẵn có đã tạo cho anh tầm nhìn xa trông rộng, một trí tuệ và năng lực trong phân tích đánh giá tình hình và trong công tác chỉ đạo cách mạng.

Có những đồng chí lãnh đạo cao cấp mỗi khi viết hoặc phát biểu vấn đề gì đều do các đồng chí phụ tá, thư ký riêng soạn sẵn. Anh Võ Chí Công không làm như thế. Mọi việc đều do anh tự suy nghĩ, tự nêu ra những ý kiến chính, những vấn đề lớn cho các đồng chí giúp việc ghi chép, tu chỉnh thành đề cương rồi trình anh thông qua. Anh xem lại bổ sung những ý mới, tiếp tục suy ngẫm. Đến lúc lên diễn đàn tổng kết, anh để đề cương bên cạnh, hoặc vào túi, rồi nói vo, không một giấy tờ trên tay, có khi kéo dài cả tiếng đồng hồ vẫn thông suốt mạch lạc.

Trong chỉ đạo chiến tranh, anh không chỉ tập trung các vấn đề quân sự, chính trị mà rất quan tâm đến công tác kinh tế, hậu cần, chăm lo đời sống cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Ở Khu 5 và các tỉnh đều lập ban sản xuất chăm lo chỉ đạo sản xuất của nhân dân và sản xuất tự túc trong các cơ

quan và lực lượng vũ trang. Nhờ đó, giải quyết một phần nhu cầu lương thực cho kháng chiến.

Anh rất chăm lo công tác chính trị tư tưởng, công tác hàng đầu trong vận động cách mạng. Mỗi thời kỳ diễn biến lịch sử của kháng chiến là có chỉnh huấn chính trị. Khi học tập nghị quyết của Trung ương, của Khu ủy là có kết hợp liên hệ kiểm điểm, đấu tranh tự phê bình và phê bình nhằm nâng cao nhận thức, phê phán những sai trái, lệch lạc; đặc biệt là chống tư tưởng hữu khuynh, co thủ, do dự, rụt rè trong chống phá ấp chiến lược, chống bình định nông thôn, chống tư tưởng hòa bình xả hơi sau Hiệp định Pari... nhờ đó giữ vững được ý chí chiến đấu và tinh thần tiến công địch liên tục cho đến ngày toàn thắng.

Về phẩm chất đạo đức, anh là trung tâm đoàn kết trong Khu ủy, giữa Khu ủy với Quân khu, các ngành và các tỉnh. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất nhận thức về đường lối, chủ trương, phương châm, phương pháp cách mạng. Anh có tác phong công tác thoáng đạt, không gò bó, hẹp hòi, định kiến; lắng nghe ý kiến của đồng cấp và cấp dưới trình bày và đề đạt ý kiến của mình. Ở cương vị lãnh đạo, anh có tính quyết đoán rất cao nhưng không áp đặt ý kiến cá nhân mình vào công việc chung, không độc đoán chủ quan mà biết nghe ngóng tiếp thu những đề xuất của cấp dưới, cái đúng được chấp nhận, cái chưa đúng phân tích giải thích lại.

Anh là người có tình cảm chân thành và thân ái đối với cán bộ và chiến sĩ, công nhân viên và được anh em

mến phục. Đối với cán bộ ở chiến trường xa, các chiến trường có nhiều khó khăn đều được anh ưu ái, chân thành thăm hỏi, giải quyết các yêu cầu để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác. Trong cơ quan Văn phòng Khu ủy, anh tạo một nền nếp cho cán bộ phục vụ là mỗi khi có cán bộ các địa phương về cơ quan phải báo trước cho anh để anh tự đến thăm hỏi và bàn công tác. Có lúc sơ suất để đồng chí các tỉnh về mà anh không biết trước, các đồng chí các tỉnh trực tiếp đến trước gặp anh thì cơ quan bị phê bình là không chu đáo. Đối với gia đình cán bộ đang hoạt động ở chiến trường, mỗi khi đi công tác xuống các địa phương hay ra Hà Nội, anh đều tìm tới thăm hỏi chân tình.

Anh có nền nếp sinh hoạt giản dị, phẩm chất liêm khiết, trong sáng, chí công vô tư. Trong kháng chiến, dù ở cương vị người lãnh đạo và là người cao tuổi nhưng anh không hề đòi hỏi một ưu tiên, ưu đãi nào về vật chất và cũng không tự đặt cho mình một nếp sống tiện nghi, xa cách với các đồng chí lãnh đạo khác trong cơ quan.

Chiến tranh đã lùi xa, cơ quan Văn phòng Khu ủy giải thể đã hơn 30 năm. Nhớ lại những kỷ niệm về các đồng chí lãnh đạo Khu ủy, đứng đầu là đồng chí Võ Chí Công, đã dày công xây dựng, dìu dắt Văn phòng Khu ủy trong những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, ác liệt để trưởng thành. Những cán bộ, nhân viên Văn phòng rất tự hào về những đóng góp của mình đã góp phần làm nên những công tích trong chiến tranh. Hầu hết những cán bộ đã công

tác ở Văn phòng Khu ủy được rèn luyện và nâng cao về quan điểm, lập trường, năng lực công tác đã nhanh chóng trưởng thành. Cho nên, sau khi miền Nam được giải phóng, nước nhà thống nhất, cơ quan Khu ủy giải thể, mỗi cán bộ văn phòng dù ở cơ quan Trung ương hay về địa phương công tác đã đóng góp tích cực và hiệu quả vào công cuộc xây dựng đất nước.

NHÂN VẬT TRUNG TÂM CỦA KHU 5 TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

NGUYỄN VĂN CAO *

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ở Khu 5, đồng chí Võ Chí Công luôn ở vị trí lãnh đạo chủ chốt, là nhân vật trung tâm.

1. Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đồng chí Võ Chí Công từ miền Bắc vào với cương vị Thường vụ rồi Phó Bí thư Liên khu ủy, đồng chí đã cùng với các đồng chí trong Liên khu ủy lo bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ của Liên khu 5 và các tỉnh ở lại hoạt động, lo chuyển hướng tư tưởng, tổ chức, phương châm, phương thức đấu tranh trong giai đoạn cách mạng mới. Đồng chí là người bám lại để giải quyết mọi mặt công tác cho đến trước ngày địch tiếp quản toàn bộ Liên khu 5, sau đó mới cùng một số anh em Văn phòng bí mật lên căn cứ An Lão (Bình Định). Rồi, chuyển ra tây Thừa Thiên để cùng với bộ phận của đồng chí Trần

* Nguyên Phó Văn phòng Khu ủy 5.

Lương ở miền Bắc vào hình thành cơ quan Liên khu ủy và Văn phòng Liên khu ủy để lãnh đạo cuộc kháng chiến.

Ngay từ những ngày đầu lên núi, đồng chí nảy ra rất nhiều ý nghĩ độc đáo. Đồng chí nói về anh em Văn phòng: "Nếu biết thế này thì sắp xếp cán bộ, ta để lại một vài tiểu đoàn lên núi dựa vào nhân dân và đất đai để sản xuất, làm ăn và công tác thì địch chẳng làm gì được ta". Và khi ra Kon Tum gặp đồng chí Trần Kiên - Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum, đồng chí đã phân tích rất rõ công tác miền núi. Đồng chí căn dặn phải giữ cho được miền núi vì có địa thế, địa hình thuận lợi hơn ở đồng bằng, phải nắm cho được dân và phải có chính sách đúng đắn, tranh thủ cho được tầng lớp trên người dân tộc, việc vận dụng phương châm, phương thức công tác ở miền núi phải thật linh hoạt... Những tư tưởng ấy đã thể hiện rất rõ qua thực tế cách mạng suốt nhiều năm sau.

2. Từ năm 1955 - 1958, chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành quốc sách tố cộng, diệt cộng, ra sức đàn áp khủng bố, đánh phá ác liệt phong trào cách mạng ở Liên khu 5. Đây là thời kỳ đồng bằng Liên Khu 5 bị đánh phá nặng nề nhất, hàng vạn cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng bị giết hại, tù đày, tra tấn dã man nhất.

Đồng chí Võ Chí Công hàng ngày tiếp nhận nhiều tin tức báo cáo của các tỉnh và đi xuống kiểm tra tình hình, thấy rõ âm mưu, hành động tàn bạo của địch, sự tổn thất hy sinh to lớn của cán bộ, đảng viên, quần chúng. Đồng chí rất đau xót và nảy ra nhiều ý nghĩ. Đồng chí đã nêu ra

trong Liên khu ủy vấn đề phải xây dựng lực lượng tự bảo vệ cán bộ, bảo vệ cách mạng, phải lấy bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của địch... Nhưng vì đường lối đấu tranh cách mạng lúc bấy giờ là phải bảo vệ hòa bình, lấy đấu tranh chính trị để thi hành Hiệp định Giơnevơ... nên những đề xuất của đồng chí không được chấp nhận. Cuộc đấu tranh tư tưởng về đường lối cách mạng đã diễn ra âm thầm nhưng dai dẳng trong chỉ đạo của Liên khu ủy suốt mấy năm đầu của cuộc kháng chiến.

3. Đầu năm 1958, đồng chí Võ Chí Công xin ra miền Bắc để trình bày ý nguyện của mình. Được gặp đồng chí Lê Duẩn, được nghiên cứu *Đề cương Cách mạng miền Nam* và được dự Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí rất phấn khởi và thỏa mãn về đường lối đấu tranh cách mạng ở miền Nam.

Giữa năm 1959, về lại Liên khu 5, với cương vị Bí thư Liên khu ủy, đồng chí đã cùng các đồng chí trong Liên khu ủy và các tỉnh triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II và chuyển phong trào cách mạng Liên khu 5 sang giai đoạn mới.

Trong thời kỳ này có hai sự kiện nổi bật liên quan đến sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công:

- Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đã gây nhiều phản ứng trong tư tưởng chỉ đạo của Liên khu 5 và các tỉnh. Có ý kiến đồng tình, nhưng cũng có ý kiến cho là nôn nóng, làm quá sớm để địch phản ứng, càn quét đánh phá, gây nhiều khó khăn cho nhân dân...

Trước tình hình ấy, đồng chí Võ Chí Công xuống trực tiếp chiến trường nắm chắc tình hình và đã kết luận: "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có lãnh đạo, đi đúng đường lối, thực hiện đúng Nghị quyết 15, góp nhiều kinh nghiệm cho việc thực hiện Nghị quyết này của Liên khu".

Kết luận đúng đắn và kịp thời của đồng chí Võ Chí Công đã đi đến sự thống nhất nhận thức trong chỉ đạo của Liên khu 5 và các tỉnh, giải quyết được tư tưởng chần chừ, do dự, ngại địch... tạo điều kiện cho phong trào diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ của nhân dân miền núi lên rất nhanh.

Ngày 10-9-1960, trên cương vị Bí thư Liên khu ủy, kiêm Trưởng Ban quân sự khu, đồng chí đã ra chỉ thị về đợt hoạt động cuối năm với những nhận định rất sâu sắc: "Ở Liên khu 5, địch chẳng những bị động về chính trị mà đã bắt đầu bị động về quân sự do một phần phải lo giữ đồng bằng và giới tuyến, một phần phải đưa quân vào đối phó ở đồng bằng Nam Bộ. Trước mắt phải mở đợt hoạt động nhằm phát động quần chúng phá kìm kẹp, mở rộng vùng căn cứ, phát triển cơ sở vùng giáp ranh, đẩy hoạt động xuống đồng bằng, rút thanh niên xây dựng lực lượng, mở rộng hành lang".

Đợt hoạt động đã giành thắng lợi lớn, đánh vào 59 đồn địch, diệt 40 trung đội địch, phá hàng chục khu dồn, giải phóng 450.000 dân trên một vùng rộng lớn ở Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh. Ta đã đánh bại quốc sách tố cộng,

diệt cộng của địch, chuyển phong trào cách mạng lên thế tấn công địch.

4. Từ 1961 - 1963, đồng chí Võ Chí Công vào công tác ở Trung ương Cục miền Nam với cương vị Phó Bí thư, phụ trách Dân vận - Mặt trận. Đồng chí đã đi xuống các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nghiên cứu cuộc đồng khởi ở Bến Tre và công tác phá ấp, giành dân ở các tỉnh, chủ trì cuộc Hội nghị tổng kết công tác phá ấp, giành dân ở Nam Bộ.

Tháng 4-1964, đồng chí về lại Khu 5, kịp thời chỉ đạo công tác phá ấp, giành dân của Khu. Hội nghị Thường vụ Khu ủy tháng 6 năm 1964, do đồng chí chủ trì, đã nhận định: "Công tác phá ấp, giành dân ở đồng bằng Khu 5 còn ít, còn dậm chân tại chỗ, đánh giá địch cao, đánh giá quần chúng thấp, chưa quán triệt phương châm chính trị vũ trang song song, chưa đặt mạnh công tác phát động quần chúng và công tác binh tề vận, tư tưởng hữu khuynh còn nặng".

Nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Khu ủy đã trở thành nội dung chỉnh huấn trong toàn Đảng bộ, quân và nhân dân các tỉnh, dấy lên cao trào phá ấp, giành dân rất sôi nổi. Kết hợp với các hoạt động quân sự với phát động quần chúng, từ tháng 6-1964 đến tháng 6-1965, toàn Khu đã phá được 2.100 ấp chiến lược và khu dồn, giải phóng và giành quyền làm chủ trên 2 triệu dân. Đây là thời kỳ sôi động nhất của Khu 5, vùng giải phóng mở rộng nhất từ miền núi xuống đồng bằng ven biển, vây ép địch trong các thị xã, quận lỵ. Giải phóng đến đâu thành lập chính quyền đến đó và tạm cấp 76.000 ha ruộng đất cho 772.000 nông dân.

5. Mỹ đổ quân ồ ạt vào miền Nam, tập trung đông nhất quân Mỹ và chư hầu ở Khu 5, tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ". Nhiều vấn đề mới đặt ra cho Đảng bộ và quân dân Khu 5:

- Làm sao để giữ vững ý chí và quyết tâm đánh Mỹ?

- Làm sao để giữ vững phương châm "*hai chân, ba mũi giáp công*" để đánh Mỹ và thắng Mỹ?

Dưới sự chỉ đạo của Khu ủy, đứng đầu là đồng chí Võ Chí Công, cả Khu đã phát động phong trào học thư Đảng, thư Bác Hồ, tổ chức hội nghị hiến kế đánh Mỹ, đã giữ vững ý chí và quyết tâm, khắc phục tư tưởng sợ Mỹ, sợ vũ khí hiện đại của Mỹ.

Trong lực lượng vũ trang và bán vũ trang tổ chức xây dựng vành đai diệt Mỹ, động viên phong trào "*Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt*"...; các chiến thắng ở Núi Thành, Ba Gia, Vạn Tường, Pleime đã chứng tỏ khả năng đánh Mỹ và thắng Mỹ của quân dân Khu 5.

Cuối năm 1965, đồng chí Võ Chí Công đi công tác xuống các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, đi sâu xuống các huyện, các nơi có Mỹ đóng quân để nắm sát tình hình, lãnh đạo tư tưởng và hướng dẫn việc đánh Mỹ.

Sau thất bại trong hai mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967, đế quốc Mỹ từ thế tấn công ồ ạt đã chuyển qua phòng ngự, từ tìm diệt và bình định sang quét và giữ. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã đề ra quyết tâm mới: "Trên cơ sở đánh lâu dài cần phát huy chiến thắng hai mùa khô đẩy mạnh những cố gắng chủ quan cao nhất để giành thắng lợi quyết định trong thời gian ngắn". Từ

đó, chủ trương mở đợt tổng công kích tổng khởi nghĩa vào Tết Mậu Thân nhằm giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Một tuần trước Tết Mậu Thân, đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí Nguyễn Chánh - Phó Tư lệnh Quân khu 5 và đồng chí Lê Trọng Khoan - Chánh Văn phòng Khu ủy 5 xuống Quảng Đà để chỉ đạo tiền phương và chỉ đạo Đà Nẵng.

Trong cuộc tấn công và nổi dậy ở Khu 5, một vấn đề có liên quan đến sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công mà lâu nay ít được nhắc đến. Theo kế hoạch chung, tất cả các lực lượng vũ trang và quần chúng biểu tình, sẵn sàng vào vị trí xuất kích, đánh vào đêm 30 tháng Giêng (giao thừa của miền Nam), nhưng đến chiều 29 tháng Giêng được điện của Trung ương phải hoãn ngày N lại một ngày (đêm 31 tháng Giêng, giao thừa của miền Bắc). Cầm bức điện của Trung ương, đồng chí Võ Chí Công suy nghĩ rất căng, nếu rút lực lượng rồi mai lại kéo vào sẽ lộ bí mật, không giữ được thế chủ động bất ngờ và sẽ bị địch đối phó gây tổn thất cho ta. Vì vậy, cho đến phút cuối cùng, đồng chí điện xin Trung ương: "Vì Khu 5 đã triển khai lực lượng xong không thể hoãn kịp, xin cho Khu 5 đánh theo kế hoạch cũ, trừ nơi nào hoãn kịp sẽ cố gắng hoãn". Đây là một quyết định sáng suốt, chủ động và linh hoạt, vì trách nhiệm đối với sinh mạng cán bộ, chiến sĩ mà đề xuất không hoãn lại ngày N của Trung ương. Thế là đêm 30 tháng Giêng, nhiều thành phố, thị xã và các quận lỵ của Khu 5 đã đồng loạt tấn công (trừ thị xã Tam Kỳ và

Quảng Ngãi hoãn lại đến đêm sau)[1]. Ta giữ được thế chủ động bất ngờ, gây cho địch nhiều thiệt hại. Sau mấy ngày cuộc tấn công và nổi dậy đang tiếp diễn, địch bắt đầu phản ứng, đồng chí Võ Chí Công quyết định cho các tỉnh rút lực lượng ra ngoài để chuẩn bị cho các đợt hoạt động tiếp theo và cơ quan tiền phương của Khu cũng rút về căn cứ an toàn.

Tuy chưa đạt yêu cầu giành thắng lợi quyết định nhưng cuộc tấn công và nổi dậy ở Khu 5 và ở miền Nam đã đánh một đòn quyết định vào ý chí và quyết tâm chiến lược của Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, ngừng ném bom miền Bắc, chịu đàm phán ở Pari.

6. Sau Tết Mậu Thân, những năm 1969 - 1970 là thời kỳ Khu 5 gặp khó khăn nghiêm trọng. Trong Tết Mậu Thân, ta bị tổn thất nhiều lực lượng. Cán bộ, đảng viên cốt cán ở cơ sở cũng bị tổn thất, sau đó lại hoạt động liên tục nên vũ khí thiếu, lương thực thiếu, sản xuất sút kém, bộ đội, cán bộ và nhân dân đói kém nghiêm trọng. Nhưng dưới sự chỉ đạo của Khu ủy, Quân Khu 5 và đồng chí Võ Chí Công, quân và dân Khu 5 quyết tâm khắc phục khó khăn, giữ vững thế chủ động trên chiến trường. Có lúc phải điều chỉnh lực lượng chủ lực, đưa chủ lực ra Bắc đường 9 để có lương ăn mà dưỡng luyện, đẩy mạnh sản

---

1. Theo "Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng" - Tập II - *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1968)",* Bộ Tư lệnh Quân khu 5 xuất bản năm 1989 và tập sách "Tết" của nhà báo Mỹ Don Obetdoiter: 7 thành phố, thị xã tấn công đêm 30 tháng Giêng là Tuy Hoà, Quy Nhơn, Đà Nẵng, Hội An, Kon Tum, Pleiku và Buôn Ma Thuột.

xuất trong dân và các cơ quan, kéo gạo vùng địch ra vùng ta để giải quyết nạn đói.

Trong những năm đầu chuyển qua chiến lược "*Việt Nam hóa chiến tranh*", địch tập trung đánh phá ác liệt, bình định nông thôn, gom xúc dân. Lúc đầu ta chưa đánh giá hết âm mưu thủ đoạn của địch, chuyển hướng tư tưởng chưa kịp thời, đánh địch chưa mạnh, bị mất dân, mất đất, gây thêm nhiều khó khăn mới.

Nhưng trong Hội nghị Khu uỷ, đồng chí Võ Chí Công đã nhấn mạnh: "Chống bình định, giành giữ dân, giải phóng nông thôn là công tác trọng tâm, là cái gốc, cái trục của toàn bộ phong trào". Nhờ đặt đúng mức vị trí công tác chống bình định đã lãnh đạo quân dân trong Khu, làm thất bại các kế hoạch bình định cấp tốc, bình định đặc biệt, bình định nước rút của địch.

Năm 1970, Mỹ mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào nhằm cắt đường vận chuyển của ta, xóa hậu phương trực tiếp của chiến trường Nam Bộ. Đồng chí Võ Chí Công trong kháng chiến chống Pháp đã từng hoạt động ở Đông Bắc Campuchia và khi Trung ương Cục miền Nam có quan hệ công tác với Trung ương Đảng Campuchia, đồng chí đã viết thư cho bạn và bàn với Quân khu đưa quân sang giúp, phối hợp với các lực lượng Lào và Campuchia đánh giải phóng 4 tỉnh của Lào và Campuchia nối liền với vùng giải phóng Tây Nguyên, dồn địch vào thế bị động chống đỡ và bị sa lầy trên những hướng chiến lược mới.

Những thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở Khu 5 cùng với những thắng lợi ở chiến trường

miền Nam và chiến thắng "*Điện Biên Phủ trên không*" ở miền Bắc, buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút quân Mỹ và chư hầu khỏi miền Nam.

7. Sau Hiệp định Pari, quân Mỹ tập trung lực lượng tiến hành kế hoạch "*tràn ngập lãnh thổ*" đánh chiếm lại các vùng giải phóng của ta. Quân dân ta đã chiến đấu chống địch lấn chiếm, ra sức chiếm lĩnh cắm cờ để giữ các vùng giải phóng và làm chủ cuộc chiến chống lấn chiếm đang diễn ra quyết liệt. Trong chỉ đạo xuất hiện tư tưởng hòa bình, xả hơi, giảm sút tinh thần tiến công địch, có nơi rút lực lượng vùng tranh chấp với địch ra phía sau... tạo cho địch lấn chiếm nhiều vùng do ta làm chủ. Nhưng những diễn biến lệch lạc ấy chỉ diễn ra trong thời gian ngắn. Tháng 7-1973, đồng chí Võ Chí Công đi họp Trung ương về đã tổ chức họp Khu ủy phê phán tư tưởng hữu khuynh, mất cảnh giác không thấy rõ âm mưu địch, không nắm vững quan điểm bạo lực và quyết đẩy mạnh đánh địch vi phạm Hiệp định Pari, đánh diệt lực lượng địch và giành lại hai vạn rưỡi dân, giữ thế tấn công địch trên chiến trường.

Cuối năm 1973, một sự kiện chính trị lớn trong Khu đã diễn ra là Đại hội đại biểu Đảng bộ Khu 5 lần thứ III, một kỳ Đại hội duy nhất và cuối cùng của Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Chí Công, Đại hội đã tổng kết công tác của Khu 5 và đề ra nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III. Đại hội bầu ra Ban Chấp

hành mới gồm 38 đồng chí, do đồng chí Võ Chí Công làm Bí thư. Đại hội Đảng bộ Khu 5 lần này đã tạo ra những nhân tố cho việc chỉ đạo cuộc tiến công và nổi dậy giải phóng Khu 5 mùa Xuân năm 1975.

8. Trong cuộc tiến công và nổi dậy giải phóng Khu 5, vai trò chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Chí Công có những sự kiện đáng ghi nhớ. Sau khi giải phóng xong Buôn Ma Thuột, Trung ương điện cho đồng chí Võ Chí Công lên gặp đồng chí Văn Tiến Dũng. Chiều ngày 15-3, đến Kon Tum, được tin địch vừa rút bỏ Kon Tum và Pleiku, đồng chí Võ Chí Công chỉ thị cho đồng chí Phan Phụ, Bí thư Tỉnh ủy phải đi ngay trong đêm để nắm tình hình và đưa lực lượng vào quản lý thị xã.

Sáng ngày 16-3, không đợi có tin tức báo cáo, đồng chí đã quyết định cả đoàn đi vào thị xã Kon Tum. Một cảnh hoang tàn đã diễn ra, các trại lính địch bỏ trống và bị phá, dân tản cư phần lớn, chưa có một cán bộ nào của tỉnh và thị xã có mặt. Đồng chí gặp và nói chuyện với dân, đồng thời điện cho lực lượng 773 đưa quân vào thị xã. Chiều hôm đó, đồng chí quyết định vào Pleiku, nhưng vì nắm tình hình đường sá chưa chính xác, đoàn phải lên lại đường Trường Sơn vào Đức Cơ để xuống Pleiku. Trong đêm hành quân, đồng chí dừng lại ở một binh trạm và điện hỏa tốc về Trung ương: "Địch đã rút khỏi ba tỉnh Tây Nguyên, tình thế mới đã xuất hiện, xin Trung ương cho quân vào đánh giải phóng Đà Nẵng".

Đây là một đề xuất rất táo bạo và kịp thời của một đồng chí lãnh đạo. Vì theo quyết định của Trung ương,

trong hai năm 1975 - 1976, giải phóng xong Tây Nguyên, chủ lực ta sẽ theo đường Khu 6 vào miền Đông Nam Bộ, phối hợp với chủ lực miền tấn công giải phóng Sài Gòn xong mới ra giải phóng Đà Nẵng, vì Đà Nẵng là căn cứ liên hợp quân sự mạnh nhất của địch. Trong khi đó, kế hoạch Xuân 1975 của Khu 5 cũng chưa đặt vấn đề giải phóng Đà Nẵng mà sử dụng chủ lực Sư đoàn 2 đánh vào các tỉnh phía Nam.

Sáng ngày 17-3, vào Pleiku cũng trong cảnh hoang tàn, trước khi rút chạy địch đốt phá nhiều khu vực và cướp bóc của dân. Cán bộ địa phương chưa ai có mặt. Chúng tôi phải ra vùng ven tìm được đồng chí Bí thư Thị ủy vào làm việc với đồng chí Võ Chí Công. Ở đây, đồng chí lại nảy ra những tư tưởng mới, điện xin đồng chí Văn Tiến Dũng không vào Buôn Ma Thuột nữa vì tình thế quá khẩn trương, xin về lo giải phóng đồng bằng Khu 5 và được đồng chí Văn Tiến Dũng chi viện cho Khu 5 một sư đoàn chủ lực.

Trong thời gian này, đồng chí nói với chúng tôi (2 đồng chí Văn phòng cùng đi công tác phục vụ cho đồng chí): "Lúc này mà đang còn luẩn quẩn ở nông thôn là bỏ lỡ mất thời cơ. Phải lách bỏ nông thôn đánh vào thành phố, thị xã, được thị xã được cả nông thôn". (Sau này khi gặp đồng chí Lê Đức Thọ bàn việc phục vụ chiến dịch giải phóng Sài Gòn, đồng chí nêu lại phương châm này và được đồng chí Lê Đức Thọ tán đồng).

Trên đường về Khu, ngày 23-3, đồng chí họp Ban Thường vụ Khu ủy và Quân khu quyết định giải phóng

Khu 5 trong thời gian ngắn nhất và sử dụng hai sư đoàn đánh vào Tam Kỳ - Quảng Ngãi.

Ngày 24-3, quân ta tấn công địch ở Tam Kỳ và Quảng Ngãi, địch đã rút chạy. Trước tình hình ấy, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân cấp tốc điện xin Trung ương cho Khu 5 tấn công giải phóng Đà Nẵng với lực lượng của địa phương. Ngày 25-3, quân ta đánh giải phóng Huế.

Ngày 27-3, đồng chí Võ Chí Công xuống cơ quan Đặc khu Quảng Đà quyết định sử dụng toàn bộ lực lượng vũ trang chính trị của tỉnh và thành phố tấn công giải phóng Đà Nẵng và chuyển hướng hoạt động của Sư đoàn 2 đánh ra Đà Nẵng.

Ngày 27-3, được điện của Trung ương thành lập Mặt trận Quảng Đà do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh và đồng chí Chu Huy Mân làm Chính uỷ và phối hợp lực lượng của địa phương tấn công vào Đà Nẵng.

Ngày 29-3, đồng chí Võ Chí Công đã ra tiền phương chỉ đạo tấn công giải phóng Đà Nẵng. Ở phía Nam, lực lượng Sư đoàn 2 đánh ra, ở phía Bắc Quân đoàn II đánh vào, ở phía Tây Sư đoàn 304 đánh xuống, ở bên trong lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng tiến công, nổi dậy giải phóng Đà Nẵng lúc 11 giờ ngày 29-3. Tối ngày 29-3, đồng chí Võ Chí Công vào thành phố và điện cho đồng chí Lê Duẩn: "Đà Nẵng đã giải phóng rồi. Tôi và anh Hồ Nghinh đang ở trong thành phố".

Sự kiện giải phóng Đà Nẵng đã làm cho đồng chí Lê Duẩn vô cùng phấn khởi, đồng chí nói:

"Được tin giải phóng Đà Nẵng, mình thấy lâng lâng khó tả. Khi giải phóng Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên mình cũng rất mừng, nhưng con đường trước mắt còn dài, còn lắm chông gai, nỗi lo toan còn canh cánh bên lòng. Kế hoạch vào Sài Gòn bằng con đường Khu 6 và miền Đông Nam Bộ chưa biết khó khăn đến đâu. Nay Đà Nẵng là căn cứ phòng ngự từ xa cứng nhất của địch đã được giải phóng, con đường vào Sài Gòn đã được mở rộng, quân ta có thể tiến thần tốc như chẻ tre. Ngày giải phóng Sài Gòn không còn xa nữa, không phải tính bằng năm mà có thể lấy tháng, lấy ngày để tính. Bức xong Đà Nẵng coi như miền Nam được giải phóng[1].

Đồng chí Lê Duẩn hết lời ca ngợi đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân, những người chỉ đạo, chỉ huy tài ba, xuất sắc, xứng đáng là những người ở cơ quan lãnh đạo cao nhất của đất nước.

9. Sau ngày giải phóng Đà Nẵng, lực lượng các tỉnh phía Nam phối hợp với quân chủ lực của Khu 5 và của Trung ương tấn công giải phóng các tỉnh. Đến đầu tháng 4-1975, toàn bộ Khu 5 đã được giải phóng.

Sau khi đi gặp đồng chí Lê Đức Thọ để bàn kế hoạch phục vụ giải phóng Sài Gòn, đồng chí Võ Chí Công chỉ thị cho lực lượng Quân khu 5 đi tham gia chiến dịch và chỉ thị cho các tỉnh tập trung phương tiện vận tải để chở lương thực, xăng dầu, vũ khí phục vụ giải phóng Sài Gòn và đón tiếp các đoàn quân ở Bắc vào.

---

1. Theo Hồi ký về Lê Duẩn của đồng chí Trần Quỳnh.

Ngày 15-5, Khu 5 tổ chức lễ mừng chiến thắng tại sân vận động Chi Lăng, Đà Nẵng. Đồng chí Võ Chí Công đọc diễn văn quan trọng, tổng kết 30 năm chiến tranh, phát huy thành tựu của các Đảng bộ, quân dân Khu 5 và đề ra phương hướng nhiệm vụ sắp đến.

Giữa tháng 7-1975, đồng chí Võ Chí Công tổ chức một cuộc đi thị sát khắp các tỉnh đồng bằng từ Quảng Nam đến Khánh Hòa để nắm tình hình và góp ý chỉ đạo công tác sau ngày giải phóng. Đối với các tỉnh Tây Nguyên, đồng chí chỉ thị cho các tỉnh không được bắt bớ bừa bãi, phải có chính sách khoan hồng và phân biệt từng loại mà xử trí đúng đắn. Phải quản lý chặt chẽ tài sản địch để lại, nhanh chóng khôi phục đời sống nhân dân, khuyến khích các chủ đồn điền tiếp tục kinh doanh sản xuất.

Để thực hiện chủ trương của Trung ương sớm thống nhất nước nhà, đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo việc họp các tỉnh, sắp xếp bộ máy cho các tỉnh mới, bố trí cán bộ, nhân viên của Khu 5 về các tỉnh.

Tháng 9-1975, Hội nghị Khu ủy tại Đà Nẵng công bố quyết định giải thể Khu ủy 5, đồng chí Võ Chí Công chuyển sang làm đại diện Đảng và Chính phủ ở miền Trung.

Nhìn lại cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Khu 5, từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc, sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Chí Công có một vị trí rất quan trọng và có ý nghĩa quyết định.

Đồng chí Võ Chí Công đã vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng vào thực tiễn chiến trường Khu 5 một cách linh hoạt, sắc sảo, kịp thời và chủ động.

Đồng chí Võ Chí Công là người lãnh đạo có tầm cỡ lớn, có khả năng nhìn xa thấy rộng, dám đề xuất và quyết định những vấn đề trọng đại của cách mạng. Sự có mặt của đồng chí trong từng giai đoạn cách mạng của Khu đã góp phần ổn định tình hình, giữ vững và phát triển phong trào lên những bước mới.

Đồng chí Võ Chí Công là người chỉ đạo rất toàn diện. Trên cương vị Chính ủy Quân khu, đồng chí đã gắn bó chặt chẽ với đồng chí Chu Huy Mân, với các cơ quan Quân khu, chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động quân sự của Khu 5 và công tác chính trị tư tưởng trong quân đội. Đồng chí quan tâm chỉ đạo công tác kinh tế, hậu cần, chăm lo đời sống cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Tổ chức Ban sản xuất từ khu đến huyện, xã để lo việc sản xuất, đặt mạnh công tác sản xuất tự túc trong các cơ quan, xây dựng những lực lượng sản xuất lớn trong quân đội, nhờ đó đã giải quyết một phần lương thực trong kháng chiến. Đồng chí rất quan tâm đến công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng, trong quân đội, trong nhân dân, và coi đó là công tác hàng đầu của cách mạng; thường xuyên lui tới nắm tình hình, góp ý, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện giúp cho Ban Tuyên huấn khu xây dựng đầy đủ các bộ môn công tác để phục vụ kháng chiến. Mỗi thời kỳ chuyển biến của kháng chiến là phải có chỉnh huấn chính trị, học tập các nghị quyết của Trung ương, của Khu ủy, có liên hệ kiểm điểm, đấu tranh phê bình, tự phê bình nghiêm túc để nâng cao nhận thức, phê phán những quan điểm lệch lạc, chống tư tưởng hữu khuynh, co thủ rụt rè, giảm sút ý chí chiến đấu, nhờ đó mà

giữ vững tinh thần tấn công địch liên tục cho đến ngày toàn thắng.

Đồng chí Võ Chí Công biết phát huy sức mạnh của tổ chức, của tập thể trong công tác lãnh đạo. Chiến trường Khu 5 có ba vùng chiến lược, đồng chí đã đề xuất việc lập các Ban miền núi, Ban thành phố, chọn những đồng chí có năng lực, có nhiều kinh nghiệm trong công tác này về phụ trách để đi sâu nghiên cứu giúp Khu ủy chỉ đạo sát các chiến trường. Về phương châm "*hai chân, ba mũi giáp công*", đồng chí cho thành lập Ban đấu tranh chính trị, Ban binh vận và thường xuyên tổ chức các cuộc hội nghị tổng kết chuyên đề, để giúp Khu ủy chỉ đạo. Đây là những tổ chức bộ máy phù hợp với điều kiện của chiến trường Khu 5.

Đồng chí Võ Chí Công có năng lực tổng hợp và phân tích vấn đề rất sâu sắc. Trong các cuộc hội nghị Khu ủy, Khu ủy mở rộng, hội họp chuyên đề có nhiều ý kiến tranh luận, nhiều quan điểm nhận thức khác nhau, nhưng khi kết luận, tổng kết hội nghị, đồng chí đã tổng hợp vấn đề có tính khái quát cao, làm cho ai nấy đều sáng tỏ, đều thỏa mãn. Đồng chí ít đi vào lý luận sách vở, không tầm chương trích cú mà phân tích vấn đề trên cơ sở thực tế của phong trào, của những kinh nghiệm trong cuộc sống nên có sức thuyết phục, sức hấp dẫn cao. Vì vậy mỗi lần hội nghị, đến phần tổng kết ai nấy đều tập trung ghi chép đầy đủ để về vận dụng triển khai công tác ở địa phương mình.

Đồng chí Võ Chí Công có một phương pháp công tác rất thông thoáng, rất chủ động, ít khi dựa vào những nội dung do Văn phòng Khu ủy viết sẵn để đọc, để ký. Mỗi

khi chuẩn bị một đề cương hội nghị Khu ủy hay hội nghị chuyên đề, đồng chí nghe Văn phòng báo cáo tình hình và để một thời gian suy nghĩ, sau đó mới gọi cán bộ trợ lý, cán bộ Văn phòng đến để đồng chí cho ý kiến chỉ đạo. Đồng chí nêu ra những vấn đề rất có hệ thống, rành mạch, rõ ràng, dứt khoát từ nhận định tình hình, đánh giá ưu, khuyết điểm, nguyên nhân, bài học và đề ra phương hướng nhiệm vụ, phương châm, biện pháp. Trên cơ sở đó, Văn phòng thảo luận, bổ sung, nâng cao sắp xếp viết thành văn bản trình đồng chí xét duyệt và chỉ được bổ sung phát triển, chứ không được bỏ qua, bỏ sót một ý kiến nào của đồng chí đã nêu.

Đồng chí Võ Chí Công rất ưu ái đối với cán bộ, nhất là các đồng chí ở chiến trường xa, chiến trường khó khăn gian khổ. Mỗi khi có các đồng chí ở các địa phương về Khu, đồng chí chỉ thị cho Văn phòng phải rất chu đáo trong việc ăn, ở và giải quyết các nhu cầu công tác. Đồng chí đã tạo cho Văn phòng một nền nếp, mỗi khi có cán bộ dưới lên hay trên xuống đều phải báo cáo cho đồng chí biết trước để đồng chí chủ động đến thăm hỏi và bàn chương trình công tác. Những lúc, các đồng chí mới về trực tiếp đến gặp đồng chí trước là sau đó Văn phòng sẽ bị phê bình không chu đáo.

Đồng chí Võ Chí Công là biểu hiện trung tâm đoàn kết trong nội bộ Khu ủy, giữa Khu ủy với Quân khu, với các ban, ngành của Khu 5 và với các địa phương. Đoàn kết trên cơ sở đường lối, chủ trương công tác. Đồng chí biết lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của đồng cấp và cấp

dưới; biết phát huy trí tuệ của tập thể nên thu phục lòng người. Trong suốt thời kỳ kháng chiến, những chỉ thị, nghị quyết của Khu ủy đều được chấp hành nghiêm túc, không có sự phản ứng chống đối. Sự đoàn kết thống nhất ý chí và hành động là một thế mạnh cho công tác chỉ đạo ở trong Khu.

Với những công lao thành tích to lớn, với trí tuệ và năng lực vượt trội, với đạo đức phẩm chất tiêu biểu, đồng chí Võ Chí Công rất xứng đáng là một nhân vật trung tâm của Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

ANH NĂM CÔNG VỚI VIỆC BẢO VỆ AN TOÀN CĂN CỨ KHU ỦY 5

HÀ LÂN (BA ĐEN) *

Năm 1952, Tỉnh uỷ Quảng Nam có đợt điều động cán bộ theo hai hướng: bổ sung cho quân đội hoặc lên miền núi. Tôi xung phong lên Trà My, được bổ sung vào Huyện uỷ và từ đây tôi gắn bó với miền núi, với đồng bào các dân tộc thiểu số cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Vinh dự cho tôi là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi là một trong những người được giao nhiệm vụ bảo vệ căn cứ của cơ quan Khu uỷ 5, nhờ đó được nhiều lần tiếp xúc, làm việc với anh Năm Công, được anh chỉ đạo công tác một cách sâu sắc mà tôi không bao giờ quên.

Sau Hiệp định Giơnevơ, tôi được bố trí ở lại hoạt động, năm 1955, được bổ sung vào Ban Thường vụ Huyện ủy Trà My. Cũng như nhiều địa phương miền núi trong tỉnh, ở Trà My, sau khi tạm ổn định tình hình ở đồng bằng, địch

* Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên Phó Ban An ninh Khu 5.

liền thực hiện chiến dịch "*Thượng du vận*" hòng đánh bật cộng sản ra khỏi miền núi, xây dựng ngụy tề. Thế nhưng trước một thế đất hiểm trở, lòng đồng bào các dân tộc kiên trung, những toan tính, âm mưu của địch lần lượt bị thất bại. Đáng lưu ý, đồng bào sử dụng phong tục tập quán một cách khéo léo cũng uy hiếp mạnh mẽ tinh thần của bọn lính, ngăn chặn rất hiệu quả sự lùng sục của chúng. Đồng bào cắm chông thò khắp các ngả đường, nương rẫy, đồi núi, rồi tuyên bố để chống thú dữ, bảo vệ hoa màu; nếu lính tự tiện đi lại trúng chông thò chết, bà con không chịu trách nhiệm. Chúng xâm phạm dù trái bí, con gà, vi phạm phong tục tập quán đều bị đồng bào xô phạt bắt đền cả lợn, trâu để cúng Giàng khiến chúng đối phó rất lúng túng. Nhiều nơi bà con còn dùng cả hình thức cấm cữ để không cho địch vào nhà, vào làng. Giữa rừng núi Trà My trùng trùng điệp điệp, giữa thế trận nhân dân thiên la địa võng, địch dù hùng hổ, dù dùng mọi thủ đoạn ứng đối vẫn rơi vào thế "*múa gậy trong bị*".

Chiến dịch "*Thượng du vận*" thất bại thảm hại, tháng 6 năm 1959, địch rút khỏi vùng trung, vùng cao Trà My.

Xét những yếu tố thuận lợi của vùng đất và con người Trà My, cuối năm 1959, Liên khu uỷ 5 có chủ trương chuyển căn cứ từ vùng núi phía bắc Quảng Nam vào Trà My. Đồng chí Bùi San, tức Chín Liêm - ủy viên Ban Thường vụ Liên khu uỷ được cử vào thị sát tình hình. Đồng chí đánh giá cao tính vững chắc của địa bàn này, bằng chứng là địch đã thất bại trong thượng du vận. Sau đó Liên khu uỷ cử tiếp đồng chí Trương Chí Cương

vào kiểm tra một lần nữa và xác định có thể chuyển căn cứ vào.

Để tiện cho việc xây dựng căn cứ Liên khu uỷ, Huyện uỷ Trà My được lãnh đạo theo phương thức song trùng, tức là vừa chịu sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Quảng Nam, vừa chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Liên khu uỷ 5. Có những việc lãnh đạo Liên khu uỷ có thể chỉ đạo trực tiếp cho huyện rồi thông báo cho tỉnh sau. Đồng thời, Liên khu ủy yêu cầu Huyện uỷ cử một người để tham gia xây dựng và bảo vệ căn cứ. Huyện uỷ đã thống nhất cử tôi.

Thời gian này, bộ phận tiền trạm của Liên khu ủy, trong đó có các anh Bùi San, Trương Chí Cương đã vào hẳn Trà My. Các anh hỏi tôi đâu là nơi tốt nhất để đóng căn cứ. Tôi trả lời tốt nhất là nên đóng tại vùng Nước Là, thuộc xã Trà Don, phía nam huyện Trà My ngày nay. Vùng đất nằm dọc suối Nước Là có những bãi bằng có thể cất nhà để ở và sản xuất nhưng lại có địa thế khá hiểm trở, địch khó có thể bắn pháo, ngoại trừ máy bay thả bom. Nó cũng nằm xa các cứ điểm Măng Đen, Măng Bút của địch ở tỉnh Kon Tum nên chúng không thể nhanh chóng hành quân càn quét. Đặc biệt, nội bộ nhân dân đoàn kết, tuyệt đối tin tưởng và ủng hộ cách mạng, bằng chứng là qua chiến dịch thượng du vận, địch không hề nắm được dân ở đây. Thêm nữa, các năm 1958, 1959, bà con liên tiếp được mùa, đời sống khá no đủ. Cuối năm 1959, Liên khu ủy rút thêm anh Đoàn Hồng (tức Ba Vi), Trung ương bổ sung thêm anh Quang Thành, quê Quảng Ngãi, người của Bộ Công an vào để thành lập Ban căn cứ do anh

Thành làm Trưởng ban. Một thời gian sau anh Nguyễn Xuân Nhĩ (Tám Tâm) thay thế.

Nhiệm vụ cấp bách của chúng tôi là vừa lo làm nhà cho cơ quan, vừa lo chuẩn bị hậu cần: gạo thóc, rau, thực phẩm cho cán bộ toàn Khu về ăn ở, học tập Nghị quyết 15 của Trung ương. Lúc này ta chưa mở được các cửa khẩu xuống đồng bằng nên lương thực là vấn đề nan giải. Chúng tôi bèn vận động nhân dân trong vùng giúp đỡ, không huy động rộng rãi vì để giữ bí mật. Có gia đình đã ủng hộ cách mạng đến 2 kho thóc, chúng tôi đề nghị để lại một ít, họ bảo tự lo được, cách mạng cần cứ lấy. Bà con dẫn chúng tôi đến tận kho để giao, khi nào dùng cứ tự đến mở kho mà lấy. Đợt ấy huy động được cả nghìn ang thóc cùng nhiều heo gà, việc lo ăn ở cho hơn 500 cán bộ toàn Khu đã được giải quyết ổn thoả. Một thời gian sau, tình hình chiến trường phát triển mạnh, Liên khu uỷ thành lập các ban chuyên môn như Tuyên huấn, An ninh... Tôi phụ trách Tiểu ban bảo vệ nội bộ, cơ quan, căn cứ thuộc Ban An ninh.

Sau Nghị quyết 15, phong trào cách mạng miền Nam cũng như Liên khu 5 đã có bước chuyển mạnh mẽ. Khởi đầu bằng cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Trà Bồng, Quảng Ngãi, ta đã nhanh chóng giành quyền làm chủ ở miền núi, phát động đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang ở vùng đồng bằng. Phong trào đang phát triển mạnh mẽ thì khoảng tháng 4-1961, địch phát hiện được căn cứ Đỗ Xá (mật danh của căn cứ Nước Là). Sau này ta mới biết căn cứ bị lộ là do một cán bộ hậu cần đã phản bội, móc nối với một nữ gián điệp của địch qua việc mua hàng tại cửa khẩu

Kỳ Sanh. Nhờ vậy chúng biết có một căn cứ Việt Cộng tại đây, nhưng không biết là cơ quan gì. Buổi sáng hôm ấy, địch cho hơn 10 máy bay trực thăng chụp xuống căn cứ gọi loa kêu hàng. Nhưng chúng đã vấp phải một thế trận được bố phòng vững chắc. Bởi khi xây dựng căn cứ, chúng tôi đã huy động nhân dân cắm chông, làm các bẫy thò khắp các ngả đường hai bên bờ suối Nước Là. Tuy có bất ngờ nhưng anh em ở các cơ quan vẫn bình tĩnh theo nhân dân rút sâu vào rừng bằng những đường mòn bí mật mà chỉ họ mới biết. Không càn sâu vô rừng được nên bọn lính chẳng phát hiện được cơ quan nào, chúng liền đi vòng lên làng Mang Tra, Tăk Chanh (thuộc xã Trà Don, Nam Trà My bây giờ) hòng phục bắt ta tại đấy. Nhưng đến đây chúng bị vướng chông thò, 4 - 5 tên bị chết, bị thương nên buộc phải đóng quân qua đêm, sáng hôm sau quay lại Nước Là, gọi trực thăng trở về. Khi trận càn ấy xảy ra, tôi và anh Tám Tâm đang đi tìm địa điểm dự bị tại ngã ba Nước Giáp (thuộc xã Trà Giáp bây giờ). Chúng tôi liền chuyển căn cứ Khu uỷ xuống Nước Giáp. Đây cũng là nơi Liên khu uỷ rồi Khu uỷ đứng chân lâu nhất, cho đến 1964, khi ta giải phóng một bộ phận lớn đồng bằng Khu 5.

Năm 1961, đồng chí Võ Chí Công được Trung ương điều vào Nam Bộ. Các đồng chí kế nhiệm lúng túng trong việc chỉ đạo nên phong trào cách mạng của Khu 5 hầu như vẫn giẫm chân tại chỗ. Chính vì vậy, đầu năm 1964, Trung ương điều anh Năm Công về lại Khu 5. Với sự chỉ đạo kiên quyết và nhạy bén của anh Năm Công, phong trào đồng khởi phát triển mạnh mẽ, ta lần lượt giải phóng nhiều

vùng đồng bằng rộng lớn ở Khu 5, mà điểm đột phá là việc giải phóng xã Kỳ Sanh (nay thuộc xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành, Quảng Nam). Việc mở cửa khẩu Kỳ Sanh rồi Kỳ Thạnh, Tam Lãnh, Sơn Bình (Quảng Nam), Sông Giang (Tịnh Lâm, Quảng Ngãi) giúp ta có thể thu mua lương thực, các mặt hàng nhu yếu phẩm từ vùng địch lên, đáp ứng nhu cầu bức bách của các cơ quan Khu uỷ. Để tiện việc chỉ đạo phong trào, giữa năm 1964, anh Năm Công chỉ đạo chuyển căn cứ xuống vùng Kỳ Sơn, thuộc khu vực mỏ vàng Bồng Miêu, xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh bây giờ. Một số cơ quan của Khu uỷ thì xuống sâu hơn, đóng tại xã Kỳ Quế (nay đã nằm dưới lòng hồ Phú Ninh). Do thời gian gấp gáp, chúng tôi không kịp điều tra, nắm tình hình để làm trong sạch địa bàn, nên gián điệp của địch cài cấy ở đây đã chỉ điểm cho máy bay ném bom cơ quan Khu uỷ. Lúc này, có một đoàn khách Trung Quốc đang thăm và làm việc tại Khu uỷ, cả Ban Thường vụ Khu ủy mở tiệc tiếp đón trọng thị, rất may không có ai thương vong. Tôi đang học nghiệp vụ công an một tháng tại Kỳ Sơn - trước đây tôi vốn chỉ làm công tác đảng - thì đồng chí Năm Công cho gọi về. Anh nói địch có thể đổ quân bây giờ, vậy chuyển căn cứ đi đâu. Tôi trả lời rất có thể địch đoán ta di chuyển vào vùng Trà Bồng, Quãng Ngãi (vì như thế là hợp lý, thuận đường hơn) nên sẽ chụp quân chặn bắt, tôi đề nghị nên chuyển lên Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước. Anh lại hỏi đi đường nào an toàn nhất để đến đó. Tôi trả lời nên đi qua vùng Phương Đông, Dương Yên rồi cắt qua Tiên Ngọc - vì vùng này có những dãy núi liên hoàn, việc hành

quân sẽ an toàn hơn để về Tiên Lãnh. Cuộc di chuyển căn cứ đã kết thúc bình yên.

Đảm nhiệm công tác bảo vệ căn cứ, tôi được làm việc với anh Năm Công nhiều lần, nhận ra anh có một phong cách làm việc sâu sát, tỉ mỉ. Nhớ hồi căn cứ còn ở ngã ba Nước Giáp, có lần anh hỏi tôi, nếu động, chuyển căn cứ đi đâu. Tôi trả lời về xã Leng. Anh hỏi tiếp đi đường nào đến đó, đi hết bao lâu, đi theo đường mòn hay cắt rừng, mỗi loại dài bao nhiêu. Tôi lúng túng không trả lời được hết vì một số vấn đề chưa nghiên cứu kỹ nên sau lần ấy đã rút ra nhiều bài học bổ ích khi đi khảo sát các địa điểm dự bị cho căn cứ. Anh vẫn thường căn dặn chúng tôi không phải bỗng dưng có căn cứ mà điều quan trọng hơn là phải biết vận động, giác ngộ nhân dân trong vùng để bà con tin tưởng và ủng hộ cách mạng. Không phải đất hiểm mà lòng dân mới là vấn đề cốt tử cho căn cứ. Và xây dựng căn cứ không chỉ quan tâm trung tâm căn cứ mà còn phải chú ý đến vành đai căn cứ, như vậy mới bảo đảm độ an toàn. Những tư tưởng chỉ đạo của anh rất có giá trị thực tiễn đối với chúng tôi trong công tác xây dựng căn cứ Khu uỷ sau này. Ngoại trừ lần chụp quân bằng trực thăng tại Nước Là, lần ném bom tại Bồng Miêu, địch chỉ tổ chức được một trận càn nữa vào căn cứ Khu uỷ vào tháng 4 - 1966, lúc ấy cũng đóng tại Trà My. Đây là trận càn lớn của địch với quân số cỡ ba sư đoàn được tung vào vùng giáp ranh ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum nhưng đã bị bộ đội chủ lực của Khu, bộ đội địa phương và du kích chặn

đánh quyết liệt, tiêu diệt hơn 600 tên, bắn rơi, bắn hỏng hơn 20 máy bay trực thăng, buộc chúng phải thu quân.

Sau Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, Mỹ - nguỵ phản kích quyết liệt, chúng ta gặp không ít tổn thất, khó khăn. Cơ quan Khu uỷ phải lui lên tận Aró, thuộc địa phận huyện Tây Giang bây giờ, gần giáp với biên giới Việt - Lào. Đây không phải là nơi đắc địa để đóng cơ quan Khu uỷ cả về phương diện chỉ đạo chiến trường toàn Khu cũng như sinh hoạt hằng ngày. Vùng này rất khó tìm được các loại rau củ làm thực phẩm cũng như săn bắn chim muông. Bởi vậy các anh trong Ban Thường vụ Khu uỷ ngồi lại tính toán và đều nhất trí: giống như "*Hoành Sơn nhất đái...*", không có nơi nào tốt hơn căn cứ Trà My, thôi ta hãy quay về chốn xưa. Lúc bấy giờ tôi đang ở xã Trà Giáp, anh Năm Công cho gọi ra và hỏi về Trà My thì Ban Bảo vệ căn cứ tính đóng cơ quan Khu ủy ở đâu. Tôi trả lời anh: "Mấy năm nay, rừng núi Trà My chỗ nào lính ta cũng giẫm nát cả rồi, chỉ còn vùng Nước Oa giáp Trà Bồng thôi." Anh bảo đem bản đồ ra, xem xong rồi chấp thuận.

Không phải dễ dàng tìm được một địa điểm để đóng cơ quan Khu uỷ. Đó là nơi phải đáp ứng các tiêu chí về địa hình, địa thế, trình độ giác ngộ của nhân dân trong vùng, tình hình địch - ta, điều kiện kinh tế... Tiểu ban bảo vệ nội bộ, cơ quan, căn cứ phải cho người đi khảo sát nhiều nơi rồi báo cáo lại với Ban An ninh khu. Ban trình bày với Ban Thường vụ Khu uỷ để các anh ấy quyết định. Khi cơ quan Khu uỷ vừa chuyển đến một nơi nào đó, chúng tôi lại lập

tức đi tìm những địa điểm dự bị mới (phòng những tình huống khẩn cấp).

Thời kỳ 1970 - 1975, nhất là giai đoạn 1970 - 1972, Khu uỷ di chuyển liên tục, có khi một tháng đến 4 - 5 lần, làm nhà lá chưa kịp khô đã phải dời đi nơi khác. Anh em trong tiểu ban chúng tôi vất vả vô cùng, hầu như lúc nào cũng trèo núi, ngủ rừng, ba lô và võng luôn bên lưng. Rất may là tôi đã nhiều năm lặn lội với núi rừng Trà My, khá thông thạo địa hình nơi đây nên vẫn cáng đáng được công việc. Thêm nữa, tôi đã rút được kinh nghiệm nên có dịp đến vùng nào tôi cũng để ý quan sát địa hình, địa thế, tìm hiểu dân tình để dụng đến khi lâm sự. Như đã nói, nơi đứng chân của cơ quan Khu uỷ phải hội đủ các yếu tố địa lợi, nhân hoà. Chúng tôi luôn quan tâm đến việc làm trong sạch địa bàn, phải bảo đảm không có lực lượng chống đối, không có gián điệp cài cắm và phải thuần khiết nội bộ của ta. Nhưng mặt khác nơi ấy cũng dễ tìm cái ăn. Ít nhiều cũng phải có đất sản xuất để tự túc một phần lương thực, kết hợp với các loại cây củ rừng, chim thú, của dân đóng góp và nguồn cung cấp từ bên ngoài. Điều này lý giải vì sao những năm đánh Mỹ, cơ quan Khu uỷ chuyển đến không ít nơi như Tây Giang, Phước Sơn (Quảng Nam), Đăk Glei (Kon Tum), Sơn Hà, Trà Bồng (Quảng Ngãi) nhưng rồi đều phải chuyển về lại Trà My. Có lần anh Năm Công định chuyển vào An Lão (Bình Định) để tiện chỉ đạo phong trào cách mạng ở cánh Nam nhưng qua nghiên cứu chúng tôi thấy không thể được. Như vậy, có thể nói rằng Trà My có một vị trí chiến lược đặc biệt, giữ vai trò vô cùng

quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trên chiến trường Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, mà có người ví là thủ đô kháng chiến của Khu 5. Vì vậy, Trà My cũng ghi một dấu ấn sâu đậm trong cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của anh Năm Công và anh cũng luôn dành một tình cảm sâu nặng cho vùng đất này.

Năm 1973, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari, rút quân khỏi miền Nam. Tình hình cách mạng phát triển thuận lợi, địch không còn đủ sức đánh phá ác liệt như trước, cuối năm 1973, cơ quan Khu uỷ dời ra Phước Trà, thuộc huyện Hiệp Đức ngày nay. Và đây cũng là điểm đóng căn cứ cuối cùng. Tại đây, Khu uỷ và Bộ tư lệnh Quân khu 5 đã bàn thảo những kế hoạch quan trọng cho việc giải phóng miền Trung - Tây Nguyên, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi cuối cùng. Vậy là suốt những năm dài thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ căn cứ Khu uỷ, trải qua bao khó khăn gian khổ, không ít những giờ phút hiểm nghèo, nhưng cũng thật hạnh phúc vì chúng tôi đã bảo vệ an toàn căn cứ Khu uỷ, bảo vệ an toàn sinh mạng của đồng chí Võ Chí Công - linh hồn của cuộc kháng chiến ở Khu 5.

Duy Hiển

Ghi theo lời kể của đồng chí **Hà Lân**

ANH VÕ CHÍ CÔNG VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA QUẢNG NAM VÀ KHU 5

TRƯƠNG CÔNG HUẤN*

Anh Võ Chí Công ở tù hơn một năm, còn 67 năm liên tục hoạt động cách mạng từ địa phương đến cả nước, từ đấu tranh giải phóng dân tộc đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Anh xứng đáng được toàn dân, toàn quân, toàn Đảng và Nhà nước ta kính trọng và tôn vinh.

Tôi gần gũi anh Võ Chí Công suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Thời kỳ đầu, tôi tham gia kháng chiến ở cực nam Trung Bộ nên không được am hiểu anh nhiều lắm. Nhưng từ cuối năm 1969 đến năm 1975 và sau này, tôi gần gũi, trực tiếp làm việc với anh khá nhiều. Tôi ghi nhận những tình cảm hết sức sâu nặng của anh dành cho những

---

* Nguyên Phó Trưởng ban Tuyên huấn Khu 5, nguyên Giám đốc Trường Nguyễn ái Quốc 24 Đà Nẵng, nay là Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia khu vực III. Bài viết này được lược trích từ ý kiến phát biểu của đồng chí Trương Công Huấn tại cuộc Hội thảo về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Chí Công do Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Đà Nẵng tổ chức năm 1998. Đầu đề do Ban chuẩn bị nội dung đặt.

người làm công tác tuyên huấn. Chúng tôi cảm phục anh với một thái độ chân thành.

Ở Nam Bộ, nghe anh Nguyễn Văn Tấn (Sáu Lực) nói anh Võ Chí Công tập hợp lực lượng nhân sĩ, trí thức, tu hành và có chính sách đối xử một cách tinh tế từ đời sống vật chất, tinh thần đến cả việc bồi dưỡng lý luận chính trị... Đảng ta tập hợp lực lượng này thành lực lượng của mình trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Người ta cảm phục anh với đức độ thân thiện, chân thành từ trong trái tim yêu thương và tin tưởng với họ. Anh truyền cho họ những vấn đề đổi mới tư tưởng, tư duy trong quá trình tham gia cách mạng. Tập hợp được lực lượng quần chúng rộng lớn trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là một thành tích lớn. Tài năng con người phát triển từng bước và chính ở những bước ngoặt mới lộ rõ nhất. Ngoài bản năng, qua tích lũy kinh nghiệm, học tập, tài năng mới càng ngày càng cao sâu, uyên bác. Anh Năm Công thường bộc lộ tài năng xuất sắc ở những bước ngoặt của lịch sử.

Anh Võ Chí Công là người xoay chuyển tình thế rất độc đáo. Ví dụ: Tháng 3-1975, khi anh ở Kon Tum về cơ quan Khu uỷ, anh nói rằng: "*Thọc thẳng, địch tan rã Đà Nẵng rồi*!". Anh có thấy địch ở Đà Nẵng chạy như thế nào đâu, nhưng mà tổng hợp tình hình chung ở Huế, Buôn Ma Thuột, rồi nhận định địch hoàn toàn dao động. Việc đó người lãnh đạo phải khẳng định, chứ không phải vào Đà Nẵng nghe báo cáo tình hình như thế nào mới quyết định,

cho nên nhận định địch đang tan rã. Anh xin không đi họp ở Buôn Ma Thuột theo quyết định của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương nữa, mà lập tức quay trở về chỉ đạo, bởi vì thời gian ngắn quá, có một tuần lễ (từ ngày 21 - 29 tháng 3) mà đánh một căn cứ tổng hợp như thế, thì quá ư là tài tình. Chữ "*thọc*", "*thọc thẳng*" không cần bóc vỏ, "*thọc thẳng*" vào là nó tan rã, nó đương tan rã, cho nên không đợi dùng chủ lực... Quần chúng nổi dậy cùng với lực lượng vũ trang Quân Khu 5, vũ trang tỉnh. Quyết định đó rất sáng suốt. Anh chỉ đạo *Tuyên huấn* phải chuẩn bị để giải phóng Đà Nẵng và làm tất cả những bước của công tác tuyên huấn.

Khi chúng tôi vào Đà Nẵng thì quần chúng nói: "Cách mạng giỏi quá, đánh Đà Nẵng, lấy Đà Nẵng mà không rụng một lá tre, không bể một bóng đèn". Tôi cho rằng có lẽ chưa có đánh giá nào hay như thế. Quần chúng tại chỗ đánh giá việc giải phóng Đà Nẵng mà không rụng một lá tre, không bể một bóng đèn, nghĩa là người ta bất ngờ như trong mơ, nhanh quá, cho nên họ bỡ ngỡ như vậy. Nếu như dân không ở lại, thì cách mạng không thể thắng trọn vẹn. Ở lại cũng có công. Giải quyết tư tưởng cho người ta ở lại cũng có công. Nhân dân ở lại giữ Đà Nẵng, giữ nước, giữ điện, giữ tất cả, tôi nghĩ rằng có công rất lớn của đồng chí Bí thư Khu ủy Võ Chí Công. Anh Năm Công nhận định tình hình rồi quyết định "*Lướt tới*" giành thắng lợi, chứ không chần chừ nữa. Đó là một cách nhận định thời cơ, chớp thời cơ.

Anh Võ Chí Công rất quan tâm đến công tác tư tưởng, báo chí... Khu ủy 5 cho mở trường T74 dạy lý luận Mác-Lênin và tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng cho cán bộ từ cấp

huyện, cấp tỉnh. Nội dung các bài giảng được dẫn chứng thực tiễn giúp học viên dễ hiểu, dễ vận dụng. Trường T74 đào tạo mấy chục khóa có hàng ngàn cán bộ tham gia. Trường này được anh Võ Chí Công quan tâm sâu sắc và đánh giá cao.

Anh Võ Chí Công thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, trở thành tri kỷ với những người lãnh đạo tuyên huấn, những người lãnh đạo văn học - nghệ thuật. Những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, anh Võ Chí Công thường gặp các nhà văn như Nguyên Ngọc, Nguyễn Chí Trung... và thường xuyên hơn là những đồng chí lãnh đạo Ban Tuyên huấn Khu ủy 5 như đồng chí Lê Trọng Khoan, Hồ Quốc Phương, Trương Công Huấn... Chính nhờ mối quan hệ gần gũi, tin tưởng nhau này mà công tác tư tưởng - văn hóa, văn học - nghệ thuật trên địa bàn Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được phát huy cao nhất...

CẢM NHẬN VỀ ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG TRONG MỖI HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

Trung tướng PHAN HOAN *

Có thể ai cũng thấy và cảm nhận được đồng chí Võ Chí Công là người suốt đời phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, giữ những trọng trách hết sức quan trọng của Đảng và Nhà nước; công lao, sự cống hiến của đồng chí hết sức to lớn.

Tôi không phải là người hiểu nhiều về đồng chí Võ Chí Công, vì tôi tham gia cách mạng sau đồng chí. Tôi biết đồng chí từ Cách mạng Tháng Tám, từ đó về sau liên tục hoạt động trên địa bàn Khu 5. Cảm nhận của tôi ở đồng chí Võ Chí Công, trước hết là tính kiên trì chịu đựng gian khổ, khó khăn và ác liệt; thứ hai là hết sức khiêm tốn và giản dị; thứ ba là sự gần gũi, sâu sát và yêu mến quần chúng; thứ tư là luôn kiên định, vững vàng trong mọi hoàn cảnh, nhất là khi cách mạng gặp khó khăn để đề xuất những chủ trương và biện pháp tổ chức thực hiện thấu

---

* Nguyên Tư lệnh Quân khu 5.

đáo, có hiệu quả. Đồng chí còn là con người sáng tạo, táo bạo và luôn mang tư tưởng tiến công. Có thể nói thêm những phẩm chất tiêu biểu khác nhưng theo tôi những vấn đề nêu trên là những phẩm chất tiêu biểu ở đồng chí Võ Chí Công.

Nói sự kiên trì chịu đựng gian khổ, ác liệt của đồng chí Võ Chí Công thì chúng ta đã rõ. Thời kỳ làm Bí thư Đông Bắc Miên, đồng chí luôn vững vàng, chấp hành sự phân công của Đảng. Chính những năm tháng ở Đông Bắc Miên, qua gian khổ, đồng chí đã trưởng thành thêm về mọi mặt giúp đồng chí tiếp nhận mọi gian khổ, ác liệt bội phần trong các thời kỳ lịch sử về sau, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Điểm thứ hai, là sự khiêm tốn, giản dị. Con người đồng chí Võ Chí Công hết sức khiêm tốn, giản dị trong mọi hoàn cảnh, kể cả trong thời bình khi làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Anh không đòi hỏi quyền lợi nhiều về mình mặc dù anh có thể có được cái quyền ấy và nhiều người có thể tự nguyện phục vụ anh.

Điểm thứ ba, đồng chí Võ Chí Công luôn mang tác phong quần chúng, gần gũi, gắn liền với quần chúng, yêu thương quần chúng. Sở dĩ đồng chí có những sáng kiến, sáng tạo từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong những năm trước khi có Nghị quyết 15 của Trung ương (1959), cho đến những nghị quyết quan trọng sau này là nhờ anh sát quần chúng, phát hiện được vấn đề, từ thực tiễn nâng lên lý luận, để rồi tham gia đề ra những chủ trương, chính sách đúng. Điều này ở thời kỳ nào đồng chí

Võ Chí Công cũng thể hiện rất rõ. Chính tác phong đó, trong thời kỳ bí mật trước năm 1945 cũng như thời kỳ ở lại hoạt động ở miền Nam, đã giúp đồng chí luôn nhận được sự tin yêu, đùm bọc, giúp đỡ của quần chúng.

Về kiên định, vững vàng, anh đã thể hiện rất rõ ngay từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, rồi đến năm 1972. Tôi muốn nhắc lại là khi ký Hiệp định Pari (27-1-1973), vì không nắm vững quan điểm bạo lực, có đồng chí lãnh đạo cho "*gió thổi hiu hiu"* hay *"xanh vỏ đỏ lòng*".... Một đồng chí trong Ban Thường vụ Khu ủy nói với chúng tôi: "*Các chú, các anh ức hiếp gì mà muốn đánh, kết thúc như vậy là được, dân mình chết như vậy mà ức hiếp gì mà muốn đánh tiếp*...". Tôi lúc này là Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà. Ý kiến đó buộc chúng tôi phải rút lực lượng ở Hội An, Duy Xuyên về vùng giải phóng. Sau ngày 28-1-1973, Hiệp định Pari có hiệu lực, diễn ra vấn đề mất đất, mất dân do địch tranh giành với ta. Trước tình hình đó, ngay sau khi họp ở Hà Nội về, đồng chí Võ Chí Công chỉnh đốn ngay và cùng với anh Hai Mạnh cho đánh lại, nhờ đó ta khôi phục những vùng đã mất, vận động được dân về vùng giải phóng.

Về vấn đề sáng tạo, táo bạo, rõ nhất là trong việc chỉ đạo giải phóng Khu 5 năm 1975. Sau ngày giải phóng Buôn Ma Thuột, đồng chí đi dự cuộc họp ở Buôn Ma Thuột như triệu tập của đồng chí Văn Tiến Dũng nhưng khi đi đến Kon Tum, Gia Lai thì thấy địch rút chạy, đồng chí điện xin phép không đi dự cuộc họp mà quay về chỉ đạo giải phóng Đà Nẵng. Đồng chí gọi chúng tôi lên giao nhiệm

vụ: Đặc khu Quảng Đà phải tự giải phóng Đà Nẵng với 3 biện pháp:

- Thứ nhất, quân dân Quảng Đà giải phóng không có lực lượng bên ngoài;

- Thứ hai, có lực lượng của Quân khu tham gia;

- Thứ ba, nếu có thời gian thì quân chủ lực sẽ tham gia.

Đồng chí nói đó là ba biện pháp để giải phóng cho được, Đà Nẵng và Quảng Đà phải chọn biện pháp thứ nhất. Anh nói thêm, địch ở Đà Nẵng đến mấy chục vạn quân nhưng với thời cơ sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, địch ở Tam Kỳ, Thừa Thiên Huế đang dao động mạnh thì nhất định mình giải phóng được Đà Nẵng. Tôi còn nhớ là anh nói trong thời gian 15 ngày hay mười mấy ngày gì đó, Khu 5 sẽ được giải phóng hoàn toàn.

Đó là sự sáng tạo, táo bạo, tinh thần cách mạng tiến công của đồng chí Võ Chí Công. Có thể tôi chưa biết hết những sự sáng tạo của đồng chí Võ Chí Công trong chiến tranh, trong việc giải phóng Khu 5 vì tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng giải phóng trước 20 ngày so với toàn Khu 5.

Sự sáng tạo, táo bạo, tư tưởng cách mạng tiến công trong hòa bình, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội của đồng chí Võ Chí Công khó có thể nói hết, như trong vấn đề sản xuất nông nghiệp, khai thác hải sản cũng như trong các lĩnh vực khác, kể cả trong công tác ngoại giao khi đồng chí làm Phó Thủ tướng Chính phủ, rồi Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Có lẽ các đồng chí đã từng sống, công tác với

đồng chí Võ Chí Công trong mỗi thời kỳ cách mạng, nhất là trong thời kỳ sau năm 1975 sẽ có những cảm nhận sâu sắc hơn về đồng chí Võ Chí Công. Tôi nghĩ cần có nhiều sự cảm nhận về đồng chí Võ Chí Công mới thấy hết được những phẩm chất cao quý của một con người mà tài năng, đức độ đã vượt thời gian để suy ngẫm cho nhiều vấn đề hiện tại và tương lai.

CỐ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC VÕ CHÍ CÔNG - NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

ĐINH VĂN NIỆM*

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Cố Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Võ Chí Công, tôi xin ghi lại những mốc son sáng ngời trên những chặng dường cách mạng của anh, để đồng bào, đồng chí hiểu rõ hơn về anh, cán bộ, đảng viên có thể tìm thấy những kinh nghiệm quý báu trong quyết tâm thực hiện Cương lĩnh chính trị và Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

Anh Võ Chí Công tên thật là Võ Toàn, sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước tại thôn Khương Mỹ, nay là xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vào tuổi thành niên, anh đã đọc được nhiều sách báo cách mạng, tiếp thu tinh thần yêu nước của các vị chí sĩ đất

---

* Nguyên Trợ lý của đồng chí Võ Chí Công.

Quảng như Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... và được tắm mình trong phong trào đấu tranh chống thuế, đòi dân sinh, dân chủ của nhân dân Nam Trung Bộ. Anh đã sớm giác ngộ cách mạng, theo chủ nghĩa Mác - Lênin mà Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam.

Vào những năm 1930 - 1931, Đảng bộ Đảng Cộng sản của tỉnh Quảng Nam ra đời. Anh đã tích cực tham gia truyền bá và phát động quần chúng tham gia cách mạng, dần dần trở thành cán bộ cốt cán của tỉnh, hoạt động xây dựng tổ chức đảng từ xã, phủ, huyện đến tỉnh. Cuộc hành trình đầu tiên này của anh phải đương đầu với bọn mật thám chính quyền cai trị trong tỉnh, chúng đàn áp rất dã man phong trào cách mạng. Nhiều tổ chức đảng bị phá vỡ, nhiều cán bộ, đảng viên từ xã, huyện, tỉnh bị bắt, bị giết và tù đày.

Riêng anh, với kinh nghiện hoạt động cách mạng, được quần chúng nhân dân nuôi dưỡng che chở, đã bám trụ lâu dài tại các địa phương trong tỉnh, xây dựng các tổ chức đảng, tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh, tiếp nối sự lãnh đạo của Đảng bộ cấp trên và anh được cử làm Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ, rồi Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng (năm 1940).

Cuối năm 1943, anh bị bắt, bị kết án đi đày ở Buôn Ma Thuột, mặc dù bị tra tấn rất dã man, anh vẫn giữ khí tiết của người cộng sản, luôn đứng vào hàng ngũ tù chính trị chống chế độ hà khắc, lao động khổ sai của nhà tù. Đặc biệt, anh cùng một số đồng chí tù chính trị kiên

quyết đấu tranh chống tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên trong tù muốn lợi dụng đế quốc Nhật để mưu cầu độc lập cho đất nước. Trở về Quảng Nam, anh tiếp tục xây dựng Đảng, lãnh đạo phong trào cách mạng và là một cán bộ lãnh đạo cốt cán trong Ủy ban bạo động khởi nghĩa giành chính quyền.

Lúc bấy giờ, nhận thấy rõ tình thế cách mạng đã chín muồi trong tỉnh khi quần chúng nhân dân đang sôi sục khí thế sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền theo lời kêu gọi của Việt Minh, nhiều cơ sở đảng và quần chúng cách mạng trong thị xã Hội An (tỉnh lỵ tỉnh Quảng Nam), kể cả cơ sở trong binh lính địch luôn sẵn sàng hưởng ứng, còn bộ máy cai trị của địch ở tỉnh đã hoang mang dao động trước phong trào cách mạng của quần chúng, anh đã nhạy bén quyết định cùng địa phương kịp thời lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền thắng lợi trong tháng 8-1945, đưa tỉnh Quảng Nam trở thành một trong bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất cả nước.

Cách mạng Tháng Tám thành công, anh tích cực xây dựng chính quyền cách mạng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và xây dựng lực lượng kháng chiến ở Khu 5.

Anh dẫn đầu một phái đoàn cán bộ lãnh đạo Khu 5 ra miền Bắc học tập kinh nghiện về thực hiện cải cách ruộng đất. Qua thực tế ở một số địa phương, anh và đoàn đã phát hiện và báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh về những sai lầm gây mất đoàn kết nông thôn. Về Khu 5, anh xin chủ trương của Trung ương không thực hiện cải cách ruộng đất mà chỉ thực hiện giảm tô, hiến ruộng đất, nên đã tăng

cường mặt trận đoàn kết ở nông thôn, động viên mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia kháng chiến.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết năm 1954, anh được quyết định ở lại lãnh dạo phong trào cách mạng Khu 5. Sau bốn năm thực hiện đấu tranh chính trị một chiều với địch đòi thi hành Hiệp định, ngược lại địch ra sức khủng bố, đàn áp, cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến, làm cho hàng vạn đồng chí, đồng bào bị bắt giết và tù đày, phong trào cách mạng đi vào thoái trào và phương pháp đấu tranh cách mạng lúng túng. Ngày đêm trăn trở với tình hình đó, anh ra miền Bắc xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương. Anh đã báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh tình hình nói trên và đề nghị điều chỉnh phương pháp đấu tranh cách mạng: "Địch dùng vũ lực đàn áp cách mạng, thì quần chúng phải dùng bạo lực cách mạng để bảo vệ phong trào cách mạng". Anh ủng hộ bản *Đề cương cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí Trung ương Cục miền Nam soạn thảo. Anh được ở lại dự họp để tham gia xây dựng Nghị quyết 15 của Trung ương về đấu tranh cách mạng ở miền Nam. Có Nghị quyết 15 soi sáng, anh cùng Khu ủy Khu 5 lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang, mở rộng được vùng giải phóng, phá tan được các kế hoạch bình định gom dân trong chiến lược chiến tranh đặc biệt, rồi chiến lược chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, tạo hành lang thuận lợi cho việc chi viện từ Bắc vào Nam.

Năm 1965, đế quốc Mỹ ào ạt đưa quân trực tiếp thực

hiện chiến tranh cục bộ xâm lược miền Nam Việt Nam, gây ra tâm lý băn khoăn lo lắng trong nhân dân, thậm chí có tư tưởng dao động sợ Mỹ. Anh chỉ đạo đánh phủ đầu quân Mỹ, diệt một đại đội của chúng ở Núi Thành, Quảng Nam để chứng minh thực tế chúng ta đánh được và thắng được quân viễn chinh Mỹ, mở ra một tư tưởng chiến lược hết sức quan trọng cho quân và dân miền Nam Việt Nam. Trên khắp chiến trường miền Nam đã dấy lên một phong trào "tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt".

Nhân dân Khu 5 biết nhiều về anh Năm Công và thường gọi anh với cái tên trìu mến và dễ nhớ là "ông Năm Công", vì anh đã từng lặn lội trong những lúc khó khăn nhất cùng với đồng bào, đồng chí ở chiến trường Khu 5, với cương vị Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 5.

Đồng bào, đồng chí ở Nam Bộ biết anh Võ Chí Công vì anh đã trực tiếp xuống tận các tỉnh như Tiền Giang, Bến Tre để chỉ đạo rút kinh nghiệm phong trào Đồng khởi và tổng kết phổ biến toàn miền Nam với cương vị Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đại diện Đảng Nhân dân cách mạng trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, và chính anh là người đã chỉ đạo kế hoạch giải thoát Luật sư Nguyễn Hữu Thọ bị địch giam giữ tại tỉnh Phú Yên về làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Trong chiến dịch mở màn để giải phóng miền Nam năm 1975, quân và dân ta đánh chiếm Buôn Ma Thuột, buộc quân địch phải rút bỏ Tây Nguyên. Trên mặt trận phía Bắc, quân ta thắng lợi lớn tại mặt trận Quảng Trị,

Huế, toàn bộ tàn quân địch chạy về co cụm để cố thủ ở Đà Nẵng trong tình trạng hoang mang dao động cực độ. Tình thế ấy xuất hiện thời cơ có một không hai, anh đề nghị với Trung ương cho phép dùng lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với nhân dân nổi dậy tấn công bất ngờ, giải phóng Đà Nẵng, thay đổi phương án tác chiến giải phóng Đà Nẵng ban đầu của Trung ương. Được Bộ Chính trị đồng ý (điện trả lời của đồng chí Lê Duẩn ngày 18-3-1975), anh cùng Khu ủy, Bộ tư lệnh Quân khu 5, Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng trực tiếp chỉ đạo lực lượng vũ trang Quân khu 5, lực lượng vũ trang tỉnh, đồng thời phát động nhân dân nổi dậy, phối hợp nhịp nhàng với bộ đổi chủ lực, tấn công đánh chiếm và giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng vào ngày 29-3-1975.

Giải phóng xong Đà Nẵng, anh nói: Đó là chiến trường thực hiện lời kết luận của đồng chí Lê Duẩn tại cuộc họp Bộ Chính trị bàn về chiến lược Tổng tiến công là: "Các đồng chí lãnh đạo Miền và chiến trường phải phát huy cao độ năng động sáng tạo, nắm sát tình hình, tạo ra thời cơ, nắm chắc thời cơ và bí quyết bất ngờ để tiến công giành thắng lợi quyết định".

Đà Nẵng được giải phóng, Bộ Chính trị đã khen ngợi, đồng chí Lê Duẩn nói: "Giải phóng Đà Nẵng sớm hơn kế hoạch, quân dân ta sẽ đánh như chẻ tre tiến về giải phóng Sài Gòn và giải phóng hoàn toàn miền Nam".

Đồng chí Võ Nguyên Giáp khi về dự kỷ niệm 25 năm ngày giải phóng Đà Nẵng đã phát biểu: "Giải phóng Đà Nẵng chứng minh lãnh đạo chiến trường Khu 5 đã năng

động sáng tạo, phát động thực hiện cao độ chiến tranh nhân dân để giành được thắng lợi quyết định".

Giải phóng Đà Nẵng là thắng lợi vẻ vang của truyền thống đấu tranh chống đế quốc xâm lược hàng trăm năm của nhân dân Đà Nẵng và là bản anh hùng ca bất diệt trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta.

Đất nước được thống nhất, anh Võ Chí Công ra Bắc nhận nhiệm vụ mới. Anh làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Thấy thực tế sa sút của ngành kinh tế này, anh đã có quyết định quan trọng là tổ chức lại các hợp tác xã nghề cá theo ngành nghề truyền thống của ngư dân, cho phép các tổ chức kinh tế thủy sản tự chủ sản xuất kinh doanh, tự lo liệu nhiên nguyên vật liệu, lời ăn lỗ chịu, trong tình hình Nhà nước không bao cấp được. Từ đó đã mở ra một sự phát triển mới cho ngành thủy sản.

Vào những năm 1980 - 1982, các hợp tác xã nông nghiệp miền Bắc đang có nguy cơ tan rã vì bắt buộc phải thực hiện cơ chế khoán cho tập thể đội sản xuất, "cha chung không ai khóc". Trước nguy cơ đó, một số hợp tác xã có sáng kiến bỏ cách khoán đội nói trên, mà thực hiện khoán trực tiếp cho người lao động, đã đem lại hiệu quả kinh tế, nhưng phải làm "chui" vì chưa có quyết định của cấp trên. Anh đã trực tiếp đi sát cơ sở, ra đồng ruộng, gặp xã viên nghiên cứu thấy hiệu quả kinh tế thật sự của cách làm mới này, nên tổ chức tổng kết để thành chủ trương của Đảng và Nhà nước, thể hiện nội dung "Chỉ thị 100" của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trong cuộc đấu tranh

thực hiện giữa cách khoán mới và cách khoán cũ trong các hợp tác xã, thì anh là người tiên phong ủng hộ cách khoán mới, mặc dầu anh bị chỉ trích phê phán từ nhiều phía, nhất là trong một số cán bộ lãnh đạo ban, ngành Trung ương chống việc thực hiện khoán mới, nhưng anh vẫn kiên định ủng hộ khoán mới. Với tinh thần trách nhiệm cao trong phát biểu trước Bộ Chính trị: "Lĩnh vực nông nghiệp này Đảng giao cho tôi phụ trách, nếu cách khoán mới này không đem lại hiệu quả thì tôi xin chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân.

"Chỉ thị 100" của ban Bí thư Trung ương Đảng dẫn đến có "Nghị quyết 10" của Bộ Chính trị để hoàn thiện cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, mở ra một bước ngoặt phát triển của nông nghiệp nước ta.

Được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ làm Trưởng tiểu ban Nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nước ta, anh nghiên cứu từ sự đổi mới quản lý nông nghiệp của ta, sự thất bại của việc cải cách, cải tổ về kinh tế và chính trị ở Liên Xô và Đông Âu, anh đề nghị nước ta thực hiện đổi mới, có nghĩa là cơ chế quản lý cũ, cách làm cũ không mang lại hiệu quả, thì ta đổi mới nó để hiệu quả kinh tế hơn. Danh từ *đổi mới* tuy đơn giản nhưng rất khoa học, vì nhân dân dễ hiểu, dễ tiếp thu, thực hiện được tất cả các lĩnh vực, từ đề ra chủ trương chính sách, công tác lãnh đạo đến tổ chức thực hiện và trở thành tư duy đổi mới của mỗi người. Tiểu ban Nghiên cứu đổi mới đã xây dựng những vấn đề cơ bản ban đầu về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, từ chế độ kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao

cấp sang thực hiện quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế gắn với thị trường, đồng thời phân cấp quản lý, phân định rõ chức năng quản lý của các cơ quan nhà nước đối với các tổ chức sản xuất kinh doanh của các ngành kinh tế... Cơ chế đổi mới này được Ban Chấp hành Trung ương thông qua, góp phần hết sức quan trọng vào việc xây dựng đường lối đổi mới toàn diện ở nước ta do Đại hội lần thứ VI của Đảng quyết định vào năm 1986. Vì say mê với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nên đi đâu, cuộc họp nào anh cũng đề cập đến vấn đề đổi mới cơ chế quản lý. Do đó mà cán bộ các ngành đặt cho anh cái tên "ông Năm cơ chế".

Có đường lối đổi mới toàn diện, anh lãnh đạo thực hiện đổi mới thành công ban đầu trong sinh hoạt và hoạt động của Quốc hội, tập trung chủ yếu là xóa bỏ tính chất dân chủ hình thức, thực hiện dân chủ thực sự, nâng cao vai trò trách nhiệm của người đại biểu nhân dân trong việc bàn bạc, quyết định các vấn đề quan trọng của cơ quan lập pháp.

Với cương vị là Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp năm 1980, anh đã đấu tranh với các quan điểm sai trái, kiên quyết bảo vệ và giữ vững những nguyên tắc, tư tưởng cơ bản của Hiến pháp năm 1980 do Bác Hồ xây dựng trước đây như: vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tính chất dân chủ và Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, mà chỉ sửa đổi những vấn đề cụ thể đang trở ngại cho việc đổi mới. Hiến pháp sửa đổi năm 1992 đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII nhất trí, tháng 7-1991 và

Quốc hội khóa VIII thông qua ngày 15-4-1992, trở thành đạo luật cơ bản quản lý đất nước của thời kỳ đổi mới để tiếp tục xây dựng hệ thống pháp luật tiếp theo sau này.

Một thế kỷ cuộc đời của anh Võ Chí Công gắn liền sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Anh đã hết sức trung thành, kiên định, tận tụy, không sợ hy sinh gian khổ vì sự nghiệp cách mạng.

Trong suốt cuộc đời ấy, anh không bao giờ quên vinh dự được gặp Bác Hồ ba lần để báo cáo và tiếp thu sự dạy dỗ, chỉ đạo của Bác đối với một cán bộ lãnh đạo là phải kiên định, luôn năng động sáng tạo nhưng "dĩ bất biến, ứng vạn biến", phải coi dân là gốc, lo cho dân trước, việc gì có lợi cho dân thì phải làm đến cùng, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Anh xứng đáng là một trong những học trò xuất sắc của Bác Hồ. Phong cách lãnh đạo của anh sát thực tiễn, nghe nhiều ý kiến của các đồng chí khác, không ưa thích những người hay nói dựa, nói theo mà không có bản lĩnh, chính kiến của mình (kể cả cán bộ giúp việc), không ưa hình thức trong hoạt động của mình, chỉ làm nhiều chứ không thích nói nhiều.

Viết về hồi ký của anh Võ Chí Công, đồng chí Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư của Đảng đã nói: "Là người chiến sĩ cách mạng tài trí, kiên cường". Nguyên cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nói: "Võ Chí Công, người lãnh đạo đức độ, hoạt động thực tiễn phong phú. Cố Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta đã để lại tấm gương sáng ngời, nổi bật là:

a) Bản lĩnh kiên định, ý chí tiến công để đạt được mục đích cuối cùng của cách mạng;

b) Tính thực tiễn: Luôn dựa vào thực tiễn, sát thực tiễn trong hoạt động cách mạng để đạt hiệu quả và thành công của cách mạng;

c) Tư duy luôn đổi mới phù hợp với thực tiễn để phát triển cách mạng.

Chúng tôi nguyện học tập bản lĩnh cách mạng và đạo đức trong sáng của anh".

ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI CHIẾN TRƯỜNG ĐÔNG BẮC CAMPUCHIA

Thiếu tướng PHÙNG ĐÌNH ẤM *

Tháng 4-1947, tôi gặp đồng chí Võ Chí Công trong một dịp tình cờ. Hồi ấy, đồng chí phụ trách chính trị viên Ban quân sự tỉnh Bình Định. Tôi là Đại đội trưởng dân quân xã Dương Chánh (sau là xã Mỹ Lợi), huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định). Do giặc Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược đất nước ta lần thứ hai, quân dân ta đã nhất tề đứng lên chống lại, ngăn chặn dã tâm xâm lược của chúng. Tiếng súng kháng chiến đã vang dội ở cực nam Trung Bộ và Tây Nguyên, giặc Pháp lăm le muốn đánh chiếm vùng tự do các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú.

Là một đảng viên trẻ vừa được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, tôi muốn mình được xông pha ngoài mặt trận giết giặc, bảo vệ nền độc lập tự do của đất nước. Tôi xin chi bộ và chính quyền xã cho phép tôi đi tòng quân nhưng không được xã chấp thuận. Nhân dịp Ủy ban quân

---

* Nguyên cán bộ Quân tình nguyện Việt Nam ở Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia.

sự tỉnh phái cán bộ và bác sĩ về huyện Phù Mỹ tuyển quân, tuy không trúng tuyển nhưng tôi đã nói dối với mẹ và trốn chi bộ, chính quyền xã tháp tùng đoàn tân binh ra tận Bồng Sơn để xung phong nhập ngũ. Cán bộ tuyển quân không tiếp nhận, tôi cố năn nỉ mãi, xin được tòng quân, không chịu trở về nhà.

Trong lúc hai bên đang kì kèo với nhau thì đồng chí Võ Chí Công đến. Sau khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, đồng chí hoan nghênh tôi về tinh thần thanh niên hăng hái tòng quân chiến đấu giết giặc, nhưng đồng thời cũng thân ái và nhẹ nhàng phê phán hành động dối mẹ, trốn chi bộ để tòng quân, đồng chí nói đó là hành động kém tổ chức, kỷ luật. Tôi thấm thía lời đồng chí dạy, sau đó đồng chí bảo bộ phận tuyển quân thu nhận và bổ sung tôi về đại đội 2, đơn vị tập trung của tỉnh.

Được lời như mở tấm lòng, tôi cảm ơn đồng chí giải quyết có lý có tình. Nhờ đồng chí tôi được vinh dự đứng vào hàng ngũ của đoàn vệ quốc, làm chiến sĩ "*Bộ đội Cụ Hồ*!". Sau đó, một thời gian ngắn, nhờ sự can thiệp của đồng chí, chi bộ xã nhà chấp thuận cho tôi tòng quân và chuyển giấy sinh hoạt Đảng cho tôi từ chi bộ địa phương vào quân đội.

Bộ đội ta lúc bấy giờ đảng viên còn quá ít, thậm chí một số cán bộ cũng chưa phải đảng viên. Khi nhận được giấy chuyển sinh hoạt Đảng của tôi, chi bộ rất phấn khởi và giới thiệu tôi tham gia lớp học đảng viên mới của Ủy ban quân sự tỉnh để nâng thêm kiến thức và hiểu biết về Đảng. Lớp học được tổ chức tại cơ quan Ủy ban quân sự mà giảng viên là các đồng chí lãnh đạo, trong đó có đồng

chí Võ Chí Công. Gặp lại ân nhân của mình, lại được nghe đồng chí giảng bài, tôi vô cùng phấn khởi. Đồng chí là người giảng bài đầu tiên về 6 tiêu chuẩn của người đảng viên Cộng sản. Lời đồng chí giảng bài rất mộc mạc nhưng vô cùng sâu sắc, dễ nghe, dễ hiểu, nhiều tấm gương về sự hy sinh cao cả, về tính tổ chức, kỷ luật sắc bén của các bậc đảng viên tiền bối được đồng chí nêu lên để chứng minh, hỗ trợ cho bài học, giúp cho tôi thấm thía thế nào là một người đảng viên suốt đời tuyệt đối trung thành đối với lý tưởng Cộng sản của Đảng, đối với dân tộc và Tổ quốc. Đồng chí đã trang bị cho tôi bài học đầu tiên từ lúc mới chập chững bước vào đời và làm người đảng viên của Đảng. Đồng chí là người thày cách mạng của đời tôi, tôi không lúc nào quên.

Cuối năm 1947, đơn vị tôi được trên điều động vào bổ sung cho Khu 6 ở Phú Yên. Từ đó, tôi không có dịp gặp lại đồng chí. Đến tháng 9-1950, tôi được Bộ Tư lệnh Liên khu 5 quyết định đề bạt từ Trưởng Ban công tác chính trị đại đội lên Chính trị viên đại đội, trực tiếp xây dựng đại đội 212B đi bổ sung cho chiến trường Đông Bắc Campuchia.

May mắn quá, ở đây tôi được gặp lại đồng chí Võ Chí Công, đồng chí đảm nhận chức Trưởng đoàn quân tình nguyện Việt Nam giúp bạn. Đồng chí đến thăm và huấn thị cho toàn đại đội về nhiệm vụ quốc tế của Đảng đối với chiến trường Campuchia, về tình đoàn kết Việt Nam - Campuchia, về những hoạt động cụ thể trong quá trình giúp bạn, về ý thức tôn trọng cán bộ và nhân dân Campuchia, về kỷ luật quần chúng của đội quân tình nguyện.

Sau buổi nói chuyện với tập thể đơn vị, đồng chí dặn dò tôi: Là người chính trị viên, bí thư chi bộ Đảng của đơn vị phải thường xuyên giáo dục và làm gương cho đơn vị trong quan hệ giúp bạn, làm cho mọi người hiểu được ý nghĩa việc làm của mình, phải tôn trọng bạn và nhân dân bạn, coi nhân dân, cỏ cây, sông núi của bạn như chính nhân dân, cỏ cây, sông núi của mình, không được vi phạm một điều gì ảnh hưởng đến uy tín của Quân tình nguyện và tình đoàn kết Việt Nam - Campuchia. Lời dạy của đồng chí tôi ghi sâu, nhớ kỹ và trở thành kim chỉ nam cho một cuộc đời làm quân tình nguyện, ba lần giúp bạn trên đất nước Campuchia.

Có một chi tiết đã cho tôi thêm lòng tin tưởng và yêu mến đồng chí Võ Chí Công, đó là: trong thời gian đơn vị tôi hành quân từ Bình Định ra Quảng Nam, chuẩn bị vượt Trường Sơn qua chiến trường nước bạn, chúng tôi tạm dừng chân tại xóm Lò Gạch, xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành, Quảng Nam). Một hôm, tôi đang điều khiển đại đội tập luyện thì đồng chí Võ Chí Công đến. Tôi hô toàn thể đơn vị "nghiêm" và chạy lại dậm chân, giơ tay chào. Tôi báo cáo ngắn gọn tình hình đơn vị cho đồng chí. Không ngờ, trong lúc đó, có ông cụ già tên là Hai Cửu - chủ nhà, nơi Ban chỉ huy đại đội chúng tôi đóng quân đã trông thấy. Trưa về nhà, cụ Hai Cửu hỏi tôi: "Ông Hương kiểm Nghiễm làm gì lớn lắm mà bộ đội chào kính cẩn như vậy?". Tôi ngớ người ra. Ông cụ chủ nhà kể lại câu chuyện về ông "*Hương kiểm Nghiễm*" với một thái độ trân trọng, tôn vinh như một thần tượng của mình.

Ông cụ từ tốn kể: Ngày xưa, ở quê hương, đồng chí Võ Chí Công có tên Võ Nghiễm. Những năm đầu thập kỷ 30, phong trào hoạt động "*hội kín*" ở Quảng Nam phát triển mạnh, thực dân Pháp và bọn tay sai bắt những người tình nghi, gây xáo động vùng nông thôn yên tĩnh. Lúc đó, ông Võ Nghiễm được trúng cử vào bộ ngũ hương[1] và nhận chức hương kiểm. Từ ngày ông nhận chức hương kiểm cai quản tuần đinh, tuần tra canh gác ngày đêm thì trật tự trong xóm làng được ổn định, yên tĩnh, những vụ lùng bắt người tình nghi làm "*hội kín*" hầu như giảm hẳn, dân làng rất tín nhiệm ông. Cho đến lúc ông bị bắt đi tù, dân mới biết ông là người của cách mạng đứng ra làm cái vỏ bọc để che chở cho phong trào, nhân dân càng tín nhiệm, thương mến ông nhiều hơn.

Từ sự kiện này, tôi càng mến phục đồng chí và về sau, tôi liên hệ và hiểu ra là tại sao đồng chí đang làm Bí thư Ban Cán sự Đông Bắc Miên, nhưng sau Đại hội lần thứ II của Đảng, Đảng ra công khai lãnh đạo kháng chiến, đồng chí được Đại hội Đảng bộ Liên khu 5 bầu vào Ban Chấp hành Liên khu ủy 5 và được điều động về làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng.

Hơn một tháng trời hành quân qua Trường Sơn sang chiến trường nước bạn đầy gian khổ, mặc dù tuổi đồng chí đã lớn nhưng vẫn ba lô trên vai và trang bị như toàn quân trèo

---

1. Ngũ hương gồm 5 người phụ tá công việc cho lý trưởng để quản lý và điều hành công việc cai trị dân làng gồm: hương kiểm, hương bộ, hương mục, hương bổn, hương dịch.

đèo lội suối, vượt qua những đỉnh Công Tơơ, Tăng Đam, Đăk úc cao chót vót. Hình ảnh trưởng đoàn Võ Chí Công đã động viên thúc đẩy đoàn quân tình nguyện đi đến đích.

Đặt chân đến miền Đông Bắc Campuchia, một chiến trường mới lạ, tiếng nói, phong tục chưa quen, mọi việc hầu như bắt đầu, một núi công việc đặt lên vai, đồng chí Võ Chí Công làm việc không mệt mỏi. Trước hết là củng cố đoàn kết giữa lực lượng mới đến chiến trường với số lực lượng vũ trang tuyên truyền tiền trạm. Đồng chí lắng nghe ý kiến của anh em cán bộ đến chiến trường trước, cùng nhau phân tích đánh giá tình hình về thế địch, thế ta, đặc biệt là lòng dân Đông Bắc Campuchia với đoàn quân tình nguyện, rồi đến sắp xếp, phân bố lực lượng và hoạch định chương trình công tác. Đồng chí đã cùng các đồng chí Trần Hoài Ân - một cán bộ lão thành cách mạng và đồng chí Trần Thanh Hòe - chỉ huy quân sự, quyết tâm đẩy phong trào kháng chiến chống Pháp của Đông Bắc Campuchia vươn lên một bước mới, phân công nhau xuống các cơ sở kiểm tra thực tế để xác định lại tình hình và chủ trương công tác.

Từ ngày quân tình nguyện được tăng cường lực lượng và hình thành Ban cán sự do đồng chí Võ Chí Công làm Bí thư, công tác giúp bạn đi vào nền nếp, phong trào kháng chiến của Đông Bắc Campuchia được khởi sắc. Công việc cấp bách và có tầm quan trọng lúc bấy giờ là giúp bạn xây dựng Ủy ban Mặt trận Ítxarắc, cơ quan chỉ đạo của bạn, để tập hợp lực lượng đoàn kết và lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến của địa phương trên phạm vi

toàn miền. Dựa vào hai cán bộ Campuchia thoát ly tham gia kháng chiến là các đồng chí Xiđà và Đam Sai Pắc, đồng chí chủ trương mời một số thân sĩ yêu nước như ông Ách - Nha Còn, nguyên huyện phó huyện Vơn Sai giác ngộ đi theo cách mạng, ông Achăn Khu Xẻng, nguyên là một hòa thượng nổi tiếng của chùa Xêmo đã hoàn tục, cùng một số cán bộ khác như Achăn Nủ Kẹo, Achăn Đeng, chị Xảo Huột là những người trưởng thành của phong trào kháng chiến tại chỗ. Dưới sự chủ trì của đồng chí Xiđà, được đồng chí Võ Chí Công giúp đỡ, các nhân sĩ yêu nước và cán bộ bạn tổ chức Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban Mặt trận Ítxarắc Miền, do ông Xiđà (tên thật là Kim Xêng) làm Chủ tịch. Ủy ban Mặt trận ra lời kêu gọi toàn dân Đông Bắc Campuchia kháng chiến.

Thời gian này, tôi phụ trách Phó Văn phòng phục vụ Ban cán sự và Ủy ban Mặt trận Ítxarắc Miền. Tình hình kinh tế lúc đầu rất khó khăn, lực lượng quân tình nguyện dựa vào dân một phần, phần lớn phải tự lực cánh sinh, tự sản xuất lương thực, thực phẩm để sống chiến đấu và công tác. Cơ quan Miền ở căn cứ càng gặp khó khăn hơn, phải chạy gạo từng bữa. Đồng chí nhường thuận lợi cho bạn và bản thân đồng chí nhiều hôm ăn khoai rừng thay cơm, gạo để dành cho các vị thân sĩ. Trong hoàn cảnh gian khổ đó, tình đoàn kết bạn và ta càng thấm đậm hơn.

Thấy đồng chí làm việc nhiều, ăn uống thiếu thốn, anh em cơ quan lo ngại, đồng chí bảo: Cố gắng lo cho bạn là cái vốn quý của kháng chiến, còn mình thì sống sao cũng được. Hằng ngày, ngoài việc chăm chút về đời sống cho Ủy

ban Mặt trận, đồng chí còn hết lòng bồi dưỡng về năng lực và lề lối làm việc cho bạn, làm cho các vị thân sĩ và cán bộ bạn càng mến phục và tin cậy đối với đồng chí nói riêng và với quân tình nguyện Việt Nam nói chung.

Trong thời gian sống chung với đồng chí, bản thân tôi học tập được nhiều ở đồng chí về đạo đức cách mạng, tác phong công tác và lề lối làm việc, tình cảm đối với đồng chí càng sâu sắc hơn. Rất tiếc là thời gian đồng chí ở Đông Bắc Campuchia quá ngắn, đồng chí đã chia tay với cán bộ chiến sĩ quân tình nguyện, với nhân dân và cán bộ bạn ở Đông Bắc Campuchia vào cuối năm 1951 vì nhu cầu công tác của Đảng, đã để lại cho chiến trường những thành tựu ban đầu rất quý và niềm thương nhớ khôn nguôi. Tuy thời gian ngắn ngủi, nhưng công lao, đức độ và tài năng của đồng chí góp phần xây dựng cơ sở ban đầu cho cuộc kháng chiến và giúp bạn ở Đông Bắc Campuchia, mãi mãi để lại dấu ấn trong lòng mọi người. Cán bộ và chiến sĩ quân tình nguyện Đông Bắc Campuchia coi anh như là người đồng chí cả thân yêu của mình.

Từ khi chia tay ở chiến trường Đông Bắc Campuchia cuối năm 1951, cho đến tháng 9-1989, tại buổi lễ đón quân tình nguyện Việt Nam hoàn thành nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia đánh đổ bè lũ diệt chủng Pôn Pốt, rút quân về nước, tại Dinh Độc lập ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi mới có dịp gặp lại đồng chí Võ Chí Công. Xa nhau đã quá lâu, nhưng khi gắn chiếc Huân chương Quân công hạng Nhất của Nhà nước tặng lên ngực tôi, đồng chí đã nhận ra và gọi tên tôi, lòng tôi vô cùng xúc động và tràn

ngập lòng thương yêu, mến phục đối với đồng chí, đã xa nhau mà người anh cả vẫn nhớ đến đàn em.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ của một Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Võ Chí Công về nghỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quan hệ đời thường, chúng tôi gọi tên đồng chí một cách thân mật: anh Năm Công. Hằng năm, mỗi lần Tết đến Xuân về, chiều mồng một Tết Nguyên Đán, chúng tôi gồm một số cán bộ của Liên khu 5 cũ đến nhà riêng của anh để chúc năm mới và mừng tuổi anh. Mặc dù tuổi cao, sức yếu nhưng anh vẫn dành thời giờ đón tiếp chúng tôi và cùng nhau nhắc lại những kỷ niệm sâu sắc năm xưa của chiến trường. Ngày 2-9-2007, nhân dịp Quốc khánh, chúng tôi đến nhà anh ở Thảo Điền để chúc mừng anh 95 tuổi. Anh đã yếu nhiều, nhưng gia đình dìu anh ra Salon tiếp chuyện với chúng tôi cả tiếng đồng hồ. Điều làm tôi cảm động nhất là anh vẫn còn nhớ tên tôi, nhớ quê tôi ở Bình Dương, nơi mà cơ quan Liên khu ủy 5 đã có lần đóng quân trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Khi tôi nhắc lại những ngày ở Đông Bắc Campuchia năm xưa, anh nhớ rất nhiều kỷ niệm ở chiến trường mà anh đã góp phần nhen nhúm xây dựng từ đầu. Cán bộ, chiến sĩ tình nguyện quân Đông Bắc Campuchia luôn nhớ đến anh và mãi mãi tôn vinh anh là anh cả thân yêu.

BÀI HỌC QUÝ

Thiếu tướng NGUYỄN CHÍ TRUNG *

Một hôm nghe tin anh Nguyên Ngọc đi Quảng Đà về, anh Năm Công mời anh Nguyên Ngọc lên. Sau khi anh Nguyên Ngọc báo cáo tình hình các xã vùng sâu, anh Năm Công hỏi: Vậy trong khu dồn khổ cực như rứa, bà con có cưới hỏi không? Đẻ con đẻ cái như thế nào? Anh Nguyên Ngọc trả lời: Vẫn cưới hỏi, vẫn có bầu, vẫn đẻ con, vẫn yêu đương.

Anh Năm Công cười: Rứa thì được.

Anh Nguyên Ngọc còn kể thêm chuyện ở xã Điện Hòa. Anh và mấy đồng chí cán bộ huyện về tới Điện Hòa thì đã khuya. Quân Mỹ và ngụy mới càn Điện Hòa, cướp của, lùa trâu bò, lửa đốt nhà còn đỏ rừng rực, cột nhà cháy sém đen thui còn nhả khói. Ai nấy đều lo: Chắc là bọn hắn lại xúc dân đi hết. Răng lại vắng heo thế này? Chết hết à? Đoàn cán bộ chạy đi các xóm. Té ra, bà con đang tập trung ở xóm dưới xem văn nghệ. Anh Năm Công lại cười: Rứa thì được.

---

* Nhà văn, nguyên Trưởng Tiểu ban văn nghệ Trung Trung Bộ.

Nghe anh Nguyên Ngọc kể lại chuyện gặp anh Năm Công, tôi nghĩ: Đó là một người lãnh đạo hiểu đời, hiểu người, từ các vấn đề của đời sống mà hiểu ra cuộc chiến đấu của nhân dân.

Hồi hội thảo về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (29-8-1959) ở Quảng Ngãi, anh Đoàn Y Thanh, Phó Tư lệnh Quân khu 5, có kể lại rằng: Anh ấy tập kết ra Bắc rồi trở về Nam trước khi Trà Bồng khởi nghĩa, đang công tác ở Ban quân sự Liên khu ủy. Khi nghe tin Trà Bồng khởi nghĩa, các anh Văn phòng và nhóm cán bộ phục vụ Liên khu ủy đều lo ngại. Còn ở Trà Bồng, có một đồng chí nguyên là lãnh đạo Xứ ủy hồi trước năm 1945, từ miền Bắc vào, nghe Trà Bồng khởi nghĩa, địch đang tung Sư đoàn 22 ngụy lên càn quét phản kích, dân phải tản vào rừng, đói muối, đồng chí ấy liền ra lệnh nhổ chông bố phòng. Các anh lãnh đạo miền tây Quảng Ngãi không đồng tình. Cuộc đấu tranh trong nội bộ lúc đó rất căng thẳng. Đồng chí Phạm Thanh Biền - Bí thư Ban cán sự miền tây Quảng Ngãi, khi kết luận Hội nghị cán bộ miền tây Quảng Ngãi sơ kết khởi nghĩa Trà Bồng đã nói một cách dữ dội: Đề nghị để cho Quảng Ngãi chịu trách nhiệm với phong trào Quảng Ngãi, với nhân dân Quảng Ngãi. Trà Bồng không nhổ chông!

Trong khi nhận định cuộc khởi nghĩa Trà Bồng còn tản mạn như thế, thì tháng 2-1960, anh Năm Công về Trà Bồng. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, anh thay mặt Liên khu ủy đánh giá cuộc khởi nghĩa ấy như sau: "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi

đúng đường lối cách mạng miền Nam, thực hiện đúng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đóng góp nhiều kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết này ở Nam Trung bộ".

Trước đó, Bộ Chính trị đã có quyết định chỉ định anh Năm Công làm Bí thư Khu ủy 5.

Quyết định ấy của Bộ Chính trị thật là đúng đắn. Anh Năm Công là người của tình thế mới: Chấm dứt thời kỳ giữ gìn lực lượng, phòng giữ bị động, ảo tưởng vào "hai năm tổng tuyển cử", quá tin vào cái điều 14C của Hiệp định Giơnevơ, chuyển cách mạng sang cao trào tiến công bằng đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị.

Đầu năm 1965, cao trào tiến công của miền Nam đạt đến những đỉnh cao, vùng giải phóng được mở rộng lớn nhất, dân vùng giải phóng có số lượng đông nhất kể từ khi Mỹ - Diệm phản bội Hiệp định Giơnevơ. Ta có chủ trương thực hành cải cách ruộng đất ở vùng giải phóng. Cán bộ các cơ quan Khu ủy 5 đã xuống đóng ở vùng giáp ranh như Kỳ Sơn (Tam Kỳ, Quảng Nam) chuẩn bị làm thí điểm công tác phát động quần chúng cải cách ruộng đất. Lúc ấy, anh Năm Công và anh Chu Huy Mân về lại Khu 5. Anh Năm Công đã có chủ trương đúng đắn là đình chỉ cuộc chuẩn bị phát động quần chúng cải cách ruộng đất ở vùng giải phóng.

Mấy tháng sau, quân viễn chinh Mỹ ùa vào, tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ".

Cuối năm 1969, đầu năm 1970, khi địch chuyển từ chiến lược "chiến tranh cục bộ" sang chiến lược "Việt Nam

hóa chiến tranh" rất xảo quyệt và tàn bạo. Lúc ấy, ở đồng bằng Quảng Nam - một nơi có phong trào chiến tranh nhân dân mạnh nhất, thế mà hàng chục trung đội du kích xã bỏ súng, chạy vào khu dồn hay đi làm ăn xa ở các đô thị. Có huyện phải lấy chiến sĩ các đơn vị chủ lực bổ sung từ miền Bắc vào làm du kích và bộ đội địa phương.

Năm 1970, là năm cực kỳ ác liệt, địch tiến hành các chiến dịch "*bình định cấp tốc",* chiến dịch "*phượng hoàng*", huy động cả quân Mỹ, quân ngụy, quân Đại Hàn khủng bố, tàn sát, cày trắng, xúc dân vào các khu dồn, ta mất đất, mất dân, vùng giải phóng bị thu hẹp, nhiều cơ sở đảng bị vỡ, các đơn vị chủ lực không thể đóng được ở đồng bằng, phải rút lên các vùng rừng núi.

Có thể nói, anh Năm Công là người sớm thấy âm mưu điên cuồng "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ. Cùng với Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu, anh Năm Công đã kiên quyết chỉ đạo *cuộc trụ bám* của tất cả lực lượng kiên trì bám lại chiến trường. Quảng Nam từng là quê hương của phong trào "*nắm lấy thắt lưng địch mà đánh*", đến lúc ấy, chính là quê hương của phong trào "*ba bám*" (cán bộ bám dân, dân bám xã, du kích bám địch), "*Một tấc giang sơn, một dòng máu đỏ*".

Sau Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết ngày 27-1-1973, không phải là trong nội bộ ta không có một luồng ảo tưởng "*đã tắt hôm nay lửa chiến trường"*. Đã có những cuộc họp phổ biến rằng giai đoạn này là "*hiu hiu gió thổi*". Các quận đội ở Đà Nẵng đã bị giải thể. Các chi bộ ở một số vùng đã được hướng dẫn phải chuyển hướng tổ chức: Chỉ

cần để lại một số đảng viên là thợ cắt tóc, thày giáo, bà mụ đỡ đẻ để hoạt động hợp pháp. Trước tình hình ấy, đồng bào Quảng Đà hỏi: Các ông tập kết lần nữa phải không? Và nói đùa: Nếu mấy ông có lên hết trên núi thì chiều chiều ra đứng rìa núi Chúa cho bà con bầy tui thấy với.

Nhưng đến khi địch trắng trợn phá hoại Hiệp định Pari về Việt Nam, thì có đồng chí lại yêu cầu phải tung hết quân ra đánh, trong lúc chủ lực ta đã đánh suốt cả năm 1972, đến đầu năm 1973 quân số chưa được bổ sung, thiếu đạn, một số đơn vị chủ lực đã giải thể, hoặc rút gọn. Anh Năm Công và anh Chu Huy Mân, Phó Bí thư Khu ủy, Tư lệnh Quân khu đã hết sức kiên định, không ảo tưởng, mơ hồ về bản chất phản động của Mỹ - ngụy, vừa kiên trì duy trì cuộc đấu tranh chống lấn chiếm của chúng vừa khẩn trương dành thời gian để xây dựng lực lượng chủ lực, địa phương theo yêu cầu mới để chuẩn bị tập trung tiêu diệt địch khi thời cơ cho phép. Mà thời cơ lại đang đến gần.

Năm 1975, ý định ban đầu là sau khi đánh thắng Buôn Ma Thuột, giành lại Tây Nguyên, lực lượng chủ lực Quân khu 5 tiến vào phối hợp với quân chủ lực của Bộ và của miền đánh vào giải phóng Sài Gòn rồi mới quay ra giải phóng Đà Nẵng.

Nhưng, ngày 14-3, Thiệu quyết định rút bỏ Tây Nguyên, co về giữ đồng bằng. Ngày 18-3, các tỉnh Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng, Sở chỉ huy và một bộ phận Quân đoàn 2 ngụy tháo chạy khỏi Pleiku bị truy kích và

tiêu diệt. Anh Năm Công đã sớm nhận ra tình thế mới. Anh đã điện ra đề nghị Bộ Chính trị cho đánh ngay vào Đà Nẵng. Bộ Chính trị đồng ý. Đồng thời anh Năm Công điện ngay về Bộ Tư lệnh Quân khu 5 cho thay đổi phương án, không sử dụng Sư đoàn 2 phát triển về hướng Quảng Ngãi như dự kiến ban đầu, mà phải chớp thời cơ đánh ngay vào Đà Nẵng.

Đó là sự chuyển hướng có ý nghĩa quyết định để giải phóng sớm Đà Nẵng, giải phóng toàn bộ đồng bằng ven biển miền Trung, giải phóng hoàn toàn Quân khu 5. Nhân dân Đà Nẵng và Khu 5 biết ơn quyết định sáng suốt đó. Tiến công giải phóng sớm Đà Nẵng đã góp phần quyết định tiêu diệt và làm tan rã lực lượng Quân đoàn 1 và Quân khu I của ngụy. Hơn 10 vạn quân ngụy ở Đà Nẵng ra trình diện quân ta sau ngày giải phóng Đà Nẵng (29-3-1975). Sau khi Quân đoàn 1 bị tiêu diệt, toàn bộ ven biển miền Trung Trung Bộ cùng với Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng, tình hình mới đó đã tạo ra điều kiện thuận lợi cực kỳ quan trọng về thế và lực để quyết định thần tốc giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa Xuân năm 1975, thực hành toàn thắng chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn, Bà Rịa - Vũng Tàu, Côn Đảo, đại bộ phận quần đảo Trường Sa.

*

* *

Trong những ngày căng thẳng sau Mậu Thân 1968, anh Năm Công đã có lần nói, như một suy ngẫm dài về cuộc đấu tranh lâu dài giữa dân tộc ta và kẻ thù các loại. Anh nói: Té ra mỗi lần địch thất bại, địch lại tích cực phản kích và mỗi lần phản kích như thế, chúng lại tạo ra lực lượng mới, có khi đông hơn cả giai đoạn trước, chúng lại có những thủ đoạn xảo quyệt, gian trá mới. Cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của chúng ta phải giành thắng lợi từng bước. Liền sau mỗi bước thắng lợi là phải thực hành một cuộc đánh bại phản kích mới của kẻ thù. Theo cách nói của bộ đội, phải "đánh cạn chi viện", chúng mới chịu thua.

Suy ngẫm ấy, nghĩ về hôm nay, càng thấm thía. Quy luật tổng quát suốt quá trình giải phóng, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc ta là *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Độc lập dân tộc gắn liền với cải cách dân chủ, ruộng đất cho dân cày, nhà máy cho công nhân, tăng cường quyền làm chủ của nhân dân, không ngừng củng cố Nhà nước của dân, do dân, vì dân, củng cố khối liên minh công nông và lao động trí óc, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chuyển đổi nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu thành nền kinh tế hàng hóa công nghiệp, hiện đại, từng bước xóa bỏ nghèo đói, củng cố nền kinh tế độc lập tự chủ tồn tại và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, phải nắm vững mục tiêu cuối cùng, hướng tới mục tiêu cuối cùng để giành thắng lợi từng

bước, và không ngừng củng cố và phát triển thắng lợi từng bước ấy, đánh bại hết cuộc phản kích này đến cuộc phản kích khác, không hề nao núng, cho kỳ đạt tới lý tưởng cao cả là giữ vững độc lập chủ quyền và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thành công trên toàn bộ đất nước ta.

Cuộc đời chiến đấu của anh Năm Công để lại một bài học quý, cho hôm nay và những bước đi đầy gian khổ và vẻ vang sau này.

VÕ CHÍ CÔNG, MỘT ĐỜI NGHE DÂN

Nhà văn NGUYÊN NGỌC

Tháng 3-1926, ở Sài Gòn diễn ra một sự kiện trọng đại: đám tang chí sĩ Phan Chu Trinh. Một trăm nghìn người dự tang lễ, trong khi dân số ba thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn và Gia Định bấy giờ cộng lại không đến ba trăm nghìn người. Ngoài ra còn có mặt đại biểu hầu hết các tỉnh trong cả nước, sau đó lại trở về địa phương mình tổ chức lễ truy điệu, biến sự kiện chính trị - xã hội này thành một quốc tang vĩ đại, do toàn dân đứng lên tự tổ chức, mà Nguyễn Ái Quốc đã mô tả là "chưa từng thấy trong lịch sử nước Nam".

Trong lễ truy điệu Phan Chu Trinh tại thị xã Tam Kỳ, có một thanh niên từ một thôn nhỏ, nay thuộc xã Tam Xuân bên phía nam sông, vượt sông sang dự. Bị chấn động sâu sắc vì cái chết của nhà ái quốc lừng danh, anh đã đi đến một quyết định lớn: dấn thân lên đường cách mạng, hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Người thanh niên ấy tên là Võ Toàn, hơn nửa thế kỷ sau là Võ Chí Công, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Võ Toàn tham gia phong trào cộng sản đúng vào lúc Tỉnh ủy Quảng Nam bị chính quyền thực dân Pháp khủng bố ác liệt. Ông tự mình len lỏi bắt liên lạc, khôi phục cơ sở, lần hồi lập lại Tỉnh ủy, phát triển lại phong trào. Về sau, tính cách này trở thành một đặc điểm xuyên suốt trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng của ông: quyết đoán, kiên định, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong những tình huống khó khăn và quyết định.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khác với chủ trương chung tấn công trước tiên vào nông thôn, cuối cùng mới nhằm vào thành thị, nhanh nhạy nhận định tình hình, kịp thời nắm thời cơ, ông quyết định đánh ngay vào tỉnh lỵ Hội An, sau đó mới nhanh chóng lan về nông thôn, đưa Quảng Nam trở thành một trong những tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

Năm 1959, giữa đêm đen chìm đắm trong sự khủng bố ác liệt của địch, khi quần chúng ở Trà Bồng uất ức nổi dậy, trong lúc nhiều người còn e sợ một cuộc vùng lên cô lập sẽ dễ bị tiêu diệt, ông là người cương quyết ủng hộ, ráo riết chỉ đạo chuyển miền núi Quảng Ngãi, Quảng Nam thành chiến khu chống địch, thành cuộc khởi nghĩa sớm nhất ở Nam Trung Bộ, từ đó đưa cuộc kháng chiến ở đây phát triển đến thắng lợi cuối cùng. Bằng chủ trương và hành động quyết liệt đó, ông là một trong những người tham gia ý kiến đề xuất để Trung ương Đảng ra Nghị quyết 15 nổi tiếng.

Xuân Mậu Thân năm 1968, đánh Đà Nẵng đến ngày thứ bảy, ông nhận định cuộc tập kích chiến lược đã hoàn

thành, quyết đoán chuyển lực lượng về dọn sạch hậu phương miền núi và củng cố nông thôn, tránh được tổn thất nặng khi địch phản kích điên cuồng sau đó.

Mùa Xuân năm 1975, sau đòn hiểm Buôn Ma Thuột, nhanh chóng theo dõi và nhận ra dấu hiệu địch bỏ Tây Nguyên, ông đề nghị đánh ngay Đà Nẵng và cực kỳ khẩn trương, thần tốc tổ chức lực lượng tại chỗ phối hợp với chủ lực tấn công căn cứ hải lục không quân khổng lồ này của địch, góp phần tạo một bước ngoặt quyết định đưa đến toàn thắng lịch sử 30 tháng 4, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Hòa bình, ở cương vị rất cao, người ta thường thấy ông là người ít nói, nhưng khi đứng trước những câu hỏi lớn của đời sống thì vẫn là Võ Chí Công ấy, quyết đoán, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Ông là người ủng hộ "khoán chui", đưa đến sự giải phóng có tính quyết định lực lượng sản xuất, làm thay đổi cơ bản cục diện đang bế tắc của xã hội, một lần nữa ông lại đứng về phía thực tiễn, về phía dân, góp phần tạo nên sự chuyển biến ngoạn mục của đất nước, đưa đến thời kỳ bùng lên mạnh mẽ được gọi là "Đổi mới".

May mắn được gần ông trong chiến tranh và thường xuyên dõi theo từng bước đi của ông trong hòa bình, tôi nhận ra ở người lãnh đạo giản dị mà sâu sắc đó một chân lý mà ông đinh ninh, như có lần ông nói với cán bộ thân cận của mình khi Nghị quyết 10 nổi tiếng về khoán trong nông nghiệp được khẳng định, đại ý: "Nghiệm ra khi có chủ trương của Đảng ở trên mà bên dưới quần chúng cứ

xôn xao không chịu, thì rồi cuối cùng Đảng phải nghe theo và cách mạng thắng lợi!".

Con người ấy luôn tin rằng sáng tạo trong cách mạng và trong đời sống bao giờ cũng là dân, bởi vì chỉ có dân mới là thực tiễn, là đời sống thực đang vận động, và Đảng giỏi là khi Đảng biết nghe dân. Đảng sáng tạo là vì Đảng nghe được dân, tổng kết được ý chí và trải nghiệm của dân để chỉ đạo lại đời sống.

Bài học lớn ông để lại cho chúng ta là bài học về dân. Suốt đời con người cực kỳ quả cảm ấy chỉ có một nỗi sợ đó là nỗi sợ mất dân. Gần dân, luôn gắn với dân, nghe dân, học dân, tin dân, luôn dựa vào dân thì khó khăn mấy rồi cũng vượt qua được và làm cho đất nước, dân tộc đứng vững, phát triển trước mọi thách thức.

ĐÔI NÉT VỀ ANH

NGÔ THÀNH *

Tôi là người may mắn được sinh ra trên vùng đất có truyền thống đấu tranh yêu nước - huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Từ rất sớm, tôi đã nghe và biết về đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn) và trong quá trình hoạt động cách mạng, tôi có nhiều kỷ niệm về anh.

1. Thời kỳ năm 1942 - 1943

Lần đầu tiên tôi được gặp anh là vào tháng 8-1942. Ông Nguyễn Kỵ (Kế), cơ sở cách mạng ở Vân Trai - Tam Kỳ (nay thuộc xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành) có dẫn đến nhà tôi hai người mang theo đòn gánh, bao bố, nói là khách đi mua đậu phụng, đó là anh Võ Toàn và anh Nguyễn Sắc Kim, lúc đó khoảng 10 giờ trưa. Sau bữa cơm trưa, gia đình mới biết hai anh là cán bộ cách mạng.

Anh Võ Toàn là con người trầm tĩnh, điềm đạm, chín chắn, dễ gần với mọi người. Khi tiếp xúc với người khác, anh thường quan tâm hỏi chuyện làm ăn, về cuộc sống,

---

* Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai.

tình hình an ninh thôn xóm và mọi người xung quanh. Sau các anh Võ Toàn và Nguyễn Sắc Kim, năm 1943, các anh Nguyễn Hàng, Lê Bá, Cao Tiến Khai, chị Phan Thị Nễ cũng thường đến và ở nhà tôi, thường thì một tuần, lâu thì nửa tháng, có lúc chỉ vài ba ngày rồi đi.

Sinh hoạt hàng ngày của anh Võ Toàn và các anh rất vất vả, và luôn phải lo đối phó với việc săn lùng của bọn mật thám Pháp và chính quyền tay sai. 2 giờ sáng là phải thức vì thời điểm này trở đi là bọn mật thám thường vây ráp. Ban ngày ở trong buồng kín hoặc hầm bí mật rất tù túng, ban đêm mới được ra ngoài, ăn uống theo khả năng của cơ sở, chủ yếu ăn cơm ghế khoai hoặc sắn.

Thời gian này, tôi mới 15, 16 tuổi nên chưa cảm nhận được hết những hoạt động của anh mà chỉ thấy: Anh cùng với anh Nguyễn Sắc Kim, và một số anh thoát ly thường tổ chức một số cuộc họp hoặc gặp gỡ cơ sở; nơi họp và gặp gỡ thường là bằng thuyền trên sông Cồn Giữa (Vĩnh Đại, nay thuộc xã Tam Hiệp và Diêm Trường, nay thuộc xã Tam Giang, huyện Núi Thành). Những cơ sở anh thường tiếp xúc ở các xã Tam Hiệp, Tam Nghĩa, Tam Giang, Tam Quang, Tam Hải. Gia đình tôi có chiếc thuyền nhỏ, nên tôi và anh Ngô Độ (Nghiên) thường đưa thuyền và bảo vệ, canh gác các cuộc họp đó.

Anh Toàn hướng dẫn cho tôi đi mua báo "Đông Pháp" ở Tam Kỳ, một sạp báo nằm phía tây trên đường quốc lộ 1. Chủ sạp báo là hai cô gái tuổi khoảng 25 - 30, tôi đoán hai cô này là cơ sở hoạt động cách mạng của anh Võ Toàn. Vì lần đầu tiên đến đặt báo, tôi có mang theo lá thư của anh

gửi cho người bán báo. Các cô nhận thư không hỏi gì thêm và giao báo cho tôi nhận mỗi tuần một lần.

Trong thời gian đi lại Tam Kỳ nhận báo, anh Toàn cũng giao cho tôi mang thư của anh gửi cho các anh tù chính trị đang bị giam tại nhà lao phủ Tam Kỳ. Tôi mang thư giao cho anh Bùi Xuân Mai (Tam Hiệp). Anh Mai với tôi là bà con. Anh Mai sẽ chuyển thư cho người anh Toàn định gửi.

Khoảng giữa năm 1943, anh Toàn và anh Kim gặp anh Lê Bá và các anh có ra tờ báo "*Cờ độc lập*". Tờ báo viết trên tờ giấy manh khổ nhỏ gồm bốn trang, báo ra hằng tháng, in đông sương. Anh Toàn chỉ đạo nội dung và cùng một số anh viết bài. Anh Lê Bá chịu trách nhiệm viết lên khuôn và in. Tôi giúp việc mua rau câu, nấu thành đông sương, cất giấu dụng cụ in và làm liên lạc chuyển báo và thư cho một số nơi.

Trong thời gian hoạt động ở đây, anh Toàn và các anh thoát ly đã tuyên truyền giác ngộ mọi người trong gia đình thấy được sự đàn áp, bóc lột của bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật, hiểu được đường lối cách mạng. Tôi đang đi học chữ Nho. Anh Toàn khuyên tôi nên học chữ quốc ngữ để khi cách mạng thành công dễ làm việc. Anh giúp tôi học thuộc nhiều bài thơ của Tố Hữu. Anh hướng dẫn cho chúng tôi cách tìm hiểu những người chung quanh và tuyên truyền cho họ về đường lối cách mạng, vận động họ gia nhập các đoàn thể cứu quốc. Trong những năm 1942, 1943, ở làng tôi đã thành lập một tổ Nông dân cứu quốc gồm năm người, do anh Ngô Độ làm Tổ trưởng; một tổ Phụ

nữ cứu quốc gồm bốn người, do mẹ tôi (Nguyễn Thị Đi) làm Tổ trưởng và một tổ thanh niên cứu quốc gồm ba người, trong đó có tôi. Riêng anh Ngô Độ được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tháng 10-1943, anh Toàn từ nhà tôi đi An Tân, nay thuộc xã Tam Nghĩa. Anh Nguyễn Sắc Kim còn ở lại. Một tuần sau thì anh Võ Toàn bị bọn mật thám vây bắt tại nhà anh Lợi. Cũng mờ sáng ngày hôm đó, bọn mật thám và lính khố xanh đến vây nhà tôi. Nghe tiếng động bên ngoài, biết là có chuyện, anh Nguyễn Sắc Kim chạy xuống bếp, đạp đổ phên đất chạy thoát. Bọn chúng vào nhà bắt tôi và anh Ngô Độ. Lên xe, tôi thấy anh Võ Toàn bị bịt mắt ngồi trên xe, chúng đưa anh Toàn về Hội An. Sau đó một số cơ sở cách mạng ở Tam Hiệp (Vĩnh Đại, Vân Trai), Tam Nghĩa, Tam Quang, Tam Giang, Tam Hải bị vỡ. Nguyên nhân các anh bị bắt là do Cao Tiến Khai phản bội khai báo.

Đầu năm 1944, trong buổi tuyên án ở Vĩnh Điện có trên 50 tù chính trị bị bắt cuối năm 1943, gồm các đồng chí Võ Toàn, Phan Thị Nễ, Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Hàng, Lê Bá.... Anh Võ Toàn bị kết án 25 năm tù, các đồng chí còn lại bị kết án 15 - 20 năm tù. Trong buổi kết án, chị Phan Thị Nễ là người đã đứng lên phản bác lại sự xét xử không công bằng và lên án thực dân Pháp. Chúng vội vã còng tay và đưa chị đi ngay, phiên tòa kết thúc trong buổi sáng.

2. Thời kỳ 1948 - 1949

Tháng 8-1948, tôi đang là Bí thư thanh niên xã, thi vào trường Trung học bình dân quân sự Quân khu 5. Anh Võ

Toàn được phân công làm Bí thư Đảng ủy, vừa là học viên của trường. Địa điểm của trường là Sở Nông khí của Nhật ở xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Trường có khoảng 400 học viên, có một lớp lớn (trên 30 tuổi), một lớp thiếu sinh quân (13 - 14 tuổi), số sinh quân còn lại tuổi trên dưới 20, tôi ở trong lớp này.

Thời kỳ này kinh tế rất khó khăn, lại chiến tranh. Là trường đào tạo sĩ quan, nhưng sinh quân không được cung cấp quần áo, trang phục, ăn uống lại kham khổ. Nhà trường chỉ có bàn ghế và bảng đen. Học không có sách. Vở phải tự túc. Anh Võ Toàn vừa làm lãnh đạo, chẳng những lãnh đạo học viên, cán bộ, công nhân viên, mà lãnh đạo cả các thày giáo, là những trí thức dưới chế độ cũ, trong đó có thày Hinh, thày Sơn là Công giáo.

Anh rất chăm lo đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, anh thường động viên sinh quân: "Dưới chế độ cũ mình chịu dốt, nay phải nỗ lực học tập, rèn luyện để trở thành sĩ quan quân đội". "Trước là nông dân sống tự do, nay là quân nhân sống tập thể, sống có tổ chức kỷ luật"... Tuy có khó khăn, thiếu thốn, sự hiểu biết chưa nhiều, nhưng mọi người đều hồ hởi, phấn khởi, ý thức tổ chức kỷ luật rất cao.

Tuy Đảng lãnh đạo, nhưng đảng viên không công khai và số đảng viên trong học viên rất ít. Lớp của tôi 35 người (một trung đội), chỉ có ba đảng viên. Có lớp chỉ có một, hai đảng viên. Cán bộ trung đội chưa phải đảng viên. Vì vậy, có lần tranh thủ buổi trưa họp chi bộ, về trễ giờ hai phút, phải chịu phạt chạy quanh trường ba vòng rất ấm ức,

nhưng không dám báo họp chi bộ, mà chỉ báo cáo riêng với anh Võ Toàn để khỏi bị ghi vào sổ. Qua hai năm, kết quả học tập ở trường Trung học bình dân quân sự Khu 5 là rất tốt, nhiều đồng chí sau này trở thành sĩ quan cao cấp của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Sau khi tốt nghiệp trường Trung học bình dân quân sự, tôi tiếp tục học tại trường võ bị Trần Quốc Tuấn. Đến tháng 11-1948, anh Võ Toàn đến thông báo cho tôi một tin buồn là mẹ tôi mất. Anh động viên tôi: "Em về thăm gia đình cũng được, nhưng lại trở ngại trong học tập, thôi em hãy cố gắng vượt qua khó khăn mà học tập cho tốt, hai tháng nữa đến Tết, về thăm cũng không muộn, việc đã rồi, hãy phấn đấu, nỗ lực học tập cho tốt".

3. Thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Trong thời kỳ này, tôi không có dịp ở gần anh Võ Chí Công (tên anh Võ Toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước). Anh công tác ở Khu ủy 5, còn tôi công tác tại tỉnh Gia Lai, chỉ gặp anh trong một số cuộc họp tại Khu hoặc ở tỉnh khi anh đến công tác. Nhưng qua công tác chỉ đạo, khi anh làm Phó Bí thư rồi Bí thư Liên khu ủy từ năm 1954 - 1960 và Bí thư Khu ủy 5 từ năm 1964 đến năm 1975, đã thể hiện sự vững vàng, sắc sảo, nhạy bén, đề ra những chủ trương, đối sách phù hợp với thực tiễn và hiệu quả. Anh là một trong những cán bộ quan tâm đến đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, trong việc vận dụng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, thể hiện qua một số chủ trương và việc làm cụ thể:

Sau năm 1954, khi địch tiếp quản các tỉnh đồng bằng và Tây Nguyên, cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta và địch diễn ra phức tạp, quyết liệt, kẻ địch vô cùng tàn bạo, thâm độc, quyết tiêu diệt lực lượng cách mạng và ý chí đấu tranh của nhân dân ta. Chính sách tố cộng, diệt cộng của chúng đã gây cho ta nhiều tổn thất.

Đồng chí Võ Chí Công có nhiều trăn trở. Một mặt anh chỉ đạo khéo che giấu, khéo công tác, để bảo tồn và phát triển lực lượng, thực hiện "*ba cùng*" để bám dân, dựa vào dân. Mặt khác, vận dụng linh hoạt phương châm kết hợp giữa hợp pháp và bất hợp pháp, nhất là ở miền núi, để đấu tranh chống địch, hạn chế thiệt hại và bảo vệ lợi ích của nhân dân. Trước sự tàn bạo của kẻ thù, sự tổn thất của cơ sở ta, đồng chí Võ Chí Công đã nghĩ đến phải có bạo lực vũ trang hỗ trợ cho bạo lực chính trị của quần chúng, không thể ràng buộc bởi Hiệp định Giơnevơ, làm cho ta bó tay. Phải dùng bạo lực cách mạng để thắng bạo lực phản cách mạng. Từ suy nghĩ đó, anh phấn khởi tiếp nhận và triển khai nhanh *Đề cương Cách mạng miền Nam* năm 1958 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1959, tạo một bước chuyển biến mạnh mẽ cả về chính trị và lực lượng vũ trang, làm nên đồng khởi năm 1960, giành quyền làm chủ ở nhiều vùng, nhất là Tây Nguyên và miền núi.

Năm 1961, trên đường vào Trung ương Cục, anh làm việc với Tỉnh ủy Gia Lai và có nhận xét. "Miền núi nói chung, Gia Lai nói riêng, phong trào cách mạng liên tục

giữ vững và phát triển, giữ được thế tấn công địch, không có thoái trào như ở một số tỉnh ở đồng bằng. Vì miền núi phát huy được lợi thế thiên thời, địa lợi, nhân hòa, trong đó có bạo lực vũ trang của quần chúng mà đồng bằng không có". Anh đề nghị tỉnh phát động phong trào "*Quần chúng đứng lên làm chủ núi rừng*". Tỉnh Gia Lai đã thực hiện đề nghị đó.

Trong thời kỳ chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ, những năm 1962 - 1963 ta gặp nhiều khó khăn, có nơi phong trào chững lại. Năm 1964, anh Võ Chí Công trở về làm Bí thư Khu ủy 5, là người am hiểu tình hình địa phương lại nắm được kinh nghiệm ở Nam Bộ trong thời gian anh làm Phó Bí thư Trung ương Cục, nên phong trào Khu 5 và Tây Nguyên có bước phát triển mạnh. Anh chỉ đạo vận dụng phương châm "*hai chân, ba mũi giáp công*" trên ba vùng chiến lược thu nhiều kết quả. Anh chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang, phát triển binh chủng đặc công. Anh luôn nhắc nhở tinh thần tiến công địch, chống khuynh hướng hữu khuynh, thụ động. Từ đó, phong trào cách mạng những năm 1964 - 1965 phát triển mạnh và giành thắng lợi lớn.

Cuối năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam và Khu 5, chuyển chiến lược "chiến tranh đặc biệt" thành chiến lược "chiến tranh cục bộ". Năm 1966, trên địa bàn Khu 5 có 160.000 quân Mỹ, 4.000 quân Đại Hàn và nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại. Đảng bộ Khu 5 xác định tư tưởng cho toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn

dân là không sợ Mỹ, giữ vững tư tưởng và chiến lược tấn công địch, giữ thế chủ động trên chiến trường. Với tinh thần đó, ở Khu 5 có các trận đánh thắng Mỹ đầu tiên ở Núi Thành, Vạn Tường, Pleime và thung lũng IaDrang. Tuy chiến tranh diễn ra rất ác liệt, ta bị tổn thất rất lớn, nhưng vẫn trụ trong hai mùa khô năm 1965 - 1966 và 1966 - 1967 và tiến hành cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, đẩy địch vào thế thất bại, sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Sau Hiệp định Pari năm 1973, Khu ủy 5 chỉ đạo đẩy mạnh tấn công địch, phát triển phong trào ở đô thị, chuẩn bị mọi điều kiện để giành thắng lợi hoàn toàn khi thời cơ đến. Cuộc họp hai ngày với ba tỉnh bắc Tây Nguyên vào cuối quý III năm 1974, tại huyện Ia Sup, tỉnh Đắk Lắk do anh Võ Chí Công chủ trì là để chuẩn bị cho thời cơ nói trên. Đầu năm 1975, Khu ủy 5 chỉ đạo cho các tỉnh Gia Lai, Kom Tum đẩy mạnh hoạt động đánh địch, phá ấp giành dân, mở nhiều hành lang, huy động nhân lực, vũ khí, vừa để đón thời cơ, vừa nghi binh đánh lạc hướng địch, tạo thuận lợi cho việc đánh Buôn Ma Thuột.

Trận đánh mở màn Buôn Ma Thuột thắng lợi, anh Võ Chí Công nhận định: quân địch ở Gia Lai và Kon Tum bị cô lập và suy sụp, nên anh đã gấp rút lên Tây Nguyên để chỉ đạo giải phóng hai tỉnh này. Đúng như nhận định trên, khi anh đến Kom Tum, địch đang rút chạy, anh cấp tốc đi thẳng vào Pleiku - Đoàn của anh Võ Chí Công vào tiếp quản thị xã Pleiku, sớm hơn đoàn cán bộ của tỉnh Gia Lai.

Từ thực tế chiến trường sau khi ta đánh Buôn Ma Thuột thắng lợi, anh Võ Chí Công đã đề nghị Bộ Chính trị cho đánh giải phóng Đà Nẵng, được Bộ Chính trị đồng ý. Việc ta giải phòng Đà Nẵng tạo tiền đề giải phóng hoàn toàn miền Nam năm 1975.

Lịch sử càng lùi xa, chúng ta càng có cơ sở đánh giá chính xác lịch sử và càng thấy vai trò to lớn của anh Võ Chí Công đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước sau này.

DẤU ẤN NGƯỜI LÃNH ĐẠO

LÊ NĂNG ĐÔNG*

Quảng Nam là mảnh đất có truyền thống đấu tranh yêu nước. Ngay sau khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đánh vào Đà Nẵng tháng 9-1858, Quảng Nam trở thành vùng đất đầu tiên đứng lên chiến đấu chống giặc ngoại xâm; sau đó Quảng Nam là trung tâm kháng chiến của nghĩa hội cần vương, là địa bàn hoạt động mạnh mẽ của phong trào Đông du và Duy tân, là vùng đất đi đầu trong phong trào chống sưu, thuế năm 1908...

Mặc dù các phong trào đấu tranh yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Quảng Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều không thành công, nhưng từ đó hun đúc nên tinh thần yêu nước của người dân đất Quảng. Sau khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam, Quảng Nam là một trong những địa phương sớm đón nhận chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, ngày 28-3-1930, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam được thành lập. Trong quá trình đấu tranh cách mạng

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam

kiên cường, Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam đã sản sinh ra nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân, suốt đời cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng quê hương, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần làm rạng danh vùng đất Quảng Nam "Trung dũng kiên cường".

Một trong những người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng, để lại những dấu ấn sâu sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc là đồng chí Võ Chí Công.

Đồng chí Võ Chí Công tên khai sinh là Võ Toàn, sinh ngày 7-8-1912, tại làng Khương Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay thuộc xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam trong một gia đình nho học, giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Cha là cụ Võ Dương, vốn là bạn tâm giao với chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng. Năm 13 - 14 tuổi cụ, Võ Dương đã gửi gắm người con trai Võ Toàn ra Huế làm việc tại báo *Tiếng Dân* - tờ báo yêu nước nổi tiếng ở miền Trung do cụ Huỳnh Thúc Kháng sáng lập và là chủ bút.

Được thừa hưởng truyền thống yêu nước của gia đình, dòng họ và quê hương, lại được học hỏi và làm việc bên cạnh Huỳnh Thúc Kháng - nhà chí sĩ yêu nước thẳng thắn, cương trực, đồng chí đã sớm có tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Tuổi thơ của đồng chí lại được rèn dũa "tắm mình" trong các phong trào cách mạng, yêu nước chống Pháp sục sôi ở Trung Kỳ lúc đó. Những

yếu tố đó đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng cách mạng của chàng thanh niên Võ Toàn.

Từ những năm 1930, đồng chí đã sớm giác ngộ và tham gia hoạt động cách mạng tại địa phương. Năm 1935, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư Chi bộ ghép Khương Mỹ, Danh Sơn, Mỹ Sơn, phủ Tam Kỳ, rồi sớm trở thành người lãnh đạo chủ chốt của phong trào cách mạng Tam Kỳ, từ đó đồng chí có nhiều đóng góp để lại dấu ấn quan trọng.

Cuối năm 1939, phong trào cách mạng ở Quảng Nam bị địch đánh phá, thiệt hại nặng nề, hầu hết các đồng chí trong Tỉnh ủy, Phủ ủy bị bắt, ở Tam Kỳ còn lại đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Nguyễn Sắc Kim. Ngay lập tức, các đồng chí phân công nhau đi bắt nối, nắm các cơ sở còn lại. Với nỗ lực đó, tháng 1-1940, một cuộc hội nghị được diễn ra tại cửa biển An Hòa. Tại hội nghị này, Phủ ủy Tam Kỳ được củng cố, đồng chí Võ Chí Công được cử làm Bí thư.

Sau khi Phủ ủy được củng cố, đồng chí Võ Chí Công được cử phụ trách bắt nối, xây dựng cơ sở ở vùng Điện Bàn, Hội An và liên lạc với các đồng chí đang bị giam tại nhà lao Hội An. Lúc này, Ban liên lạc tù chính trị ở nhà lao tỉnh cũng như ở nhà lao Hội An được hình thành. Thông qua cơ sở hợp pháp tại thị xã Hội An, cũng như cơ sở ở bên ngoài, đồng chí Võ Chí Công đã liên lạc được với đồng chí Huỳnh Cự (Duy Xuyên), Võ Huyến (Điện Bàn). Vì vậy, đến tháng 3 -1940, Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Nam được thành lập, do đồng chí Võ Chí Công làm Bí thư.

Trong những năm 1941 - 1943, ở tỉnh Quảng Nam, địch liên tiếp gây các vụ khủng bố, đàn áp dã man phong trào cách mạng, triệt phá cơ quan đầu não của tỉnh, vây bắt các đồng chí tỉnh uỷ viên; cơ quan Tỉnh ủy phải di chuyển nhiều nơi, từ Tam Kỳ ra Thăng Bình, lên Quế Sơn, rồi lấy vùng rừng núi giáp hai huyện Quế Sơn, Duy Xuyên (Lộc Đại - Ba Nghi - Phú Nham) làm căn cứ đóng cơ quan, in tài liệu, ra báo. Đồng chí Võ Chí Công lặn lội hết địa phương này đến địa phương khác để lãnh đạo ổn định tình hình tư tưởng, bàn kế hoạch chống khủng bố, giữ liên lạc từ tỉnh đến cơ sở. Đợt bể vỡ đầu năm 1942, địch khủng bố ác liệt, hơn bốn ngàn người bị bắt và 819 người làm án tù. Tỉnh ủy có 5 đồng chí thì 3 đồng chí bị bắt. Để tạm lánh sự truy lùng gắt gao của kẻ thù, đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim tạm lánh vào các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và hoạt động xây dựng cơ sở. Khi tình hình dần ổn định, các đồng chí trở về liên lạc với Thành ủy Hội An bàn việc khôi phục phong trào toàn tỉnh, thành lập Liên tỉnh ủy - Thành uỷ Quảng Nam, Hội An và Đà Nẵng.

Sau khi Liên tỉnh uỷ - Thành ủy được thành lập, tổ chức trong tỉnh phục hồi tương đối nhanh: ở Hội An đã xây dựng được 4 chi bộ; ở Đà Nẵng chi bộ trường Chấn Thanh phát triển từ 3 đảng viên lên 9 đảng viên và lập một tổ đảng trong công chức; ở Duy Xuyên, Tỉnh uỷ xây dựng được 10 chi bộ ở các xã vùng Trung; ở Quế Sơn lập lại chi bộ ở Phương Trì; ở Đại Lộc thành lập chi bộ mới và Tỉnh ủy móc nối số đảng viên còn lại ở Điện Bàn, Tam

Kỳ, Tiên Phước... và ra tiếp tờ báo *"Cờ độc lập"* phát hành xuống cơ sở. Phong trào trong tỉnh có bước phục hồi. Tháng 4-1943, sau vụ phát hành vé số cứu quốc ở Duy Xuyên bị lộ, địch đánh phá ác liệt phong trào cách mạng, diện bắt bớ lan rộng ra toàn tỉnh. Chúng tập trung đánh phá cơ quan Tỉnh ủy đóng ở Hội An, Duy Xuyên, bắt được một số đồng chí tỉnh ủy viên, truy tầm gắt gao các đồng chí Võ Chí Công, Nguyễn Sắc Kim. Tuy vậy, hai đồng chí vẫn bám trụ hoạt động, củng cố cơ sở ở Tam Kỳ, tiếp tục ra báo *Cờ độc lập*.

Có thể nói, thời gian từ cuối năm 1939 cho đến lúc bị bắt vào tháng 10-1943, đồng chí Võ Chí Công là người "đứng mũi chịu sào" trong phong trào cách mạng của Quảng Nam - Đà Nẵng, có công lớn trong việc khôi phục và phát triển phong trào cách mạng ở địa phương nói riêng và các tỉnh Trung Trung Bộ nói chung.

Những năm tháng bị giam ở nhà lao Hội An và nhà đày Buôn Ma Thuột, đồng chí Võ Chí Công luôn giữ vững ý chí cách mạng, và là một trong những tù nhân luôn ủng hộ và tham gia đấu tranh chống lại chế độ giam cầm hà khắc của địch. Sau khi biết tin tù chính trị Quảng Nam gồm Trần Văn Quế, Nguyễn Tiến Chế... chuẩn bị lên kế hoạch vượt ngục, về lãnh đạo phong trào cách mạng ở Quảng Nam, đồng chí Võ Chí Công đã căn dặn các đồng chí: "Về cố gây dựng lại phong trào, liên lạc với Nguyễn Thị Lan - Bốn Phiên ở Tịch Tây nhé (cơ sở do đồng chí Võ Chí Công xây dựng trước đó). Bọn mình đã ra được số báo *Cờ độc lập* số 10 rồi, các cậu về phải ra bằng được số 11.

Phía Bắc thì liên lạc với anh Bảy Phe (Nguyễn Tấn Ưng) thợ mộc ở Kim Bồng"[1].

Vì vậy, sau khi vượt ngục thành công, đồng chí Trần Văn Quế, Nguyễn Tiến Chế nhanh chóng bắt nối xây dựng cơ sở cách mạng ở Tam Kỳ, sau đó liên lạc được với đồng chí Nguyễn Tấn Ưng, Bí thư Thành ủy Hội An thành lập lại Tỉnh ủy Quảng Nam tháng 4-1944. Đó là sự chuẩn bị về tổ chức cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), đồng chí Võ Chí Công ra tù về tham gia phong trào cách mạng tại địa phương, làm Trưởng ban khởi nghĩa tỉnh Quảng Nam. Đồng chí được phân công về chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ở Hội An và đã góp phần đưa cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại thị xã Hội An thành công vào sáng ngày 18-8-1945, sớm hơn kế hoạch ban đầu, đưa Quảng Nam trở thành một trong những tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong cả nước. Sau đó, đồng chí chỉ huy lực lượng đi hỗ trợ cho lực lượng khởi nghĩa giành chính quyền ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước...

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Quảng Nam là do sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng mà trực tiếp là Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, trong đó

---

1. Dẫn theo: *Trang đời* - Hồi ký của đồng chí Trần Văn Quế, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, xuất bản năm 2001, tr. 77.

có dấu ấn vai trò quan trọng của đồng chí Võ Chí Công - người chiến sĩ cộng sản kiên cường luôn "đứng mũi chịu sào" trong lãnh đạo, khôi phục và phát triển phong trào cách mạng ở Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm trước cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

ANH CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI VIỆC KHÔI PHỤC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở QUẢNG NAM TRONG NHỮNG NĂM GIAN KHÓ

TRƯƠNG MINH TÂN*

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, anh Võ Chí Công có nhiều đóng góp trong việc khôi phục phong trào cách mạng ở Quảng Nam những năm 1940 - 1943.

Năm 1941, phong trào cách mạng ở Quảng Nam phát triển sôi nổi, sâu rộng, nhưng khi bị địch đánh phá, hầu hết phủ ủy, huyện ủy đều bị vỡ; năm 1942 lại bị vỡ, từ Quế Sơn đến Tiên Phước, Đại Lộc, Đà Nẵng. Phần lớn cán bộ, đảng viên đều bị địch bắt, cầm tù. Bấy giờ, các nhà lao trong tỉnh, như Vĩnh Điện, Hội An đầy ắp tù chính trị và sau đó một số bị đưa đi an trí hoặc đày đi Ly Hy, Trà Khê, Buôn Ma Thuột, Hỏa Lò...

---

* Nguyên Uỷ viên Ban Thường vụ, nguyên Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Quảng Nam, nguyên Trưởng ban Khoa giáo Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng. Bài viết này được lược trích từ ý kiến phát biểu của đồng chí tại cuộc Hội thảo về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Chí Công do Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Đà Nẵng tổ chức vào năm 1998. Đầu đề do Ban tổ chức đặt.

Trong thời gian này, anh Võ Chí Công làm Bí thư Tỉnh ủy; Tỉnh ủy chỉ có các anh Võ Chí Công (bí danh Xuân), Nguyễn Sắc Kim (Đông), Trương An (Thu), Huỳnh Cự (Hạ) nhưng các đồng chí khôi phục, phát triển, xây dựng phong trào rất nhanh. Anh Võ Chí Công không chỉ quan tâm đến việc khôi phục phong trào của Quảng Nam mà còn cử anh Long (Trì, ở phủ Duy Xuyên) vào xây dựng một chi bộ ở Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (Sau đó, chi bộ bị bể vỡ, anh Long phải về lại Quảng Nam thì bị địch bắt).

Từ tháng 10-1943, sau khi các anh Võ Chí Công, Nguyễn Sắc Kim bị bắt, tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam chỉ còn một bộ phận ở Hội An do anh Nguyễn Tấn Ưng phụ trách. Tháng 3-1945, Nhật đảo chính Pháp, anh em tù chính trị được ra tù, trở về khắp các phủ, huyện. Nhờ lực lượng này, nên việc khôi phục phong trào diễn ra rất nhanh, chỉ trong thời gian mấy tháng, hầu hết các phủ, huyện đều lập lại phủ ủy, huyện ủy; Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cũng được xây dựng ở nhiều xã. Đó chính là cơ sở để khi có lệnh của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh thì việc khởi nghĩa giành chính quyền trên địa bàn tỉnh diễn ra thắng lợi trong thời gian rất ngắn. Thành công đó có sự đóng góp của anh Võ Chí Công đối với việc khôi phục phong trào cách mạng của Quảng Nam những năm 1941 - 1943.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi không có dịp tiếp xúc nhiều với anh Võ Chí Công. Khi Đại hội Đảng bộ Liên khu ủy 5 (tháng 7-1951), tổ chức tại An Lão, tỉnh Bình Định, tôi làm Bí thư Huyện uỷ Đại Lộc

được đi dự Đại hội cùng Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam do anh Hồ Nghinh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn. Tại Đại hội này, anh Võ Chí Công trúng cử vào Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu 5, với số phiếu rất cao.

Tháng 3-1952, trên cương vị Liên khu ủy viên, anh Võ Chí Công được Ban Thường vụ Liên khu uỷ phân công về làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng. Lúc anh về, tình hình địa phương gặp nhiều khó khăn, như hạn hán rồi lũ lụt gây ra nạn đói trên diện rộng, địch tăng cường chiêu an, dồn dân. Đứng trước tình hình đó, anh đã chỉ đạo quyết liệt và đạt kết quả, trong đó đáng chú ý là phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất và tập trung giải quyết tình hình nhân dân bị đói, đánh bại chính sách chiêu an, dồn dân của địch.

Sau năm 1975, một vấn đề có tính đột phá trong lĩnh vực phát triển kinh tế mà chúng ta thường gọi là cởi trói cho nông dân trong thời kỳ xây dựng hợp tác nông nghiệp là việc Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm trực tiếp đến nhóm và người lao động. Thời điểm đó, tôi có ra Hải Phòng công tác, một hôm, đồng chí Trưởng ban Khoa giáo Thành ủy Hải Phòng kể chuyện về anh Võ Chí Công với sự kính trọng, thán phục. Xã Đồ Sơn hay còn gọi Cao Sơn, do Hợp tác xã làm ăn không hiệu quả, nhân dân đói phải tha phương cầu thực, khoản đóng góp cho địa phương giảm dần. Trước tình hình đó, Đảng ủy xã chủ trương giao đất cho nông dân làm trong ba năm, kết quả sản xuất ngày càng khá lên, lần lượt số tha phương cầu

thực trở về quê làm ăn, đời sống được cải thiện, khoản đóng góp cho địa phương cũng khá. Đảng ủy tìm cách giấu Thành ủy Hải Phòng nhưng không thể giấu mãi được, đành báo cáo thực cho Thành ủy Hải Phòng. Thành ủy Hải Phòng cũng giấu không cho Trung ương biết.

Trong lúc đó, anh Võ Chí Công về, trong buổi nói chuyện với Thành ủy, các đồng chí Thành ủy báo cáo lại chuyện Đồ Sơn, anh Võ Chí Công nghe vậy liền khai thác và các đồng chí Thành ủy trình bày hết sự việc. Nghe xong, anh bảo các đồng chí Thành ủy dẫn trực tiếp xuống Đồ Sơn, gặp trực tiếp cán bộ, xã viên. Sau khi nghe báo cáo, anh Võ Chí Công nói: Chúng tôi có trách nhiệm về báo cáo với Ban Bí thư; nhưng hiện nay Thường trực Ban Bí thư bận giải quyết vụ đồng chí Kim Ngọc (Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú) nên sợ Ban Bí thư không chấp nhận. Anh Võ Chí Công về báo cáo, được anh Trường Chinh đồng ý và bàn cách đi xuống xem thử. Một lần nữa anh Võ Chí Công trực tiếp xuống xã nắm tình hình một cách cụ thể rồi về báo cáo lại. Từ đó, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ra đời.

Điều phải khẳng định rằng, anh Võ Chí Công là người nhạy bén trước yêu cầu bức thiết của xã hội nói chung và nông dân nói riêng. Thường phần nhiều chúng ta nói cho bên dưới nghe nhiều hơn nghe bên dưới nói, nghe những sáng kiến của bên dưới càng ít. Nhưng ở anh Võ Chí Công, anh nghe nhiều hơn nói, nghe cặn kẽ, nhất là những chuyện sáng tạo, linh hoạt ở cơ sở.

Anh Võ Chí Công là người rất liêm chính, chúng ta cần lấy tấm gương về đạo đức của anh để học tập. Hiện nay, không kể cấp trên hay cấp dưới, dân chúng đều phê phán bản thân một ai đó hoặc con cái ai đó, nhà cửa giàu có, mua nhà mấy ngàn cây vàng... Người ta không nói trước mặt mà nói sau lưng, bàn tán đủ chỗ, làm giảm uy tín của Đảng. Đối với anh Võ Chí Công, tôi chưa nghe ai nói, chưa nghe ai phê phán anh, phải chăng đó là cái ưu, một đức tính rất tốt mà chúng ta cần nói và rất cần thiết để giáo dục cho thế hệ trẻ về đạo đức của người cán bộ, đảng viên.

CẦN CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC ĐẢNG, TRƯỚC DÂN

LÊ SÁU *

Thực hiện chủ trương của Trung ương, tháng 5-1955, Liên khu 4 chuyển các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên về Liên khu 5. Không bao lâu sau sự kiện này, chính xác là vào ngày 28-8-1955, tôi được bổ sung vào Tỉnh ủy Thừa Thiên, làm Bí thư Huyện ủy Phú Lộc.

Khoảng tháng 11-1955, sau khi tiến hành ổn định bộ máy tổ chức và chuyển quân tập kết ở các tỉnh phía Nam, đồng chí Võ Chí Công (bấy giờ gọi là Võ Toàn) từ An Lão, tỉnh Bình Định ra vùng chân núi Bạch Mã, tỉnh Thừa Thiên hợp nhất với bộ phận của đồng chí Trần Lương (Trần Nam Trung) từ miền Bắc vào trước đó hình thành cơ quan Liên khu ủy và Văn phòng Liên khu ủy Khu 5. Vùng chân núi Bạch Mã lúc này thuộc địa bàn do tôi phụ trách. Đồng chí Trần Lương giữ chức Bí thư, đồng chí Võ Chí Công giữ chức Phó Bí thư Liên khu ủy.

---

* Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế.

Để phục vụ cho công tác lãnh đạo một cách sâu sát, hiệu quả, đồng chí Võ Chí Công đã trực tiếp đi kiểm tra, nắm tình hình cơ sở và cả đời sống, tư tưởng của nhân dân, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên trong vùng. Nhiều lần đồng chí xuống tận vùng địch kiểm soát và để đề phòng kẻ xấu, đồng chí phải cải trang. Tôi nhớ một lần gặp đồng chí tại làng Trung Kiền (nay thuộc xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc), tôi không dễ nhận ra ngay, bởi trước mặt mình là một bác tiều phu, vác rựa dài đi rừng về. Với cách hóa trang này, đồng chí đã tạo được sự bí mật, hợp với hoàn cảnh rừng núi.

Tại một cuộc họp của bộ phận Thường trực Liên khu ủy, đồng chí Võ Chí Công đã nêu ý kiến về việc tổ chức đường dây liên lạc, tiếp tế cho Liên khu, tổ chức trạm trung chuyển; đồng thời cần có chủ trương giữ cho được dân, tạo niềm tin cho dân, động viên nhân dân che chở bảo vệ cơ sở; xây dựng hậu cứ an toàn cho cách mạng. Đồng chí nói: "Việc tổ chức đường dây liên lạc, tiếp tế, nối với Trung ương, nối đồng bằng và miền núi thì Phú Lộc có nhiều ưu thế... Sở dĩ như thế là vì trước khi ra đây tôi đã nghiên cứu, tìm hiểu kỹ rồi, đây là vùng miền núi an toàn, là căn cứ địa của Liên khu ủy. Tôi tin Phú Lộc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình".

Để thực hiện chủ trương trên, Liên khu ủy đề nghị Tỉnh ủy Thừa Thiên và Huyện ủy Phú Lộc bàn giao Chi bộ Vĩnh Lộc và địa bàn Vĩnh Lộc làm căn cứ tiếp tế, liên lạc cho Liên khu ủy 5 và giao cho Huyện ủy Phú Lộc phụ trách.

Nơi ở và làm việc của cơ quan Liên khu ủy và đồng chí Võ Chí Công là những lán trại, lúc đầu là các trại nhỏ, về sau nhiều người nên chật chội bất tiện nên làm lán lớn, có chiều dài 5m, ngang 3m, lợp bằng lá cây đùng đình, lá cây bụi. Nơi nằm là những vỏ cây ươi núi đập dập, căn ra. Trong trại có bếp nấu ăn, có lúc dùng 3 hòn đá, có lúc đóng 3 cây làm trụ. Lương thực, thực phẩm dự trữ, đặc biệt quý là cá hộp. Để tự túc một phần, cán bộ, chiến sĩ còn tăng gia sản xuất. Cuộc sống vô cùng vất vả, thiếu thốn nhưng anh em, từ lãnh đạo đến người phục vụ đều vui vẻ, chia sẻ cho nhau.

Để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo hai thành phố lớn Đà Nẵng và Huế nên từ cuối năm 1955, cơ quan chuyển từ phía tây Thừa Thiên vào phía tây Quảng Nam đóng tại Trung Man. Sau khi cơ quan Liên khu ủy vào địa điểm mới, tôi có vào đây hai lần. Lần thứ nhất là vào tháng 11-1956, đi cùng có đồng chí Lê Cương (Kỳ) là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, với nhiệm vụ báo cáo tình hình tỉnh Thừa Thiên cho Thường vụ Liên khu ủy. Đoàn chúng tôi đi mấy ngày liền thì vào đến nơi, tôi nhớ là ở làng Điềm. Ở đây có lán trại, nhà ăn, nhà làm việc... tất cả đều đơn sơ. Chúng tôi đến và được gặp đồng chí Võ Chí Công trong một lán trại gọn gàng, ngăn nắp nhưng nhỏ hơn lán trại ngoài Bạch Mã. Ở đây mấy ngày, chúng tôi cùng tham gia mọi sinh hoạt với anh em cán bộ, chiến sĩ Liên khu ủy, kể cả sinh hoạt chính trị.

Lần thứ hai vào cơ quan Liên khu ủy, đúng vào lúc trời mưa, ai cũng ướt sủng, lạnh cóng người. Thấy vậy, đồng chí Võ Chí Công hỏi: "Trời mưa, gió lạnh như thế này, gia đình bị hành hạ tra tấn sao các anh vẫn cứ đeo đẳng với Đảng mãi vậy hả?". L. P. T. - Tỉnh ủy viên - một thành viên trong đoàn, nhanh nhảu chạy vào bắt tay đồng chí Võ Chí Công và trả lời: "Điều đó dễ hiểu thôi anh ơi, vì Đảng đem lại quyền lợi, bảo vệ cho chúng em". Khi T. nói đến đây, đồng chí Võ Chí Công nghiêm nghị nhìn....

Tiếp đó, anh Võ Chí Công gọi tôi lên (lúc này tôi lấy tên là Cần) và cũng với câu hỏi ấy. Tôi trả lời: "Thưa anh, làng em nghèo, cha ông bị áp bức, bóc lột nên em căm thù bọn đế quốc phong kiến, muốn đánh đổ bọn chúng, nhưng muốn đánh đổ được chúng cần phải có sự lãnh đạo, dẫn đường của Đảng. Dù có khó khăn hy sinh vẫn luôn theo Đảng"

Sau đó, trong bữa cơm trưa, đồng chí Võ Chí Công lại hỏi đồng chí Cương:

- Nếu Đảng không đem lại quyền lợi, không bảo vệ được tính mạng cho anh thì anh có quyết tâm theo Đảng hay không ?

Anh Cương trả lời với vẻ tâm huyết, thể hiện lòng quyết tâm theo Đảng đến cùng của mình. Đồng chí Võ Chí Công còn dặn dò thêm: "*Các anh nên chú ý coi chừng anh T. đó*". Tôi nghĩ, đồng chí Võ Chí Công trong những lần gặp gỡ, hỏi những câu như thế là vừa để tâm sự, vừa để tìm hiểu động cơ của những người cách mạng thực sự trong giai đoạn khó khăn ác liệt này. Quả nhiên đúng như

lời dặn dò, giống như lời tiên đoán, đến tháng 5-1957, T bị địch bắt và đã khai báo, đầu hàng địch, phản lại Đảng.

Chiều ngày hôm đó, dưới sự chủ trì của đồng chí Võ Chí Công, chúng tôi báo cáo tình hình cách mạng của địa phương và nội tình của Tỉnh uỷ Thừa Thiên. Đồng chí động viên: "Tỉnh ủy lúc này chỉ còn mấy đồng chí, cần cố gắng vượt qua khó khăn, rút kinh nghiệm từ cách thức hoạt động và chiến đấu lâu nay. Đặc biệt các đồng chí với vai trò, vị trí của mình cần chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Lúc này, việc cần kíp phải làm là bảo vệ cơ sở, bảo vệ Đảng, bảo vệ quần chúng và nhân dân". Đồng chí hỏi: "Sao lâu rồi ta chưa kết nạp được đảng viên nào?", và dặn: "Công tác bí mật không phải là che giấu mà chú ý xây dựng và giữ gìn lực lượng, các chú là người đi đầu, cần phải đưa chủ trương này vào thực tế".

Xen lẫn vào các câu hỏi, đồng chí nhấn mạnh: "Ta chiến đấu, hy sinh nhưng đã làm gì, để lại gì cho Đảng". Câu nói ấy cứ xoáy sâu vào tâm trí của tôi cho đến bây giờ.

Cũng tại buổi làm việc hôm đó, đồng chí Võ Chí Công đã nói đến 5 bước công tác cách mạng để đi vào quần chúng cũng là cách thức thực hiện trong tình hình thực tế bấy giờ, cụ thể:

- Hướng dẫn quần chúng đi theo cách mạng, thử thách họ như thế nào, xem và biết họ là ai, tìm hiểu kỹ về động cơ, tâm tư tình cảm của họ. Để từ đó vận động đưa họ ra hành động, thông qua họ tập hợp lực lượng, tạo lực lượng cho cách mạng, cho Đảng.

- Lấy việc bảo vệ, xây dựng Đảng làm cốt lõi, chứ Tỉnh ủy có mấy đồng chí, bảo vệ mình chưa xong lấy gì bảo vệ cho Đảng.

- Đối với những người làm cách mạng như các đồng chí cần tự kiểm tra mình qua các bài xã luận, báo Nhân Dân.

- Cần phải đào tạo người để thay mình thực hiện nhiệm vụ khi mình hy sinh trên chiến trường.

- Lúc này công việc cấp thiết nhất là phải dựa vào địa hình rừng núi, xây dựng căn cứ cho cách mạng và đề cao tính an toàn.

Sau buổi làm việc, đồng chí còn dặn dò chúng tôi nhiều điều và gửi cho mấy bao thuốc lá làm quà. Sau đó, chúng tôi trở lại Thừa Thiên, trên đường về cơ quan có ghé thăm trạm trung chuyển của Chi bộ Vĩnh Lộc, kiểm tra công tác vận chuyển và gửi quà của đồng chí Võ Chí Công đến các đồng chí trong Chi bộ và động viên các đồng chí hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Sau chuyến đi này, tôi được Tỉnh ủy phân công làm Bí thư Huyện ủy Phú Vang, địa bàn khó khăn nhất của Thừa Thiên lúc này. Những lời đồng chí Võ Chí Công dặn dò giúp tôi thêm vững vàng trước những khó khăn, thử thách trên cương vị công tác mới. Tôi đã học được tấm gương đạo đức, tác phong làm việc của một người lãnh đạo.

Phan Xuân Quang ghi

NHỚ MÃI MỘT LẦN GẶP ANH

HOÀNG LANH *

Tôi nghe tên anh Võ Chí Công (Năm Công) từ khá lâu khi anh còn mang tên Võ Toàn, là một trong những cán bộ lãnh đạo kiên cường của Quảng Nam - Đà Nẵng, của Khu 5.

Tôi được gặp anh, được nghe ý kiến chỉ đạo trực tiếp của anh khi tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị theo chỉ đạo của Trung ương, tách ra khỏi Liên khu 4 sáp nhập vào Liên khu 5 từ tháng 5-1955.

Những năm 1964 - 1966, khi làm Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Huế, phụ trách công tác đấu tranh ở nội thành, tôi vào cơ quan Khu ủy 5 đóng ở vùng núi phía tây của tỉnh Quảng Nam (lúc này không còn gọi là Liên khu 5) dự hai hội nghị và cả hai lần đều được gặp anh Năm Công. Lần gặp gỡ nào cũng để lại trong tôi nhiều ấn tượng sâu sắc về người lãnh đạo cao nhất của Khu 5 bấy giờ.

Riêng lần thứ hai, tôi vào cơ quan Khu ủy 5 để dự Hội nghị tổng kết công tác đấu tranh chính trị, có mặt các

---

* Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, Bí thư Thành ủy Huế.

đoàn đại biểu từ tỉnh Quảng Trị đến Phú Yên do Khu ủy tổ chức vào khoảng tháng 2-1966, sau Tết Bính Ngọ. Anh Năm Công - Bí thư Khu ủy, anh Bảy Hữu (Nguyễn Xuân Hữu) - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy chủ trì Hội nghị quan trọng này. Đây là thời điểm quân Mỹ đã vào miền Nam, cho nên đấu tranh chính trị được coi là phương châm quan trọng bảo đảm giữ được thế hợp pháp cho quần chúng; các phong trào đấu tranh của thanh niên, học sinh, sinh viên, trí thức, tiểu thương, tôn giáo tại các đô thị ở miền Nam nói chung và Khu 5 nói riêng đang lớn mạnh cần có sự tổng kết, rút kinh nghiệm và chỉ đạo để đưa phong trào phát triển lên một bước mới.

Tôi vào đến vùng núi phía tây huyện Đại Lộc thì chứng kiến cảnh máy bay Mỹ dội bom trúng một cơ sở đặt điện đài của Khu uỷ. Nhưng nghe tin đoàn đại biểu các tỉnh về dự hội nghị, anh đến thăm, bắt tay từng thành viên trong đoàn của tỉnh Thừa Thiên Huế, sau đó hỏi thăm tình hình địa phương và cả chuyện đi đường, ăn uống, nghỉ ngơi như thế nào. Đối với tôi, đây là sự động viên kịp thời, khích lệ tinh thần với một cán bộ đang công tác ở địa phương như tôi.

Trước khi vào hội nghị, anh Năm Công giới thiệu tôi - một cán bộ của thành phố Huế với Đại đức Thích Giác Lượng (người Phú Yên), anh Hồ An và anh Mười Chấp (người Quảng Nam) trong thành phần Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Trung Trung Bộ để chúng tôi làm quen, trao đổi và phối hợp với nhau trong công tác khi cần thiết.

Sau đó, anh đề nghị tôi báo cáo tình hình xây dựng, tập hợp đội ngũ trí thức ở Huế để chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh chính trị sắp đến. Tôi báo cáo cặn kẽ với anh những việc làm được và những khó khăn đang gặp phải. Tôi cùng một số anh em ở Huế đã vận động, xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong thành phần trí thức, tôn giáo. Tôi nói thêm, phong trào đấu tranh chính trị ở Huế có sự phối hợp rất chặt chẽ với phong trào đấu tranh ở Đà Nẵng, nhất là trong tầng lớp trí thức, tiểu thương. Anh Năm Công chú ý lắng nghe, có lúc đề nghị tôi giải thích thêm.

Anh Năm Công còn dặn tôi, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế thuộc Khu ủy, do đó mọi việc chỉ đạo phong trào cần phải thống nhất với Khu ủy 5 về chủ trương, biện pháp và phối hợp nhịp nhàng khi đấu tranh nổ ra. Anh cũng phân tích sự cần thiết phải kết hợp phong trào đấu tranh giữa Huế và Đà Nẵng thành một chiến trường, coi thanh niên, học sinh, sinh viên, trí thức, tôn giáo, tiểu thương là lực lượng nòng cốt nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của quần chúng.

Anh hỏi: Trong sinh viên có cốt cán không? Tôi nói với anh là Huế đã có cốt cán, như chị Phạm Thị Xuân Quế (chị Quế sau đó phụ trách tổ chức giành quyền sống năm 1966) cùng với anh Lê Công Cơ (Lê Phương Thảo), Hoàng Kim Loan và một số cốt cán khác. Họ đã tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân đấu tranh dưới hình thức công khai, bán công khai nên phong trào ngày càng lớn mạnh.

Cũng tại hội nghị này, anh Năm Công cho gọi anh Lê Công Cơ, lúc này cũng tham gia hội nghị với tư cách là

thành viên trong đoàn đại biểu của thành phố Đà Nẵng lên gặp và giao nhiệm vụ cho anh Cơ chuyển công tác ra Huế. Anh Lê Công Cơ trước đó từng hoạt động trong phong trào sinh viên Huế và đã xây dựng được nhiều cơ sở ở Huế. Anh động viên anh Cơ: Ở đâu người đảng viên cũng vinh dự cả!

Tại Hội nghị, có nhiều đại biểu có ý kiến khác nhau được đưa ra thảo luận nhưng vẫn chưa tìm được phương cách hiệu quả nhất bảo toàn được lực lượng đấu tranh khi phải đương đầu với cả Mỹ lẫn ngụy. Anh Năm Công nhấn mạnh phải phối hợp hai chân (*vũ trang, chính trị*) và ba mũi giáp công (*vũ trang, chính trị và binh vận*) trên ba vùng chiến lược (*rừng núi, thành thị và nông thôn*) tạo thế và lực vững mạnh, trong đó phải vận dụng đủ ba phương thức đấu tranh: hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp. Anh kết thúc hội nghị sau năm ngày thảo luận sôi nổi, bằng một tuyên bố dõng dạc: "Mùa khô vừa rồi ta đã cầm cự được với Mỹ. Nếu mùa khô tới (cuối năm 1966) mà ta vẫn giữ được thế chủ động trên chiến trường kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận ở đô thị thì sẽ làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh".

Tôi thấy anh truyền đạt, chỉ đạo rất sâu sắc, nhất là vận dụng tốt phương châm đấu tranh "*hai chân, ba mũi giáp công*" kết hợp với phương thức đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp. Ai cũng sáng ra và tin tưởng vào phong trào đấu tranh chính trị trong thời gian đến.

Để giúp Huế chỉ đạo tốt hơn phong trào đấu tranh ở đô thị, anh bố trí anh Bảy Hữu ra Huế để cùng chúng tôi nắm tình hình, chỉ đạo phong trào và tổng kết kinh nghiệm đấu tranh, xác định phương thức tập hợp lực lượng và đấu tranh cho thích hợp. Một thời gian sau, anh Hữu về lại cơ quan Khu ủy 5 lãnh đạo phong trào. Đến năm 1971, anh Bảy Hữu trở thành chuyên gia phát động quần chúng đấu tranh chính trị.

Tháng 4-1966, nhằm chuẩn bị lại chiến trường trong điều kiện quân Mỹ đã trực tiếp vào miền Nam, Trung ương quyết định tách các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế ra khỏi Khu 5 và lập Khu ủy Trị - Thiên trực thuộc Trung ương. Từ đây, tôi không còn trực tiếp công tác với anh Năm Công, nhưng những ý kiến chỉ đạo của anh trong Hội nghị đấu tranh chính trị vào tháng 2-1966 đã được chúng tôi vận dụng vào việc tổ chức và chỉ đạo đấu tranh chính trị ở Huế trong những năm sau đó và đạt nhiều thắng lợi, được Bộ Chính trị công nhận, đánh giá phong trào đấu tranh Huế là ngòi pháo...

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, anh Năm Công ra công tác ở Trung ương, tôi ít được gặp anh, nhưng những hoạt động chỉ đạo của anh, nhất là trong các lĩnh vực anh phụ trách (như: hải sản, nông nghiệp, sửa đổi Hiến pháp...), tôi vẫn được biết, tôi rất kính phục khả năng linh hoạt, sáng tạo, tổng kết thực tiễn của anh.

Gặp anh không nhiều nhưng tôi nhận thấy anh là người lãnh đạo rất kiên cường, giải quyết công việc có tình, có lý, tạo điều kiện giúp đỡ anh em trưởng thành về mọi

mặt, tạo lòng tin cho anh em hăng say hơn trong công tác và chiến đấu. Anh rất gần gũi quần chúng, thương yêu cán bộ và luôn khuyên nhủ chúng tôi giữ gìn tinh thần đoàn kết nội bộ. Tôi đã tìm thấy ở con người anh những phẩm chất cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Phan Xuân Quang
ghi theo lời kể của đồng chí **Hoàng Lanh**

VÀI KỶ NIỆM NHỎ VỚI ANH NĂM CÔNG

NGUYỄN VĂN LƯƠNG *

Sau Hiệp định Pari, tôi gặp anh Năm Công khi anh trên đường ra Bắc, ghé lại thăm Tỉnh uỷ Quảng Trị đang đóng tại Cam Lộ. Lúc này, sau cuộc tiến công và nổi dậy mùa hè năm 1972, tỉnh Quảng Trị đã được giải phóng hơn một nửa. Tên tuổi anh, tôi đã được nghe từ lâu nhưng đến tận bây giờ mới được diện kiến. Cảm giác đầu tiên của tôi về anh đó là một con người giản dị, thật dễ gần.

Cuộc gặp diễn ra đã gần 40 năm rồi, lâu quá tôi không còn nhớ được nhiều nhưng một điều tôi không quên là anh chuyện trò rất thân tình, cởi mở. Anh Năm Công bảo: "Quảng Trị may mắn được giải phóng trước trong kia, mong các anh tạo điều kiện làm sao sau này giúp đỡ các tỉnh phía trong". Tôi trả lời: "Thưa anh, Quảng Trị hiện giờ có ba cái không: không lương thực, không nhà ở, không đất sản xuất (vì bom mìn còn lại)". Anh cười rất hiền rồi nói: "Nói vậy thôi chứ mình cũng biết rồi. Trong ba cái

---

* Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên.

không ấy, trước hết phải giải quyết cái ăn, cái ăn ở đây cần chú ý đến màu". Lần tiếp xúc đầu tiên ấy khắc sâu trong tôi ấn tượng về một con người thật giản dị, dễ gần.

Tỉnh uỷ muốn sắp xếp anh đi thăm Cửa Việt - nơi vừa trải qua những trận đánh lớn trong mùa hè năm 1972, nơi ta bắt sống 14 xe tăng, thiết giáp của quân địch còn nằm ngổn ngang để anh có dịp chứng kiến chiến thắng vang dội này. Nhưng khi biết lịch trình đi về mất một ngày, anh Năm Công bảo thôi, anh có việc cần phải ra Hà Nội gấp. Hỏi ra chúng tôi mới biết anh đang lo ngại về sự xuất hiện của một số tư tưởng hữu khuynh. Số là sau Hiệp định Pari, một vài nơi khi địch hành quân lấn chiếm, chúng định xé cờ giải phóng thì nhân dân đấu tranh: "Nhà tôi, tôi ở, cờ tôi tôi treo, các ông có quyền gì mà đòi xé", chúng lại thôi. Từ những động thái như vậy, trong hàng ngũ lãnh đạo của ta đã xuất hiện tư tưởng không cần đánh nữa, chỉ cần đấu tranh binh vận để thắng quân địch. Vì vậy, anh Năm Công cần phải ra Hà Nội gấp để đề nghị Bộ Chính trị sớm ngăn ngừa những luận điểm nguy hiểm này. Thực tế cho thấy, tinh thần cảnh giác cách mạng cao và tư tưởng tiến công mà anh luôn thường trực đã góp phần cho Đảng ta không vấp phải những sai lầm, vấp váp lớn khi ngụy quyền Sài Gòn thực hiện kế hoạch "*tràn ngập lãnh thổ*" hòng chiếm lại những vùng đất mà ta vừa giải phóng được.

Lần thứ hai tôi được gặp anh Năm Công là dịp không lâu sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Một hôm, anh Hồ Sĩ Thản - Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị bảo tôi thay mặt lãnh đạo tỉnh vào Đà Nẵng cảm ơn nhân dân và các

anh lãnh đạo lâu nay đã cưu mang đồng bào Quảng Trị vì bom đạn đã chạy loạn vào trong ấy. Cơ quan Khu ủy 5 lúc này đã chuyển về Đà Nẵng. Lâu ngày, được gặp lại một người anh lớn, tôi hết sức xúc động, vui sướng. Nghe tôi trình bày xong, anh Năm Công bảo: "Các anh Quảng Trị có tình có nghĩa như thế là tốt rồi. Dân ở đâu cũng là dân mình thôi. Dẫu các anh không vào thì trong này cũng lo liệu bằng cách vận động người địa phương giúp đỡ bà con chạy loạn. Nếu muốn cảm ơn, phải xuống tận các gia đình đã từng giúp đỡ đồng bào Quảng Trị". Anh nói vậy chứ tôi biết gia đình nào mà đi thăm để báo lại với anh. Nói rồi anh hỏi thăm đồng bào Quảng Trị giờ đã ổn định được cuộc sống chưa. Tôi thưa với anh là những vùng giải phóng từ năm 1972 giờ cuộc sống của nhân dân đã ổn định, từ ba không đã chuyển qua ba có: đã có lương thực, có nhà, có đất sản xuất. Nhà thì nhờ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình chuyển luồng, tranh tre nứa lá vào làm giúp; đất thì nhờ bộ đội, du kích rà phá bom mìn, tháo gỡ tới đâu sản xuất tới đó. Cũng may là nhờ ruộng đất bỏ hoang hóa lâu ngày nên sản xuất rất tốt, mùa màng được nên nhân dân cũng đủ lương ăn. Nghe rồi anh cũng lưu ý thêm về công tác ổn định tư tưởng cho bà con chạy loạn lâu ngày nay đang và sắp hồi hương để bà con không ngã lòng trước cảnh đổ nát của quê hương sau một cuộc chiến dài ngày, đầy khốc liệt. Ngồi nghe anh căn dặn tôi càng thấm thía tình cảm và tầm nhìn của anh với quê hương Quảng Trị.

Cho đến bây giờ, tôi chỉ gặp anh Năm Công hai lần như đã kể nhưng ảnh hưởng của anh đối với chúng tôi

không chỉ có vậy. Sau ngày thống nhất đất nước, anh được Trung ương điều ra làm Phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp. Tỉnh Bình Trị Thiên được thành lập, tôi được cử làm Phó Chủ tịch rồi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy không có dịp được gặp nhưng từ những chỉ đạo chung của anh trên các lĩnh vực thuỷ sản, nông nghiệp đã giúp tỉnh chúng tôi tháo gỡ được rất nhiều khó khăn trên mặt trận này. Nghe anh em đi dự hội nghị ở Trung ương về kể lại anh rất hiểu vùng ven biển Bình Trị Thiên, hiểu rất rõ thế mạnh thủy sản của địa phương cả trên đất liền lẫn dưới biển, hiểu cả nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thuỷ sản, anh em rất kính phục. Tự trong tâm khảm, tôi luôn nhớ về anh - một con người hiểu biết rộng, chân tình, cởi mở và luôn có quan điểm đúng đắn trong mọi bước đi của phong trào cách mạng.

Duy Hiển

ghi theo lời kể của đồng chí **Nguyễn Văn Lương**

NHỮNG KỶ NIỆM SÂU SẮC VỀ ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG KÍNH MẾN

NGUYỄN HỮU HỒ (NGUYỄN XUÂN KHANH) *

Gần cuối năm 1939, ở Quảng Nam, phản ứng trước cao trào cách mạng đang dâng cao, địch hoảng hốt thẳng tay đàn áp, khủng bố ác liệt khắp nơi. Nhiều nơi cơ sở bị bể vỡ, nhiều quần chúng cách mạng bị bắt tù đày, tra tấn dã man. Phủ ủy Tam Kỳ chỉ còn hai đồng chí là Võ Chí Công (Võ Toàn) và Nguyễn Sắc Kim, nhưng cũng bị địch truy nã gắt gao, phải thường xuyên lẩn tránh, tìm cách móc nối gây dựng lại phong trào.

Lửa thử vàng, một số đảng viên và cơ sở cách mạng còn lại vẫn giữ vững ý chí, niềm tin tìm cách móc nối liên lạc với cấp trên, quyết tâm củng cố lại phong trào cách mạng tại địa phương.

Trong tình hình căng thẳng, lo lắng, mong đợi thì vào một ngày đầu tháng 1-1940, đồng chí Huỳnh Hòa, Bí thư chi bộ Diêm Trường giao cho tôi nhiệm vụ chuẩn bị ghe để

---

* Nguyên Tỉnh ủy viên Quảng Nam - Đà Nẵng, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng.

tối đi đón "*ông thầy thuốc*" về ở nhà cha mẹ tôi. Tôi vừa mừng vì được giao một nhiệm vụ đặc biệt nhưng cũng rất lo trước sự truy lùng của địch. Tuy vậy, tôi vẫn làm tốt việc này, đưa ghe đến điểm hẹn bờ sông tại xã Vân Trai, khoảng 9 giờ đêm thì bắt được tín hiệu và đưa "*ông thầy thuốc*" lên ghe có mui che. Anh Hòa giới thiệu với tôi đây là phái viên thượng cấp, là anh Xuân (tên gọi của đồng chí Võ Toàn lúc bấy giờ). Ghe chèo suốt 2 tiếng đồng hồ trên sông để anh và anh Hòa làm việc rồi nghe tôi báo cáo kế hoạch đi đường. Xuống ghe đi bộ, luồn lách qua những hẻm tối gai góc, trong tiếng mõ liên hồi của các điếm canh, anh vẫn bình tĩnh về đến nhà cha mẹ tôi an toàn.

Ở đây, anh rất yên tâm, thoải mái trước sự đón tiếp ân cần, chu đáo của cha mẹ tôi. Sáng ra, anh còn nói vui: "Đêm nay được ngủ một giấc ngon quá, lại được ăn cơm ghế khoai lang". Trong không khí thân mật, đầm ấm của gia đình, với nhiệm vụ Tổ trưởng Thanh niên phản đế và giao liên của chi bộ, tôi báo cáo tình hình phong trào thanh niên. Anh chăm chú lắng nghe và ân cần chỉ bảo, động viên tôi là trong hoạt động hiện nay phải rất coi trọng công tác xây dựng Đoàn thanh niên phản đế bí mật, sinh hoạt chặt chẽ, làm nòng cốt, đồng thời chú trọng phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp làm vỏ bọc cho các phong trào. Trước mắt, tuy có khó khăn, dù quân thù khủng bố đến mấy cũng không sao dập tắt được ngọn lửa cách mạng đang bùng cháy khắp nơi, cách mạng nhất định thành công. Tối đến, tôi lại đưa anh lên ghe đi gặp đồng chí Lê Tấn Sửu trên sông giữa hai xã Xuân Quang và An Hòa.

Về sau, tôi được biết lần đi công tác đầy nguy hiểm này của anh là để cùng với đồng chí Nguyễn Sắc Kim móc nối với các đồng chí Lê Tấn Sửu, Đào Thuần Thăng...lập lại Phủ ủy Tam Kỳ do anh làm Bí thư; đến tháng 3-1940, lập lại Tỉnh ủy Quảng Nam, anh được cử làm Bí thư Tỉnh ủy.

Những năm từ 1940 - 1943, Diêm Trường là một trong những nơi có phong trào và cơ sở cách mạng khá vững chắc nên các đồng chí trong Phủ ủy, Tỉnh ủy, trong đó có anh, thường về bám trụ nơi đây công tác, kể cả những lúc khó khăn, địch đánh phá ráo riết. Gia đình cha mẹ tôi (cụ Nguyễn Hậu) và gia đình ông ngoại tôi (cụ Lương Hiệp) và một số gia đình cốt cán nữa đã không ngại hiểm nguy, vẫn tận tình nuôi giấu, bảo vệ anh và các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Phan Tốn, Trương Chí Cương đến ở để công tác, in ấn tài liệu, báo chí cách mạng. Các anh luôn đồng cam cộng khổ, sống chan hòa, tình cảm, nhường nhịn nhau từng củ khoai, miếng cá.

Có lần, mẹ tôi đi mót lúa từ làng Tứ Mỹ xa xôi về, có gạo nấu cơm mời anh thì anh ngồi trầm ngâm ứa nước mắt, không ăn mà đem chia cho các em tôi, rồi anh lấy mấy củ khoai đem về buồng. Anh nói: "Tội nghiệp mấy đứa nhỏ, có khoai cho tôi ăn là quý lắm rồi". Anh thường quan tâm đến tất cả mọi người trong gia đình, hỏi han, chuyện trò, tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho nên ai nấy đều rất thương yêu, quý mến anh. Nếu lâu không thấy các anh đến là lo lắng, sợ gặp rủi ro. Bà nội tôi thường nói: "Mình cực khổ đã đành nhưng rất thương các anh vì dân, vì nước phải chịu đựng gian khổ, thiếu thốn, hiểm nguy".

Đối với tôi, mỗi lần được tiếp xúc với anh đều để lại những ấn tượng tốt đẹp, không bao giờ quên. Anh giáo dục, giác ngộ tôi về con đường cách mạng; về Đảng Cộng sản; về nhiệm vụ và tư cách người đảng viên; anh cũng quan tâm bồi dưỡng tôi về phương thức hoạt động cách mạng, về khí tiết cách mạng, sẵn sàng xả thân vì dân, vì nước. Quá trình được anh, đồng chí Nguyễn Sắc Kim và các đồng chí trong chi bộ giáo dục, rèn luyện, thử thách công tác, vinh dự lớn nhất đến với tôi là tối ngày 20-2-1943, tôi được chi bộ xã Diêm Trường kết nạp Đảng tại một ngôi miếu linh thiêng trong rừng.

Đồng chí Phan Quyện, Bí thư chi bộ tuyên bố kết nạp tôi vào Đảng trước sự chứng kiến của phái viên thượng cấp: Đồng chí Nguyễn Sắc Kim. Tôi nghiêm chỉnh tuyên thệ trước cờ Đảng là tuyệt đối trung thành với Đảng, suốt đời hy sinh phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng, nếu không may sa vào tay giặc, dù có bị tra tấn dã man, thà chết không khai báo, không đầu hàng, giữ trọn khí tiết của người đảng viên cộng sản.

Từ năm 1940 đến đầu năm 1942, phong trào cách mạng xã Diêm Trường phát triển mạnh mẽ, chi bộ có bảy đảng viên, các tổ chức thanh niên, phụ nữ, nông dân phản đế được xây dựng lại và hoạt động tích cực. Các tổ chức biến tướng như: hội ái hữu, vòng đổi công, trợ tang, tương tế, thu hút được nhiều người tham gia. Nhiều cuộc mít tinh phát động quần chúng được tổ chức, có cuộc đến 300 người dự. Anh và các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Lê Bá nói chuyện rất thuyết phục. Thư của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc,

chương trình, điều lệ Mặt trận Việt Minh... được tuyên truyền rộng rãi, dấy lên các phong trào đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, đặc biệt là chống phá lúa trồng đậu phụng, nộp đậu phụng, không cho dân ép dầu phụng, chống bọn lính đồn Thương Chánh, Hiệp Hòa sách nhiễu phạt vạ, cấm dân làm muối, mặt khác ta vận động quyên góp ủng hộ du kích Bắc Sơn.

Phong trào đang sôi nổi, cũng là mục tiêu chú ý của địch, nên từ tháng 2-1942, chúng lại mở đợt khủng bố kéo dài suốt 6 tháng ở nhiều nơi trong phủ Tam Kỳ. Diêm Trường là điểm tập trung đánh phá của địch, lính khố xanh, mật thám lùng sục ngày đêm khắp xã, thôn, ấp, hò hét "*bắt cộng sản*". Tri phủ Tam Kỳ Cáp Văn Úy hăm dọa: "Đứa nào làm cộng sản, nhà nào chứa cộng sản bị lấy đầu, đốt nhà, tịch thu tài sản". Hàng loạt quần chúng, trong đó có đảng viên và hội viên cứu quốc, bị bắt tập trung tại xã, đánh đập, tra tấn dã man. Đồng chí Trần Hồng Khắm bị tra tấn rất tàn nhẫn ngay tại nhà cha mẹ đồng chí. Trong đợt khủng bố này, Diêm Trường có hơn 50 người bị bắt tra tấn ngay tại chỗ, 26 người bị đưa về giam ở nhà lao Tam Kỳ, 13 người bị án tù giam ở nhà lao Hội An, trong đó có đồng chí Huỳnh Hòa, Bí thư chi bộ và năm đảng viên. Đồng chí Trần Viện bị truy nã ở Quế Sơn vừa đến đây cũng bị bắt.

Khủng bố trắng của địch có gây khó khăn, tổn thất lớn cho phong trào cách mạng địa phương nhưng cũng khắc sâu chí căm thù địch và khát vọng yêu nước, mong được đổi đời của người dân. Ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh

lan rộng. Chi bộ xã Diêm Trường chỉ còn một đảng viên là đồng chí Phan Quyện và một số hội viên cứu quốc nhưng vẫn kiên cường tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống khủng bố, xây dựng lại cơ sở, củng cố lại tổ chức. Phủ ủy, chỉ còn đồng chí Phan Tốn, được tăng cường thêm đồng chí Phan Thị Nễ và đồng chí Phạm Thị Cơ từ Điện Bàn vào bám trụ tại đây.

Từ tháng 8-1942 đến tháng 4-1943, phong trào xã Diêm Trường và các tổ chức cách mạng ở đây không những được khôi phục lại mà còn được củng cố đi vào chiều sâu. Chi bộ phát triển thêm đảng viên do đồng chí Phan Quyện làm Bí thư. Các tổ chức cứu quốc được xây dựng lại, các hội quần chúng công khai hợp pháp phát triển, đội tự vệ được thành lập. Đây là điều kiện thuận lợi để các cơ quan Tỉnh ủy, Phủ ủy chuyển về đứng chân tại đây giữa lúc địch truy nã gắt gao khắp nơi. Phủ ủy được củng cố lại do đồng chí Phan Tốn làm Bí thư. Anh Võ Chí Công và đồng chí Nguyễn Sắc Kim dựa vào đây để lãnh đạo phong trào. Anh thường dự các cuộc họp chi bộ, gặp đảng viên, hội viên, lắng nghe ý kiến, động viên tinh thần chiến đấu, bồi dưỡng phương pháp công tác.

Ở trong nhà của cha mẹ tôi, anh luôn quan tâm giáo dục chỉ bảo tôi nhiều điều rất bổ ích về lãnh đạo phong trào, về cách móc nối khi bị đứt liên lạc do địch đánh phá...Anh giới thiệu tôi với một số đầu mối và cả các tín hiệu, mật danh ở các xã lân cận, đặc biệt là đầu mối xưởng mộc Cẩm Hà, chùa Kim Bồng, thị xã Hội An.

Một tổn thất bất ngờ không lường trước xảy ra. Tối

ngày 19-10-1943, tôi đưa anh em đến điểm hẹn đón dưới cầu Bến Ván để đưa anh đến nơi làm việc thì tối ngày hôm sau, tên Cao Tiến Khai, tỉnh ủy viên, phản bội chỉ điểm bọn mật thám Quảng Nam đột nhập vào nhà đồng chí Lợi gần nhà ga An Tân bắt anh, tra tấn dã man rồi đưa nhốt vào xà lim nhà tù Hội An. Sau đó, các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Lê Bá cũng bị bắt; địch lại tiếp tục điên cuồng khủng bố đàn áp phong trào cách mạng. Chi bộ và các tổ chức quần chúng lại bị bể vỡ. Các đồng chí Phủ ủy Tam Kỳ, Tỉnh ủy Quảng Nam lần lượt sa vào tay địch.

Khó khăn dồn dập, địch lùng ráp đánh phá, Tỉnh ủy, Phủ ủy không còn ai. Chi bộ Diêm Trường chỉ còn tôi và đồng chí Đinh Thương bàn nhau tiếp tục ổn định tư tưởng quần chúng, xây dựng lại lực lượng cốt cán, tìm cách bắt liên lạc với số đảng viên và cơ sở cách mạng còn vững vàng ở các xã lân cận được anh giới thiệu trước đây, trong đó có đồng chí Nguyễn Minh ở xã Tịch Tây là người cùng tôi giữ mối quan hệ chặt chẽ, trao đổi thông tin, tìm cách móc nối với cấp trên qua các nhà tù Hội An, Buôn Ma Thuột, Phú Bài.

Nhiều lần ra Hội An, đến xưởng mộc Cẩm Hà, chùa Kim Bồng, quán cơm ông Năm Rượu (đường Ngọc Thành), qua tín hiệu, mật khẩu, tôi đã bắt được liên lạc với các đồng chí trong nhà tù, trong đó có anh và đồng chí Phan Quyện. Sau đó, anh bị đưa vào nhà tù Buôn Ma Thuột. Anh rất kiên cường bất khuất trước những đòn tra tấn dã man thập tử nhất sinh của địch.

Cuối tháng 2-1944, hai đồng chí Trần Văn Quế và

Nguyễn Tiến Chế mãn hạn tù ở Buôn Ma Thuột, trên đường đưa đi căng an trí Phú Bài (Huế) nhảy tàu hỏa trở về hoạt động theo sự bố trí của chi bộ nhà tù và sự giới thiệu của anh và anh Nguyễn Sắc Kim.

Tôi và đồng chí Nguyễn Minh bắt được liên lạc mừng vui khôn xiết, bàn nhau đón tiếp hai đồng chí về nhà cha mẹ tôi và các gia đình nuôi giấu bảo vệ để tiếp tục lãnh đạo phong trào, móc nối lập lại hệ thống lãnh đạo của Đảng từ xã lên Tổng ủy, Phủ ủy, Tỉnh ủy, bắt liên lạc với Xứ ủy và Trung ương. Cơ quan Tỉnh ủy lúc đầu đóng tại nhà cha mẹ tôi ra tiếp tờ báo *Cờ độc lập* từ số 11. Tổ chức lực lượng, phát động cao trào quần chúng võ trang khởi nghĩa giành chính quyền tỉnh thắng lợi vẻ vang.

Không phụ lòng mong mỏi của anh, luôn tâm niệm lời thề trước Đảng, tôi tiếp tục vượt qua khó khăn nguy hiểm, xây dựng lại phong trào xã nhà, được tín nhiệm làm Bí thư chi bộ, rồi Bí thư Tổng ủy An Hòa, phủ ủy viên Phủ ủy Tam Kỳ. Tháng 5-1945, Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định cho tôi thoát ly làm liên lạc. Tôi rất mừng được gặp lại anh sau khi anh ra tù, trong những lần đi công tác, nhất là hôm đón anh ra Bà Rén, Quế Sơn dự Hội nghị Tỉnh ủy và Ủy ban bạo động tỉnh, quyết định kế hoạch lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền toàn tỉnh, rồi chuyển cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban bạo động tỉnh ra làng Bích Trâm, Điện Bàn họp, tiếp đến chiều ngày 17-8-1945, đưa anh xuống Hội An làm việc với các đồng chí Nguyễn Tấn Ưng, Phan Thị Nễ. Tại đây, một quyết định rất sáng suốt, táo bạo,

đúng đắn, nhạy bén kịp thời là lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền tỉnh lỵ tại thị xã Hội An vào sáng ngày 18-8-1945, thắng lợi vang dội.

Đối với tôi, anh Võ Chí Công kính mến, là một cán bộ lãnh đạo cấp cao xuất sắc của Đảng và Nhà nước, là người con ưu tú của tỉnh Quảng Nam, một đồng chí kiên cường, sáng tạo, sắc sảo, đạo đức liêm khiết trong sáng, đã tận tình giáo dục, dìu dắt tôi trong những năm tháng khởi đầu trên con đường cách mạng, đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

VÕ CHÍ CÔNG - CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP

VŨ DUY ĐỀ *

Tôi biết và gặp anh Võ Chí Công vào những năm 1940 - 1941, khi còn ở tuổi 15 - 16. Trong kháng chiến chống Pháp, thỉnh thoảng tôi có gặp anh ở gần cơ quan Liên khu ủy 5. Sau 1975, tôi làm Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (thường trực Ban Nông nghiệp tỉnh), anh Võ Chí Công là Phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp, nên tôi hay tiếp xúc với anh nhiều hơn trước kia.

Tôi rất kính trọng anh Võ Chí Công ngay từ khi tôi còn niên thiếu mà bấy giờ anh có tên là Võ Toàn. Tôi chú ý tìm hiểu về anh. Và càng tìm hiểu, tôi càng có cảm tình sâu sắc với anh.

Tôi không thể đánh giá đầy đủ đức tính, tài năng và công trạng của anh Võ Chí Công, vì không được sống và làm việc gần anh như những người khác. Do đó, tôi xin nêu một số nét về đức tính, tài năng và công trạng của Võ Chí Công mà tôi cảm nhận được.

---

* Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Nông nghiệp Quảng Nam - Đà Nẵng.

Có thể nói ở con người Võ Chí Công có những đặc trưng, những nét tiêu biểu như:

- Tinh thần cách mạng tiến công, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, đến đâu thì ở đó có phong trào;

- Sâu sát, nhạy cảm, phát hiện xử lý vấn đề kịp thời và linh hoạt, có trường hợp tạo nên bước phát triển đột biến;

- Chí công vô tư, khiêm tốn, trung thực trong đối nhân, xử thế.

1. Tinh thần cách mạng tiến công, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, đến đâu thì ở đó có phong trào

Ngay từ buổi đầu tham gia cách mạng, tầm cỡ hoạt động của Võ Chí Công vượt ra ngoài phạm vi thôn, xã và phủ sở tại, mở rộng đến các phủ, huyện trong và ngoài tỉnh.

Gia đình cụ Võ Dương, thân sinh anh Võ Chí Công thuộc loại thanh bần. Ngoài canh tác vài ba sào ruộng đất, cụ còn có phương tiện ép dầu phụng (lạc). Mượn danh nghĩa đi mua đậu phụng để ép dầu, anh Võ Chí Công - bấy giờ gọi là Võ Toàn - đi lại nhiều nơi trong và ngoài tỉnh để tìm hiểu tình hình, đường đi, lối lại, làm quen và phát hiện những người có tinh thần yêu nước để gây cơ sở, phát triển tổ chức cách mạng (khi có điều kiện).

Anh không có ý định làm giàu cho gia đình và bản thân, mà chủ đích là lấy cách mạng làm sự nghiệp. Anh đi lại nhiều nơi. Ngay tại quê tôi (vùng Đông phủ Thăng Bình), nơi mà sản lượng đậu phụng hàng hóa nhiều nhất trong các phủ, huyện của tỉnh lúc bấy giờ (1935 - 1939)

nhưng anh chỉ mua một ít chiếu lệ để che mắt kẻ tò mò và mật thám. Từ khi còn là đảng viên thường và Bí thư Chi bộ Khương Mỹ (1935 - 1937) nhưng anh hiểu tình hình phong trào các phủ, huyện trong tỉnh hơn người tại chỗ.

Gần đây, nhân việc tham gia viết lịch sử Đảng bộ huyện Thăng Bình trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tôi có đến thăm và hỏi anh một số sự kiện năm 1936 - 1939 ở Thăng Bình. Anh cho biết khá tường tận phong trào từng khu vực, thôn xã ở Thăng Bình lúc bấy giờ. Anh hiểu và quen biết nhiều nhà Nho yêu nước sau Cần Vương và những người có tư tưởng tiến bộ cùng và trên dưới lớp tuổi của anh.

Đã bước sang tuổi 90, sự việc đã qua trên dưới 70 năm, nhưng anh nhớ rất rõ. Ngoài sự thông minh, còn chứng tỏ chủ tâm của anh trong việc tìm hiểu nhân tâm, địa thế, tình hình phong trào ở những nơi mà anh thấy sẽ là địa bàn hoạt động vẫy vùng của mình. Đó là một trong những yếu tố làm cho anh khi trở thành người lãnh đạo Đảng bộ Quảng Nam, đã đưa phong trào trong tỉnh phát triển rất nhanh (1940 - 1943) cả chiều rộng và chiều sâu. Ngoài Quảng Nam, bấy giờ anh còn biết tình hình nhiều nơi và quen biết nhiều người từ Thừa Thiên đến Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Nửa sau năm 1939, Đảng bộ Quảng Nam bị bể vỡ nặng, Tỉnh ủy bị bắt sạch và nhiều phủ, huyện ủy viên vào tù. Đã đến lúc anh thanh niên Võ Toàn thấy phải tăng cường hoạt động xông pha. Tháng 1-1940, Phủ ủy lâm thời

Tam Kỳ được lập lại do Võ Toàn làm Bí thư tự gánh lấy nhiệm vụ như một Tỉnh ủy. Các phủ ủy viên được phân công phụ trách phục hồi phong trào các phủ, huyện. Võ Toàn nhận phụ trách các huyện phía bắc xa xôi và có những khó khăn phức tạp. Lúc nào cũng vậy, anh luôn nhận phần khó khăn về mình.

Do am hiểu tình hình trong tỉnh và quen biết rộng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của anh, phong trào cơ sở đảng các huyện, phủ phục hồi nhanh chóng. Cuối tháng 3-1940, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam được lập lại do Võ Toàn làm Bí thư. Từ năm 1940 đến cuối năm 1943 trước khi anh bị bắt, Tỉnh ủy Quảng Nam có hai lần thay đổi bí thư, do cán bộ Xứ ủy hay Xứ ủy viên Trung Kỳ trực tiếp làm Bí thư; nhưng mỗi lần không quá vài tháng, vì sa lưới mật thám. Mỗi lần như vậy anh Võ Toàn lại gánh nhiệm vụ Bí thư. Tính ra trong bốn năm liền (1940 - 1943), anh Võ Toàn làm Bí thư Tỉnh ủy là chủ yếu. Cấp ủy tỉnh ít người. Một tỉnh ủy viên phụ trách 2 - 3 phủ, huyện. Anh Toàn ngoài thường trực, lãnh đạo, chỉ đạo chung còn phụ trách nhiều huyện cánh bắc tỉnh. Anh còn là chủ bút, tổng biên tập, vừa là biên tập viên chủ yếu và chỉ đạo in ấn tờ "*Cờ độc lập*", cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh lúc bấy giờ và trực tiếp tham gia phân phối báo đến các phủ huyện và cơ sở.

Tờ báo là phương tiện làm cho chủ trương, sách lược của Đảng nói chung và tiếng nói của Đảng bộ tỉnh thâm nhập sâu rộng trong Đảng và quần chúng cách mạng trong tỉnh. Do sự lãnh đạo, chỉ đạo của anh, phong trào Quảng Nam bấy giờ (1940 - 1943) phát triển đều và rất mạnh, sâu

rộng như trên đã nói. Mật thám Pháp nể sợ và đánh giá "*Cộng sản Quảng Nam là rất cừ khôi*". Trong những năm 1942 - 1943, chúng tập trung những tên mật thám đầu sỏ như Embe ở Vinh, Sônhi ở Huế cùng Rônô ở Quảng Nam đánh phá phong trào Quảng Nam.

Ngoài Quảng Nam, Tỉnh ủy Quảng Nam, mà trực tiếp và chủ yếu là anh Võ Toàn, còn giúp đỡ, hỗ trợ cho phong trào các tỉnh phía Nam. Quảng Nam thời kỳ Võ Toàn làm Bí thư là nơi mà Xứ ủy Trung Kỳ đóng cơ quan (Điện Bàn), là bàn đạp, là căn cứ để Xứ ủy phát triển hoạt động đến các tỉnh khác.

Ranh giới hành chính địa phương không phải là phạm vi không gian ràng buộc tầm hoạt động của Võ Toàn. Từ khi là Bí thư chi bộ đến khi là Bí thư Tỉnh ủy và sau này cũng vậy, đối với anh ở đâu có quần chúng là ở đó có vận động cách mạng. Nhờ tầm hoạt động rộng rãi như vậy, năm 1942, cơ sở Quảng Nam bị bể vỡ nặng, địch săn lùng anh và anh Nguyễn Sắc Kim ráo riết, các anh tạm lánh vào các tỉnh Nam Trung Bộ, sau đó trở lại Quảng Nam khôi phục, gây lại phong trào.

Mặc cho địch săn lùng, lưới mật thám giăng bủa dày đặc trong tỉnh và các tỉnh láng giềng, anh vẫn đi lại đó đây từ nông thôn hẻo lánh đến thị xã, thị trấn, trước mặt kẻ thù. Anh có tác phong quần chúng kỳ diệu, hòa mình trong nhân dân một cách tài tình, với lòng dũng cảm và thái độ bình tĩnh, tự nhiên đặc biệt, cộng với sự che chở của cơ sở, nên địch gần như bất lực không bắt nổi anh. Cuối cùng, chúng phải dùng thủ đoạn hèn hạ và hiểm độc là cho một

tên phản bội "*vượt ngục*" về lại Quảng Nam, chui vào tổ chức chỉ điểm mới bắt được anh.

Khi hoạt động bên ngoài, anh tỏ ra dũng cảm, linh hoạt, luôn qua mắt địch. Khi bị bắt, anh biểu lộ sự ngoan cường, mềm dẻo và đánh lừa được địch dưới dạng khác và không hề tiết lộ điều gì có hại cho cách mạng. Nhờ cơ sở được bảo tồn, nên sang năm 1944, qua sự bàn giao, giới thiệu của anh từ trong nhà lao, các anh Trần Văn Quế, Nguyễn Tiến Chế gặp thuận lợi trong việc móc nối, phục hồi phát triển phong trào ở tỉnh nhà[1].

Mật thám Pháp liệt anh vào loại đặc biệt nguy hiểm. Tại nhà đày Buôn Ma Thuột, anh bị cấm cố, không cho ra ngoài như những chính trị phạm khác.

Đánh giá đúng bản lĩnh và năng lực của anh, sau Hiệp định Giơnevơ tháng 7-1954, anh được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ tham gia chủ trì phong trào cách mạng ở Liên khu 5 rồi cả miền Nam. Với chức trách Phó Bí thư Trung ương Cục, anh đã có những đóng góp tích cực và có hiệu quả. Những lúc tình hình phong trào gặp khó khăn, anh có những chỉ đạo kịp thời, đúng đắn giúp cho địa phương, cơ sở thoát khỏi lúng túng và làm chuyển biến cục diện chung. Một số trong nhiều sự kiện sau đây mà những đồng chí cộng sự thân cận của anh ở chiến trường Nam Bộ và Khu 5 hay nhắc đến:

---

1. Tháng 2-1944, các anh Trần Văn Quế, Nguyễn Tiến Chế… mãn án tù nhà đày Buôn Ma Thuột, địch không trả tự do mà đưa đi an trí. Trên đường đi, đến địa đầu Tam Kỳ, các anh nhảy tàu về lại Quảng Nam hoạt động.

- Trong những năm 1961 - 1962, địch liên tục càn quét gom dân, đánh phá phong trào bằng bộ binh, thiết xa, trực thăng vận. Trong những lúc như vậy, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương rút chạy vô trật tự mà bấy giờ gọi là "*chạy xà đùa*". Trong một đợt khảo sát, nghiên cứu dài ngày tại các tỉnh đồng bằng Khu 8, anh đề xuất ý kiến chỉ đạo: Chạy xà đùa thì mất đất, mất dân, tinh thần quần chúng bị ảnh hưởng, tạo thế cho địch lấn tới hoành hành, phải trụ lại phản công, đánh địch; đào hầm công sự chiến đấu, bắn trực thăng địch bằng súng trường, súng máy, chúng xuất hiện đâu bắn đó, dùng B40 bắn thiết xa, dùng lựu đạn, cạm bẫy và các loại vũ khí có trong tay đánh bộ binh, v.v..

Tinh thần tiến công, ý kiến chỉ đạo của anh được anh em địa phương tiếp thu và phấn đấu thực hiện. Dần dần hiệu quả đem lại là trực thăng không dám bay thấp bắn phá, uy hiếp gọi hàng, thiết xa không dám càn lướt, bộ binh không dám lùng sục như trước. Tình hình ngày càng chuyển biến tích cực có lợi cho ta.

- Địch dồn dân lập ấp chiến lược. Anh em ta phá hàng rào ấp chiến lược, phá đi chúng rào lại. Tốn công, tốn sức nhưng không phá được, nhân dân tiếp tục bị kìm kẹp. Anh đề xuất chủ trương, biện pháp và chỉ đạo phá từ bên trong. Muốn phá kìm, phải diệt ác, trừng trị bọn ác ôn cơ sở, lực lượng trực tiếp o ép, kìm kẹp nhân dân. Bọn này bị diệt thì ấp chiến lược bị vô hiệu hóa. Cán bộ ta thâm nhập và nắm dân.

Cuộc họp toàn miền Nam năm 1963 tổng kết việc chống phá ấp chiến lược do anh trực tiếp chỉ đạo, chủ trì. Với thực tiễn nắm được, anh đã tập hợp, sàng lọc và tổng kết một cách sâu sắc kinh nghiệm từ cơ sở trên toàn miền Nam nói chung và đặc điểm của từng vùng, từng đối tượng dân cư (dân tộc thiểu số, đồng bằng di cư...). Từ đó, đề ra những chủ trương, biện pháp sắc sảo, xác thực, đánh đòn quyết định vào quốc sách ấp chiến lược của địch. Những năm 1963 đến 1964, 1965, hệ thống ấp chiến lược bị phá rã, bộ máy kìm kẹp quần chúng cơ sở của địch dần dần tê liệt, vùng giải phóng mở rộng, góp phần quyết định làm thất bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ.

- Ngoài tham gia lãnh đạo chung, anh còn được phân công phụ trách một mảng công tác: Dân vận, Mặt trận, Kinh tài, Y tế, Giao bưu, Căn cứ địa. Anh đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả và thiết thực những ngành, những việc được phân công. Ngoài quần chúng công nông, anh còn thu phục, cảm hóa, đoàn kết những nhân sĩ trí thức lớn, những đại diện tiêu biểu của các thành viên Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, kể cả những vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận. Đối với anh, họ kính phục về tinh thần trách nhiệm, phong cách công tác, trí lực và năng lực hành động[1].

- Đầu năm 1964 về trước, phong trào Khu 5 gặp nhiều khó khăn. Tháng 4-1964, Trung ương điều anh Võ Chí Công

---

1. Theo lời kể của đồng chí Nguyễn Tấn Lực (Sáu Lực), Thư ký của đồng chí Võ Chí Công ở Trung ương Cục miền Nam.

về làm Bí thư Khu ủy 5. Cũng quần chúng nhân dân ấy, cán bộ ấy, chiến trường ấy... thế mà từ khi Võ Chí Công về làm Bí thư Khu ủy 5 thì tình hình ngày càng chuyển biến. Anh cùng với Khu ủy đưa phong trào từng bước đi lên, vượt qua những khó khăn phức tạp, giành thắng lợi ngày càng lớn. Với tinh thần cách mạng tiến công, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, cụ thể, sắc bén của anh đã biến thành sức mạnh vật chất, tạo cho quân dân Khu 5 và Quảng Nam làm nên chiến thắng Núi Thành lịch sử "...*đi đầu diệt Mỹ*", góp phần tạo ra chuyển biến mới về nhận thức và hành động trong quân dân miền Nam và cả nước. Giặc Mỹ có thể bị đánh bại là khả năng hiện thực. Tư tưởng dám đánh, quyết đánh và quyết thắng Mỹ được củng cố và tăng cường trong toàn quân và toàn dân ta lúc bấy giờ.

Là Bí thư Khu ủy 5, anh có sức thuyết phục, tập hợp, đoàn kết cán bộ, quân dân một cách đặc biệt. Từ Khu đến cơ sở, cán bộ các ngành, các cấp kính trọng và thương mến Năm Công như người thân của mình. Trong Thường vụ Khu ủy, không ít người tuổi đời, tuổi Đảng cao hơn anh; có người là cấp trên của anh trước đó không lâu và cũng lắm người nổi tiếng khó tính, nhưng ai nấy đều phục tùng Năm Công một cách tự nguyện. Ở đây không phải vì ý thức tổ chức ràng buộc hay vì sức ép của quyền uy mà chủ yếu là do đức tính, tài năng của Năm Công đã chinh phục, thu phục mọi người, tạo nên sự đoàn kết nhất trí cao trong Khu ủy và các cấp, các ngành. Đặc biệt là Thường vụ Khu ủy, có thể nói là tập thể thép. Chính cái tập thể thép ấy đã cùng với Năm Công lãnh đạo quân dân

Khu 5 làm nên những chiến tích, công tích thần kỳ giải phóng quê hương, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp thống nhất đất nước.

Nét đặc trưng ở con người Võ Chí Công là nhiệm vụ nào cũng hoàn thành và hoàn thành xuất sắc, từ chỗ trực tiếp ở chiến trường, 30 năm ròng rã lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh, sau khi thống nhất đất nước anh làm kinh tế cũng giỏi.

Lúc đầu với chức trách Bộ trưởng Bộ Thủy sản, anh nghiên cứu và đề xuất với Đảng và Chính phủ bỏ chế độ bao cấp đối với các cơ sở quốc doanh khai thác, chế biến hải sản, tổ chức lại các hợp tác xã phù hợp với tập quán, đặc điểm từng nơi, từng ngành nghề, tạo nên sự chuyển động tích cực trong ngành khai thác, chế biến thủy hải sản. Từ đó, phát triển thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Phát hiện khả năng của anh trên mặt trận mới kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước giao cho anh nhiệm vụ nặng nề, phức tạp hơn, ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, phụ trách khối nông nghiệp. Lĩnh vực nông nghiệp do anh phụ trách có thế mạnh tiềm tàng đã và đang gặp khó khăn và trì trệ, trở thành sức mạnh trong hiện thực.

Thành công của anh ở đây là nghiên cứu, phát hiện và tháo gỡ những lực cản, những vướng mắc trong cơ chế quản lý, trong quan hệ sản xuất nói chung, làm cho sức sản xuất bật lên, sản xuất phát triển và phát triển không ngừng.

Từ thành công trên đây, Bộ Chính trị giao cho anh làm Trưởng ban nghiên cứu cải tiến cơ chế quản lý kinh tế chung. Qua cách làm, lãnh đạo, chỉ đạo của mình, anh đã tập hợp được ý kiến, trí tuệ của trí thức, chuyên gia có tên tuổi về quản lý kinh tế, trình Bộ Chính trị thông qua và ban hành chính thức Nghị quyết 306 về cải tiến cơ chế quản lý.

Với cương vị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới trong thời kỳ đổi mới, Trung ương Đảng và Quốc hội lại giao cho anh làm Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp (Hiến pháp đã ban hành năm 1980 không còn phù hợp). Hiến pháp sửa đổi năm 1992 do anh chủ trì nghiên cứu xây dựng đã được Trung ương và Quốc hội thông qua, ban hành, có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng trong việc củng cố xây dựng nhà nước pháp quyền, của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã và đang phát huy tác dụng trong đời sống xã hội.

Tôi cho rằng dù có viết nhiều và dài đến mấy đi nữa thì cũng không thể diễn tả, phản ánh đúng và đầy đủ công tích mà Võ Chí Công đã cống hiến cho dân, cho Đảng mà xin nêu một số nét về những sự kiện trên đây mà tôi cảm nhận được. Mặt khác, bàn về con người và sự nghiệp của những người như Võ Chí Công thì nêu được những việc họ đã làm, đã cống hiến là cần thiết, nhưng chưa đủ. Vì có thể không phản ánh rõ bản chất, thực chất của nhân vật, mà vấn đề phải làm rõ tại sao họ làm được như thế mà người khác không làm được.

Những trình bày trên đây đã đề cập một trong những nét đặc trưng của Võ Chí Công là tinh thần cách mạng tiến công, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành... Trong thực tiễn cách mạng không hiếm người có tinh thần cách mạng tiến công, nhưng không phải nhiệm vụ nào họ cũng hoàn thành được, do năng lực hạn chế, lực bất tòng tâm chẳng hạn.

Suốt cuộc đời hoạt động của mình, những nhiệm vụ mà Võ Chí Công đã gánh vác, đã được giao không bao giờ có tính tượng trưng và hiệu triệu, mà do anh trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ ấy. Võ Chí Công là một con người có tầm cỡ chiến lược, có năng lực chỉ đạo chiến thuật và chiến đấu.

2. Sâu sát, phát hiện xử lý vấn đề kịp thời và sáng tạo, có trường hợp tạo nên bước phát triển đột biến

Phong cách và cũng là đức tính cố hữu của Võ Chí Công là sâu sát. Từ khi là đảng viên thường, Bí thư chi bộ, Bí thư Tỉnh ủy, Khu ủy đến khi là nguyên thủ quốc gia, phong cách ấy của Võ Chí Công ngày càng phát huy, phát triển hơn lên. Nhiệm vụ càng nặng, chức trách càng cao, tình hình công việc càng khó khăn phức tạp thì Võ Chí Công lặn lội càng nhiều, sát dân, sát xã, sát người, sát việc.

Với bộ óc thông minh, lại có tác phong sâu sát làm cho hoạt động tư duy, nhận thức chủ quan của anh luôn gần và phù hợp với sự vận động, phát triển khách quan của sự vật, của tình hình. Nói cách khác, là anh luôn tiếp cận được quy luật. Một con người năng động, xông pha, dám

nghĩ, dám làm. Để nghĩ đúng và làm đúng, anh càng sâu sát. Do đó, anh rất giàu thực tiễn và gần chân lý.

Khi đã có suy nghĩ và nhận thức đúng thì anh dám làm, dám chịu trách nhiệm với thái độ tự tin và quyết đoán. Do đức tính và phong cách đó, ở anh giữa nghị lực và năng lực tác động qua lại và phát triển không ngừng. Năng lực nói đây bao gồm năng lực hành động và năng lực trí tuệ - là biểu hiện cái trí của kẻ sĩ. Nghị lực nói đây là bản lĩnh, là khí tiết - biểu hiện cái dũng của kẻ sĩ. Vì vậy, đối với anh nhiệm vụ nào cũng hoàn thành... như trên đã nói; có khi tạo nên những bước phát triển đột biến. Dưới đây là một số trường hợp mà tôi tìm hiểu được:

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Quảng Nam, lúc đầu Ủy ban khởi nghĩa (bấy giờ gọi là Ủy ban bạo động) tỉnh chủ trương giành chính quyền ở các phủ, huyện nông thôn trước, tạo áp lực, uy hiếp, bao vây giành chính quyền ở thị xã, thành phố sau. Vì ở thành phố, thị xã có căn cứ quân Nhật hoặc gần căn cứ của chúng. Sau khi có chủ trương trên, anh Võ Chí Công - Trưởng ban khởi nghĩa của tỉnh, trực tiếp đến thị xã Hội An - tỉnh lỵ Quảng Nam, kiểm tra tình hình và thống nhất với nhận định của Ủy ban khởi nghĩa Hội An là thấy tình thế cách mạng, thời cơ khởi nghĩa đã xuất hiện ngay tại tỉnh lỵ.

Trong lúc đó, một vài tổ chức đối lập có âm mưu phỗng tay trên, thông đồng với tỉnh trưởng bù nhìn nắm lấy chính quyền để mặc cả với cách mạng, với Việt Minh. Anh lập tức cùng Ủy ban khởi nghĩa Hội An gấp rút chuẩn bị,

sẵn sàng giành lấy chính quyền khi có lệnh. Đồng thời anh cũng thống nhất với thường trực Ủy ban khởi nghĩa tỉnh cho Hội An khởi nghĩa giành chính quyền ngay.

Được Thường trực Ủy ban khởi nghĩa tỉnh chấp thuận, tối 17 rạng ngày 18-8-1945 cả Hội An vùng dậy giành chính quyền. Ta thu toàn bộ vũ khí, khí tài và phương tiện khác của địch tại thị xã. Cơ quan đầu não của chính quyền bù nhìn ở Quảng Nam bị đập tan nhanh gọn làm cho bộ máy ngụy quyền ở các phủ, huyện và cơ sở hoàn toàn tê liệt. Do đó, cuộc khởi nghĩa trong tỉnh phát triển thuận lợi. Chỉ trong ngày 18-8-1945, chính quyền trong toàn tỉnh về cơ bản về tay nhân dân và là một trong số ít tỉnh, thành giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

Trước khí thế vùng dậy của nhân dân Hội An và toàn tỉnh, quân Nhật ở Quảng Nam án binh bất động và rút về tập trung ở Đà Nẵng. Khởi nghĩa ở Hội An và các phủ huyện nhanh, gọn tạo thế cho Đà Nẵng khởi nghĩa sau đó thuận lợi và ảnh hưởng trực tiếp đến việc khởi nghĩa ở các tỉnh láng giềng.

Nếu không chớp lấy thời cơ khởi nghĩa ở Hội An thì sẽ nảy sinh bao nhiêu phức tạp khác không lường được. Võ Chí Công đã lập công xuất sắc ngay trong ngày giờ đầu tiên giành lại chính quyền trên quê hương Quảng Nam nói riêng và trong cả nước nói chung.

- Xuân 1975, sau chiến thắng Buôn Ma Thuột và giải phóng Tây Nguyên, tình hình chiến trường diễn biến nhanh chóng thuận lợi cho ta. Tinh thần quân địch trên

đà xuống dốc. Tại căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng, quân địch dồn về đây trên 10 vạn tên trong thế dao động, hỗn loạn.

Trước tình hình trên, Bộ Chính trị nêu quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa. Do đó, khả năng giải phóng Đà Nẵng đã và đang xuất hiện. Nhưng giải phóng vào lúc nào, thời điểm nào và bằng cách đánh thế nào để có hiệu quả cao nhất?

Anh Võ Chí Công với cương vị Bí thư Khu ủy 5, kiêm Chính ủy Quân khu, đã sáng suốt đề nghị Bộ Chính trị cho giải phóng Đà Nẵng. Các binh đoàn chủ lực, bộ đội địa phương và các binh chủng khác được lệnh tiến quân vào Đà Nẵng; lách, bỏ qua các cứ điểm ngoại vi và phụ cận, ngay kế hoạch giải phóng Quảng Ngãi cũng gác lại, toàn bộ lực lượng hướng vào quyết chiến điểm là Đà Nẵng.

Cơ sở cách mạng bên trong thành phố đẩy mạnh công tác địch vận, binh vận, kêu gọi ngụy quân giải giới đầu hàng. Lực lượng quần chúng cách mạng, cơ sở tại chỗ, cộng với đặc công, quân báo của ta đã xâm nhập, ém sẵn từ trước. Sáng ngày 29-3, chủ lực ta từ các hướng đánh vào. Bên trong nổi dậy. Nội công ngoại kích. Quân địch chống trả yếu ớt. Đến trưa cùng ngày ta làm chủ Đà Nẵng - thành phố lớn thứ hai ở miền Nam được giải phóng nhanh gọn. Trên 10 vạn quân địch tan rã đầu hàng, ta thu toàn bộ vũ khí, khí tài ...

Giải phóng Đà Nẵng không những thực hiện đầy đủ, trọn vẹn quyết định của Bộ Chính trị là tiêu diệt cho được

Quân đoàn 1, Quân khu I ngụy không cho chúng chạy về co cụm ở Sài Gòn mà còn đạt yêu cầu cao hơn. Giải phóng thành phố trước thời gian dự định, hiệu suất chiến đấu cao, thương vong rất ít (cho cả hai bên ta và ngụy), cơ sở vật chất, nhà cửa ... thành phố còn nguyên vẹn.

Chiến thắng giải phóng Đà Nẵng ngày 29-3-1975 có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với toàn bộ chiến trường, đẩy quân địch vào thế đại bại nhanh chóng, mất cả ý chí đề kháng, tạo thế và lực mới giải phóng Sài Gòn ngày 30-4-1975.

Ta giải phóng và tiếp quản thành phố còn nguyên vẹn, có ý nghĩa chính trị, kinh tế - xã hội. Nhưng ý nghĩa quan trọng trước mắt và sâu xa là tử vong và thương tật cho nhân dân và quân đội hai bên rất thấp, không đáng kể. Trong lúc trên nửa triệu dân, gồm người tại chỗ, người bị dồn về từ trước và người mới di tản đến và trên 10 vạn quân ngụy các loại đang co cụm, tìm đường tháo chạy. Nếu đánh lớn, thành phố đổ nát đã đành, hậu quả xã hội về giải quyết tử vong, thương tật sẽ nặng nề vô cùng, cả trước mắt và lâu dài.

Ngoài thương vong trực tiếp tại Đà Nẵng không đáng kể, chiến thắng Đà Nẵng đẩy quân địch lún sâu vào thế rệu rã, mất tinh thần, chỉ có tháo chạy và đầu hàng là chủ yếu trong các trận đánh tiếp theo của chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn, nên thương vong cho cả hai bên cũng ở mức độ hạn chế, nhất định.

Nếu không nhận rõ điểm trên thì không thấy hết ý nghĩa lớn lao của việc giải phóng Đà Nẵng, không đánh giá đúng công trạng của những người làm nên sự kiện trọng đại này; và không hiểu, không thấy được tính nhân đạo của chiến tranh cách mạng. Nguyên nhân cơ bản là do chủ trương, đường lối của Đảng về giải phóng miền Nam, về lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh đúng đắn, tạo nên thế tất thắng trên chiến trường. Nguyên nhân trực tiếp là những người ở tiền phương trực tiếp làm nên chiến thắng Đà Nẵng có sự nhạy cảm, sớm phát hiện tình thế, thời cơ và có biện pháp thúc đẩy thời cơ hình thành, phát triển chín muồi và chớp lấy thời cơ khi đến độ chín muồi, để thực hiện hành động táo bạo, kịp thời và đúng lúc.

Quả vậy, nếu ta vào Đà Nẵng trước hay sau ngày 29-3 thì kết quả sẽ khác về cái giá phải trả. Ở đây thể hiện nghệ thuật cách mạng nói chung, nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, nghệ thuật dùng binh nói riêng của Thường vụ - Thường trực Khu ủy 5 mà người đứng đầu quyết định, quyết đoán là Võ Chí Công. Giải phóng Đà Nẵng là một trận đánh "*sạch sanh kinh ngạc*"[1]. Nỗi kinh ngạc này không chỉ riêng dinh Độc lập Sài Gòn mà cho cả Lầu năm góc bên kia đại dương. Và người trực tiếp phất cờ làm nên chiến tích kỳ diệu này là Năm Công - Võ Chí Công - thực tế lịch sử là thế, như 2 với 2 là 4.

---

1. Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi.

- Khi được phân công giao nhiệm vụ Phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp, anh đến nhiều nơi trên hai miền đất nước, đến các nông trường, lâm trường, trạm, trại hợp tác xã. Vấn đề mà anh trăn trở, suy nghĩ là tại sao sản phẩm trên đất 5% là nguồn thu nhập chính của xã viên, còn sản phẩm của 95% diện tích tập thể quản lý là phần thu nhập thứ yếu, có khi không đáng kể. Tại sao một nước nông nghiệp, nông dân vốn cần cù lao động và chiếm 80% dân số, độ phì đất đai không phải kém mà lương thực lại thiếu triền miên, hàng năm vẫn phải chạy gạo... Qua trăn trở, suy nghĩ và sự sâu sát của mình, anh phát hiện hợp tác xã Thổ Tang, Vĩnh Phú và một số hợp tác xã ở Hải Phòng đã khoán sản phẩm trực tiếp đến người lao động và đem lại hiệu quả. Từ thực tế, anh phát hiện lối ra của sản xuất nông nghiệp, Chỉ thị 100 do anh chỉ đạo dự thảo, trình Bộ Chính trị thông qua, trong đó có vấn đề khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, mở ra hướng đi mới trong nông nghiệp, làm cho sản xuất nông nghiệp phát triển đột biến và không ngừng. Một nền kinh tế mà nông nghiệp còn ở vị trí chủ yếu, thì "nông suy bách nghệ bại". Nông nghiệp phát triển tạo thế cho kinh tế chung phát triển, tình hình chính trị, xã hội ngày càng ổn định.

Một con người luôn không bằng lòng, an phận đi theo con đường mòn đã có, mà luôn tìm tòi phát hiện và giải quyết mâu thuẫn, phát hiện cái mới, tháo gỡ bế tắc. Trong đời hoạt động của Võ Chí Công còn có những việc anh làm

có tác dụng lớn, đột biến khác, nhưng tôi không rõ mà chỉ nêu mấy điểm trên đây. Trong đó có những đóng góp mà hiệu quả tác dụng của nó rất lớn và sâu rộng trên toàn bộ đất nước.

3. Chí công vô tư, khiêm tốn, trung thực trong đối nhân xử thế

Từ tuổi thanh niên tham gia cách mạng, anh tự xác định xây dựng cho mình một ý chí, chủ đích lấy cách mạng làm sự nghiệp. Mọi hành động và suy nghĩ của anh không vì lợi ích cá nhân chi phối. Từ chỗ là một Bí thư Tỉnh ủy một tỉnh lớn trong nhiều năm liền, thế mà trong kháng chiến chống Pháp, có lúc anh phụ trách Chính ủy Trung đoàn. Trong lúc đó, thực tế tài năng có thể nắm sư đoàn, quân đoàn hoặc tương đương. Thấy thế, những anh em quen biết, hiểu anh, bất bình cho anh. Nhưng bản thân anh không có vướng mắc gì về cương vị cao hay thấp, mà lấy thành quả công tác làm chuẩn mực.

Ở anh, chí công vô tư gắn với trung thực, mềm dẻo trong đối nhân xử thế. Công lao, thành tích của anh to lớn, nhưng nếu có ai nhắc đến thì anh lảng đi. Nếu nể lắm thì anh luôn trả lời một câu duy nhất rằng, thành tích là của cách mạng, của dân, của Đảng, mình chỉ đóng góp một phần nho nhỏ.

Đối với cấp dưới, anh rất độ lượng, bao dung, luôn khích lệ tinh thần cách mạng của họ trong mọi trường hợp; kiên trì giải thích để họ nắm bắt, nhận thức được chủ

trương, đường lối và nội dung công việc. Đối với đồng sự và cấp trên, anh khéo léo tham mưu, nhẫn nại thuyết phục, lấy thực tiễn để bảo đảm, khẳng định những đề xuất của mình là có cơ sở, phù hợp với chân lý, như việc khoán sản phẩm đến người lao động trong nông nghiệp là một trong nhiều vụ việc.

Do cách đối nhân, xử thế như vậy, anh thu phục được lòng người, đoàn kết nội bộ và mọi đối tượng.

Từ những đặc trưng của con người Võ Chí Công nêu trên, tôi khẳng định rằng Võ Chí Công là *kẻ sĩ hiện đại, là con người có tầm cỡ hào kiệt*. Nhìn bề ngoài, anh cũng như những con người bình thường khác, nhưng đức tính, tài năng, công trạng của anh thuộc diện phi thường, hiếm có.

NHỚ VỀ NGƯỜI LÃNH ĐẠO VỚI NHỮNG DẤU ẤN ĐẬM SÂU

VÕ THẾ ÁI *

Là một phóng viên Thông tấn xã, tôi không ở vị trí có thể biết rõ về một nhà cách mạng có tầm cỡ chiến lược như đồng chí Võ Chí Công, nhưng qua một số bước chuyển biến của cách mạng miền Nam và của đất nước thống nhất, cũng cảm nhận được dấu ấn của người lãnh đạo mà lúc kháng chiến chống Mỹ chúng tôi kính mến gọi là "Anh Năm".

Tôi được gặp anh Năm lần đầu vào một ngày mùa Xuân năm 1960. Lúc đó anh Năm là Bí thư Liên khu ủy 5. Liên khu 5 lúc đó là một địa bàn rất rộng bao gồm Trị - Thiên, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ, Cực Nam Trung Bộ và cả Đồng Nai Thượng. Trong vòng vây dày đặc của quân thù, Liên khu ủy chưa có các ban, ngành giúp việc mà duy nhất chỉ có cơ quan Thường vụ Liên khu ủy bí mật đóng ở một vùng núi cao thuộc huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam. Đủ biết công việc của cơ quan và của đồng chí Bí thư Liên khu ủy gian nan và nặng nhọc tới mức nào.

---

* Nguyên Phóng viên Thông tấn xã Khu 5.

Thời gian sau đó, qua hoạt động nghiệp vụ được dự hoặc được biết một số sự kiện gây ấn tượng sâu sắc, tôi nhớ ngay tới anh Năm, người lãnh đạo hoặc tham gia lãnh đạo sự kiện.

Ba tháng cuối năm 1960, Liên khu ủy 5 phát động một cuộc tiến công chống địch quy mô lớn, tiêu diệt hoặc bức rút 55 đồn địch dọc Đông Nam Trường Sơn, giải phóng 450.000 dân, mở ra một căn cứ địa rộng lớn làm chỗ dựa vững chắc cho những chiến thắng về sau.

Dự trận diệt đồn Gơ Lâu ở vùng Tây Bắc Quảng Nam ngày 17-10-1960 (một trong 27 trận mở màn và một số cuộc nổi dậy của đồng bào các dân tộc sau đó), tôi không khỏi liên tưởng tới cuộc Hội nghị đại biểu Đảng bộ toàn Liên khu 5 vào tháng 4-1960, nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, một Nghị quyết lịch sử đặt dấu chấm hết cho cuộc "chiến tranh một phía" vô cùng khốc liệt mà chính quyền Ngô Đình Diệm tay sai của Mỹ tiến hành chống lại nhân dân miền Nam suốt 5 năm sau Hiệp định Giơnevơ.

Được dự thính một số buổi họp, thấy anh Năm nghe nhiều hơn nói, nhưng người phóng viên hiểu rằng những suy tư và tính toán của đồng chí được hội nghị góp ý hoàn chỉnh và được Bộ Chính trị Trung ương Đảng chấp thuận đã đưa tới loạt trận hiệp đồng thắng lợi lớn hòa nhịp chiến sự toàn miền Nam mà báo chí phương Tây hồi đó mô tả là "*sư tử*" (quân giải phóng) *đã ra mặt đối đầu với hổ* (vũ lực Mỹ)".

Tháng 5-1961, anh Năm vào Nam Bộ giữ chức Phó Bí thư Trung ương Cục, tới tháng 4-1964, về làm Bí thư Khu ủy - kiêm Chính ủy Quân khu. Ngành Thông tấn xã chúng tôi còn lưu giữ tư liệu về trận Ấp Bắc ở Mỹ Tho tháng 1-1963 (có sự chỉ đạo của Trung ương Cục nhằm đánh bại chiến thuật "trực thăng vận" của Mỹ - ngụy) và về nhiều sự kiện chính trị và quân sự của Khu 5 từ năm 1964 đến năm 1975, đặc biệt là về dấu ấn của anh Năm trong chủ trương chớp thời cơ tiến công giải phóng thành phố Đà Nẵng ngày 29-3-1975, góp phần rút ngắn cuộc tổng tiến công giải phóng hoàn toàn miền Nam. Nhưng tôi xin nhường lời cho những đồng chí từng ở vị trí có thể diễn tả những sự kiện ấy sống động hơn tôi.

Đất nước thống nhất nhưng vướng vào cuộc chiến tranh biên giới và cơ chế bao cấp về kinh tế, đời sống của nhân dân rất khó khăn. Mọi thứ nhu yếu phẩm đều phải dựa vào tem phiếu, thường phải xếp hàng dài mới mua được. Công nhân, viên chức thường phải nuôi lợn, nuôi gà hoặc làm thêm nghề phụ mới tạm đủ trang trải các khoản chi tiêu đời thường. Một người nặng lòng vì dân, vì nước như anh Năm hẳn đã phải trăn trở rất nhiều để cùng với Đảng tìm hướng chuyển biến có lợi cho đất nước. Anh đã cùng những người sáng suốt nhất trong Bộ Chính trị và Trung ương Đảng tìm hiểu kinh nghiệm nước ngoài và nghiên cứu vận dụng thật đúng đắn chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tế nước ta, để rồi Đại hội VI của Đảng (1986) thống nhất ý chí đổi mới tư duy, vạch rõ quyết sách thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, đưa đất nước vào một vận hội mới. Và hai vị lãnh đạo tích cực trong thực hiện công cuộc đổi mới được bầu vào cương vị cao nhất của Đảng, của Nhà nước đó là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Chủ tịch Võ Chí Công.

Tôi còn nhớ cái ngày mà vợ tôi (cũng từng ở chiến trường và từng biết anh Năm) không dùng tới sổ gạo vẫn mua được gạo, vừa về tới nhà đã thốt lên vui sướng:

Cảm ơn bác Mười Cúc, cảm ơn bác Năm Công!

MỘT VÀI KỶ NIỆM VỚI ANH

LƯU TRÙNG DƯƠNG *

Sáng hôm đó, một buổi sáng cuối mùa hè năm 1973, tôi đang ngồi viết, bác sĩ Hồng Bê chợt xuất hiện trước cửa gian nhà mái tranh, vách nứa của tôi (Bác sĩ Hồng Bê, lúc bấy giờ là Giám đốc Bệnh viện I - bệnh viện đảm trách việc chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, nhân viên cơ quan Khu ủy 5). Vừa bắt tay tôi, người thày thuốc vừa bảo: "Văn phòng Khu uỷ mời mình sang thăm bệnh cho anh Năm Công, mình tạt qua đây rủ ông cùng đi...".

Tôi vui vẻ: "Ồ, hay quá! Đã khá lâu tôi không có dịp gặp anh Năm... Nào, ta cùng đi!"...

Sau khoảng hơn một giờ băng rừng lội suối, bác sĩ Hồng Bê và tôi đã tìm đến nhà đồng chí Bí thư Khu ủy, một căn nhà mái tranh, vách ván khá rộng rãi, thoáng mát có phân chia nơi làm việc và nơi nghỉ ngơi.

Lúc cùng với đồng chí bảo vệ bước vào căn phòng riêng của anh Năm Công, tôi thấy anh đang nằm đọc một tài

---

* Nguyên Phó Trưởng Tiểu ban Văn nghệ Khu 5.

liệu gì đấy. Tôi nghĩ bụng thì ra anh Năm vẫn tranh thủ làm việc trong thời gian chờ đợi thày thuốc.

Sau khi chào hỏi, bác sĩ Hồng Bê mở túi xách lấy ra một số y cụ sửa soạn việc khám bệnh. Tôi còn đang lúng túng, chưa biết nên nói gì, làm gì... Đúng lúc ấy, bỗng nghe anh Năm Công bảo với giọng thân mật: "À, anh Dương, anh chị em văn nghệ có sáng tác gì mới cho tôi biết với".

"Được lời như cởi tấm lòng", tôi liền đáp: "Báo cáo anh, số đông anh chị em đang đi chiến trường, đến với các chiến trường, đến với các địa phương, các đơn vị trong Khu 5, từ đồng bằng ven biển đến vùng rừng núi Tây Nguyên"...

Với ý nghĩ đây là khoảng thời gian anh Năm Công đang cần có sự yên tĩnh, nghỉ ngơi, tôi không dám nói dài mà chỉ nói chung chung, vắn tắt như thế, không ngờ anh Năm lại đưa ra hàng loạt câu hỏi khác, nhắc đến tên và hỏi thăm tình hình của từng người trong Tiểu ban Văn nghệ Khu 5.

Nhưng tôi chỉ vừa nói được mấy câu, thì bác sĩ Hồng Bê đã ngắt lời tôi: "Thôi, anh Dương ơi, chuyện mấy ông văn nghệ thì còn dài, hãy để dành vào lúc khác, còn lúc này, hãy ưu tiên dành cho người thày thuốc"...

Anh Năm Công mỉm cười, bảo: "Tôi biết tôi chẳng đau ốm gì đâu, quá lắm thì cũng cảm nhẹ thôi, nhưng anh em văn phòng cứ nằng nặc nhất thiết phải mời bác sĩ. Bây giờ bác sĩ đã đến, xin mời bác sĩ cứ tự nhiên...

Rồi anh vui vẻ xắn tay áo lên để đo huyết áp và vén áo lên để người thày thuốc đặt ống nghe lên ngực...

Cuộc chuyện trò giữa anh Năm Công và tôi chỉ tạm dừng trong chốc lát. Khi người thày thuốc vừa rút ống nghe ra khỏi ngực áo, anh Năm liền quay lại với những câu hỏi về tình hình hoạt động của anh chị em văn nghệ. Anh không chỉ muốn biết về tình hình chung mà còn hỏi kỹ về công việc sáng tác của từng người, hầu như không bỏ sót một ai.

Thú thật, đã có câu hỏi anh làm cho tôi có phần lúng túng, không thể trả lời thật cụ thể, cho đến nỗi lúc chào tạm biệt anh, tôi cứ áy náy trong lòng vì cảm thấy trong cuộc đi thăm người bệnh này, cùng một lúc tôi mắc phải hai thiếu sót: *Một là,* không những tôi không biết gì về tình hình sức khỏe của đồng chí lãnh đạo, trong khi đó, đồng chí lãnh đạo lại rất quan tâm đến tình hình hoạt động của anh chị, em văn nghệ, trong đó có tôi. *Hai là,* tôi tự trách thầm rằng mình đã không giải đáp được đầy đủ những câu hỏi do đồng chí lãnh đạo đặt ra, một sự quan tâm sâu sắc đã khiến cho đồng chí quên cả việc chăm sóc sức khỏe của bản thân mình mà nhớ đến việc chăm lo cho tất cả các ngành văn học nghệ thuật hoạt động trên khắp địa bàn của toàn Khu 5.

Nhiều năm sau câu chuyện trên đây, vào khoảng những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, một kỷ niệm khác với anh Năm Công cũng đã để lại trong lòng tôi bao xúc động. Lần này, tôi không được trực tiếp nghe anh nói, mà chỉ tiếp thu ý kiến của anh qua lời một người bạn.

Lúc đó, đang giờ làm việc buổi sáng, chợt có tiếng chuông điện thoại reo. Tôi cầm lấy ống nghe thì ở đầu dây

bên kia có tiếng nói của đồng chí Đặng Minh Phương (hay là đồng chí Thuận Hữu? Tôi không nhớ thật chính xác, chỉ còn nhớ đó là một trong hai nhà báo phụ trách cơ quan thường trú báo *Nhân dân* tại Đà Nẵng). Tiếng nói ở đầu dây bên kia đưa đến cho tôi một tin vui: "Hôm qua anh Năm Công vừa vào Đà Nẵng, trong buổi trò chuyện với bọn tôi, anh có nhắc đến nhà thơ Lưu Trùng Dương và bảo anh ấy có đọc bài thơ *Đà Nẵng có nhiều hoa hơn trước* của Lưu Trùng Dương, đăng trên báo *Nhân dân*, anh tỏ ý thích thú và có lời khen.

Đại ý anh Năm Công như sau: "Tuy chỉ ghi lại một nét đẹp bình dị trong đời sống hằng ngày của người dân Đà Nẵng, bài thơ đã gây được ấn tượng tốt đẹp về bước phát triển mới trong hoạt động kinh tế - xã hội của thành phố cảng quê hương"...

Sau khi kể lại lời anh Năm Công, ông bạn nhà báo nói thêm: "Vì thời gian công tác ngắn ngủi, đồng chí Chủ tịch nước không có điều kiện đến thăm hỏi từng cơ quan, từng đơn vị, đồng chí có dặn chúng tôi chuyển lời thăm cho anh chị em Hội Văn nghệ"...

Cuộc điện đàm với người bạn ở cơ quan thường trú báo *Nhân dân* tại Đà Nẵng, tuy chỉ trong 5 - 7 phút, song cũng đã lưu giữ trong đời tôi một kỷ niệm khó quên.

Kể từ ngày diễn ra hai câu chuyện tôi vừa kể trên đây, đến nay đã hơn 30 năm. Có lẽ, không chỉ riêng tôi mà trong mối quan hệ giữa một vị lãnh đạo cao cấp với hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, nhân viên, chiến sĩ chắc hẳn đã diễn ra vô số câu chuyện đơn sơ mà đẹp đẽ như thế.

ẤN TƯỢNG SÂU SẮC QUA NHỮNG BƯỚC NGOẶT

ĐẶNG MINH PHƯƠNG *

Làm báo ở chiến trường Khu 5 vào những năm tháng đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở đây diễn ra cực kỳ ác liệt, chúng tôi thường nhận được những chỉ thị công tác đấu tranh chống địch trên mặt trận chính trị, tư tưởng của Thường vụ Khu ủy 5 do đồng chí Võ Chí Công làm Bí thư.

Nhiều lần, tôi được trực tiếp nghe anh Năm phân tích tình hình địch, ta một cách sâu sắc và chỉ rõ những việc cần làm ngay rất sát thực tiễn, đầy sức thuyết phục, đặc biệt là ở những thời điểm có tính chất bước ngoặt.

Vào giữa tháng 10-1972, khi Hội nghị Pari về Việt Nam gần kết thúc; ta và Mỹ đã đạt được thỏa thuận cơ bản có thể nhanh chóng đi đến ký kết hiệp định hòa bình kết thúc chiến tranh. Ngày 20-10, Tổng thống Nichxơn gửi công hàm cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng, hoan nghênh thiện chí của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

---

* Nguyên nhà báo ở chiến trường Khu 5.

Công hàm nêu rõ: "*Văn bản của Hiệp định bây giờ có thể xem như đã hoàn thành",* và đề ra một thời gian biểu, như sau: "Ngày 24-10-1972, cố vấn Kitxinhgơ (đặc phái viên của Tổng thống Mỹ) sẽ tới Hà Nội và sẽ rời Hà Nội vào ngày 26-10, ngày 31-10, ký Hiệp định Pari...". Thế nhưng, ngày 23-10, Tổng thống Nichxơn lại thông báo khẩn cấp cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng là: Hoa Kỳ đang có khó khăn, nhiều vấn đề kỹ thuật mới xuất hiện, và đề nghị phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có một cuộc gặp nữa với Mỹ ở Pari, và hoãn cuộc đi Hà Nội của Kitxinhgơ. Ngày 26-10, Kitxinhgơ họp báo, tuyên bố: "*Hòa bình đã ở trong tầm tay",* hòng đánh lừa dư luận, gieo ảo tưởng hòa bình sắp đến rồi? Các Đài tiếng nói Hoa Kỳ, BBC của Mỹ và Anh đều nhắc lại điệp khúc "*Hòa bình đã ở trong tầm tay, việc ký hiệp định có thể tính từng ngày".*

Giữa những ngày tháng sôi động ấy, rất nhiều tin tức trái ngược nhau; chúng tôi tình cờ được gặp anh Năm Công trên đường đi giữa núi rừng Trà My, gần cơ quan Khu ủy. Anh dừng chân, bắt tay, hỏi thăm sức khỏe anh em rồi nói mấy câu: "Kitxinhgơ không sang Hà Nội, Mỹ lật lọng muốn chúng ta thương lượng lại những điều đã thỏa thuận để làm vừa lòng Thiệu. Nichxơn thi hành chính sách hai mặt, vừa muốn có hiệp định hòa bình để giành phiếu trong cuộc bầu cử Tổng thống sắp tới, vừa không muốn từ bỏ Thiệu, cố gắng hà hơi tiếp sức cho Thiệu. Nhất định Mỹ sẽ ném bom lại miền Bắc dữ dội hơn và quân ngụy sẽ tiến công nhiều nơi ở miền Nam hòng vớt vát thất bại để ép ta nhân nhượng; chúng ta phải đánh trả và vạch

mặt bịp bợm, lật lọng của Mỹ. Bây giờ, ai ở vị trí nào phải trụ vững vị trí đó, không được để ảo tưởng hòa bình làm lung lay ý chí chiến đấu". Anh dậm mạnh một chân lên hòn đá, nói tiếp: "Chỉ có tiến công, đánh trả quyết liệt mới buộc được địch ký hiệp định, không ảo tưởng, hễ mềm chân một chút là địch lấn tới và chúng sẽ không ký".

Quả nhiên, những cuộc họp liên tiếp, giữa ta và Mỹ ở Pari trong tháng 11 và đầu tháng 12-1972, kéo dài nhì nhằng không đem lại kết quả gì mới. Đến ngày 26-12, đúng hai tháng sau ngày Kitxinhgơ tuyên bố: "*Hòa bình đã ở trong tầm tay*"; không quân Mỹ ném bom ác liệt xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác ở miền Bắc, hòng dùng sức mạnh quân sự ép ta. Ta đã đánh trả quyết liệt, bắn rơi 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 chiếc máy bay B52, làm nên một trận "Điện Biên Phủ trên không" kỳ diệu, đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Thua đau ở cả chiến trường miền Bắc và miền Nam, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari vào ngày 27-1-1973.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, anh Năm triệu tập các đồng chí cán bộ lãnh đạo trong Ban Tuyên huấn Khu ủy vào Văn phòng Khu ủy nghe anh chỉ đạo công tác tư tưởng, tuyên truyền. Anh nói: "*Tình hình chiến trường sau Hiệp định Pari sẽ rất phức tạp. Chắc chắn địch sẽ không thi hành Hiệp định, sẽ tiếp tục chiến tranh, lấn chiếm đất đai, bắn giết đồng bào. Hiệp định có điều khoản rất cụ thể là chấm dứt hoàn toàn chiến sự nhưng ở chiến trường, không có ngày nào quân địch không bắn giết, lấn chiếm...*". Anh dặn dò: Ta không nên có ảo tưởng là địch nghiêm chỉnh thi

hành Hiệp định. Ta đã có kinh nghiệm về Hiệp định Giơnevơ năm 1954 rồi. Kẻ địch không bao giờ từ bỏ dã tâm của chúng. Trong công tác tuyên truyền, phải giải thích cặn kẽ Hiệp định, nói rõ thắng lợi của Hiệp định, đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, đồng thời không một phút rời tay súng, nêu cao ý chí chiến đấu, đừng để tư tưởng nghỉ xả hơi phát triển trong cán bộ, chiến sĩ. Xả hơi là nguy hiểm. Các đồng chí trong Ban Biên tập Tạp chí *Văn nghệ giải phóng* của Khu 5 do nhà văn Nguyễn Chí Trung phụ trách rất thấm nhuần lời dạy của anh Năm Công. Cho nên khi làm tờ báo Tết đầu năm 1973, sau khi đã có Hiệp định, các anh cho đăng lại cả *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn và trích đoạn *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi...

Đương nhiên, đây đó ở trong Khu 5, cán bộ, chiến sĩ cũng có tư tưởng nghỉ xả hơi, lơ là mất cảnh giác, bị địch đánh phá gây tổn thất cho ta. Địch "cắm cờ", chiếm được một số nơi, nhất là ở các vùng mới mở ra, vùng tranh chấp, khiến cho một số người ở xa chiến trường không hiểu tình hình thực tế, hoặc vì động cơ không trong sáng, đã tung tin Khu 5 mất cảnh giác, để mất dân, mất đất...có người còn lấy việc ta không giữ được Sa Huỳnh (Đức Phổ - Quảng Ngãi) mà ta vừa mới chiếm được khi ký Hiệp định, để nói rằng : "*Hữu khuynh, quá tin vào việc địch thi hành Hiệp định...*". Sự thực không giữ được Sa Huỳnh là do tương quan tại chỗ giữa ta và địch chứ không phải do ta thiếu ý chí chiến đấu, mất cảnh giác.

Điều mà chúng tôi rất phấn khởi, tin tưởng là do sự chỉ đạo sắc bén, kịp thời của anh Năm Công và Khu ủy mà

công tác báo chí, tư tưởng có hiệu quả, góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Giữa năm 1973, sau khi Hiệp định Pari ký được nửa năm, nhà thơ Tố Hữu, Bí thư Trung ương Đảng đi công tác vào miền Nam. Anh vào tận Nam Bộ và trở ra Khu 5, Tây Nguyên. Anh ca ngợi: "*Tây Nguyên gan góc dạn dày, như cây lim đứng chẳng lay giữa rừng*". Khu 5 là dải đất "*vạn ngày có buổi nào yên; cá ăn phải máu chim quên lối vườn; con người như dãy Trường Sơn, vững chân bám trụ chẳng sờn óc gan*". Anh đánh giá sự lớn mạnh của Khu 5: "*Dọc ngang thế trận quân hùng là đây*". Và chính cái thế trận dọc ngang, cái "quân hùng" ấy đã đóng vai trò quan trọng, chủ yếu trong chiến dịch Buôn Ma Thuột lừng lẫy mở đầu cho Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Sau chiến thắng Buôn Ma Thuột và giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên, tôi được nghe một đồng chí cán bộ cao cấp nói: "*Địch có thể bỏ Sài Gòn và toàn bộ miền Nam chứ không bỏ Đà Nẵng; chúng sẽ giữ Đà Nẵng như một Guantanamô ở Cu Ba để quấy rối ta lâu dài!*". Rất ít người nghĩ rằng có thể giải phóng Đà Nẵng trong tháng 3 hoặc tháng 4-1975. Và cũng có phương án tiến quân vào phía Nam, giải phóng Sài Gòn xong rồi mới giải phóng Đà Nẵng. Chính trong tình hình vô cùng phức tạp ấy, anh Năm Công nhận định: "*Địch bỏ chạy khỏi Tây Nguyên, tình thế mới đã xuất hiện*" và đã đề nghị cho đánh ngay Đà Nẵng, vì điều kiện có đủ để bảo đảm thắng lợi. Quả thật không dễ dàng gì để đưa ra một quyết đoán như vậy. Được sự đồng ý của Bộ Chỉ huy tối cao, đứng đầu là đồng chí Bí

thư thứ nhất Lê Duẩn, anh Năm Công đã chỉ đạo chớp thời cơ chuyển hướng ngay ra phía bắc, đánh thẳng vào Đà Nẵng. Và chiến dịch giải phóng Đà Nẵng đã thắng lợi nhanh chóng, huy hoàng, góp phần vào thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Chính trong những hoàn cảnh, tình hình phức tạp như vậy, ranh giới giữa thắng lợi và tổn thất khó lường thì sự quyết đoán, chỉ đạo kịp thời, sâu sắc của đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 5 đã đem lại thành công hết sức to lớn.

Chúng tôi có ấn tượng rất sâu sắc về anh Năm Công qua những bước ngoặt lớn ở chiến trường Khu 5.

RỪNG TRƯỜNG SƠN ĐÊM ẤY

HỒ NGỌC SƠN*

Hơn 40 năm đã đi qua, nhưng những kỷ niệm ở rừng Trường Sơn đêm ấy không những không phai mờ trong tâm trí mà còn để lại cho tôi nhiều bài học có giá trị. Đó là một đêm mưa dầm rả rích thượng tuần tháng 9-1969, sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu vừa đi xa. Có lẽ do thấu hiểu tâm trạng của chúng tôi trong thời điểm quan trọng này, chiến trường đang ở trong một giai đoạn khốc liệt và có ý nghĩa quyết định nhất, nên anh Võ Chí Công (thường gọi thân mật là anh Năm Công), Bí thư Khu ủy, đã có buổi nói chuyện riêng với cán bộ, chiến sĩ của các cơ quan Bộ Tư lệnh Quân khu 5 với tư cách là Bí thư Quân khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu.

Tôi vẫn nhớ như in ba nội dung lớn trong buổi nói chuyện đêm ấy: *một là,* chuyện những lần anh được gặp Bác Hồ; *hai là,* cục diện chiến trường sau Tết Mậu Thân năm 1968; *ba là,* về mối quan hệ Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam. Anh nói chuyện tự nhiên, chất phác như tâm sự

---

* Đại tá, nhà báo trên chiến trường Khu 5, đã nghỉ hưu.

với những người thân tín và có một số đặc điểm là trước những gì tâm đắc, anh thường dùng hai chữ "hết sức", nhấn rất mạnh tinh thần hai chữ ấy. Ví như, kể những chuyện anh gặp Bác: "Bác *hết sức* quan tâm những đồng chí lãnh đạo, chỉ huy chiến trường. Được tin ai ra Trung ương họp, Bác thường mời cơm riêng. Qua đó, Bác thăm hỏi kỹ về sức khỏe, đời tư; đặc biệt tìm hiểu cặn kẽ tình hình chiến trường, nhằm đề ra chủ trương thật đúng đắn, sát hợp. Có một chiều, anh đến vừa lúc Bác làm vườn, tắm rửa thay quần áo xong. Ngồi vào bàn ăn, một chiếc đũa rơi xuống sàn. Anh vội đứng dậy đi gọi đồng chí phục vụ thay đũa cho Bác. Bác hiểu ý gọi anh quay lại, tươi cười nói: "Chú chỉ huy đánh du kích mà chẳng linh hoạt..." Đoạn, Bác kẹp chiếc đũa vào nách áo rồi vuốt nhẹ. Cả Bác và anh đều cười vui vẻ, thoải mái ngồi vào bàn ăn. Bữa cơm mời khách của Bác cũng bình dân *hết sức* chỉ có một dĩa nhỏ cá kho, thịt rim, một dĩa rau xanh, một tô canh, ít cà pháo, đủ cho hai người ăn; rất hợp khẩu vị và ngon miệng. Anh xúc động kết luận: "Bác hồn nhiên, giản dị, *hết sức* bình dân, chân chất".

Sau bữa ăn, Bác mở hộp thuốc lá thơm mời anh một điếu. Anh thấy Bác cũng định rút cho Bác một điếu, nhưng bỗng dung Bác tần ngần đóng nắp hộp thuốc lại. Bác nói với anh: "Sức khỏe có vấn đề. Bộ Chính trị và các bác sĩ đề nghị và quy định Bác mỗi ngày chỉ được hút 3 điếu. Thôi thì đành để dành cho những lúc công việc quá căng thẳng vậy...". Anh Năm Công vô cùng kính phục Bác là một người *hết sức* tự giác, gương mẫu, chấp hành

Nghị quyết của Đảng và của tập thể *hết sức* nghiêm minh, chấp hành pháp luật, không bao giờ tự cho mình có quyền đứng trên pháp luật. Anh bảo mỗi lần được trực tiếp làm việc với Bác, anh học được ở Bác rất nhiều điều. Không chỉ học được đức hy sinh cao cả hết lòng vì nước, vì dân, sống *hết sức* trong sáng, mẫu mực, giản dị, mà đặc biệt là Bác *hết sức* coi trọng thực tiễn, xem thực tiễn mới chính là lý luận, là chân lý. Bác *hết sức* không ưa những người lý thuyết suông, mắc bệnh hình thức, giáo điều, tác phong quan liêu, xa rời quần chúng, coi thường nhân dân. Anh kể lại chuyện Hội nghị Trung ương đã tán thành ý kiến không thể đấu tranh thống nhất nước nhà bằng con đường hiệp thương chính trị, tổng tuyển cử; phải vũ trang chiến đấu để giải phóng miền Nam. Anh xin ý kiến Bác: "Có phải chờ nghị quyết, chỉ thị của Trung ương không?. Bác cười vui vẻ nhưng trả lời dứt khoát: "Tình hình đã rõ cả rồi. Đảng đã tin tưởng giao cho làm Bí thư Khu ủy. Chú hoàn toàn có quyền căn cứ vào thực tế tình hình và ý kiến của tập thể cấp ủy lãnh đạo và quyết đoán xử lý theo quyền hạn của mình. Cứ xuất phát từ thực tiễn mà hành động. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy chờ đợi nghị quyết, chỉ thị của trên, có khi đánh mất thời cơ"... Anh Năm Công phấn chấn nói tiếp: "Chính là bắt nguồn từ quan điểm thực tiễn cách mạng hết sức đúng đắn của Bác, đã dẫn đến thắng lợi rực rỡ của cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên ở miền Nam vào năm 1959 tại Trà Bồng, Quảng Ngãi và tiếp theo sau đó là cuộc Đồng khởi của Bến Tre năm 1960"...

Sau nhiều mẩu chuyện về Bác, anh Năm Công nói chuyện với chúng tôi về cục diện chiến trường sau Tết Mậu Thân năm 1968. Anh phân tích: "Cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 giành thắng lợi có ý nghĩa lịch sử hết sức quan trọng, làm cho tư tưởng "thất bại chủ nghĩa" bao trùm khắp nước Mỹ và đồng minh, nhất là trong chính quyền và trong quân đội Mỹ - ngụy. Mỹ đã thấy rõ hoàn toàn không còn khả năng chiến thắng trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Chúng đang tìm cách rút lui trong danh dự bằng cách chuyển chiến lược "chiến tranh cục bộ" sang chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Là cán bộ quân sự, các đồng chí hiểu rõ hơn ai hết bước thụt lùi chiến lược này của Mỹ, nhất định sẽ đến giai đoạn cuối của chiến tranh và Mỹ thất bại hoàn toàn là điều không thể tránh khỏi. Tuy vậy, kẻ thù không bao giờ cam chịu thất bại. Trong cơn giãy chết, chúng càng điên cuồng giãy giụa, dốc cạn túi vào "canh bạc khát nước" cuối cùng. Chúng gây cho ta những khó khăn gian khổ lớn nhất và những năm tới còn gian khổ hơn nhiều, chưa lường trước được. Song, Mỹ cút thì ngụy tất sẽ nhào. Vấn đề đặt ra là thời gian và cách làm của chúng ta như thế nào để "chế độ Sài Gòn" sụp đổ hoàn toàn. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy một khi cách mạng vượt qua những cam go thử thách lớn nhất, sẽ giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Vừa qua, các đồng chí đã kiên định vững vàng trước những gian khổ, thiếu thốn chưa từng có. Sắp tới, đòi hỏi chúng ta càng nỗ lực vượt bậc, nhất định sẽ tạo nên bước chuyển tiếp trên chiến trường.

Còn một vấn đề nữa, *hết sức* quan trọng cả về lâu dài, tôi thấy không thể không nói để các đồng chí hiểu rõ sự thật. Đó là mối quan hệ Liên Xô - Trung Quốc đang diễn biến phức tạp, khiến cán bộ, chiến sĩ ta có nhiều suy nghĩ, lo lắng. Mối bất hòa giữa Liên Xô - Trung Quốc còn kéo dài ảnh hưởng nhất định đến công việc giải phóng giành độc lập dân tộc hiện nay và xây dựng chủ nghĩa xã hội sau này. Qua chiêm nghiệm bản thân, tôi thấy cần làm tốt mấy vấn đề dưới đây:

1- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng không nên thiên về một chiều, chưa chú trọng làm rõ bản chất của sự vật, hai mặt của vấn đề; không nên ngần ngại trước sự thật và nói không đúng sự thật. Không rõ sự thật và bản chất của sự vật, thì khi xảy ra tình hình trái chiều suy nghĩ người ta không phân định được, đâm ra hoang mang. Từ lâu, không ít người quen nếp nghĩ rằng chủ nghĩa xã hội, phe xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ Xô - Trung và Xô - Trung với Việt Nam hoàn toàn tốt đẹp, bất biến. Sự thật không phải như vậy. Lịch sử của phong trào cộng sản quốc tế cũng như quá trình Đảng ta ra đời, từng thời kỳ đều có ý kiến không thống nhất hoặc bất đồng. Phải xem đó là điều không tránh khỏi, không có gì phải bi quan. Điều có ý nghĩa nhất như Bác đã dặn, đó là phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm đoàn kết quốc tế vô sản hết sức tốt đẹp của chủ nghĩa Mác - Lênin và của Đảng ta. Chúng ta phải nêu gương về tinh thần đoàn kết quốc tế một cách vô tư, trong sáng, thủy chung, mẫu mực, góp phần có hiệu quả nhất làm cho các nước anh em, bè bạn đoàn kết lại.

2- Chúng ta phải đời đời biết ơn sự giúp đỡ về vật chất tinh thần hết sức to lớn, quý báu của Đảng, Chính phủ, nhân dân Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân, bạn bè quốc tế. Song, đừng quên rằng tinh thần tự lực cánh sinh, nỗ lực chủ quan của ta đóng vai trò quyết định. Bởi, cách mạng phải tự thân vận động là chính, không thể ỷ lại, dựa hẳn hoặc lăn theo "gậy chỉ huy" của nước ngoài. Bất luận tình thế nào cũng phải giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ. Mất độc lập, tự chủ là mất tất cả. Đặc biệt không thể để mất dù là một tấc đất của Tổ Quốc. Lịch sử cho thấy tư tưởng "nước lớn", "dân tộc lớn" sẽ dẫn đến bành trướng, bá quyền áp đặt quan điểm riêng, viện trợ có điều kiện hoặc xuất khẩu cách mạng.

3- Rút kinh nghiệm về bài học xương máu này, chúng ta phải ghi lòng tạc dạ lời Bác căn dặn: *"Giúp bạn là tự cứu mình"*, phải hết sức vô tư trong sáng, chí tình chí nghĩa trong nhiệm vụ đoàn kết, giúp đỡ hai nước láng giềng anh em Lào, Campuchia, các nước anh em và bạn bè quốc tế"...

Ôn lại những gì anh Năm Công nói chuyện với chúng ta ở rừng Trường Sơn đêm ấy, cho đến nay vẫn thấy thật bổ ích. Tôi không thể nào quên những năm 1960 - 1972, ở chiến trường Khu 5, Mỹ - ngụy dốc toàn lực hòng đẩy lực lượng chủ lực của ta lên núi, giành lại quyền làm chủ ở đồng bằng. Chúng tôi đã sống những ngày tháng cực kỳ gian khổ, khốc liệt, đói cơm, sốt rét liên miên. Nhưng kẻ thù vẫn không ngăn chặn được những trận đánh của ta

diễn ra trên khắp các mặt trận, đặc biệt là Sư đoàn 3 Sao Vàng đã giải phóng một vùng rộng lớn ở bắc Bình Định, nối dài từ huyện Đức Phổ - nam Quảng Ngãi vào đến huyện Phù Mỹ của Bình Định. Trong những trận đánh ấy, lần đầu tiên ta thu được đại bác 105 ly của địch, khiến cho địch lại rơi vào tình thế bị động, hoang mang. Cuối năm 1972, trong cơn tuyệt vọng, Mỹ đã cuồng điên "chơi nước cờ" cuối cùng, đưa cuộc chiến tranh Việt Nam lên nấc thang tột đỉnh đó là đánh bom hủy diệt Hà Nội nhưng chúng đã thất bại hoàn toàn.

Hơn 40 năm qua, nghĩ về anh Võ Chí Công, về rừng Trường Sơn đêm ấy, tôi luôn có ấn tượng sâu sắc, đẹp đẽ về một nhà lãnh đạo xuất sắc, người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Anh là một nhà lãnh đạo luôn gắn chặt lý luận với thực tiễn, coi trọng thực tiễn và việc làm hơn lời nói hoặc hứa suông. Anh luôn tỏ rõ năng lực của một nhà lãnh đạo sáng suốt, quyết đoán, đầy sáng tạo. Đặc biệt, anh hết sức tin tưởng sức mạnh và tài trí của nhân dân, dựa hẳn vào dân, tôn trọng tập thể lãnh đạo và đội ngũ cán bộ cấp dưới. Anh là người sống rất giản dị, chân thành, chan hòa vui vẻ với mọi người. Xin cảm ơn anh, một chiến sĩ cộng sản kiên cường, mẫu mực, lưu lại cho đời một tấm gương sáng về lòng tận trung với Đảng, tận hiếu với dân.

NGƯỜI ĐI TÌM NO ẤM CHO DÂN

THÁI DUY (TRẦN ĐÌNH VÂN) *

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất nhưng nông dân trong các hợp tác xã nông nghiệp vẫn bị trói buộc, làm theo khoán việc. Không thể chịu cảnh đói nghèo mãi, các xã viên trong nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã lặng lẽ bỏ khoán việc, chuyển sang khoán hộ. Chuyển khoán không cho tỉnh và huyện biết, chỉ trong nội bộ hợp tác xã biết với nhau cho nên gọi là khoán chui. Khi đó, khoán chui bị lên án gay gắt cho là chống chủ nghĩa xã hội ở nông thôn, là chống Đảng, nơi nào không may bị lộ, lãnh đạo xã và hợp tác xã bị kỷ luật, thậm chí có người còn bị khai trừ Đảng, nhưng bằng mọi giá, nhiều hợp tác xã vẫn khoán chui, có nơi đã bị kỷ luật, lại chờ đợi một thời gian "chui" tiếp. Bị dồn vào thế cùng, nhiều nông dân đã nói "khoán chui hay là chết" vì không thể cam chịu làm theo khoán việc mãi.

Nền kinh tế của nước ta chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp nên khủng hoảng rất trầm trọng, lương thực cạn

---

* Nhà văn, nguyên phóng viên báo *Đại đoàn kết*.

kiệt đến nỗi dân thành phố Hồ Chí Minh phải ăn bo bo, sắn lát... mua theo tem phiếu. Sản xuất nông nghiệp vẫn trì trệ, bế tắc không thể cứu vãn, nền kinh tế đang tiếp tục kém xa một số nước trong khu vực. Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, mặt trận nông nghiệp thay đổi lãnh đạo, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng được giao trọng trách phụ trách nông nghiệp, kiêm Trưởng Ban Cải tạo nông nghiệp toàn quốc. Nghe tin này, một số cán bộ tỏ ra băn khoăn, nghi ngại, nền nông nghiệp đang trải qua một thời kỳ khó khăn, phức tạp chưa từng thấy, đồng chí Võ Chí Công hoạt động ở chiến trường suốt 30 năm, đã quen đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, binh vận nay lãnh đạo nông nghiệp cả nước lại là nông thôn hợp tác hoá đi lên chủ nghĩa xã hội, trọng trách này có quá sức đồng chí không? Từng có lời giải thích, dầu sao bao quát, quán xuyến trên mặt trận nông nghiệp đã có cơ quan tham mưu của Đảng về nông nghiệp là Ban Nông nghiệp Trung ương, ở mỗi tỉnh nông nghiệp, tỉnh lúa đều có lãnh đạo kinh nghiệm, đó là chỗ dựa vững chắc để đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo nông nghiệp cả nước. Nông nghiệp phải đối mặt với một chọn lựa hết sức khắc nghiệt: loại bỏ khoán việc và chuyển sang khoán sản phẩm mới đáp ứng đòi hỏi của hàng chục triệu hộ nông dân. Thế nhưng, lãnh đạo Ban Nông nghiệp Trung ương và lãnh đạo mấy tỉnh có diện tích lúa cao nhất miền Bắc lúc bấy giờ như: Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hải Hưng, Hà Bắc không ủng hộ khoán sản phẩm (còn gọi là khoán lúa) và bảo vệ khoán việc đến cùng. Một số cán bộ phụ trách Ban Cải tạo

nông nghiệp miền Nam cũng không ủng hộ khoán sản phẩm, đặc biệt ở Nam Bộ.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV họp tháng 9-1979 đã có những đổi mới hơn so với những Hội nghị Trung ương lần trước. Đó là không còn tiếp tục trói buộc mà bắt đầu nới lỏng sợi "dây trói". Đông đảo nhân dân rất mừng và thấy có phần nào "dễ thở" nếu Nghị quyết Trung ương 6 được thực hiện nghiêm chỉnh, nhưng các bộ, ban, ngành, các cơ quan nghiên cứu Trung ương lại có những quan điểm rất khác nhau, đấu tranh gay gắt, trong đó tập trung vào vấn đề nóng bỏng nhất là ủng hộ khoán chui, khoán hộ hay tiếp tục nghiêm cấm.

Đồng chí Võ Chí Công đứng trước rất nhiều khó khăn khi hầu hết bộ, ban, ngành ở Trung ương, các trường, viện, các cơ quan nghiên cứu, tập trung những cán bộ được học hành, bồi dưỡng nhiều lại ủng hộ khoán việc, chống khoán chui. Báo và tạp chí ở Trung ương chỉ tuyên truyền cho khoán việc và nếu có bài viết về khoán sản phẩm, khoán chui chỉ là phân tích những tiêu cực khoán này gây ra và đổ tội cho các lãnh đạo đảng viên cơ sở theo đuôi quần chúng.

Chỗ dựa của đồng chí còn rất mong manh, cái cũ vẫn rất ưu thế.

Về các địa phương, đồng chí rất ít về tỉnh, về huyện mà đi thẳng xuống hợp tác xã, đến từng nhà gặp xã viên hỏi thật kỹ, thật cụ thể, có nơi đi với xã viên ra đồng xem cách làm, gợi ý cho bà con phát biểu tại sao 95% đất tập thể bà con không muốn làm, thậm chí lúa chín không đi gặt, còn

đất 5% thì làm ngày, làm đêm, chỉ có 5% mà làm ra sản phẩm nuôi cả gia đình. Xã viên nói với đồng chí, bà con không muốn làm đất 95% vì "cha chung không ai khóc", người chăm và người lười hưởng như nhau, tại sao lại không khoán ruộng nhà nào, nhà nấy cày, cấy, chăm sóc, thu hoạch. Đồng chí đến một hợp tác xã đang khoán chui, tìm hiểu tại chỗ khoán chui, khoán sản phẩm hơn khoán việc ở những điểm nào và đồng chí thấy rằng, nơi nào khoán chui không những đủ ăn mà còn có tích luỹ, đóng góp cho Nhà nước tăng, lương thực dồi dào, đời sống người dân được nâng cao hơn hẳn khoán việc. Nơi nào đã "chui" nhưng mới khoán sản phẩm 50-70%, đồng chí đều khuyến khích hợp tác xã khoán mới cả 100%, còn giữ lại một phần khoán cũ, khoán việc làm gì, thế giới khoán sản phẩm từ lâu, nay nông thôn ta mới làm là quá muộn.

Gần gũi các xã viên mới thấy, làm theo khoán việc đói quanh năm là tất nhiên, làm chủ đối với nông dân nhưng lại không cho người nông dân nắm ba quyền căn bản nhất: quyền làm chủ tư liệu sản xuất, quyền làm chủ quản lý sản xuất kinh doanh, quyền làm chủ phân phối. Ba quyền làm chủ này do ban quản trị hợp tác xã nắm. Khoán việc không những tước đoạt mọi quyền làm chủ của các xã viên, mà còn dồn quá nhiều quyền hành vào tay các cán bộ có chức quyền ở xã, từ chấm công điểm đến chia từng hạt thóc cũng do họ quyết định, không có chữ ký của họ không thể vào Đảng, vào đoàn, đi học, đi công tác. Cần hiểu sâu xa những hậu quả do khoán việc gây ra mới thông cảm nỗi khổ cực của người nông dân, mới thấy vô cùng cấp bách

ủng hộ khoán chui, bảo vệ khoán chui. Rõ ràng loại bỏ khoán việc là vấn đề sống còn không những đối với nông nghiệp mà còn với nền kinh tế nước ta, nhưng lực cản còn rất lớn.

Ưu thế nổi bật của khoán sản phẩm, khoán chui là năng suất cây trồng, vật nuôi đều cao hơn hẳn khoán việc. Tuy nhiên, một số cán bộ bảo vệ khoán việc đến cùng thừa biết chỗ yếu không thể nào khắc phục được của khoán việc nên đã gắn khoán việc với chủ nghĩa Mác - Lênin, với chủ nghĩa xã hội để tạo nên ưu thế đối với khoán chui, có cớ phê phán, quy chụp khoán chui đang phá vỡ hợp tác xã, đưa nông thôn theo con đường tư bản chủ nghĩa, thậm chí có cán bộ thừa nhận nhiều nơi khoán việc vẫn còn thiếu ăn nhưng lại tự an ủi, tự động viên "thà đói còn hơn mất lập trường". Người ta cố làm cho khoán việc có vẻ thiêng liêng để không ai dám đụng chạm đến. Đảng viên cơ sở báo cáo với đồng chí Võ Chí Công một số cán bộ ở trên về nói "đòi loại bỏ khoán việc thế thì đốt hết sách Mác - Lênin hay sao? hoặc có người tỏ ra ngạc nhiên: Không còn khoán việc thế thì làm gì còn chủ nghĩa xã hội nữa". Đảng viên cơ sở ở tỉnh Nghệ Tĩnh rất khổ tâm khi nghĩ ra cách làm ăn no cơm, ấm áo lại bị lên án đủ thứ tội: "sai đường lối, sai quan điểm...".

Về các hợp tác xã, đồng chí Võ Chí Công nói với đảng viên cơ sở và các xã viên: "khoán việc không phải là cái bàn thờ, nông dân không chịu nổi khoán việc, đòi bỏ khoán việc, đòi phải thay đổi hình thức khoán, Đảng phải thỏa mãn đòi hỏi chính đáng của nông dân, cưỡng lại mãi sao

nổi". Đồng chí nhắc đi, nhắc lại để mọi người ghi lòng tạc dạ: "khoán việc có phải là cái bàn thờ đâu mà nông dân không dám đụng đến, nông dân không loại bỏ khoán việc chỉ mãi mãi đói. Chủ nghĩa xã hội không thể chấp nhận khoán việc vì đã là chủ nghĩa xã hội cách làm ăn phải do dân tự nguyện chọn lựa, phải mang lại no ấm, hạnh phúc cho dân. Chỉ có khoán sản phẩm, khoán chui mới phù hợp với chủ nghĩa xã hội vì ở bất cứ đâu khoán chui thu nhập của xã viên cũng hơn hẳn khoán việc, vậy tại sao lại gắn khoán việc mà nông dân coi như cái cùm trên vai với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là năng suất, chất lượng, hiệu quả, là sản xuất không ngừng phát triển, đời sống ngày một cải thiện chứ không phải như gần 20 năm qua, làm theo khoán việc người nông dân mất mọi quyền làm chủ, biến thành người lao động phụ thuộc, chỉ còn là những người làm thuê cho hợp tác xã, như nhiều lão nông đã nói: "không còn địa chủ nhưng các xã viên vẫn như những tá điền".

Những ý kiến của đồng chí Võ Chí Công là những ý kiến chỉ đạo sắc bén rất hợp lòng dân nhưng không thể thông tin rộng rãi trên báo chí, vì báo chí lúc ấy vẫn chỉ tuyên truyền cho khoán việc. Cũng may tiếng lành đồn xa, những ý kiến của đồng chí được truyền miệng rộng rãi. Chỉ riêng việc này thôi cũng thấy cái cũ đã quá lạc hậu nhưng vẫn còn chỗ dựa khá vững chắc và cuộc đấu tranh của đồng chí Võ Chí Công cho cách làm ăn mới còn vô cùng gian nan. Chờ đợi có một chỉ thị từ trên cho phép nông dân loại bỏ khoán việc vẫn chỉ là ảo tưởng và chỉ còn cách dựa

vào các hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất, dựa vào hàng chục triệu nông dân hầu hết thiếu ăn, trình độ văn hoá có hạn nhưng lại là những người sáng tạo ra cách làm ăn mới và dưới sự lãnh đạo của hàng vạn đảng viên cơ sở đang ra sức bảo vệ khoán chui. Về địa phương công tác, không phải tỉnh nào đồng chí Võ Chí Công cũng gặp thuận lợi, có tỉnh lãnh đạo dứt khoát chỉ duy trì khoán việc, sẵn sàng trừng trị đảng viên dính líu đến khoán chui. Đồng chí Võ Chí Công về thăm hợp tác xã nào, hôm sau tỉnh đã cử cán bộ về nghe ngóng xem ông Công nói gì còn "tẩy não" cho đảng viên cơ sở và xã viên.

Khoán chui ra đời từ những năm 1976, 1977 và mặc dù bị lên án dữ dội nhưng khoán chui vẫn như "vết dầu loang" không ngăn chặn nổi. Từ khẩu hiệu "khoán chui hay là chết" đã được thay bằng "đổi mới hay là chết". Nền kinh tế của nước ta lúc ấy chìm đắm trong bao cấp đã có hiện tượng mới xuất hiện trong nông nghiệp và khoán chui chính là những đốm lửa đổi mới đầu tiên. Khoán chui mở rộng trở thành xu thế không thể đảo ngược. Khoán chui phát triển càng nhanh, khó khăn càng lớn đối với đồng chí Võ Chí Công. Khoán sản phẩm vẫn phải giấu diếm, che đậy nên làm đủ kiểu cách, chưa có bài bản, còn đơn sơ chưa thoát khỏi cơ chế cũ. Đồng chí hoàn toàn đồng ý với đề nghị của một số chuyên viên hoạt động lâu năm trong ngành nông nghiệp bằng mọi giá "chấm dứt khoán đến nhóm", "khoán đến nhóm" sẽ lại "cha chung không ai khóc", sẽ lại "thằng còng làm, thằng ngay ăn" dứt khoát chỉ "khoán đến người lao động". Lúc này, khoán

hộ bị cấm, không được nói đến khoán hộ, trong khi nông dân chỉ thích khoán hộ, vì chỉ có khoán hộ mọi quyền làm chủ mới thuộc về nông dân, mỗi hộ là một đơn vị kinh tế tự chủ, sản xuất, kinh doanh, phân phối đều do hộ quyết định. Khoán sản phẩm cũng là đổi mới, dù đổi mới còn nửa vời, vẫn nằm trong khoán việc, bị khoán việc chi phối, nhưng trong khi chưa được khoán hộ thì khoán sản phẩm vẫn là bước tiến bộ đáng kể. Đồng chí Võ Chí Công thấy cần làm thí điểm ở một, hai hợp tác xã nông nghiệp, đồng chí sẽ trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra. Lúc đó có tin "ông Võ Chí Công cũng phải làm chui" như đảng viên cơ sở nhưng ít ai dám tin. Về việc này, trong cuốn Hồi ký *Trên những chặng đường cách mạng* của đồng chí Võ Chí Công có đoạn như sau:

... Tôi viết thư cho đồng chí Hoàng Quy, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú đề nghị cho làm thí điểm khoán đến người lao động ở xã Thô Thụy, Vĩnh Lạc, huyện Vĩnh Tường. Được đồng chí Quy đồng ý, tôi dẫn hai cán bộ Bộ Nông nghiệp lên huyện gặp đồng chí ủy viên Tỉnh ủy, Huyện ủy bàn kỹ cách làm. Bàn xong thấy ai cũng phấn khởi, hào hứng. Tôi để lại hai cán bộ của tôi trực tiếp ở lại xã, tôi thỉnh thoảng đến xem và góp ý kiến. Có lần tôi đến giữa vụ Đông Xuân, thấy kết quả ruộng khoán xanh tốt hơn nhiều, khác hẳn ruộng hợp tác xã chưa khoán. Nhưng tôi vẫn chưa dám báo cáo với Chính phủ, Ban Bí thư và Bộ Chính trị. Anh em nói đây là "làm chui", tôi trả lời lĩnh vực này là trách nhiệm của tôi, tôi không làm sai đường lối, chủ trương của Đảng, hơn nữa đây mới là thí điểm[1].

---

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng, Sđd,* tr.296-297.

Những cán bộ được đồng chí Võ Chí Công chọn lọc, tin cậy, bám các thí điểm đều đinh ninh "làm chui" vì khoán đến người lao động mà đồng chí quyết tâm xây dựng thành mô hình phổ biến vẫn đang bị lên án. Hiếm có lãnh đạo cấp cao nào bám sát cơ sở như đồng chí Võ Chí Công, chia lửa với đảng viên cơ sở và vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đưa khoán chui ra khỏi thế bất hợp pháp, không còn bị cấm kỵ nữa và dần dần được lan rộng trong cả nước.

Ở một số tỉnh, nhiều xã đã công khai chuyển sang khoán sản phẩm, Nghệ Tĩnh (nay là hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh), Vĩnh Phúc, Hà Sơn Bình (nay là Hà Nội và Hòa Bình) lãnh đạo khuyến khích nông dân chuyển sang khoán mới, một số tỉnh lãnh đạo kiên quyết bảo vệ khoán cũ, khoán việc nhưng cũng không ngăn cản nổi khoán chui đã chiếm già nửa số hợp tác xã. Trong một số cuộc họp, đồng chí Võ Chí Công đề nghị Đảng cần chủ động công nhận khoán chui hợp pháp, nếu không khoán chui sẽ thu hẹp khoán việc và sớm muộn sẽ chỉ còn khoán chui.

Ngày 22-10-1980, Ban Bí thư ra Thông báo số 22 công nhận khoán chui là cơ chế quản lý hợp pháp, hợp tác xã có hai hình thức khoán: khoán việc và khoán sản phẩm để xã viên lựa chọn.

Thông báo số 22 đã gây chấn động nông thôn, từ nay khoán đến người lao động không còn phải mang cái tên chẳng đẹp chút nào là "khoán chui" nữa, nông dân bước đầu được giải phóng, nhiều nơi người dân vui mừng như mở hội, đúng như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gọi khoán chui thắng lợi là "ngày hội của quần chúng".

Sau Cách mạng Tháng Tám, khoán chui là một cuộc cách mạng nhen nhóm từ cơ sở đã lôi cuốn hàng chục triệu nông dân vượt qua mọi nghị quyết xa rời cuộc sống, bất chấp mọi luật lệ cấm nghiêm ngặt, không ít đảng viên cơ sở bị khai trừ chỉ vì không chịu quay lưng lại với sự đói khổ của dân và đã góp phần mở lối ra cho nông nghiệp đang khủng hoảng trầm trọng vì bám cách làm ăn cũ mất lòng dân quá lâu. Thông báo số 22 không được phổ biến công khai trên báo chí với cái cớ đó mới chỉ là thông báo, cần có một chỉ thị của Ban Bí thư mới có thể công khai rộng rãi đưa tin khoán chui đã được công nhận hợp pháp.

Dựa vào đó, Ban Nông nghiệp Trung ương và nhiều cơ quan Trung ương khác chống khoán chui càng quyết liệt hơn; phía chống cho rằng Thông báo số 22 mới chỉ là thông báo và có được báo chí nhắc đến đâu, người ta hù doạ khoán chui thắng lợi có nghĩa là khoán hộ đã trong tầm tay, nếu khoán hộ thì 20 năm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, chỉ còn con số không. Đồng chí Võ Chí Công và một số đồng chí lãnh đạo khác lại phải đối phó với những cán bộ đòi xét lại, huỷ bỏ Thông báo số 22.

Trong lãnh đạo, hiểu biết về khoán sản phẩm cũng còn khác nhau. Có đồng chí tán thành khoán sản phẩm nhưng chỉ muốn khoán đến nhóm, đồng chí Võ Chí Công phải giải thích rằng những người chỉ thích khoán việc lợi dụng khoán đến nhóm để nâng dần lên thành khoán đội và sẽ lại "cha chung không ai khóc". Đã là nông dân chân lấm tay bùn từ Bắc đến Nam chỉ mong khoán đến người lao động.

Có đồng chí lãnh đạo đến Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc nói chuyện, tán thành khoán sản phẩm vì năng suất lúa cao hơn khoán việc, không còn thiếu ăn, làm nghĩa vụ cho Nhà nước cũng tăng. Nạn đói đang lan rộng, rất thiếu lương thực đành phải khoán sản phẩm để đối phó với nguy cơ trước mắt; thế nhưng đồng chí nhấn mạnh khoán sản phẩm là bước lùi, là rất tạm thời. Những nơi đang được khoán sản phẩm có lẽ chỉ được làm vài vụ; một câu hỏi rất phổ biến được nêu lên: làm theo khoán sản phẩm đến bao giờ? Những người chỉ ủng hộ khoán việc, nhân cơ hội này, gọi khoán sản phẩm là "khoán lùi". Người ta rêu rao, đã khoán chui, nay lại khoán lùi, phao tin khoán sản phẩm chỉ được làm vài vụ thôi rồi lại phải quay về với khoán việc.

Để trong nội bộ thông suốt, đồng chí Võ Chí Công giải thích cặn kẽ, khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động là bước tiến phù hợp với quy luật kinh tế khách quan trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Để thuyết phục mọi người đứng về phía khoán sản phẩm, đồng chí Võ Chí Công đã phải trải qua một thời gian rất khó khăn, vất vả khi chưa dựa được vào báo chí.

Một tin vui được mọi người mong đợi đã lâu, cuối cùng đã đến: giữa tháng 11-1980, báo chí không chỉ tuyên truyền cho khoán việc nữa mà bắt đầu tuyên truyền cho khoán sản phẩm, có tờ báo ra số đặc biệt in màu về khoán sản phẩm.

Tháng 11-1980, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IV thông qua Nghị quyết về mở rộng và

hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Để thực hiện Nghị quyết, Ban Bí thư quyết định triệu tập Hội nghị tại Hải Phòng và sau Hội nghị sẽ có một chỉ thị của Ban Bí thư phổ biến rộng rãi trong cả nước, chính thức công nhận khoán sản phẩm tồn tại hợp pháp cùng khoán việc. Địa điểm họp Hội nghị cũng lại gây tranh cãi, khoán sản phẩm còn gọi là khoán lúa, tại sao khoán lúa lại họp ở thành phố chuyên sản xuất xi măng? Các tỉnh nông nghiệp sản xuất nhiều lúa, còn gọi là các tỉnh lúa, lãnh đạo đều kiên quyết chống khoán chui, chống khoán sản phẩm, còn Hải Phòng là thành phố đã dám công khai chuyển toàn bộ nông thôn ngoại thành sang khoán sản phẩm, loại bỏ hoàn toàn khoán việc vì vậy Ban Bí thư quyết định họp Hội nghị ở Hải Phòng.

Hội nghị họp từ ngày 3 đến ngày 7-1-1981, do đồng chí Lê Thanh Nghị, Thường trực Ban Bí thư chủ trì. Hội nghị do Ban Bí thư triệu tập, nhưng khâu tổ chức hội nghị giao cho Bộ Nông nghiệp vì các cơ quan Trung ương rất chú ý đến Hội nghị này. Đây là lần đầu tiên sáng kiến của quần chúng từng bị cấm kỵ nhiều năm, cuối cùng được Đảng công nhận là nhân tố mới. Các đoàn đến Hội nghị phần lớn số đại biểu vượt quy định, có nhiều cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, chuyên gia đầu ngành. Thành phố Hải Phòng phải huy động nhà khách của các cơ quan mới đủ chỗ cho khách. Ngoài các đoàn tỉnh, thành phố còn có 121 đoàn của huyện, 16 đoàn của xã. Trước giờ khai mạc Hội nghị đã có lời đồn về tham luận của đoàn tỉnh Hải Hưng (nay là hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên) được viết rất công phu,

có ý kiến đóng góp của một số chuyên viên tầm cỡ, hoàn toàn bác bỏ khoán sản phẩm, lại còn dự đoán tham luận này có thể thuyết phục được những đại biểu đang còn ở "ngã ba đường", làm nghiêng cán cân về phía khoán việc, lại còn đặt mức phấn đấu, nếu không ngăn cản được một chỉ thị ủng hộ khoán sản phẩm ra đời thì cũng làm cho chỉ thị ấy hạn chế tối đa có lợi cho khoán sản phẩm.

Theo dõi các tham luận tại Hội nghị, thấy rõ phía nào cũng quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn, cũng tha thiết mong muốn nông dân mau thoát khỏi nghèo khổ, chỉ khác nhau ở hình thức khoán. Khoán hộ đã được nhắc đến tại hội trường, có đại biểu sợ khoán hộ tỏ ra thắc mắc, khoán sản phẩm tới người lao động lại nói gia đình cùng làm, thế thì có phải là một thứ khoán hộ không? Nông dân ở đâu cũng mê khoán hộ nhưng tại hội nghị không những khoán hộ lép vế, "thấp cổ bé họng" mà nói đến khoán hộ tại hội trường chỉ theo hướng nêu cao cảnh giác để đừng hiểu lầm khoán sản phẩm lại là mầm mống của khoán hộ.

Đến giờ nghỉ, ra ngoài hội trường thì tình hình lại khác, mọi người bàn sôi nổi về khoán hộ. Nông dân Vĩnh Phú từng làm khoán hộ, một số nơi chui đã khoán hộ thì nay có dịp so sánh khoán hộ hơn khoán sản phẩm. Khoán hộ, nông dân được "cởi trói" hoàn toàn, còn khoán sản phẩm mới chỉ là nới lỏng phần nào sợi "dây trói", tất nhiên khoán sản phẩm cũng là một sự đổi đời so với khoán việc. Có đại biểu chưa hiểu hết tính chất phức tạp của tình hình lại thắc mắc sao nông dân không chuyển sang khoán hộ,

lại hài lòng với khoán sản phẩm. Diễn biến ở Hội nghị cho thấy tiếng nói thực sự của nông dân rất khó cất lên nổi, khát vọng cháy bỏng của nông dân là khoán hộ, nhưng không có một phát biểu nào dám công khai tỏ ra nghiêng về khoán hộ, nhiều đại biểu thích khoán hộ nhưng bài học Kim Ngọc còn đó.

Hội nghị họp đến ngày thứ ba, đồng chí Võ Chí Công phát biểu. Đồng chí nói đến Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, miền Nam thuộc chính quyền Mỹ - Diệm, hai bên sẽ hiệp thương, tiến tới tổng tuyển cử. Ta tôn trọng Hiệp định, ta chôn súng, đạn, ta đấu tranh chính trị nhưng bọn Mỹ - Diệm đã phản bội Hiệp định khi còn chưa ráo mực. Chúng tổ chức tố cộng, truy lùng đảng viên, cán bộ, giết hại những người kháng chiến cũ. Quần chúng, đảng viên cơ sở đòi moi súng đạn, đòi phải để quần chúng tự vệ bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, nhưng ta vẫn ra sức tôn trọng Hiệp định, không dám kết hợp đấu tranh vũ trang; suốt mấy năm (từ 1955 - 1958), quần chúng, đảng viên cơ sở vẫn chỉ đấu tranh chính trị và chịu đựng tổn thất xương máu nặng nề.

Các đại biểu hồi hộp lắng nghe đồng chí nói đến bao hy sinh to lớn, đáng lẽ có thể tránh hoặc hạn chế đến mức tối đa nếu lãnh đạo bám sát cơ sở, gần dân, chịu nghe dân, nắm bắt được nguyện vọng chính đáng của nhân dân và đảng viên cơ sở. Chuyển sang khoán chui, khoán sản phẩm, đồng chí nói đến việc ta áp đặt khoán việc, bắt buộc các hợp tác xã nông nghiệp phải làm theo dù nông dân không muốn làm. Nông dân không chấp nhận khoán việc,

chỉ làm chiếu lệ, ta cho là nông dân chưa tiếp thu cái mới và kéo dài nhiều năm vẫn không quan tâm đến nguyện vọng chính đáng của nông dân. Dân đói, cuối cùng phải tự tìm cách làm ăn no cơm, áo ấm, ta lại cấm, bắt quay về với khoán việc nên dân đành cam chịu.

Đồng chí đặt vấn đề tại sao sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp lại trì trệ bế tắc, có nhiều tiêu cực. Mâu thuẫn gì đây ? Tìm hiểu ở một số hợp tác xã, đồng chí thấy có nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết giá trị ngày công quá thấp, thu nhập của xã viên không đủ sống ở mức tối thiểu, thiếu ăn quanh năm không bảo đảm tái sản xuất sức lao động, khoán việc có ưu điểm nhưng cũng bộc lộ nhiều nhược điểm, không gắn lao động sản xuất với sản phẩm cuối cùng, chỉ ra sức chạy theo công điểm chứ không nhằm vào sản phẩm làm ra. Mọi việc trong hợp tác xã đều tính thành công điểm, kể cả đi họp, đi dự lớp tập huấn huyện, thăm đồng, hoạt động văn nghệ, thể thao... đều tính công điểm để cuối vụ lúa chia thóc, người nhiều công điểm nhiều thóc. Công điểm là sơ hở lớn ở mỗi hợp tác xã vì vậy rất phổ biến tệ nạn "thằng còng làm, thằng ngay ăn".

Thời gian này nhắc đến ba lợi ích đều đặt lợi ích Nhà nước và tập thể lên trên rồi mới đến lợi ích người lao động. Tại Hội nghị, đồng chí Võ Chí Công đề nghị ngược lại, phải ưu tiên đặt lợi ích người lao động lên đầu rồi mới đến tập thể và Nhà nước. Khoán mới, khoán sản phẩm từ trong quần chúng nông dân mà ra, đã giải đáp một phần đòi hỏi về mâu thuẫn nói trên. Khoán sản phẩm không những mang lại lợi ích cho Nhà nước và tập thể mà người lao

động cũng đủ ăn và thừa ăn. Khoán sản phẩm đã thành phong trào quần chúng, ngăn cấm không được, có nơi mất thẻ đảng viên vẫn khoán sản phẩm. Lãnh đạo phải suy nghĩ đã là nguyện vọng của quần chúng, lãnh đạo phải tiếp thu, không nên chống lại. Đồng chí lưu ý Hội nghị phải tôn trọng quyền kinh tế của nông dân, có quyền kinh doanh lợi cho cả ba lợi ích, đừng trói nông dân đến nỗi không cựa được. Công - nông là chỗ dựa vững chắc của Đảng và Nhà nước tại sao lại trói chỗ dựa của mình. Khoán mới, khí thế của quần chúng sôi nổi, cách mạng, khí thế ấy chỉ lãnh đạo tư tưởng đơn thuần không lên được đâu mà phải thường xuyên kết hợp với cải thiện vật chất, nâng cao đời sống như từ khi có khoán sản phẩm thì dân mới vui.

Đồng chí chỉ rõ do ta xa dân, không chịu nghe dân, không làm theo dân, hiện nay nhiều hợp tác xã thiếu ăn, có những nơi đói trầm trọng ta vẫn bắt chỉ được làm khoán việc, trong khi ở đâu thực hiện khoán sản phẩm đều tăng thu nhập, giải quyết được nạn đói. Nhắc đến khoán sản phẩm còn bị hiểu sai trong một số cán bộ, đồng chí nói, khoán sản phẩm làm tan rã hợp tác xã, nếu vậy thì trời sập, khoán sản phẩm không đưa nông thôn lên chủ nghĩa xã hội, nếu vậy thì trời sập. Mấy lần đồng chí nhấn mạnh đến chữ "trời sập" để khẳng định mạnh mẽ, dứt khoát khoán sản phẩm là đúng đắn, hợp lòng người.

Nói vo, không một tờ giấy trên tay và chỉ trong khoảng nửa giờ nhưng đồng chí đã nói đến tất cả các vấn đề, từ miền Nam trước đồng khởi năm 1960 đến khoán chui,

khoán lúa năm 1980, hai thời kỳ chiến tranh và hòa bình nhưng nguyên nhân hàng đầu gây ra tổn thất hết sức lớn lao vẫn chỉ là một, đó là: lãnh đạo quan liêu, xa dân, xa cơ sở, rất chủ quan, không chịu lắng nghe dân, đã quen từ trên áp đặt chủ trương, mệnh lệnh xa rời cuộc sống. Từ lâu, nhiều cán bộ, đảng viên vẫn băn khoăn, lo lắng về tình trạng lãnh đạo không về xóm, ấp tiếp xúc với nông dân, hiểu biết về nông nghiệp, nông thôn, nông dân rất hạn chế, chỉ dựa vào tham mưu và tham mưu cũng rất quan liêu, không chịu nghe ý kiến ngược chiều. Phát biểu của đồng chí Võ Chí Công ngắn gọn nhưng đã nêu bật vấn đề cốt lõi nhất: Lãnh đạo quan liêu đã góp phần làm cho nhân dân chịu đựng đau khổ quá lâu. Quan liêu biểu hiện rất cụ thể tại Hội nghị này, khoán việc vẫn tồn tại vững chắc với khoán sản phẩm, còn khoán hộ là mơ ước, là khát vọng cháy bỏng của nông dân thì lại cấm kỵ.

Kết thúc bài phát biểu, đồng chí Võ Chí Công đề nghị đại biểu nào có ý kiến khác thì lên tiếng, đây là diễn đàn tự do, nếu cần thì tranh luận. Cái mới không dễ chấp nhận cần thẳng thắn trao đổi. Đồng chí nhắc đến Nghị quyết 15 năm 1959, đã cứu cách mạng miền Nam khỏi cuộc đàn áp đẫm máu của địch tưởng không còn gượng dậy nổi. Trước khi có Nghị quyết 15 cũng bàn đi, tính lại, cọ sát ý kiến suốt mấy năm. Cũng như tại Hội nghị này, một chỉ thị của Ban Bí thư hiện đang soạn thảo sẽ ra đời, nội dung chỉ thị như thế nào tùy thuộc vào quan điểm trình bày của chúng ta. Không có đại biểu nào phát biểu ý kiến ngoài tiếng vỗ tay không ngớt hoan nghênh bài phát biểu của đồng chí.

Đài Phát thanh Hải Phòng đã ghi băng ý kiến phát biểu của đồng chí Võ Chí Công, một số đại biểu xin băng đem về địa phương, cũng có trưởng đoàn không cho đoàn viên mang băng về vì lãnh đạo tỉnh vẫn chống khoán sản phẩm.

Hải Hưng là tỉnh giáp ranh với Hải Phòng, lãnh đạo Hải Hưng từng tuyên bố sẽ dựng hàng rào ngăn không cho khoán sản phẩm từ Hải Phòng tràn sang sau khi Hải Phòng là địa phương duy nhất dám công khai ra nghị quyết và chuyển toàn bộ nông thôn ngoại thành sang khoán sản phẩm. Trước bài phát biểu đầy sức thuyết phục của đồng chí Võ Chí Công, trưởng đoàn Hải Hưng đề nghị với lãnh đạo tỉnh có nên đọc tham luận của tỉnh tại Hội nghị không. Lãnh đạo tỉnh trả lời: "Phải giữ vững lập trường". Tham luận của đoàn Hải Hưng tập trung phê phán khoán sản phẩm đang phá hoại phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, không thể vì lợi ích trước mắt mà làm tan rã cơ sở của chủ nghĩa xã hội ở nông thôn. Tham luận đã dành một đoạn lên án báo chí đã đứng về phía khoán sản phẩm, làm cho trắng đen lẫn lộn, nông dân không phân biệt đâu là chính, đâu là tà. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Nguyễn Ngọc Trìu đã góp ý kiến về bài phát biểu của đại biểu tỉnh Hải Hưng, ông nói diễn biến của Hội nghị chứng minh đại đa số đại biểu công nhận khoán sản phẩm thì đời sống được cải thiện, báo chí đã tuyên truyền hướng dẫn nông dân làm theo khoán sản phẩm, không có sai sót như đại biểu của tỉnh Hải Hưng đã hiểu lầm.

Hội nghị gần đến ngày kết thúc, vẫn tưởng không còn

khó khăn nào nữa, nhưng bỗng lại có lực cản: một vị lãnh đạo cho là sản lượng thu hoạch trên đồng ruộng là kết quả công sức chung của tập thể hợp tác xã và của người nhận khoán sản phẩm, do đó phần sản lượng vượt mức khoán cũng phải có một tỷ lệ đưa vào quỹ ăn chia chung của hợp tác xã chứ không thể để người nhận khoán hưởng tất cả. Lúc này đang chuẩn bị đến bài phát biểu của đồng chí Lê Thanh Nghị kết luận, Hội nghị rất mừng là mấy chuyên viên đã đề nghị không chấp nhận ý kiến đó vì phần công sức của tập thể đã thể hiện ở mức khoán (tức là sản lượng mà người nhận khoán phải nộp cho hợp tác xã), nếu sản lượng vượt mức khoán cũng lại chia một phần cho tập thể thì vừa không hợp lý, vừa giảm mạnh tác dụng khuyến khích của cơ chế khoán sản phẩm. Nếu làm như vậy trong thực chất không còn là khoán sản phẩm nữa và Hội nghị Hải Phòng sẽ không thành công như đã đánh giá.

Đồng chí Lê Thanh Nghị kết luận Hội nghị đã rút ra bài học quý giá qua lời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn lãnh đạo các cấp (trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*): "Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới, để rút ra kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận"[1].

Đồng chí Võ Chí Công đã thực hiện đến nơi, đến chốn lời căn dặn trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong khi

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr. 329.

nhiều cơ quan Trung ương lên án dữ dội khoán chui, đòi thẳng tay trừng trị khoán chui thì đồng chí tìm về nơi khoán chui và sớm coi khoán chui là sự sáng tạo của nông dân, không thể bị vùi dập. Công lao của nông dân rất lớn, trong kháng chiến 30 năm đã rất nổi bật và trong hoà bình xây dựng khi cơ chế tập trung quan liêu triệt tiêu mọi sáng tạo, nông dân và đảng viên cơ sở đã gan góc vô cùng, bản lĩnh vô cùng trước lực cản lại là những người lãnh đạo mình, đã "chui" từ nhiều năm để cuối cùng mở ra lối thoát cho nền kinh tế nước ta khỏi suy sụp. Khoán sản phẩm trong nông nghiệp đã mở "đột phá khẩu" vào thành trì quan liêu bao cấp và báo hiệu công cuộc đổi mới đã trong tầm tay.

Chỉ mấy ngày sau Hội nghị Hải Phòng, ngày 31-1-1981, Chỉ thị 100 "Về *cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong Hợp tác xã nông nghiệp*" của Ban Bí thư ra đời, chính thức công nhận khoán sản phẩm là hợp pháp. Đây là thắng lợi của nông dân "khoán chui" bao nhiêu năm mới giành được quyền làm ăn như mong muốn. Dù sao cũng mới là thắng lợi bước đầu vì khoán việc vẫn còn, mong mỏi rất thiết tha của nông dân là loại bỏ khoán việc vẫn chưa được đáp ứng, còn khoán hộ vẫn bị thành kiến rất nặng nề cho nên Chỉ thị 100 vẫn phải viết là: "mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và đến người lao động". Những người đề xuất các cụm từ trong Chỉ thị 100 có dụng ý "lách về chữ nghĩa" vì một hộ có mấy người lao động có thể được coi là "nhóm lao động" và người lao động có thể là hộ độc thân,

đó là cách xử lý linh hoạt để có thể ban hành được văn bản khi chưa tạo được sự nhất trí ngay trong cơ quan lãnh đạo.

Là người tham gia soạn thảo Chỉ thị 100, khó khăn vô cùng đối với đồng chí Võ Chí Công là mô hình chỉ "khoán đến người lao động" mà đồng chí rất tâm đắc lại phải thêm "khoán đến nhóm lao động". Khoán đến nhóm, chỗ dựa hợp pháp để trở về với tình trạng "cha chung không ai khóc" và vẫn phân phối theo công điểm, khoán việc vẫn còn thì sớm muộn rất khó duy trì khoán sản phẩm. Cái mới chưa được chấp thuận, cái cũ chưa dễ rút lui, trong lãnh đạo còn sợ khoán hộ nên đồng chí đành bảo lưu ý kiến như đã viết trong Hồi ký: ... Cuối cùng tôi thỏa hiệp để cho Chỉ thị 100 ra được là thành công. Đúng như người xưa đã nói "vạn sự khởi đầu nan" tức là mọi việc lúc đầu đều khó, không thể đòi hỏi đúng hoàn toàn[1].

Chỉ thị 100 lẫn lộn giữa cái cũ với cái mới, quan điểm phía nào cũng có chỗ đúng trong Chỉ thị, vì vậy hiểu biết về khoán sản phẩm của các cán bộ còn ở mức độ khác nhau. Không ít cán bộ vẫn cho khoán sản phẩm là "chữa cháy", là "nhất thời", lương thực bớt khó khăn là khoán sản phẩm kết thúc "vai trò lịch sử". Những cán bộ lãnh đạo vẫn chống khoán sản phẩm, tìm mọi cách đánh giá thấp khoán sản phẩm, như vậy ảnh hưởng đến tinh thần hăng hái sản xuất của xã viên, đảng viên ở các hợp tác xã. Đảng đã thấy những lệch lạc cần phải sớm khắc phục và sau vụ Đông Xuân, vụ lúa đầu tiên sau khi có Chỉ thị

---

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng, Sđd,* tr.298.

100, Chính phủ tổ chức hội nghị sơ kết công tác khoán sản phẩm tại Hà Nam Ninh (nay là các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định) vào cuối tháng 8-1981, để khẳng định lại tính đúng đắn và khoa học của khoán sản phẩm và mở rộng ra tất cả các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ở miền Nam.

Một vụ lúa bội thu ở hầu hết hợp tác xã làm theo khoán sản phẩm. Hội nghị như một cuộc mừng công rất hiếm thấy sau những năm bao cấp khủng hoảng lương thực triền miên.

Đại biểu tỉnh Nghệ Tĩnh kể lại với Thủ tướng và toàn thể Hội nghị không khí tết Đoan Ngọ mùng 5 tháng 5 năm nay vừa thoải mái về tinh thần, vừa phong phú về vật chất và đề đạt nguyện vọng thiết tha của dân Nghệ Tĩnh như sau: hằng năm, tết Đoan Ngọ bà con nghĩ tới ông bà, ông vải và những người đã mang lại may mắn, hạnh phúc cho mình. Riêng năm nay bà con coi người đã nghĩ ra khoán mới này là một ông thần nông và rất mong biết ai đã nghĩ ra khoán sản phẩm nếu còn sống thì bà con Tết, đã chết thì bà con giỗ. Toàn thể Hội nghị vỗ tay hồi lâu nhiệt liệt hoan nghênh đề nghị của đại biểu Nghệ Tĩnh.

Đại biểu thành phố Hồ Chí Minh đã trình bày từng bước chuyển từ khoán việc sang khoán sản phẩm. Theo dõi đài và báo chí thấy nông thôn miền Bắc đang thực hiện khoán sản phẩm rất có hiệu quả. Thành ủy chủ trương làm thử mặc dù các cơ quan Trung ương và một vài cá nhân tìm mọi cách ngăn cản, thậm chí còn hù dọa "khoán sản phẩm sẽ đưa phong trào làm ăn tập thể tới chỗ tan

rã". Thành ủy kiên quyết làm thử khoán sản phẩm vì ở ngoại thành đã có mấy nơi khoán chui, nông dân nghe đài, đọc báo rất ham khoán sản phẩm, không chỉ đạo kịp thời, quần chúng cũng bung ra. Mỗi huyện ngoại thành đều có điểm làm thử và qua một vụ đầu kết quả đạt trên cả sự mong đợi, năng suất lúa, rau đều hơn hẳn khi còn khoán việc, nhiều trung nông tính toán thấy khoán sản phẩm thì họ có thể đi vào làm ăn tập thể, nông dân ở nhiều tập đoàn sản xuất đã tan rã thời phải làm khoán việc, đã tự động kéo nhau tới ủy ban nhân dân xã xin trở lại làm ăn tập thể theo khoán sản phẩm. Chỉ mới làm thử một vụ mà khoán sản phẩm đã có sức thu hút nông dân cá thể khá mạnh mẽ, nhiều người gọi khoán mới là "cây đũa thần".

Những ý kiến của đoàn thành phố Hồ Chí Minh và của mấy đoàn khác nữa về những hành động chống khoán sản phẩm của một số cán bộ có chức, có quyền đã chứng minh cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa hai hình thức khoán vẫn còn gay gắt, quyết liệt mặc dù đã có Chỉ thị 100. Được mùa thêm lúa, thêm lợn lại làm cho một số người hốt hoảng tưởng mất chủ nghĩa xã hội đến nơi. Người ta lớn tiếng "khát nước lại uống thuốc độc", có nghĩa là đã đói lại lao vào khoán sản phẩm, khoán hộ, người ta gieo rắc hoài nghi, chán nản trong đông đảo xã viên và đảng viên cơ sở. Trong cuộc sống lâu nay nổi lên hai loại cán bộ ngày càng không lẫn lộn được và tới phong trào khoán sản phẩm, khoán chui thì rõ từng góc cạnh; cùng thận trọng chín chắn nhưng một bên rất thụ động, cố thủ gần như thâm căn cố đế đã thành tật, đặt trong khuôn

mẫu nào thì cam chịu bó cứng trong khuôn mẫu đó, đã đủng đà đủng đỉnh giữa cảnh nước sôi lửa bỏng, bữa đói, bữa no của quần chúng lại còn tô vẽ là "trầm tĩnh, có tính nguyên tắc không chao đảo theo đuôi quần chúng". Còn một bên cũng thận trọng, chín chắn nhưng rất năng động, dám chịu trách nhiệm trước Đảng và quần chúng, chẳng sợ liên lụy đến bản thân, treo các thứ tội nặng nhất trên đầu cũng vẫn lãnh đạo quần chúng "khoán chui".

Với suy nghĩ về trách nhiệm lãnh đạo nông nghiệp của mình thấy đất nước nơi nào cũng đói nghèo, vựa lúa lớn nhất nước là đồng bằng sông Cửu Long cũng thiếu gạo, đồng chí Võ Chí Công nhớ lại kinh nghiệm cũng là bài học cốt tử: "*Thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý*", đi xuống thực tế, đi sâu bám dân, nghe dân, vì dân cũng là những người thày, dân là nguồn trí tuệ, là kho sáng kiến của Đảng và Nhà nước. Khoán chui từ đâu mà ra, nếu chờ trên thì đến bao giờ mới nghĩ ra nổi một cách làm ăn mang lại hiệu quả kinh tế cao như vậy, lãnh đạo phải sống trong dân, phát hiện và tổng kết sự sáng tạo của dân thành những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

NHỮNG KỶ NIỆM SÂU SẮC KHI GẶP ANH NĂM CÔNG

HỒ VĂN ĐIỀU *

Trong quá trình hoạt động cách mạng, đặc biệt là trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi có rất nhiều kỷ niệm về anh Năm Công. Trong đó, có những kỷ niệm rất sâu sắc đã khắc sâu vào trong ký ức, mà đến bây giờ tôi vẫn không thể nào quên được, đó là những lần được gặp anh Năm Công vào những năm 1973 - 1974.

Kỷ niệm đầu tiên đó là vào tháng 6-1973, tôi nhận được giấy mời của Văn phòng Khu ủy 5 đến làm việc với lãnh đạo. Bấy giờ, bản thân tôi vừa mừng lại vừa lo. Mừng là được gặp các đồng chí lãnh đạo, lo là sẽ làm việc gì đây? Mặc dù trước khi đi, tôi đã chuẩn bị khá chu đáo, kể cả nội dung và tinh thần làm việc.

Từ Phước Sơn đến cơ quan Khu ủy 5 phải đi hơn một ngày đường, đường dốc cheo leo, khó đi, do đó đêm hôm ấy, tôi phải ngủ lại thôn Xà Ca, xã Trà Pui (nay thuộc huyện

---

* Nguyên Bí thư Huyện ủy Phước Sơn, nguyên ủy viên Ban Thường vụ, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Nam.

Bắc Trà My) đến sáng hôm sau giao liên mới đưa tôi về Văn phòng Khu ủy. Lúc này, khoảng 7 giờ 30 phút và đó cũng là nơi tôi sẽ gặp và làm việc với lãnh đạo Khu ủy 5. Nhà của Văn phòng Khu ủy được làm dưới hầm, mái nhà lợp bằng lá cọ, bàn làm việc được làm bằng cây lồ ô chẻ nhỏ, hai hàng ghế ngồi được làm bằng cây rừng rất mộc mạc. Ở đây, tôi ngồi uống nước và chờ khoảng 30 phút, đúng 8 giờ, tôi thấy ba người xuất hiện vào phòng làm việc, tôi đứng dậy bắt tay chào ba anh mà trong lòng sao cứ cảm thấy hồi hộp.

Một anh đi giữa mời chúng tôi ngồi xuống và giới thiệu với chúng tôi: "Đây là anh Năm Công, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy 5". Tham gia buổi làm việc có anh Phan Đấu, Phó Văn phòng Khu ủy và một anh cán bộ tổ chức tôi không nhớ rõ tên. Sau đó, anh Phan Đấu giới thiệu anh Võ Văn Đoàn, Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, Bí thư Ban Cán sự Nam Trà và giới thiệu tên tôi (Hồ Văn Điều) là ủy viên Thường vụ Ban Cán sự Khu Nam Trà, Bí thư Huyện ủy Phước Sơn, là người dân tộc thiểu số. Anh Năm Công cười và đứng dậy bắt tay tôi lần thứ hai. Anh vỗ vai tôi và nói: "Đồng chí trẻ lắm, lại trắng như con Kinh vậy". Cả phòng làm việc ai cũng cười, nghe anh Năm Công nói và cử chỉ thân tình ấy làm tôi rất xúc động.

Anh Năm Công mặc bộ quần áo bà ba màu xám bằng vải pôlin, chân mang đôi dép cao su, tay xách chiếc cặp. Người anh cao, đầu hói, nước da hơi ngăm ngăm và hơi gầy. Trước giờ làm việc, anh hỏi tôi về tình hình đời sống

của cán bộ và nhân dân trong huyện, đặc biệt là vùng bị địch đánh phá ác liệt.

Anh nói: Bây giờ ta làm việc nhỉ? chúng ta sẽ làm việc trong một ngày, nội dung gồm hai phần:

- Phần thứ nhất, các đồng chí sẽ báo cáo tình hình và nhiệm vụ của địa phương.

- Phần thứ hai, chúng ta sẽ bàn chính sách lớn của Khu ủy 5.

Anh Năm giới thiệu tôi báo cáo sơ bộ tình hình trước. Tôi đứng dậy và báo cáo với anh tình hình địch, tình hình sản xuất, đời sống, tinh thần tham gia đóng góp của nhân dân và tình hình xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể, đồng thời nêu ra những nhiệm vụ của Đảng bộ trong thời gian tới.

Anh Năm chăm chú nghe tôi báo cáo và ghi chép rất tỉ mỉ, có lúc anh gật đầu, có lúc anh lắc đầu. Khi tôi báo cáo xong, anh hỏi thêm từng chi tiết nhỏ mà trước hết là đời sống, ví dụ như: "Đồng bào có còn đói gạo không?", "Đồng bào có cái cuốc để khai hoang làm lúa nước không?". Các câu hỏi trên tôi phải trả lời cụ thể từng chi tiết, và anh nói tiếp: "Đói gạo bao nhiêu? Đói muối vùng nào? Bao nhiêu bếp? Đói cả gạo, sắn, bắp bao nhiêu? Lạt muối vùng nào? Bao nhiêu bếp? Lý do gì mà thiếu muối? Đồng bào đói, lạt muối, thiếu thuốc chữa bệnh, đồng bào sẽ sống như thế nào?". Thấy anh có vẻ rất buồn, tôi lại phải trả lời tiếp lý do đồng bào đói, đau, lạt muối... Nhưng đồng bào một lòng một dạ tin Đảng, tin Bác Hồ, đoàn kết một lòng, hăng hái

sản xuất, chiến đấu bảo vệ quê hương (không có một người nào theo địch). Anh nghe tôi báo cáo bổ sung như vậy và anh khen: "Như vậy đồng bào tốt lắm!". Lúc này, tôi thấy trên gương mặt anh biểu hiện cảm giác vui vui và anh nói tiếp: "Bây giờ ta bàn công việc sắp đến".

Anh tiếp tục triển khai chủ trương của Khu ủy 5 về việc xây dựng Khu A gồm bốn tỉnh: Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Đà và Kon Tum. Đây là xây dựng hậu phương trực tiếp cho Khu 5 và anh nói: Hiệp định về kết thúc chiến tranh ở Việt Nam đã ký kết tại Pari. Mỹ sẽ phải rút quân về nước, ngụy nhất định sẽ thua. Chúng ta phải mạnh hơn địch thì mới đánh thắng được chúng. Do đó, chúng ta xây dựng Khu A, tức là xây dựng hậu phương trực tiếp ở Khu 5, phải mạnh về mọi mặt, quân sự, chính trị, kinh tế. Theo anh, trước hết là xây dựng kinh tế, muốn xây dựng kinh tế phải lo tiến hành quy hoạch đất sản xuất lúa nước, lúa rẫy, quy hoạch giao thông (đường ô tô để chuẩn bị cho đồng bào định canh, định cư). Anh cũng giải thích rất tỉ mỉ: Định canh là động viên đồng bào khai hoang làm ruộng, làm nhà, làm thủy lợi, cấy lúa ngắn ngày, giống lúa có năng suất cao, dùng thuốc phòng, chống sâu bệnh. Đồng bào vẫn phát rẫy, nhưng chủ yếu là rừng mà đồng bào đã phát trước đây để tỉa bắp, trồng nhiều sắn, hạn chế phá rừng già làm nương rẫy. Rừng già rất quý cần phải giữ cho thật tốt. Còn định cư chuẩn bị cho đồng bào xuống ở dọc đường ô tô theo quy hoạch ở phải có đất, có vườn, có nước uống. Vấn đề này sắp đến phải cử

đoàn cán bộ khoa học - kỹ thuật tăng cường cho mỗi xã từ 2 - 4 cán bộ để cùng với huyện hướng dẫn nhân dân. Còn Khu ủy sẽ thành lập Binh đoàn 773, trực tiếp xây dựng kinh tế tại huyện Phước Sơn do đồng chí Trần Kiên, Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy làm Tư lệnh. Đoàn sẽ trực tiếp làm tại Khâm Đức, Nước Xa, Nước Dút, xây dựng kinh tế định canh, định cư nhằm cải thiện đời sống cho đồng bào vừa có ăn vừa có đóng góp cho kháng chiến, đồng thời làm cơ sở cho sau này tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta thực hiện tốt chủ trương trên của Khu ủy là thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng.

Về công tác xây dựng Đảng, anh Năm Công rất quan tâm đến công tác tổ chức và cán bộ. Đối với công tác tổ chức, anh Năm nói: "Tập trung xây dựng chi bộ đạt bốn tốt; chi bộ gần dân, đảng viên sát dân để lãnh đạo, muốn vậy đảng viên và chi bộ phải mạnh"... Đặc biệt, anh quan tâm nhất là công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cả trước mắt và lâu dài cho xã, cho thôn. Mỗi xã, mỗi thôn phải có trường, có lớp học văn hóa cho cán bộ, đảng viên, thanh niên theo học bổ túc văn hóa. Anh chỉ rõ: "Có học văn hóa tốt thì mới có cán bộ trực tiếp lãnh đạo, hướng dẫn cho nhân dân cách làm ăn đấy".

Anh Năm Công là người lãnh đạo cao nhất của miền Trung và Tây Nguyên trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công việc hằng ngày rất bề bộn và quan trọng nhưng anh vẫn dành trọn thời gian của mình để lo cho từng việc nhỏ của miền núi, của đồng bào dân tộc. Anh

trực tiếp đề ra nhiều chủ trương phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cách mạng, đặc biệt là đối với chủ trương và biện pháp xây dựng Khu A, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, hợp lòng dân và được nhân dân ủng hộ.

Thực hiện sự chỉ đạo của anh, sau 3 năm, phong trào khai hoang vỡ ruộng, làm lúa nước, dùng giống mới được phát triển mạnh mẽ, đã cho năng suất cao. Công tác định canh, định cư cũng đã chuẩn bị trước, hầu hết cán bộ và nhân dân đồng tình ủng hộ và trực tiếp tham gia ngày càng đông. Huyện ủy đã tổ chức xây dựng mô hình định canh, định cư tại Nước Dút và Nước Xa thành công. Được sự hỗ trợ đắc lực của Binh đoàn 773 (thuộc Khu ủy 5), cuối năm 1975, các xã vùng cao, vùng trung, vùng thấp, nhân dân phấn khởi xuống định canh, định cư theo vùng đất đã được quy hoạch. Nhờ làm lúa nước hai vụ, đời sống của nhân dân được cải thiện, khá hơn so với trước nhiều, vừa có gạo để ăn lại vừa có gạo để đóng góp cho cách mạng. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng cũng được tăng cường và củng cố. Đảng viên gương mẫu làm nòng cốt cho phong trào.

Cũng chính từ chủ trương xây dựng Khu A, phát triển kinh tế của Khu ủy, cơ sở vật chất của Binh đoàn 773 để lại cộng với nhân dân tự làm ban đầu, với sự kế thừa và phát triển những thành quả của Đảng bộ và nhân dân huyện Phước Sơn qua hàng chục năm đến nay, tình hình định canh, định cư trong huyện cơ bản được ổn định, ruộng

nước được phát triển trên 700ha. Đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt, khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng được tăng cường và củng cố. Đó là nhờ Khu ủy 5 có chủ trương đúng đắn mà trực tiếp là anh Năm Công đã chỉ dẫn. Công lao của anh, tình cảm của anh luôn được đồng bào các dân tộc trong huyện nói chung và cá nhân tôi nói riêng biết ơn, ghi nhớ.

Kỷ niệm thứ hai là một ngày tháng 3-1974, Văn phòng Khu ủy 5 có gửi giấy mời và cho xe Uoát đến đón tôi xuống thôn 2, xã Phước Hiệp. Ở đây, tôi ngủ lại một đêm để vận động nhân dân đến dự lễ khai thác gỗ chuyển gửi ra Hà Nội phục vụ xây dựng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sáng hôm sau, tôi cùng đồng bào thôn 2 (khoảng 100 người) đến gốc cây gõ tại khe nước Pa Lao. Công nhân và nhân dân đã chuẩn bị sẵn đứng quanh gốc cây gõ để chờ làm lễ và ý kiến phát biểu của lãnh đạo.

Tôi không nhớ rõ ngày, nhưng hôm ấy đúng 8 giờ, đoàn cán bộ của Khu ủy đến, trong đó có anh Năm Công. Anh mặc bộ quần áo công nhân kaky màu xanh, chân mang ủng, miệng tươi cười đến bắt tay từng người dân và công nhân, trò chuyện, hỏi thăm sức khỏe, công việc làm ăn của mọi người một cách vui vẻ, thân mật như người anh, người cha trong gia đình.

Đến giờ làm lễ, một cán bộ Văn phòng Khu ủy 5 tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, giới thiệu anh Năm Công phát biểu. Đứng bên gốc cây gõ, anh Năm nói về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ

đại của Đảng ta và dân tộc ta. Suốt cả cuộc đời hoạt động của Người là phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Do đó, Bộ Chính trị chủ trương giữ thi hài của Bác Hồ lại và quyết tâm xây dựng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Ba Đình, Hà Nội để cho đồng bào, cán bộ, thanh thiếu niên, nhi đồng và bạn bè quốc tế đến viếng thăm Bác. Để thể hiện tấm lòng và tình cảm đó đối với Bác, cán bộ và đồng bào miền Trung, Tây Nguyên sẽ gửi gỗ quý ra Hà Nội để đóng góp xây dựng lăng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu". Trong lúc anh Năm Công nói, mọi người ở đây đều ứa nước mắt, cảm động nhớ thương Bác Hồ vô hạn. Đồng thời, đồng bào huyện Phước Sơn cũng rất tự hào được vinh dự gửi ra Hà Nội một món quà quý đóng góp xây dựng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khi anh Năm Công nói chuyện xong, công nhân đưa cho anh cái rìu và anh đến bên cây gõ chặt nhát đầu tiên rồi đến lượt tôi chặt nhát thứ hai. Chúng tôi lui ra ngoài giao lại cho công nhân, một lúc sau cây từ từ ngã xuống, mọi người mừng vui reo hò cùng với tiếng thác đổ của khe Pa Lao.

Đồng bào dân tộc thôn 2, xã Phước Hiệp cũng rất vui mừng phấn khởi vinh dự được gặp anh Năm Công là người lãnh đạo cao nhất của miền Trung - Tây Nguyên, là người sâu sát với nhân dân, tận tụy với công việc, sẵn sàng phấn đấu hy sinh tất cả vì sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc.

Qua hai lần gặp và làm việc với anh Năm Công trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi nhớ mãi trong tâm trí, khắc sâu trong ký ức những hình ảnh, những lời nói, việc làm của anh chỉ dẫn cho bản thân tôi và đồng bào dân tộc thiểu số. Công ơn ấy, cán bộ và đồng bào huyện Phước Sơn mãi mãi ghi nhớ, trở thành niềm tự hào, thành động lực để nhân dân toàn huyện phấn đấu xây dựng một Phước Sơn phát triển, giàu mạnh.

TÌNH CẢM VÀ NIỀM TIN SON SẮT CỦA NHÂN DÂN NÚI THÀNH

LƯƠNG VĂN HẬN *

Trên quê hương Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, không ai là không biết và tự hào về đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn), người con ưu tú của quê hương Quảng Nam, người chiến sĩ cộng sản kiên trung, nhà lãnh đạo, xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta. Đồng chí Võ Chí Công sinh ra tại xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam trong một gia đình nhà nho yêu nước. Thân sinh của đồng chí là cụ Võ Dương (Võ Nghiệm) một nhà nho yêu nước, thương nòi, hết lòng nuôi dạy con cái về tinh thần yêu quê hương, đất nước, về truyền thống bất khuất của dân tộc và đức độ làm người. Đồng chí Võ Chí Công đã được các phong trào yêu nước đấu tranh chống thực dân, phong kiến tại địa phương và những tấm gương bất khuất trong các phong trào ấy, sớm hun đúc tinh thần, ý chí, nghị lực trước khi bước vào cuộc đời hoạt động cách mạng.

---

* Nguyên Bí thư Huyện ủy Núi Thành, nguyên ủy viên Ban Thường vụ, nguyên Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam, nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam.

Là lớp người hậu sanh, tôi cố gắng tìm hiểu học tập về phẩm chất cao quý của đồng chí Võ Chí Công, nhưng làm sao hiểu hết và học hết được những gì đã kết tinh ở một con người tầm cỡ, có vai trò lịch sử đối với quê hương, đất nước? Tôi may mắn có ông thân sinh Lương Tạc, ông chú Lương Soạn và một số đồng chí thân thiết kể lại những mẩu chuyện trong đời hoạt động cách mạng của đồng chí Võ Chí Công. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như sau khi đất nước thống nhất, tôi có vinh dự được gặp đồng chí Võ Chí Công nhiều lần, tìm hiểu và rất khâm phục, quý mến đồng chí.

Cuối năm 1970, tôi đi chữa bệnh ở miền Bắc, cùng đi có anh Nguyễn Thành lúc bấy giờ là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam. Anh Nguyễn Trúc, Thư ký cho anh Trương Chí Cương (Tư Thuận) cùng đi chữa bệnh ở Hunggari. Anh em gặp nhau tâm sự rất nhiều về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Một hôm, anh Nguyễn Trúc kể lại rằng, cuối năm 1963, đầu năm 1964, trên chiến trường Khu 5, địch tập trung đại bộ phận lực lượng chính quy cùng với quân địa phương tổ chức các cuộc càn quét dài ngày, đánh phá quyết liệt lấn chiếm lại vùng giải phóng của ta (lúc bấy giờ vùng giải phóng của ta chưa rộng). Chúng lập nên hệ thống đồn bốt, ấp chiến lược, khu đồn dày đặc, xúc tát dân những nơi không kiểm soát được. Thời điểm đó cũng là thời điểm địch hoàn thiện chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất...

Ở Quảng Nam, địch tổ chức chiến dịch "bình châu, dân tiến" trên chục tiểu đoàn chính quy, đánh phá quyết liệt vào tây bắc, tây nam Tam Kỳ, đông và bắc Tiên Phước, nam Thăng Bình làm cho phong trào cách mạng ở một số nơi gặp rất nhiều khó khăn. Điều nan giải nhất là khi địch càn lên đánh phá xúc tát dân, ta sợ mất dân nên để cho một bộ phận quần chúng bất hợp pháp chạy lên núi, lên vùng ranh khiến dân bị thương vong vì bom đạn địch, bị đói, ốm đau, nhất là sốt rét... Khó khăn chất chồng lên khó khăn, lãnh đạo địa phương lúng túng chưa có phương hướng giải quyết.

Khoảng tháng 4-1964, đồng chí Võ Chí Công về lại làm Bí thư Khu uỷ 5, kiêm Chính uỷ Quân khu 5. Biết bao công việc khó khăn chồng chất, sau một thời gian nghiên cứu nắm tình hình, đồng chí Võ Chí Công quyết định đưa ra một giải pháp có tính chiến lược là phải tổ chức lực lượng phản công và tấn công địch bằng ba mũi giáp công, trên ba vùng chiến lược gắn với quá trình đó phải "chống chạy xà đùa, giữ vững thế hợp pháp đấu tranh của nhân dân"... Đây là một chủ trương sáng suốt giải quyết được cơ bản những khó khăn về số dân bất hợp pháp và giải pháp này được thực hiện trong suốt quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nhờ đó mà ở nam, bắc Tam Kỳ mới dám vận động và tổ chức số quần chúng bất hợp pháp về sống lại hợp pháp trong vùng địch tạm kiểm soát. Nếu không có chủ trương trên mà đưa dân về vùng địch, sẽ bị quy kết về quan điểm, lập trường và có khi bị kỷ luật. Lúc đầu vận động dân không chịu về vì sợ địch tàn sát, ta phải

tiến hành tổ chức làm thử, bố trí cho một số hộ về trước, có tổ chức cốt cán, có phương án hỗ trợ, nếu bị địch khủng bố. Khi số hộ này về, địch có khảo tra, nhưng nhân dân dùng lý lẽ của mình đấu tranh với chúng nên ổn định được. Từ đó, ta lần lượt chuyển toàn bộ số dân bất hợp pháp về sống hợp pháp trong vùng địch. Họ về sống hợp pháp tạo điều kiện cho ta phát triển được cơ sở cách mạng, xây dựng được du kích mật, báo cáo tình hình địch cho ta và tiến hành sản xuất, lưu thông hàng hoá không những giải quyết được đời sống mà còn tiếp tế được lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Mặt khác, tạo ra thế cài răng lược, một vùng bàn đạp để chúng ta tiến công, nổi dậy giải phóng toàn bộ nông thôn đồng bằng vào những tháng cuối năm 1964 và đầu năm 1965. Càng về sau, chủ trương này từng bước được hoàn thiện, "Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám đánh địch", có nơi trở thành pháo đài chiến đấu của quân dân ta. Có lúc, địch dùng hàng tiểu đoàn quân chính quy có phi pháo yểm trợ, tấn công vào một làng chiến đấu của ta, tuy nhiên chúng không những không đánh bật được ta ra khỏi địa bàn dân cư mà còn bị tổn thất nặng nề. Là một người tham gia chiến đấu và góp phần giải quyết những khó khăn lúc bấy giờ, tôi cứ nghĩ đó là chủ trương chung của Đảng, nhưng khi nghe đồng chí Trúc kể lại mới thấy rõ sự sáng suốt và tầm vóc chiến lược ở đồng chí Võ Chí Công.

Sau ngày đất nước thống nhất, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng chí Võ Chí Công đã giữ nhiều trọng trách trong Đảng và Nhà nước ta. Mặc dù phải giải quyết

biết bao công việc, đồng chí Võ Chí Công vẫn tranh thủ thời gian về thăm và làm việc với Đảng bộ và nhân dân huyện Núi Thành. Ngoài việc truyền đạt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách và pháp luật của Nhà nước, đồng chí còn tranh thủ đi thăm nhiều đảng bộ cơ sở, thăm các đồng chí lão thành cách mạng, các gia đình có công với nước, tìm hiểu và cho ý kiến về phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo việc giải quyết đời sống của nhân dân, nhất là những vùng nghèo khó. Đặc biệt, đồng chí động viên, nhắc nhở Đảng bộ phải thật sự đoàn kết nhất trí làm hạt nhân trong khối đại đoàn kết toàn dân, phải thật sự phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân, động viên được sức mạnh to lớn của họ, phấn đấu vượt qua khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, hết sức quan tâm, giải quyết tốt chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, tạo điều kiện cho họ có cuộc sống đầy đủ, ấm no. Đó cũng là mong ước đã ấp ủ trong tâm tư, tình cảm của đồng chí Võ Chí Công đối với quê hương và là những huấn thị đối với tất cả chúng ta cần phải phấn đấu làm tốt hơn nữa để đáp lại lòng mong ước của đồng chí.

Vào tháng 11-1992, đồng chí Võ Chí Công, lúc này là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, về thăm và làm việc với tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, thăm huyện Núi Thành và nhiều nơi khác. Đồng chí đi thăm và tặng quà các gia đình có công với cách mạng, nhất là những gia đình hoạt động thầm lặng, nuôi giấu bảo vệ cán

bộ Phủ uỷ Tam Kỳ, Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Nam thời kỳ 1939 -1943. Họ đã vượt qua gian nan thử thách góp phần nhỏ bé của mình làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công...

Một hôm, đồng chí bảo tôi đi về thăm lại Tam Giang - nơi đồng chí đã đứng chân chỉ đạo phong trào cách mạng trong tỉnh, được bà con nuôi dưỡng đùm bọc, che chở. Đồng chí đi thăm gia đình ông Nguyễn Hậu, ông Lương Hiệp, ông Đinh Tầng; đến thăm và nói chuyện với Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Tam Giang, sau đó đến nhà thăm ông thân sinh tôi là Lương Tạc. Gặp lại đồng chí Võ Chí Công, cha tôi vui mừng ôm chầm lấy đồng chí biểu lộ nỗi niềm thương nhớ. Hai người nói chuyện giòn giã, cởi mở, cha tôi nhắc lại chuyện cũ trong những năm 1939 - 1943, đồng chí Võ Chí Công và một số đồng chí khác ở và hoạt động bí mật tại nhà cha tôi, nhà ông nội tôi là Lương Hiệp. Đồng chí Võ Chí Công nói: "Bà con Tam Giang sống trên một vùng quê đất cát bạc màu, bốn bề nước mặn vây quanh. Cuộc sống của họ quá khổ, khoai lang không đủ ăn, nạn đói luôn đe dọa... nhưng giàu truyền thống cách mạng".

Ngay gia đình ông tôi, cha tôi tần tảo quanh năm suốt tháng nhưng vẫn không đủ sống. Cả nhà lo phục vụ cho cán bộ cách mạng, ăn khoai, ăn rau dành phần cơm, cá để nuôi cán bộ. Nhiều bữa, đồng chí Võ Chí Công và một vài cán bộ khác ngồi lại ăn cơm, nhìn thấy mâm cơm lặng thinh không ăn, rồi xuống bếp bưng rá khoai lang luộc lên ngồi ăn với canh dưa cải và san sẻ phần cơm cho cả

gia đình, mỗi người một bát và nói: "Ta chia sẻ cho nhau để sống và làm cách mạng chứ! Có khoai cho chúng tôi ăn đã tốt lắm rồi!" Nói đến đó, đồng chí Võ Chí Công lặng thinh, nghẹn ngào...

Bà con dân làng, những người có tâm huyết với cách mạng ai cũng thương, cũng quý cán bộ, thấy họ hoạt động rất gian nan, lại luôn phải đối mặt với kẻ thù, đối phó với mạng lưới mật thám của chúng, nhiều lúc "thập tử nhất sinh", ăn uống lại kham khổ nên dành dụm từ con cá, đĩa ngao bắt được dành cho cán bộ. Cha tôi thường đi "xiếc", thỉnh thoảng bắt được mấy con cá tho về kho ngọt, bỏ lá hành, được các đồng chí khen là món ăn đặc biệt nhất.

Có lần cô Phan Thị Nễ về thăm nhắc lại: "Húp bát nước cá kho như húp nước sâm vậy !". Đồng chí Võ Chí Công còn nhắc lại trận đói khủng khiếp năm 1952 do hạn hán, bão lụt, giặc Pháp lại đánh phá khốc liệt, nhất là vùng ven biển, cả Liên khu 5 đều bị đói, điển hình nhất là xã Nguyễn Chỉ có nhiều người chết đói, nhân dân phải ăn củ chuối, trái mắm, trái vẹc nhưng cũng không đủ mà ăn. Lúc bấy giờ, đồng chí làm Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Nam - Đà Nẵng, vừa kết thúc chiến dịch hè - thu là lao vào cứu đói cho dân và trực tiếp đến xã Nguyễn Chỉ chỉ đạo cứu đói. Đến đây thấy dân chết đói mà lòng đau như cắt. Đồng chí quyết định xuất kho gạo dự trữ của tỉnh tại Tam Kỳ để cứu đói cho dân, dù có bị kỷ luật cũng vui lòng. Trong hồi ký của mình, đồng chí Võ Chí Công có ghi lại sự kiện đó như một kỷ niệm sâu sắc nhất trong cuộc đời: "Trước tình cảnh đau lòng này, tôi hồi tưởng lại những

năm thoát ly trước Cách mạng Tháng Tám lúc gặp địch khủng bố khó khăn, nhất là về xã này, là nơi an toàn nhất, vì quần chúng cả xã đều giác ngộ cách mạng. Đồng bào tuy nghèo nhưng giàu lòng yêu nước, bảo vệ cán bộ, ăn khoai dành gạo cho cán bộ. Tình nghĩa sâu nặng này hơn núi cao biển cả. Tôi vô cùng xúc động, nước mắt trào ra không sao cầm được"...

Phong cách của đồng chí Võ Chí Công là trầm tĩnh, thương người, luôn gần gũi, thông cảm và chia sẻ với mọi hoàn cảnh khó khăn của cán bộ, chiến sĩ, của nhân dân, nhất là đối với dân nghèo. Do đó, trong công tác tuyên truyền, nâng cao giác ngộ cách mạng cho nhân dân, đồng chí có sức cảm hóa đặc biệt, được nhân dân trân trọng, tin tưởng và quý mến. Điều đó được chứng minh trong thời kỳ từ năm 1939 đến năm 1943, kẻ thù liên tục đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, sử dụng mạng lưới mật thám vây bắt những đảng viên cộng sản, đánh phá quyết liệt các tổ chức cách mạng. Hệ thống tổ chức đảng, tổ chức quần chúng nhiều nơi bị vỡ, hàng ngàn cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên bị địch bắt tra tấn, tù đày một cách khốc liệt, nhiều lúc khó khăn tưởng chừng không vượt qua được. Thế nhưng, đồng chí Võ Chí Công cùng đồng chí, đồng đội của mình vẫn len lỏi vào phong trào, gắn bó với nhân dân để tuyên truyền vận động, khôi phục lại tổ chức, thúc đẩy phong trào tiếp tục phát triển, càng về sau càng sâu, rộng hơn, chất lượng cao hơn cho đến ngày tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Phải nói rằng, thời kỳ đó, dân ta rất nghèo, dân trí chưa

cao, thiếu thốn mọi thứ nhưng rất giàu lòng yêu nước, có ý chí, nghị lực, lòng dũng cảm. Niềm tin của Đảng đối với dân, gắn bó, sống chết với dân và dân tin Đảng, tin Bác Hồ, sống chết cùng Đảng đã tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam. Tạo dựng được niềm tin ấy trong nhân dân chính là nét độc đáo của đồng chí Võ Chí Công.

Từ những mẩu chuyện trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cứu nước cũng như nhiều lần về thăm quê của đồng chí Võ Chí Công sau ngày đất nước độc lập, thống nhất không những trở thành kỷ niệm sâu sắc mà còn thể hiện một tấm lòng thủy chung, trong sáng, son sắt của đồng chí đối với quê hương Núi Thành, Quảng Nam. Tự hào tiếp bước đồng chí, Đảng bộ và nhân dân Núi Thành đang ra sức phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh trong giai đoạn mới hiện nay.

GẶP ÍT NHƯNG HIỂU NHIỀU VỀ ANH

HỒ VĂN REO *

Trà My quê tôi từng được Khu ủy 5 chọn làm căn cứ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, do đó từng được ví là "Việt Bắc của Khu 5". Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi từng làm Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Trà My (nay là Nam Trà My) và sau năm 1975 là Bí thư Huyện ủy Trà My nên có nhiều cơ hội được tiếp xúc với đồng chí Võ Chí Công.

Mỗi lần gặp đồng chí, tôi luôn thấy đây là con người sống rất giản dị, rất quần chúng, dễ gần gũi, sâu sát thực tiễn.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Khu 5 là nơi bị địch đánh phá ác liệt nhất. Là Bí thư Khu ủy 5, đồng chí rất nhạy cảm và nắm bắt chặt chẽ tình hình địch và ta một cách đúng mức trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến để có sự chỉ đạo kịp thời, xác đáng. Đặc biệt, đồng chí luôn quan tâm củng cố xây dựng khối đại đoàn

---

* Nguyên tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Quảng Nam, nguyên Bí thư Huyện ủy Trà My, nguyên Trưởng Ban Dân tộc và miền núi tỉnh Quảng Nam.

kết các dân tộc trong Khu 5. Đó là một trong những nguyên nhân mà khối đoàn kết các dân tộc ở Trà My miền tây Quảng Nam luôn được củng cố và Trà My được chọn làm căn cứ của Khu ủy 5.

Sau ngày giải phóng quê hương, đồng chí Võ Chí Công đã nhiều lần về thăm huyện Trà My. Mỗi lần đến thăm và làm việc với lãnh đạo huyện Trà My, lời đầu tiên của đồng chí là thăm hỏi bà con: tình hình đời sống kinh tế của bà con nông dân ra sao? đói lạt, dịch bệnh như thế nào? có gì tiến bộ mới không? đồng chí hỏi thăm công tác xây dựng Đảng và công tác xây dựng đoàn thể quần chúng như thế nào?

Cách đặt vấn đề trên đã thể hiện tình cảm, quan điểm của đồng chí là vì dân, vì Đảng, vì lý tưởng của giai cấp công nhân. Điều mà tôi nhớ mãi là đồng chí nhắc nhở chúng tôi rằng Đảng bộ và nhân dân trong huyện phải luôn luôn giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc trong huyện để tập trung xây dựng và phát triển quê hương, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Với những phẩm chất trên, đồng chí xứng đáng là một tấm gương sáng của ý chí cách mạng, xứng đáng là người cha, người anh, người thày của các thế hệ cán bộ, đảng viên; là linh hồn, là trí tuệ, đạo đức cách mạng của Đảng.

Đồng chí Võ Chí Công là một người lãnh đạo có tầm cỡ chiến lược, sắc bén về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội và an ninh. Đồng chí xứng đáng là một cán bộ cao cấp, đảng viên ưu tú của Đảng.

BÀ PHAN THỊ NỄ - NGƯỜI BẠN ĐỜI CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG

PHAN XUÂN QUANG *

Theo suốt chặng đường hoạt động cách mạng của mình, bên cạnh bạn bè, đồng đội, đồng chí Võ Chí Công còn có một người phụ nữ vừa là bạn đời thủy chung, vừa là đồng chí trung kiên, đó là đồng chí Phan Thị Nễ[1].

Bà Phan Thị Nễ, bí danh là Tân, sinh ngày 6-11-1915, tại làng Thọ Khương, tổng Đức Hòa, phủ Tam Kỳ, nay là thôn 6, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đầy nhiệt huyết, gan dạ, tháo vát là những đức tính cao đẹp đúc kết ở người con gái vùng đất Thọ Khương giàu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng.

Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, cha lại mất sớm, anh em đông, lên 18 tuổi, Phan Thị Nễ phải vào

---

* Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam .

1. Trước đó, do sự sắp đặt của gia đình, đồng chí Võ Chí Công đã kết hôn với một người con gái cùng quê Tam Kỳ, sinh hạ được một người con gái, tuy nhiên do hoàn cảnh lịch sử, đôi vợ chồng đã chia tay; hiện người con gái này đang sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

Sài Gòn làm công cho một người Pháp có vợ là người Việt Nam. Được một thời gian, chán cảnh tôi đòi, với lý do "Gia đình gọi về", Phan Thị Nễ trở về quê vừa học nghề may, vừa học chữ quốc ngữ.

Tiếp thu truyền thống yêu nước của gia đình và quê hương, lại chứng kiến cảnh nô lệ lầm than của nhân dân, khác với nhiều người phụ nữ đương thời chỉ an phận, chuyên tâm lo việc gia đình, Phan Thị Nễ sớm biểu lộ mong muốn tham gia đấu tranh để giành lại quyền sống cho con người. Tiền dành dụm được, bà mua sách, báo tiến bộ để đọc, nhờ đó dần dần tiếp cận các khái niệm tự do, bình đẳng và nhất là biết được niềm hạnh phúc của người phụ nữ nước Nga dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và ước mong người phụ nữ Việt Nam cũng được hưởng các quyền như người phụ nữ ở nước Nga.

Giữa lúc đó, bà được gặp đồng chí Nguyễn Thống (tức Nguyễn Phùng) lúc này là Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ. Được tuyên truyền, giác ngộ, bà đã hiểu thân phận người dân mất nước và muốn tự giải phóng mình không có con đường nào khác là phải làm cách mạng.

Ban đầu, bà được giao làm nhiệm vụ liên lạc, sau được giao công tác vận động chị em phụ nữ. Trong vai người đi mua lá dâu nuôi tằm, bà đã làm tròn nhiệm vụ liên lạc cho cơ sở đảng ở phủ Tam Kỳ.

Năm 1936, cao trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ phát triển rộng khắp, nhiều tổ chức quần chúng hình thành. Tại Thọ Khương, bà được giao nhiệm vụ đứng ra thành lập tổ tương tế ái hữu gồm 47 chị em hoạt động công

khai. Nhờ năng nổ và khôn khéo, tháng 7-1937, bà được đồng chí Trần Học Giới, tỉnh ủy viên, giới thiệu ra Đà Nẵng làm liên lạc cho Xứ ủy Trung Kỳ. Địa bàn liên lạc chủ yếu là Huế và Đà Nẵng và trong điều kiện luôn bị mật thám theo dõi nhưng bà luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ với sự kiên định: "Nếu không may rơi vào tay địch; bị tra tấn đến chết vẫn nhất định không khai báo".

Với những đóng góp cho cách mạng, ngày 15-4-1938, bà được vinh dự kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và sinh hoạt tại chi bộ ghép Thọ Khương - Vân Trai. Được đứng trong hàng ngũ của Đảng, bà càng hăng say hoạt động. Tháng 4-1939, phong trào cách mạng ở một số nơi của Quảng Nam bị vỡ, nhiều tổ chức quần chúng, nhiều cơ sở đảng bị lộ. Ở Thọ Khương, tổ phụ nữ tương tế ái hữu cũng rơi vào tình trạng trên. Bà cùng nhiều chị em khác bị bắt giam ở nhà lao phủ Tam Kỳ. Không khai thác được gì, chúng thả các chị em về, riêng bà bị chuyển ra nhà lao tỉnh Quảng Nam (Vĩnh Điện).

Đến tháng 7-1939, do không có cơ sở kết án, địch buộc phải thả bà ra. Vừa về nhà, bà đã báo cáo tình hình nhà lao cho tổ chức biết và tiếp tục nhận nhiệm vụ làm liên lạc. Đây cũng là lúc đồng chí Nguyễn Xì (tức Nguyễn Thành Nghi), tỉnh ủy viên Quảng Ngãi ra Thọ Khương tránh địch đang truy nã. Bằng sự mưu trí, bà đã che chở cho người đồng chí thoát khỏi bàn tay của địch và cũng vì thế cả gia đình bà bị bọn mật thám đánh đập dã man vì chúng nghi ngờ có liên quan.

Không tìm ra đồng chí Xì, tháng 12-1939, bọn địch bắt bà và một số người khác giam ở nhà lao tỉnh Quảng Nam. Bị tra tấn cực kỳ dã man, một số người đã khai nhưng bà kiên quyết không nhận. Tuy vậy, bà vẫn bị bọn chúng kết án 3 năm tù giam và chuyển xuống giam ở nhà lao Hội An, bị ghép vào loại tù nhân "nguy hiểm". Trong biên bản giao nhận tù của bọn cai tù bao giờ tên Phan Thị Nễ cũng có chữ "Isolé", có nghĩa là giam riêng (xà lim). Bị giam riêng, bà tuyên bố nếu chúng không thả khỏi xà lim sẽ đấu tranh đến cùng và quyết định tuyệt thực chín ngày. Tuyệt thực đến ngày thứ bảy, anh em tù nhân biết được, những người đã khai báo trước đây đều phản cung và đòi thả bà ra khỏi xà lim. Hoảng sợ trước làn sóng đấu tranh của tù chính trị tại nhà lao Hội An, chín ngày sau, bọn cai tù phải đưa bà ra khỏi xà lim.

Sau đó, bà bị địch chuyển ra giam ở nhà lao tỉnh Quảng Bình. Tại đây, cứ mỗi lần có dịp ra khỏi phòng giam, bà đều tranh thủ tiếp chuyện với nhiều người. Đặc biệt, bà chiếm được cảm tình của nữ tù nhân, trên cơ sở đó đã thành lập ngay một tổ tương tế gồm bảy người, đồng thời còn thuyết phục cảm hóa bọn coi tù và được bọn này nới lỏng chế độ kiểm soát tù nhân.

Nhân dịp tên Phó Công sứ tỉnh Quảng Bình đến thăm nhà lao, bà chặn hắn để đòi hỏi quyền lợi cho tù nhân mặc dù vẫn biết nó sẽ không giải quyết. Đúng như dự đoán, tên Công sứ đã từ chối những yêu sách nêu ra, bà quyết định tuyệt thực 11 ngày để phản đối. Tuy nhiên, trong những

ngày tuyệt thực, bà vẫn được tổ chức tương tế của anh chị em tù và số cai ngục tiến bộ lén lút cho nước cháo, đường phèn cho nên sức khỏe không suy giảm nhiều. Đến ngày thứ chín, địch buộc phải đưa bác sĩ đến khám và giải quyết các yêu cầu về quyền lợi cho tù nhân. Phát huy thắng lợi, bà chuyển sang vận động giác ngộ số tù nhân phạm tội về kinh tế. Kết quả anh chị em tù kinh tế cũng tham gia đấu tranh đòi cải thiện bữa ăn, đòi quần áo...

Bị giam ở nhà lao Quảng Bình được một năm, bà lại bị địch chuyển vào nhà lao Nha Trang. Tại đây, chúng bắt bà đi lao dịch với tù nhân phạm tội về kinh tế nhưng lại giam riêng. Bà kiên quyết phản đối âm mưu này của địch và kiên quyết không đi lao dịch mặc dù bị đánh đập dã man. Không dừng lại ở đó, bà tuyệt thực bảy ngày, buộc địch phải cho giam chung với tù kinh tế. Đáng lưu ý, bà cùng chi bộ trong nhà lao lãnh đạo tù nhân đấu tranh đòi cải thiện chế độ giam cầm, nhất là không chịu ăn cơm với cá thối của bọn cai thầu, nhiều lần buộc chúng phải thay cá thối bằng trứng. Sau cuộc đấu tranh này, bà bị địch giam riêng, không giam chung với tù kinh tế như trước. Phòng giam mới lại gần bót các anh chị em tù chính trị bị kết án 20 năm tù giam, nên bà đã tìm mọi cách để liên hệ với tù chính trị để tổ chức các cuộc đấu tranh khác. 18 tháng sau, bà Phan Thị Nễ được chuyển về nhà lao Hội An và đến tháng 1-1943 được ra tù.

Về đến nhà, địch bắt đi an trí nhưng bà kiên quyết chống lại và mặc dù bọn lý hương theo dõi gắt gao nhưng hai tháng sau, bà đã liên lạc được với tổ chức đảng ở địa

phương. Đêm 12-3-1943, nhận được quyết định thoát ly, bà lên đường ra Trà Kiệu (Duy Xuyên) để tiếp tục hoạt động. Tại đây, bà tập trung sức tham gia phát động quần chúng, xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng.

Huyện Tiên Phước lúc này được Tỉnh ủy chọn làm nơi xây dựng thành căn cứ của tỉnh và giao cho bà Phan Thị Nễ, đồng chí Nguyễn Hàng chịu trách nhiệm công việc này. Được một thời gian, do một số cơ sở bị lộ, khai báo nên địch biết nơi ăn ở hoạt động của nhiều cán bộ, đảng viên ở huyện Tiên Phước. Một hôm, bà cùng các đồng chí mở một cuộc họp tại Thạnh Bình (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước). Cuộc họp đang tiến hành thì bọn mật thám bất ngờ ập đến vây nhà, bà nhanh chóng thoát ra cửa sau, nhảy qua bờ rào nhưng không may bị bọn mật thám bắn bị thương. Mặc dù vậy, bà cố lách vào rừng và thiếp đi. Tỉnh lại bà tự băng vết thương cho mình rồi lần về nơi ở và cùng đồng chí Nguyễn Hàng, chuẩn bị mọi thứ để hôm sau trở lại phủ Tam Kỳ. Hôm sau, giữa đường xuống Tam Kỳ thì bà cùng đồng chí Nguyễn Hàng bị địch bắt. Lần này, chúng đưa bà lên giam ở nhà lao huyện Tiên Phước. Nhờ cảm hóa được số cai tù nên bà được chúng nới lỏng sự kiểm soát và thường xuyên tháo gông xiềng vào ban đêm. Thấy địch sơ hở, bà dự định bỏ trốn nhưng không thành. Tại đây, mỗi ngày, mật thám Pháp đến tra tấn ít nhất hai lần và cứ qua mỗi ngày, bà suy nghĩ: Cố chịu đựng được một ngày ắt đã chiến thắng chúng một ngày. Dùng mọi hình thức tra tấn, thấy không khai thác được gì, chúng lại đưa bà về nhà lao Tam Kỳ, rồi đưa ra nhà lao tỉnh Quảng Nam.

Trong khi đó, vào tháng 10-1943, do sự phản bội của Cao Tiến Khai, đồng chí Võ Chí Công cũng bị địch bắt tại An Tân (nay thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành), sau bị đưa về nhà lao Hội An.

Đầu năm 1944, địch đưa những người bị bắt trong những tháng cuối năm 1943 ra xét xử. Trả lời câu hỏi của tên chánh án tại phiên tòa: "Mày làm được gì với hai bàn tay không ?". Bà dõng dạc đáp: "Tôi biết vì sao tôi ở tù, vì tôi đi vận động nhân dân đứng lên giải phóng đất nước... Thử hỏi, làm vậy có tội gì ? Các ông còn ôm chân đế quốc. Các ông hãy thử làm như tôi, ai cũng như tôi thì nước nhà đã độc lập rồi. Chúng ta đều là người Việt Nam cả, tại sao các ông không suy nghĩ cho kỹ, nếu ai cũng đồng tình chống Pháp thì thằng Pháp đã cút đi từ lâu rồi. Mang cái nhục mất nước mà các ông không biết sao?". Tên chánh án tức tối quát: "Im ngay".

Cuối phiên tòa, bà Phan Thị Nễ bị kết án 5 năm tù giam ở nhà lao Hội An; còn đồng chí Võ Chí Công bị kết án 25 năm tù giam cấm cố, sau đó bị chuyển lên nhà lao Buôn Ma Thuột. Lúc này, số tù nhân nữ ở nhà lao Hội An tăng lên đáng kể, trong đó có nhiều chị em rất kiên cường, gan dạ. Để tập hợp và lãnh đạo chị em đấu tranh, bà tham gia thành lập chi bộ Đảng và được cử làm Bí thư chi bộ. Trên cương vị này, bà đã tham gia lãnh đạo tù nhân đấu tranh chống lại chế độ giam cầm hà khắc, đòi cải thiện ăn uống, đòi được ra ngoài hít thở không khí trong lành; giúp đỡ những tù nhân đau ốm; tổ chức cho chị em học văn hóa,

học chính trị, thông tin thời sự, tìm mọi cách giữ liên lạc với các nhà lao giam tù nhân nam.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, bà Phan Thị Nễ được ra tù. Về lại địa phương, bà nhanh chóng bắt nối lại với các cơ sở cũ và các đồng chí vừa ra tù để tổ chức hoạt động. Tháng 5-1945, tại Hội nghị Tỉnh ủy tổ chức tại Thọ Khương, bà được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, được phân công phụ trách công tác binh vận.

Những ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bà cùng đồng chí Võ Chí Công được cử vào Ban Vận động khởi nghĩa giành chính quyền tỉnh Quảng Nam. Hội An lúc này là tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam. Bà Phan Thị Nễ được phân công về Hội An để tham gia vận động binh lính địch. Để tăng cường chỉ đạo Hội An, Ban Vận động khởi nghĩa tỉnh cử bà về tham gia chỉ đạo địa bàn quan trọng này. Theo kế hoạch của Ủy ban bạo động khởi nghĩa tỉnh, các phủ, huyện sẽ tiến hành khởi nghĩa trước, sau đó tiến về khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ Hội An. Tuy nhiên, sau khi phân tích tình hình địch và khả năng của quần chúng cách mạng, đồng chí Võ Chí Công và bà thống nhất với đề xuất của Ủy ban bạo động khởi nghĩa Hội An xin tỉnh cho phép Hội An tiến hành khởi nghĩa trước.

Được tỉnh đồng ý, đêm 17 rạng ngày 18-8-1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An thắng lợi, đưa Quảng Nam trở thành một trong những tỉnh giành chính quyền sớm nhất cả nước. Liền sau đó, bà Phan Thị Nễ

cùng đồng chí Võ Chí Công dẫn đầu đoàn xe đưa lực lượng tự vệ của tỉnh tham gia hỗ trợ các phủ, huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước khởi nghĩa giành chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong buổi lễ ra mắt Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Nam vào ngày 2-9-1945, bà Phan Thị Nễ được cử làm Ủy viên, Trưởng ty cứu tế xã hội; còn đồng chí Võ Chí Công được cử làm Ủy trưởng Tư pháp.

Sang năm 1946, bà Phan Thị Nễ được phân công phụ trách tài chính của Tỉnh bộ Việt Minh, được bầu vào Hội đồng nhân dân tỉnh, sau đó được phân công làm Bí thư Hội Phụ nữ cứu quốc tỉnh Quảng Nam.

Những năm 1948 - 1949, bà được điều về công tác ở Hội Phụ nữ Liên khu 5, phụ trách công tác phụ nữ tỉnh Bình Định. Tại Đại hội hợp nhất Đoàn Phụ nữ cứu quốc và Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam Liên khu 5 tổ chức vào tháng 6-1951, bà được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ Liên khu; sau đó được cử làm ủy viên Ban Chấp hành Nông hội Liên khu 5.

Chính trong thời gian này, bà và đồng chí Võ Chí Công tổ chức kết hôn, trở thành đôi bạn đời thủy chung, vừa chăm lo nuôi dạy con cái, vừa phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Đầu năm 1952, bà Phan Thị Nễ được Liên khu ủy 5 điều về công tác tại tỉnh Quảng Nam. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ III tháng 3-1952, bà được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và được phân

công làm Bí thư Hội Phụ nữ tỉnh. Cũng tại Đại hội này, đồng chí Võ Chí Công được Liên khu ủy 5 chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam- Đà Nẵng.

Năm 1953, bà được cử tham gia Đảng đoàn Phụ nữ Liên khu 5.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, tháng 11-1954, bà Phan Thị Nễ được tập kết ra miền Bắc và tham gia Ban Giám đốc trại Nhi đồng miền Nam. Trong khi đó, đồng chí Võ Chí Công được Đảng phân công ở lại làm Phó Bí thư rồi Bí thư Liên khu ủy 5. Mỗi người mỗi địa bàn công tác nhưng tất cả đều phấn đấu cho mục tiêu lúc này là giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Ra miền Bắc, bà Phan Thị Nễ được trưng tập tham gia chỉ đạo sửa sai việc thực hiện chính sách cải cách ruộng đất; được phân công về tỉnh Bắc Giang.

Xong chuyến công tác này, bà được cử đi học văn hóa ở trường Bổ túc văn hóa công nông. Kết thúc chương trình học văn hoá, từ tháng 9-1960 đến năm 1962, bà được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phân công vào công tác ở tỉnh Quảng Bình, tham gia Đảng đoàn phụ nữ tỉnh, trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh.

Những năm 1963- 1964, bà trở lại Hà Nội và công tác tại Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao và từ năm 1965 đến năm 1966, được cử đi học ở trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương. Từ tháng 7-1967 đến đầu năm 1970, bà được Đảng cử vào đến chiến trường miền Nam và tham gia Ban Chấp hành Nông vận Khu 5. Tháng 4-1970, do sức

khỏe yếu, bà được ra miền Bắc để chữa bệnh; sau đó về công tác ở Ban Tổ chức Trung ương Đảng đến lúc được nghỉ hưu theo chế độ vào tháng 1-1975.

Do tuổi cao, sức khỏe ngày một giảm sút, bà Phan Thị Nễ từ trần vào ngày 1-1-1998.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng không biết mệt mỏi, bà Phan Thị Nễ đã để lại cho hậu thế một tấm gương đầy đủ những phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam: chịu thương, chịu khó, nhân hậu, thủy chung, vừa đảm việc nước, vừa giỏi việc nhà. Dù phải đối mặt với bao khó khăn, gian khổ, ác liệt, tù đày với những đòn tra tấn rất dã man của kẻ thù nhưng bà không bao giờ bị khuất phục, ngược lại càng tôi luyện thêm ý chí và lòng quả cảm. Không chỉ vậy, bà Phan Thị Nễ còn làm tròn sứ mệnh của một người vợ, người mẹ, tạo điều kiện cho chồng là đồng chí Võ Chí Công toàn tâm toàn ý tham gia làm tròn trách nhiệm người lãnh đạo của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Khu 5 và cả nước.

ANH NĂM VỚI NGHỆ SĨ KHU 5

Nhà văn ĐOÀN MINH TUẤN

Lần đầu tôi gặp anh Năm vào cuối mùa Đông năm 1974 ở Liên khu 5, tôi còn nhớ trời hôm ấy lạnh lắm. Anh Bảy Hữu đưa tôi đến chào anh Năm để vào chiến trường Buôn Ma Thuột. Anh Nguyễn Xuân Hữu (Bảy Hữu) là Thường vụ Khu ủy phụ trách tuyên huấn mấy lần ra Hà Nội gợi ý xin tôi vào chiến trường Liên khu 5. Giờ được vào Khu đã lâu nhưng đây là lần đầu tôi được đến chào anh Năm.

Quan tâm đến văn nghệ sĩ từ thời chiến tranh

Anh Năm rất quan tâm đến anh em văn nghệ sĩ, những năm chống Mỹ ác liệt, có lần đoàn văn công tập dượt chương trình để chào mừng Đại hội Đảng bộ Khu, anh Khánh Cao đạo diễn (ba của Nghệ sĩ nhân dân Trà Giang) có mời anh Năm đến dự, nhưng anh bị bệnh chân run không bước nổi. Tuy vậy, anh Năm đã nhờ anh em bảo vệ cáng anh trên chiếc võng để xem biểu diễn. Lần ấy, anh mệt vì những cơn sốt rét rừng triền miên, mà vẫn ráng sức đi động viên anh chị em nghệ sĩ đoàn ca múa Khu 5. Anh xem từng tiết mục, nghiền ngẫm và góp ý sửa chữa.

Anh Khánh Cao kể: "Những năm giữa thập niên 1960, chiến tranh vô cùng ác liệt, những trận càn liên miên, nhưng anh Năm vẫn cho gọi tôi đến làm việc, góp ý từng điệu múa, từng hoạt cảnh và nhấn mạnh sửa từng chi tiết". Chiều hôm cuối mùa mưa 1974, núi rừng Trà My (tỉnh Quảng Nam) bừng sáng, lớp lớp cây bằng lăng cao cao nhìn lên thấy cả mây trời cuồn cuộn, báo hiệu một mùa Xuân mới cho chiến trường Khu 5 tiến công và nổi dậy. Anh Năm dặn dò tôi trước mặt anh Lê Sâm - Trưởng ban Tuyên huấn Khu 5: "Chú ý phản ánh trong các bài viết về tình hình nhân dân nổi dậy phá ách kìm kẹp của giặc trong khắp các thôn xóm, buôn làng". Anh Năm nói một câu mà tôi nhớ mãi: "Vũ trang nhưng không có nổi dậy của nhân dân làm sao giữ vững chính quyền được". Anh Năm biết tôi nhận nhiệm vụ Trưởng đoàn Võ trang tuyên truyền Khu tại mặt trận Tây Nguyên là rất khó khăn, vì phải vừa hành quân vừa len lỏi vào các khu dồn dân của giặc, vừa chiến đấu vừa tuyên truyền trong dân chúng. Hồi ấy, đoàn chúng tôi hoàn thành được nhiệm vụ khiến các anh rất hài lòng. Bài vở gửi về Đài Giải phóng kịp thời, tranh thủ sự ủng hộ của dư luận trong nước và thế giới.

Thủ trưởng cũ Võ Chí Công khóc thương lính - nhà thơ Thu Bồn

Hòa bình, tôi về Đài Truyền hình giải phóng Thành phố Hồ Chí Minh do anh Huỳnh Văn Tiểng (từng làm Phó Chủ tịch ủy ban kháng chiến Nam Bộ) làm giám đốc. Hôm anh Năm đến thăm đài với cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng

Bộ trưởng (nay là Phó Thủ tướng), anh Huỳnh Văn Tiểng tiếp đón, anh Năm nhắc anh Tiểng cho gọi tôi. Lúc ấy, tôi vừa công tác miền Tây Nam Bộ về, mồ hôi nhễ nhại đến chào anh, anh ôm tôi vỗ vỗ vào vai vui mừng vì còn sống sót và còn gặp lại nhau. Anh lại hỏi tôi về anh em nghệ sĩ Khu 5 giờ còn những ai sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau này, nhiều lần tôi và anh Trương Công Huấn - nguyên Phó Ban Tuyên huấn Khu 5 đến thăm anh, anh rất mừng. Có lần, chúng tôi vào bấm chuông nhà anh ở đường Tú Xương (Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), anh em bảo vệ hỏi: "Có đăng ký làm việc với bác Năm không?". Anh Huấn trả lời: "Anh em Khu 5 đến thăm thủ trưởng cũ, chẳng có đăng ký gì". Chúng tôi hơi to tiếng với nhau, anh Năm nghe thấy liền bảo: "Cho anh em văn nghệ sĩ Khu 5 vào".

Anh Huấn thay mặt anh em tặng anh Năm ba tập sách *Làng Tuyên* - hồi ký của anh chị em văn nghệ sĩ Khu 5. Anh Năm nói lúc trước có đọc vài bài đăng báo *Nhân dân*, trong đó có bài tường thuật trận đánh mở màn ở Buôn Ma Thuột do tôi viết. Anh bảo viết như thế là tốt, rất cảm động về tình nghĩa quân dân các dân tộc Tây Nguyên. Rồi anh thân tình rót rượu mời chúng tôi, gọi là "thưởng tướng, khao quân".

Ngày nhà thơ Thu Bồn mất, chúng tôi vào báo tin và thăm anh vì trước đó anh bị mệt cả tuần. Chúng tôi xin anh cho một vòng hoa để viếng nhà thơ Thu Bồn của đất Quảng - Khu 5. Anh bùi ngùi nói: "Ai chứ Thu Bồn thì mình đến viếng, đâu cần phải xin vòng hoa". Và anh em

phục vụ dìu anh đến Nhà tang lễ Thành phố Hồ Chí Minh trên đường Lê Quý Đôn. Anh vào thắp hương viếng nhà thơ Thu Bồn. Trông cái cảnh bác Năm Công đầu bạc trắng đến vịn vào quan tài Thu Bồn màu đỏ chói, mà nghĩ thương cho Thu Bồn "lá vàng còn ở trên cây, lá xanh đã rụng thật là xót xa".

Chiều nay, Thành phố Hồ Chí Minh trời mây u ám tiễn đưa anh Năm, chắc trên trời Thu Bồn đang ôm anh - anh Năm Công tình nghĩa và rất yêu quý văn nghệ sĩ.

MÃI MÃI KÍNH TRỌNG BÁC VÕ CHÍ CÔNG

NGÔ HỮU THẢO *

Tôi là lái xe riêng cho bác Võ Chí Công (bác Năm). Cuối năm 1971, tôi vào Khu 5, ở nhóm phục vụ đồng chí Trương Chí Cương. Vào đến Khu ủy, đội xe cử tôi vào Văn phòng làm thợ điện, chạy máy nổ, bảo đảm hệ thống đèn điện đến từng nhà hầm của các đồng chí lãnh đạo. Rồi tôi được cử làm lái xe riêng cho bác Năm. Tôi ở cùng nhà với bác vào giai đoạn cuối của chiến dịch giải phóng Đà Nẵng cho đến khi bác ra Hà Nội giữ chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ, kiêm Bộ trưởng Hải sản, giữa năm 1976.

Điều đầu tiên tôi cảm nhận được ở bác Năm là một con người hết sức thân thiện, gần gũi, một con người vì mọi người, chăm lo đến mọi người. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bác Năm với cương vị lãnh đạo cao nhất của Khu 5, còn chúng tôi là những người phục vụ, nhưng được bác quan tâm rất nhiều và rất cụ thể. Bác hiểu rất rõ và rất chi tiết về những người phục vụ xung quanh mình. Trong lúc đi đường, ăn, nghỉ, hoặc thời gian rảnh rỗi hằng

---

* Nguyên cán bộ lái xe Văn phòng Khu ủy 5.

ngày, bác thường dành thời gian hỏi han, chuyện trò với chúng tôi rất tình cảm và thoải mái, rất cụ thể về hoàn cảnh gia đình, bản thân, vợ con, người yêu, học hành, văn hóa và cả nguyện vọng sau chiến tranh như thế nào. Nhiều lúc bác vui, bất ngờ, bác cười rất to và rất thoải mái trước chúng tôi, khiến mọi người đều vui và cảm động.

Hằng ngày, bác Năm còn quan tâm đến chuyện ăn uống, ngủ, nghỉ của chúng tôi ra sao. Ăn, ngủ là điều kiện duy trì sự tồn tại của mỗi con người nhưng đối với chúng tôi, làm nghề lái xe, lại lái xe ở chiến trường, hơn nữa lại đang ở "tuổi ăn, tuổi ngủ" thì sự quan tâm cụ thể ấy của bác thật đáng quý làm sao.

Trong những ngày truyền thống của dân tộc như Tết, lễ, bác chú ý hỏi han tới từng người, làm chúng tôi vơi đi nỗi nhớ xa nhà. Những ngày này, với sự chăm lo của bác, chúng tôi cũng được bổ sung thêm một chút về mặt vật chất. Trong thời gian ác liệt và gian khổ, điều đó rất đáng quý. Sau mỗi cuộc phục vụ lớn, chúng tôi còn được vinh dự chụp ảnh cùng với bác và với những vị khách từ Trung ương vào. Tôi nhớ, hồi bác Tôn Đức Thắng từ Hà Nội lần đầu tiên đến Đà Nẵng, số phục vụ chúng tôi rất đông, khi bác Tôn rời Đà Nẵng, tại buổi chia tay bác cho chụp ảnh rất nghiêm túc. Mấy chục người chúng tôi đứng bên cạnh bác và bác Tôn Đức Thắng. Khi chụp xong, bác còn dặn các đồng chí nhiếp ảnh làm cho chúng tôi mỗi người một tấm ảnh. Chúng tôi, những người lái xe, công an, bảo vệ, những cô phục vụ...đều cảm thấy rất vinh dự.

Bác Năm hầu như không quên một ai cả. Bác luôn coi những người chiến sĩ phục vụ bình thường như chúng tôi cũng là những "mắt khâu" không thể thiếu, cấu thành toàn bộ "sợi dây chuyền" cách mạng góp phần đưa cách mạng tới thành công.

Tôi nói bác không quên những người như chúng tôi, chẳng hạn như gần đây, vào dịp đầu năm 1998, bác ra Hà Nội nhận phần thưởng của Đảng và Nhà nước, đồng chí Đỗ Nguyên Phương - trước đây là Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, sau này làm Bộ trưởng Bộ Y tế, đến thăm và xem xét sức khỏe của bác Năm. Qua đồng chí Đỗ Nguyên Phương, bác có hỏi và nói về tôi rất nhiều. Đồng chí Đỗ Nguyên Phương có đến gia đình tôi, nói bác Năm tình cảm, chú ý đến hoàn cảnh và công tác của tôi. Có điều kiện đi thành phố Hồ Chí Minh, tôi đến thăm bác, kể cho bác nghe về tình hình quê hương tôi. Bác cũng đã có lần về thăm gia đình tôi ở Từ Sơn, Bắc Ninh. Có lần bác hỏi: Cháu có xe máy chưa? Tôi báo cáo với bác công việc của tôi. Bác dặn công việc của tôi rất vất vả, rất phức tạp, vì vậy phải chịu khó đọc sách và làm nhiều việc khác nữa để trau dồi kiến thức...

Bác rất quan tâm đến sự phát triển của từng con người cụ thể. Như tôi là một lái xe, đồng chí khác là một cận vệ,... Bác biết đã có học vấn lớp mấy, khả năng như thế nào để sau khi chiến tranh kết thúc, có thể tạo điều kiện để phát triển đúng theo khả năng của mỗi người. Đặc biệt, bác quan tâm đến học vấn, quan tâm đến trí tuệ của từng

người. Đó là một nhân cách rất điển hình trong con người Võ Chí Công.

Trong khi bác rất quan tâm đến mọi người thì đối với mình, bác rất nghiêm khắc, nghiêm khắc cả những việc bình thường, nhỏ nhặt hằng ngày. Chẳng hạn như trong quá trình đi xe, sử dụng xe, bác đều tính toán đi làm sao cho hiệu quả, cho tiết kiệm chứ không lãng phí. Đối với việc riêng của gia đình, bác rất hạn chế cho người nhà sử dụng xe công. Nếu có người nhà kết hợp đi cùng thì có thể được, còn bố trí riêng thì không. Tôi nhớ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, chúng tôi cùng với bác đi rất nhiều nơi ở miền Nam cũng như miền Bắc. Khi về, các đơn vị có tặng một chút quà như vào nông trường và vào cơ sở chế biến cà phê ở Tây Nguyên các chủ nhân cũng gửi tặng cà phê; hoặc đến cơ sở sản xuất công nghiệp ở quận 3 (nay là quận Sơn Trà - Đà Nẵng), người ta cũng tặng vài thứ đồ nhôm là sản phẩm của họ nhưng bác dứt khoát không nhận.

Có người đặt vấn đề, tại sao bác Năm học vấn không cao lắm nhưng lại trở thành một người lãnh đạo cách mạng xuất sắc như vậy? Tôi thấy, sở dĩ bác Năm trở thành một người như thế vì:

Thứ nhất, bác am hiểu tình hình thực tiễn hết sức sâu sắc. Nhờ am hiểu sâu sắc thực tiễn nên việc xử lý các thông tin ở bác rất tốt. Tôi nhớ lại, trước kia, có lúc trên xe có những công việc chung, bác cũng tranh thủ bàn bạc với người cùng đi...

Thứ hai, tôi thấy bác là người luôn luôn nắm chắc và dựa vào mục đích, yêu cầu của nhiệm vụ, để từ đó tạo ra và tìm kiếm một hệ thống các điều kiện, phương tiện cần thiết tương xứng với mục đích, yêu cầu, rồi từ đó củng cố quyết tâm là phải hoàn thành nhiệm vụ. Ở bác Năm, việc phân công ai làm gì và mỗi người cán bộ có khả năng ra sao, phù hợp với công việc cụ thể nào được bác tính toán rất kỹ trước khi đưa ra quyết định.

Thứ ba, bác Năm là con người quyết đoán hết sức nhanh nhạy. Chỉ ngồi trong xe một đoạn đường, nhưng bác có thể quyết đoán để ra quyết định giải quyết tình thế.

Thứ tư, bác rất trân trọng đối với những người có tài năng, biết sử dụng tài năng, đồng thời bác rất hay quan tâm đến mọi người và sâu sát với dân chúng. Tôi thấy, có một lần sau khi giải phóng, tôi được bác bảo sang quận 3 (Đà Nẵng) đón một người về làm việc với bác. Buổi làm việc đó rất lâu. Sau đó, bác đưa người ấy ra tận xe và dặn tôi phải cẩn thận khi trả về chỗ cũ. Cho đến hôm nay, tôi cũng không hiểu người đó là ai, nhưng tôi hình dung đó là chuyên gia hàng đầu của chúng ta về dầu khí. Tôi thấy bác rất trân trọng những con người như thế. Có thể nói, điều quyết định của người lãnh đạo là sử dụng được những người khác, hay nói cụ thể hơn là sử dụng được những chuyên gia, thậm chí những chuyên gia đó có tài năng hơn mình chứ không phải tự biến mình thành chuyên gia. Với một số nhận xét như vậy, tôi cho rằng nếu hiểu học vấn từ một nghĩa rộng hơn thì rõ ràng nó được nâng cao lên là xuất phát từ thực tiễn cộng với tố chất riêng của mỗi

người. Do đó, học vấn không phải duy nhất có được từ những trường lớp và nhiều đồng chí lãnh đạo tài ba của cách mạng đã chứng minh điều đó. Với những tố chất như thế, chúng tôi học ở bác Võ Chí Công rất nhiều điều, từ việc học ở đời, tiếp xúc với quần chúng, tiếp xúc với mọi người để tự hoàn thiện mình. Là những người phục vụ gần gũi với bác, tôi thấy ở bác Võ Chí Công có những tố chất, phẩm chất như thế, kể cả trong đời thường cũng như trong phẩm chất của người lãnh đạo cách mạng.

Thông qua những phẩm chất cao đẹp của đồng chí Võ Chí Công chúng ta cần hướng đến việc khẳng định những tiêu chuẩn đạo đức của cán bộ Đảng và Nhà nước hiện nay. Đồng chí Võ Chí Công là một tiêu biểu cho đội ngũ cán bộ tiên tiến, giàu thực tiễn, giàu tri thức, có bản lĩnh chính trị, văn hoá cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Chúng ta cần hướng tới việc xây dựng hệ thống những đức tính, những phẩm chất rất cụ thể và cần thiết như thế, để xây dựng đội ngũ cán bộ "vừa hồng vừa chuyên" phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

MỘT SỐ MẨU CHUYỆN VỀ BÁC NĂM CÔNG

PHAN THANH CHÂU *

Tôi là một cán bộ có gần mười năm công tác ở Ban Thông tin vô tuyến điện trực thuộc Văn phòng Khu ủy 5. Do công việc có tính chất cơ mật nên bộ phận điện đài thường ở cách xa Văn phòng Khu ủy 5 từ 10-15 km, chỉ những năm sau khi Hiệp định Pari được ký kết mới được ở gần, nhưng phải mất 30 phút đi bộ.

Những năm tháng ấy, tôi đã từng nhiều lần đi phục vụ và tiếp xúc với bác Năm Công (Võ Chí Công). Những mẩu chuyện mà tôi kể dưới đây trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, gian khổ và ác liệt, dù đã qua gần 40 năm, nhưng tôi vẫn còn nhớ và ghi lại.

1. Bác Năm Công tự học

Tôi về nhận công tác ở bộ phận điện đài từ đầu năm 1967, đi tham gia chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, tôi được gặp bác Năm Công chỉ trong mấy phút, khi bác đến thăm cơ quan ở mật cứ A7 (ở

* Nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Nam.

giáp ranh huyện Đại Lộc), cũng lúc ấy tôi và anh Phan Đấu gặp nhau và bác mới biết chúng tôi là hai anh em họ.

Đầu năm 1972, tôi được cơ quan cử đi công tác để phục vụ đoàn của bác Năm xuống công tác ở Tỉnh ủy Quảng Nam. Cùng đi với tôi còn có bốn đồng chí nữa, do tôi làm Trưởng đài. Đoàn công tác khoảng 15 người, hầu hết là nam giới, chỉ mỗi chị Đạo là phụ nữ. Cứ đi một tiếng đồng hồ thì dừng chân nghỉ 10 -15 phút, mỗi lần nghỉ như vậy tôi thấy chị Đạo lại đọc sách kỹ thuật nông nghiệp cho bác nghe (chị là kỹ sư nông nghiệp), hết giải lao lại đi tiếp, bác Năm và chị Đạo vừa đi vừa trao đổi. Xuống đến cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam đóng ở xã Tiên Lãnh, hết giờ làm việc tôi vẫn thấy chị Đạo đọc sách như trước. Khi làm việc xong trên đường trở về Văn phòng Khu ủy 5, chị Đạo vẫn giữ nếp đọc sách cho bác nghe ở mỗi điểm dừng chân.

Năm 1974, khi các cơ quan của Khu ủy đều chuyển về đóng ở xã Phước Trà (thuộc huyện Hiệp Đức ngày nay), tôi nhiều lần đến thăm bác, tôi vẫn thấy bác đọc sách nông nghiệp, sách y học, thỉnh thoảng tôi lại thấy anh Đức, anh Hiệp là những y sĩ đọc sách y học cho bác nghe và hai bên thường trao đổi về nội dung của sách đó. Do đó, bác biết nhiều bài thuốc đông y. Có một lần tôi mạnh dạn hỏi bác Năm: Tại sao chiến tranh thế này, mà bác lại đọc sách nông nghiệp và sách y học? Bác bảo: Chú và cháu đều sinh ra từ gốc rạ, người làm nông nghiệp bao giờ cũng cực khổ lắm, nhiều gia đình không đủ ăn mà đã cực khổ thì thường ốm đau, cho nên cán bộ cách mạng phải biết kỹ thuật nông nghiệp và y học để khi miền Nam được hoàn toàn giải

phóng chú cháu ta về bày cho nông dân biết kỹ thuật sản xuất, phòng chống và chữa các loại bệnh cho nhân dân.

Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, bác Năm rất quan tâm chỉ đạo sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Đặc biệt, khi ra Hà Nội làm Bộ trưởng rồi Phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng,... bác rất quan tâm đến mảng nông nghiệp và đề xuất ban hành nhiều chủ trương, như Chỉ thị 100 và Nghị quyết 10 về chỉ đạo khoán trong nông nghiệp đã đem lại thành công to lớn. Tôi càng thấm thía việc Bác Năm đã nhìn xa trông rộng, trong kháng chiến đầy gian khổ vẫn học tập để sau này trở thành một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước.

2. Bác Năm Công phát động hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết năm 1973, bác Năm cùng với các đồng chí trong Thường vụ Khu ủy chỉ đạo phải đẩy mạnh công tác trong các cơ quan Khu ủy 5. Từ đó, các cơ quan đều phát động sôi nổi phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, đặc biệt khi các cơ quan Khu ủy 5 chuyển từ Trà My ra đóng ở xã Phước Trà. Từ năm 1974, phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển mạnh mẽ và đều khắp, cơ quan nào cũng có đội văn nghệ và đội bóng chuyền, cứ đến các ngày lễ trọng đại của đất nước đều tổ chức thi đấu bóng chuyền, thi văn nghệ, tạo nên khí thế rất sôi nổi, hào hứng cho mọi người. Ngay trong cơ quan Văn phòng Khu ủy 5 có tới năm

đội bóng của năm đơn vị trực thuộc gồm: điện đài, đội xe, cơ yếu, văn phòng, bảo vệ.

Ngày 3-2-1975, nhân kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Đảng, Văn phòng Khu ủy 5 chủ trương mời đội bóng chuyền Cục Tham mưu Quân khu 5 về thi đấu với đội bóng chuyền Văn phòng Khu ủy 5. Đây là đội bóng mạnh nhất trong các đội bóng cơ quan Quân khu 5. Lúc đầu cũng có người lo sợ đội Văn phòng Khu ủy 5 thua, nhưng các đồng chí lãnh đạo đã chủ động triệu tập vận động viên sớm và được các đồng chí Thường vụ Khu ủy 5 thường xuyên theo dõi và trực tiếp động viên.

Trận đấu được diễn ra đúng vào sáng ngày 3-2-1975, người xem rất đông, có đầy đủ các đồng chí Thường vụ Khu ủy và các đồng chí lãnh đạo Bộ Tư lệnh Quân khu 5 đến dự, động viên hai đội bóng.

Đội Văn phòng Khu ủy 5 trước khi ra sân được đồng chí Bùi San, Phó Bí thư Khu ủy 5 trực tiếp động viên: "Phải quyết tâm đánh thắng". Còn phía đội Cục Tham mưu Quân khu 5, đồng chí Chu Huy Mân nói với đội bóng: "Quân đội chỉ có thắng".

Kết thúc trận đấu, đội bóng chuyền Văn phòng Khu ủy 5 thắng đội bóng chuyền Cục Tham mưu 3-2. Sau trận thắng này, đội bóng chuyền chúng tôi được mọi người chúc mừng, khen ngợi.

Đúng 14 giờ chiều, bác Năm Công đến thăm đội bóng chuyền Văn phòng Khu ủy 5. Bác hỏi: Các đồng chí dậy hết chưa? Anh em trong đội bóng cùng đáp: Dạ thưa đã dậy hết rồi ạ!, rồi bác nói tiếp: Các đồng chí đánh rất giỏi,

rất hay, chúc mừng thắng lợi của các đồng chí! bây giờ ta phải nghĩ đến phát triển bóng đá nữa chứ, nếu làm sân bóng đá có người chơi không? Anh em trong đội bóng cùng đáp: Có ạ!

Anh Đài là Đội trưởng đội bóng thay mặt anh em trong đội cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Thường vụ Khu ủy và lãnh đạo Văn phòng Khu ủy đã tạo mọi điều kiện để đội bóng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bác Năm nói, như thế các đồng chí đã nhất trí với tôi làm sân bóng đá, để phát triển bóng đá. Bác bảo ta tập đá bóng để sau này có về đồng bằng, đô thị mà hướng dẫn cho mọi người biết chơi thể thao, biết đá bóng chứ, rồi cười rất thoải mái. Trước khi chia tay chúng tôi về lại nơi làm việc, bác Năm còn dặn phải tiếp tục tập luyện thật tốt, để có những trận bóng chuyền hay hơn. Làm người cách mạng không chỉ có chiến đấu thắng lợi mà còn phải biết văn hóa, thể thao.

3. Bác Năm Công với công tác thông tin điện đài

Tôi được nghe anh Trần Hữu Danh, nguyên Trưởng Ban Vô tuyến điện Khu ủy 5 kể lại rằng: Theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954, nước ta tạm thời bị chia làm hai miền, miền Bắc được giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội, còn ở miền Nam tạm thời do chính quyền bù nhìn tay sai Mỹ - Diệm quản lý, sau hai năm sẽ tổ chức Tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà.

Lúc này, đồng chí Võ Chí Công ở tỉnh Bình Định, trực tiếp chỉ đạo cho cán bộ ta xuống tàu tập kết ra miền Bắc,

đồng thời là người trực tiếp chỉ đạo, sắp xếp, bố trí những cán bộ ở lại miền Nam để tiếp tục hoạt động cách mạng.

Cũng sau Hiệp định Giơnevơ, anh Trần Hữu Danh được phân công ở lại miền Nam, phụ trách bộ phận điện đài Văn phòng Khu ủy 5.

Thời gian tập kết ở khu vực 300 ngày đã hết, 20 giờ tối ngày 16-5-1955, một chiếc xe Jeep chở đoàn đồng chí Năm Công từ hướng Quy Nhơn chạy ra Bồng Sơn. Bộ phận điện đài chúng tôi đã chờ sẵn ở đó và được lệnh nhập vào đoàn anh Năm Công lên núi.

Khi lên đến căn cứ, chúng tôi dựng đài làm việc để anh Năm Công trao đổi điện đàm với Trung ương Đảng ở Hà Nội và Nam Bộ.

Anh Trần Hữu Danh nói tiếp: Đồng chí Năm Công bảo muốn chỉ đạo kháng chiến kịp thời thì trước mắt phải xây dựng, củng cố hệ thống thông tin liên lạc thông suốt từ Khu lên Trung ương và từ Khu xuống các tỉnh, vì vậy ngay từ bây giờ phải có kế hoạch điều động, bố trí lại cán bộ và phương tiện hoạt động liên lạc của đài Khu ủy 5 và các Tỉnh ủy miền Trung và Tây Nguyên để bảo đảm sự chỉ đạo.

Với tư tưởng chỉ đạo của bác Năm Công như vậy, bộ phận điện đài Văn phòng Khu ủy 5 và các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên ngày càng phát triển mạnh mẽ, những năm cuối chiến tranh, mạng lưới điện đài đã trải rộng xuống cấp huyện, thị. Đài Văn phòng Khu ủy có lúc sử dụng chục máy, không chỉ 36W mà có máy phát sóng 50W và 150W bảo đảm phục vụ cho sự lãnh đạo của Khu ủy.

Khi tôi lên công tác tại bộ phận điện đài Khu ủy 5, mỗi

lần các bác Thường vụ Khu ủy 5 đi công tác ở các tỉnh, bộ phận điện đài Văn phòng Khu ủy 5 đều cử một đài theo phục vụ.

Đối với bác Năm Công, mỗi lần có đài đi theo phục vụ, bác biết bộ phận điện đài mang nặng, làm việc vất vả nhất, ngày hành quân, tối đến phải dựng máy làm việc, có lúc đang hành quân trưa nghỉ lại cũng phải dựng máy lên làm việc để bảo đảm sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo. Chính vì tính chất công việc như vậy nên bác Năm Công rất hiểu và thông cảm cho các chiến sĩ thông tin liên lạc thầm lặng này. Trong mỗi chuyến công tác có bộ phận điện đài đi cùng, bác Năm Công đều yêu cầu các đồng chí cảnh vệ mang giúp cho bộ phận điện đài. Một tổ điện đài đi công tác phải có 4 - 5 người, mỗi người phải cõng 40 - 45 kg cả máy móc, lương thực, thực phẩm và tư trang.

Tôi đã có nhiều lần được phân công đi phục vụ bác Năm Công, bác cũng đề nghị các đồng chí trong đoàn công tác mang giúp cho bộ phận điện đài.

Tôi thường thấy cứ mỗi lần có chiến dịch mở ra là bác Năm Công lại đến thăm bộ phận điện đài, kịp thời động viên, nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ. Có một lần bác đến thăm cơ quan điện đài đóng ở bờ sông Trà Nô vào khoảng cuối tháng 2-1975, khi chiếc xe con Gát 69 của Liên Xô sản xuất vừa dừng trước cổng, bác Năm Công bước xuống và đi thẳng xuống nhà bếp hỏi thăm và kiểm tra việc chăm lo đời sống, cán bộ, công nhân viên của bộ phận điện đài thế nào. Sau khi nghe chị Thư, người trực tiếp lo cơm nước cho anh em báo cáo, bác Năm Công gật đầu khen ngợi và sau

đó mới đi làm việc với các đồng chí lãnh đạo Ban Thông tin vô tuyến điện Khu ủy 5.

Sau chuyến thăm của bác Năm Công, điện đài được tăng cường trên 10 máy thu phát nhưng vẫn làm không hết việc, cứ mỗi ngày thu phát hàng trăm bức điện, đồng chí nào cũng mệt nhừ người, nhưng ai nấy đều vui vẻ vì biết chiến dịch mới lại bắt đầu và tự động viên nhau cố gắng chuyển tải và thu nhận các bức điện nhanh nhất, chính xác nhất, an toàn nhất để phục vụ kịp thời cho lãnh đạo.

Sau chiến dịch giải phóng Đà Nẵng ngày 29-3-1975, đồng chí Nguyễn Quang Nga, Đài trưởng đi phục vụ bác Năm Công có kể lại rằng: Khi giải phóng Đà Nẵng xong, bác Năm có điện báo cáo cho Trung ương Đảng và Trung ương Cục. 6 giờ 40 phút sáng ngày 30-3-1975 có điện từ Đài Trung tâm Khu ủy 5 chuyển đến bác Năm Công bức điện dịch ngay (có độ khẩn cao). Sau khi nhận được điện báo, bác Năm cùng đoàn công tác lên đường về Khâm Đức, huyện Phước Sơn để gặp đồng chí Lê Đức Thọ trên đường vào tham gia chỉ đạo chiến dịch Hồ Chí Minh. Sau khi làm việc xong với bác Lê Đức Thọ, bác Năm Công và đoàn công tác cấp tốc quay về thành phố Đà Nẵng để chỉ đạo phong trào. Trên đường về, khi lội qua sông Trường, bác Năm Công cho đoàn công tác dừng lại và bảo trong ba lô đồng chí nào có thứ gì ăn được đem ra đây để ăn mừng chiến thắng. Bác Năm Công thay mặt Thường vụ Khu ủy biểu dương những cố gắng của từng thành viên trong đoàn công tác đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, các đồng chí ở bộ phận điện đài tuy công việc rất vất vả

nhưng đã phục vụ tốt cho lãnh đạo. Điện đài là cánh tay nối dài của Thường vụ Khu ủy 5 để chỉ đạo phong trào ở cơ sở và nhận chủ trương, chỉ thị của Trung ương. Mọi người trong đoàn vỗ tay reo mừng. Tuy cuộc gặp ngắn ngủi nhưng bác Năm Công đã để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng mọi người.

4. Bác Năm Công với Đảng bộ và đồng bào xã Bình Dương

Đầu những năm 40 của thế kỷ XX, xã Bình Dương, huyện Thăng Bình đã trở thành trạm liên lạc của tỉnh Quảng Nam, chính vì vậy các đồng chí lãnh đạo của Tỉnh ủy lúc bấy giờ hay về xã Bình Dương hoạt động. Đầu năm 1943, bác Năm Công lúc này là Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam về Bình Dương công tác, trực tiếp chỉ đạo cho cán bộ xã phải vận động, tập hợp thanh niên vào các hội cứu quốc, lấy các anh em ở tù về còn vững vàng làm nòng cốt để xây dựng tổ chức cách mạng, vì tổ chức tạo nên sức mạnh tư tưởng và hành động. Từ tổ chức này mà lựa chọn phát triển đảng viên.

Sau khi có ý kiến chỉ đạo của bác Năm Công, phong trào cách mạng của xã Bình Dương phát triển rất nhanh, quần chúng hăng hái tham gia vào các tổ chức cách mạng. Chi bộ Đảng của xã lúc này chỉ có 3 người là Huỳnh Kim Nhị, Ngô Thanh Dũng và Trịnh Hy và phát triển rất nhanh, đến năm 1954 đã có 540 đảng viên.

Những lần tôi gặp bác Năm Công ở Văn phòng Khu ủy 5,

bác đều kể về những kỷ niệm khi về công tác ở xã Bình Dương, đặc biệt khi Bình Dương hai lần được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (năm 1969 và 1972).

Bác bảo với tôi: Quê chú mầy nhân dân cách mạng và anh hùng lắm, vừa đánh giặc giỏi vừa kiên cường bám trụ, giúp đỡ, nuôi cán bộ, chiến sĩ. Cháu là dân Bình Dương anh hùng thì phải cố gắng công tác thật tốt để xứng đáng với quê hương anh hùng.

Sau ngày giải phóng, bác có lần về thăm xã Bình Dương, nhắc nhở cán bộ địa phương phải chú ý lãnh đạo đồng bào đẩy mạnh sản xuất, khắc phục hậu quả chiến tranh, không để gia đình nào thiếu đói, chú ý chăm lo cho các gia đình chính sách, xây dựng trường lớp, vận động con em đến trường học tập, phát triển đời sống văn hóa, xây dựng, củng cố chính quyền, đoàn thể vững mạnh; công tác xây dựng Đảng phải được chú ý đúng mức, Đảng có đoàn kết thống nhất thì xã hội mới đồng thuận để xứng đáng là một xã anh hùng.

Từ những lời chỉ đạo của bác Năm, Đảng bộ và đồng bào xã Bình Dương đã quyết tâm phấn đấu xây dựng lại quê hương. Năm 1985, xã Bình Dương được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, ở huyện Thăng Bình, số xã có điện thắp sáng còn ít. Xã Bình Dương lập tờ trình, được bác Năm ủng hộ, Chính phủ đã đầu tư hàng trăm triệu đồng để kéo điện, nhân dân rất vui mừng, 100% số hộ đều có điện thắp sáng và cho đến nay đường điện ấy vẫn phát huy tác dụng tốt.

Có lần tôi vào họp tại thành phố Hồ Chí Minh, ghé thăm bác Năm Công. Tuy tuổi cao, sức khỏe yếu nhưng bác Năm vẫn còn nhớ những kỷ niệm của một thời về hoạt động ở xã Bình Dương. Bác rất chú ý đến đời sống của nhân dân, khi nghe tôi báo cáo bác rất mừng và bảo: "Đất nước này chưa có xã nào ba lần được phong tặng anh hùng như xã Bình Dương quê cháu, các cháu phải biết phát huy truyền thống đó và nói cho bà con hiểu cùng giữ gìn và phát huy".

ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN NÚI THÀNH

NGUYỄN TIẾN*

Ngay trong dòng đầu lời giới thiệu cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ (1930-1954)*, đồng chí Võ Chí Công có viết: "Tôi sinh ra, lớn lên và bắt đầu hoạt động cách mạng ở quê hương Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành, thành phố Tam Kỳ và huyện Phú Ninh). Trong những năm tháng ác liệt nhất của cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc (1930 - 1945), tôi luôn luôn sát cánh chiến đấu, được giúp đỡ, đùm bọc, bảo vệ hết lòng và trưởng thành cùng với Đảng bộ, nhân dân Tam Kỳ. Sau này, dù hoạt động ở đâu, dù đảm nhiệm cương vị công tác nào của Đảng và Nhà nước, Tam Kỳ luôn là hình ảnh sâu đậm nhất và tôi luôn dõi theo những bước trưởng thành, phát triển của quê hương". Vinh dự, tự hào của Đảng bộ và nhân dân Núi Thành - Quảng Nam là đã sinh ra đồng chí Võ Chí Công - *"Nhà lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước ta; người chiến sĩ cách mạng kiên cường, suốt đời phấn đấu cho độc*

* Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Núi Thành.

lập, tự do dân tộc, hạnh phúc của nhân dân và vì lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa"[1].

Đồng chí Võ Chí Công sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, được lớn lên và trưởng thành trên quê hương có truyền thống văn hoá và đấu tranh cách mạng. Bởi thế, đồng chí Võ Chí Công đã sớm trở thành một thanh niên yêu nước, giàu nhiệt huyết cách mạng. Tháng 5-1935, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và chỉ ít lâu được đề cử làm Bí thư Chi bộ Mỹ Sơn (Khương Mỹ - Tam Xuân 1, Danh Sơn - Tam Sơn) nay thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Năm 1936 - 1937, làm tổng ủy viên Tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ; năm 1938, được Phủ ủy cử đi dự lớp huấn luyện do Xứ ủy Trung Kỳ tổ chức tại An Cựu (Thừa Thiên - Huế); tháng 9-1939, được bổ sung vào Phủ ủy và sau đó đồng chí được tín nhiệm cử làm Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, Thường trực Ủy ban bạo động khởi nghĩa tỉnh... Trong những ngày đầu hoạt động cách mạng tại quê hương, đồng chí cùng nữ đồng chí Phan Thị Nễ - cán bộ chủ chốt của Tỉnh ủy, người làng Thọ Khương, xã Tam Hiệp, sau thành bạn đời, đã cùng đồng chí bám trụ, chỉ đạo phong trào cách mạng của địa phương, giành thắng lợi trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Trải qua những năm đầu của cuộc đấu tranh đầy khó khăn, gian khổ, đồng chí Võ Chí Công vẫn luôn kề vai sát

---

1. Trích: Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công.

cánh cùng với nhân dân và Đảng bộ huyện đấu tranh giành độc lập dân tộc. Sau này, dù hoạt động ở đâu, với cương vị cao của Đảng và Nhà nước, quê hương luôn là hình ảnh sâu đậm trong tâm trí của đồng chí. Đồng chí luôn dõi theo từng bước trưởng thành và sự phát triển của Đảng bộ huyện nhà. Với bài viết này, xin ghi lại một vài kỷ niệm về hoạt động và sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí với Đảng bộ và nhân dân Núi Thành.

Từ Bí thư Chi bộ Mỹ Sơn, với sự năng nổ, sáng tạo trong xây dựng lực lượng, chỉ đạo phong trào, tại Hội nghị Phủ ủy mở rộng (tháng 9-1939) ở trảng cát Bà Mù (Tam Hiệp), đồng chí Võ Toàn (tên của đồng chí Võ Chí Công lúc đó) và các đồng chí Nguyễn Sắc Kim (Tam Mỹ), Phan Khắc (Tam Hiệp) được bổ sung vào Phủ ủy. Đồng chí trực tiếp tham gia cùng với Phủ ủy chỉ đạo phong trào cách mạng toàn phủ. Cuối năm 1939, địch khủng bố ác liệt, nhiều cán bộ của Tỉnh ủy, Phủ ủy bị địch bắt giam, một số đồng chí còn lại bị địch truy lùng gắt gao, nhưng đồng chí Võ Toàn vẫn quyết định ở lại địa phương cùng với đồng chí Nguyễn Sắc Kim, dựa vào cơ sở cách mạng các xã Tam Hiệp, Tam Nghĩa, Tam Giang, Tam Hải, Tam Quang... để hoạt động. Từ đây, đồng chí đi khắp các làng, đến các chi bộ đảng còn lại, làm công tác tư tưởng cho đảng viên, quần chúng trung kiên, củng cố tổ chức, phát triển đảng viên, lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống khủng bố.

Tháng 1-1940, đồng chí Võ Toàn và đồng chí Nguyễn Sắc Kim tổ chức Hội nghị Phủ ủy tại An Hòa, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung

ương Đảng về chuyển hướng chỉ đạo chiến lược. Trên cơ sở đó, Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ trước mắt, tìm cách liên lạc với cấp trên và các địa phương khác để phối hợp hoạt động. Củng cố lại Phủ ủy, đồng chí được phân công làm Bí thư. Hội nghị cũng bàn việc chuẩn bị thành lập lại Tỉnh uỷ, bước đầu là thành lập Ban liên lạc tỉnh (tiền thân của Tỉnh uỷ lâm thời) do đồng chí làm Trưởng ban.

Với cương vị là Bí thư Phủ ủy, đồng chí chỉ đạo củng cố các chi bộ còn lại, tăng cường công tác tư tưởng, làm cho đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu được tình hình, thấy rõ trách nhiệm, tiếp tục hoạt động. Phát triển thêm đảng viên mới, thành lập các chi bộ mới, các đoàn thể quần chúng mới, thống nhất lấy tên đoàn, hội phản đế như thanh niên, nông dân, phụ nữ; duy trì các tổ chức biến tướng, bảo đảm nội dung sinh hoạt chính trị bí mật; chống khủng bố để bảo vệ lực lượng cách mạng... Từ đó, các cơ sở đảng nhiều nơi được khôi phục và phát triển nhanh chóng, nhiều chi bộ mới được thành lập (đến cuối năm 1940, toàn phủ có 12 chi bộ với 70 đảng viên). Sáng tạo nhiều hình thức tuyên truyền như vẽ pa nô hình công nhân cầm búa, nông dân cầm liềm, rải truyền đơn, viết khẩu hiệu: "*Ra tay đạp đổ hết căm hờn*", "*Đả đảo đế quốc chiến tranh*", "*Chung tay tát biển Đông*"... để gây nhận thức và đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong quần chúng nhân dân, chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ quyền dân sinh, dân chủ đã giành được trong thời kỳ vận động dân chủ (1936 - 1939), chống bắt bớ phi lý phát triển khá sôi nổi ở nhiều nơi.

Cũng từ hoạt động của đồng chí và Phủ uỷ, tháng 3-1940, Tỉnh ủy lâm thời được lập lại, đồng chí được cử làm Bí thư. Với vị trí là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí trực tiếp chỉ đạo củng cố Phủ ủy (cử đồng chí Lê Tấn Sửu làm Bí thư thay cho đồng chí) xây dựng cơ sở, giữ vững địa bàn an toàn, ổn định, làm nơi đứng chân của các cơ quan Tỉnh ủy để chỉ đạo phong trào toàn tỉnh. Đặc biệt, tháng 10-1940, đồng chí tổ chức và chủ trì Hội nghị Tỉnh ủy tại Chùa Hang (Tam Nghĩa), có đồng chí Hồ Tỵ, phái viên Xứ ủy Trung Kỳ về dự. Hội nghị có ý nghĩa lịch sử quan trọng, đã tạo ra bước chuyển biến về tư tưởng và hành động của phong trào cách mạng tỉnh nhà theo đường lối mới của Đảng.

Trong lúc tổ chức đảng và phong trào quần chúng đang có sự chuyển biến theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, tháng 4-1941, xảy ra vụ khủng bố lớn. Địch tập trung lùng sục, vây bắt đảng viên và quần chúng các xã cánh nam của huyện, nhiều đảng viên và cán bộ của Tỉnh ủy bị bắt. Song, đồng chí Võ Toàn và đồng chí Nguyễn Sắc Kim được Đảng bộ và nhân dân huyện đùm bọc, che chở, bố trí lẩn tránh và đưa đi hoạt động ở nhiều nơi. Vì thế, hai đồng chí ra sức củng cố các chi bộ, các cơ sở còn lại của Tam Kỳ vừa tìm cách liên lạc củng cố lại cơ sở các phủ, huyện phía bắc. Được sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Toàn, nhiều chi bộ đảng được xây dựng, củng cố sinh hoạt trở lại; hoạt động của Phủ ủy mạnh lên, tạo tiền đề để Phủ ủy tổ chức thành công Hội nghị tháng 10-1941 tại Cửa Lở - An Hòa, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương.

Sau vụ khủng bố năm 1942, Tỉnh ủy Quảng Nam chỉ còn hai đồng chí là Võ Toàn và Nguyễn Sắc Kim. Bị truy nã gắt gao, lại mất liên lạc với cấp trên, hai đồng chí phải chuyển vào hoạt động ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Tháng 8-1942, các đồng chí lại trở về, dựa vào các cơ sở còn lại của các xã (phía nam của huyện hiện nay) để hoạt động và liên lạc với các phủ, huyện phía bắc. Được sự chỉ đạo của đồng chí và hoạt động tích cực của Phủ ủy, những tháng cuối năm 1942 và đầu năm 1943, một số tổ chức cơ sở đảng và quần chúng còn lại ở đây lần lượt được củng cố và phát triển như các chi bộ Diêm Trường, Đức Bố, Xuân Quang, Tịch Tây, Vân Trai, Vĩnh Đại... Sau khi các cơ sở của phủ được xây dựng lại tương đối vững và một số phủ, huyện phía bắc được móc nối lại, đồng chí liên lạc được với Thành ủy Hội An, thành lập Liên Tỉnh ủy Quảng Nam - Hội An - Đà Nẵng, đồng chí Võ Toàn được cử làm Bí thư.

Tháng 4-1943, sau vụ phát hành vé số cứu quốc ở Duy Xuyên bị lộ, địch đánh phá ác liệt phong trào cách mạng, đánh phá cơ quan Tỉnh ủy, truy tầm gắt gao đồng chí Võ Toàn, Nguyễn Sắc Kim; tuy vậy, hai đồng chí vẫn bám trụ các cơ sở cách mạng ở Diêm Trường, Thọ Khương, Vĩnh Đại, Vân Trai, Tịch Tây... hoạt động và tiếp tục ra báo "*Cờ Độc lập*".

Trong thời gian hoạt động tại đây, đồng chí đã góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng cách mạng, tổ chức tuyên truyền phát động phong trào cứu nước. Nhiều cuộc mít tinh được tổ chức liên tục. Đáng chú ý nhất là cuộc mít tinh tại Cồn Giống (ngã ba sông thuộc Tam Hiệp, Tam Giang, Tam

Hải) có trên 300 người dự, do đồng chí và đồng chí Nguyễn Sắc Kim diễn thuyết. Các đồng chí còn chỉ đạo các chi bộ và quần chúng cốt cán vận động nhân dân đấu tranh chống lệnh phá lúa trồng đậu phụng, chống đóng góp quỹ "nghĩa sương" và những hành động ức hiếp nông dân của bọn lính đoan, chống ngăn sông, cấm dân mua bán đậu phụng, thuốc lá và đòi bỏ lệ phạt vạ cay nghiệt đối với người sản xuất, được cả hương, lý đồng tình ủng hộ.

Nhiều người đã từng nuôi giấu, giúp đỡ và được đồng chí tuyên truyền giác ngộ, giao nhiệm vụ. Đồng chí có biệt tài tuyên truyền vận động quần chúng, tổ chức xây dựng cơ sở, những nơi khó khăn nhất, khi đồng chí đến là phong trào phát triển...

Một cán bộ lão thành cách mạng ở Vĩnh Đại, Tam Hiệp[1] kể lại: Đầu năm 1941, cụ Kế (tức đồng chí Nguyễn Kỵ, người cùng làng và là người trực tiếp liên lạc và nuôi giấu cán bộ của Tỉnh ủy và Xứ uỷ tại gia đình trong những năm trước Cách mạng Tháng Tám như đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Tố Hữu...) dẫn đến nhà hai thanh niên, giới thiệu tên là Hận và Ninh (đồng chí Võ Toàn và Nguyễn Sắc Kim), với danh nghĩa là đi mua đậu phụng và xin nghỉ lại nhà một thời gian nhưng thực chất là nhờ gia đình che giấu, nuôi dưỡng. Với tính cách vui vẻ, chân thành, ăn nói lưu loát, ngay từ đầu, hai anh đã chiếm được cảm tình của cả nhà. Vừa ổn định chỗ ở, hai anh đã tìm hiểu địa thế và dân tình chung quanh, cách làm ăn sinh sống của dân, thái

1. Đồng chí Ngô Thành, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai.

độ của họ đối với chế độ cai trị và với những người có quan hệ với chế độ đó, rồi bàn với cả nhà, tìm người tốt tuyên truyền giác ngộ họ để đưa vào tổ chức. Sau một thời gian ngắn, hàng loạt các tổ chức thanh niên, nông dân, phụ nữ, thiếu niên cứu quốc ra đời, hoạt động khá mạnh. Nhiều nơi khác các anh cũng xây dựng như vậy nhưng để bảo đảm bí mật nên gia đình không được quan hệ...

Tháng 10-1943, đồng chí bị địch bắt, kết án 25 năm tù, giam tại nhà đày Buôn Ma Thuột. Tại đây, đồng chí cùng với các đồng chí Trần Hữc Dực, Nguyễn Chí Thanh, Trần Tống... bí mật tuyên truyền cho anh em tù chính trị giữ vững khí tiết, ý chí đấu tranh và tổ chức nhiều cuộc đấu tranh chống lại chế độ nhà tù hà khắc.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, đồng chí Võ Chí Công ra tù, về lại Quảng Nam và được cử vào Ban Thường trực ủy ban cứu quốc tỉnh. Tại Hội nghị Tỉnh ủy ngày từ ngày 12 đến ngày 14-8-1945, đồng chí được cử vào Ban Thường trực Ủy ban bạo động khởi nghĩa tỉnh, trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa ở Hội An - nơi tập trung hầu hết các cơ quan đầu não của thực dân Pháp, cuộc khởi nghĩa ở Hội An giành chính quyền sớm hơn kế hoạch, đưa Quảng Nam trở thành một trong những tỉnh giành chính quyền sớm nhất cả nước.

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), đồng chí được Đảng phân công lãnh đạo nhiều vị trí công tác: trong năm 1945 - 1946, làm Ủy trưởng Tư pháp, Chính trị viên Chi đội 1 giải phóng quân tỉnh Quảng Nam, Chính ủy Trung đoàn 93. Trong những năm 1947 - 1954, từ phụ trách Ban Cán bộ Quân khu 5,

tham gia Ủy ban quân sự tỉnh Bình Định, làm Bí thư Ban cán sự Đông Bắc - Miên; tại Đại hội Đảng bộ Liên khu 5 lần thứ II (tháng 3-1951), đồng chí được bầu vào Liên Khu ủy và được phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng; giữa năm 1953, đồng chí được cử ra Bắc dự Hội nghị bàn về cải cách ruộng đất, phát động quần chúng giảm tô và thực hiện cải cách ruộng đất do Trung ương tổ chức.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết tháng 7-1954, đồng chí trở về Liên khu 5, làm Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy. Đặc biệt, trong những năm 1955 - 1958, địch cố tình phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta, tăng cường chống phá phong trào cách mạng ngày càng quyết liệt; với chiến lược "tố cộng, diệt cộng", thực hiện luật 10/59, địch lê máy chém khắp vùng Liên khu 5, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên và nhân dân bị bắt, bị giết, bị tù đày, tra tấn dã man. Trước tình hình ấy, đồng chí Võ Chí Công ngày đêm trăn trở về đường lối và phương pháp đấu tranh cách mạng ở miền Nam - nếu vẫn giữ phương pháp đấu tranh bằng hòa bình, đấu tranh chính trị đơn thuần thì cách mạng sẽ gặp nhiều khó khăn. Từ suy nghĩ đó, đồng chí trực tiếp xuống cơ sở nghiên cứu tình hình, nhiều lần đề xuất với Trung ương, tích cực góp ý dự thảo *Đề cương Cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo, để Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (tháng 1-1959) ra Nghị quyết 15, khẳng định: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam... Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về

tay nhân dân. Phương pháp cách mạng và phương pháp đấu tranh là bạo lực cách mạng, từ đấu tranh chính trị, tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Và dự kiến xu hướng phát triển từ khởi nghĩa vũ trang có thể tiến lên cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Nghị quyết 15 ra đời đáp ứng nguyện vọng và đòi hỏi bức bách của nhân dân và phong trào cách mạng miền Nam.

Sau Hội nghị, đồng chí được Trung ương chỉ định về làm Bí thư Liên khu ủy 5. Tại Hội nghị Liên khu ủy (hè năm 1959), đồng chí trực tiếp truyền đạt Nghị quyết 15 và cùng với Liên khu ủy ra Nghị quyết của Liên khu ủy 5 về việc thực hiện Nghị quyết 15 trên toàn địa bàn Liên khu. Nghị quyết 15 của Trung ương nhanh chóng đến với huyện nhà và thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh của nhân dân và từ đây phong trào cách mạng của địa phương chuyển lên thế tấn công, giành quyền làm chủ trên khắp các vùng miền núi, nông thôn, đồng bằng.

Tháng 3-1965, quân viễn chinh Mỹ đổ bộ lên miền Nam, Đà Nẵng, Chu Lai - Quảng Nam trở thành nơi đánh phá ác liệt của địch. Việc đầu tiên đồng chí cùng với Khu ủy tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên là giữ vững tinh thần cách mạng không sợ Mỹ, kiên trì phương châm đấu tranh cả quân sự và chính trị. Đồng chí cùng với đồng chí Chu Huy Mân chủ trương và chỉ đạo quân và dân Quảng Nam thực hiện trận đánh phủ đầu quân Mỹ tại Núi Thành (26-5-1965) giành thắng lợi mở ra tư tưởng chiến lược cho cả Quân khu 5 và miền Nam quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Trận đầu đánh Mỹ ở Núi Thành thắng lợi vang dội

diễn ra trên tinh thần đó. Sau này, khi nhắc lại trận đánh đó, đồng chí viết: "Trận đánh Mỹ ở Núi Thành chưa phải trận lớn lắm nhưng có ý nghĩa hết sức quan trọng, đã mở đầu có thực tiễn đánh Mỹ của bộ đội địa phương, giải pháp có tính chiến lược về tư tưởng cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân lúc bấy giờ. Lấy ít thắng nhiều như thế nào? Ta đánh được Mỹ và thắng Mỹ như thế nào?... Chiến thắng trận đầu đánh Mỹ làm rạng rỡ cái tên Núi Thành, cả nước vui mừng, quân thù khiếp sợ".

Tháng 10-1965, đồng chí về lại huyện Nam Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành), thăm lại quê hương và nghiên cứu cách đánh Mỹ trên vành đai diệt Mỹ Chu Lai do quân và dân Nam Tam Kỳ (Núi Thành) xây dựng nên. Và cũng từ đây, đồng chí cùng với Thường vụ Khu ủy 5, Quân khu 5 tổ chức nhiều cuộc tổng kết đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, binh địch vận... làm giàu thêm kinh nghiệm đấu tranh theo phương châm "Hai chân, ba mũi giáp công" để đưa cuộc kháng chiến của quân dân huyện Núi Thành, của miền Nam tiếp tục phát triển, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày quê hương hoàn toàn giải phóng, với các cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng và cả lúc tuổi cao sức yếu đồng chí luôn tranh thủ thời gian về thăm và làm việc với Đảng bộ và nhân dân Núi Thành. Ngoài việc truyền đạt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, đồng chí tranh thủ đi thăm nhiều đảng

bộ cơ sở, thăm các đồng chí lão thành cách mạng, các gia đình có công với nước, gặp gỡ, động viên từng cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện... Đặc biệt, đồng chí nhiều lần đến thăm lại những nơi hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám, gặp lại những gia đình, những bà con, đồng đội đã từng nuôi dưỡng, giúp đỡ, bảo vệ và công tác với mình. Đến nhiều nghĩa trang liệt sĩ, bàn thờ các đồng chí lão thành cách mạng thắp nén hương tưởng niệm những người đã mất, kể lại chuyện xưa mà lòng xúc động nghẹn ngào.

Mỗi lần về thăm quê là mỗi lần tranh thủ gặp gỡ, làm việc với Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, lực lượng vũ trang và các đảng bộ cơ sở,... đồng chí luôn tìm hiểu và cho ý kiến về phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo việc giải quyết đời sống cho nhân dân, quan tâm đến vùng khó khăn, căn cứ cách mạng. Đặc biệt, đồng chí luôn động viên, nhắc nhở cán bộ phải quan tâm đến hai vấn đề quan trọng là: Tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng để xây dựng Đảng bộ vững mạnh toàn diện; nội bộ Đảng bộ phải thật sự đoàn kết, nhất trí làm hạt nhân trong khối đại đoàn kết toàn dân, phải thật sự phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân, để động viên được sức mạnh to lớn của họ phấn đấu vượt qua khó khăn phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nếu không làm được điều đó là có lỗi với đồng bào, với những người đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Trong thư gửi nhân dân và Đảng bộ huyện nhà nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập huyện (1984 -2004), đồng chí viết: "Mỗi lần về thăm quê hương, tôi vô cùng

phấn khởi vì Đảng bộ và nhân dân Núi Thành trong mấy chục năm qua đã phát huy được truyền thống cách mạng ra sức phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân... Đảng bộ đoàn kết nhất trí, bộ máy chính quyền, Mặt trận các đoàn thể từ huyện đến xã được củng cố với nhiều cán bộ trẻ có tư duy mới, năng động, sáng tạo trong công việc... Tôi tin chắc rằng không bao lâu nữa, nơi đây sẽ trở thành khu công nghiệp hiện đại, một vùng du lịch hấp dẫn và một thành phố biển đàng hoàng to đẹp, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá nước ta. Tôi xin chúc Đảng bộ và nhân dân Núi Thành đạt được nhiều thành tựu mới, to lớn hơn về mọi mặt trong thế kỷ XXI".

Để tỏ lòng tri ân và tưởng nhớ đồng chí Võ Chí Công, Đảng bộ và nhân dân huyện Núi Thành cùng với tỉnh đã xây dựng Khu tưởng niệm đồng chí ngay trên mảnh đất nơi sinh ra và nuôi đồng chí trưởng thành, để cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ đến thăm, thắp nén tâm nhang, học tập và làm theo tấm gương của đồng chí.

Thực hiện lời dặn của đồng chí, từ ngày thành lập huyện (1984) đến nay, Đảng bộ và nhân dân Núi Thành, nỗ lực vượt bậc, cùng nhau chung sức đồng lòng xây dựng huyện nhà ngày càng giàu đẹp. Kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, tổng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế năm 2010 tăng gần 3 lần so với năm 2005, bình quân hằng năm tăng 21,08%. Nhất là những năm gần đây, khi huyện trở thành trọng điểm của Khu kinh tế mở Chu Lai, công nghiệp, dịch vụ phát triển khá nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỉ trọng công nghiệp, dịch

vụ trong tổng giá trị sản xuất liên tục tăng, từ 56,21% năm 2005 lên 78,51% năm 2011. Thu ngân sách trên địa bàn chiếm hơn 1/3 của tỉnh. Kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư, trên 180km đường giao thông được xây dựng. Mạng lưới điện được xây dựng đều khắp với 99,7% hộ gia đình và các cơ sở sản xuất được đáp ứng nhu cầu về điện. Tất cả các trường học, trạm y tế, cơ quan làm việc đều được xây dựng kiên cố. Văn hoá - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội bảo đảm.

Học tập tấm gương đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, cả cuộc đời vì nước, vì dân của đồng chí Võ Chí Công, trong thời gian tới, Núi Thành tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng, tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ; xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân; giữ vững an ninh quốc phòng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; phát huy nội lực kết hợp với tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế theo cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Tập trung giải quyết tốt các vấn đề văn hoá, xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống... Bảo đảm phát triển nhanh và bền vững. Cùng với tỉnh xây dựng thành công Khu kinh tế mở Chu Lai. Xây dựng huyện cơ bản thành huyện công nghiệp vào năm 2015, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

VỚI ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC

NGUYỄN VĂN NGŨ *

Theo tiểu sử, đồng chí Võ Chí Công có quê tại xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tuy nhiên quê trước đó của đồng chí là ở huyện Đại Lộc.

- Cội nguồn:

Đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn) thuộc dòng tộc Võ Quang, nay thuộc thôn Lam Phụng, xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Theo gia phả tộc Võ Quang, vị tổ của tộc này vốn là người Thanh Hóa. Ông sinh ngày Thìn, giờ Thìn, năm Bính Dần (1806) là con thứ hai trong gia đình. Làm quan dưới các triều vua Thiệu Trị và Tự Đức (chức vụ được ghi trong bài vị "Chán đội trưởng lãnh công Đô úy". Ông tạ thế vào ngày 26 tháng 3 năm Mậu Ngọ (1858) hưởng dương 53 tuổi, húy danh: Trạch.

Sinh thời, vị Tổ tộc Võ Quang có bốn người con trai: Võ Quang Đăng, Võ Quang Cai, Võ Quang Nhạc và Võ Quang Ngọc (đây chính là bốn vị tằng của tộc Võ Quang ở

---

* Tỉnh ủy viên Quảng Nam, Bí thư Huyện ủy Đại Lộc.

Quảng Nam). Trước khi qua đời, ông cho bốn con trai rời bản quán vào Quảng Nam lập nghiệp. Trong đó, người con đầu và người con thứ hai ngược lên miền núi Giằng (lúc bấy giờ thuộc tổng Phú Khê, huyện Đại Lộc) sinh sống. Thời gian sau đó, về định cư tại làng Đại Giang (thuộc thôn Lam Phụng).

Tộc Võ Quang có nhiều người nổi tiếng, trong đó có hai anh em con ông Võ Văn Trưng, một viên cai tổng - người có thế lực lớn ở chín xã vùng sông Con. Ông Võ Thạch (hiệu là Thừa Tô) là bạn tâm giao của chí sĩ Trần Cao Vân trong thời gian hoạt động cách mạng tại chùa Cổ Lâm, đồng thời là người có công trong việc vận động nhân dân xây dựng căn cứ Động Hà Sống chống Pháp. Người em gái của Võ Thạch là Võ Thị Quyên (bà Ba Bàng) - vợ của chí sĩ Trần Cao Vân, một tấm gương phụ nữ Việt Nam mẫu mực và đã đóng góp một phần quan trọng trong sự nghiệp cứu nước của chồng.

Cuối thế kỷ XIX, một sự kiện lớn xảy ra đối với tộc họ Võ Quang: Ông Võ Quang Đăng vì tham gia phong trào Nghĩa hội Quảng Nam nên bị thực dân Pháp và Nam triều sát hại vào ngày 26 tháng 3 năm Ất Dậu (1885). Người em trai, ông Võ Quang Cai cũng bị chúng giết ở Cấm Thị, Hà Tân. Để tránh bị khủng bố, con cháu cụ Võ Quang Đăng phải rời Đại Lộc vào lánh nạn ở Tam Kỳ. Đây chính là phái Nhất của dòng họ Võ Quang. Đồng chí Võ Chí Công thuộc phái này.

Trong suốt thời gian dài, hai phái Võ Quang ở Đại Lộc và Núi Thành mất liên lạc mãi cho đến những năm 80 của

thế kỷ XX. Năm 1994, đồng chí Võ Chí Công (lúc này là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng) mới có dịp về thăm và đoàn tụ với gia tộc Võ Quang ở Đại Lộc, khi đồng chí đã bước sang tuổi 81.

- Sống mãi trong lòng quê hương:

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng dài lâu, sôi nổi và phong phú của mình, đồng chí Võ Chí Công để lại những ấn tượng sâu sắc khó quên trong lòng đồng bào, đồng chí Đại Lộc.

Nhớ lại, cách đây hơn 70 năm, sau Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5-1941), phong trào cứu quốc theo Chương trình của Mặt trận Việt Minh được phát động rộng rãi ở Đại Lộc. Để tăng cường thanh thế của cách mạng, nhân dịp lễ Kỳ Yên ngày 15 tháng Giêng năm Nhâm Ngọ (1942), chi bộ Hồng Phúc (tổng Mỹ Hòa) chủ trương biến ngày lễ tế thần ở tổng này thành buổi nói chuyện của đồng chí Võ Toàn về tình hình thế giới, tình hình trong nước và những nhiệm vụ đặt ra cho cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Buổi nói chuyện được chi bộ bí mật tổ chức vào ban đêm, tại bãi bắp Thượng Đoan (Hóa Yên) thu hút đông đảo đảng viên và quần chúng cảm tình cách mạng tham dự. Tại buổi mít tinh, đồng chí Võ Toàn đã kêu gọi đảng viên và quần chúng Đại Lộc hăng hái nổi dậy đánh Pháp, đuổi Nhật giành độc lập, tự do cho dân tộc. Uy tín của đồng chí Võ Toàn và tiếng vang của cuộc mít tinh đã có tác động lớn, ảnh hưởng lan tỏa khắp huyện, thúc đẩy phong trào cách mạng địa phương phát triển. Quần chúng càng tăng thêm lòng căm

thù đế quốc, phong kiến, tin tưởng vào lời hiệu triệu của Mặt trận Việt Minh và nhận thức rõ hơn về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc do Đảng ta lãnh đạo.

Hai mươi sáu năm sau, nhân dân Đại Lộc lại có dịp đón đồng chí Võ Chí Công trong hoàn cảnh lịch sử rất đặc biệt: Để trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), đồng chí Võ Chí Công lúc này là Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy 5 quyết định chuyển từ căn cứ Khu ủy về nơi làm việc của cơ quan tiền phương của Ban Thường vụ Đặc khu ủy Quảng Đà, đóng tại khu căn cứ lõm ở vùng B Điện Bàn (gần thành phố Đà Nẵng). Đêm 30 Tết năm ấy, du kích và nhân dân Đại Lộc đã phối hợp với tổ cảnh vệ của Đặc khu ủy bảo vệ an toàn chuyến đi này, từ ranh xã Lộc Sơn (Đại Thạnh ngày nay) đến bến đò Quảng Đại (Đại Cường). Từ đây, đồng chí Võ Chí Công được đưa qua sông Thu Bồn sang Xuyên Phú, vượt đường Kiểm Lâm - An Hòa, qua cầu Kỳ Lam về địa điểm đã định trước giờ nổ súng chiến dịch.

Tháng 1-1983, đồng chí Võ Chí Công lúc này là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách khối nông - lâm - thủy sản về thăm quê hương Đại Lộc. Lúc này, "khoán 100" (khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng) đã tạo ra luồng sinh khí mới trong sản xuất nông nghiệp, kích thích khả năng đầu tư thâm canh của xã viên. Đặc biệt, phong trào xây dựng cánh đồng cao sản đạt được những kết quả hết sức ngoạn mục: Năng suất lúa bình quân cả huyện đạt 12,6 tấn/ ha. Riêng Hợp tác xã nông

nghiệp Đại Phước giữ mức kỷ lục về đỉnh cao năng suất lúa cả huyện, cả tỉnh và cả nước: 21,6 tấn/ha(*). Khi đến thăm các hợp tác xã Đại Phước và Đại Đồng II, đồng chí Võ Chí Công biểu dương những thành tích và căn dặn các hợp tác xã không được chủ quan, thỏa mãn mà phải không ngừng vươn lên, nhất là phải thực hiện thật tốt "khoán 100" để động viên bà con xã viên hăng hái lao động và nâng cao hiệu quả kinh tế trong hợp tác xã nông nghiệp. Đồng chí còn chỉ đạo toàn huyện phát động phong trào thi đua học tập, đuổi kịp và vượt Hợp tác xã Đại Phước.

Những năm sau này, khi giữ các cương vị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Võ Chí Công đều luôn quan tâm theo dõi tình hình phát triển kinh tế - xã hội của quê hương Đại Lộc. Trong những chuyến về thăm huyện, đồng chí luôn nhắc nhở Đảng bộ huyện phải không ngừng chăm lo xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể thật sự trong sạch vững mạnh và coi trọng vấn đề trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Đồng chí cũng lưu ý các cấp, các ngành phải có tinh thần chủ động, sáng tạo, không được thụ động ngồi chờ, ỷ lại vào cấp trên; phải nắm vững quan điểm thực tiễn, chú ý phát triển những tư duy mới, ý tưởng mới để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Cán bộ, đảng viên huyện Đại Lộc không

---

* Với thành tích này, Hợp tác xã Đại Phước vinh dự được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng tặng chiếc máy cày hiệu MTZ 50 và được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

quên lời căn dặn rất đỗi chân tình và đầy tinh thần trách nhiệm của nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước: Người chiến sĩ cộng sản phải luôn luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phải có tinh thần "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"; phải luôn luôn đặt lợi ích cách mạng lên trên hết, trước hết như lời Bác Hồ đã dạy; phải gắn chặt với nhân dân, dựa vào dân và thực hiện cho được phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Có như vậy mới được nhân dân tin yêu, kính trọng.

Vô cùng tự hào về người con ưu tú của quê hương, năm 1995, Đảng bộ và nhân dân huyện Đại Lộc trân trọng ghi tên đồng chí Võ Chí Công vào Bia Danh nhân, đặt tại Đền tưởng niệm các bậc tiền bối hữu công và các anh hùng liệt sĩ (thôn Trường An, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc). Khi nhà lưu niệm đồng chí Võ Chí Công (tại xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành) được hoàn thành, huyện Đại Lộc đã trân trọng kính tặng hai câu đối tôn vinh sự nghiệp cách mạng lẫy lừng của một chiến sĩ cộng sản tài trí, kiên cường, một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước ta:

Từ Quảng Nam dấn bước tiền phong, tù ngục chẳng sờn lòng, võ trang diệt giặc giành đất rộng trời xanh, đưa Tổ quốc đến ngày toàn thắng.

Ra Hà Nội chung vai trọng trách, gian nan càng vững lái, tâm huyết dốc lòng lo dân giàu nước mạnh, cầm chính quyền giữ phép nước chí công.

ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI VIỆC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

PGS.TS. PHẠM NGỌC ANH*

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, trên những cương vị công tác được giao, dù ở địa phương hay Trung ương, đồng chí Võ Chí Công đều có những cống hiến quan trọng, thiết thực đối với sự ra đời, xây dựng và phát triển hệ thống chính quyền dân chủ ở Việt Nam.

Đồng chí Võ Chí Công tên thật là Võ Toàn, sinh ngày 7-8-1912, tại làng Tam Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam trong một gia đình nhà nho yêu nước.

Do sinh trưởng trong một gia đình nhà nho nên ngay từ nhỏ, đồng chí đã được giáo dục về tinh thần dân tộc và lòng yêu nước, chịu ảnh hưởng của nhiều chí sĩ yêu nước đất Quảng lúc bấy giờ như Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... và các phong trào

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

đấu tranh chống thuế, đòi dân sinh, dân chủ của quần chúng nhân dân vùng nam Trung Kỳ.

Từ năm 1930 đến năm 1934, đồng chí tham gia hoạt động trong các phong trào thanh niên do những người cộng sản tổ chức. Năm 1935, đồng chí gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương và năm 1936, đồng chí được cử làm Bí thư chi bộ ghép một số xã thuộc huyện Tam Kỳ.

Bấy giờ, do tác động của Chính phủ Mặt trận Bình dân (Pháp), nhiều đảng viên cộng sản được hoạt động công khai. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ Mặt trận Bình dân bị lật đổ, chính quyền thực dân Pháp đàn áp mạnh mẽ các phong trào dân chủ ở thuộc địa. Nhiều đảng viên cộng sản bị bắt và cơ sở tan vỡ. Bản thân đồng chí cũng bị truy lùng, phải giả làm người bán thuốc lá dạo vừa để lẩn trốn, vừa giữ gìn và xây dựng lại cơ sở. Đầu năm 1939, đồng chí được cử làm Bí thư Huyện ủy Tam Kỳ.

Tháng 8-1939, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam lúc bấy giờ là Nguyễn Đức Thiệu bị bắt cùng với nhiều cán bộ Tỉnh ủy làm cho Tỉnh ủy Quảng Nam gần như ngưng hoạt động. Tháng 3-1940, một Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam được thành lập và đồng chí được bầu làm Bí thư. Tháng 10-1940, ông Hồ Tỵ thay đồng chí giữ chức Bí thư.

Tháng 10-1941, đồng chí được cử vào Xứ ủy Trung Kỳ vừa được tái lập, được phân công phụ trách các tỉnh từ Đà Nẵng đến Phú Yên. Đầu năm 1942, chính quyền thực dân Pháp khủng bố phong trào cách mạng các tỉnh miền Trung, nhiều cán bộ Xứ uỷ Trung Kỳ và các tỉnh bị bắt,

một số tạm chuyển vùng hoạt động để bắt liên lạc với cấp trên. Bản thân đồng chí phải lánh vào các tỉnh cực nam Trung Bộ, sau đó tiếp tục lên Đà Lạt xây dựng cơ sở.

Tháng 6-1942, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam là Trương Hoàn bị bắt và bị chính quyền thực dân kết án 20 năm tù giam, đày lên Buôn Ma Thuột. Đồng chí được điều về giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam lần thứ hai. Tháng 8-1942, Liên Tỉnh Thành ủy Quảng Nam - Hội An - Đà Nẵng được thành lập và sau Hội nghị ngày 16-1-1943 thì ba đảng bộ hợp nhất thành Đảng bộ Quảng Nam. Đồng chí được bầu làm Bí thư của Đảng bộ Quảng Nam mới.

Tháng 10-1943, đồng chí và một số cán bộ tỉnh ủy là Nguyễn Sắc Kim và Lê Bá bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam. Đồng chí bị kết án tù chung thân, sau đó được giảm xuống 25 năm tù, giam ở nhà lao Hội An rồi bị chuyển đi đày ở Buôn Ma Thuột. Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương. Để mị dân, lôi kéo người Việt Nam ủng hộ sự cai trị của Nhật, quân đội Nhật đã cho thả nhiều tù chính trị, trong đó có cả Võ Toàn. Sau khi được trả tự do, đồng chí về Quảng Nam, được phân công vào Ban Cứu quốc của Tỉnh bộ Việt Minh Quảng Nam, làm Trưởng ban khởi nghĩa, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Do nỗ lực của đồng chí và các đồng chí khác, cũng như sự chủ động nhanh nhạy, kịp thời khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam khi thời cơ đã chín muồi, khởi đầu từ Hội An, diễn ra ngày 17-8-1945 và nhanh chóng giành

được thắng lợi, đưa Quảng Nam trở thành một trong bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất cả nước.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí được cử làm Trưởng ty Tư pháp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Khi Pháp tái chiếm Đông Dương, đồng chí được cử làm Chính trị viên Trung đoàn 93. Đầu năm 1946, đồng chí làm Phó ban Tổ chức cán bộ và Thanh tra Quân khu 5.

Năm 1951, đồng chí làm Bí thư Ban Cán sự Đông Bắc Miên, Khu ủy viên Liên khu 5. Tháng 3-1952, đồng chí được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ ba. Đồng chí giữ chức vụ này đến hết năm 1953. Đầu năm 1954, đồng chí dẫn một đoàn cán bộ lãnh đạo Liên khu 5 ra miền Bắc học tập kinh nghiệm về cải cách ruộng đất, sau đó được phân công làm Đoàn ủy viên cải cách ruộng đất ở Việt Bắc. Đồng chí là một trong những người đã phát hiện và báo cáo với Trung ương về những sai lầm gây mất đoàn kết ở nông thôn, đồng thời chủ trương không thực hiện cải cách ruộng đất mà chỉ thực hiện giảm tô, hiến ruộng đất nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, tập trung tất cả lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết năm 1954, đồng chí được phân công trở lại Khu 5, hoạt động bí mật thay vì tập kết ra Bắc, giữ chức Phó Bí thư Khu ủy. Năm 1957, đồng chí ra Bắc và là một trong những người ủng hộ chủ trương chuyển hướng đấu tranh và tham gia giúp Đảng xây dựng Nghị quyết 15. Tháng 9-1960, tại Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy Khu 5.

Ngày 23-1-1961, Trung ương Cục miền Nam đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng thành lập. Với bí danh Võ Chí Công, đồng chí được phân công làm Phó Bí thư Trung ương Cục. Năm 1962, sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, đồng chí được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng, đại diện của Đảng tại Mặt trận. Năm 1964, đồng chí được bổ nhiệm làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Bí thư Khu ủy Khu 5, Chính ủy Quân khu 5. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30-4-1975, được cử làm Phó Ban Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam.

Sau khi đất nước thống nhất, đồng chí trúng cử đại biểu Quốc hội khoá VI, được cử giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản.

Từ tháng 12-1976, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị, giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Trưởng ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam.

Từ tháng 4-1981, đồng chí trúng cử đại biểu Quốc hội khoá VII, được cử làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982), đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành bầu vào Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, được phân công làm Thường trực Ban Bí thư.

Từ tháng 6-1986, đồng chí được phân công giữ chức

Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986), đồng chí, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.

Trong mọi cương vị công tác, dù là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Hải sản, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp; Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ; rồi Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Võ Chí Công luôn xứng đáng là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước, suốt đời cống hiến vì sự nghiệp cách mạng, đã có công lao to lớn đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điều này được đánh dấu bởi những sự kiện lịch sử phản ánh quá trình hoạt động cách mạng của đồng chí.

*

* *

Tháng 8-1945, đồng chí là cán bộ chủ chốt của Ban Bạo động khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, vạch kế hoạch huy động quần chúng cướp chính quyền ở các phủ, huyện trước, sau đó mới tập trung lực lượng giành chính quyền ở tỉnh lỵ thị xã Hội An. Khi đến Hội An, tình hình thực tế ở đây đã có đủ điều kiện chín muồi: chính quyền tay sai đã dao động, lực lượng quần chúng đã chuẩn bị sẵn sàng và lực lượng trung gian đã ngả về phía cách mạng... đồng chí đã báo cáo xin ý kiến tập thể, lãnh đạo và quyết định thay đổi ngay kế hoạch,

phối hợp với tổ chức bạo động địa phương huy động quần chúng bao vây, tiến công vào các cơ quan đầu não ngụy quyền tỉnh và giành chính quyền nhanh chóng về tay nhân dân. Đó là sự chỉ đạo năng động, sáng tạo, biết dựa vào quần chúng và thực tế tình hình để hành động cách mạng một cách đúng đắn, giành thắng lợi quyết định.

Cuối năm 1957, đồng chí Võ Chí Công được ra miền Bắc dự họp Bộ Chính trị và Trung ương bàn về cách mạng miền Nam. Từ thực tế ở chiến trường Khu 5, đồng chí đã nhất trí cao với *Đề cương Cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn, đồng thời, đồng chí cùng các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam khởi thảo và tích cực tham gia xây dựng Nghị quyết 15 của Trung ương, mở ra một bước ngoặt lịch sử cho cách mạng ở miền Nam phát triển.

Đặc biệt, vào những tháng ngày cuối cùng quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sau chiến thắng vang dội của quân và dân ta đánh chiếm Buôn Ma Thuột (ngày 10-3-1975), đồng chí Võ Chí Công khi ấy với cương vị là Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 5 đã nghiên cứu chiến trường và sớm có nhận định địch sẽ rút khỏi Tây Nguyên, cộng với tình hình thắng lợi của ta ở Mặt trận Quảng Trị - Huế, tàn quân địch khắp nơi chạy về co cụm tại căn cứ quân sự khổng lồ ở Đà Nẵng để củng cố lực lượng. Trước tình hình đó, đồng chí đã chỉ đạo tiến công giải phóng Đà Nẵng và giành được thắng lợi toàn toàn.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (ngày 30-4-1975), đất nước thống nhất, đồng chí được Đảng giao trọng trách giữ chức Phó Thủ tướng phụ trách mặt trận

nông, lâm, nghiệp - thủy sản. Đây là một nhiệm vụ khó khăn đối với một đồng chí lãnh đạo chiến tranh ra lãnh đạo phát triển kinh tế.

Trong cuộc bầu cử ngày 19-4-1987 và cuộc bầu thêm ở 11 đơn vị bầu cử ngày 3-5-1987, cử tri cả nước đã lựa chọn được 496 đại biểu Quốc hội khóa VIII. Tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội, đồng chí Võ Chí công được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội khóa VIII (1987-1992) hoạt động trong bối cảnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đã và đang giành được những thành tựu quan trọng. Thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) đề ra và được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991) tổng kết và khẳng định tiếp tục, đất nước ta đã có nhiều thay đổi, phát triển trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nền kinh tế có những tiến bộ rõ rệt về sản xuất lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Từ chỗ thiếu ăn triền miên, phải nhập khẩu gạo, chúng ta đã vươn lên đáp ứng được nhu cầu lương thực trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần cải thiện đời sống nhân dân và cải thiện cán cân xuất - nhập khẩu. Hàng tiêu dùng tương đối dồi dào, đa dạng và lưu thông thuận lợi. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh. Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã bước đầu hình thành. Nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn, tốc độ lạm phát được kiềm chế. Quyền dân chủ của nhân dân ngày càng được phát huy. Quốc

phòng và an ninh quốc gia được bảo đảm. Quan hệ quốc tế được mở rộng, tạo ra môi trường thuận lợi để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, đất nước ta vẫn đứng trước những khó khăn rất lớn, chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhiều vấn đề xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết, tình trạng vi phạm dân chủ vẫn còn nhiều...

Trong bối cảnh nói trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội khóa VIII đã từng bước đổi mới trên các lĩnh vực hoạt động và đồng chí Võ Chí Công đã có những đóng góp tích cực vào tiến trình đổi mới chung của đất nước, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhất là trên các lĩnh vực lập pháp, tư pháp.

Về công tác lập pháp: Quốc hội đã thông qua *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*. Đây là đạo luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất của Nhà nước ta, nhằm thể chế hóa đường lối đổi mới do Đại hội lần thứ VII của Đảng đề ra trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới.

Quốc hội còn thông qua 31 luật, bộ luật: Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật hàng hải, Luật tổ chức Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật đất đai, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em,... và 60 nghị quyết.

Trong nhiệm kỳ này, Hội đồng Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Võ Chí Công đã xem xét, thông qua 43 pháp lệnh như: Pháp lệnh về lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam, Pháp lệnh về lực lượng An ninh nhân dân Việt Nam, Pháp lệnh về kế toán và thống kê, Pháp lệnh về lao động công ích, Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính, Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo của công dân, v.v..

Về công tác giám sát: Quốc hội đã thực hiện quyền giám sát tối cao đối với việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và tình hình triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội được cải tiến một bước. Hội đồng Dân tộc và các ủy ban thường trực của Quốc hội đã tăng cường hoạt động giám sát để xây dựng các bản thuyết trình tại các kỳ họp Quốc hội và đề xuất kiến nghị trình Hội đồng Nhà nước.

Về công tác quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước: Quốc hội đã xem xét, quyết định hai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1986 - 1990 và 1991 - 1995; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm từ năm 1988 đến năm 1992; phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước từ năm 1986 đến năm 1990 và thông qua các nghị quyết về một số vấn đề quan trọng khác.

Như vậy, sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đường lối đổi mới toàn diện của nước ta từng bước triển khai trên các lĩnh vực. Năm 1987, đồng chí Võ Chí Công được

Đảng và Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí đã lãnh đạo Hội đồng Nhà nước và Quốc hội thực thi đường lối đổi mới trong hoạt động và sinh hoạt của Quốc hội, chủ yếu là cải tiến lề lối làm việc, thực hiện thật sự dân chủ trong sinh hoạt của Quốc hội nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của đại biểu của dân trong Quốc hội. Hoạt động của Quốc hội từ đây đã bỏ tính chất hình thức, trở thành cơ quan lập pháp cao nhất, từng bước xây dựng một Nhà nước pháp quyền có hiệu lực của dân, do dân, vì dân. Đồng thời với việc lãnh đạo Hội đồng Nhà nước và Quốc hội xây dựng hàng loạt các luật và pháp lệnh mới để quản lý kinh tế - xã hội, đồng chí Võ Chí Công được Đảng và Quốc hội cử làm Chủ tịch Ủy ban Sửa đổi Hiến pháp năm 1980 của nước ta cho phù hợp với đường lối đổi mới. Trong quá trình nghiên cứu, soạn thảo nội dung sửa đổi Hiến pháp, trong một số cán bộ, chuyên gia có những quan điểm và xu hướng đòi sửa toàn bộ Hiến pháp, xây dựng Hiến pháp theo kiểu tư bản và quan trọng nhất là đòi xóa bỏ Điều 4 công nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Hiến pháp cũ. Đồng chí Võ Chí Công là người trụ cột cùng với Ủy ban của Quốc hội kiên quyết đấu tranh bảo vệ những nguyên tắc và nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 1980, giữ vững nội dung Điều 4 về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đất nước, chỉ sửa đổi những điểm không còn phù hợp với đường lối đổi mới, cản trở sự phát triển đất nước. Hiến pháp sửa đổi năm 1992 là luật cơ bản cho Quốc hội nước ta xây dựng hệ thống luật pháp ngày càng đồng bộ trong thời kỳ đổi mới tiếp theo.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (tháng 6-1991), do tuổi cao, đồng chí tự nguyện thôi không tham gia Ban Chấp hành Trung ương để các đồng chí trẻ thay thế, đó cũng là tấm gương sáng cho các thế hệ cán bộ noi theo.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, đồng chí Võ Chí Công luôn thấm nhuần và vận dụng sáng tạo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là "Dĩ bất biến, ứng vạn biến"; luôn rèn luyện mình và phấn đấu thực hiện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Người. Đồng chí đã thực hành phong cách lãnh đạo sát thực tế, sát cơ sở, sát dân, dựa vào dân, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của dân; luôn quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc để hành động. Đó thật sự là một phong cách lãnh đạo, quản lý dân chủ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã đặt những viên gạch đầu tiên xây dựng.

Đồng chí Võ Chí Công xứng đáng là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo triết lý hành động: "Việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm; việc gì có hại đến dân thì phải hết sức tránh". Trong công việc, đồng chí Võ Chí Công là người ít nói dài dòng, rất trân trọng thực tế và chất lượng. Tại nhiều cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí thường phát biểu ngắn gọn bày tỏ quan điểm hoặc ý kiến của mình trên từng vấn đề đặt ra và có nội dung tốt, nhằm bảo đảm trên thực tế quyền làm chủ và làm chủ Nhà nước của nhân dân.

VÕ CHÍ CÔNG - NGƯỜI CỘNG SẢN MẪU MỰC SUỐT ĐỜI TẬN TRUNG VỚI NƯỚC, TẬN HIẾU VỚI DÂN

TS. ĐẶNG VĂN THÁI*

Đồng chí Võ Chí Công, tên khai sinh là Võ Toàn, sinh ngày 7-8-1912, tại xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, trong một gia đình trí thức yêu nước và cách mạng.

Được thừa hưởng dòng máu yêu nước, cách mạng của gia đình, lại được nuôi dưỡng trên mảnh đất quê hương có bề dày truyền thống văn hiến, kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm, tuổi thơ của đồng chí Võ Chí Công được rèn đúc trong các phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp sục sôi ở Trung Kỳ lúc đó, và đã sớm trở thành một thanh niên yêu nước, giàu nhiệt huyết cách mạng. Năm 1930, đồng chí tham gia phong trào thanh niên ở quê hương; năm 1935, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và chỉ ít lâu sau

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

đồng chí trở thành người lãnh đạo chủ chốt của tổ chức đảng ở phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trong những năm 30 của thế kỷ XX, đồng chí tham gia xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng tại quê hương Tam Kỳ, Quảng Nam và các tỉnh miền Trung. Nhờ đó, hàng loạt cơ sở cách mạng và các tổ chức, đoàn thể yêu nước đã ra đời, tập hợp được đông đảo lực lượng nhân dân tham gia, tạo nên phong trào cách mạng sôi nổi trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936 - 1939) trên địa bàn các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi và nhiều tỉnh khác ở miền Trung.

Năm 1940, đồng chí tham gia khôi phục Tỉnh ủy Quảng Nam và được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời. Năm 1941, đồng chí được phân công phụ trách các tỉnh từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến Phú Yên. Năm 1942, đồng chí được phân công vào gây dựng cơ sở tại các tỉnh cực nam Trung Bộ. Với tinh thần không quản hy sinh, gian khổ, đồng chí thường xuyên bám dân, bám địa bàn, gây dựng, phát triển cơ sở cách mạng tại địa bàn thường xuyên bị địch khủng bố, đánh phá ác liệt này.

Tháng 10-1943, đồng chí bị mật thám Pháp bắt và bị đưa đi đày tại Buôn Ma Thuột với mức án 25 năm cấm cố. Sự hung dữ, tàn bạo, những đòn tra tấn man rợ của kẻ thù đã không khuất phục được đồng chí. Sống trong cảnh tù đày nghiệt ngã của nhà tù đế quốc, đồng chí Võ Chí Công vẫn tỏ rõ tinh thần kiên cường, giữ vững niềm tin vào thắng lợi của cách mạng. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, tháng 3-1945, đồng chí ra tù về Quảng Nam làm Trưởng

ban Khởi nghĩa tỉnh Quảng Nam. Sự tham gia của đồng chí Võ Chí Công và các cựu tù chính trị đã góp phần không nhỏ vào việc củng cố và tăng cường cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Quảng Nam trong những ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, trên các cương vị: Trưởng ty Tư pháp, Chính ủy Trung đoàn 93 của tỉnh Quảng Nam; Phó Ban Tổ chức cán bộ và làm Thanh tra Khu 5 (1946); Bí thư Trung đoàn 95, bộ đội chủ lực Khu 5 (tháng 7-1947), đồng chí Võ Chí Công đã hoạt đông không ngừng nghỉ, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, luôn bám sát cơ sở, tham gia xây dựng, tăng cường lực lượng kháng chiến, tổ chức lại lực lượng vũ trang, đào tạo cán bộ quân sự, xây dựng Đảng trong quân đội trên chiến trường cực nam Trung Bộ.

Năm 1950, được chỉ định làm Bí thư kiêm chính ủy Ban Cán sự khu Đông - Bắc Miên, đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế của Đảng, góp phần xây dựng liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương. Tháng 8-1951, đồng chí được bầu vào Khu uỷ Khu 5, sau đó được cử làm Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Nam - Đà Nẵng (1952). Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Võ Chí Công, Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng cùng với nhân dân các tỉnh duyên hải miền Trung đã kiên cường chiến đấu, chia lửa với chiến trường chính Điện Biên Phủ, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau kháng chiến chống Pháp, nhân dân miền Nam bước vào cuộc chiến đấu mới đầy khó khăn, thử thách.

Đồng chí Võ Chí Công được Đảng và nhân dân tin cậy giao cho nhiều trọng trách: Phó Bí thư Khu uỷ Khu 5 (1955), Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 5 - bao gồm nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trên cương vị công tác mới ở một địa bàn kẻ thù tiến hành khủng bố hết sức khốc liệt, đồng chí Võ Chí Công đã không quản hy sinh, gian khổ, bám trụ kiên cường, tổ chức chỉ đạo quân và dân Khu 5 chiến đấu không lùi bước. Thực tiễn chiến trường Khu 5 trong những ngày đen tối của cách mạng miền Nam đã được đồng chí Võ Chí Công kịp thời báo cáo với Trung ương Đảng. Trên cơ sở ý kiến của đồng chí, cùng với bản *Đề cương Cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn, Ban Chấp hành Trung ương đã xây dựng nên Nghị quyết 15 lịch sử, tạo ra phong trào "Đồng khởi", mở đầu thời kỳ đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù ở miền Nam.

Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960), đồng chí Võ Chí Công được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Sau Đại hội, đồng chí lần lượt được Đảng cử lãnh đạo nhiều lĩnh vực và địa bàn nóng bỏng trên chiến trường miền Nam: Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, phụ trách công tác dân vận, mặt trận, kinh tế, tài chính và phụ trách vấn đề phá ấp chiến lược, chống bình định của địch (1961); Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (tháng 2-1962); Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, kiêm Bí thư Khu uỷ 5, Chính uỷ Quân Khu 5 (1964). Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ khu 5, trực tiếp là đồng chí Võ Chí Công - Bí thư Khu ủy,

địa bàn Khu 5 luôn đi đầu trong phong trào thi đua diệt Mỹ, góp phần tạo thế đứng quan trọng của ta trên chiến trường miền Nam. Thắng lợi vang dội tại Núi Thành, Quảng Nam là trận đầu quân ta thắng Mỹ trên chiến trường miền Nam góp phần tạo ra chuyển biến mới về nhận thức và hành động của quân và dân cả nước: quân Mỹ có thể bị đánh bại là khả năng hiện thực. Chủ trương đánh Mỹ và quyết tâm thắng Mỹ được hiện thực hóa trên chiến trường, tạo niềm tin sắt đá trong toàn quân và dân ta: Đánh và thắng Mỹ !

Mùa Xuân năm 1975, với đòn đánh hiểm vào Buôn Ma Thuột thắng lợi, giải phóng toàn bộ vùng đất chiến lược Tây Nguyên, liền sau đó ngụy quân tiếp tục tháo chạy ở mặt trận Trị Thiên - Huế, Đà Nẵng trở thành nơi co cụm rất đông binh lính ngụy. Nắm bắt thời cơ mới xuất hiện, đồng chí Võ Chí Công đã đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị chớp thời cơ, lãnh đạo quân và dân Khu 5 phát huy lợi thế tại chỗ, kết hợp với các đơn vị chủ lực, nhanh chóng xóa sổ Quân đoàn I và Vùng I chiến thuật của địch, đánh tan mười vạn tàn quân địch, giải phóng thành phố Đà Nẵng sớm hơn dự định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải phóng Sài Gòn - Gia Định vào ngày 30-4-1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Luôn có mặt ở những địa bàn trọng yếu, ác liệt nhất trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, bám sát thực tiễn, quyết đoán, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm, đường lối

chiến tranh nhân dân, đồng chí Võ Chí Công đã cùng tập thể Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Khu 5 trực tiếp chỉ đạo việc đoàn kết, tập hợp, động viên mọi lực lượng trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, lãnh đạo quân và dân miền Nam vượt qua muôn vàn hy sinh, gian khổ, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Năm 1975, sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đồng chí Võ Chí Công được phân công làm Phó Ban đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam, phụ trách Khu 5. Năm 1976, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khoá VI, được cử giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ, kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản.

Tháng 12-1976, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị. Năm 1978, đồng chí làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Trưởng Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam. Đây là công việc mới mẻ, phức tạp và nặng nề, nhưng với tác phong làm việc luôn đi sâu đi sát cơ sở, đồng chí đã xuống nhiều địa phương như Vĩnh Phúc, Hà Nam Ninh... để tìm hiểu thực tiễn khó khăn, những vấn đề về cơ chế "trói buộc" nông dân, từ đó có những kiến nghị cụ thể với Trung ương, từng bước tháo gỡ, tạo đà cho việc hình thành tư tưởng "khoán" trong nông nghiệp, mở đầu cho thời kỳ đổi mới "diệu kỳ" của đất nước.

Tháng 4-1981, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khoá VII và được cử giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tháng 3-1982, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, phân công làm Thường trực Ban Bí thư. Tháng 6-1986, đồng chí được phân công giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tháng 12-1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị và được cử tham gia Đảng uỷ Quân sự Trung ương.

Với những cống hiến quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá VIII, tháng 4-1987, đồng chí Võ Chí Công được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Đồng chí là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (tháng 6-1991) và khoá VIII (tháng 6-1996). Đồng chí là đại biểu Quốc hội các khoá VI, VII, VIII.

Với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, trên mọi cương vị công tác, đồng chí luôn trăn trở về con đường đi lên của cách mạng; sớm thể hiện sự tìm tòi đổi mới tư duy về kinh tế, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp; trân trọng, ủng hộ những sáng kiến của cán bộ, nhân dân và các địa phương; cùng tập thể Trung ương lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá thế bị bao vây, cấm vận; giữ vững ổn định

chính trị - xã hội; tăng cường quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Võ Chí Công đã có sự chỉ đạo và hoạt động tích cực, hiệu quả trên lĩnh vực lập hiến và lập pháp, nhằm bổ sung, hoàn thiện hệ thống Hiến pháp và luật pháp, tạo điều kiện thuận lợi về khung pháp lý và môi trường sản xuất cho công cuộc đổi mới của nhân dân ta thắng lợi.

Trên cương vị Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hoàn thành việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980 thành Hiến pháp mới - Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên hội nhập và phát triển.

Đồng chí Võ Chí Công mất ngày 8-9-2011 (tức ngày 11 tháng 8 năm Tân Mão) tại Bệnh viện Thống Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh để lại niềm tiếc thương vô hạn cho Đảng, Nhà nước, đồng chí, đồng bào và bạn bè trên thế giới.

Là một nhà lãnh đạo trưởng thành từ cơ sở, cuộc đời của đồng chí Võ Chí Công luôn gắn liền với quá trình cách mạng và những sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng của Đảng và nhân dân ta.

Trải qua nhiều cương vị công tác khác nhau, đồng chí Võ Chí Công luôn luôn nêu cao tinh thần cách mạng cao quý, gian nan không lùi bước, nguy hiểm không sờn lòng, sẵn sàng hy sinh tất cả vì nước, vì dân, giữ vững niềm tin

ở thắng lợi cuối cùng. Đồng chí đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Trên mọi cương vị công tác, đồng chí Võ Chí Công luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, sự nghiêm túc mẫu mực, luôn chăm lo giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng, đem hết trí tuệ và sức lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng và nhân dân giao phó. "Dựa vào dân, lấy dân làm gốc" là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí. Kính trọng nhân dân, thương yêu nhân dân, tin tưởng nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, phấn đấu không mệt mỏi cho khối đại đoàn kết dân tộc, lo lắng làm sao để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân là suy nghĩ thường trực của đồng chí Võ Chí Công.

Trung thành tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, một lòng một dạ phục vụ sự nghiệp độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân, đồng chí luôn là tấm gương mẫu mực về tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, khiêm tốn, trung thực trong đối nhân xử thế, nói đi đôi với làm. Suốt đời phấn đấu, làm hết sức mình để giữ gìn, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Cả cuộc đời, dù ở trên cương vị nào, đồng chí cũng luôn tâm niệm: "Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những hậu quả khôn lường đối với vận mệnh của đất nước", và đồng chí đã làm đúng như vậy. Từ khi là đảng viên bình thường đến khi trở thành người đứng đầu bộ

máy nhà nước, đồng chí luôn luôn gần gũi, quý trọng nhân dân; sống giản dị, khiêm tốn, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết; được đồng chí, đồng bào quý mến, tin cậy; được bạn bè quốc tế trân trọng.

Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Chí Công là một tấm gương cao đẹp của một người cộng sản chân chính, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân.

CUỘC KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 Ở HỘI AN VÀ SỰ CHỈ ĐẠO SÁNG SUỐT CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG

BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY HỘI AN

Đồng chí Võ Chí Công là nhà lãnh đạo tài ba của Đảng ta, người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí gắn liền với những mốc son lịch sử của xứ Quảng, trong đó có cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Hội An. Trong quá trình chỉ đạo, đồng chí đã có những quyết định đúng đắn, sáng suốt đưa cuộc khởi nghĩa nhanh chóng giành thắng lợi.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), ở nước ta, phong trào chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ kháng Nhật, chuẩn bị khởi nghĩa ngày càng phát triển vững mạnh, tạo tiền đề vững chắc để tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ. Phong trào cách mạng ở Quảng Nam, Hội An cũng dâng lên sôi sục.

Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*.

Lúc bấy giờ ở Hội An, không khí chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền hết sức khẩn trương. Dù bị thực dân Pháp và phát xít Nhật tăng cường khủng bố những người yêu nước và phong trào cách mạng, nhưng nhân dân Hội An vẫn một lòng hướng về Đảng, về cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Trung Kỳ, mà trực tiếp là Tỉnh ủy Quảng Nam, cơ sở đảng của Hội An ngày càng được củng cố và phát triển, sát cánh cùng nhân dân toàn tỉnh chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Thành ủy Hội An nhanh chóng tổ chức tuyên truyền, huấn luyện các đội tự vệ vũ trang.

Trong lúc cả nước đã sẵn sàng vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8-1945, tình hình thế giới và trong nước diễn biến hết sức mau lẹ, tạo ra thời cơ ngàn năm có một cho cách mạng Việt Nam giành thắng lợi: ngày 14-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện; chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim hầu như bị tê liệt hoàn toàn.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Quảng Nam khẩn trương triệu tập Hội nghị tại Khương Mỹ, Tam Kỳ quyết định nhiệm vụ lịch sử: khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh và nhanh chóng thành lập Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh, các phủ, các huyện. Đồng chí Nguyễn Phe (Ưng) được chỉ định làm Trưởng ban khởi nghĩa Hội An.

Ngày 17-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa Hội An họp tại nhà ông Huỳnh Đủ, ấp Ngọc Thành, làng Kim Bồng (nay thuộc phường Cẩm Phô) để bàn công việc khởi nghĩa. Giữa lúc cuộc họp đang diễn ra thì đồng chí Võ Chí Công cùng đồng

chí Phan Thị Nễ theo phân công của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh đến kiểm tra tình hình chuẩn bị khởi nghĩa của Hội An để chỉ đạo phong trào. Sau khi nắm bắt tình hình chuẩn bị khởi nghĩa của cơ sở nội tuyến của ta ở đồn Bảo An, đồng chí Võ Chí Công và Ủy ban khởi nghĩa Hội An nhận định:

- Nhật đã đầu hàng Đồng minh, ở Quảng Nam chúng tập trung chủ yếu tại Đà Nẵng và Hoà Vang. Ngày 17-8, quân Nhật đã rút ra khỏi Hội An, chính quyền bù nhìn mất chỗ dựa, hoang mang cao độ. Binh lính đồn Bảo An đa số có cảm tình với cách mạng, số cơ sở ở đồn sẵn sàng làm nội ứng.

- Nhân dân Hội An chủ yếu là các tầng lớp lao động, có truyền thống yêu nước và cách mạng lâu đời; lực lượng tự vệ tuy chưa nhiều nhưng đã qua huấn luyện, có tinh thần tổ chức kỷ luật và chiến đấu cao. Ở Hội An lúc này, bọn phản động cầm đầu các tổ chức "phản đế", Cao Đài đang hoạt động mạnh, chúng đang chuẩn bị lực lượng hòng nhảy ra giành chính quyền trước ta. Nếu chậm trễ thì tình thế rất khó khăn, cuộc khởi nghĩa sẽ khó thành công.

Xét thấy điều kiện vô cùng thuận lợi, đồng chí Võ Chí Công thống nhất với đề xuất của Ban Bạo động khởi nghĩa Hội An là xin tỉnh cho phép khởi nghĩa giành chính quyền ngay trong đêm 17-8-1945. Đồng thời, phân công đi huy động lực lượng, chỉ đạo cơ sở nắm lại tình hình binh lính ở đồn Bảo An và phân công một số đồng chí thảo thư gửi Tôn Thất Giáng. 18 giờ ngày 17-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa cử đồng chí Trần Đình Tri đưa tối hậu thư cho Tôn Thất Giáng

yêu cầu bàn giao chính quyền cho Mặt trận Việt Minh. Khởi nghĩa ở Hội An thắng lợi sẽ hỗ trợ cho các phủ, huyện trong tỉnh giành chính quyền. Đây là một quyết định táo bạo và sáng suốt của đồng chí Võ Chí Công cùng với Ủy ban khởi nghĩa Hội An. Vì vậy, Hội An khởi nghĩa sớm hơn so với kế hoạch của tỉnh chỉ đạo.

Trong lúc chờ đợi sự chỉ đạo của tỉnh, đồng chí Võ Chí Công cùng với Ủy ban khởi nghĩa của Hội An khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện để sẵn sàng khởi nghĩa giành chính quyền, như huy động lực lượng tham gia khởi nghĩa, lực lượng may cờ, dán biểu ngữ... được làm gấp trong đêm 17-8-1945 và ra lệnh sẵn sàng khởi nghĩa, thiết quân luật ở ấp Ngọc Thành, bố trí các đơn vị tự vệ canh gác nghiêm ngặt địa điểm tập kết quân khởi nghĩa.

Trong đêm 17-8-1945, đồng chí Nguyễn Phe từ căn cứ của tỉnh về truyền đạt mệnh lệnh của tỉnh đồng ý cho Hội An khởi nghĩa giành chính quyền. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An chính thức bắt đầu và nhanh chóng giành thắng lợi. Đến 5 giờ sáng ngày 18-8-1945, tỉnh trưởng Tôn Thất Giáng tuyên bố đầu hàng và giao nộp ấn tín, tài liệu, sổ sách cho cách mạng. Kể từ đây, cơ quan đầu não của chính quyền tay sai ở Hội An hoàn toàn sụp đổ.

Sáu giờ sáng ngày 18-8, cờ đỏ sao vàng được kéo lên tung bay trước dinh tỉnh trưởng, nhân dân Hội An được chứng kiến giờ phút thiêng liêng của ngày hội cách mạng, ngày chính quyền phát xít, thực dân, phong kiến bị sụp đổ, nhân dân thoát khỏi xiềng xích nô lệ đứng lên giành độc lập, tự do. Chính quyền công nông đầu tiên ở Hội An được

thành lập. Đồng chí Võ Chí Công thay mặt Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, dõng dạc tuyên bố lật đổ chính quyền bù nhìn, thành lập chính quyền cách mạng và đồng chí Nguyễn Phe (Ưng) đọc 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh, đồng thời kêu gọi các tầng lớp nhân dân ra sức tham gia bảo vệ chính quyền vừa mới giành được. Một cuộc mít tinh mừng thắng lợi đã được tổ chức tại đây và biến thành một cuộc biểu dương lực lượng của quân cách mạng. Hàng vạn đồng bào vui mừng hò reo khắp phố phường mừng thắng lợi chưa từng có trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Hội An, Quảng Nam.

Tám giờ sáng ngày 18-8-1945, các công sở của địch được ta chiếm xong. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi quân ta chiếm xong kho bạc, đồng chí Võ Chí Công liền chỉ huy một đoàn quân được trang bị đầy đủ vũ khí, chở vũ khí và tiền vừa thu được, cấp tốc lên Điện Bàn, Duy Xuyên...để hỗ trợ cho các huyện nổi dậy giành chính quyền.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ Hội An đã góp phần to lớn vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của tỉnh Quảng Nam. Hội An trở thành một trong những tỉnh lỵ của cả nước sớm khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Đã 67 năm trôi qua, nhưng những bài học của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An vẫn vẹn nguyên giá trị và những đóng góp của đồng chí Võ Chí Công là vô cùng to lớn.

Thắng lợi này trước hết là do đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy Quảng Nam, mà đặc biệt là của Thành ủy Hội An và đồng chí Võ Chí Công, người đã sát cánh, theo dõi chỉ đạo khởi nghĩa ở Hội An, kịp thời đề ra chủ trương, kế hoạch khởi nghĩa đúng đắn, biểu thị sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân thị xã trong giờ phút quyết định của lịch sử dân tộc. Là một con người thông minh, quyết đoán, gan dạ, đồng chí Võ Chí Công biết chớp lấy thời cơ, vận dụng sáng tạo những chủ trương, đường lối của Tỉnh ủy trong việc tuyên truyền về chính sách của Đảng và Mặt trận Việt Minh, khơi dậy tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước chân chính trong mỗi người dân Hội An.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám ở Hội An đã để lại nhiều bài học cách mạng về sự kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang, bài học về nghệ thuật tạo thời cơ, chọn thời điểm để phát động quần chúng đấu tranh giành chính quyền, bài học về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bài học về xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi có ý nghĩa phổ biến, trở thành một trong những điển hình trong quá trình đấu tranh giành chính quyền ở Quảng Nam.

ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG, MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

PHÒNG LỊCH SỬ ĐẢNG,
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG NAM

- Năm 1912:

Đồng chí Võ Chí Công, sinh ngày 7-8-1912, tại làng Khương Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay thuộc xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Khi sinh ra, đồng chí có tên là Võ Toàn. Võ Chí Công là tên của đồng chí được dùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bạn bè, đồng chí gọi đồng chí bằng cái tên trìu mến, thân thương: Năm Công.

- Năm 1926:

Đồng chí theo cha ra trường Tiểu học Pháp - Việt, Tam Kỳ (nay thuộc phường Phước Hòa, thành phố Tam Kỳ) để nghe Đốc học Trần Cảnh báo cáo lại nội dung lễ tang cụ Phan Chu Trinh được tổ chức ở Sài Gòn.

- Năm 1930:

Bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng ở địa phương.

- Năm 1932:

Sau khi người cha bị địch bắt giam, đồng chí vào tỉnh Khánh Hòa và tự động công tác trong phong trào công nhân xe lửa; sau đó đồng chí trở về quê, bắt nối liên lạc với các đảng viên ở phủ Tam Kỳ.

- Năm 1935:

Tháng 5-1935, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Năm 1936 - 1937:

Năm 1936, đồng chí được cử làm Bí thư Chi bộ ghép Khương Mỹ, Danh Sơn, Mỹ Sơn. Đồng chí Võ Chí Công làm Tổng uỷ viên tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ.

- Năm 1938:

Đồng chí Võ Chí Công được Phủ ủy Tam Kỳ cử đi dự lớp huấn luyện tại An Cựu (Thừa Thiên - Huế) do Xứ ủy Trung Kỳ tổ chức, do các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu trực tiếp truyền đạt. Giữa năm 1938, đồng chí Võ Chí Công được cử mang đơn đòi giảm thuế và nhiều yêu sách dân sinh dân chủ khác của nhân dân Tam Kỳ ra Huế nộp cho Viện dân biểu Trung Kỳ.

- Năm 1939:

Tháng 9-1939, đồng chí tham gia Hội nghị Phủ ủy Tam Kỳ mở rộng tại trảng cát Bàu Mù (nay thuộc xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành), được bổ sung vào Phủ ủy.

Cuối năm 1939, phong trào cách mạng ở Quảng Nam bị địch đánh phá, thiệt hại nặng nề, đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí còn lại trong Phủ uỷ Tam Kỳ tích cực xây dựng lại cơ sở.

- Năm 1940:

+ Tháng 1, đồng chí Võ Chí Công tham dự Hội nghị củng cố lại Phủ ủy Tam Kỳ và được cử làm Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ. Hội nghị này cũng cử ra Ban liên lạc tỉnh và đồng chí Võ Chí Công được cử làm Trưởng ban, đồng thời phụ trách vùng Điện Bàn, Hội An và liên lạc với nhà lao Hội An.

+ Tháng 2, đồng chí cùng với đồng chí Nguyễn Sắc Kim thành lập Ban Vận động phụ nữ phản đế phủ Tam Kỳ.

+ Tháng 3, đồng chí Võ Chí Công được cử làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời.

+ Tháng 10, tại Hội nghị Chùa Hang, đồng chí được bầu lại vào Tỉnh ủy; Bí thư Tỉnh ủy là đồng chí Hồ Tỵ (Hồ Trí Tân).

- Năm 1941:

Tháng 6-1941, phong trào cách mạng ở Tam Kỳ bị vỡ. Đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim bị địch truy nã ráo riết và được các cơ sở che giấu. Hai đồng chí vừa tham gia củng cố phong trào ở Tam Kỳ vừa tìm cách liên lạc với các cơ sở các cánh bắc của tỉnh.

- Năm 1942:

+ Tháng 2, Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Hội An tổ chức hội nghị liên tịch, quyết định thành lập Ban Chấp hành Liên thành, Tỉnh ủy Quảng Nam - Hội An - Đà Nẵng, đồng chí Võ Chí Công được cử làm Bí thư.

+ Giữa năm 1942, địch khủng bố ác liệt, các đồng chí Võ Chí Công, Nguyễn Sắc Kim thoát được vòng vây bắt của địch tạm lánh vào các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận để hoạt động gây cơ sở.

+ Sau ba tháng tình hình dần ổn định, các đồng chí trở về Quảng Nam liên lạc với Thành ủy Hội An bàn việc khôi phục phong trào toàn tỉnh, thành lập Liên Tỉnh ủy - Thành uỷ Quảng Nam, Hội An và Đà Nẵng gồm 5 uỷ viên; đồng chí Võ Chí Công được cử làm Bí thư.

- Năm 1943:

+ Ngày 16-1, Hội nghị Liên Tỉnh uỷ lâm thời cử Tỉnh uỷ mới gồm 7 đồng chí; đồng chí Võ Chí Công làm Bí thư.

- Tháng 10, tại nhà cơ sở ở gần ga An Tân (nay thuộc xã Tam Nghĩa, thị trấn Núi Thành), đồng chí bị địch bắt và bị kết án tù chung thân, sau giảm xuống 25 năm và đày lên Nhà lao Buôn Ma Thuột.

- Năm 1944:

Lúc đang ở Nhà lao Buôn Ma Thuột, đồng chí Võ Chí Công giới thiệu các cơ sở mà đồng chí đã xây dựng ở Quảng Nam trước khi bị bắt cho các đồng chí mãn hạn tù trước, nhờ đó các đồng chí này đã móc nối, xây dựng phong trào, lập lại Tỉnh ủy Quảng Nam.

- Năm 1945:

+ Tháng 3, sau khi Nhật đảo chính Pháp, đồng chí Võ Chí Công ra tù, về lại Quảng Nam móc nối, góp phần xây dựng phong trào chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

+ Tháng 5, đồng chí chủ trì Hội nghị thành lập Ban Vận động khởi nghĩa huyện Quế Sơn.

+ Tháng 6, đồng chí Võ Chí Công chủ trì Hội nghị thành lập lại Phủ ủy Duy Xuyên.

+ Tháng 6, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng họp tại Thọ Khương, Tam Kỳ. Hội nghị nhất trí bổ sung đồng chí

Võ Chí Công và đồng chí Nguyễn Xuân Nhĩ vào Ban Chấp hành Việt Minh Vụ Quang (mật danh Việt Minh tỉnh Quảng Nam).

+ Ngày 17-8, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Phan Thị Nễ xuống Hội An kiểm tra tình hình chuẩn bị khởi nghĩa của thị xã và qua kiểm tra, đồng chí thống nhất với đề xuất của Ủy ban Bạo động khởi nghĩa thị xã đề nghị Ủy ban Bạo động khởi nghĩa tỉnh cho phép Hội An khởi nghĩa trước các phủ, huyện so với kế hoạch ban đầu của tỉnh.

Ngay sau khi khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An thắng lợi, đồng chí dẫn đầu đoàn xe tự vệ của tỉnh chuyển hồ sơ, vũ khí về cất giấu ở Duy Xuyên sau đó đi hỗ trợ các địa phương phía nam giành chính quyền.

- Ngày 2-9, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Nam được thành lập. Đồng chí Võ Chí Công là uỷ viên, được phân công làm Ủy trưởng Tư pháp; sau đó làm Chính trị viên Chi đội 1 giải phóng quân tỉnh Quảng Nam rồi làm Chính uỷ Trung đoàn 96.

- Những năm 1947- 1950:

Sang năm 1947, đồng chí phụ trách Ban Cán bộ Quân khu 5; từ năm 1948 đến năm 1949, đồng chí tham gia công tác trong Ủy ban quân sự tỉnh Bình Định; năm 1950, làm Bí thư Ban Cán sự Đông Bắc Miên.

- Năm 1952:

Tháng 3, đồng chí Võ Chí Công lúc này Liên khu ủy viên, được Liên khu ủy 5 phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Năm 1953:

Đồng chí được triệu tập đi dự Hội nghị toàn quốc bàn về phát động quần chúng giảm tô và thực hiện cải cách ruộng đất ở Việt Bắc. Tại đây, đồng chí được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Bác hỏi là người tỉnh nào và sau khi biết đồng chí là người Quảng Nam, Bác Hồ nói: "Quảng Nam là đất cách mạng kiên cường". Sau lần này, đồng chí Võ Chí Công còn có vinh dự nhiều lần được gặp Bác Hồ.

- Năm 1955:

Tháng 5, đồng chí cùng một bộ phận cơ quan Liên khu ủy từ vùng tự do tỉnh Bình Định ra vùng nam Thừa Thiên, tây Quảng Nam xây dựng cơ quan Liên khu 5 (lúc này các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên thuộc Liên khu 5). Từ năm 1956 đến năm 1958, đồng chí là Phó Bí thư Liên khu ủy 5.

- Năm 1958:

Cơ quan Liên khu ủy 5 chuyển từ Thừa Thiên vào huyện Hiên, Quảng Nam (sau đó chuyển vào huyện Giằng). Đồng chí Võ Chí Công được Trung ương chỉ định làm Bí thư Liên khu ủy thay cho đồng chí Trần Lương (Trần Nam Trung).

- Năm 1960:

Cơ quan Liên Khu ủy 5 chuyển từ huyện Giằng vào huyện Trà My, sau đó cơ quan Khu ủy chuyển nhiều địa điểm khác nhau nhưng hầu hết đều nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Năm 1964:

+ Tháng 4, đồng chí Võ Chí Công được điều động về

làm Bí thư Khu ủy 5 kiêm Chính ủy Quân khu 5. Từ đây, đồng chí gắn bó với chiến trường Quảng Nam cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

+ Tháng 12, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ VI, diễn ra tại Đồng Linh, huyện Thăng Bình, đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy, thay mặt Thường vụ Khu ủy về dự và chỉ đạo Đại hội.

- Năm 1965:

Tháng 10, đồng chí đã đến huyện Nam Tam Kỳ nghiên cứu cách đánh Mỹ trên vành đai diệt Mỹ Chu Lai của quân và dân nam Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và bắc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Năm 1968:

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, đồng chí Võ Chí Công trực tiếp xuống địa bàn tỉnh Quảng Nam để chỉ đạo, đặc biệt xuống bộ phận tiền phương của Khu uỷ 5 đứng chân ở Duy Xuyên, Điện Bàn để chỉ đạo trọng điểm của Khu ở Đà Nẵng.

- Năm 1969:

Từ ngày 16 đến ngày 30-11, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ VIII, diễn ra tại xã Trà Cót (huyện Bắc Trà My), đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy, thay mặt Thường vụ Khu ủy về dự và chỉ đạo Đại hội.

- Năm 1972:

Đồng chí Võ Chí Công về xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, làm việc với Tỉnh ủy Quảng Nam để chuẩn bị chiến dịch xuân - hè năm 1972.

- Năm 1973:

Tháng 12, đồng chí Võ Chí Công chủ trì tổ chức Đại hội Đảng bộ Khu 5 lần thứ III tại căn cứ Khu ủy ở Phước Trà, nay thuộc huyện Hiệp Đức.

- Năm 1974:

+ Tháng 3, đồng chí Võ Chí Công đến làng Hồi, xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn dự Lễ khởi công khai thác gỗ quý để vận chuyển ra miền Bắc góp phần xây dựng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Tháng 12, đồng chí Võ Chí Công ra dự Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng bàn về giải phóng miền Nam. Cùng đi có đồng chí Trần Thận, Bí thư Đặc khu ủy Quảng Đà; đồng chí Hoàng Minh Thắng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam và hai đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Bí thư Tỉnh ủy Bình Định.

+ Sau Hội nghị, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân (Hai Mạnh) giao nhiệm vụ cho đồng chí Hoàng Minh Thắng và đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi là sau khi chủ lực quân khu cùng lực lượng địa phương giải phóng hai thị xã Tam Kỳ và thị xã Quảng Ngãi, hai tỉnh phải giữ đoạn đường quốc lộ 1A dài 120km trong một năm để quân ta có điều kiện chuẩn bị giải phóng Đà Nẵng và toàn Khu 5.

- Năm 1975:

+ Ngày 21-3, đồng chí triệu tập toàn bộ Ban Thường vụ Đặc khu ủy Quảng Đà lên cơ quan Khu ủy để chỉ đạo việc giải phóng Đà Nẵng.

+ Ngày 27-3, đồng chí Võ Chí Công chuyển từ căn cứ của Khu xuống cơ quan Đặc khu ủy Quảng Đà ở Hòn Tàu,

soát lại kế hoạch tấn công, giải phóng Đà Nẵng và ngay trong đêm đó xuống núi Hòn Tàu để kịp ra chỉ đạo tấn công Đà Nẵng.

+ Ngày 29-3, đồng chí Võ Chí Công điện cho Bộ Chính trị: "Đà Nẵng đã giải phóng rồi. Tôi và anh Hồ Nghinh đang ở trong Đà Nẵng". Chiều ngày 30-3, đồng chí Võ Chí Công tiếp tục vào Đà Nẵng để thành lập Ban Quân quản và bàn công tác tiếp quản thành phố.

+ Ngày 4-4, đồng chí Võ Chí Công cùng các cơ quan của Khu ủy chuyển từ căn cứ ở Phước Trà xuống Hội An, kết thúc 20 năm bám trụ và công tác ở rừng núi.

+ Giữa tháng 4, đồng chí vào tỉnh Quảng Nam kiểm tra tình hình và chỉ đạo công tác sau ngày giải phóng.

+ Ngày 15-5, tại sân vận động Chi Lăng, Đà Nẵng, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ Khu 5, kiêm Chính ủy Quân khu, đọc bài diễn văn tại buổi lễ trọng thể mừng ngày chiến thắng ở Khu 5.

+ Tháng 9, Khu ủy 5 được giải thể để thống nhất sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng đến các tỉnh ủy, thành ủy và lập cơ quan đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Trung Trung Bộ, do đồng chí Võ Chí Công phụ trách.

- Năm 1976:

+ Nhân dịp tết Bính Thìn, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, đại diện Trung ương và Chính phủ tại miền Trung

Trung Bộ đã đi thăm và chúc tết đồng bào, cán bộ, bộ đội tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Cũng trong thời gian này, đồng chí đi thăm một số đơn vị bộ đội, anh chị em thương binh, bệnh binh đang điều dưỡng tại bệnh viện quân y, thăm cán bộ, và bệnh nhân Bệnh viện C Đà Nẵng, và trồng cây lưu niệm.

+ Ngày 27-4, đồng chí Võ Chí Công là một trong 15 ứng cử viên được bầu làm đại biểu Quốc hội khoá VI đơn vị tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

+ Ngày 13-11, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Trung ương Đảng về dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (vòng I) và được Trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đi dự Đại hội IV của Đảng. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh, đồng chí đã phát biểu và phân tích một số điểm chủ yếu trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội.

- Năm 1978:

Tháng 6, đồng chí Võ Chí Công, trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra tình hình sản xuất nông nghiệp và tiến hành hợp tác hoá ở tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Năm 1979:

+ Tháng 7, đồng chí Võ Chí Công, trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng về kiểm tra tình hình hợp tác hoá nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

+ Ngày 8-12, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng gửi thư chúc mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XII.

- Năm 1980:

Ngày 23-2, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ kiểm tra công tác xây dựng kế hoạch từ cơ sở ở tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Năm 1981:

+ Tháng 1, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ về tham dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đợt 1 và được Trung ương Đảng giới thiệu về ứng cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng.

+ Ngày 11-2, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ thăm và chúc Tết nhân dân, cán bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

+ Ngày 26-4, đồng chí Võ Chí Công cùng 15 đại biểu được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VII đơn vị tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Năm 1983:

+ Tháng 1, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thăm tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Đồng chí đến chúc mừng Đại hội Đảng bộ huyện Đại Lộc lần thứ XII (đợt 2); thăm Hợp tác xã Đại Phước và Hợp tác xã Đại Đồng II.

+ Từ ngày 4 đến ngày 6-7, Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức Hội nghị mở rộng kiểm điểm tình hình 6 tháng đầu năm và đề ra phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 1983, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng dự và phát biểu.

+ Từ ngày 5 đến ngày 9-8, đồng chí Võ Chí Công, Ủy

viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng dự và chỉ đạo trực tiếp Hội nghị Tỉnh ủy và thông qua Chương trình hành động cấp bách bảo đảm thực hiện vượt mức các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII.

- Năm 1986:

Từ ngày 21 đến ngày 29-10, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIV, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã cùng đại diện lãnh đạo các ban xây dựng Đảng Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội.

- Năm 1987:

Ngày 19-4, đồng chí Võ Chí Công là một trong 13 người được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VIII đơn vị tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đó bầu bổ sung hai đại biểu).

- Năm 1988:

Từ ngày 30-12-1987 đến ngày 7-1-1988, đồng chí Võ Chí Công, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước về thăm tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và tiếp xúc đại diện cử tri đơn vị bầu cử số 5 Quốc hội khoá VIII của tỉnh. Cũng trong thời gian này, đồng chí Võ Chí Công đi thăm Hợp tác xã nông nghiệp Điện Nam (Điện Bàn), Hợp tác xã dệt Nhất Trí và Nhà máy nhựa Đà Nẵng.

- Năm 1989:

+ Ngày 27-5, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đã điện thăm hỏi Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng, bị cơn bão số 2 đổ bộ vào ngày 24-5-1989, gây thiệt hại về người và tài sản.

+ Cuối tháng 10 đầu tháng 11, đồng chí Võ Chí Công,

Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước về thăm và làm việc với Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng. Trong đợt này, đồng chí đã đi thăm, tiếp xúc cử tri các huyện Trà My, Tiên Phước, Núi Thành và Tam Kỳ, thăm cơ sở cách mạng Trà My, Hiệp Đức và một số địa phương khác.

- Năm 1990:

Ngày 4-1, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước gửi thư chúc mừng Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Năm 1991:

- Từ ngày 18 đến ngày 21-4, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước về dự và chỉ đạo Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XV (vòng I). Đồng chí được Ban Bí thư Trung ương Đảng giới thiệu về ứng cử làm đại biểu của Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

+ Ngày 20-4, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, tiếp xúc đại diện cử tri tại bốn huyện Tam Kỳ, Núi Thành, Trà My, Tiên Phước.

+ Tháng 6, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước về thăm Đảng bộ và nhân dân huyện Trà My.

- Năm 1992:

+ Từ ngày 29 đến ngày 31-1, đồng chí Võ Chí Công, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước về thăm và làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng. Cũng trong chuyến thăm này, đồng chí đến chúc tết Tỉnh ủy, Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và thăm một số đồng chí lão thành cách mạng ở thị xã Tam Kỳ và thành phố Đà Nẵng.

+ Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (7-8-1912 - 7-8-1992), Đoàn đại biểu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra Hà Nội chúc mừng đồng chí.

- Năm 1993:

Trong những ngày cuối tháng 10 đầu tháng 11, đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thăm và làm việc tại tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Năm 1994:

+ Ngày 29-3, đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự, chỉ đạo và phát biểu tại Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh giữa nhiệm kỳ khóa XV.

+ Ngày 7-4, đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thăm và làm việc tại huyện Hiên (nay là huyện Đông Giang và huyện Tây Giang).

- Năm 1995:

Ngày 29-3, đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cùng các Đại tướng: Võ Nguyên Giáp, Chu Huy Mân, Văn Tiến Dũng, đại diện các bộ, ngành Trung ương cùng hơn 1.000 cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh tham dự lễ mít tinh kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Năm 1996:

Ngày 24-4, đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gửi điện chúc mừng và chỉ đạo Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XVI.

- Năm 1997:

Ngày 24-3, đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thăm và làm việc tại tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Đồng chí đã trao quà lưu niệm và căn dặn lãnh đạo tỉnh chăm lo đào tạo nhân lực để xây dựng Quảng Nam - Đà Nẵng giàu mạnh.

- Năm 1999:

Tháng 4, đồng chí Võ Chí Công về thăm lại Khu di tích Nước Oa.

- Năm 2000:

Tháng 12, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVIII, thành công tốt đẹp, đồng chí Võ Chí Công, đồng chí Mai Thúc Lân, Phó Chủ tịch Quốc hội và Hội đồng hương Quảng Nam tại Hà Nội và các tỉnh đã gửi thư và điện chúc mừng Đại hội.

- Năm 2001:

Ngày 13-2, đồng chí Võ Chí Công về thăm tỉnh Quảng Nam. Nhân dịp này đồng chí đã về thăm lại những gia đình cách mạng tiêu biểu trong tỉnh.

- Năm 2002:

+ Nhân dịp đồng chí Võ Chí Công về thăm quê hương và đón tết Nhâm Ngọ (2002), ngày 18-2, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam đã tổ chức mừng thọ đồng chí

tròn 90 tuổi. Trước đó, trong hai ngày 16 và 17 tháng 2, đồng chí đến thắp hương, tưởng niệm những liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ xã Tam Thái, thị xã Tam Kỳ (nay thuộc huyện Phú Ninh) và xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành.

+ Ngày 2-7, đồng chí Võ Chí Công về thăm Đảng bộ và nhân dân huyện Trà My.

+ Ngày 7-8, Đoàn đại biểu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam do đồng chí Vũ Ngọc Hoàng, Bí thư Tỉnh ủy dẫn đầu vào thành phố Hồ Chí Minh đã tới chúc thọ đồng chí Võ Chí Công.

- Năm 2003:

Ngày 27-3, Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Quảng Nam làm lễ khởi công xây dựng Nhà lưu niệm đồng chí Võ Chí Công, tại thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Năm 2004:

+ Tháng 1, đồng chí Võ Chí Công gửi thư chúc mừng nhân dân và Đảng bộ huyện Núi Thành nhân kỷ niệm 20 năm thành lập huyện (1984-2004).

+ Ngày 29-4, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam tổ chức lễ khánh thành Nhà lưu niệm đồng chí Võ Chí Công.

- Năm 2005:

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam (24-3-1975 - 24-3-2005), đồng chí Võ Chí Công gửi điện hoa chúc mừng.

- Năm 2006:

+ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam chủ trương biên

soạn cuốn sách *Võ Chí Công, người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*.

+ Ngày 15-12, đồng chí Võ Chí Công gửi thư chức mừng Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Nam nhân dịp kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh.

- Năm 2007:

Ngày 7-8, nhân dịp ngày sinh đồng chí Võ Chí Công, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức Đoàn đại biểu vào thành phố Hồ Chí Minh chúc thọ đồng chí. Nhiều đơn vị trong tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động nhân dịp này.

- Năm 2008:

+ Ngày 23-3, đồng chí Võ Chí Công gửi điện chúc mừng Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Nam và thành phố Tam Kỳ, nhân dịp kỷ niệm 33 năm ngày giải phóng thị xã Tam Kỳ.

+ Tháng 8, Tỉnh ủy Quảng Nam xuất bản cuốn sách *Võ Chí Công, người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*.



Đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam - Đà Nẵng, năm 1940
(Ảnh trong Lệnh tầm nã của chính quyền thực dân Pháp
trong những năm 1940-1943)



Đồng chí Võ Chí Công (người đứng đầu bên trái) trong những ngày đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở chiến trường Liên khu 5, năm 1959



Đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí Trung ương Cục miền Nam
tại căn cứ B2, năm 1961
(Từ trái sang: Võ Chí Công, Nguyễn Văn Linh,
Trần Nam Trung, Phan Văn Đáng)



Đồng chí Võ Chí Công (người đầu tiên, bên trái) tại Hội nghị lần thứ nhất thành lập Trung ương Cục miền Nam, năm 1961



Đồng chí Võ Chí Công (người ngồi trên thuyền), Bí thư Khu ủy 5
đi kiểm tra chiến dịch Tết Mậu Thân, năm 1968
(Ảnh chụp tại bến Khe Cát, Tiên Phước, Quảng Nam)



Đồng chí Võ Chí Công đọc Lời điếu tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh
do Khu ủy 5 tổ chức, tháng 9-1969



Đồng chí Võ Chí Công ở chiến trường Khu 5



Đồng chí Võ Chí Công cùng các đại biểu chiến sĩ thi đua
miền Trung Trung Bộ tại Dốc Voi, Trà My (Quảng Nam), tháng 5-1972



Đoàn cán bộ Khu 5 do đồng chí Võ Chí Công và Chu Huy Mân
dẫn đầu ra họp với Trung ương sau Hiệp định Pari, tháng 9-1973



Đồng chí Võ Chí Công làm việc với Sư đoàn 3
và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định, năm 1973



Đồng chí Võ Chí Công tại Đại hội Đảng bộ Khu 5 lần thứ III, năm 1973



Đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy và các đồng chí Quân khu 5
chụp ảnh chung với các đồng chí Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam và Tỉnh đội
Quảng Nam, năm 1974



Chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Đà Nẵng,
ngày 29-3-1975



Đồng chí Võ Chí Công tiếp đồng chí Lê Duẩn thăm Đà Nẵng
sau ngày giải phóng, năm 1975



Đồng chí Võ Chí Công tiếp Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm Đà Nẵng
sau ngày giải phóng, năm 1975



Đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí lãnh đạo Khu ủy 5
tiếp Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng vào thăm Đà Nẵng
sau ngày giải phóng, năm 1975



Đồng chí Võ Chí Công tiếp Bộ Chính trị Trung ương Đảng
về thăm và làm việc tại Đà Nẵng sau ngày giải phóng, năm 1975



Đồng chí Võ Chí Công thăm Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh
tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
(Trong ảnh: Từ trái sang phải Đặng Hòa, Chính ủy Quân khu 4
Võ Chí Công, Giáp Văn Cương, Tư lệnh Quân khu 4 Hồ Nghinh, Phan Đấu...)



Đồng chí Võ Chí Công cùng Khu ủy 5 họp mặt phiên cuối cùng
để chuẩn bị giải thể tại số nhà 33, Trần Phú, Đà Nẵng, năm 1975



Đồng chí Võ Chí Công và một số đồng chí được bầu vào
Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, năm 1982



Đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Chí Công
về thăm huyện Đại Lộc, Quảng Nam, ngày 15-1-1983



Đồng chí Võ Chí Công cùng các đại biểu dự Đại hội
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II, năm 1983



Đồng chí Võ Chí Công thăm Nhà máy thủy điện Hòa Bình



Đồng chí Võ Chí Công cùng đồng chí Đỗ Mười, Nguyễn Thị Bình
và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng khóa VII



Đồng chí Võ Chí Công trao tặng Huân chương Sao vàng
cho tỉnh Gia Lai - Kon Tum, năm 1985



Đồng chí Võ Chí Công chủ trì phiên họp Hội đồng Nhà nước



Đồng chí Võ Chí Công thăm Hợp tác xã nông nghiệp ở Thái Bình
thực hiện khoán sản phẩm và thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị



Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công
gặp lại gia đình anh hùng Núp, tháng 6-1988



Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công
thăm huyện Phước Sơn (Quảng Nam), ngày 30-10-1989



Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công thăm hỏi gia đình
bà Đinh Thị Thu (có bốn người con đi bộ đội, một người là liệt sĩ), tháng 7-1990



Nhân dân tỉnh Lai Châu chào đón đồng chí Võ Chí Công,
Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đến thăm, tháng 9-1990



Đồng chí Võ Chí Công về cơ sở thăm hỏi tình hình sản xuất
của bà con nông dân, tháng 10-1990



Đồng chí Võ Chí Công thăm Xí nghiệp may mặc xuất khẩu huyện Núi Thành (Quảng Nam), tháng 10-1990



Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công
thăm Sư đoàn Phòng không 361, năm 1990



Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công
thăm cơ sở sản xuất gạch ngói, huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An)



Đồng chí Võ Chí Công thăm xã Tam Xuân,
huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam



Đồng chí Võ Chí Công thăm Liên Xô



Đồng chí Võ Chí Công gặp mặt các đại biểu dự họp
Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên, ngày 23-9-1991



Đồng chí Võ Chí Công đến thăm và nói chuyện với đồng bào dân tộc thiểu số xã Phước Trà, huyện Hiệp Đức, năm 1991



Đồng chí Võ Chí Công với các cháu thiếu nhi, ngày 1-6-1992



Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công thăm huyện Đông Sơn,
Thanh Hóa từ ngày 5 đến ngày 9-6-1992



Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công ký Sắc lệnh công bố Hiến pháp năm 1992, tháng 9-1992



Đồng chí Võ Chí Công phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (khóa XV), năm 1994



Đồng chí Võ Chí Công về thăm tỉnh Quảng Nam, năm 2001



Đồng chí Võ Chí Công về thăm huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam, năm 2001



Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tặng hoa chúc mừng sinh nhật
lần thứ 90 của đồng chí Võ Chí Công ngày 7-8-2002



Đoàn đại biểu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân,
Ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam
và thành phố Đà Nẵng chúc thọ đồng chí Võ Chí Công, ngày 7-8-2002



Nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết thăm và chúc Tết
đồng chí Võ Chí Công, ngày 9-2-2010



Đoàn đại biểu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
trao Huân chương Vì sự nghiệp đoàn kết dân tộc cho
đồng chí Võ Chí Công, ngày 19-12-2010



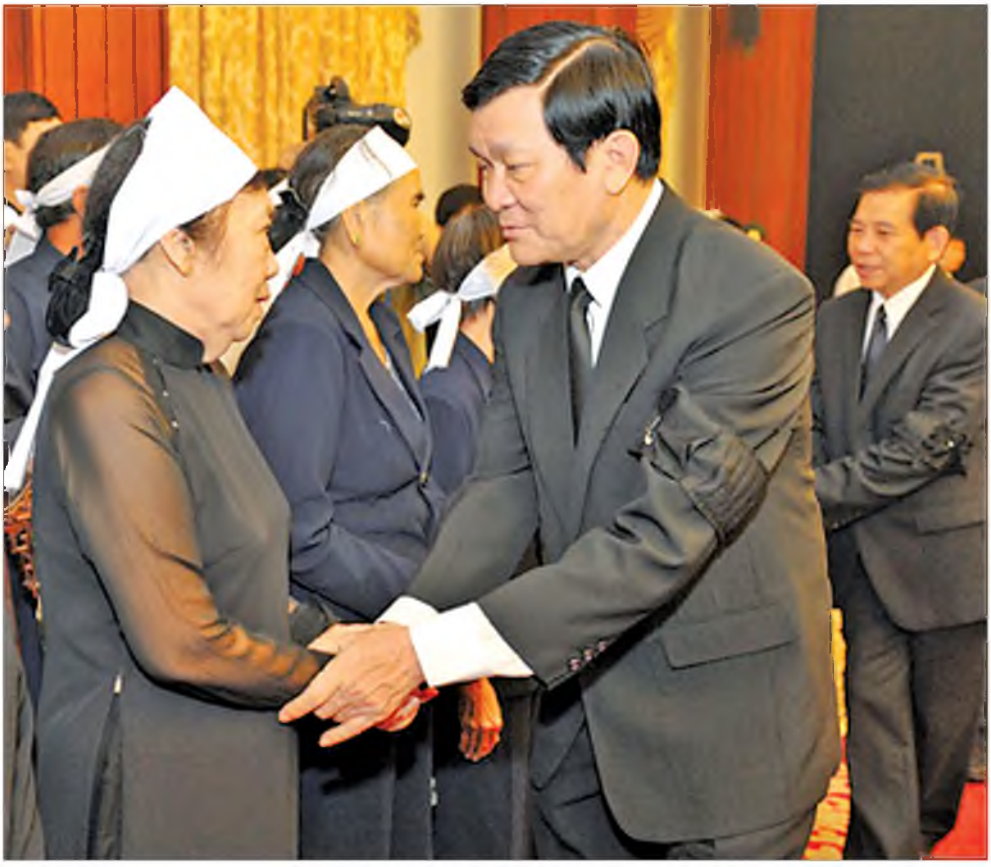
Đồng chí Võ Chí Công cùng vợ, con gái
và đồng chí Hoàng Minh Thắng tại nhà riêng Tết Canh Ngọ, năm 1990



Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
Nguyễn Phú Trọng đọc Lời điếu trong Lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công



Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước viếng đồng chí Võ Chí Công



Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trương Tấn Sang đến viếng và chia buồn cùng gia đình đồng chí Võ Chí Công



Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Nguyễn Sinh Hùng thắp hương trước linh cữu đồng chí Võ Chí Công



Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Nguyễn Tấn Dũng chia buồn cùng gia đình đồng chí Võ Chí Công



Lễ viếng đồng chí Võ Chí Công tại Hà Nội



Lễ tang Đồng chí Võ Chí Công tại Hội trường Thống Nhất
(Thành phố Hồ Chí Minh)



Lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công tại Hội trường Tỉnh ủy Quảng Nam, ngày 12-9-2011



Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Trung ương
Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam viếng đồng chí Võ Chí Công



Phó Thủ tướng nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ASang Laoly
thắp hương viếng đồng chí Võ Chí Công



Nhà Lưu niệm đồng chí Võ Chí Công tại thôn Khương Mỹ,
xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5

- Tóm tắt tiểu sử đồng chí Võ Chí Công, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam 9
- Thông cáo đặc biệt 13
- Lời điếu do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng Ban lễ tang đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công, ngày 12-9-2011 15
- Người chiến sĩ cách mạng tài trí, kiên cường

Đỗ Mười 21

- Một nhà lãnh đạo tài năng, đức độ

Nguyễn Minh Triết 27

- Võ Chí Công - người lãnh đạo đức độ, nhà hoạt động thực tiễn phong phú

Võ Văn Kiệt 36

- Sát cánh trên chiến trường Khu 5

Đại tướng Chu Huy Mân 45

- Tưởng nhớ bác Võ Chí Công

Nguyễn Thị Bình 56

- Cuộc đời và sự cống hiến đối với cách mạng Việt Nam
Đỗ Quang Thắng 60
- Con người có mặt đúng lúc lịch sử có nhu cầu
Hoàng Tùng 74
- Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta
Vũ Oanh 79
- Một nhà lãnh đạo bình dị, khiêm tốn, luôn ủng hộ cái mới
Nguyễn Khánh 89
- Những ấn tượng sâu sắc của tôi
Mai Thúc Lân 95
- Những đề xuất lớn mang tầm chiến lược
Hoàng Bích Sơn 103
- Võ Chí Công - hiện thân của một thế hệ vàng
Vũ Mão 108
- Đồng chí Võ Chí Công với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng
Nguyễn Đức Hải 116
- Anh Năm Công với công tác an ninh trên địa bàn Khu 5115
Thượng tướng, TS. Lê Thế Tiệm 135
- Người đồng chí thân thiết, người lãnh đạo gần gũi
Ung Ngọc Ky 143
- Một chiến sĩ cách mạng kiên trung bất khuất, vì nước, vì dân
Trần Văn Quế 147
- Từ những chuyện tưởng nhỏ
Vũ Trọng Hoàng 152
- Con người của hôm qua và của hôm nay
Hoàng Minh Thắng 158
- Anh Năm Công, người cán bộ có tinh thần chủ động, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm...từ thuở thiếu thời
Trần Thận 175

- Đôi nét về anh Võ Chí Công

Võ Văn Đặng 201

- Mấy kỷ niệm với anh Năm

Thượng tướng Nguyễn Chơn 205

- Đồng chí Võ Chí Công, nhà lãnh đạo kiên trung của Quân Khu 5

Thiếu tướng Trần Quang Phương 222

- Vai trò của đồng chí Võ Chí Công với đại thắng mùa Xuân 1975 kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Thiếu tướng Lê Chiêm 229

- Những cảm nhận về Võ Chí Công qua hồi ký của ông

TS. Ngô Văn Hùng 247

- Trọn đạo trung với nước, hiếu với dân

Trương Thị Dũng 258

- Một số kỷ niệm và cảm nhận về Anh

Phan Tấn Trình 265

- Sát tình hình, chỉ đạo nhạy bén, giỏi chớp thời cơ

Trung tướng Nguyễn Huy Chương 269

- Người Việt Nam của thế kỷ XX

Thiếu tướng YBLốk Êban 273

- Những kỷ niệm về anh

Huỳnh Văn Cần 277

- Một con người, một cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước tận tụy, năng động, sát thực tiễn

Nguyễn Văn Sỹ (Ksor Krơn) 281

- Người thực tiễn, sát quần chúng, giản dị, luôn đứng mũi chịu sào, chèo chống con thuyền kháng chiến Khu 5 đến bến vinh quang

Sô Lây Tăng 288

- Người luôn xây dựng mối đoàn kết giữa các dân tộc, đoàn kết Kinh - Thượng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh

A Ma Thương 293

- Đồng chí Võ Chí Công với cuộc nổi dậy đầu tiên ở miền Nam của nhân dân huyện Bắc Ái

Lê Văn Hiền 297

- Một cán bộ lãnh đạo chủ chốt vững vàng tin tưởng - một người anh gần gũi, thân thương ở Liên khu 5

Phạm Thanh Biền 306

- Những kỷ niệm sâu sắc với đồng chí Bí thư Khu ủy 5

Nguyễn Duy Luân 319

- Người học trò xuất sắc của Bác Hồ, anh Năm quý mến của chúng tôi

Nguyễn Trung Tín 329

- Tôi viết về anh

Bùi Hồng Thái 339

- Một cán bộ lãnh đạo sát dân, sát cơ sở

Phạm Văn Khánh (Năm Sinh) 350

- Những bài học quý từ một cuộc Hội nghị

Vũ Soạn 358

- Người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo kháng chiến sắc sảo, linh hoạt, nhà cải cách dũng cảm, sáng tạo

Đống Ngạc 363

- Một chính khách gắn bó máu thịt với nhân dân

Nguyễn Xuân Trang 380

- Tin tưởng kính trọng anh

Nguyễn Văn Hà 388

- Kỷ niệm khó quên

Thiếu tướng Huỳnh Đắc Hương 393

- Những kỷ niệm đẹp về anh Năm Công

Lê Minh Châu 396

- Nhân cách, đạo đức và ý chí cách mạng của anh Năm Công

Trần Phát 401

- Hoạt động của đồng chí Võ Chí Công trên cương vị Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam từ năm 1961 đến năm 1964

Nguyễn Văn Tấn 408

- Người trực tiếp dẫn dắt chúng tôi trưởng thành

Phan Đấu 421

- Nhân vật trung tâm của Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Nguyễn Văn Cao 429

- Anh Năm Công với việc bảo vệ an toàn căn cứ Khu ủy 5

Hà Lân (Ba Đen) 448

- Anh Võ Chí Công với phong trào cách mạng của Quảng Nam và Khu 5

Trương Công Huấn 458

- Cảm nhận về đồng chí Võ Chí Công trong mỗi hoàn cảnh lịch sử

Trung tướng Phan Hoan 462

- Cố Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công - nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta

Đinh Văn Niệm 467

- Đồng chí Võ Chí Công với chiến trường Đông Bắc Campuchia

Thiếu tướng Phùng Đình Ấm 478

- Bài học quý

Thiếu tướng Nguyễn Chí Trung 487

- Võ Chí Công, một đời nghe dân

Nguyên Ngọc 495

- Đôi nét về anh

Ngô Thành 499

- Dấu ấn người lãnh đạo

Lê Năng Đông 509

- Anh Võ Chí Công với việc khôi phục phong trào cách mạng ở Quảng Nam trong những năm gian khó

Trương Minh Tân 516

- Cần chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân

Lê Sáu 521

- Nhớ mãi một lần gặp anh

Hoàng Lanh 527

- Vài kỷ niệm nhỏ với anh Năm Công

Nguyễn Văn Lương 533

- Những kỷ niệm sâu sắc về đồng chí Võ Chí Công kính mến

Nguyễn Hữu Hồ (Nguyễn Xuân Khanh) 537

- Võ Chí Công - con người và sự nghiệp

Vũ Duy Đề 546

- Nhớ về người lãnh đạo với những dấu ấn đậm sâu

Võ Thế Ái 566

- Một vài kỷ niệm với anh

Lưu Trùng Dương 570

- Ấn tượng sâu sắc qua những bước ngoặt

Đặng Minh Phương 574

- Rừng Trường Sơn đêm ấy

Hồ Ngọc Sơn 580

- Người đi tìm no ấm cho dân

Thái Duy (Trần Đình Vân) 587

- Những kỷ niệm sâu sắc khi gặp anh Năm Công

Hồ Văn Điều 611

- Tình cảm và niềm tin son sắt của nhân dân Núi Thành

Lương Văn Hận 620

- Gặp ít nhưng hiểu nhiều về anh
Hồ Văn Reo 629
- Bà Phan Thị Nễ - người bạn đời của đồng chí Võ Chí Công
Phan Xuân Quang 631
- Anh Năm với nghệ sĩ Khu 5
Nhà văn Đoàn Minh Tuấn 642
- Mãi mãi kính trọng bác Võ Chí Công
Ngô Hữu Thảo 646
- Một số mẩu chuyện về Bác Năm Công
Phan Thanh Châu 652
- Đồng chí Võ Chí Công với Đảng bộ và nhân dân Núi Thành
Nguyễn Tiến 663
- Với Đảng bộ và nhân dân huyện Đại Lộc
Nguyễn Văn Ngũ 677
- Đồng chí Võ Chí Công với việc xây dựng, phát triển Nhà nước Việt Nam
PGS. TS. Phạm Ngọc Anh 683
- Võ Chí Công - Người cộng sản mẫu mực, suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân
TS. Đặng Văn Thái 695
- Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Hội An và sự chỉ đạo sáng suốt của đồng chí Võ Chí Công
Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An 705
- Đồng chí Võ Chí Công với Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng, một số sự kiện tiêu biểu
Phòng Lịch sử Đảng,
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam 711

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
12/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn

ĐỒNG CHÍ
VÕ CHÍ CÔNG

NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG, NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC

8935211119291